

DƯƠNG TẤT THẮNG - NGUYỄN VĂN THÂN
PHẠM THỊ YẾN - NGUYỄN QUANG DŨNG

Tìm hiểu



**CÁC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC**

**QUA CÁC SỐ LIỆU
TUYỂN SINH**

PHẦN GIỚI THIỆU CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC PHÍA BẮC

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

DƯƠNG TẤT THẮNG - NGUYỄN VĂN THÂN
PHẠM THỊ YẾN - NGUYỄN QUANG DŨNG

TÌM HIỂU
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
QUA CÁC SỐ LIỆU TUYỂN SINH

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh thân mến!

Hàng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cuốn sách "Những điều cần biết về tuyển sinh Đại học. Cao đẳng", ở đó các bạn có thể tìm thấy những thông tin cần thiết như mã số, mã ngành, địa điểm và thời gian thi... để phục vụ cho việc đăng ký dự thi vào trường và ngành mà bạn đã chọn.

Tuy nhiên, làm thế nào để thi đỗ vào các trường đại học là một bài toán không dễ có lời giải. Vấn đề được đặt ra: việc lựa chọn được trường, khoa, ngành học nào phù hợp với sức học của bản thân và khả năng trúng tuyển đối với bạn là cao nhất.

Công tác tuyển sinh của các trường đại học có các đặc thù riêng: Có trường lấy điểm trúng tuyển theo trường, có trường lấy điểm trúng tuyển theo khoa, có trường lấy điểm trúng tuyển theo khối thi nhưng có trường lại lấy điểm trúng tuyển theo nhóm ngành, ngành. **Mức độ điểm trúng tuyển giữa các trường/ngành có sự chênh lệch rất lớn, có trường/ngành chỉ lấy điểm trúng tuyển bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT nhưng có trường/ngành lại lấy điểm trúng tuyển hơn điểm sàn tới trên 10 điểm.**

Điểm trúng tuyển giữa nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 và nguyện vọng 3 luôn luôn có sự chênh lệch nên năm 2006 vẫn còn hiện tượng có thí sinh thi đạt trên 20 điểm (khối A) mà không trúng tuyển trong khi nhiều thí sinh chỉ đạt 13 điểm đã đăng hoàng trở thành sinh viên... Do đó một số thí sinh trường chuyên lớp chọn hoặc có học lực giỏi không trúng tuyển, ngược lại có những thí sinh có học lực trung bình khá lại trúng tuyển.

Vì vậy, trước khi đi đến quyết định quan trọng là chọn được khối thi, trường thi và ngành học một cách chính xác, phù hợp với năng lực cá nhân, hoàn cảnh kinh tế gia đình cũng như khả năng trúng tuyển cao nhất, các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh cần tìm hiểu, chọn lựa, so sánh về các trường đại học, các ngành nghề đào tạo, nội dung đào tạo, tỷ lệ "chọi", điểm chuẩn, cơ hội việc làm sau khi ra trường...

Với mong muốn đáp ứng những nhu cầu trên, chúng tôi đã cố gắng biên soạn cuốn "Tìm hiểu các trường Đại học qua các số liệu tuyển sinh" nhằm cung cấp một cách hệ thống các thông tin cần thiết phục vụ cho kỳ thi tuyển sinh năm 2007 - 2008 cũng như các thông tin về các trường Đại học, cùng một số lời khuyên rút ra từ thực tiễn giảng dạy, luyện thi trong nhiều năm để các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh tham khảo, cân nhắc lựa chọn trường thi, khối thi, khoa thi, ngành thi sao cho phù hợp với điều kiện bản thân, đạt được nguyện vọng cao nhất là thi đỗ đại học trong kỳ tuyển sinh sắp tới. Cuốn sách gồm 2 phần: Phần 1 chúng tôi giới thiệu các Trường Đại học ở khu vực phía Bắc; Phần 2 chúng tôi giới thiệu các trường Đại học khu vực phía Nam.

Nội dung cuốn sách gồm 5 phần:

1. Giới thiệu các trường đại học

- Đối ngũ cán bộ giảng dạy.
- Hình thức đào tạo, cấp độ đào tạo.
- Các ngành, khoa đào tạo.
- Nơi công tác sau khi tốt nghiệp.
- Bảng số liệu tuyển sinh (chỉ tiêu, số thí sinh đăng ký dự thi, tỉ lệ “chọi”, điểm trúng tuyển).
- Phạm vi, đối tượng, khu vực, khối tuyển sinh.
- Một số điểm lưu ý.

2. Một số lời khuyên.

3. Các bảng thống kê số liệu:

- Tỉ lệ chọi của các trường đại học từ năm 1999 đến 2006.
- Tỉ lệ trúng tuyển của các trường từ năm 2001 đến 2006.
- Thống kê tỉ lệ trúng tuyển theo địa phương từ năm 2003 đến 2006.

4. Bảng thống kê khối thi của các ngành.

5. Bảng hướng dẫn các tuyến xe buýt.

Các số liệu thống kê sử dụng trong cuốn sách này được lấy từ website của Bộ Giáo dục và Đào tạo, website của các trường, học viện, các kỹ yếu. Ngoài ra chúng tôi còn tham khảo các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo viết, báo điện tử... từ năm 1997 đến nay.

Với những nội dung được thể hiện trong cuốn sách, chúng tôi tin rằng các bạn sẽ tìm được ngành thi, trường thi phù hợp với khả năng của bản thân.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót, một vai trường do chưa đủ tư liệu nên chúng tôi sẽ bổ sung trong dịp tái bản, mong bạn đọc lượng thứ.

Chúc các bạn thành công!

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN I

GIỚI THIỆU CÁC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

- Quá trình xây dựng và trưởng thành.
- Chức năng, nhiệm vụ.
- Đội ngũ cán bộ.
- Hình thức đào tạo, cấp độ đào tạo.
- Các ngành đào tạo.
- Nơi công tác khi tốt nghiệp.
- Số liệu tuyển sinh những năm gần đây (chỉ tiêu, số đăng ký, tỷ lệ chọi).
- Điểm trúng tuyển những năm gần đây.
- Đặc điểm tuyển sinh (phạm vi, đối tượng, khu vực, khối tuyển sinh)
- Một số điểm lưu ý (khi thi sinh đăng ký chọn trường, chọn nghề).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Trụ sở: 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04.768046 - 7680507 - 7681647 - 7681092 - Website: <http://www.vnu.edu.vn/>

- Đại học Quốc gia Hà Nội thành lập năm 1993 trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại 3 trường đại học là Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1 và Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ.
- Hiện nay, Đại học Quốc gia Hà Nội có 4 trường đại học thành viên và 3 khoa trực thuộc:
 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
 - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
 - Trường Đại học Ngoại ngữ
 - Trường Đại học Công nghệ
 - Khoa Luật
 - Khoa Kinh tế
 - Khoa Sư phạm
- Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG Hà Nội) là một trung tâm, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ mới thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Các trường thành viên đã mở thêm được nhiều ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Hiện nay, ĐHQG Hà Nội có 2503 cán bộ gồm có 1548 cán bộ giảng dạy, trong đó có 108 Giáo sư, 249 Phó Giáo sư, 463 Tiến sĩ, 477 Thạc sĩ, 49 Tiến sĩ khoa học.
- ĐHQG Hà Nội có 2 loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm với các cấp độ đào tạo: Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- ĐHQG Hà Nội tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối: A, B, C, D1, D2, D3, D4.
- Trường ĐHQG Hà Nội có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại gồm hàng trăm giảng đường, các phòng vi tính, thư viện, phòng thí nghiệm.
- Kí túc xá với các phòng khép kín đầy đủ điện, nước đáp ứng nhu cầu của gần 5000 sinh viên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Trụ sở: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8583795/8585279 - Fax: (04) 8583061 - Website: <http://www.hus.edu.vn/>

- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) thuộc ĐHQG Hà Nội là một trường đầu ngành của cả nước về đào tạo, nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.
- Trường ĐHKHTN có gần 700 cán bộ công chức với 40 Giáo sư, 120 Phó Giáo sư, gần 300 Tiến sĩ và Tiến sĩ khoa học, 67 Thạc sĩ, 6 Nhà giáo Nhân dân, 38 Nhà giáo Ưu tú...
- Trường ĐHKHTN có các cấp đào tạo: Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Toán học

Sinh viên học ngành Toán được cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Giải tích - Phương trình vi phân - Cơ lý thuyết - Lý thuyết nhóm - Tâm lý học - Quản trị học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Mở đầu về Tôpô đại số - Đại số đại cương - Hàm thực và giải tích hàm - Hàm phức - Phương trình đạo hàm riêng - Xác suất - Thống kê ứng dụng - Hình vi phân và giải tích trên đa tạp - Tôpô đại cương - Toán logic - Tối ưu - Tin học nâng cao - Lý thuyết đồ thị và các thuật toán - Phần mềm ứng dụng - Phân tích thống kê nhiều chiều - Điều khiển tối ưu... đồng thời tùy theo từng chuyên ngành theo học mà sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** riêng:

* **Chuyên ngành Toán lý thuyết:** Phương trình vi phân trong không gian Banach - Đại số nâng cao - Xemina... bên cạnh đó chuyên ngành này còn cung cấp cho sinh viên hàng loạt **kiến thức bổ trợ** thông qua một số môn học lựa chọn như: Không gian vectơ Tôpô - Bài toán biên đối với phương trình elliptic - Hàm suy rộng - Giải tích phổ toán tử - Giải tích phức - Lý thuyết số - Hình vi phân nâng cao - Vành và Môđun...

* **Chuyên ngành Toán ứng dụng:** Phương trình vi phân trong không gian Banach - Xác suất nâng cao - Xemina... không những thế sinh viên cũng được lựa chọn rất nhiều môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành như: Lý thuyết ước lượng - Quá trình ngẫu nhiên - Kiểm định giả thiết - Phương pháp Monte - Carlo - Bài toán không chỉnh - Lý thuyết xấp xỉ - Wavelet - Lịch sử toán học...

Sau khi ra trường cử nhân ngành Toán nói chung **có được khả năng** tư duy chính xác của toán học, tư duy những thuật toán, và khả năng ứng dụng toán vào các lĩnh vực trong thực tế cuộc sống...

Ngành Cơ học

Đào tạo cử nhân ngành cơ học không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Quản trị học - Tâm lý học - Đại số tuyến tính - Chuỗi - Tích phân - Phương trình vi phân - Vật lý (Nhiệt và Điện)... mà còn có các **kiến thức cơ bản** về ngành: Phương pháp số trong Cơ học - Cơ học lý thuyết - Cơ học môi trường liên tục - Sức bền vật liệu và Cơ kết cấu - Vật lý (Điện tử và Lượng tử) -

Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Mạng máy tính - Ngôn ngữ C (hoặc Fortran) - Lý thuyết dao động - Lý thuyết đàn hồi - Cơ học chất lỏng...

Bên cạnh đó sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp: **Chuyên ngành Cơ học đại cương và ứng dụng** (Cơ học giải tích - Xemina - Lý thuyết ổn định chuyển động...); **Chuyên ngành Cơ học vật rắn biến dạng** (Lý thuyết dẻo - Xemina - Lý thuyết bản và vỏ mỏng...) và **Chuyên ngành Cơ học chất lỏng và chất khí** (Khí động lực - Xemina - Chuyển động dòng nhiều pha...)... Không những thế, nhà trường cũng sẽ trang bị cho sinh viên hàng loạt **kiến thức bổ trợ** dành cho từng chuyên ngành qua các môn học lựa chọn như: Phương pháp tham số bé - Động lực học máy - Cơ học phá hủy - Cơ học vật liệu Composite - Truyền sóng trong môi trường liên tục - Động lực học sóng biển...

Tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành Cơ học **có khả năng** nghiên cứu, tính toán, thiết kế, tối ưu hóa thiết kế, chế tạo các trang thiết bị tự động, lập trình, tin học hóa công việc tính toán, chuẩn đoán trạng thái làm việc của các hệ thống cơ học, đo lường, chế tạo các trang thiết bị đo lường...

Ngành Toán - Tin ứng dụng

Ngành Toán - Tin ứng dụng trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản tương tự như sinh viên ngành Cơ học, cùng với các **kiến thức cơ bản dành cho Toán học**: Phương trình đạo hàm riêng - Toán logic - Giải tích hàm và hàm thực... và các **kiến thức cơ bản dành cho Tin học**: Ngôn ngữ lập trình Pascal nâng cao - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Ngôn ngữ lập trình C++... bên cạnh một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Điều khiển tối ưu - Tối ưu - Nhập môn trí tuệ nhân tạo - Lý thuyết tính toán - Lập trình logic.... để trên nền các kiến thức cơ sở đó ngành sẽ cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành: về Toán học** (Mô hình toán học trong sinh thái và môi trường - Phân tích thống kê nhiều chiều - Giải gần đúng các bài toán đặt không chỉnh...); **về Tin học** (Ngôn ngữ SQL - Công nghệ phần mềm - Mật mã và an toàn dữ liệu...).... Sinh viên chuyên ngành này được rèn luyện khả năng tư duy toán học chính xác, tư duy thuật toán và khả năng giải quyết các bài toán thực tiễn phức tạp trên máy tính.... Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Toán - Tin ứng dụng **có thể đảm nhiệm và phát huy** tốt năng lực của mình trong công tác giảng dạy cũng như trong công tác nghiên cứu và ứng dụng các vấn đề, các hoạt động có liên quan đến Toán học, Tin học...

Sinh viên tốt nghiệp các ngành Toán học, Cơ học, Toán - Tin ứng dụng có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Toán học, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Cơ học, Viện Cơ học ứng dụng; Các Trung tâm (TT) Tin học trực thuộc cơ quan, doanh nghiệp, Tổng cục, Bộ...

+ Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, Tổng công ty (TCT) Viễn thông quân đội, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, TCT Lắp máy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Công ty (Công ty) Internet Viettel, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất, Cty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện, Cty Công nghiệp Ô tô...

+ Các phòng chức năng: Thí nghiệm, Quản lý kỹ thuật, Thiết kế kỹ thuật... trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... tại 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Làm cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp (ĐH, CĐ, THCN)... có đào tạo ngành Toán học, ngành Cơ học, ngành Toán - Tin ứng dụng. Dạy môn Toán, Tin tại các trường Trung học phổ thông (THPT)...

Ngành Vật lý

Cử nhân ngành Vật lý được cung cấp các **kiến thức chung** dành cho Toán, Lý: Đại số - Giải tích - Đại số và Hình học giải tích - Cơ học - Nhiệt học và Vật lý phân tử - Điện và Từ - Quang học - Vật lý nguyên tử - Khoa học quản lý - Logic học - Giáo dục học - Tâm lý học sư phạm... cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ lý thuyết - Điện động lực - Vật lý thống kê - Cơ lượng tử - Vô tuyến - Điện tử - Vật lý kỹ thuật - Vật lý hạt nhân - Kỹ thuật số - Khoa học vật liệu - Hóa học - Phương pháp thực nghiệm vật lý - Xác suất thống kê - Phương trình toán lý - Phương pháp số - Lập trình nâng cao - Giải các bài toán trên máy tính - Máy tính và ghép nối... ngoài ra tùy từng chuyên ngành học mà nhà trường sẽ trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp như:

*** Chuyên ngành Vật lý hạt nhân:** Phương pháp thực nghiệm Vật lý hạt nhân - Vật lý neutron và lò phản ứng - Cấu trúc hạt nhân... đồng thời sinh viên chuyên ngành này còn được lựa chọn các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành:** Hạt cơ bản - Phản ứng hạt nhân - Vật lý hạt nhân ứng dụng - Điện hạt nhân - Chu trình nhiên liệu hạt nhân - Phân tích an toàn lò phản ứng hạt nhân - Điện tử hạt nhân - Các thiết bị điện tử hạt nhân - Máy gia tốc...

*** Chuyên ngành Vật lý vô tuyến:** Dao động học - Truyền tin số - Mạng máy tính - Thực tập chuyên đề vô tuyến... ngoài ra sinh viên cũng sẽ đi vào nghiên cứu những **kiến thức bổ trợ chuyên ngành** qua các môn học lựa chọn: Bản dẫn và vi mạch - Thông tin vệ tinh - Đo lường vô tuyến - Siêu âm - Cơ sở truyền hình...

*** Chuyên ngành Vật lý lý thuyết:** Lý thuyết nhóm - Lý thuyết trường lượng tử - Thống kê lượng tử - Lý thuyết hạt nhân... cùng các môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành:** Lý thuyết bản dẫn - Lý thuyết chất rắn - Vật lý hạt nhân và ứng dụng - Lý thuyết hạt cơ bản - Từ học và siêu dẫn...

Sau khi ra trường, cử nhân ngành Vật lý sẽ **có khả năng** giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghề nghiệp một cách sáng tạo, có phương pháp tư duy logic...

Ngành Công nghệ hạt nhân

Khi học ngành Công nghệ hạt nhân sinh viên sẽ được trang bị những **kiến thức chung** về Toán, Lý giống như sinh viên ngành Vật lý, đồng thời cũng được cung cấp hàng loạt **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Điện tử hạt nhân - Nhiên liệu hạt nhân - Vật lý neutron và lò phản ứng hạt nhân - Phản ứng hạt nhân - Cấu trúc hạt nhân - Các phương pháp phân tích hạt nhân - Cơ sở điện hạt nhân - Phương pháp tính trong Vật lý hạt nhân - Tự động hóa các phép đo hạt nhân... để từ đó sinh viên được đào tạo các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Năng lượng hạt nhân:** Tính toán an toàn lò phản ứng - Phòng tránh bức xạ và an toàn hạt nhân... cùng với rất nhiều môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho sinh viên chuyên ngành: Phân tích an toàn lò phản ứng hạt nhân - Xử lý chất thải hạt nhân - Công nghệ bức xạ...

*** Chuyên ngành Vật lý hạt nhân ứng dụng:** Kỹ thuật hạt nhân nghiên cứu môi trường - Công nghệ bức xạ... đồng thời chuyên ngành cũng sẽ cung cấp cho sinh viên khối **kiến thức bổ trợ** qua các môn học lựa chọn như: Sinh học và y học hạt nhân - Kỹ thuật đồng vị đánh dấu - Địa vật lý hạt nhân...

*** Chuyên ngành Điện tử và điều khiển các quá trình hạt nhân:** Các thiết bị điện tử trong Vật lý hạt nhân - Xử lý tự động các dữ liệu hạt nhân... và vô số các môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành như: Ngôn ngữ Fortran - Tự động hóa nhà máy điện nguyên tử - Kiểm tra không phá mẫu...

Tốt nghiệp các chuyên ngành trên sinh viên sẽ **có khả năng** chọn lọc có định hướng kỹ thuật và công nghệ hạt nhân để có thể làm việc trong các lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế quốc dân như: ngành năng lượng hạt nhân, các ngành khoa học và kỹ thuật hạt nhân, các ngành kinh tế quốc dân có ứng dụng kỹ thuật hạt nhân, các ngành có sử dụng tự động hóa và điều khiển...

Ngành Khoa học vật liệu

Ngành Khoa học vật liệu cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản tương tự như sinh viên ngành Vật lý, cùng với những **kiến thức cơ bản về** ngành: Khoa học vật liệu - Kỹ thuật thực nghiệm Khoa học vật liệu - Vật lý vô tuyến - Hóa lý vật liệu - Cấu trúc vật liệu (tinh thể và công nghệ) - Công nghệ màng mỏng - Tin học và ứng dụng trong Khoa học vật liệu... đồng thời còn trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nhiệt động học và chuyển pha - Kỹ thuật chân không - Vật liệu và công nghệ mới - Quang học chất rắn - Vật lý vật liệu vô định hình.... Ngoài ra, sinh viên sẽ được lựa chọn các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho từng chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Vật liệu từ, vật liệu siêu dẫn:** Dụng cụ và linh kiện từ tính - Vật lý nhiệt độ thấp - Công nghệ vật liệu từ - Vật liệu từ cứng - Vật liệu từ mềm - Vật liệu siêu dẫn nhiệt độ cao và ứng dụng...

*** Chuyên ngành Vật liệu bán dẫn:** Vật lý linh kiện và bán dẫn - Vật liệu bán dẫn - Quang bán dẫn - Quang điện tử và quang tử...

*** Chuyên ngành Tính toán, mô hình hóa vật liệu:** Phương pháp tính trong Khoa học vật liệu - Lập trình Fortran - Lý thuyết nhóm cho Khoa học vật liệu - Linux và ứng dụng - Lý thuyết chất rắn...

Sau khi học xong, cử nhân ngành Khoa học vật liệu **có khả năng** tiếp cận và giải quyết được những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Vật lý đặc biệt là lĩnh vực Khoa học vật liệu trong cuộc sống...

Sau khi tốt nghiệp các ngành: Vật lý, Công nghệ hạt nhân, Khoa học vật liệu sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Vật lý và Điện tử, Viện Vật lý địa cầu, Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, Viện Năng lượng nguyên tử Quốc gia, Viện Công nghệ Quốc gia, Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu (ITIMS), Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng, TT. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia...

+ Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ hạt nhân...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Thép Việt Nam, các TCT Vật liệu xây dựng, TCT Lắp máy Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý sở hữu trí tuệ, Quản lý chất thải rắn, Quản lý kinh tế và An toàn công nghiệp... tại các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Vật lý. Dạy môn Vật lý tại các trường THPT.

Nhóm ngành Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học bao gồm 3 ngành:

1) Ngành Khí tượng

Sinh viên học ngành Khí tượng được cung cấp những **kiến thức chung** về Toán, Lý như: Đại số tuyến tính - Hình giải tích - Phép tính tích phân - Chuỗi và Phương trình vi phân - Cơ học - Vật lý phân tử và Nhiệt học - Điện học - Dao động, Quang học, Vật lý nguyên tử, Hạt nhân... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học: Thủy văn học - Hải dương học - Nhiệt động lực học khí quyển - Khí tượng vật lý - Khí tượng động lực - Khí hậu học và khí hậu Việt Nam... và những **kiến thức cơ bản** dành riêng cho ngành Khí tượng: Tương tác biển và khí quyển - Dự báo số trị và phân tích khách quan - Khí tượng cao không - Thiên văn học... đồng thời tùy từng chuyên ngành theo học mà sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Dự báo:** Dự báo số trị - Ô nhiễm khí quyển... bên cạnh một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Khí tượng nông nghiệp - Khí tượng y học - Dự báo thời tiết dài hạn...

*** Chuyên ngành Khí hậu:** Khí hậu nhiệt đới - Khí hậu nông nghiệp... cùng với những **kiến thức bổ trợ** chuyên ngành qua các môn học lựa chọn: Khí hậu xây dựng - Vi khí hậu - Ô nhiễm khí quyển...

Học chuyên ngành này sinh viên sẽ được đi thực hành về Quan sát trắc địa và Thực tập dự báo để nâng cao kiến thức nghiệp vụ... để sau khi ra trường sinh viên sẽ có đủ năng lực của cử nhân ngành Khí tượng, **có khả năng** đảm nhận công tác trong các lĩnh vực điều tra, nghiên cứu khí tượng, khí hậu và môi trường phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng...

2) Ngành Thủy văn học

Đào tạo cử nhân ngành Thủy văn học không chỉ có **kiến thức chung** của Toán, Lý, của khối Khoa học Xã hội & Nhân văn, cũng **kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học giống như sinh viên ngành Khí tượng, mà còn có các **kiến thức cơ bản** về ngành Thủy văn học: Thủy lực - Trắc địa bản đồ và GIS - Đo đạc và chỉnh lý số liệu thủy văn - Dự báo thủy văn - Tính toán thủy lợi - Thủy hóa.... Không những thế sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thủy văn hồ - Thủy văn vùng triểu - Thủy văn đô thị - Thủy văn nông nghiệp - Chỉnh trị sông.... Ngoài ra khi học chuyên ngành này sinh viên sẽ được đi thực tập về: Khí tượng thủy văn, Đo đạc chỉnh biên, Dự báo thủy văn... để khi ra trường cử nhân ngành Thủy văn học **có khả năng** đảm nhận công tác điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên, môi trường nước... phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải đường thủy...

3) Ngành Hải dương học

Ngành Hải dương học trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** về Toán, Lý và những **kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học tương tự như sinh viên ngành Khí tượng thì còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về Hải dương học như: Lý thuyết sóng biển - Lý thuyết hải lưu - Lý thuyết thủy triều - Hải dương học biển Đông - Quản lý và phân tích thông tin khí tượng thủy văn biển - Hệ thống tin địa lý (GIS) - Khảo sát hải văn... đồng thời

tùy theo sự lựa chọn của sinh viên mà nhà trường sẽ có hướng đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách hợp lý như:

*** Chuyên ngành Vật lý biển:** Cơ chế vận chuyển trầm tích và biến đổi địa mạo bờ - Sông dài trong đới ven bờ - Tương tác sông-biển - Mô hình hoàn lưu biển...

*** Chuyên ngành Kỹ thuật biển:** Cơ chế vận chuyển trầm tích và biến đổi địa mạo bờ - Cảng và công trình bờ - Trắc địa và thủy đạc - Cơ học đất và địa kỹ thuật...

*** Chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường biển:** Hóa phân tích, hóa môi trường biển - Hải dương học nghề cá - Nuôi trồng và khai thác thủy hải sản - Kinh tế biển...

Ngoài những kiến thức nêu trên sinh viên còn được lựa chọn một số môn học để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Các mô hình dự báo biển - Sức bền vật liệu... cũng như sẽ được rèn luyện các **kỹ năng nghiệp vụ** về: Mô hình sóng ven bờ - Tài nguyên môi trường biển - Sinh thái biển... để sau khi học xong, sinh viên ngành Hải dương học **có khả năng** đảm nhận công tác điều tra nghiên cứu biển phục vụ cho phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng...

Cử nhân nhóm ngành Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khí tượng thủy văn, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn, Viện Hải dương học Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Địa chất và Địa vật lý biển; TT. Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Khí tượng thủy văn, Tổng cục Khoa học kỹ thuật và Công nghệ, Vụ Khí tượng thủy văn...

+ Các Đài, Trạm Khí tượng thủy văn Quốc gia...

+ Các phòng chức năng: Quản lý khoa học, Quản lý môi trường, Quản lý tài nguyên... trực thuộc các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ các ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Các TCT, Cty thuộc lĩnh vực hàng không, hàng hải, đường thủy như: TCT Hàng không Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam, Cty Vận tải Biển Đông, Cty Vật tư kỹ thuật khí tượng thủy văn...

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo nhóm ngành Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học.

Ngành Hóa học

Cử nhân ngành Hóa học được trang bị những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản như: Văn hóa - Đại số và hình giải tích - Phương trình vi phân - Xác suất thống kê và ứng dụng - Cơ, Nhiệt, Thuyết tương đối - Điện, Từ, Quang và Vật lý lượng tử... đồng thời cùng với các **kiến thức cơ bản** về Hóa học: Cấu tạo chất - Hóa đại cương - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Nhiệt động học hóa học - Động hóa học - Điện hóa học - Hóa học chất keo - Cao phân tử - Hóa lượng tử - Kỹ thuật tách chất - Kỹ thuật tiến hành phản ứng - Công nghệ sản xuất các hóa chất cơ bản... là những **kiến thức cơ bản** về ngành: Phân tích công cụ - Cơ sở lý thuyết các phương pháp phổ... ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn chuyên ngành để trên cơ sở đó nhà trường sẽ cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** riêng:

*** Chuyên ngành Hóa vô cơ:** Hóa học phức chất - Hóa học các nguyên tố hiếm - Cơ sở lý thuyết xử lý nước - Hóa học vật liệu vô cơ - Các phương pháp nghiên cứu trong Hóa học vô cơ...

* **Chuyên ngành Hóa phân tích:** Thống kê trong Hóa phân tích - Thuốc thử hữu cơ trong Hóa phân tích - Phương pháp (PP) phân tích quang - PP phân tích điện - PP phân tích sắc ký và chiết...

* **Chuyên ngành Hóa hữu cơ:** Lý thuyết Hóa hữu cơ - Tổng hợp hữu cơ - Xúc tác hữu cơ - Hóa học các hợp chất tự nhiên - Hóa dược - Hợp chất cơ nguyên tố - Hóa học các chất màu hữu cơ...

* **Chuyên ngành Hóa lý:** Ăn mòn và bảo vệ kim loại - Một số chương chọn lọc của nhiệt động hóa học - Quang phổ nguyên tử và phân tử 2 nguyên tử - Hóa lý và cơ sở công nghệ xử lý nước, nước thải...

Không những thế sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Hóa môi trường - Hóa vật liệu - Hóa dầu - Hóa tinh thể.... Học ngành này sinh viên rèn luyện cho mình các kỹ năng thực hành thực nghiệm, các phương pháp nghiên cứu và khả năng tư duy sáng tạo trong công việc.... Khi ra trường cử nhân ngành Hóa học **có khả năng** nghiên cứu hoặc tham gia các hoạt động sản xuất và ứng dụng hóa học vào đời sống, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...

Ngành Công nghệ hóa học

Trên nền những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên và các **kiến thức cơ bản** về Hóa học được cung cấp giống như sinh viên ngành Hóa học thì sinh viên ngành Công nghệ hóa học còn được học các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Phân tích công nghệ - Kỹ thuật đo và kiểm tra các quá trình công nghệ hóa học... đồng thời nhà trường cũng sẽ trang bị để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành:** Hóa dầu - Hóa sinh - Hóa môi trường - Vật liệu.... Bên cạnh đó sinh viên cũng được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành như:

* **Chuyên ngành Công nghệ hóa môi trường:** Công nghệ xử lý nước thải - Công nghệ xử lý khí thải - Công nghệ xử lý chất thải rắn - Phân tích môi trường - Độc chất học môi trường...

* **Chuyên ngành Công nghệ vật liệu:** Công nghệ vật liệu - Công nghệ polyme - Hóa học và công nghệ đất hiếm - Điện hóa ứng dụng - Công nghệ màng lọc - Hóa học và công nghệ vật liệu nano...

* **Chuyên ngành Hóa sinh ứng dụng:** Một số chương chọn lọc về Công nghệ hóa hữu cơ - Hương liệu trong thực phẩm và mỹ phẩm - Công nghệ sau thu hoạch - Hóa thực phẩm - Vi sinh vật...

* **Chuyên ngành Hóa học dầu mỏ:** Hóa học và công nghệ hóa dầu - Xúc tác hóa dầu - Vật liệu xúc tác rắn và các phương pháp vật liệu xác định xúc tác rắn - Nhiên liệu dầu và khí - Môi trường và an toàn dầu khí...

Tốt nghiệp các chuyên ngành trên sinh viên sẽ **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng các quá trình công nghệ hóa học vào sản xuất, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Hóa học, ngành Công nghệ hóa học có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ hóa học, Viện Hóa học, Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Hóa, kỹ thuật, Viện Hóa học công nghiệp, Viện Công nghệ xạ hiếm, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm; TT. Công nghệ hóa dược và hóa sinh hữu cơ, TT. Thông tin khoa học kỹ thuật hóa chất...

+ TCT Chế biến kinh doanh sản phẩm khí, TCT Hóa chất Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam, TCT Xăng dầu Việt Nam, TCT Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: các Cty Hóa chất, Cty Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất, Cty Dầu thực vật hương liệu mỹ phẩm Việt Nam, Xí nghiệp Hóa phẩm dầu khí...

+ Các phòng chức năng: Quản lý khoa học, Quản lý công nghệ, Quản lý sản xuất... trực thuộc các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề có đào tạo ngành Hóa học, Công nghệ hóa học. Day môn Hóa học tại các trường THPT.

Ngành Khoa học môi trường bao gồm các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Quản lý môi trường**

Sinh viên khi theo học chuyên ngành Quản lý môi trường được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và Sinh học như: Logic học - Xã hội học - Cơ và Nhiệt - Sinh học - Toán cao cấp - Điện và Quang - Hóa hữu cơ - Hóa keo - Xác suất thống kê - Hóa phân tích.... cùng với hàng loạt **kiến thức cơ bản** về ngành Khoa học môi trường: Ô nhiễm môi trường (MT) - Các phương pháp phân tích MT - Đánh giá tác động MT - Công nghệ MT - Quản lý MT - Quy hoạch MT... để trên nền các kiến thức cơ sở đó sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phân tích hệ thống trong quản lý MT - Mô hình hóa trong quản lý MT - Quan trắc MT - Kiểm toán MT - Quản lý đới bờ... ngoài ra còn có các môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Hệ thống Quản lý môi trường - Hành chính MT - Luật Quốc tế về MT... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** quản lý, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động môi trường, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu theo chuyên ngành...

*** Chuyên ngành Công nghệ môi trường**

Ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, về Sinh học và khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành cũng được đào tạo tương tự như sinh viên chuyên ngành Quản lý môi trường thì sinh viên chuyên ngành Công nghệ môi trường còn được đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Xử lý khí thải - Xử lý nước thải - Xử lý chất thải rắn... bên cạnh đó là rất nhiều môn học thuộc phần **kiến thức bổ trợ** chuyên ngành mà sinh viên có thể lựa chọn như: Thiết kế và tính toán hệ thống xử lý chất thải - Kiểm toán chất thải - Kiểm soát chất thải nguy hại - Cơ sở công nghệ hóa sinh - Xử lý đất ô nhiễm - Xử lý chất thải bằng biện pháp sinh học - Sản xuất sạch hơn - Xúc tác và chất mang trong xử lý MT... để sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Công nghệ môi trường **có khả năng** phân tích, đánh giá, phát hiện và dự báo những vấn đề môi trường đã, đang và sẽ xảy ra, có kỹ năng đo đạc và phân tích các thông số môi trường, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu theo chuyên ngành...

*** Chuyên ngành Khoa học môi trường ứng dụng**

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Khoa học môi trường ứng dụng không chỉ bao gồm **kiến thức chung** về Sinh học và khối Khoa học cơ bản mà còn bao gồm những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như khối kiến thức mà sinh viên chuyên ngành Quản lý môi trường được cung cấp. Không những thế sinh viên chuyên ngành này còn được học khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phát triển bền vững - Mô hình hóa MT - Tai biến MT - Sinh thái và MT đất... ngoài ra nhà trường còn tạo điều kiện để sinh viên được chọn lựa các **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành sao cho phù hợp: Du lịch sinh thái - Sinh thái nước - An toàn thực phẩm - Đánh giá nhanh MT -

Kim loại nặng trong đất - Sử dụng đất - Dinh dưỡng đất - Phương pháp nghiên cứu sinh thái nhân văn và xã hội... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** tổ chức thực thi các biện pháp xử lý, khắc phục, phòng tránh những tác động có hại đến môi trường...

Ra trường, sinh viên ngành Khoa học môi trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn; TT. Nghiên cứu môi trường, TT. Nghiên cứu tài nguyên và môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường Việt Nam, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ TCT Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường Việt Nam xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường...

+ Các phòng chức năng: Môi trường, Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn, Quản lý khoa học... tại các Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ... trực thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Khoa học môi trường.

Ngành Thổ nhưỡng

Khi theo học ngành Thổ nhưỡng sinh viên được học bên cạnh các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và Sinh học giống như sinh viên ngành Khoa học môi trường, thì còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** về ngành Thổ nhưỡng: Phương pháp phân tích đất - Phân tích kinh tế sử dụng đất - Cơ sở thổ nhưỡng học - Hóa học đất - Phân loại, phân hạng và đánh giá đất đai - Sinh thái và môi trường đất - Sinh học đất - Tài nguyên đất - Vật lý đất - Đất ngập nước - Luật và chính sách đất đai - Địa lý thổ nhưỡng... không những thế sinh viên còn được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vật lý đất ứng dụng - Nguyên tố vi lượng trong đất - Dinh dưỡng khoáng - Quy hoạch sử dụng bền vững đất đai.... Ngoài ra tùy chuyên ngành sinh viên theo học mà nhà trường sẽ trang bị **kiến thức bổ trợ** riêng:

* **Chuyên ngành Thổ nhưỡng học đại cương:** Các quá trình thoái hóa đất - Khoáng sét trong đất - Phương pháp thống kê trong thổ nhưỡng học...

* **Chuyên ngành Sinh học đất:** Sinh thái vi sinh vật đất - Động vật đất - Chỉ thị sinh học đất - nước...

* **Chuyên ngành Sinh thái và môi trường đất:** Tính chất đất lúa nước - Cây họ đậu đa tác dụng trong nông nghiệp - Ô nhiễm nông nghiệp...

* **Chuyên ngành Vật lý đất:** Chế độ nước trong đất - Đất có vấn đề, cải tạo và bảo vệ - Phương pháp nhiệt động học nghiên cứu nước trong đất...

* **Chuyên ngành Hóa học đất và dinh dưỡng cây trồng:** Chất hữu cơ trong đất - Đạm sinh học trong nông nghiệp - Cân bằng dinh dưỡng và năng suất cây trồng...

Tốt nghiệp các chuyên ngành trên sinh viên **có khả năng** lập các dự án về quản lý và sử dụng đất, đề xuất các biện pháp cải tạo và đánh giá tác động của các hoạt động sản xuất đến môi trường đất, đến các hệ thống nông nghiệp, đặc biệt ở các vùng nhiệt đới và sau đó tham gia lập quy hoạch môi trường đất...

Cử nhân ngành Thổ nhưỡng có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Thổ nhưỡng Nông hóa; TT. Nghiên cứu Thủy nông cải tạo đất và Cấp thoát nước, TT. Nghiên cứu Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng, các TT. Nghiên cứu Đất, phân bón và Môi trường...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Quản lý ruộng đất, Cục Nông nghiệp...

+ TCT Chè Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm, các Cty Giống cây trồng Trung ương ở các tỉnh...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật, Quy hoạch Kế hoạch sử dụng đất... trực thuộc các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Thổ nhưỡng.

Ngành Địa lý

Ngành Địa lý trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối A, B, C: Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Tâm lý học - Giáo dục học - Khoa học quản lý - Quản trị học... cùng với hàng loạt **kiến thức cơ bản** về: Địa lý đại cương - Bản đồ - Viễn thám - Địa lý ứng dụng, Sinh thái và Môi trường... đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

* **Chuyên ngành Sinh thái Cảnh quan và Môi trường:** Phân loại thực vật - Phương pháp nghiên cứu và đánh giá cảnh quan - Ô nhiễm môi trường và phương pháp giám sát, xử lý... ngoài ra sinh viên chuyên ngành này được lựa chọn các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** như: Vi khí hậu - Viễn thám và GIS ứng dụng - Kinh tế môi trường - Sinh thái độc tố - Quy hoạch sử dụng đất...

* **Chuyên ngành Địa lý tự nhiên:** Địa lý tự nhiên nhiệt đới - Phương pháp nghiên cứu và xây dựng bản đồ địa lý tự nhiên - Phân loại thực vật... bên cạnh đó sinh viên còn được học những **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua các môn học lựa chọn: Nông hóa thổ nhưỡng - Viễn thám và GIS ứng dụng - Hệ thống bảo tồn thiên nhiên Việt Nam và du lịch sinh thái...

* **Chuyên ngành Địa mạo:** Địa mạo động lực - Phương pháp nghiên cứu địa mạo - Địa mạo bờ biển - Địa chất đệ tứ... cùng với một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho sinh viên chuyên ngành: GIS và viễn thám ứng dụng - Bản đồ địa mạo - Địa mạo trong nghiên cứu tại biển thiên nhiên - Kiến tạo và tân kiến tạo - Địa mạo Việt Nam - Cổ địa lý...

* **Chuyên ngành Địa lý và Môi trường biển:** Địa chất biển - Sinh thái biển và đại dương - Phương pháp nghiên cứu địa lý biển... đồng thời sinh viên chuyên ngành cũng sẽ được cung cấp một số **kiến thức bổ trợ** như: Kinh tế biển Việt Nam - Các hệ sinh thái vùng cửa sông ven biển - Quản lý thống nhất đới bờ...

* **Chuyên ngành Bản đồ - Viễn thám:** Toán bản đồ - Bản đồ địa hình - Thiết kế và biên tập bản đồ - Viễn thám và GIS ứng dụng... không những thế sinh viên chuyên ngành này còn được lựa chọn **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành: Tự động hóa bản đồ - Trắc địa ảnh - Bản đồ chuyên đề - Bản đồ địa chính - Trình bày bản đồ - Bản đồ luận - Lý thuyết sai số - Trắc địa cao cấp...

* **Chuyên ngành Địa lý nhân văn và Kinh tế sinh thái:** Kinh tế sinh thái - Dân tộc học và văn hóa các dân tộc Việt Nam - Kinh tế biển Việt Nam... cùng với các môn học lựa chọn thuộc khối **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành như: Kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình Việt Nam - Phương pháp nghiên cứu kinh tế sinh thái - Địa hóa cảnh quan, dinh dưỡng và sức khỏe cộng đồng...

*** Chuyên ngành Du lịch sinh thái:** Du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng - Địa lý du lịch - Sinh thái cảnh quan và thắng cảnh Việt Nam - Lễ hành và hướng dẫn du lịch sinh thái... ngoài ra sinh viên chuyên ngành này sẽ lựa chọn một số môn học để **bổ trợ kiến thức** như: Sinh lý học trong du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng - Du lịch biển và du lịch hang động Việt Nam - Mỹ học và tâm lý học trong du lịch sinh thái...

Sinh viên ngành Địa lý sẽ được **rèn luyện kỹ năng** về thành lập bản đồ các hiện tượng và quá trình tự nhiên, các dạng hoạt động sản xuất, sử dụng các công cụ Viễn thám và Hệ thống tin Địa lý, mô hình hóa và sử dụng các phần mềm chuyên dụng nghiên cứu sự phân hóa lãnh thổ và diễn biến theo thời gian của các đối tượng địa lý ở các quy mô khác nhau... để **có khả năng** nghiên cứu khoa học theo các chuyên ngành, đồng thời có thể giảng dạy Địa lý và các ngành khoa học liên quan, mặt khác cử nhân Địa lý có thể đảm nhận công việc khác trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

Sinh viên học ngành Địa lý sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục: Viện Địa kỹ thuật, Viện Địa chất, Viện Địa chất và Địa vật lý biển (IMGG); TT. Tư vấn và Dịch vụ dân số, gia đình và trẻ em; Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Đo đạc và Bản đồ...

+ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và công trình, Cty Vật tư mỏ địa chất...

+ Các phòng chức năng: Đo đạc và Bản đồ, Truyền thông - Văn động xã hội... ở các Sở như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Địa lý. Dạy môn Địa lý tại các trường THPT.

Ngành Địa chính

Cử nhân ngành Địa chính cũng được trang bị **kiến thức chung** của khối A, B, C tương tự như cử nhân ngành Địa lý, ngoài ra ngành Địa chính còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về: Bản đồ - Trắc địa - Viễn thám - GIS - Địa chính, với rất nhiều các môn học như: Đo vẽ địa hình - Hệ thống thông tin địa lý (GIS) - Đo vẽ bản đồ địa chính - Quy hoạch sử dụng đất - Hệ thống thông tin đất đai (LIS).... Không những thế tùy theo năng lực và sở thích của mình mà sinh viên ngành này còn được chọn lựa một trong hai chuyên ngành để từ đó được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Công nghệ Địa chính:** Ứng dụng tin học trong quản lý hồ sơ địa chính - Bản đồ địa hình - Cơ sở địa hình trong đo vẽ địa chính... cùng một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Hệ thống bản đồ quy hoạch hóa - Đo vẽ địa chính đô thị - Đo ảnh lập thể - Đo ảnh đơn... để sau khi học xong cử nhân chuyên ngành này **có khả năng** tham gia vào việc thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

*** Chuyên ngành Địa chính:** Lịch sử quản lý đất đai - Cơ sở kinh tế đất - Cơ sở sinh thái cảnh quan... đồng thời còn được học các **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua một số môn học lựa chọn như: Dự báo và kế hoạch sử dụng quỹ đất - Quản lý đất đai trong thị trường bất động sản - Thanh tra đất đai - Quy hoạch dự án... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** làm công tác nghiên cứu hoặc làm việc trực tiếp tại các cơ sở có liên quan đến ngành Địa chính...

Ra trường, sinh viên học ngành Địa chính có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Điều tra quy hoạch đất đai, TT. Điều tra quy hoạch đất đai...
- + Các Cục, Vụ: Cục Đo đạc và Bản đồ, Vụ Đất đai, Vụ đăng ký và thống kê đất đai...
- + TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Đầu tư phát triển nhà và xây dựng, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và công trình...
- + Các phòng chức năng: Đo đạc và Bản đồ, Quản lý Địa chính Nhà đất, Chính sách đất... ở các Sở như: Sở Địa chính - Nhà đất, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Địa chính.

Ngành Địa chất

Khi học ngành Địa chất sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản tương tự như sinh viên ngành Địa lý, cùng với **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Tinh thể học - Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất - Địa chất môi trường - Địa chất biển - Địa chất dầu khí - Địa chất đệ tứ - Nhập môn GIS và Viễn thám - Địa chất công trình - Địa chất thủy văn - Địa chất Việt Nam... đồng thời cũng tùy theo sự lựa chọn của mình mà sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Địa chất lịch sử:** Phương pháp phân tích (PPPT) tương đá cổ địa lý - Phương pháp nghiên cứu (PPNC) địa mạo, tàn kiến tạo - Cấu trúc trường quặng... ngoài ra sinh viên còn được cung cấp một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: PPNC thạch, kiến trúc - PPPT đới đứt gãy

và uốn nếp - Tai biến địa môi trường - PPNC các trường địa vật lý...

*** Chuyên ngành Địa hóa - Khoáng - Thạch:** PP tìm kiếm địa hóa - PPNC khoáng vật - Thạch hóa - PP khoáng tướng... bên cạnh đó là rất nhiều môn học mà sinh viên được lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Khoáng chất công nghiệp - Khai thác và chế biến khoáng sản - Cấu trúc trường quặng - Địa hóa môi trường - Các PPPT môi trường - Kinh tế địa chất và khoáng sản...

*** Chuyên ngành Địa môi trường:** Đánh giá tác động môi trường - Cơ sở khoa học môi trường - Địa hóa môi trường - Các PPPT môi trường... không những thế ngành còn cung cấp một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho sinh viên chuyên ngành này: Công nghệ xử lý môi trường - Địa hóa môi trường biển - Địa chất môi trường đới duyên hải - Tai biến địa môi trường - Địa kỹ thuật môi trường...

*** Chuyên ngành Trầm tích và địa chất dầu khí:** PP địa chấn trong nghiên cứu địa chất dầu khí - Trầm tích luận trong nghiên cứu dầu khí - PP thạch hóa trong nghiên cứu trầm tích - PP tìm kiếm dầu khí và tính trữ lượng... đồng thời sinh viên chuyên ngành này sẽ được chọn lựa một số **kiến thức bổ trợ** như: PPNC khoáng vật - Mô hình hóa bể trầm tích - Phân tích cấu trúc và đánh giá triển vọng dầu khí...

*** Chuyên ngành Địa động lực và tai biến địa môi trường:** Tai biến địa môi trường - PPNC các trường địa vật lý - PPPT đới đứt gãy và uốn nếp... ngoài ra, nhà trường còn cung cấp cho sinh viên chuyên ngành này các **kiến thức bổ trợ** như: PPNC thạch kiến trúc - Các PPNC địa kỹ thuật - Cơ học đất và đá - Các PPPT môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Các PP mô hình hóa trong địa chất...

*** Chuyên ngành Địa kỹ thuật:** Tính toán kết cấu - Các PPNC địa kỹ thuật - Địa động lực công trình - Kỹ thuật xử lý nền móng... bên cạnh đó sinh viên còn được trang bị thêm khối **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua rất nhiều môn học lựa chọn: Địa kỹ thuật môi trường - Vật liệu xây dựng - Tài biến địa môi trường - Các PP điều tra địa chất thủy văn - Cơ học đất và đá - Địa chất đô thị - Động lực học nước dưới đất...

*** Chuyên ngành Địa tin học, GIS và viễn thám:** Viễn thám trong nghiên cứu khoa học trái đất - Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám - GIS trong khoa học trái đất - Các PP lập trình trong GIS... đồng thời sinh viên còn được chọn một số **kiến thức bổ trợ** chuyên ngành: Cơ sở viễn thám radar và ứng dụng - Hệ chuyên gia trong viễn thám - PP thống kê trong viễn thám và GIS - Đồ họa vi tính trong địa chất...

Tốt nghiệp ngành Địa chất sinh viên sẽ **có khả năng** làm công tác nghiên cứu, công tác tìm kiếm, thăm dò địa chất và khai thác, tái tạo nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng phát triển bền vững.

Ngành Địa kỹ thuật - Địa môi trường

Sinh viên học ngành Địa kỹ thuật - Địa môi trường được cung cấp **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản giống như sinh viên các ngành Địa lý, cùng với các kiến thức cơ bản về ngành: Cơ sở địa chất - Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất - Địa chất công trình - Địa vật lý - Địa hóa học - Địa mạo - GIS và Viễn thám trong địa chất - Động lực học nước dưới đất - Cơ sở địa kiến tạo - Địa chất sinh thái... đồng thời còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Địa kỹ thuật:** Sức bền vật liệu - Kỹ thuật nền móng - Cơ học kết cấu - Cơ học đá... cùng với hàng loạt các môn học mà sinh viên có thể lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho hướng ngành: Địa kỹ thuật môi trường - Địa kỹ thuật công trình...

*** Chuyên ngành Địa môi trường:** Địa chất môi trường đới duyên hải - Địa kỹ thuật môi trường - Địa hóa môi trường... bên cạnh rất nhiều môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho hướng ngành: Địa hóa môi trường (Độc chất học - Địa hóa môi trường biển...); - Tài biến địa môi trường (Phương pháp địa chấn trong nghiên cứu kiến tạo hiện đại - Các Phương pháp nghiên cứu thạch kiến trúc...).

Sau khi ra trường cử nhân ngành Địa kỹ thuật - Địa môi trường **có khả năng** tổ chức nghiên cứu, khả năng hợp tác trong điều tra các đối tượng địa chất, các quá trình và hiện tượng địa chất phục vụ xây dựng các dạng công trình có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp các ngành Địa chất, Địa kỹ thuật - Địa Môi trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Điều tra quy hoạch đất đai, Viện Địa kỹ thuật, Viện Địa chất, Viện Địa chất và Địa vật lý biển (IMGG), Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản, Viện Khoa học địa chính, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Khoa học xây dựng...; TT. Thông tin lưu trữ địa chất, TT. Phân tích thí nghiệm địa chất...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường chất lượng, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Đo đạc và Bản đồ, Cục Quản lý và Xây dựng công trình, Cục Thủy lợi...

+ Các Vụ: Vụ Đất đai, Vụ Đăng ký và Thống kê đất đai, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ TCT Hóa chất Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, TCT Khoáng sản Việt Nam, TCT Dầu khí Việt Nam, các TCT Xây dựng... và hàng trăm công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Kiểm định xây dựng, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và Công trình...

+ Các phòng chức năng: Đo đạc và Bản đồ, Quản lý địa chính nhà đất, Chính sách đất, Quản lý kiến trúc, Quản lý quy hoạch, Quản lý kỹ thuật và Giám định chất lượng... ở các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... thuộc các tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Địa chất, Địa kỹ thuật - Địa môi trường.

Ngành Sinh học

Đào tạo cử nhân ngành Sinh học không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, B như: Xác suất thống kê - Thống kê Sinh học - Cơ - Nhiệt - Điện - Quang - Hóa cấu tạo - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ... mà còn có các **kiến thức cơ bản** về ngành: Tế bào học - Động vật không xương sống - Động vật học có xương sống - Di truyền học - Sinh lý thực vật - Sinh lý người và động vật - Ứng dụng Tin học trong Sinh học - Sinh học phát triển - Sinh học phân tử.... Ngoài ra sinh viên ngành Sinh học còn được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của nhóm chuyên ngành**: Sinh học phân tử và tế bào; Sinh học cơ thể động vật và người; Sinh học cơ thể thực vật; Sinh học quần thể, quần xã và Đa dạng sinh học. Đồng thời ngành cũng sẽ trang bị để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tùy theo từng lựa chọn:

(1) Chuyên ngành Di truyền học; (2) Chuyên ngành Hóa sinh học; (3) Chuyên ngành Vi sinh vật học; (4) Chuyên ngành Lý sinh; (5) Chuyên ngành Tế bào - Mô phôi; (6) Chuyên ngành Sinh lý người và động vật; (7) Chuyên ngành Sinh học người; (8) Chuyên ngành Sinh lý thực vật; (9) Chuyên ngành Động vật có xương sống; (10) Chuyên ngành Sinh thái học; (11) Chuyên ngành Động vật không xương sống; (12) Chuyên ngành Thực vật học.

Không những thế sinh viên tất cả các chuyên ngành vừa nêu còn có thể lựa chọn một số môn học khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành Sinh học: Nguyên tắc phân loại sinh vật - Lược sử Sinh học - Tập tính học động vật - Khoa học trái đất - Thiết kế thí nghiệm tối ưu - Ứng dụng viễn thám trong Sinh học... để khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên ngành này **có khả năng** thực hành tốt trong các lĩnh vực sinh học ứng dụng; có khả năng nghiên cứu, thu thập và phân tích các số liệu, cả trong phòng thí nghiệm và ngoài thực địa, đặc biệt là những kỹ năng thuộc chuyên ngành được đào tạo; có khả năng tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho các mục tiêu cần thiết...

Ngành Công nghệ sinh học

Ngành Công nghệ sinh học (CNSH) trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối A, B giống như sinh viên ngành Sinh học, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Những vấn đề xã hội đạo đức và pháp luật của CNSH - ADN tái tổ hợp và công nghệ di truyền - Công nghệ hóa sinh - Di truyền học y học - CNSH trong nông nghiệp - Phương pháp tối ưu trong sinh học - Kỹ thuật mới trong CNSH... đồng thời còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Di truyền học và kỹ thuật di truyền:** Di truyền học hóa sinh - Di truyền học tế bào Soma - Công nghệ tế bào thực vật - Công nghệ tế bào động vật - Công nghệ enzyme - Công nghệ protein...

*** Chuyên ngành Vi sinh vật học và công nghệ lên men:** CNSH trong sản xuất sinh khối vi sinh vật - CNSH trong sản xuất enzyme vi sinh vật - Các chế phẩm enzyme sử dụng trong nông nghiệp...

*** Chuyên ngành Hóa sinh học và công nghệ protein-enzim:** Cơ sở hóa sinh của sản xuất thực phẩm - Sinh học phân tử của màng - Công nghệ enzyme - Công nghệ protein - Công nghệ tế bào thực vật...

*** Chuyên ngành Công nghệ tế bào:** Quang hợp - Điều khiển giới tính động vật - Di truyền học tế bào Soma - Công nghệ tế bào thực vật - Công nghệ tế bào động vật - Công nghệ protein...

Học ngành này sinh viên sẽ **biết cách** triển khai và thực hành tốt các nghiên cứu trong lĩnh vực CNSH; **có khả năng** phân tích và xử lý các kết quả thí nghiệm để ứng dụng trong thực tế sản xuất và chuyển giao công nghệ; có khả năng thực thi ít nhất một kỹ thuật cụ thể trong CNSH...

Sau khi tốt nghiệp ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Nghiên cứu Y Dược, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi Quốc gia...

+ Các Trung tâm: TT. Công nghệ sinh học thực vật, TT. Môi trường sinh học nông nghiệp, TT. Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT. Phân tích ADN và Công nghệ di truyền...

+ Các Cục: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật...

+ TCT Da - Giấy Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Mía đường Lam Sơn, Cty Dầu thực vật hương liệu mỹ phẩm Việt Nam, các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thủy sản... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.300	25.507	1/19.6
2000	1.120	7.117	1/6.4
2001	1.050	10.842	1/10.3
2002	1.140	18.135	1/16.0
2003	1.150	10.065	1/9.0
2004	1.050	7.484	1/7.2
2005	1.100	5.688	1/5.0
2006	1.140	4.566	1/4.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Thổ nhưỡng A	16.0	17.0	16.5	18.0	16.0	17.0	16.0	18.0	19.5	26.0	20.0	23.0	18.0	19.0
Thổ nhưỡng B	17.0	17.5	17.0	20.0	19.0	20.0	20.5	22.5	20.0	26.0	22.0	23.0	20.0	21.0
Cơ học A	16.0	18.0	-	19.5	17.0	18.0	18.0	20.0	19.0	24.0	22.5	25.0	19.5	21.0

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
KT-TV-HD học A	16.0	18.0	16.5	18.0	16.0	17.0	16.0	17.0	18.0	22.0	20.0	22.0	18.0	19.0
Địa chất A	16.0	17.0	16.5	18.0	17.5	18.5	16.0	17.0	20.0	-	20.0	22.0	18.0	19.0
Địa lý A	16.0	17.0	16.5	18.0	16.0	17.0	16.0	17.0	18.0	-	20.0	22.0	18.0	19.0
Toán - Tin UD A	21.0	20.0	19.5	21.0	21.5	22.5	19.5	20.5	23.5	-	24.0	26.0	19.5	-
Địa chính A	16.0	-	17.0	18.0	17.0	18.0	17.0	20.0	20.0	-	20.0	25.0	18.0	19.0
Toán học A	21.0	18.5	18.5	20.5	18.5	19.5	19.5	21.5	20.0	-	22.5	-	19.5	21.0
Vật lý A	17.0	20.0	18.0	19.5	19.5	20.5	19.5	21.5	20.5	-	21.5	-	19.5	-
Sinh học B	18.0	19.0	17.5	20.0	23.5	24.5	22.5	24.5	23.0	-	25.0	-	21.0	22.0
CN Sinh học B	20.5	19.0	20.0	22.5	26.0	27.0	24.0	26.0	26.0	-	26.0	-	23.0	-
Khoa học MT A	18.5	21.0	19.5	20.0	21.0	22.0	19.0	21.0	21.0	-	22.5	-	21.0	-
Khoa học MT B	21.0	21.5	20.0	21.0	25.5	26.5	22.5	25.5	25.5	-	25.0	-	22.5	-
Hóa học*	19.0/20.0	23.0	21.0	22.5	22.0	23.0	21.5	23.5	20.5	-	26.0	-	20.0	-
CN Hóa học**	17.5/19.5	20.0	19.0	20.0	20.5	21.5	21.0	23.0	23.5	-	23.0	-	22.0	-
ĐKT - ĐMT*** A	-	-	-	-	-	-	-	-	18.0	-	20.0	23.0	18.0	-
CNMT A/B	-	-	-	-	-	-	-	-	22.0	-	21.0	-	22.0	-

Ghi chú: - * - Từ trước năm 2000 ngành Hóa học tuyển 2 khối A, B nhưng từ năm 2000 trở lại đây chỉ tuyển sinh khối A.

- ** - Ngành Công nghệ hóa học năm 1998 tuyển sinh khối A, B, từ năm 1999 đến nay chỉ tuyển sinh khối A.

- *** - Năm 2004 ngành Địa kỹ thuật - Địa môi trường có tuyển sinh khối B, điểm trúng tuyển NV1 là: 20.0 điểm.

- Từ năm 2004 đến nay ngành Sinh học và ngành Công nghệ sinh học chỉ tuyển sinh khối B (trước đây có tuyển sinh khối A); các ngành: Địa lý, Địa chất, Địa chính từ năm 2005 đến nay chỉ tuyển sinh khối A.

Chú thích: Số liệu thống kê ở các bảng 1 và bảng 2 của tất cả các trường được lấy từ nguồn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và từ website của các trường.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH KHTN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo các khối A và B.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH KHTN được lấy theo khoa, ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

- Trường ĐH KHTN có lớp đào tạo hệ Cử nhân Chất lượng cao gồm các ngành: Khí tượng học, Thủy văn học, Hải dương học, Địa lý, Địa chất và Khoa học môi trường và lớp đào tạo hệ Cử nhân Khoa học tài năng gồm 5 ngành: Toán học, Toán cơ, Vật lý, Hóa học và Sinh học, những học sinh lớp chuyên hoặc những học sinh có học lực xuất sắc nên đăng ký với phòng đào tạo vì học ở các lớp này có chế độ giảng dạy và học bổng đặc biệt, khi ra trường cũng dễ xin việc hơn.

- Từ năm 2006, Trường ĐH KHTN được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) giao nhiệm vụ tuyển một lớp từ những sinh viên trúng tuyển các ngành Hóa học và Công nghệ hóa học để đào tạo Cử nhân Hóa học theo chương trình tiên tiến quốc tế. Học lớp này, sinh viên sẽ được hưởng rất nhiều quyền lợi về giáo trình, về phương tiện học tập, về học phí và học bổng...

- Thí sinh dự thi các ngành Vật lý, Hóa học nếu có nguyện vọng sẽ được tuyển chọn vào lớp Pháp ngữ do Cộng hòa Pháp tài trợ.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH KHTN hàng năm tăng lên nhưng không nhiều trong khi đó số lượng thí sinh ĐKDT từ năm 2002 (từ khi áp dụng phương án tuyển sinh "3 chung" * do Bộ GD&ĐT quy định) đến nay lại có xu hướng giảm khiến tỉ lệ "chọi" giảm và so với mặt bằng chung thì tỉ lệ "chọi" của trường không phải là cao (1/16 năm 2002, 1/9 năm 2003, 1/7.2 năm 2004, 1/5 năm 2005 và đến năm 2006 là 1/4....) (xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐH KHTN nhìn chung tương đối ổn định đặc biệt là từ khi áp dụng việc tính điểm sàn** do Bộ GD&ĐT quy định thì hầu hết các ngành đều lấy điểm trúng tuyển trên 20 điểm, thấp nhất cũng lên tới 18 điểm. Thậm chí bạn có thể thấy những ngành như: Công nghệ sinh học, Khoa học môi trường (khối B), hay ngành Công nghệ hóa học (khối A) thường lấy điểm trúng tuyển luôn ở mức mà chỉ học sinh có lực học giỏi trở lên mới có khả năng đỗ.... (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong Trường ĐH KHTN luôn cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Ví dụ: năm 2006 nếu so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển của Trường ĐH KHTN luôn cao hơn từ 5 đến 9 điểm đối với khối A (18/13 và 22/13) và cao hơn từ 6 đến 9 điểm đối với khối B (20/14 và 23/14).

- So với mặt bằng chung các trường tuyển sinh khối A, B khác thì điểm trúng tuyển vào các ngành trong Trường cũng thuộc diện "top cao". Ví dụ năm 2006: ngành Công nghệ sinh học khối B của ĐH KHTN cao hơn hẳn điểm trúng tuyển vào ngành cùng tên ở các trường như: ĐH Nông nghiệp 1, ĐH Lâm nghiệp, Viện ĐH mở Hà Nội... chỉ chưa cao bằng ĐH Bách khoa Hà Nội 1.0 điểm (23.0/24.0 điểm); xem điểm trúng tuyển vào các ngành khác cũng tương tự, như ngành Toán - Tin ứng dụng khối A của ĐH KHTN không phải là ngành lấy điểm trúng tuyển cao nhất nhưng cũng cao hơn hẳn ĐH Thái Nguyên, ĐH Vinh... tới 6.5 điểm (19.5/13.0 điểm)... (Xem chi tiết bảng 2 ở các trường).

- Sự chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các ngành trong Trường ĐH KHTN cũng là điều bạn cần lưu ý khi ĐKDT. Năm 2006 mức chênh lệch về điểm trúng tuyển giữa các ngành có giảm hơn những năm trước nhưng bạn có thể thấy mức chênh lệch vẫn lên tới 4 điểm đối với những ngành tuyển sinh khối A: Công nghệ hóa học, Công nghệ môi trường: 22 điểm so với các ngành Địa 18 điểm; và cũng tới 3.0 điểm đối với những ngành tuyển sinh khối B: ngành Công nghệ sinh học 23 điểm so với ngành Thổ nhưỡng lấy 20 điểm... Các ngành Địa chất, Địa lý, Địa kỹ thuật môi trường (khối A) thường lấy điểm trúng tuyển thấp hơn những ngành khác tuy nhiên mấy năm gần đây cũng đã tăng dần lên... (Xem bảng 2).

* Từ năm 2002 Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh 3 chung: **Chung ngày thi** (khối A tuyển sinh trong một đợt, các khối B,C và D cùng tuyển đợt 2); **Sử dụng đề thi chung** của Bộ GD&ĐT; **Sử dụng chung kết quả thi** để xét tuyển. Các trường dành 80% cho nguyện vọng 1 (NV1) và 20% cho NV2. Thí sinh được ghi 3 NV trong hồ sơ ĐKDT. Bộ GD&ĐT quy định các trường chỉ xét tuyển theo NV1 80% chỉ tiêu, phải dành 20% để xét tuyển theo NV2 và NV3. Điểm trúng tuyển NV sau cũng phải cao hơn NV trước từ 1 điểm trở lên.

- Năm 2003 Bộ GD&ĐT lại quy định mỗi thí sinh được đăng ký liên tục 2 NV: NV1 và NV2, thí sinh trúng tuyển NV nào thì học NV đó. Thí sinh được ghi 2 NV trong hồ sơ ĐKDT. Bộ GD&ĐT giao quyền chủ động phương án xét tuyển cho các trường Đại học, Cao đẳng, chỉ quy định điểm trúng tuyển NV sau phải cao hơn NV trước là 1 hoặc 2 hoặc 3 điểm.

** Năm 2004 Bộ GD&ĐT đưa ra qui định mỗi thí sinh chỉ còn ghi 1 NV trong hồ sơ ĐKDT và quy định về điểm sàn (là mức điểm bắt buộc thí sinh phải đạt để được xét trúng tuyển hay không trúng tuyển) đã trở thành pháp lệnh: các trường Đại học, Cao đẳng không được xét tuyển các thí sinh có điểm thi thấp hơn điểm sàn.

- Mức điểm sàn qui định của Bộ GD&ĐT từ năm 2004 đến năm 2006 là: năm 2004 (khối A,D: 14 điểm; khối B,C: 15 điểm); năm 2005 (Khối A,B là 15 điểm, khối C,D là 14 điểm); năm 2006 (khối A, D là 13 điểm; khối B,C là 14 điểm)

- Điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành của Trường ĐH KHTN thường cao hơn điểm NV1 từ 1 đến 3 điểm, nhưng điểm để xét tuyển NV2 thường cao, đặc biệt là năm 2004, 2005 - điểm trúng tuyển chỉ dành cho những bạn có mức điểm khá, giỏi trở lên, thậm chí nếu bạn có mức điểm xét tuyển thuộc loại khá mà không thận trọng lựa chọn ngành cho phù hợp thì khả năng trúng tuyển của bạn cũng không cao. (Xem bảng 2).

- Nếu so sánh điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐH KHTN với điểm sàn mà Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐH KHTN cao hơn rất nhiều. Ví dụ: năm 2006 đối với những ngành tuyển sinh khối A lấy điểm trúng tuyển cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 5.0 - 9.0 điểm (18.0 - 22.0/13.0 điểm), và cao hơn từ 7.0 - 9.0 điểm đối với khối B (21.0 - 23.0/14.0 điểm)... (Xem bảng 2).

- Một số ngành của Trường ĐH KHTN tuyển cả 2 khối A và B: Thổ nhưỡng, Khoa học môi trường... Vì vậy thí sinh ĐKDT khối A nên học thêm môn Sinh học để có thể dự thi thêm khối B như vậy bạn lại có thêm một cơ hội để được trở thành sinh viên, nếu như lịch thi vẫn như các năm trước.

- Qua những số liệu trên có thể nói chất lượng đầu vào của Trường ĐH KHTN ngày càng được nâng lên vì vậy sẽ khó khăn cho những thí sinh có lực học trung bình khá muốn được trở thành sinh viên của trường, những thí sinh này nên thận trọng khi chọn ngành để đăng ký sao cho phù hợp với lực học của mình và bạn phải thực sự cố gắng. Nếu bạn chỉ yêu thích những ngành giống như trường đào tạo thì bạn có thể tham khảo ở một số trường khác về chỉ tiêu, điểm chuẩn để có sự lựa chọn sáng suốt.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐH KHTN có biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trụ sở: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (04) 858 3798 - Fax: (04) 858 3821 - Website: <http://www.ussh.edu.vn/>

- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KH&NV) trực thuộc ĐHQG Hà Nội được thành lập 1945, là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học đầu ngành trong lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn của cả nước.
- Hiện Trường ĐH KH&NV có 349 cán bộ giảng dạy có trình độ, uy tín khoa học cao, trong đó có 15 Giáo sư, 42 Phó Giáo sư, 113 Tiến sĩ, 67 Thạc sĩ...
- Trường ĐH KH&NV có các cấp đào tạo: Đại học, Sau đại học, với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tâm lý bao gồm các chuyên ngành sau:

*** Chuyên ngành Tâm lý học quản trị kinh doanh**

Sinh viên khi theo học chuyên ngành Tâm lý học quản trị kinh doanh được cung cấp không chỉ có các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Xã hội học - Giáo dục học - Đạo đức học - Tâm lý học (TLH) - Logic học - Đại cương văn hóa Việt Nam... mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành Tâm lý học: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý - TLH nhân cách - TLH quản lý - TLH sư phạm... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: TLH quản trị kinh doanh - TLH truyền thông và quảng cáo - TLH thanh tra - Tâm lý người tiêu dùng.... Ngoài ra sinh viên cũng được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Tư vấn tâm lý trong quản trị kinh doanh - Kỹ năng quản trị và kinh doanh.... Không những thế sinh viên còn được cung cấp khối **kiến thức nghiệp vụ, thực tập - thực tế** dành cho ngành Tâm lý học: Xử lý thống kê theo chương trình SPSS trong nghiên cứu tâm lý học - Kỹ năng tư vấn tâm lý - Phương pháp giảng dạy TLH... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tổ chức, quản lý, tư vấn cho các tổ

chức kinh tế, xã hội, các nhà máy, xí nghiệp... trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

*** Chuyên ngành Tâm lý học xã hội**

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Tâm lý học xã hội nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành Tâm lý học, cũng như việc được rèn luyện **kỹ năng nghiệp vụ, thực tập - thực tế**... tương tự như khối kiến thức mà ngành Tâm lý học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Tâm lý học quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành Tâm lý học xã hội còn được đào tạo để có những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: TLH gia đình - TLH dân tộc - TLH tôn giáo - Các trường phái nghiên cứu trong TLH xã hội - Các phương pháp nghiên cứu trong TLH xã hội... ngoài ra cũng được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Cơ sở TLH của Ékíp lãnh đạo - Dư luận xã hội và thông tin đại chúng - Kỹ năng tâm lý trong công tác xã hội... để sau khi học xong cử nhân chuyên ngành **có khả năng** nắm bắt tâm lý đối phương, khả năng xử lý tình huống, giải quyết các vấn đề có liên quan đến tâm lý...

*** Chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng**

Trên nền các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, những **kiến thức cơ bản** về ngành Tâm lý học được trang bị giống như chuyên ngành Tâm lý học quản trị kinh doanh, sinh viên chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương pháp nghiên cứu TLH lâm sàng - Trị liệu nhận thức, hành vi - Trị liệu phân tâm... bên cạnh một số **kiến thức bổ trợ** dành riêng cho chuyên ngành qua các môn học lựa chọn như: Tâm bệnh học trẻ em - Tâm bệnh học người lớn - Tâm được trị học - Stress và các bệnh tâm sinh... đồng thời cũng được rèn luyện **kỹ năng nghiệp vụ, thực tập - thực tế** về Tâm lý học tương tự chuyên ngành Tâm lý học quản trị kinh doanh.... Sau khi tốt nghiệp cử nhân Tâm lý học lâm sàng **có khả năng** chuẩn đoán, trị liệu các vấn đề tâm lý...

Sinh viên học ngành Tâm lý học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Tâm lý học; TT. Tư vấn tâm lý và Giáo dục tình yêu hôn nhân gia đình, TT. Tư vấn hướng nghiệp tâm lý giáo dục trẻ, TT. Tư vấn tình yêu hôn nhân gia đình...

+ Làm Chuyên gia tâm lý tại các TT. hướng nghiệp, các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tâm lý học.

Ngành Triết học

Đào tạo cử nhân ngành Triết học không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn giống như sinh viên ngành Tâm lý, mà còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lịch sử triết học - Sự ra đời và phát triển của Triết học Mác - Lênin - Tác phẩm kinh điển triết học Mác - Lênin - Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.... Ngoài ra, sinh viên ngành Triết học còn được cung cấp các kiến thức chuyên sâu của ngành như: Lịch sử vật lý học - Triết học chính trị - Sinh lý thần kinh cao cấp.... Không những thế ngành còn đào tạo để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu dành riêng cho chuyên ngành**:

*** Chuyên ngành Lịch sử triết học:** Vấn đề con người trong lịch sử triết học phương Tây trước Mác - Vấn đề phương pháp trong lịch sử triết học Tây Âu - Sự tiếp biến tư tưởng Đông Tây ở Việt Nam cuối thế kỷ XX... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Một số vấn đề phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức, so sánh với triết học phương Đông - Vấn đề tam giáo đồng nguyên ở Việt Nam...

*** Chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử:** Lịch sử phép biện chứng Mácxit - Triết học văn hóa... bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành này còn được lựa chọn một số **kiến thức bổ trợ:** Vai trò của tư duy lý luận trong nhận thức xã hội - Tư tưởng biện chứng trong triết học phương Đông - Cách mạng khoa học kỹ thuật với sự phát triển xã hội - Các lý thuyết phát triển xã hội...

*** Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội:** Biện chứng của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Đấu tranh bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay... ngoài ra sinh viên chuyên ngành này còn được cung cấp các **kiến thức bổ trợ** qua một số môn học lựa chọn như: Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay - Vấn đề gia đình ở Việt Nam hiện nay...

*** Chuyên ngành Logic học:** Lịch sử logic học - Logic trong luật pháp - Quy luật Cấm mâu thuẫn và vấn đề phản ánh mâu thuẫn trong tư duy... đồng thời chuyên ngành này cũng trang bị thêm cho sinh viên khối **kiến thức bổ trợ** thông qua các môn học lựa chọn: Sự hình thành và phát triển của tư duy logic - Logic học với tư duy hiện đại - Logic phi cổ điển...

*** Chuyên ngành Thẩm mỹ học:** Lịch sử mỹ học - Phương pháp luận Mácxit nghiên cứu mỹ học - Một số tác phẩm của Cantor và Heghen về mỹ học... cùng với một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Một số phạm trù mỹ học phương Đông - Chủ nghĩa nhân văn với sự phát triển của mỹ học...

*** Chuyên ngành Đạo đức học:** Lịch sử đạo đức học - Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam - Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức... bên cạnh đó chuyên ngành còn tạo điều kiện để sinh viên có thể lựa chọn các **kiến thức bổ trợ** như: Một số giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam - Đạo đức Nho giáo với quan niệm đạo đức Việt Nam - Đạo đức Phật giáo với quan niệm đạo đức Việt Nam ...

*** Chuyên ngành Tôn giáo học:** C.Mác, Ph. Ăng ghen, V.I. Lênin về tôn giáo và phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo - Mối quan hệ giữa tôn giáo với một số hình thái ý thức xã hội khác - Những tôn giáo lớn ở Việt Nam... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên

ngành: Triết học tôn giáo - Xu hướng vận động của tôn giáo trong thời đại ngày nay - Xã hội học tôn giáo - Tâm lý học tôn giáo...

Ngoài các kiến thức vừa nêu thì sinh viên ngành Triết học còn được rèn luyện **kỹ năng, nghiệp vụ** về: Kỹ thuật soạn thảo văn bản - Phương pháp điều tra xã hội học - Phương pháp giảng dạy các khoa học triết học.... Sau khi học xong chương trình, cử nhân Triết học **có khả năng** làm việc trong các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu các khoa học Triết học và các môn Lý luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh...

Ra trường, sinh viên ngành Triết học có thể làm việc tại:

+ Viện Triết học...

+ Làm công tác tuyên huấn, tuyên giáo, giúp các cấp chính quyền hoạch định, thực thi chủ trương, chính sách trong hoạt động văn hóa, tư tưởng: các tổ chức đoàn thể xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Triết học.

Ngành Ngôn ngữ

Ngành Ngôn ngữ trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn tương tự như sinh viên các ngành Tâm lý, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành là: Ngữ âm tiếng Việt - Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt - Ngữ pháp tiếng Việt - Phương ngữ học tiếng Việt... đồng thời còn cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Các phương pháp âm vị học - Các phương pháp nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa - Các phương pháp phân tích ngữ pháp.... Không những thế sinh viên còn được trang bị khối **kiến thức nghiệp vụ** với các môn như: Phương pháp dạy tiếng Việt thực hành - Ngôn ngữ và truyền thông - Quản trị ngôn ngữ - Giáo dục ngôn ngữ.... Trong quá trình theo học ngành này nhà trường còn tạo điều kiện để sinh viên được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành và các **kiến thức nghiệp vụ**: Chính sách ngôn ngữ văn hóa, dân tộc - Văn hóa và tộc người - Một số phương pháp dạy tiếng với tư cách ngoại ngữ.... Tốt nghiệp sinh viên ngành Ngôn ngữ **có khả năng** làm việc được ở nhiều lĩnh vực ngành nghề, tăng cường khả năng tiếp thị của sản phẩm được đào tạo, thích nghi với các công việc có liên quan đến nghiệp vụ khi ra trường...

Cử nhân ngành Ngôn ngữ có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Ngôn ngữ học, Viện Tâm lý học Việt Nam, Viện Nghiên cứu ngôn ngữ thổ dân...

+ Các Đài phát thanh, Đài truyền hình, Báo, Tạp chí, Nhà xuất bản từ Trung ương đến địa phương.

+ Các phòng nghiệp vụ: Quản lý nghiệp vụ văn hóa, Quản lý báo chí và xuất bản... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu bộ môn Tiếng Việt tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Ngôn ngữ.

Ngành Lịch sử

Cử nhân ngành Lịch sử được học những **kiến thức chung** về khối C giống như sinh viên các ngành Triết học, Ngôn ngữ... cùng với **kiến thức cơ bản** về ngành Lịch sử: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại/cận đại - Lịch sử thế giới cổ trung đại/ cận đại hiện đại - Cơ sở Khảo cổ học - Đường lối đối mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng - Biến đổi kinh tế, xã hội Việt Nam thời cận hiện

đại... Bên cạnh đó ngành còn trang bị các *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tùy theo sự lựa chọn của sinh viên:

* **Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam:** Sự hình thành dân tộc Việt Nam - Chiến tranh nhân dân và nghệ thuật quân sự ở Việt Nam - Cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam Việt Nam (1945-1975)... và các môn học lựa chọn khác nhằm *bổ trợ kiến thức* cho chuyên ngành: Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại - Chiến tranh nông dân và phong trào Tây Sơn - Cách mạng tháng Tám...

* **Chuyên ngành Lịch sử thế giới:** Các học thuyết chính trị, xã hội ở Trung Quốc - Đặc điểm của chế độ phong kiến phương Đông - Đặc điểm của cách mạng tư sản Âu - Mỹ (XVI-XIX)... bên cạnh rất nhiều môn học lựa chọn để *bổ trợ kiến thức* chuyên ngành: Sự phát triển kinh tế, xã hội của các nước Đông Bắc Á - Các nước Nam Thái Bình Dương - Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau 1945...

* **Chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:** Sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) - Đảng lãnh đạo xây dựng chính quyền qua các thời kỳ cách mạng - Các nguồn sử liệu và phương pháp nghiên cứu lịch sử ĐCSVN... ngoài ra chuyên ngành này còn cung cấp cho sinh viên một số *kiến thức bổ trợ* qua các môn học lựa chọn: Đảng lãnh đạo, tổ chức chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc - Đảng lãnh đạo chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945...

* **Chuyên ngành Lịch sử văn hóa Việt Nam:** Văn hóa phi vật thể - Giao thoa văn hóa - Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa - Văn hóa dân gian... bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành này còn được lựa chọn các *kiến thức bổ trợ* chuyên ngành: Những quan điểm cơ bản của ĐCSVN về văn hóa - Văn hóa ẩm thực - Mỹ thuật Việt Nam - Quá trình dân tộc của lịch sử Việt Nam...

* **Chuyên ngành Khảo cổ học:** Thời đại Đá cũ - Thời đại Đá mới - Thời đại Đồng - Thời đại Sắt sơ kỳ - Khảo cổ học lịch sử... không những thế sinh viên cũng được cung cấp một số môn học lựa chọn nhằm *bổ trợ kiến thức* cho chuyên ngành này như: Khảo cổ học Champa - Khảo cổ học Đông Nam Á - Gốm sứ học và lịch sử gốm sứ Việt Nam - Khảo cổ học Trung Quốc - Khảo cổ học lý thuyết - Khảo cổ học dưới nước...

* **Chuyên ngành Dân tộc học:** Người Mường và các dân tộc ngôn ngữ Việt Mường ở miền núi - Các dân tộc Tây - Nùng - Thái ở Việt Nam - Các dân tộc thuộc ngôn ngữ Tạng - Miến ở Việt Nam... cùng với khối *kiến thức bổ trợ* cho chuyên ngành thông qua những môn học lựa chọn như: Nghiên cứu so sánh làng xã Việt Nam với một số nước trong khu vực - Cơ sở Nhân học - Lễ hội truyền thống và tín ngưỡng dân gian...

Ngoài những kiến thức trên sinh viên ngành Lịch sử nói chung còn được cung cấp khối *kiến thức nghiệp vụ*: Phương pháp luận sử học - Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam - Phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử... nhằm giúp sinh viên nắm vững các *phương pháp* nghiên cứu lịch sử và *có khả năng* thích ứng trước những yêu cầu khác nhau của xã hội...

Sau khi tốt nghiệp ngành Lịch sử sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Sử học, Viện Khảo cổ học, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Viện Bảo tồn di tích, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á...

+ Các Bảo tàng trên cả nước như: Bảo tàng Cách mạng, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Lịch sử...

- + Các cơ quan Văn hóa - Thông tin: Ban Tuyên giáo, Báo chí, Đài phát thanh, Đài truyền hình...
- + Làm tại Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Lịch sử. Dạy môn Lịch sử tại các trường THPT.

Ngành Báo chí

Khi học ngành Báo chí sinh viên được học không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn tương tự như sinh viên ngành Ngôn ngữ, Lịch sử, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành là: Lý luận văn học - Cấu trúc tác phẩm văn học và báo chí - Phê bình tác phẩm văn học nghệ thuật trên báo chí... mà sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở lý luận báo chí truyền thông - Tổ chức và hoạt động của tòa soạn - Lý thuyết và thực hành biên tập sách, báo Ngôn ngữ báo chí - Kỹ văn học và kỹ báo chí.... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức**: Hệ thống tấn trong hệ thống báo chí - Quản lý, kinh doanh và phát hành báo chí - Quảng cáo trên báo chí.... Không những thế sinh viên sẽ được học một số môn học thuộc phần **kiến thức nghiệp vụ**: Trình bày báo in - Cơ sở lý luận và thực hành báo ảnh - Cơ sở lý luận và thực hành phát thanh - Cơ sở lý luận và thực hành truyền hình.... Sinh viên khi ra trường sẽ tạo lập **được khả năng** kết hợp lý luận và thực tiễn trong hoạt động báo chí, tạo thói quen tư duy lý luận và phương pháp nghiên cứu báo chí...

Ra trường, sinh viên học ngành Báo chí có thể làm việc tại:

- + Các Cục, Vụ: Cục Báo chí, Vụ Thông tin báo chí...
- + Các cơ quan: Thông tấn, Báo chí, Đài phát thanh, Đài truyền hình từ Trung ương đến địa phương.
- + Các phòng nghiệp vụ: Quản lý nghiệp vụ văn hóa, Quản lý báo chí và xuất bản... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Báo chí.

Ngành Văn học

Sinh viên học ngành Văn học được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về khối C giống như sinh viên ngành Lịch sử, ngành Báo chí... còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về: Lý luận văn học - Văn học dân gian cổ trung đại Việt Nam - Văn học Việt Nam hiện đại - Văn học phương Đông - Văn học châu Âu... đồng thời còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

* **Chuyên ngành Lý luận và Văn học Việt Nam hiện đại:** Những vấn đề lý luận thi pháp tác giả - Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại - Tư duy thơ Việt Nam hiện đại - Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại...

* **Chuyên ngành Văn học dân gian cổ trung đại Việt Nam:** Nho giáo và văn học dân tộc - Thi pháp ca dao dân gian - Lịch sử sưu tầm, nghiên cứu văn học Việt Nam dân gian...

* **Chuyên ngành Văn học nước ngoài:** Ảnh hưởng của thơ Đường đến Việt Nam - Thi pháp Lỗ Tấn - Thi pháp thơ Pháp - Tiểu thuyết phương Tây hiện đại - Thi pháp Đostôievski - Thi pháp L. Tônxtôi...

Không những thế sinh viên ngành Văn học cũng sẽ được rèn luyện **kỹ năng nghiệp vụ về:** Ngôn ngữ học - Hán Nôm - Văn học nghệ thuật... cùng hàng loạt môn học khác mà sinh viên có thể lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Ngôn ngữ báo chí - Phong cách học tiếng Việt - Phương

pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ - Ngữ pháp Hán Nôm cổ thực hành - Thư tịch Hán Nôm ở Việt Nam.... Học xong các chuyên ngành này sinh viên đều **có khả năng** nghiên cứu, thẩm định được các tác phẩm văn học, giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài...

Cử nhân ngành Văn học có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Văn học, Viện Ngôn ngữ học, Viện Nghiên cứu ngôn ngữ thổ dân, Viện Nghiên cứu Hán nôm, Viện Văn hóa thông tin...; Cục Bản quyền tác giả Văn học - Nghệ thuật, Cục Xuất bản...

+ Các cơ quan: Thông tấn, Báo chí, Đài phát thanh, Đài truyền hình, Nhà xuất bản từ Trung ương đến địa phương.

+ Các phòng nghiệp vụ: Quản lý văn hóa, Quản lý báo chí và xuất bản, Văn hóa cơ sở... thuộc Sở Văn hóa thông tin trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Văn học. Dạy môn Văn tại các trường THPT.

Ngành Hán Nôm

Đào tạo cử nhân ngành Hán Nôm không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội tương tự như sinh viên ngành Báo chí mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành: Hán văn cơ sở - Luận ngữ - Kinh Thi - Kinh Thư - Tả truyện - Kinh Dịch - Kinh Lễ - Hán văn - Di sản Hán văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Chữ Nôm - Ngữ pháp tiếng Việt... ngoài ra nhà trường cũng sẽ cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Ngữ pháp văn ngôn - Văn bản học Hán Nôm - Lịch sử hình thành cách đọc Hán Việt.... Không những thế sinh viên còn được lựa chọn các chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành như: Nho giáo và văn học dân tộc - Chế độ khoa cử ở Việt Nam - Cổ Hán ngữ thông luận - Thư pháp... bên cạnh đó ngành còn rèn luyện cho sinh viên có **kỹ năng nghiệp vụ** về: Hán Nôm thực hành - Hướng dẫn sử dụng sách tra cứu Hán Nôm... để khi ra trường cử nhân ngành này **có khả năng** giải mã được các văn bản Hán Nôm, biết khai thác các giá trị tiềm tàng lưu giữ trong các di sản Hán Nôm để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hán Nôm có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu Hán nôm, Viện Văn hóa thông tin...

+ Các phòng nghiệp vụ: Nghiên cứu văn hóa, Quản lý văn hóa, Văn hóa cơ sở... tại Sở Văn hóa thông tin ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Hán Nôm.

Ngành Thông tin - Thư viện

ngành Thông tin - Thư viện trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội giống như sinh viên các ngành Báo chí cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: về Thông tin (Thông tin học - Các quá trình và hệ thống thông tin - Xử lý thông tin...); về Thư viện, thư mục (Thư viện học - Thư mục học - Mục lục phân loại - Tự động hóa công tác thông tin - thư viện...)... đồng thời ngành còn cung cấp để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: về nghiệp vụ Thông tin (Sản phẩm và dịch vụ thông tin - Người dùng tin - Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý...); về nghiệp vụ Thư viện - thư mục (Tổ chức và bảo quản kho tài liệu - Tổ chức quản lý và tiếp thị công tác thông tin - thư viện - Định chủ đề - Công tác bạn đọc...)... Ngoài ra sinh viên còn

được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Định giá thông tin trong hoạt động thông tin - thư viện - Thư mục xã hội chính trị - Thư mục khoa học kỹ thuật... khi ra trường sinh viên **có thể** đảm nhiệm tất cả các khâu công tác từ tổ chức điều hành đến trực tiếp triển khai hoạt động tại các thư viện khoa học và trung tâm thông tin từ Trung ương đến địa phương...

Ra trường, sinh viên ngành Thông tin - Thư viện có thể công tác tại:

+ Các Vụ, Trung tâm: Vụ Thư viện, các TT. Thông tin - Thư viện ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc...

+ Các phòng nghiệp vụ có liên quan đến lĩnh vực Thông tin - Thư viện tại Sở Văn hóa thông tin trên cả nước.

+ Hệ thống các Thư viện của các cơ quan, trường học... từ Trung ương đến địa phương: Thư Viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Khoa học Xã hội, Thư viện Khoa học Kỹ thuật Trung ương, Thư Viện Quân đội...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Thông tin - Thư viện.

Ngành Lưu trữ và Quản trị văn phòng

Cử nhân ngành Lưu trữ và Quản trị văn phòng được đào tạo không những chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn tương tự như sinh viên ngành Báo chí, mà còn có các **kiến thức cơ bản về**: Văn bản và hành chính học - Quản trị hành chính văn phòng - Lưu trữ học.... Trên nền khối kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công bố tài liệu văn kiện - Công tác văn thư - lưu trữ các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam - Công tác văn thư - lưu trữ các doanh nghiệp.... Không những thế sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức**: Thư viện học - Thông tin học - Lưu trữ tài liệu điện tử.... Học xong chương trình, cử nhân ngành Lưu trữ và Quản trị văn phòng **có khả năng** nghiên cứu, làm công tác văn thư lưu trữ tại các cơ quan, doanh nghiệp...

Cử nhân ngành Lưu trữ và Quản trị văn phòng có thể công tác tại:

+ Các Trung tâm, Cục: Các TT. Lưu trữ Quốc gia, TT. Thông tin Lưu trữ Tư liệu từ Trung ương đến địa phương, TT. Tu bổ Phục chế Tài liệu Lưu trữ; Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Cục Lưu trữ Nhà nước, Cục Hành chính quản trị, Cục Quản lý văn bản, Cục Lưu trữ văn phòng Trung ương Đảng, Cục Quản trị...

+ Làm tại Văn phòng các Sở trên địa bàn toàn quốc hoặc làm công tác văn phòng tại các phòng Hành chính - Tổng hợp... ở các cơ quan, tổ chức xã hội, các đơn vị sản xuất, kinh doanh...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Lưu trữ và Quản trị văn phòng hay ngành Lưu trữ học và ngành Văn thư lưu trữ.

Ngành Đông phương học

Khi học ngành Đông phương học sinh viên sẽ được học **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Kinh tế học - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Địa lý kinh tế xã hội - Lịch sử Việt Nam... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Văn minh phương Đông - Các tộc người và ngôn ngữ phương Đông - Quan hệ giữa các nước phương Đông và quá trình hội nhập khu vực, thế giới... đồng thời sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Con đường phát triển kinh tế hiện nay - Các tổ chức doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân - Quan hệ với Việt Nam... và cũng sẽ được cung cấp khối **kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành, khối kiến thức nghiệp vụ** như: Tiếng

Trung Quốc - Tiếng Nhật Bản - Tiếng Hàn Quốc.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Các nguồn sử liệu và phương pháp tiếp cận - Các tôn giáo - Phong tục tập quán và quan hệ ứng xử... Sinh viên ngành Đông phương học ra trường sẽ **có khả năng** nghiên cứu về các nền văn hóa, phong tục tập quán của các nước ở phương Đông, khả năng ứng dụng vào các lĩnh vực có liên quan chương trình đào tạo...

Sau khi tốt nghiệp ngành Đông phương học sinh viên có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu Đông Nam Á...
- + Làm tại phòng Đối ngoại, Hợp tác quốc tế của các Bộ, Tổng cục, các Tổ chức phi Chính phủ...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Đông phương học.

Ngành Quốc tế học

Sinh viên học ngành Quốc tế học được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản tương tự như sinh viên ngành Đông phương học, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành Quốc tế học: Nhập môn quan hệ quốc tế - Lịch sử quan hệ quốc tế - Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam - Kinh tế đối ngoại Việt Nam... trên cơ sở đó còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành về ngoại ngữ** (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga): Nghe - Nói - Đọc - Viết - Kỹ năng tổng hợp - Dịch... đồng thời sinh viên sẽ được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu dành riêng cho chuyên ngành**:

*** Chuyên ngành Quan hệ quốc tế:** Quan hệ Việt Nam & Liên bang Nga - Quan hệ Việt Nam & EU - Quan hệ Việt Nam & Đông Bắc Á - Quan hệ Việt Nam & Đông Nam Á - Quan hệ Việt Nam & Hoa Kỳ... bên cạnh một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Các tổ chức Liên hợp quốc hoạt động ở Việt Nam - Các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam...

*** Chuyên ngành châu Âu học:** Lịch sử và văn hóa châu Âu - Hệ thống chính trị EU - Chính sách đối ngoại EU - Khái quát kinh tế EU... mặt khác sinh viên chuyên ngành này còn được lựa chọn các **kiến thức bổ trợ** như: Những đặc trưng văn hóa châu Âu - Ảnh hưởng hệ thống chính trị châu Âu đối với Việt Nam...

*** Chuyên ngành châu Mỹ học:** Lịch sử và văn hóa châu Mỹ - Hệ thống chính trị Hoa Kỳ - Lịch sử và văn hóa Hoa Kỳ - Canada - Các nước Mỹ Latinh... không những thế chuyên ngành còn cung cấp cho sinh viên một số **kiến thức bổ trợ** qua các môn học lựa chọn: Đặc trưng văn hóa Mỹ Latinh - Chính sách ngôn ngữ ở châu Mỹ - Hoa Kỳ và chính sách chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế...

Ngoài những kiến thức đã nêu, sinh viên ngành Quốc tế học còn được đào tạo khối **kiến thức nghề vụ:** Nghiệp vụ công tác đối ngoại - Nghiệp vụ hành chính văn phòng đối ngoại - Phương pháp nghiên cứu quốc tế.... Sinh viên ngành Quốc tế học khi ra trường **có thể** sử dụng thông thạo một ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga) như một công cụ giao tiếp quốc tế, có phương pháp nghiên cứu các vấn đề quốc tế, phương pháp giao tiếp quốc tế... để **có khả năng** nghiên cứu và giảng dạy về các vấn đề quốc tế hoặc làm công tác đối ngoại tại các cơ quan, doanh nghiệp có hoạt động liên quan chuyên ngành...

Ra trường, sinh viên học ngành Quốc tế học có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới...
- + Các phòng chức năng: Đối ngoại, Hợp tác quốc tế... trực thuộc các Bộ, Tổng cục, các Tổ chức Phi chính phủ...

- + Làm công tác phiên, biên dịch tại các đơn vị có quan hệ hợp tác quốc tế trên toàn quốc.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Quốc tế học.

Ngành Du lịch

Đào tạo cử nhân ngành Du lịch không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Sinh thái học - Kinh tế học - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Địa lý kinh tế xã hội thế giới - Tiến trình lịch sử Việt Nam - Toán cho khoa học xã hội và nhân văn... mà còn có các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Marketing du lịch - Quản trị kinh doanh khách sạn - Quản trị kinh doanh lữ hành - Nghiệp vụ khách sạn - Hướng dẫn du lịch Việt Nam - Du lịch quốc tế.... Bên cạnh đó sinh viên ngành này còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: **Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch** (Văn học Việt Nam - Hán Nôm du lịch - Nghiệp vụ ngoại giao...); **Chuyên ngành Kinh tế du lịch** (Tín dụng và thanh toán quốc tế - Thống kê du lịch - Quản lý Nhà nước về kinh tế và du lịch...); **Chuyên ngành Quy hoạch du lịch** (Bản đồ du lịch - Phát triển du lịch bền vững - Quy hoạch du lịch...). Tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam với du khách quốc tế, tổ chức được các hoạt động văn hóa kinh doanh phục vụ cho du lịch, hướng dẫn viên du lịch...

Cử nhân ngành Du lịch có thể công tác tại:

- + Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, Cục Xúc tiến du lịch, Vụ Lữ hành... thuộc Tổng cục Du lịch.
- + TCT Du lịch Việt Nam và các công ty, đơn vị thành viên trên khắp cả nước: các Cty Du lịch, Cty Lữ hành, Cty Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Cty Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam...
- + Các phòng nghiệp vụ: Du lịch và Hợp tác đầu tư, Quản lý du lịch và khách sạn, Xúc tiến du lịch, Nghiên cứu Phát triển du lịch... của các Sở như: Sở Du lịch, Sở Du lịch - Thương mại, Sở Thương mại - Du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Du lịch.

Ngành Xã hội học

Ngành Xã hội học trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội giống như sinh viên ngành Tâm lý học, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Xã hội học (XHH) đại cương - Lịch sử XHH - Phương pháp luận và phương pháp cụ thể trong nghiên cứu XHH - Kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin XHH - Thống kê XHH... và một số môn học lựa chọn: XHH khoa học và công nghệ - XHH tôn giáo - XHH giáo dục - XHH chính sách xã hội - Tâm lý học xã hội... đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

* **Chuyên ngành Lý thuyết và phương pháp:** Lý thuyết hành động xã hội - Lý thuyết trao đổi và lý thuyết phát triển - Lý thuyết xung đột xã hội - Lý thuyết giá trị - Lý thuyết nữ quyền...

* **Chuyên ngành Xã hội học văn hóa và vùng lãnh thổ:** XHH lối sống các nhóm cư dân hiện nay - Sai lệch chuẩn mực xã hội, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật - Văn hóa làng xã - Dư luận xã hội và tin đồn...

* **Chuyên ngành XHH kinh tế và xã hội:** Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội - XHH về công tác xã hội người khuyết tật - XHH về công tác xã hội người cao tuổi - XHH về an sinh xã hội...

*** Chuyên ngành Xã hội học giới, gia đình, dân số:** Phân công lao động theo giới - Di dân và biến đổi xã hội - Xung đột và bạo lực gia đình - Buồn bán phụ nữ và trẻ em - Vấn đề chất lượng dân số...

Sau khi tốt nghiệp sinh viên Xã hội học **có thể** tiếp cận, giải quyết có hiệu quả các công việc có liên quan đến ngành học; có thể làm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu cũng như làm việc trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Xã hội học có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Xã hội học, Viện Khoa học lao động và Xã hội, Viện Nghiên cứu con người, Viện Nghiên cứu phát triển xã hội, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển...

+ Làm công tác điều tra xã hội học tại: Ủy ban Dân số, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Xã hội học.

Ngành Quản lý xã hội (Khoa học quản lý)

Khi học ngành Quản lý xã hội sinh viên sẽ được học **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Phương pháp & Tự nhiên, khối Khoa học Xã hội: Quy hoạch toán học - Lý thuyết xác suất và thống kê - Lý thuyết trò chơi - Lý thuyết hệ thống và điều khiển học - Logic học - Kinh tế học - Cơ sở văn hóa Việt Nam... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành: Hành chính học - Lý thuyết truyền thông - Kinh tế học công cộng... và các học phần lựa chọn: Phát triển nguồn nhân lực - Xã hội học lao động - Tâm lý - Luật Kinh doanh... đồng thời sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Văn hóa và đạo đức quản lý - Xã hội học quản lý - Tâm lý học quản lý - Khoa học chính sách - Quản trị chiến lược - Quản trị nguồn nhân lực.... Không những thế ngành còn tạo điều kiện để sinh viên lựa chọn **kiến thức bổ trợ** chuyên ngành theo 2 phương án:

*** Phương án I:** Tổ chức chính quyền địa phương - Quản lý nguồn lao động và việc làm - Quản lý khoa học và công nghệ - Quản trị doanh nghiệp - Quản lý sở hữu trí tuệ - Quản lý Nhà nước...

*** Phương án II** bao gồm các chuyên ngành: **(1) Chuyên ngành Quản lý cấp địa phương:** Quy hoạch và quản lý đô thị và nông thôn - Tổ chức chính quyền địa phương - Hương ước và quản lý làng xã...; **(2) Chuyên ngành Quản lý hành chính:** Tổ chức bộ máy hành chính - Luật Công chức - Luật Tổ tụng hành chính - Quy hoạch và quản lý đô thị và nông thôn...; **(3) Chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực:** Kinh tế học nhân lực - Thuật dùng người - Quản lý lao động và việc làm - Quản lý nhân sự...; **(4) Chuyên ngành Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội:** Chính sách bảo đảm xã hội - Chính sách xóa đói giảm nghèo - Quản lý nguồn lao động và việc làm...; **(5) Chuyên ngành Bảo hộ sở hữu trí tuệ:** Quyền tác giả và quyền liên quan - Bí mật kinh doanh và cạnh tranh không lành mạnh - Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ...

Sinh viên ngành Khoa học quản lý khi ra trường **có năng lực** phân tích và đánh giá; **có khả năng** tổ chức, huy động và thuyết phục quần chúng thực hiện mục tiêu của tổ chức; **có trình độ** tốt về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; **có kỹ năng** tốt về quản lý, về trình bày, giao tiếp và cộng tác trong công việc...

Ngành Công tác xã hội

Ngành Công tác xã hội (CTXH) cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** của khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Giáo dục học - Nhập môn khoa học giao tiếp - Quản trị học căn bản - Thống kê

Xã hội học..., và **kiến thức cơ bản** về ngành: Nhập môn xã hội học - Nhân học - Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội học - Tâm lý học xã hội - Hành vi con người và môi trường xã hội... bên cạnh đó sinh viên ngành này cũng sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nhập môn CTXH - CTXH với cá nhân - CTXH với nhóm - Chính sách xã hội - Tham vấn - Quản trị ngành CTXH... ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua các môn học lựa chọn như: CTXH trong tổ chức chính trị xã hội - CTXH an sinh và phát triển cộng đồng - CTXH với trẻ em... để sau khi ra trường Cử nhân ngành này **có khả năng** giải quyết các vấn đề xã hội, phát hiện các vấn đề cũng như tiềm năng ở cộng đồng, huy động và liên kết người dân trong cộng đồng để giải quyết các vấn đề có liên quan, đồng thời có khả năng tham gia hay điều hành các dự án phát triển...

Sinh viên học ngành Quản lý xã hội, Công tác xã hội sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Khoa học lao động và Xã hội, Viện Xã hội học, Viện Chiến lược và Chính sách y tế, Viện Khoa học pháp lý, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng...

+ Các tổ chức xã hội như: Ủy ban Dân số các cấp, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...

+ Bộ phận nghiên cứu thị trường của các đơn vị kinh tế như các TCT, công ty, nhà máy, xí nghiệp...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản lý Xã hội học và Công tác xã hội.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	1.060	25.833	1/22.0
2001	1.100	22.878	1/20.8
2002	1.240	21.705	1/17.0
2003	1.240	10.516	1/8.0
2004	1.280	14.495	1/11.3
2005	1.310	14.743	1/11.0
2006	1.390	12.891	1/9.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Tâm lý học C	19.5	19.5	22.5	20.5	21.0	22.0	19.0	21.0	19.0	19.5	20.0	19.0	20.0
Tâm lý học D	15.0	-	18.0	16.0	21.0	22.0	20.0	22.0	19.0	18.5	19.5	18.5	19.0
Quản lý XH C	21.5	21.0	22.5	20.0	21.0	22.0	19.5	21.5	20.5	20.0	-	20.5	20.5
Quản lý XH D	15.0	-	18.0	16.0	21.0	22.0	18.5	20.5	19.0	19.0	-	20.0	20.0
Xã hội học C	20.5	19.0	22.0	21.0	21.0	22.0	19.5	21.5	19.0	20.0	-	19.0	20.5
Xã hội học D	15.0	-	17.5	16.0	21.0	22.0	19.0	21.0	18.5	19.0	-	18.5	19.5
Triết học C	20.0	20.0	22.5	20.5	21.5	22.5	17.5	20.5	21.0	18.0	22.0	19.5	-
Triết học D	15.0	-	17.5	16.0	21.0	22.0	17.0	19.0	20.0	18.0	19.0	19.0	19.0
Văn học C *	22.5	21.0	23.5	21.5	22.0	23.0	20.0	22.0	21.5	20.0	-	20.0	-
Văn học D	16.5	-	19.0	17.5	20.5	21.5	19.0	22.0	20.5	19.0	19.0	19.0	-

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Ngôn ngữ C	20.0	19.0	22.0	19.5	22.0	23.0	17.0	19.0	20.5	18.0	-	19.5	19.5
Ngôn ngữ D	15.0	-	17.5	16.0	21.5	22.5	16.0	18.0	20.5	18.0	20.5	19.0	19.0
Lịch sử C	22.5	22.0	23.5	22.0	22.0	23.0	20.5	23.5	21.5	20.0	-	20.0	-
Lịch sử D	15.0	-	16.5	16.5	20.5	21.5	19.0	22.0	20.5	20.0	-	19.5	19.5
Báo chí C	23.0	22.5	23.5	22.5	23.0	24.0	20.0	23.0	21.5	20.5	-	20.5	-
Báo chí D	16.5	-	18.0	18.0	22.5	23.5	20.0	23.0	20.5	20.0	-	20.0	-
TT-Thư viện C	20.0	18.0	22.5	19.0	20.5	21.5	18.0	20.0	20.0	18.0	20.5	19.0	20.0
TT-Thư viện D	15.0	-	17.0	16.0	20.5	21.5	17.0	19.0	19.0	18.0	19.0	18.5	18.5
LTH&QTVP C	20.0	16.5	22.5	21.0	21.5	22.5	20.0	22.0	20.5	20.0	-	19.5	-
LTH&QTVP D	15.0	-	18.0	16.5	22.0	23.0	19.0	21.0	20.0	18.5	-	19.0	19.0
ĐP học C	21.5	-	-	-	22.0	23.0	20.5	23.5	22.5	21.0	-	21.0	-
ĐP học D	18.5	-	19.0	16.0	20.5	21.5	18.5	21.5	20.5	19.5	20.5	20.0	-
QT học C	20.5	-	-	-	20.5	21.5	19.5	22.5	22.0	19.0	-	20.0	-
QT học D	16.5	-	18.0	16.0	20.5	21.5	18.0	21.0	20.5	19.0	21.5	19.5	21.0
Du lịch học C	22.5	-	-	-	22.0	23.0	21.5	24.5	22.5	20.5	-	20.0	-
Du lịch học D	17.5	-	19.0	16.5	21.0	22.0	20.5	23.5	20.0	19.0	-	19.5	-
Hàn Nôm C	22.5	21.0	23.5	21.5	22.0	23.0	-	-	19.0	18.0	-	19.0	-
Hàn Nôm D	16.5	-	19.0	17.5	20.5	21.5	-	-	18.5	18.0	18.5	19.0	19.5
Công tác XH C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.0	20.0
Công tác XH D	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.5	20.0

Ghi chú: - * - Trước năm 2001 điểm trúng tuyển của ngành Văn học, ngành Hàn Nôm là điểm chung cho ngành Văn học & Hàn Nôm

- ** - Ngành Lưu trữ và quản trị văn phòng năm 2000 có tuyển sinh khối A, điểm trúng tuyển là 15.0 điểm.

- Năm 1998 một số ngành có tuyển sinh khối H. Trước năm 2002 các ngành: Tâm lý học, Xã hội học, Triết học, Quản trị học, Quản lý xã hội có tuyển sinh khối A.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH KHXH&NV tuyển sinh trên toàn quốc và tuyển sinh các khối C, D1, D2, D3 và D4.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH KHXH&NV lấy theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Trường ĐH KHXH&NV đào tạo hệ Cử nhân. Chất lượng cao với 5 ngành học: Văn học, Ngôn ngữ học, Triết học, Lịch sử và Khoa học quản lý. Nếu bạn được trở thành sinh viên các lớp này thì sẽ có rất nhiều thuận lợi cho bạn trong quá trình học cũng như xin việc khi ra trường. Khi bạn trúng tuyển vào khoa Tâm lý học, nếu có nguyện vọng bạn sẽ được tuyển chọn vào học lớp Pháp ngữ do Cộng hòa Pháp tài trợ.

2. Một số lưu ý

- Hàng năm Trường ĐH KHXH&NV được Bộ GD&ĐT giao cho khoảng hơn một nghìn chỉ tiêu, và có xu hướng tăng dần theo từng năm. Điều này cho thấy nhu cầu xã hội đang cần nhiều cử nhân của trường. (Xem bảng 1).

- Từ năm 2004 đến nay tỉ lệ "chọi" của trường có xu hướng giảm dần đi nhưng không nhiều nên so với mặt bằng chung của các trường tuyển sinh khối C, D thì Trường ĐH KHXH&NV vẫn có tỉ lệ "chọi" tương đối cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường nhìn chung khá ổn định qua các năm và cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cũng như so với mặt bằng chung các trường tuyển sinh cùng khối khác.

- Năm 2006 so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thi điểm trúng của Trường ĐH KHXH&NV cao hơn từ 5.0 đến 7.0 điểm đối với khối C (19.0 - 21.0/14.0) và từ 5.5 đến 7.0 điểm đối với khối D (18.5 - 20.0/13.0). (Xem cụ thể ở bảng 2).

- Điểm trúng tuyển giữa các ngành trong Trường ĐH KHXH&NV cũng có sự chênh lệch tuy nhiên mức chênh lệch không lớn, trung bình chỉ từ 1.0 đến 3.5 điểm (Ví dụ năm 2006 ngành Đông phương học lấy 21.0 điểm còn ngành Công tác xã hội, Tâm lý học cũng 19.0 điểm (Khối C)...). (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 của các ngành thường cao hơn từ 1.0 đến 3.0 điểm so với NV1, đồng thời cũng cao hơn khá nhiều so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định. Năm 2006 lại có một số ngành điểm NV2 bằng điểm NV1 như Lịch sử, Thông tin - Thư viện (khối D), Ngôn ngữ (khối C và D)... tuy nhiên với mức điểm trúng tuyển này nếu bạn không có số điểm khá giỏi trở lên thì bạn khó có khả năng trúng tuyển NV2. (Xem bảng 2).

- Các thí sinh có học lực trung bình, trung bình khá cần thận trọng khi ĐKDT vào trường. Một số trường khác cũng đào tạo một số ngành giống như Trường ĐHKHXH&NV đào tạo như Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG TPHCM), ĐH Công đoàn, ĐH Sư phạm Hà Nội, ĐH Hồng Đức... vì vậy các bạn cần so sánh giữa các trường về chỉ tiêu, số lượng thí sinh ĐKDT và điểm trúng để có sự lựa chọn sáng suốt nhất cho mình.

- Ngành Khoa học quản lý là ngành được hợp nhất từ bộ môn Quản lý xã hội của khoa Triết học và bộ môn Quản lý khoa học và Công nghệ của khoa Xã hội học.

- Từ năm 2006 trường mở thêm ngành mới là ngành Công tác xã hội nằm trong khoa Xã hội học.

- Qua các số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT không có biến động nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Trụ sở: Đường Phạm Văn Đồng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7548874 - Fax: (04) 8346065 - Website: <http://www.cfl.vnu.edu.vn>.

- Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNH) trực thuộc Trường ĐHQG Hà Nội được thành lập ngày 14/8/1967, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ngôn ngữ, cán bộ biên - phiên dịch, đáp ứng nhu cầu nhân lực ngoại ngữ của đất nước.
- Trường ĐHNH có hơn 600 cán bộ, giáo viên giảng dạy trong đó có: 07 Nhà giáo Ưu tú, 05 Phó giáo sư, 33 Tiến sĩ khoa học và Tiến sĩ, 142 Thạc sĩ, 397 Cử nhân, 188 giảng viên chính, 251 giảng viên...
- Trường ĐHNH có các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học... với 2 loại hình đào tạo chính: chính quy và vừa học vừa làm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tiếng Anh (hệ phiên dịch)

Sinh viên học ngành Tiếng Anh (hệ phiên dịch (HPD)) được cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Dẫn luận ngôn ngữ học - Ngôn ngữ học đối chiếu - Tiếng Việt... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng Anh: Ngữ âm, Ngữ nghĩa tiếng Anh - Từ pháp tiếng Anh - Cú pháp tiếng Anh - Văn học Anh - Văn học Mỹ - Kỹ năng nói tiếng Anh - Kỹ năng viết tiếng Anh - Đọc hiểu tiếng Anh - Nghe hiểu tiếng Anh... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch tiếng Anh như: Lý thuyết dịch - Biên dịch - Phiên dịch - Viết khoa học.... Ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn rất nhiều môn học khác để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Phong cách học tiếng Anh - Ngữ dụng học tiếng Anh - Thuật ngữ và Dịch - Kỹ thuật ghi nhanh - Công nghệ với dịch thuật.... Khi ra trường sinh viên ngành Tiếng Anh **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch tiếng Anh ở các cơ quan, các ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước...

Ngành Tiếng Pháp (HPD)

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Pháp (HPD) không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Khoa học Nhân văn giống như sinh viên ngành Tiếng Anh (HPD), mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng Pháp: Ngữ âm - Âm vị học tiếng Pháp - Ngữ pháp tiếng Pháp - Từ vựng học tiếng Pháp - Dẫn luận ngữ nghĩa học tiếng Pháp - Dẫn luận ngữ dụng học tiếng Pháp - Lịch sử văn học Pháp - Nhập môn văn bản văn học Pháp - Nghe hiểu tiếng Pháp - Nói tiếng Pháp - Đọc hiểu tiếng Pháp - Viết tiếng Pháp.... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch tiếng Pháp: Lý thuyết dịch - Dịch viết - Dịch nói.... Không những thế sinh viên còn được trang bị hàng loạt môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Tiếng Pháp du lịch, khách sạn - Tiếng Pháp kinh tế, thương mại - Tiếng Pháp luật, hành chính - Phương pháp lấy tư liệu chuyên đề - Tóm tắt và lược thuật.... Sinh viên ngành Tiếng Pháp sau khi tốt nghiệp **có khả năng** thực hành biên, phiên dịch tiếng Pháp và biết sử dụng các kiến thức, kỹ năng này vào công việc biên, phiên dịch phải đảm nhiệm...

Ngành Tiếng Nga (HPD)

Ngành Tiếng Nga (HPD) trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn tương tự như sinh viên ngành Tiếng Anh (HPD), cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về ngôn ngữ, văn hóa, văn học và tiếng Nga: Ngữ âm - Âm vị học tiếng Nga - Từ vựng học tiếng Nga - Hình thái học tiếng Nga - Cú pháp câu đơn - Cú pháp câu phức - Văn học Nga - Văn hóa Nga - Nghe hiểu tiếng Nga - Nói tiếng Nga - Đọc hiểu tiếng Nga - Viết tiếng Nga - Dịch thực hành... đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch tiếng Nga: Lý thuyết dịch - Thực hành dịch viết.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Tiếng Nga du lịch - Tiếng Nga tài chính, ngân hàng - Tiếng Nga thương mại - Kỹ thuật ghi nhanh - Nghệ thuật dịch văn bản.... Học xong chương trình cử nhân Tiếng Nga (HPD) **có khả năng** sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ để phục vụ mục đích nghề nghiệp biên, phiên dịch tiếng Nga của mình; đồng thời có khả năng tư duy, có năng lực nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến sử dụng tiếng Nga...

Ngành Tiếng Trung (HPD)

Khi học ngành Tiếng Trung (HPD) sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Khoa học Nhân văn giống như sinh viên ngành Tiếng Anh (HPD), cùng với **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng Trung Quốc: Ngữ pháp học, Ngữ âm, Văn tự học, Từ vựng học tiếng Trung Quốc - Đất nước học Trung Quốc - Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc - Tiếng Trung Quốc - Nghe hiểu, Nói, Đọc hiểu, Viết và Dịch tiếng Trung... đồng thời sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch tiếng Trung: Lý thuyết dịch - Kỹ thuật dịch nói - Kỹ thuật dịch viết - Dịch chuyên ngành - Thuật ngữ và dịch.... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp rất nhiều môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Từ loại trong tiếng Trung Quốc - Ngôn ngữ học và dịch - Kỹ thuật ghi nhanh - Công nghệ với dịch thuật - Đối chiếu Hán, Việt... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** sử dụng tiếng Trung Quốc một cách thành thạo, nghiên cứu được các vấn đề liên quan đến Trung Quốc, có khả năng giảng dạy tiếng Trung Quốc ở các cơ sở đào tạo...

Ngành Tiếng Nhật (HPD)

Sinh viên học ngành Tiếng Nhật (HPD) được cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Khoa học Nhân văn tương tự như sinh viên ngành Tiếng Anh (HPD), cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng Nhật: Ngữ âm học tiếng Nhật - Từ vựng học tiếng Nhật - Ngữ pháp tiếng Nhật - Ngôn ngữ học ứng dụng - Văn hóa Nhật Bản - Tiếng Nhật tổng hợp - Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Nhật... đồng thời còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch tiếng Nhật như: Ngữ pháp chuyên đề - Lý luận biên dịch - Lý luận phiên dịch - Kỹ thuật dịch viết - Kỹ thuật dịch nói.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Tiếng Nhật luật, hành chính - Tiếng Nhật kinh tế, thương mại - Tiếng Nhật chính trị, ngoại giao - Tiếng Nhật du lịch, khách sạn - Kỹ thuật ghi nhanh.... Sinh viên bước đầu **hình thành được** tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học, nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ, văn học, văn hóa, văn minh Nhật, **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch tiếng Nhật...

Ngành Tiếng Đức (HPD)

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Đức (HPD) không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn giống như sinh viên ngành Tiếng Anh (HPD), mà còn có các **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng Đức: Ngữ âm - Âm vị học tiếng Đức - Từ vựng học, Hình thái học, Cấu tạo từ, Cú pháp học tiếng Đức - Phân tích văn bản tiếng Đức - Văn học Đức - Đất nước học Đức - Tiếng Đức cơ bản - Nghe hiểu tiếng Đức - Nói tiếng Đức - Đọc hiểu tiếng Đức - Viết tiếng Đức.... Không những thế sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Ngôn ngữ:** Ngữ nghĩa học - Cú pháp học - Phong cách học - Ngữ dụng học - Ngôn ngữ học xã hội - Lịch sử tiếng Đức...

*** Chuyên ngành Văn hóa:** Văn học Áo - Văn học Thụy Sĩ - Đất nước học Đức - Giao văn hóa - Văn học Đức thế kỷ XVII...

Đồng thời khi theo học ngành Tiếng Đức sinh viên cũng sẽ được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ:** Lý luận dịch tiếng Đức - Luận dịch tiếng Đức - Biên dịch tiếng Đức - Phiên dịch tiếng Đức... bên cạnh đó còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Tiếng Đức du lịch, khách sạn - Tiếng Đức luật, hành chính - Tiếng Đức kinh tế, thương mại - Kỹ thuật ghi nhanh - Dịch chuyên đề... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ cần

thiết để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch tiếng Đức ở các cơ quan, các ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước, có khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình và năng lực quản lý...

Ngành Tiếng Hàn Quốc (HPD)

Ngành Tiếng Hàn Quốc trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn tương tự như sinh viên ngành Tiếng Anh (HPD), cùng với **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng Hàn Quốc: Ngôn ngữ tiếng Hàn - Hán tự - Văn học Hàn Quốc - Tiếng Hàn - Nghe hiểu tiếng Hàn - Nói tiếng Hàn - Đọc hiểu tiếng Hàn - Viết tiếng Hàn... đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch tiếng Hàn Quốc: Lý thuyết dịch tiếng Hàn - Biên dịch tiếng Hàn - Phiên dịch tiếng Hàn.... Ngoài ra ngành Tiếng Hàn Quốc cũng sẽ tạo điều kiện để sinh viên được học một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức**: Tiếng Hàn tài chính, ngân hàng - Tiếng Hàn khách sạn, du lịch - Kỹ thuật ghi nhanh... để khi học xong chương trình cử nhân ngành này **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ cần thiết để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch tiếng Hàn ở các cơ quan, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến tiếng Hàn Quốc, đồng thời có khả năng tiếp tục học tập nghiên cứu sâu hơn nữa về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc...

1) Ngành Tiếng Anh (hệ sư phạm); 2) Ngành Tiếng Pháp (hệ sư phạm); 3) Ngành Tiếng Nga (hệ sư phạm); 4) Ngành Tiếng Trung (hệ sư phạm);

Các ngành Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung ngoài đào tạo hệ phiên dịch còn đào tạo hệ sư phạm. Sinh viên học các ngành thuộc hệ sư phạm ngoài được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng tương tự như sinh viên ngành Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung hệ phiên dịch thì còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Giáo dục học pháp - Kiểm tra đánh giá - Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm - Giáo dục học phổ thông... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Công nghệ trong giáo dục ngoại ngữ - Họa - Nhạc... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giảng dạy ngoại ngữ tại các cơ sở đào tạo, có khả năng giao tiếp ngoại ngữ như ngôn ngữ thứ 2 của mình.

Sinh viên học các ngành trong trường Đại học Ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Du lịch Việt Nam, Tổng cục Hải quan, Cục Xúc tiến du lịch, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Thương mại và Dịch vụ...

+ Vụ Hợp tác quốc tế, phòng hợp tác quốc tế, phòng đối ngoại trực thuộc các Bộ, Tổng cục...

+ Làm biên, phiên dịch tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... có hoạt động với các đối tác nước ngoài như: TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Xuất nhập khẩu... và các công ty, đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Lữ hành, Cty Dịch thuật Việt, các Nhà xuất bản, các cơ quan thông tấn báo chí (đài truyền hình, đài phát thanh, các cơ quan báo chí...); Trợ lý dự án hợp tác quốc tế; thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Các phòng chức năng: Hợp tác quốc tế, Quản lý Kinh doanh xuất nhập khẩu, Du lịch và Hợp tác đầu tư... của các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Sở Thương mại - Du lịch... trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề, Trung học phổ thông, các TT. dạy ngoại ngữ...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	1.050	10.760	1/10.2
2001	850	8.982	1/8.5
2002	1.150	6.270	1/5.4
2003	1.200	10.464	1/8.7
2004	1.200	5.664	1/4.6
2005	1.200	5.905	1/5.0
2006	1.200	4.295	1/3.6

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	Khối	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Tiếng Đức PD	D1	23.5	22.0	24.5	25.5	19.5	22.5	23.0	29.5	25.0	26.0	24.0	28.5
Tiếng Anh PD	D1	26.5	25.5	27.5	28.5	21.0	22.0	27.0	-	26.0	28.0	28.5	28.5
Tiếng Pháp PD	D3	30.5	25.5	29.5	30.5	19.0	20.0	27.0	-	27.0	28.0	24.5	25.0
Tiếng Hàn Quốc PD	D1	24.5	22.0	26.5	27.5	19.5	21.5	26.5	-	25.0	27.5	26.5	28.5
T.Trung Quốc PD	D1	26.0	24.5	27.0	28.0	21.0	22.0	24.0	-	26.0	-	27.5	27.5
Tiếng Nhật PD	D1	25.0	22.5	26.0	27.0	21.5	23.5	25.0	-	26.5	-	27.0	29.5
T. Trung Quốc PD	D4	31.0	26.0	26.0	27.0	21.0	22.0	23.0	-	25.0	-	27.0	27.0
Tiếng Nga PD	D1	22.5	24.0	23.5	24.5	19.5	22.5	-	-	25.0	26.5	24.0	27.5
Tiếng Nga PD	D2	30.5	28.5	26.0	27.0	20.5	22.5	-	-	25.0	26.5	24.0	24.5
Tiếng Nga PD	D3	27.5	25.5	28.0	29.0	20.0	22.0	-	-	-	-	-	-
T.Trung Quốc PD	D2	33.5	30.5	32.0	33.0	21.0	22.0	-	-	-	-	-	-
T.Trung Quốc PD	D3	32.0	26.5	32.0	33.0	21.0	22.0	-	-	-	-	-	-
Tiếng Đức PD	D2	31.0	25.0	26.0	27.0	20.5	21.5	-	-	-	-	-	-
Tiếng Đức PD	D3	29.0	23.0	27.5	28.5	21.0	22.0	-	-	-	-	-	-
Tiếng Nhật PD	D2	33.0	27.0	27.5	28.5	23.5	24.5	-	-	-	-	-	-
Tiếng Nhật PD	D3	30.5	26.5	29.5	30.5	22.5	24.5	-	-	-	-	-	-
Tiếng Nhật PD	D4	31.0	24.0	26.0	27.0	22.0	24.0	-	-	-	-	-	-
Tiếng Hàn PD	D2	30.5	26.0	26.0	27.0	22.0	23.0	-	-	-	-	-	-
Tiếng Hàn PD	D3	30.0	25.0	27.0	28.0	21.0	23.0	-	-	-	-	-	-
Tiếng Hàn PD	D4	27.0	24.0	26.0	27.0	21.0	23.0	-	-	-	-	-	-
Tiếng Ả rập PD	D1	-	-	-	-	19.0	20.0	-	-	-	-	-	-
Tiếng Nga SP	D1	-	-	-	-	-	-	23.0	29.0	26.0	-	25.0	-
Tiếng Nga SP	D2	-	-	-	-	-	-	23.0	28.5	26.0	-	25.0	-
Tiếng Anh SP	D1	-	-	-	-	-	-	28.5	-	27.0	-	29.5	-
Tiếng Pháp SP	D3	-	-	-	-	-	-	29.0	-	28.0	-	25.5	-
T.Trung Quốc SP	D1	-	-	-	-	-	-	27.0	-	27.0	-	28.5	-
T.Trung Quốc SP	D4	-	-	-	-	-	-	26.5	-	27.5	-	28.0	-
Tiếng Đức SP	D1	-	-	24.5	25.5	19.5	22.5	-	-	27.0	-	-	-
Tiếng Nhật SP	D1	-	-	27.5	28.5	21.0	22.0	-	-	29.0	-	-	-

Ghi chú: - Năm 2002 có tuyển sinh khối D4 cho ngành Tiếng Đức với mức điểm trúng tuyển là: 24.0 điểm

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHNN tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối D1,2,3,4. Môn thi Ngoại ngữ vào các ngành đào tạo của trường được tính hệ số 2.

- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHNN được lấy theo khoa hoặc ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

- Trường ĐHNN đào tạo hệ Cử nhân Chất lượng cao 4 ngành sau: Tiếng Anh (HSP), Tiếng Anh (HPD), Tiếng Nga (HSP), Tiếng Pháp (HSP) và Tiếng Trung (HSP). Nếu bạn có lực học xuất sắc nên đăng ký vào các lớp này, vì vào đây sinh viên sẽ có rất nhiều ưu đãi về học phí, học bổng và giáo trình...

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao Trường ĐHNN từ năm 2003 đến nay rất ổn định. Số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHNN không theo một qui luật nào, nên tỉ lệ "chọi" cũng không tuân theo một quy luật nhất định, năm cao năm thấp không đều. Một vài năm gần đây (từ 2001 đến nay) thì theo quy luật là cứ năm trước cao năm sau lại giảm tuy nhiên biến động không nhiều. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHNN tương đối cao. Năm 2006 điểm của thí sinh thấp hơn so với các năm trước một chút (Xin xem bảng 2). Nguyên nhân có thể là do năm đầu tiên Bộ GD&ĐT áp dụng thi trắc nghiệm đối với môn Ngoại ngữ nên học sinh chưa quen với cách làm bài.

- Điểm trúng tuyển các ngành trong Trường ĐHNN có sự chênh lệch. Ví dụ năm 2006: ngành lấy điểm cao nhất là ngành Tiếng Anh hệ sư phạm 29.5 điểm, ngành lấy điểm thấp nhất là ngành Tiếng Nga hệ phiên dịch 24 điểm. Vì vậy các bạn nên chú ý. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 của trường thường cao hơn NV1 từ 1 đến 2,5 điểm. Tuy nhiên cũng có những ngành điểm NV2 cao hơn NV1 tới 4,5 điểm ví dụ như ngành Tiếng Đức năm 2006 NV1 là 24 nhưng NV2 là 28.5.... Một số ngành thí điểm NV2 lấy bằng điểm NV1 như ngành Tiếng Anh, ngành tiếng Trung quốc (2006).... So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT thí điểm trúng tuyển NV2 của trường rất cao, các bạn cần chú ý.

- Qua những điều nêu trên thì những thí sinh có nguyện vọng được trở thành sinh viên của Trường ĐHNN mà không tự tin lắm ở sức học của mình có thể tìm hiểu thêm các trường khác cũng đào tạo các ngành của Trường ĐHNN như trường Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2... để có một quyết định sáng suốt nhất.

- Từ số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng lên nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Nhà E3, 144 đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7547461 - Fax: (04) 7547460 - Website: <http://www.coltech.vnu.edu.vn/>

- Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) trực thuộc ĐHQG Hà Nội được thành lập ngày 25/5/2004.
- Trường ĐHCN có 120 cán bộ, trong đó có 20 giáo sư và Phó Giáo sư, 33 tiến sĩ và 31 thạc sĩ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ thông tin

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý và khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Các phương pháp tính toán số - Toán học rời rạc - Xử lý số tín hiệu - Cơ học - Nhiệt học - Điện học - Quang học - Logic học - Tâm lý học - Giáo dục học - Quản trị học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Ngôn ngữ lập trình bậc cao C/C++ - Ngôn ngữ lập trình Visual Basic - Ngôn ngữ SQL - Phân tích hệ thống thiết kế thông tin - Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Lập trình Internet - Kỹ nghệ phần mềm... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** theo chuyên đề chuyên ngành (tùy từng năm cụ thể có thể chọn các chuyên đề chuyên ngành và thực hành chuyên ngành phù hợp với điều kiện của Khoa và yêu cầu cập nhật kiến thức mới tại thời điểm đó). Sinh viên được đào tạo **khả năng thực hành, khả năng cập nhật thông tin**, xử lý nhanh các vấn đề liên quan đến máy tính và hệ thống Internet. Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** lập trình, phân tích thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai hệ thống...

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; TT. Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT. Giao dịch công nghệ, các TT. Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục...

- + Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...

- + Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

- + Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ Thông tin.

Ngành Công nghệ điện tử viễn thông

Cử nhân ngành Công nghệ điện tử viễn thông không chỉ được đào tạo để có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội & Nhân văn, dành cho Toán, Lý tương tự sinh viên ngành Công nghệ thông tin mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về: Toán học (Xác suất và thống kê - Các phương pháp tính toán số - Quy hoạch và tối ưu); Tin học (Ngôn ngữ lập trình bậc cao C/C++ - Cấu trúc máy vi tính và ghép nối - Nhập môn hệ điều hành UNIX); Vật lý (Điện động lực học kỹ thuật); Điện tử (Nguyên lý kỹ thuật điện tử - Linh kiện bán dẫn và vi mạch - Quang điện tử); Đo lường điều khiển (Kỹ thuật đo lường điện tử - Kỹ thuật điều khiển, hệ điều khiển); Viễn thông (Kỹ thuật video truyền hình - Xử lý số tín hiệu - Thông tin số); Thực hành (Kỹ thuật số - Điện tử).... Ngoài ra ngành còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Điện tử và kỹ thuật máy tính:** Điện tử trong công nghiệp và phòng thí nghiệm - Công nghệ lắp ráp thiết bị điện tử - Mô phỏng mạch điện tử - Thiết kế hệ điều khiển vi xử lý...

*** Chuyên ngành Viễn thông:** Kỹ thuật siêu cao tần - Hệ thống viễn thông với công nghệ mới - Truyền sóng vô tuyến điện - Kỹ thuật anten - Thông tin vệ tinh - Thông tin di động - Thông tin quang...

*** Chuyên ngành Quang tử:** Linh kiện quang điện tử và quang tích hợp - Kỹ thuật và công nghệ chế tạo laser bán dẫn - Các phép đo các thông số laser - Chuyển mạch và chuyển mạch quang...

Sau khi ra trường sinh viên các chuyên ngành trên đều **có khả năng** điều hành, sử dụng các thiết bị điện tử, máy tính, mạng máy tính, hệ thống viễn thông... đồng thời có khả năng quản lý, giảng dạy trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ điện tử viễn thông có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ Viễn thông, Viện Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin (CNTT), Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự; Các TT. thông tin, TT. Viễn thông trên toàn quốc.

+ Các Cục, Vụ: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Ứng dụng CNTT, Cục CNTT và Thống kê hải quan, Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp CNTT, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Viễn thông quân đội, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam... và hàng loạt công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện tử viễn thông hàng hải, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty viễn thông liên tỉnh, quốc tế, các cơ quan an ninh, quốc phòng, hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông, Quản lý viễn thông... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ điện tử viễn thông.

Ngành Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano

Ngành Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, khối Khoa học Xã hội và Nhân văn giống như Sinh viên ngành Công nghệ thông tin cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về: **Toán học** (Xác suất và thống kê - Phương pháp tính toán số); **Tin học** (Ngôn ngữ lập trình bậc cao C/C++ - Cấu trúc máy vi tính và kỹ thuật ghép - Nhập môn hệ điều hành UNIX - Mô phỏng mô hình hóa); **Vật lý** (Điện động lực học kỹ thuật - Truyền sóng vô tuyến - Vật lý và kỹ thuật màng mỏng - Vật lý kỹ thuật plasma); **Điện tử** (Nguyên lý kỹ thuật điện tử - Linh kiện bán dẫn và vi mạch - Quang điện tử - Kỹ thuật đo lường điện tử); **Đo lường điều khiển** (Vật lý bán dẫn - Từ học và siêu dẫn - Các phương pháp nghiên cứu cấu trúc vật liệu)... đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**:

*** Chuyên ngành Công nghệ quang tử:** Quang phi tuyến - Vật lý và công nghệ laser bán dẫn - Quang phổ laser - Quang phổ cực nhanh - Thông tin quang - Quang tử học nano - Cảm biến quang tử...

*** Chuyên ngành Công nghệ nano:** Các trạng thái điện tử trong các hệ nano - Các chất bán dẫn cấu trúc nano - Các vật liệu quang tử hữu cơ cấu trúc nano - Ống Carbon - Quang tử học nano...

Học xong chương trình sinh viên sẽ ***có khả năng*** tham gia nghiên cứu, làm việc độc lập trong các xí nghiệp sản xuất các vật liệu, linh kiện và thiết bị thuộc có liên quan đến Công nghệ quang tử, Công nghệ nano...

Sinh viên học ngành Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Vật lý và Điện tử, Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, Viện Vật lý và Địa cầu, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam; Các TT. Kỹ thuật, Tiêu chuẩn, Đo lường chất lượng, TT. Đo lường...

+ TCT Cơ khí công nghiệp, Cty Công nghệ điện tử, cơ khí và môi trường, các Cty Máy tính Việt Nam...

+ Các phòng, ban: Quản lý công nghệ, Quản lý khoa học... thuộc Sở Khoa học và Công nghệ... của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano.

Ngành Cơ kỹ thuật

Cử nhân ngành Cơ kỹ thuật được trang bị những ***kiến thức chung*** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, dành cho Toán, Lý cũng giống như sinh viên ngành Công nghệ thông tin, đồng thời cùng với các ***kiến thức cơ bản*** về ngành như: Cơ học môi trường liên tục - Cơ học lý thuyết - Các phương pháp tính trong cơ học - Cơ học kết cấu - Kỹ thuật điện và điện tử - Phương pháp thực nghiệm trong Cơ học - Kỹ thuật hiển thị máy tính và GIS... thì sinh viên còn được cung cấp những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** như:

* ***Chuyên ngành Cơ học Thủy khí Công nghiệp và Môi trường***: Động lực học và môi trường không khí, nước mặt - Dòng chảy hai pha - Thủy khí thống kê - Máy Thủy khí - Truyền động Thủy khí...

* ***Chuyên ngành Cơ học Kỹ thuật biển***: Động lực học biển - Môi trường biển - Công trình ven bờ - Công trình ngoài khơi - Công trình đường ống và bể chứa - Thiết kế và thi công công trình biển...

* ***Chuyên ngành Cơ điện tử***: Máy CNC và CAD/CAM - Linh kiện bán dẫn vi mạch - Động cơ và cơ sở truyền động điện - Kỹ thuật đo lường và đầu đo - Điện tử công suất và điều khiển động cơ - Thiết kế chip...

Tốt nghiệp ngành Cơ kỹ thuật sinh viên sẽ ***có khả năng*** đảm trách các công việc liên quan đến cơ học đặc biệt là kỹ năng lập trình, thiết kế, chế tạo hệ thống cơ học điều khiển tự động, đo lường...

Sau khi ra trường sinh viên ngành Cơ kỹ thuật có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Cơ học ứng dụng, Viện Kỹ thuật giao thông, Viện Nghiên cứu máy, nghiên cứu về biển, về công trình, về thủy lợi, thủy văn, về khai thác và vận chuyển dầu khí...; các TT. Lập trình phần mềm...

+ TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Chế tạo động cơ, Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, lắp máy và xây dựng, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý công nghệ... thuộc Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Cơ Kỹ thuật.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2003	400	1.960	1/4.9
2004	470	2.044	1/4.3
2005	500	4.871	1/9.7
2006	570	2.670	1/4.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ thông tin	21.0	24.0	22.0	23.0	23.0	25.0	23.5	-	25.5	-	25.0	-
Điện tử viễn thông	18.0	20.0	19.5	20.5	22.5	24.5	20.5	-	26.5	-	21.0	25.0
Vật lý kỹ thuật	-	-	-	-	18.5	19.5	19.0	24.0	22.5	25.5	19.5	21.0
Cơ học kỹ thuật	-	-	-	-	-	-	18.0	-	22.0	25.0	18.5	22.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHCN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHCN thường được lấy theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT
- Trường ĐHCN có đào tạo lớp Cử nhân Chất lượng cao với các ngành Công nghệ thông tin, Công nghệ điện tử viễn thông và Vật lý kỹ thuật. Học các lớp này sinh viên sẽ được hưởng chế độ giảng dạy và học bổng đặc biệt.
- Trường ĐHCN cũng tổ chức liên kết đào tạo hệ Cử nhân Khoa học máy tính với trường Đại học Troy của Hoa Kỳ. Nếu muốn được học lớp này bạn phải đạt điểm sàn tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT trở lên hoặc có điểm trung bình các môn tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt từ 6 trở lên.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHCN những năm gần đây tăng nhiều do Công nghệ thông tin ngày càng phát triển và nhu cầu xã hội ngày càng cao, đòi hỏi phải có những kiến thức chuyên sâu để nghiên cứu và triển khai ứng dụng (năm 2004 - 470 năm 2005 - 500 và năm 2006 - 570 chỉ tiêu.)
- Tỉ lệ "chọi" vào Trường ĐHCN các năm gần đây (2001 đến 2004) có xu hướng giảm dần nhưng đến năm 2005 thì tỉ lệ "chọi" của trường tăng lên một cách đột biến (1/9) nhưng năm 2006 thì tỉ lệ này lại giảm đi đột ngột chỉ còn lại là 1/4.7. Nguyên nhân có thể là do năm 2005 tỉ lệ "chọi" tăng đột biến, điểm trúng tuyển của trường cao, khả năng đỗ vào trường của thí sinh rất khó, nên thí sinh ĐKDT vào các trường khác cũng đào tạo các ngành học tương tự như Trường đào tạo. (Xem bảng 1).
- Qua bảng 2 có thể thấy, năm 2006 điểm trúng tuyển của Trường ĐHCN so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định cao hơn rất nhiều. Có ngành cao hơn đến 12 điểm như ngành Công nghệ thông tin (25/13).

- Trường ĐHCN là một trong những trường có điểm trúng tuyển cao nhất so với điểm trúng tuyển chung khối A của các trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2006 ngành có điểm trúng tuyển cao nhất là ngành Công nghệ thông tin: 25 điểm, ngành có điểm trúng tuyển thấp nhất là Cơ học kỹ thuật cũng 18,5 điểm. Điều đó cho thấy các thí sinh thi vào trường đều là những học sinh có lực học khá giỏi trở lên.

- Điểm trúng tuyển NV2 của trường so với điểm trúng tuyển vào NV1 thường cách nhau khoảng từ 2 đến 4 điểm. So với điểm xét tuyển NV2 của Bộ GD&ĐT thì điểm trúng tuyển NV2 của trường là rất cao. Vì vậy các bạn phải chú ý khi đăng ký xét tuyển NV2.

- Một số ngành của Trường ĐHCN cũng được đào tạo ở một số trường như trường Đại học Bách Khoa, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Đại học Xây dựng, Đại học Thủy lợi, Đại học Mỏ - Địa chất, Đại học Giao thông Vận tải có điểm trúng tuyển bằng hoặc thấp hơn... Vì vậy trước khi ĐKDT bạn nên tìm hiểu kỹ về chỉ tiêu, số thí sinh ĐKDT, tỉ lệ "chọi" điểm trúng tuyển các năm giữa các trường đó để có sự so sánh, từ đó đi đến quyết định đúng đắn khi đăng ký trường dự thi.

- Từ những đặc điểm trên chúng tôi dự kiến số lượng thí sinh ĐKDT vào năm tới sẽ có xu hướng tăng lên nhưng không nhiều.

KHOA LUẬT

Trụ sở: Nhà E1, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7546674 - Fax: (04) 7680786 - Website: <http://www.vnu.edu.vn/law/>

- Khoa Luật Trực thuộc ĐHQG Hà Nội được thành lập ngày 7/3/2000, là một trong 3 cơ sở đào tạo Luật của Việt Nam có chức năng đào tạo Cử nhân Luật học, Thạc sỹ Luật học và Tiến sỹ luật.
- Hiện nay, Khoa Luật Có một đội ngũ cán bộ giảng dạy và phục vụ đào tạo khá hùng hậu, trong đó có 2 Phó Giáo sư, 1 Tiến sĩ khoa học, 11 Tiến sĩ chuyên ngành, 17 Thạc sĩ.
- Khoa Luật có 2 cấp độ đào tạo: Đại học, Sau đại học với hai loại hình chính: chính quy và vừa học vừa làm...

KHOA LUẬT ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Luật học

Khi học ngành Luật học sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Xã hội học - Logic học - Tâm lý quản lý kinh doanh - Đạo đức kinh doanh - Kinh tế học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Luật Hành chính - Luật Hiến pháp - Luật Đất đai - Luật Dân sự - Luật Hình sự - Luật Hôn nhân và gia đình - Luật Kinh tế - Luật Lao động - Luật Tố tụng hình sự - Luật Tố tụng dân sự - Công pháp quốc tế - Tư pháp quốc tế - Luật Tài chính - Luật Ngân hàng - Luật Môi trường... đồng thời sinh viên còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**:

*** Chuyên ngành Lý luận hành chính Nhà nước:** Luật Hành chính so sánh - Luật Hiến pháp nước ngoài - Tổ tụng hành chính - Sự phát triển của Luật Hiến pháp - Cải cách hành chính Việt Nam...

*** Chuyên ngành Tư pháp hình sự:** Luật Hình sự so sánh - Điều tra hình sự - Tội phạm học - Luật Thi hành án hình sự - Tâm lý tư pháp - Tâm thần học tư pháp...

*** Chuyên ngành Kinh tế - Lao động:** Luật Môi trường quốc tế - Pháp luật Cạnh tranh - Hoàn thiện pháp luật về đất đai - An sinh xã hội - Luật Thương mại - Luật Thuế - Pháp luật về thị trường chứng khoán...

*** Chuyên ngành Luật Quốc tế:** Luật Thương mại quốc tế - Tòa án quốc tế - Tổ chức và pháp Luật Của liên minh châu Âu - Tổ chức và pháp Luật Các nước ASEAN - Luật biển quốc tế - Luật Kinh tế quốc tế...

*** Chuyên ngành Luật Dân sự:** Pháp luật về sở hữu - Pháp luật về hợp đồng dân sự - Pháp luật về bồi thường thiệt hại - Pháp luật về thừa kế - Thi hành án dân sự - Pháp luật về sở hữu trí tuệ...

Sinh viên ngành Luật Khi ra trường ***có khả năng*** giải quyết tốt các vấn đề mang tính pháp lý: có thể đảm nhiệm công tác nghiên cứu, giảng dạy hoặc có thể làm việc trong các cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp, các đơn vị sản xuất kinh doanh có hoạt động liên quan chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật học có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát tối cao, Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Hành chính tư pháp, Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật, Vụ Pháp Luật Dân sự, kinh tế, Vụ Pháp Luật Quốc tế...

+ Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.

+ Làm ở phòng, ban Tư pháp tại các Sở Tư pháp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước hay các phòng, ban: Pháp chế, Thanh tra... tại các cơ quan Pháp luật trực thuộc Chính phủ.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật học.

Ngành Luật Kinh doanh

Sinh viên học ngành Luật Kinh doanh không chỉ được đào tạo để có những ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản cũng giống như ngành Luật học, mà còn được học các ***kiến thức cơ bản*** của ngành thông qua hàng loạt khối kiến thức về: Luật Hành chính - Hiến pháp - Luật Dân sự - Luật Hình sự - Luật Kinh doanh - Luật Quốc tế... đồng thời còn được trang bị ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** với 3 môn học bắt buộc: Tài chính doanh nghiệp - Quản lý dự án đầu tư - Kinh tế học quốc tế... và khối kiến thức dành riêng cho chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Luật Kinh doanh:** Pháp luật về mô hình doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ - Pháp luật quản lý doanh nghiệp công - Pháp luật quản lý doanh nghiệp liên doanh - Luật Thương mại quốc tế...

*** Chuyên ngành Luật Hợp đồng:** Hợp đồng mua bán - Hợp đồng thuê tài sản - Hợp đồng thuê mua tài chính - Luật Hợp đồng so sánh - Hợp đồng đại lý - Hợp đồng xây dựng - Hợp đồng vận tải...

* **Chuyên ngành Luật Tài chính, ngân hàng:** Hợp đồng tín dụng - Pháp Luật Kiểm toán - Thanh toán quốc tế - Luật Thuế - Pháp Luật Đảm bảo tín dụng - Tín dụng quốc tế...

* **Chuyên ngành Luật Lao động:** Hợp đồng lao động - Giải quyết tranh chấp lao động - Luật Công đoàn - Môi giới việc làm - Luật Lao động có yếu tố nước ngoài - An sinh xã hội...

* **Chuyên ngành Luật Đất đai, môi trường:** Đánh giá tác động môi trường - Pháp luật tài nguyên - Quản lý Nhà nước về đất đai - Luật Quy hoạch đất đai - Giải quyết tranh chấp đất đai...

Sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành trên đều **có khả năng** xây dựng, đọc hiểu các văn bản pháp luật, văn bản hành chính; có khả năng đàm phán, ký kết các hợp đồng kinh tế, thương mại và các khế ước, thỏa thuận khác; có khả năng tư vấn pháp Luật Đặc biệt là các vấn đề pháp Luật Có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Cử nhân ngành Luật Kinh doanh có thể tác nghiệp tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Pháp Luật Dân sự, kinh tế ...

+ Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.

+ Các phòng, ban: Pháp chế, Thanh tra, Tư vấn... tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh... có hoạt động liên quan đến ngành Luật Kinh doanh.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật Kinh doanh.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2003	220	7.480	1/34.0
2004	280	2.865	1/10.0
2005	280	1.432	1/5.0
2006	300	1.061	1/3.5

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào ngành.

Ngành	2001	2002		2003		2004	2005		2006	
	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Luật học A	16.5	18.0	19.0	15.0	17.0	18.0	21.0	24.5	19.0	
Luật học D1,2,3,4	18.0	21.5	22.5	18.0	19.0	18.5	18.0	22.5	18.0	
Luật học C	21.5	20.0	21.0	16.0	17.0	20.5	19.0	-	18.0	
Luật KD A	-	-	-	15.5	17.5	18.5	21.5	24.5	19.5	
Luật KD D1,2,3,4	-	-	-	17.5	18.5	21.5	21.0	-	20.5	-

Ghi chú: - Năm 2003 ngành Luật Kinh doanh có tuyển sinh khối C, điểm trúng tuyển: NV1 là 18.5 điểm, NV2 là 20.5 điểm.

1. Đặc điểm tuyển sinh*

- Khoa Luật tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh các khối A, C, D1, D2, D3 và D4.

- Điểm trúng tuyển của Khoa Luật thường lấy theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

- Khoa Luật đào tạo hệ Cử nhân **Chất lượng** cao với ngành Luật học, sinh viên vào học lớp này sẽ có rất nhiều điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập cũng như ra công tác sau này.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho khoa Luật có xu hướng tăng lên nhưng không nhiều tuy nhiên số lượng thí sinh ĐKDT của Khoa lại có xu hướng giảm dần từ năm 2004 đến nay khiến cho tỉ lệ "chọi" 2 năm trở lại đây không cao, chỉ thuộc "top" trung bình so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Qua bảng 2, các bạn có thể thấy so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển của khoa Luật là tương đối cao.

- Điểm trúng tuyển giữa các khối, các ngành có sự chênh lệch đối với ngành Luật học thì khối A là 19, còn khối C và D là 18 nhưng ngành Luật Kinh doanh thì lại ngược lại khối A là 19.5 còn khối D lại là 20.5. Vì vậy việc lựa chọn ngành thi theo khối cũng rất quan trọng, bạn nên tìm hiểu kỹ để có quyết định đúng đắn. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 vào khoa so với điểm sàn mà Bộ GD&ĐT quy định là tương đối cao: mức điểm chênh lệch năm 2006. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 so với điểm trúng tuyển NV1 cũng có sự chênh lệch - thường cách nhau khoảng 1.5 đến 2.5. Với sự chênh lệch này so với các trường khác thì không phải là cao, tuy nhiên nếu nhìn vào điểm trúng tuyển mà khoa Luật đưa ra thì các bạn cũng nên chú ý, cần nhắc khi đăng ký NV2.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không nhiều.

KHOA KINH TẾ

Trụ sở: 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.7548607 - Website: <http://www.economics.edu.vn/>

- Khoa Kinh tế chủ yếu đào tạo cán bộ nghiên cứu kinh tế và cán bộ giảng dạy.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của khoa có 52 người trong đó có 5 Phó Giáo sư, 21 Tiến sĩ, 24 Thạc sĩ...
- Khoa Kinh tế đào tạo các cấp độ: Đại học và Sau đại học với 2 loại hình chính: chính quy và vừa học vừa làm...

KHOA KINH TẾ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế chính trị

Sinh viên học ngành Kinh tế chính trị được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Giải tích toán học - Xác suất thống kê - Thống kê kinh tế - Toán

kinh tế - Kinh tế học vĩ mô - Kinh tế lượng - Kinh tế học phát triển - Kinh tế vi mô... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng - Kinh tế học công cộng - Kinh tế học môi trường - Kinh tế học quốc tế - Luật Kinh tế... đồng thời còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** với các môn học bắt buộc chung: Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi và đổi mới kinh tế ở Việt Nam - Kinh tế chính trị về nền kinh tế hiện đại - Phân tích chính sách kinh tế... và khối kiến thức dành riêng cho từng chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam:**

Khu vực kinh tế Nhà nước - Khu vực kinh tế tư nhân - Mô hình kinh tế thị trường Việt Nam... bên cạnh đó sinh viên sẽ được cung cấp một số **kiến thức bổ trợ** chuyên ngành qua các môn học lựa chọn: Thị trường tài chính Việt Nam - Kinh tế đối ngoại Việt Nam - Kinh tế học về những vấn đề xã hội...

*** Chuyên ngành Kinh tế chính trị Chủ nghĩa Tư bản hiện đại:** Xu hướng phát triển của Chủ nghĩa Tư bản hiện đại - Các Cty xuyên quốc gia - Quan hệ giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Những vấn đề xã hội trong Chủ nghĩa Tư bản hiện đại - Phối hợp chính sách giữa các nước tư bản phát triển...

Tốt nghiệp ra trường cử nhân ngành Kinh tế chính trị **có khả năng** nghiên cứu những vấn đề lý luận kinh tế, phân tích, tổng hợp, đánh giá và tham gia hoạch định chính sách kinh tế...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế chính trị có thể nhận công tác tại:

+ Các Viện: Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương...

+ Các cơ quan nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách và điều hành kinh tế Nhà nước.

+ Các công ty thuộc đủ các thành phần kinh tế như: Quốc doanh, Tư nhân, Liên doanh...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế chính trị.

Ngành Kinh tế đối ngoại

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại không chỉ **có kiến thức chung** dành cho Toán, nhóm ngành Kinh tế tương tự như sinh viên ngành Kinh tế chính trị mà còn có **các kiến thức cơ bản** về ngành: Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng - Kinh tế học quốc tế - Thị trường chứng khoán - Thương mại quốc tế - Luật Kinh tế quốc tế - Đầu tư quốc tế - Tài chính quốc tế - Du lịch quốc tế - Chiến lược kinh doanh quốc tế... cùng với một số môn học lựa chọn khác: Kinh tế học nhân lực - Kinh tế học nông nghiệp - Quản lý Nhà nước về kinh tế - Liên kết kinh tế quốc tế - Chủ nghĩa tư bản hiện đại... đồng thời ngành còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

*** Chuyên ngành Thương mại quốc tế:** Thương mại điện tử - Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương - Vận tải và bảo hiểm ngoại thương... bên cạnh đó sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Ngoại thương của các nước EU - Ngoại thương của Mỹ - Ngoại thương ASEAN - Ngoại thương Việt Nam...

*** Chuyên ngành Đầu tư quốc tế:** Cty xuyên quốc gia - Đầu tư quốc tế - Viện trợ phát triển chính thức... ngoài ra nhà trường còn tạo điều kiện để sinh viên được **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành thông qua các môn học lựa chọn như: Đầu tư nước ngoài của EU - Đầu tư nước ngoài của Mỹ - Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam - Đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc...

*** Chuyên ngành Tài chính quốc tế:** Phân tích thị trường tài chính - Các định chế tài chính quốc tế... đồng thời sinh viên chuyên ngành này sẽ được học một số **kiến thức bổ trợ** cho chuyên

ngành qua các môn học lựa chọn: Ngoại ngữ của các nước đang phát triển - Thị trường chứng khoán ở một số nước trên thế giới...

Không những thế sinh viên cũng sẽ được đào tạo về **kỹ năng nghiệp vụ đối ngoại**: Đàm phán quốc tế - Kế toán quốc tế - Marketing quốc tế - Thanh toán và tín dụng quốc tế... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề của nền kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại, đồng thời có kỹ năng xử lý các vấn đề thực tiễn của kinh tế đối ngoại ở nước ta...

Ra trường, sinh viên ngành Kinh tế đối ngoại có thể làm việc tại:

+ Các Cục, Vụ, Trung tâm: Cục Đầu tư nước ngoài; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Chính sách thương mại đa biên; TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia...

+ Các doanh nghiệp, Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Xuất nhập khẩu... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... ở 64 tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Kinh tế đối ngoại.

Ngành Quản trị kinh doanh

Ngành Quản trị kinh doanh trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế cũng giống như sinh viên ngành Kinh tế chính trị cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Thị trường chứng khoán - Quản trị doanh nghiệp - Nguyên lý kế toán - Nguyên lý marketing - Bảo hiểm... đồng thời còn tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: **Chuyên ngành Kế toán**: Kế toán tài chính doanh nghiệp - Phân tích kinh doanh - Kiểm toán - Tổ chức hạch toán kế toán...; **Chuyên ngành Marketing**: Quản trị marketing - Marketing quốc tế - Marketing du lịch - Marketing thương mại...; **Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp**: Quản trị doanh nghiệp (QTDN) công nghiệp - QTDN nông nghiệp - QTDN thương mại - Quản trị hệ thống thông tin...

Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp rất nhiều môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Tâm lý học kinh doanh - Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ - Tổ chức và lãnh đạo... cùng với khối **kiến thức nghiệp vụ** như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp - Quản trị tài chính doanh nghiệp - Quản trị nguồn nhân lực - Hoạch định kinh doanh - Quản trị chiến lược... nhằm đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh **có khả năng** nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích, so sánh những vấn đề trong thực tế sản xuất kinh doanh; có kỹ năng tiếp cận, xử lý một cách tương đối độc lập các vấn đề kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh; có thể tiếp cận với những kiến thức chuyên ngành về quản trị kinh doanh...

Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, TT. Tư vấn quản lý và đào tạo...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc: TCT Xây dựng, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Dệt - May Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Tài chính - Ngân hàng

Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng không những được trang bị **kiến thức chung** dành cho Toàn, nhóm ngành Kinh tế tương tự như sinh viên ngành Kinh tế chính trị mà còn được đào tạo để có các **kiến thức cơ bản** về ngành: Nguyên lý kế toán - Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng - Lý thuyết thị trường tài chính - Tài chính quốc tế - Kế toán ngân hàng - Đầu tư tài chính - Phân tích và thẩm định dự án đầu tư... ngoài ra tùy từng chuyên ngành theo học mà sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

* **Chuyên ngành Thị trường tài chính:** Các định chế tài chính trung gian - Bảo hiểm - Thị trường ngoại hối - Quản trị rủi ro - Các định chế tài chính quốc tế...

* **Chuyên ngành Tài chính công:** Hoạch định chính sách công - Thẩm định các chương trình chi tiêu công cộng - Các định chế tài chính quốc tế - Tài chính công ty và ngân sách...

* **Chuyên ngành Tài chính công ty:** Tài chính Cty - Kế toán tài chính doanh nghiệp - Phân tích báo cáo tài chính ngân hàng - Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Hệ thống thuế Việt Nam...

Không những thế sinh viên còn được **bổ trợ kiến thức** cho ngành qua một số môn học lựa chọn như: Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ - Kiểm toán ngân hàng - Nguyên lý marketing.... Học xong chương trình sinh viên các chuyên ngành này đều **có khả năng** tự duy độc lập, khả năng tổng hợp, phân tích và kiến giải các hiện tượng và quá trình kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng; có kiến thức và phương pháp nghiên cứu khi thâm nhập vào thực tế công tác; có thể tổ chức và thực thi những hoạt động tác nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế tiền tệ...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Tổng cục, Cục: Viện Nghiên cứu Tài chính; các TT, Giao dịch, TT, Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc; Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế...

+ Các Vụ: Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chiến lược phát triển Ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ...

+ Các các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở Tài chính, Sở Giao dịch... ở các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	220	2552	1/11.6
2001	250	3542	1/14.1
2002	234	4566	1/19.5
2003	300	2633	1/8.8
2004	345	5381	1/15.0
2005	345	4498	1/13.0
2006	370	3111	1/8.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2001	2002		2003		2004	2005		2006	
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Kinh tế chính trị A	15.5	19.0	20.0	17.0	18.0	20.0	21.0	24.5	21.0	
Kinh tế chính trị D1,2,3,4	17.0	21.5	22.5	18.0	19.0	21.0	21.0	21.0	20.0	
Kinh tế đối ngoại A	18.0	21.0	22.0	18.5	21.5	13.5	24.0	-	25.0	
Kinh tế đối ngoại D1,2,3,4	20.5	23.0	24.0	22.0	25.0	24.5	24.0	-	24.0	
Quản trị kinh doanh A	17.0	20.0	21.0	19.0	22.0	21.0	24.0	-	21.0	
Quản trị kinh doanh D1,2,3,4	19.0	22.5	23.5	22.0	25.0	23.0	23.5	-	20.5	
Tài chính - Ngân hàng A	-	-	-	20.0	23.0	21.5	24.5	-	21.0	
Tài chính - Ngân hàng D1,2,3,4	-	-	-	23.0	26.0	23.0	24.5	-	21.0	

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Khoa Kinh tế (KT) tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh các khối A, D1,2,3,4.

- Điểm trúng tuyển của khoa KT lấy theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

- Khoa KT có đào tạo hệ Cử nhân Chất lượng cao với 2 ngành: Kinh tế chính trị và Kinh tế đối ngoại, thí sinh vào các lớp thuộc hệ Cử nhân Chất lượng cao sẽ được hưởng rất nhiều ưu đãi về học bổng, giáo trình...

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm Bộ GD&ĐT giao cho khoa KT có xu hướng tăng dần do nhu cầu xã hội hiện nay cần nhiều cử nhân của khoa.

- So với mặt bằng chung tỉ lệ "chọi" của khoa KT là tương đối cao và không tuân theo một qui luật nào. Tuy nhiên 3 năm gần đây có xu hướng giảm dần (Xem bảng 1).

- Nhìn vào bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển các ngành của khoa KT thường cao. Năm 2006 ngành lấy điểm cao nhất là ngành Kinh tế đối ngoại 25 đối với khối A và 24 đối với khối D thấp nhất là ngành Kinh tế chính trị khối D cũng 20 điểm.

- Ngành Kinh tế chính trị là ngành thường hay xét tuyển NV2 của khoa KT. Nếu so với điểm sàn mà Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 vào khoa là tương đối cao. Chính vì vậy mà các bạn nên cân trọng khi đăng ký NV2.

- Nhìn chung điểm trúng tuyển NV2 của khoa KT so với điểm trúng tuyển của NV1 có sự chênh lệch từ 1 đến 2 điểm, nhưng cũng có ngành thì điểm trúng tuyển NV2 chính là điểm trúng tuyển của NV1 (ngành Kinh tế chính trị năm 2005).

- Hiện nay khoa KT có liên kết với trường Đại học Troy, Hoa Kỳ tổ chức đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh. Để được học ở lớp này bạn phải có điều kiện là đạt điểm sàn tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT trở lên hoặc có điểm trung bình các môn tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt từ 6 trở lên.

- Từ những điều nêu trên, nếu bạn muốn trở thành sinh viên của khoa KT mà lực học của bạn chỉ ở mức trung bình, khá thì bạn nên tìm hiểu kỹ tỉ lệ "chọi" và điểm trúng tuyển của một số trường đại học có đào tạo cùng ngành để có quyết định đúng đắn.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT không có biến động lớn.

KHOA SƯ PHẠM

Trụ sở: 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7547969 - Fax: (04) 7680192 - Website: <http://www.eduf.vnu.edu.vn/>

- Khoa Sư phạm (SP) trực thuộc ĐHQG Hà Nội được thành lập ngày 21/12/1999, là cơ sở đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ Quản lí giáo dục, cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục chất lượng cao hàng đầu trong cả nước.
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của Khoa gồm 50 người, trong đó có số cán bộ, công chức, viên chức cơ hữu là 25, giảng viên là 14 trong đó có 2 Giáo sư, Phó Giáo sư, 6 Tiến sĩ, 7 Thạc sĩ...
- Hiện Khoa SP đang đào tạo chính quy các bậc: Đại học, Sau đại học...

KHOA SƯ PHẠM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Sư phạm Toán

Sinh viên ngành Sư phạm Toán được trang bị các **kiến thức chung** về Toán, Lý: Đại số tuyến tính - Phép tính vi phân - Phương trình vi phân - Cơ lý thuyết... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Hàm thực và Giải tích hàm - Hàm phức - Phương trình đạo hàm riêng - Giải tích số - Xác suất - Thống kê ứng dụng - Toán logic - Toán quy hoạch... đồng thời còn cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** với 2 môn học bắt buộc: Không gian vectơ tôpô - Cơ sở hình học, ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Phương pháp chứng minh hình học - Phương trình hàm - Bất đẳng thức - Phương trình sai phân - Hình học tổ hợp.... Không những thế nhà trường còn cung cấp cho sinh viên khối **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** dành riêng cho ngành Sư phạm Toán về chương trình và phương pháp dạy học Toán phổ thông, để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Toán học và Sư phạm đồng thời có khả năng tư duy chính xác của Toán học và áp dụng khoa học Toán học vào cuộc sống thực tiễn...

Ngành Sư phạm Vật lý

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Vật lý có **kiến thức chung** dành cho Lý, Toán: Cơ học - Nhiệt học và Vật lý phân tử - Dao động và Sóng - Vật lý nguyên tử - Quang học - Điện và Từ - Đại số tuyến tính - Hình giải tích... cùng với những **kiến thức cơ bản** về Vật lý: Cơ lý thuyết - Điện động lực - Vật lý thống kê - Cơ lượng tử - Kỹ thuật điện tử - Phương pháp xây dựng bài thực tập vật lý - Vật lý hạt nhân... không những thế ngành còn trang bị cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: **Chuyên ngành Vật lý lý thuyết** (Lý thuyết trường lượng tử - Lý thuyết chất rắn - Vật lý thống kê lượng tử...); **Chuyên ngành Vật lý chất rắn** (Vật lý chất rắn - Vật lý hiện tượng từ, siêu dẫn - Vật lý bán dẫn...); **Chuyên ngành Vật lý vô tuyến** (Vật lý dao động - Thông tin số - Bán dẫn và vi mạch...); **Chuyên ngành Vật lý hạt nhân** (Hạt nhân đại cương vòng - Lý thuyết hạt nhân - Máy gia tốc và ứng dụng...); **Chuyên ngành Quang lượng tử** (Quang phổ nguyên tử, phân tử - Quang học hiện đại - Vật lý Laser và ứng dụng...); **Chuyên ngành Tin học trong vật lý** (Mô phỏng trong Vật lý - Toán cho Vật lý - Cấu trúc và mạng máy tính...).... Bên cạnh đó sinh viên ngành Sư phạm Vật lý nói chung sẽ được trang bị **kỹ năng nghiệp vụ** với môn học dành riêng cho ngành như: Chương trình và phương pháp dạy học môn Vật lý phổ thông, để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm...

Ngành Sư phạm Hóa học

Khi học ngành Sư phạm Hóa học sinh viên sẽ được học ngoài những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Vật lý - Cấu tạo chất - Hóa đại cương - Hóa vô cơ... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành như: Nhiệt động học hóa học - Điện hóa học - Hóa học chất keo và hấp phụ - Hóa kỹ thuật... đồng thời tùy theo sự lựa chọn chuyên ngành của sinh viên mà nhà trường sẽ trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp:

* **Chuyên ngành Hóa vô cơ**: Hóa học phức chất - Hóa học các nguyên tố hiếm - Cơ sở lý thuyết xử lý nước - Hóa học vật liệu vô cơ - Các phương pháp nghiên cứu trong hóa vô cơ...

* **Chuyên ngành Hóa phân tích**: Xử lý số liệu thực nghiệm trong Hóa phân tích - Thuốc thử hữu cơ trong Hóa phân tích - Phương pháp phân tích sắc ký và chiết...

* **Chuyên ngành Hóa hữu cơ**: Lý thuyết Hóa hữu cơ - Tổng hợp hữu cơ - Xúc tác hữu cơ - Hóa học các hợp chất tự nhiên - Phân tích hữu cơ...

* **Chuyên ngành Hóa lý**: Nhiệt động hóa học để cao - Động học xúc tác - Tính chất Hóa lý của vật liệu polime - Quang phổ nguyên tử và phân tử - Ăn mòn và bảo vệ kim loại...

Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp **kiến thức nghiệp vụ** về Sư phạm Hóa học thông qua môn học dành riêng cho ngành: Chương trình và phương pháp dạy học môn Hóa học phổ thông để sau khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc có khả năng nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo tại các Viện, các Trung tâm...

Ngành Sư phạm Sinh học

Ngành Sư phạm Sinh học cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, B như: Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Thống kê sinh học - Vật lý - Hóa học... cùng với những **kiến thức cơ bản** về Sinh học: Tế bào học - Hình thái học thực vật - Mô học - Di truyền học

- Hóa sinh học - Lý sinh học - Sinh học phát triển.... Trên nền khối kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành: Chuyên ngành Sinh học phân tử và tế bào:** Vi sinh vật học công nghiệp - Công nghệ hóa sinh - Di truyền phân tử và tế bào...; **Chuyên ngành Sinh học cơ thể động vật và người:** Sinh lý thần kinh - Nội tiết học - Nhân học...; **Chuyên ngành Sinh học quần thể, quần xã và Đa dạng sinh học:** Đa dạng sinh học - Địa lý sinh vật - Sinh học quần thể.... Đồng thời khi theo học ngành Sư phạm Sinh học sinh viên còn được rèn luyện **kỹ năng nghiệp vụ** qua môn học chỉ dành cho ngành: Chương trình và phương pháp dạy học môn Sinh học phổ thông. Tốt nghiệp ra trường, cử nhân Sư phạm Sinh học **có khả năng** làm công tác giảng dạy hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các trung tâm...

Ngành Sư phạm Ngữ văn

Sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn được trang bị **kiến thức chung** về Khoa học Xã hội như: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Mỹ học - Dẫn luận ngôn ngữ - Lý luận văn học - Ngữ âm tiếng Việt... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt - Từ pháp tiếng Việt - Cú pháp tiếng Việt - Văn học Nga - Văn học Trung Quốc - Văn học Việt Nam (VHVN) giai đoạn từ 1900 đến 1930... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành: về Ngôn ngữ** (Phong cách tiếng Việt - Ngữ pháp văn bản tiếng Việt - Ngữ dụng học - Ngôn ngữ học...); **về Văn học** (VHVN từ cuối thế kỷ (TK) XVIII đến giữa TK XIX - VHVN từ cuối TK XIX đến TK XX - VHVN giai đoạn từ 1930 đến 1945 - VHVN giai đoạn từ 1945 đến 1975 - VHVN giai đoạn từ 1975 đến nay).... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho ngành như: Thi pháp ca dao - Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại - Truyện ngắn Việt Nam - Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.... Bên cạnh khối kiến thức chuyên ngành thì sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn còn được rèn luyện **kỹ năng nghiệp vụ** dành riêng cho ngành qua các môn: Chương trình và phương pháp dạy học môn Văn học phổ thông - Chương trình và phương pháp dạy Tiếng Việt phổ thông.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm...

Ngành Sư phạm Lịch sử

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử không chỉ có các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối C: Dân tộc học - Xã hội học - Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam - Lịch sử văn minh thế giới - Tiến trình văn học Việt Nam... cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại - Lịch sử Việt Nam cận đại - Lịch sử thế giới cổ trung đại - Lịch sử thế giới cận đại - Lịch sử thế giới hiện đại - Cơ sở Khảo cổ học - Các dân tộc ở Việt Nam... mà còn có những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành:**

*** Chuyên đề Lịch sử Việt Nam:** Lịch sử văn hóa Việt Nam - Các hình thái kinh tế xã hội và chế độ ruộng đất trong lịch sử Việt Nam - Làng xã Việt Nam - Biến đổi kinh tế xã hội Việt Nam thời cận hiện đại...

*** Chuyên đề Lịch sử thế giới:** Đặc điểm của phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội - Đặc điểm của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh - Sự phát triển kinh tế xã hội của các nước Đông Nam Á...

Ngoài các kiến thức vừa nêu thì sinh viên các chuyên ngành này còn được trang bị để có **phương pháp, nghiệp vụ lịch sử và sư phạm:** Phương pháp luận sử học - Lịch sử sử học - Chương trình và phương pháp dạy học môn Lịch sử phổ thông... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy lịch sử hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT, nghiên cứu có hoạt động liên quan đến giáo dục, lịch sử...

Bên cạnh khối kiến thức nêu trên thí sinh viên học 6 ngành: Sư phạm Toán, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử của Khoa Sư phạm (ĐHQG Hà Nội) đều sẽ được trang bị những **kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm** phục vụ cho quá trình giảng dạy như: Tâm lý học - Giáo dục học - Tâm lý học sư phạm và lứa tuổi - Lý luận dạy học - Tổ chức và quản lý hoạt động trường lớp - Quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục đào tạo - Đo lường và đánh giá trong giáo dục - Phương pháp và công nghệ dạy học...

Sinh viên tốt nghiệp tất cả các ngành Sư phạm mà khoa đào tạo có thể công tác tại:

- Làm công tác nghiên cứu, giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, các trường Bồi dưỡng giáo viên, các trường trường Trung học nghề... có đào tạo các chuyên ngành. Dạy các môn: Toán, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Sử tại các trường THPT.

- Ngoài ra còn có thể làm công tác nghiên cứu tại các Cục, Vụ, Viện, các Trung tâm: Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam...; Cụ thể như: ngành Sư phạm Toán: Viện Toán học; Sư phạm Vật lý: Viện Vật lý địa cầu, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ hạt nhân; Sư phạm Hóa học: Viện Hóa học; Sư phạm Sinh học: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới; Sư phạm Ngữ văn: Viện Văn học; Sư phạm Lịch sử: Viện Sử học...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2001	250	15.625	1/12.5
2002	290	2.001	1/6.9
2003	290	2.349	1/8.1
2004	300	1.755	1/5.8
2005	300	2.664	1/8.9
2006	300	1.279	1/4.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành Sư phạm	2000	2001	2002		2003		2004		2005	2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2
Toán A	22.0	23.0	20.0	21.0	24.0		22.0		26.5	19.5	
Vật lý A	19.5	21.0	19.0	20.0	22.5		21.0		25.5	19.5	
Hóa học A	22.0	23.0	20.5	21.5	23.5		20.5		27.0	19.5	
Sinh học A	17.5	19.5	18.0	-	-		-		23.0	21.0	
Sinh học B	19.5	19.0	22.0	23.0	21.5		20.0		24.5	19.5	
Ngữ văn C	-	21.0	23.0	24.0	22.0		23.5		21.0	22.5	
Ngữ văn D	-	17.0	22.0	23.0	21.5		22.0		20.0	21.5	
Lịch sử C	-	22.5	22.0	23.0	22.0		23.5		21.0	21.0	
Lịch sử D	-	20.0	20.0	21.0	20.0		21.0		21.0	19.5	

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Khoa Sư phạm tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1,2,3,4.
- Điểm trúng tuyển vào khoa Sư phạm được lấy theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

- Sinh viên khoa Sư phạm thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội không phải đóng học phí cũng như các trường sư phạm khác.

- Với đặc thù của nghề nhà giáo, khoa không tuyển những thí sinh có khuyết tật như: nói ngọng, nói lắp...

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho khoa Sư phạm tương đối ổn định. Từ năm 2004 số chỉ tiêu này luôn ở mức 300.

- Qua bảng 1 ta thấy tỉ lệ “chọi” của khoa Sư phạm không cao lắm so với các trường sư phạm khác, và có qui luật năm trước tăng thì năm sau giảm.

- Theo số liệu thống kê trong bảng 2 thì điểm trúng tuyển của khoa qua các năm và giữa các ngành có sự chênh lệch. Ví dụ năm 2006 điểm trúng tuyển các ngành khối A, B thấp hơn năm 2005, còn khối C và khối D thì lại chia ra ngành Sư phạm Ngữ văn điểm trúng tuyển cao hơn 2005 nhưng Sư phạm Lịch sử thì lại bằng và thấp hơn 2005. (Xem bảng 2).

- Đội ngũ giáo viên nước ta vẫn thiếu rất nhiều, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Vì thế sinh viên sư phạm ra trường nếu muốn công tác ở những vùng này rất được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện.

- Từ những số liệu trên dự kiến năm tới số lượng thí sinh ĐKDT sẽ tăng nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Trụ sở: 01 Đại Cồ Việt, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04. 8692104 - 04.8692117 - Website: <http://www.hut.edu.vn/>

- Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (ĐHBKHN) được thành lập năm 1956 trên cơ sở Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, là trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu của cả nước...
- Trường ĐHBKHN có 1.500 giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong đó có 265 Giáo sư và Phó Giáo sư, 425 Tiến sĩ, 200 Thạc sĩ, 128 Nhà giáo Nhân dân và Nhà giáo Ưu tú...
- Trường ĐHBKHN có hai loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm với 4 cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Điện có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Hệ thống điện**

Sinh viên học chuyên ngành Hệ thống điện, ngoài việc được học các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên như: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Hóa học - Vật lý - Cơ học ứng dụng - Nhập môn tin học... còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** về Hệ thống điện: Cơ sở kỹ thuật điện - Cung cấp điện - Khí cụ điện - Vật liệu điện - An toàn điện - Kỹ thuật đo lường - Điện tử số - Điện tử công suất - Kỹ thuật lập trình C/C++ - Lưới điện - Kỹ thuật thủy khí... đồng thời còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nhà máy thủy điện - Vận hành nhà máy điện - Quy hoạch phát triển hệ thống điện - Thông tin và Điều độ hệ thống điện - Tự động hóa hệ thống điện - Ổn định hệ thống điện - Hệ thống thông tin công nghiệp... Sinh viên sẽ **được thực hành** các thí nghiệm đo điện, thí nghiệm kỹ thuật điện, thí nghiệm điện công nghiệp... khi tốt nghiệp có kiến thức và kỹ năng để **có thể** nghiên cứu, thiết kế và khai thác các công trình sản xuất truyền tải, phân phối và cung cấp điện năng...

*** Chuyên ngành Thiết bị điện**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Thiết bị điện có **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên giống như sinh viên chuyên ngành Hệ thống điện... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Khí cụ điện cao áp - Thiết bị chiếu sáng - Thiết bị điện hạ áp - Truyền động điện - Cung cấp điện - Kỹ thuật đo lường - Điện tử số - Điện tử công suất - Kỹ thuật lập trình C/C++... đồng thời còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như Công nghệ chế tạo thiết bị điện - Kỹ thuật lập trình - Hệ thống thông tin công nghiệp - Thiết bị nhiệt - Thiết kế tự động thiết bị điện - Máy điện trong điều khiển tự động - Kỹ thuật điện lạnh - Tự động hóa và Điều khiển thiết bị điện - Kinh tế năng lượng - Mô hình toán và Động lực học trong thiết bị điện... Học chuyên ngành này, sinh viên sẽ được làm **thực hành** ở xưởng tất cả những kiến thức đã được đào tạo. Sau khi học xong sinh viên **có được** vốn kiến thức cơ bản về thiết bị điện, có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến truyền tải, phân phối điện năng và đặc biệt chuyên sâu hơn về lĩnh vực thiết bị điện...

*** Chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp**

Chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên tương tự như sinh viên chuyên ngành Hệ thống điện, chuyên ngành Thiết bị điện... cùng với những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Truyền động điện - Cung cấp điện - Khí cụ điện - Vật liệu điện - An toàn điện - Kỹ thuật đo lường - Điện tử tương tự - Điện tử số - Điện tử công suất - Kỹ thuật vi xử lý - Kỹ thuật lập trình C/C++... đồng thời còn cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật lập trình - Phần tử tự động - Điều khiển logic - Trang bị điện, điện tử cho máy công cụ - Tin học quản lý - Trang bị điện, điện tử cho máy công nghiệp - Tự động hóa quá trình sản xuất - Robot - Mô hình hóa - Quản trị doanh nghiệp... sinh viên sẽ **được thực hành** ở xưởng tất cả những kiến thức đã được đào tạo... để khi ra trường **có khả năng** thiết kế, vận hành các thiết bị thuộc lĩnh vực truyền động điện, tự động khống chế, ứng dụng điện tử và tin học trong điều khiển và tự động hóa xí nghiệp...

*** Chuyên ngành Điều khiển tự động**

Kỹ sư chuyên ngành Điều khiển tự động được trang bị những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên giống như sinh viên các chuyên ngành Thiết bị điện, Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp... đồng thời với **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Vi xử lý và Máy tính - Lý

thuyết điều khiển tự động năng cao - Máy điện - Truyền động điện - Cung cấp điện - Khí cụ điện - Vật liệu điện - An toàn điện - Kỹ thuật đo lường - Điện tử tương tự - Điện tử số - Điện tử công suất - Kỹ thuật vi xử lý - Kỹ thuật lập trình C/C++..., ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Hệ thống điều khiển số - Vi xử lý trong điều khiển - Hệ thống điều khiển lập trình - Quản lý tiếp thị - Điều khiển phân cấp - Hệ thống thông minh - Tự động hóa quá trình nhiệt hóa... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, vận hành các thiết bị thuộc lĩnh vực điều khiển tự động...

*** Chuyên ngành Đo lường**

Khi học chuyên ngành Đo lường sinh viên sẽ được học **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên giống như sinh viên các chuyên ngành Tự động hóa xi nghiệp công nghiệp, Điều khiển tự động... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Xử lý tín hiệu nhận dạng - Cảm biến đo lường - Lý thuyết mạch - Dụng cụ đo điện tử - Kỹ thuật Interface - Phương pháp đo - Cơ sở kỹ thuật điện - Máy điện - Truyền động điện - Cung cấp điện - Khí cụ điện - Vật liệu điện - An toàn điện - Kỹ thuật đo lường - Điện tử tương tự - Điện tử số - Điện tử công suất - Kỹ thuật vi xử lý - Kỹ thuật lập trình C/C++ - Xử lý tín hiệu nhận dạng - Cảm biến đo lường - Lý thuyết mạch - Dụng cụ đo điện tử... đồng thời sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cấu trúc máy tính - Mạng máy tính - Tin học quản lý - Hệ thống thông tin đo lường - Đo sinh hóa sinh học - Đo và Kiểm tra môi trường - Tính toán và Thiết kế bằng máy tính - Điều khiển quá trình sản xuất... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các cơ quan, nhà máy xi nghiệp có liên quan đến chuyên ngành Đo lường.

*** Chuyên ngành Công nghệ nhiệt**

Sinh viên học chuyên ngành Công nghệ nhiệt được cung cấp các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên tương tự như sinh viên các chuyên ngành Điều khiển tự động, Đo lường... cùng với những **kiến thức cơ bản về chuyên ngành**: Thủy khí động - Nhiệt động - Truyền nhiệt - Lò hơi - Sức bền vật liệu - Lý thuyết cháy - Chi tiết máy - An toàn lao động nhiệt điện - Trang bị điện - Truyền động điện - Cung cấp điện - Khí cụ điện - Kỹ thuật đo lường - Điện tử công suất - Kỹ thuật vi xử lý - Kỹ thuật lập trình C/C++... đồng thời còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tự động hóa quá trình nhiệt - Thiết bị điện nhiệt và sấy - Máy năng lượng có cánh - Vật liệu thiết bị nhiệt - Kỹ thuật thông tin công nghiệp - Vi xử lý - Nhà máy nhiệt điện - Tuabin - Máy lạnh và Điều tiết không khí - Bảo vệ môi trường công nghiệp... khi ra trường sinh viên **có khả năng** vận hành, sửa chữa được các thiết bị như điều hòa, lò sấy, lò hơi....

Sinh viên tốt nghiệp ngành Điện có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, TT. Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT. Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện ...

+ Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Thiết bị kỹ thuật điện... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại các Sở như Sở Điện lực, Sở Công nghiệp... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Điện.

Ngành Công nghệ hóa học có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Hình học - Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Vật lý - Phương trình vi phân - Cơ lý thuyết - Vẽ kỹ thuật... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Hóa công - Hóa lý - Hóa tinh thể - Hóa hữu cơ - Hóa vô cơ - Hóa phân tích - Hóa kỹ thuật - Tự động hóa dụng cụ đo.... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Hóa học các hợp chất hữu cơ - Phân tích hóa lý - Lý thuyết cháy - Công nghệ chế biến khí - Công nghệ tổng hợp hữu cơ, hóa dầu - Công nghệ chế biến nhiên liệu rắn - Công nghệ chế biến dầu - Công nghệ sản xuất xenlulô và giấy - Sản phẩm dầu mỏ - Hóa học các hợp chất hữu cơ... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** sản xuất, chế biến... các sản phẩm công nghệ hữu cơ, lọc, tinh chế dầu...

*** Chuyên ngành Công nghệ điện hóa và Bảo vệ kim loại**

Chuyên ngành Công nghệ điện hóa và Bảo vệ kim loại trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** thuộc khối Khoa học cơ bản... cùng với những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như là sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu, đồng thời còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Điện hóa lý thuyết - Ăn mòn kim loại - Điện hóa bề mặt - Kim loại hóa học - Vật liệu học - Ma điện - Điện phân thoát kim loại - Điện phân không thoát kim loại - Nguồn điện hóa học - Thiết bị điện hóa.... Khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm các công việc liên quan đến lĩnh vực kim loại như chống ăn mòn kim loại, tinh chế kim loại, sản xuất các vật dụng bằng kim loại...

*** Chuyên ngành Công nghệ vật liệu silicat**

Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ vật liệu silicat được trang bị những **kiến thức chung** về sinh viên khối Khoa học cơ bản... đồng thời với **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu, ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lò silicat - Thiết bị nhà máy silicat - Hóa lý silicat - Công nghệ vật liệu kết dính - Công nghệ gốm sứ - Công nghệ thủy tinh - Công nghệ vật liệu chịu lửa... Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, triển khai, ứng dụng, thực hành... tại các nhà máy cơ quan xí nghiệp có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

*** Chuyên ngành Công nghệ các hợp chất vô cơ và Phân bón hóa học**

Khi học chuyên ngành Công nghệ các hợp chất vô cơ và Phân bón hóa học sinh viên sẽ được học **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản... cùng với những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu, đồng thời còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật chế tạo các chất sạch - Động học và Thiết bị phản ứng - Công nghệ vật liệu - Ăn mòn kim loại - Công nghệ các hợp chất chứa nitơ - Công nghệ axit sulfuric - Công nghệ soda và NaOH - Công nghệ sản xuất phân bón vô cơ - Công nghệ sản xuất muối khoáng... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, hoặc làm việc trực tiếp tại các nhà máy phân bón hóa học.

*** Chuyên ngành Công nghệ hóa lý**

Sinh viên học chuyên ngành Công nghệ hóa lý được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như là sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của**

chuyên ngành như: Phân tích hóa lý - Công nghệ vật liệu - Lý thuyết tối ưu - Nhiệt động học thống kê - Kỹ thuật chất sạch - Hóa lý các hiện tượng bề mặt - Hóa học tính toán - Động học các quá trình điện cực - Hóa học phức chất - Lý thuyết dung dịch trong dung môi không nước - Xúc tác đồng dị thể và Xúc tác men - Các phương pháp phân tích và tổng hợp hữu cơ.... Khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, triển khai, ứng dụng, thực hành... tại các nhà máy cơ quan xí nghiệp có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

*** Chuyên ngành Công nghệ các vật liệu polyme**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Công nghệ các vật liệu polyme không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu. Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Hóa học các hợp chất hữu cơ - Động học xúc tác - Hóa lý polyme - Hóa học polyme - Hóa lý polyme - Cơ sở vật liệu polyme compozit - Kỹ thuật sản xuất sơn - Kỹ thuật sản xuất chất dẻo - Kỹ thuật gia công chất dẻo - Kỹ thuật gia công cao su - Máy và Thiết bị gia công polyme... để sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các nhà máy có liên quan đến lĩnh vực công nghệ các vật liệu polyme.

*** Chuyên ngành Công nghệ hữu cơ xenluloza giấy**

Chuyên ngành Công nghệ hữu cơ xenluloza giấy trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như là sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu, đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hóa học các hợp chất hữu cơ - Động học xúc tác - Thiết bị phản ứng trong CNHD - Hóa học gỗ - Công nghệ và Thiết bị sản xuất xenluloza - Công nghệ và Thiết bị sản xuất giấy - Công nghệ xử lý bề mặt giấy - Bảo vệ môi trường trong công nghiệp giấy xenluloza... Tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** xử lý các quá trình sản xuất giấy.

*** Chuyên ngành Quá trình thiết bị công nghệ hóa học thực phẩm**

Kỹ sư chuyên ngành Quá trình thiết bị công nghệ hóa học thực phẩm được trang bị những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản đồng thời với **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như là sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu, ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật thực phẩm đại cương - Kỹ thuật công trình - Truyền nhiệt trong hệ thống phức tạp - Kỹ thuật môi trường và Xử lý phế thải - CAD, CAM trong công nghiệp hóa chất - Kỹ thuật hệ thống - Công nghệ màng - Kỹ thuật phản ứng.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng, các máy móc dùng trong ngành hóa thực phẩm.

*** Chuyên ngành Máy và thiết bị công nghiệp dầu khí, hóa chất**

Khi học chuyên ngành Máy và thiết bị công nghiệp dầu khí, hóa chất sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như sinh viên chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu..., đồng thời sinh viên còn được trang bị thêm một số môn học khác như: Dung sai - Chi tiết máy - Công nghệ chế tạo phôi - Bơm, quạt, máy nén - Tự động hóa và dụng cụ đo - Công nghệ chế tạo máy... Ngoài ra sinh viên cũng sẽ được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật lạnh và Hóa lỏng khí - Thiết bị chuyển khối và Sấy - Thiết bị gia công vật liệu dẻo - Công nghệ hóa học và Chế biến dầu khí - Tự động hóa trong công nghệ hóa học - Tính toán, thiết kế máy và Thiết bị hóa chất - Thiết bị phản ứng hóa học... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, triển khai, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy và thiết bị của ngành Máy và thiết bị công nghiệp dầu khí, hóa chất.

*** Chuyên ngành Công nghệ in (Khung Bộ)**

Sinh viên học chuyên ngành Công nghệ in được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản tương tự như sinh viên các chuyên ngành Công nghệ hữu cơ, hóa dầu, cùng với các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Máy tính & Mạng máy tính - Hóa lý in - Đại cương về sản xuất in - Lý thuyết màu - Lý thuyết phục chế trong ngành in - Vật liệu in.... Ngoài ra sinh viên cũng sẽ được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ chế tạo khuôn in - Công nghệ in - Công nghệ gia công sau in - An toàn & môi trường trong công nghiệp in - Cơ sở thiết kế nhà máy in - Kinh tế & tổ chức sản xuất in - Công nghệ xử lý ảnh kỹ thuật số - Quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm in - Tự động hóa trong ngành in - Nghệ thuật trình bày ấn phẩm... để sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các cơ sở sản xuất, các nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan... có liên quan đến ngành in.

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ hóa học sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ hóa học, Viện Công nghệ xạ hiếm, Viện Hóa học Việt Nam, Viện Hóa kỹ thuật, Viện Hóa học công nghiệp; TT. Công nghệ hóa dược và hóa sinh hữu cơ, TT. Thông tin Khoa học kỹ thuật hóa chất...

+ TCT Hóa chất Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam, TCT Dầu khí Việt Nam... và các đơn vị thành viên: Cty Chế biến gỗ, các Cty Hóa chất, Cty Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất, Xí nghiệp Hóa phẩm dầu khí...

+ Các phòng chức năng: Quản lý khoa học, Quản lý công nghệ, Quản lý sản xuất công nghiệp, Chế biến nông lâm sản và Ngành nghề nông thôn... trực thuộc các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ hóa học.

Ngành Công nghệ dệt - may và thời trang có các chuyên ngành

*** Chuyên ngành Công nghệ dệt**

Sinh viên học chuyên ngành Công nghệ dệt được cung cấp những **kiến thức chung** về khối A như: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Hình học - Vật lý - Hóa học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Sức bền vật liệu - Nguyên lý máy - Tự động hóa - Dung sai - Chi tiết máy - Vật liệu dệt - Hóa hữu cơ... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ sợi - Công nghệ dệt kim - Hóa học thuốc nhuộm - Quản lý chất lượng dệt may - Công nghệ dệt - Cơ cấu máy dệt - Đo lường dệt - Công nghệ không dệt - Làm sạch hóa học vật liệu dệt - Cấu trúc vải dệt thoi - Cấu trúc vải dệt kim - Dệt không thoi - Thiết kế dây chuyền dệt - Công nghệ nhuộm in hoa... sinh viên **có khả năng** nắm vững cách sử lý các loại sợi, sản xuất sợi hóa học các quá trình công nghệ từ sợi đến dệt, dệt kim và xử lý hoàn tất vải, biết thiết kế toàn bộ dây chuyền sản xuất và thiết kế các mặt hàng dệt cơ bản, nắm chắc các phương pháp kiểm tra công nghệ và chất lượng xơ sợi vải.

*** Chuyên ngành Công nghệ may và thời trang**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Công nghệ may và thời trang không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A giống như là sinh viên chuyên ngành Công nghệ dệt mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Vật liệu may - Nhân trắc học trong may mặc - Vẽ mỹ thuật - Sức

bền vật liệu - Nguyên lý máy - Tự động hóa - Dung sai - Chi tiết máy... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thiết kế quần áo - Mỹ thuật trang phục - Quản lý sản xuất trong dệt may - Quản lý chất lượng trong dệt may - Cơ điện tử trong dệt may - Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may - Công nghệ cắt may - Tạo mốt thời trang - Thiết kế sản phẩm may bằng máy tính - Marketing may mặc - Công nghệ may vải kỹ thuật - Thiết bị may công nghiệp - Lịch sử thời trang - Thực hành cắt may - Tổ chức quản lý sản xuất... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, đo, vẽ, cắt, may tại các cơ sở sản xuất may mặc.

*** Chuyên ngành Công nghệ hoàn tất dệt may**

*** Chuyên ngành Công nghệ da - giấy**

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ dệt - may và thời trang có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Kinh tế - Kỹ thuật dệt, may, Viện Mẫu thời trang Việt Nam (FADIN), Viện Nghiên cứu và Phát triển cây bông, Viện Nghiên cứu da, giấy; TT. Y tế dệt, may...

+ Tập đoàn Dệt May Việt Nam, TCT Dâu tằm tơ Việt Nam, TCT Bông Việt Nam... và hàng trăm các công ty, doanh nghiệp trực thuộc: Cty Sản xuất - Xuất nhập khẩu dệt may, Cty Kinh doanh hàng thời trang Việt Nam, Cty Giày thời trang Việt Nam, Cty Bông Việt Nam, Cty Chuyển giao kỹ thuật dâu tằm tơ, Nhà máy Dệt lụa, Xí nghiệp Dâu tằm tơ, Xí nghiệp May xuất khẩu lụa tơ tằm, Cty Giày Việt Nam...

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ dệt - may và Thời trang.

Ngành Sư phạm kỹ thuật

Ngành Sư phạm kỹ thuật trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý đại cương - Hóa học - Hình học + Vẽ kỹ thuật - Tin học - Logic học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Khoa học và Công nghệ vật liệu - Ngôn ngữ lập trình - Cơ lý thuyết - Cơ ứng dụng - Kỹ thuật nhiệt - Máy nhiệt - Kỹ thuật điện - Điện dân dụng - Kỹ thuật điện tử - Điện tử dân dụng - Vi điện tử, điện tử công suất... ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học thuộc phần **kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm**: Giáo dục học - Phương pháp dạy nghề và Hướng nghiệp - Sư phạm các môn kỹ thuật công nghiệp - Lý luận dạy học... để sinh viên khi tốt nghiệp ra trường **có thể giảng dạy** môn Kỹ thuật tại các trường dạy nghề, trung cấp kỹ thuật hoặc các khoa Kỹ thuật ở các trường đại học sư phạm.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Kỹ thuật có thể làm việc tại:

+ Các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề, các trường dạy nghề có đào tạo ngành Sư phạm Kỹ thuật. Dạy môn Kỹ thuật tại các trường THPT.

+ Ngoài ra còn có thể làm công tác nghiên cứu, Quản lý Nhà nước theo chuyên ngành tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Luyện kim đen, Viện Công nghệ thông tin; TT. Kỹ thuật và Tin học, các TT. Kiểm soát tần số khu vực và Hệ thống, các TT. Tin học từ Trung ương đến địa phương...

+ Các Cục, Vụ: Cục Kỹ thuật an toàn công nghiệp, Cục Tấn số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Cơ khí luyện kim và Hóa chất, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

Ngành Cơ khí có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí**

Kỹ sư chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí được trang bị những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên như: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Hình họa - Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học... đồng thời với **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kỹ thuật điện - Kỹ thuật nhiệt - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật lập trình - Chi tiết máy - Chế tạo phôi - Dao động kỹ thuật - Đàn hồi ứng dụng - Công nghệ chế tạo máy - Phương pháp phần tử hữu hạn... ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ học chất lỏng ứng dụng - Lý thuyết cánh - Động cơ đốt trong - Truyền động điện, điện tử - Bơm quạt cánh dẫn - Tuabin nước - Máy khí nén và Truyền động khí nén - Truyền động điện thủy lực - Đo lường thủy khí - Nhiệt công nghiệp... khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, cải tiến, bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy cũng như các thiết bị khác có liên quan.

*** Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy**

Khi học chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí, đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Máy nâng chuyển - Cơ sở máy công cụ - Nguyên lý cắt - Thiết kế dao - Đổ gá - Động cơ đốt trong - Lưu biến học - Thiết kế máy - Bôi trơn - Công nghệ tạo hình - Máy tự động và Robot - Điều khiển tự động cơ khí - Kỹ thuật đo - Phương pháp thực nghiệm và Xử lý số liệu - Tự động hóa và Chuẩn bị công nghệ... sinh viên sau khi tốt nghiệp **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các sản phẩm cơ khí, các trang thiết bị, dây chuyền công nghệ trong sản xuất tự động thuộc mọi lĩnh vực.

*** Chuyên ngành Cơ khí chính xác, quang học**

Sinh viên học chuyên ngành Cơ khí chính xác, quang học được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên... cùng với các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí, đồng thời còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở máy công cụ - Quang kỹ thuật - Chi tiết cơ cấu máy chính xác - Đổ gá công nghệ - Nguyên lý cắt - Vật liệu phi kim - Nguyên lý biến dạng dẻo và Lý thuyết khuôn - Cơ sở đo lường và Xử lý số liệu - Độ chính xác cơ cấu - Thiết kế và Quang điện tử ứng dụng - Kỹ thuật đo lường cơ khí - Màng mỏng quang học và Kỹ thuật quang sợi - Đo lường và Kiểm tra tự động - Thiết bị nghe nhìn - Thiết bị in văn phòng - Công nghệ máy chính xác... sinh viên khi ra trường **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, vận hành các thiết bị đo lường công nghiệp, thiết bị quang học, thiết bị y tế, thiết bị in ấn văn phòng...

*** Chuyên ngành Cơ - Tin học kỹ thuật**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Cơ - Tin học kỹ thuật không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên... mà còn được học những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như là sinh viên chuyên ngành: Máy và Tự động thủy khí, Công nghệ chế tạo máy, Cơ khí chính xác, quang học.... Ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Hệ điều hành - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Máy tự động và Robot - Ngôn ngữ C và C++ - Động lực học máy - Dao động phi tuyến... khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu và ứng dụng các nguyên lý công nghệ mới, thiết kế các máy có các bộ phận điều khiển theo chương trình, nghiên cứu các quá trình tự động hóa, xây dựng phần mềm tin học ứng dụng trong các lĩnh vực chế tạo máy, hàng không, đóng tàu, xây dựng, dự hành vũ trụ...

*** Chuyên ngành Ô tô**

Chuyên ngành Ô tô trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên... cùng với những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như là sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí, đồng thời còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Máy nâng chuyển - Cấu tạo ô tô - Trang bị thủy khí trên ô tô - Thiết kế và Tính toán ô tô - Thiết kế và Tính toán động cơ ô tô - Sử dụng và Sửa chữa ô tô - Trang bị điện và Hệ thống điện tử trên ô tô - Công nghệ khung vỏ ô tô - Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô - Ứng dụng máy tính trong thiết kế ô tô - Xe chuyên dụng - Luật giao thông đường bộ và Lái xe... khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, cải tiến, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô cũng như các thiết bị hiện đại dùng trên ô tô và các phương tiện khác tương tự ô tô.

*** Chuyên ngành Động cơ**

Kỹ sư chuyên ngành Động cơ được trang bị những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên đồng thời với **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như là sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí, ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy nâng chuyển - Kết cấu đại cương động cơ - Lý thuyết động cơ - Đổ gá - Máy thủy khí - Động lực học và Dao động - Kết cấu ô tô - Thiết kế động cơ đốt trong - Tăng áp động cơ - Trang bị động lực - Sử dụng và Sửa chữa động cơ - Điện ô tô... để sinh viên khi ra trường **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, vận hành các loại động cơ.

*** Chuyên ngành Hàn và Công nghệ kim loại**

Khí học chuyên ngành Hàn và Công nghệ kim loại sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** thuộc khối Khoa học Tự nhiên... cùng với những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như là sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy nâng chuyển - Hóa lý quá trình luyện kim - Cơ kết cấu - Vật liệu hàn - Thiết bị hàn - Ứng suất và Biến dạng - Các phương pháp hàn đặc biệt - Công nghệ hàn nóng chảy - Hàn đắp và Phun phủ - Mô hình hóa và Tự động hóa quá trình hàn - Kiểm tra chất lượng hàn... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng, thực hành vào trong thực tế đời sống.

*** Chuyên ngành Kỹ thuật hàng không**

Sinh viên học chuyên ngành Kỹ thuật hàng không được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như là sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vật liệu composite - Khí động học - Đại cương kỹ thuật hàng không - Quá trình cháy của động cơ máy bay - Kết cấu vật bay - Cơ học vật bay - Điện, điện tử trên máy bay - Khí động đàn hồi - Động cơ máy bay - Tổ chức quản lý ngành hàng không - Thiết kế máy bay - Hệ thống thủy lực khí nén trên máy bay - Máy bay trực thăng - Kiểm tra bảo dưỡng máy bay... sinh viên học ngành này sẽ **có khả năng** sửa chữa, lắp ráp, chế tạo vận hành máy bay và các loại phụ tùng cùng loại với máy bay.

*** Chuyên ngành Công nghệ và Thiết bị tạo hình biến dạng**

Đào tạo Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ và Thiết bị tạo hình biến dạng không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như là sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí. Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy nâng chuyển - Lý thuyết biến dạng dẻo - Máy ép cơ khí - Lý thuyết dập tạo hình - Máy búa và Máy thủy lực - Công nghệ tạo hình vật liệu tấm -

Công nghệ tạo hình khối - Cơ học vật liệu rắn biến dạng - Tự động hóa quá trình tạo hình - Thiết kế chế tạo khuôn - Lò nung - Đo lường trong chế tạo máy... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** chuyển giao công nghệ rèn dập tạo hình, thiết kế và sửa chữa các thiết bị dập ép, và nắm được công nghệ mới về tạo hình...

*** Chuyên ngành Máy lạnh và Thiết bị nhiệt**

Chuyên ngành Máy lạnh và thiết bị nhiệt trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như là sinh viên chuyên ngành Máy và Tự động thủy khí đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nhiệt động kỹ thuật - Truyền nhiệt, truyền chất - Kỹ thuật lạnh cơ sở - Hệ thống cấp nhiệt - Thiết bị trao đổi nhiệt - Điều hòa không khí - Kỹ thuật sấy - Bơm, quạt, máy nén - Tự động hóa hệ thống lạnh - Lò công nghiệp - Khí cụ điện - Lò điện - Kỹ thuật lạnh ứng dụng... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng, thực hành, thiết kế, bảo trì và vận hành các loại máy lạnh và thiết bị nhiệt.

Kỹ sư ngành Cơ khí có thể công tác tại:

+ Các Viện, Tổng cục, Vụ: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Cơ khí năng lượng mỏ, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động; Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và Hóa chất...

+ TCT Cơ khí xây dựng, TCT Cơ khí công nghiệp, TCT Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Máy và Thiết bị Công nghiệp, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước, Cty Cơ khí lắp máy...

+ Các cơ quan bảo quản lưu trữ các tài liệu, thiết bị trong môi trường cần điều hòa không khí như Đài phát thanh, Đài truyền hình, các kho lưu trữ, bệnh viện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Cơ khí.

Ngành Công nghệ nhiệt lạnh

Kỹ sư ngành Công nghệ nhiệt lạnh được trang bị những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A như: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học... đồng thời với **kiến thức cơ bản** về ngành: Sức bền vật liệu - Nguyên lý + Chi tiết máy - Điện kỹ thuật - Kỹ thuật điện tử - Nhiệt động học kỹ thuật - Truyền nhiệt - Đo lường nhiệt - Kỹ thuật cháy - Thiết bị trao đổi nhiệt và Mạng nhiệt - Nguyên lý tự động điều khiển quá trình nhiệt... ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vật liệu nhiệt lạnh - Kỹ thuật sấy - Lò hơi - Tuabin - Bơm, quạt, máy nén - Kỹ thuật lạnh - Điều hòa không khí - Nhà máy nhiệt điện - Thiết bị nhiệt - Kinh tế năng lượng... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng, thực hành, thiết kế, bảo trì và vận hành các loại máy lạnh và thiết bị nhiệt...

*** Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ nhiệt lạnh có thể làm việc tại:**

+ TCT Thiết bị kỹ thuật điện, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam... và các Cty thành viên: các Cty Điện tử, Cty Xuất nhập khẩu điện tử, Cty Toshiba Việt Nam, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Công nghệ nhiệt lạnh.

Ngành Vật lý kỹ thuật

Khi học ngành Vật lý kỹ thuật sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, Lý như: Đại số - Giải tích - Các phương pháp toán lý - Các phương pháp toán học hiện đại trong vật lý và kỹ thuật - Vật lý (nhiệt, điện, cơ học)... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Hợp ngữ - Ngôn ngữ lập trình bậc cao (C/C++) - Cấu trúc máy tính và kỹ thuật ghép - Truyền sóng vô tuyến - Linh kiện bán dẫn và Vi mạch - Kỹ thuật siêu cao tần - Vật lý bán dẫn - Từ học và Siêu dẫn... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quang phi tuyến - Vật lý và Công nghệ laser sợi - Vật lý và Công nghệ laser xung cực ngắn - Quang tử học nano - Các trạng thái điện tử trong các hệ nano - Các chất bán dẫn cấu trúc nano - Các vật liệu từ tính cấu trúc nano - Các hệ vi cơ điện - Các mạch tích phân kỹ thuật số CMOS - Hóa học nano... Sinh viên sau khi tốt nghiệp **có khả năng** tham gia nghiên cứu, làm việc độc lập trong các xí nghiệp sản xuất các vật liệu, linh kiện và thiết bị thuộc chuyên ngành đào tạo.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Vật lý kỹ thuật có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục: Viện Vật lý và Điện tử, Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, Viện Vật lý địa cầu; Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam; TT. Đo lường; Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ hạt nhân...

+ Các phòng, ban: Quản lý công nghệ, Quản lý khoa học, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Các cơ sở sản xuất đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị điện tử và vật lý; các bệnh viện, cơ sở y tế các tuyến, các đơn vị cơ quan nghiên cứu đến lĩnh vực y sinh; các cơ sở của ngành bưu điện, các xí nghiệp, các hãng điện tử, vi điện tử, ngành viễn thông và các ngành công nghiệp khác; các Cty sản xuất kinh doanh thiết bị y tế, môi trường...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Vật lý kỹ thuật.

Ngành Công nghệ thông tin có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Khoa học máy tính**

Sinh viên học chuyên ngành Khoa học máy tính được cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên như: Giải tích - Đại số - Toán học rời rạc - Xác suất thống kê - Vật lý hiện đại - Vật lý (nhiệt, điện, quang, cơ học)... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Ngôn ngữ lập trình C - Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Điện tử số - Mạch và Tín hiệu - Kỹ thuật lập trình - Kiến trúc máy tính - Hệ điều hành - Cơ sở truyền tin - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng - Vi xử lý - Xử lý tín hiệu số - Phân tích và Thiết kế hệ thống - Trí tuệ nhân tạo - Nhập môn công nghệ phần mềm... đồng thời còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Ngôn ngữ và Phương pháp dịch - Kỹ thuật lập trình hướng sự kiện và Macroprocesser - Đặc trưng của ngôn ngữ lập trình - Thiết kế và Phân tích thuật toán - Tính toán song song... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, phát triển hệ thống máy tính cả phần cứng lẫn phần mềm.

*** Chuyên ngành Hệ thống máy tính**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Hệ thống máy tính không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành giống như

là sinh viên chuyên ngành Khoa học máy tính. Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở dữ liệu nâng cao - An toàn các hệ thống thông tin - Mô hình client, server - Hệ chuyên gia - Hệ trợ giúp quyết định- Các chuyên đề... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, phát triển hệ thống máy tính cả phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo hệ thống các sản phẩm phần mềm, các hệ thống tự động, và có khả năng sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống máy tính.

*** Chuyên ngành Truyền thông và Mạng**

Chuyên ngành Truyền thông và Mạng trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành tương tự như là sinh viên chuyên ngành Khoa học máy tính, đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hệ phân tán - Mạng Intranet - Truyền thông đa phương tiện - Quản trị mạng - An toàn mạng... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống máy tính, khả năng truyền tải bảo mật hệ thống thông tin trên máy tính và trên mạng...

*** Chuyên ngành Công nghệ phần mềm**

Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ phần mềm được trang bị những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên... đồng thời với **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành tương tự như là sinh viên các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống máy tính, Truyền thông và Mạng... ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phân tích và Thiết kế phần mềm - Xây dựng và Đánh giá phần mềm - Quản trị dự án phần mềm - An toàn thông tin - Tương tác người máy - Các chuyên đề... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, phát triển hệ thống máy tính cả phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo hệ thống các sản phẩm phần mềm, lập trình các trang web, các hệ thống tự động.

*** Chuyên ngành Hệ thống thông tin**

Khi học chuyên ngành Hệ thống thông tin sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành giống như là sinh viên các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống máy tính, Truyền thông và Mạng, Công nghệ phần mềm... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cơ sở dữ liệu nâng cao - An toàn các hệ thống thông tin - Mô hình client, server - Hệ chuyên gia - Hệ trợ giúp quyết định - Các chuyên đề... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** truyền tải bảo mật hệ thống thông tin trên máy tính và trên mạng...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; TT. Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT. Giao dịch công nghệ, các TT. Thông tin trực thuộc các Cục, Tổng cục, Bộ...

+ Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ thông tin.

Ngành Công nghệ sinh học

Sinh viên học ngành Công nghệ sinh học được cung cấp **kiến thức chung** về khối A như: Xác suất thống kê - Vật lý cơ nhiệt - Vật lý điện quang - Hóa cấu tạo - Hóa đại cương - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Cơ sở hóa sinh công nghiệp - Công nghệ hóa sinh - Công nghệ sinh học trong nông nghiệp - Những vấn đề xã hội đạo đức và pháp luật của Công nghệ sinh học - ... đồng thời còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Di truyền học hóa sinh - Công nghệ sinh học trong sản xuất sinh khối vi sinh vật - Vi sinh vật học thực phẩm - Các chế phẩm enzym sử dụng trong nông nghiệp - Công nghệ enzym - Công nghệ Protein - Công nghệ tế bào động vật - Công nghệ tế bào thực vật - Quang hợp... Học ngành này sinh viên sẽ **có các kỹ năng** làm thực hành, thực nghiệm, thu thập mẫu, sử dụng các phương pháp thí nghiệm hiện đại của Công nghệ sinh học...

Sinh viên ngành Công nghệ sinh học khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi Quốc gia...

+ Các Trung tâm: TT. Công nghệ sinh học thực vật, TT. Sinh học thực nghiệm, TT. Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT. Phân tích AND và Công nghệ di truyền, TT. Môi trường sinh học nông nghiệp...

+ Các Cục: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật...

+ TCT Da - Giấy Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Mỳ đường Lam Sơn, Cty Dầu thực vật hương liệu mỹ phẩm Việt Nam, các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Kỹ thuật, Chế biến nông lâm sản... tại các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ sinh học.

Ngành Công nghệ môi trường

Đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ môi trường không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản như: Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa cấu tạo - Hóa keo - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Sinh học - Xã hội học - Logic học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Đánh giá môi trường - Quản lý môi trường - Cơ sở khoa học môi trường - Địa lý cảnh quan môi trường - Vi sinh môi trường - Tài nguyên nước lục địa - Tài nguyên khoáng sản - Tài nguyên khí hậu - Tài nguyên rừng - Tài nguyên đất - Tài nguyên biển.... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Quản lý môi trường - Quy hoạch môi trường - Xử lý khí thải - Xử lý nước thải - Xử lý chất thải rắn - Độc học môi trường Không những thế sinh viên còn được trang bị một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Thiết kế và Tính toán hệ thống xử lý chất thải - Xử lý đất ô nhiễm - Sản xuất sạch hơn... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích đánh giá hiện trạng môi trường và các vùng lãnh thổ, kỹ năng đo đạc và phân tích các thông số môi trường...

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ môi trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Công nghệ môi trường; Cục Bảo vệ môi trường; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Môi trường, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường...

+ TCT Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng cấp thoát nước, Cty Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước, Cty Tư vấn cấp thoát nước...; Các Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường, Cty Môi trường Việt Nam xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển...

+ Các phòng chức năng: Quản lý, Kế hoạch, Kỹ thuật... trực thuộc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Cao đẳng nghề và Trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo ngành Công nghệ môi trường.

Ngành Toán - Tin ứng dụng có các chuyên ngành:

1. Chuyên ngành Toán - tin; 2. Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý

Sinh viên học 2 chuyên ngành trên được học ngoài những **kiến thức chung** về Toán: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Phương trình vi phân và Chuỗi... còn được trang bị **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Cấu trúc dữ liệu và Thuật toán - Giải tích hàm - Kỹ thuật lập trình - Phân tích số liệu - Toán rời rạc - Hệ điều hành UNIX.... đồng thời sinh viên cũng sẽ được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cấu trúc máy tính - Hệ thống và Máy tính - Phân tích chuỗi thời gian - Mô hình kinh tế - Cơ sở toán ứng dụng - Đồ họa máy tính - Phương pháp sai phân và Phần tử hữu hạn - Phân tích thiết kế hệ thống - Lập trình hệ thống - Điều khiển học kinh tế - Nhận dạng và Trí tuệ nhân tạo - Cơ sở dữ liệu - An toàn máy tính và Dữ liệu.... Không những thế ngành này còn rèn luyện cho sinh viên khả năng xác định, hiểu, đưa ra các lập luận có cơ sở, có tư duy chính xác, sử dụng thành thạo máy tính... để sinh viên sau khi học xong chương trình này **có khả năng** làm việc trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý, kinh doanh, kế toán tài chính, văn phòng, quản lý các dữ kiện của cơ quan, công ty bằng máy tính...

Sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành thuộc ngành Toán - Tin ứng dụng có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Toán học, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa; TT. Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT. Quang điện tử, TT. Giao dịch công nghệ, các TT. Tin học...
Trực thuộc các Bộ, Tổng cục, cơ quan, doanh nghiệp...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng; Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ; Cục Kỹ thuật an toàn công nghiệp, Cục Công nghệ thông tin (CNTT) và Thống kê hải quan, Cục CNTT ngân hàng...

+ Các Vụ: Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Công nghệ cao...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, TCT Viễn thông quân đội, TCT Thiết bị kỹ thuật điện... và các đơn vị thành viên, các công ty: các Cty Điện tử, Cty Công nghệ thông tin, Cty Máy tính...

+ Các phòng, ban: Thí nghiệm, Quản lý kỹ thuật, Thiết kế kỹ thuật... trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Làm cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, trường Công nhân kỹ thuật có đào tạo về ngành Toán - Tin ứng dụng. Dạy môn Toán, Tin tại các trường THPT.

Ngành Công nghệ thực phẩm

Ngành Công nghệ thực phẩm trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Hóa như: Xác suất thống kê - Hóa học hữu cơ - Hóa sinh thực phẩm - Hóa học thực phẩm - Vi sinh học thực phẩm... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Công nghệ lên men thực phẩm - Phân tích thực phẩm - Công nghệ sau thu hoạch và Bảo quản thực phẩm - Công nghệ chế biến (CNCB) thực phẩm - Phân tích thực phẩm - Công nghệ bao bì, đóng gói thực phẩm... đồng thời còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ bảo quản và Chế biến lương thực - CNCB rau quả - CNCB trà, cà phê, cacao - CNCB dầu mỡ thực phẩm - CNCB thịt, thủy sản - Công nghệ sản xuất đường và bánh kẹo - CNCB đồ uống và sữa.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** như: Thiết kế máy và nhà máy thực phẩm - Quản trị chất lượng thực phẩm - Thực phẩm chức năng chữa bệnh - Vấn đề thực phẩm biến đổi gen... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ thực phẩm vào trong các Cty có liên quan đến ngành công nghiệp thực phẩm...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thực phẩm sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Công nghiệp thực phẩm; Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm, Cục Chế biến nông lâm sản và Nghề muối; Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

+ TCT Mía đường Việt Nam, TCT Sữa Việt Nam, TCT Lương thực, TCT Rau quả, nông sản.... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Công nghệ thực phẩm, Cty Đầu tư và Phát triển công nghệ thực phẩm, Cty Kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam, Cty Chế biến dầu thực vật và Thực phẩm Việt Nam, Cty Chế biến lương thực thực phẩm, Cty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại Sở Công nghiệp... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Làm cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, trường Công nhân kỹ thuật có đào tạo về ngành Công nghệ thực phẩm.

Ngành Kinh tế và Quản lý có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp**

Kỹ sư chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp được trang bị những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế như: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Hình họa - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Phương trình vi phân cơ bản - Cơ lý thuyết - Vẽ kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Logic học - Kinh tế học... đồng thời với **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kinh tế vĩ mô - Kinh tế vi mô - Kinh tế chính trị - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Khoa học quản lý - Tài chính tiền tệ và Tín dụng ngân hàng - Marketing căn bản - Thống kê doanh nghiệp - Lý thuyết kế toán tổng hợp - Quản lý chất lượng tổng hợp... ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Luật Kinh tế - Hệ thống tin quản lý - Quản lý nhân lực trong doanh nghiệp - Kế toán doanh nghiệp - Quản lý sản xuất - Quản lý marketing - Quản trị chính doanh nghiệp - Quản lý dự án - Quản lý chiến lược... để sau khi ra trường sinh viên **có thể tác nghiệp** được ở các cơ quan xí nghiệp, các nhà máy...

*** Chuyên ngành Kinh tế năng lượng**

Khi học chuyên ngành Kinh tế năng lượng sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế giống như là sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Công nghệ khai thác và Chế biến than - Quá trình thiết bị nhiệt - Nhà máy thủy điện - Công nghệ khai thác và Chế biến dầu... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quản lý nhân lực trong doanh nghiệp - Cơ sở kinh tế năng lượng - Năng lượng mới - Quản lý tài chính doanh nghiệp - Kinh tế dự án đầu tư năng lượng - Quy hoạch phát triển hệ thống... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** đưa ra những hoạch định như hoạch định tiết kiệm năng lượng, chính sách phát triển, khai thác các nguồn năng lượng...

*** Chuyên ngành Kinh tế hàng không**

Sinh viên học chuyên ngành Kinh tế hàng không được cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế tương tự như là sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, cùng với **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Hệ thống thông tin hàng không - Nguyên lý kết cấu vật bay - Hệ thống nhiên liệu máy bay - Động cơ thủy lực và Khí nén máy bay - Kinh tế vận tải - Pháp chế hàng không... đồng thời còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vận tải hàng không - Quản lý marketing - Quản lý tài chính doanh nghiệp - Quản lý dự án - Quản lý chiến lược - Phân tích các hoạt động kinh tế doanh nghiệp - Kinh doanh cảng hàng không... để khi ra trường sinh viên **có thể** tác nghiệp tại các đơn vị sử dụng lao động có liên quan đến lĩnh vực Hàng không...

*** Chuyên ngành Quản trị marketing**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Quản trị marketing không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế giống như là sinh viên chuyên ngành Kinh tế năng lượng, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Hành vi người tiêu dùng - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Khoa học quản lý - Tài chính tiền tệ và Tín dụng ngân hàng - Công nghệ cơ khí - Công nghệ hóa học - Marketing căn bản - Thống kê doanh nghiệp - Lý thuyết kế toán tổng hợp - Quản lý chất lượng tổng hợp.... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quản lý nhân lực trong doanh nghiệp - Nghiên cứu marketing - Quản lý sản xuất - Quản lý marketing - Quản lý tài chính doanh nghiệp - Quản lý dự án - Marketing dịch vụ - Marketing quốc tế - Thương mại điện tử... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** ứng dụng thực hành những kiến thức đã học vào trong thực tế cuộc sống...

*** Chuyên ngành Quản trị tài chính**

Chuyên ngành Quản trị tài chính trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế tương tự như là sinh viên các chuyên ngành Kinh tế hàng không, Quản trị marketing... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Thuế - Kinh tế chính trị - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Khoa học quản lý - Tài chính tiền tệ và Tín dụng ngân hàng - Công nghệ cơ khí - Công nghệ hóa học - Marketing căn bản - Thống kê doanh nghiệp - Lý thuyết kế toán tổng hợp - Quản lý chất lượng tổng hợp... đồng thời còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Luật Kinh tế - Hệ thống tín quản lý - Kế toán doanh nghiệp - Đầu tư tài chính - Kế toán quản lý - Kiểm toán - Định giá doanh nghiệp... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** xây dựng và phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế, có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội...

Ra trường, sinh viên ngành Kinh tế và Quản lý có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp, Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ; TT. Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các cục: Cục Kinh tế, Cục Quản lý chất lượng hàng hóa và đo lường...

+ TCT Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tư vấn Xây dựng điện, Cty Điện lực, Cty Truyền tải điện, Cty Thương mại xuất nhập khẩu Viettel...

+ Phòng Kế hoạch tổng hợp tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp... trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Làm cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN thuộc lĩnh vực đào tạo ngành Kinh tế và Quản lý.

Ngành Điện tử - Viễn thông có các chuyên ngành:

1. Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông ; 2. Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - hàng không; 3. Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - tin học; 4. Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - sinh học.

Sinh viên học 4 chuyên ngành trên được học ngoài những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Hình học - Xác suất thống kê - Vật lý - Phương trình vi phân... còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Xử lý số tín hiệu - Kỹ thuật mạch điện tử - Kỹ thuật vi điện tử - Kỹ thuật số, mạch logic - Ngôn ngữ lập trình - Kỹ thuật xung - Kỹ thuật vi xử lý - Kiến trúc và Cấu trúc máy tính - Mạng và Kỹ thuật phối ghép máy tính - Kỹ thuật truyền số liệu - Hệ thống viễn thông - Thông tin quang... đồng thời ứng với mỗi chuyên ngành sinh viên sẽ được trang bị một số môn học **chuyên sâu của chuyên ngành** trong số các môn học: Kỹ thuật truyền số liệu - Anten - Thiết bị đầu cuối - Tổ chức mạng viễn thông - Thông tin vi ba, Thông tin vệ tinh - Trí tuệ nhân tạo - CAD /CAM - Chuyển mạch điện tử - Phần tử tự động - Kỹ thuật siêu âm.... Sinh viên sẽ được học trực tiếp trên máy và được thực hành tất cả những kiến thức đã được đào tạo để khi tốt nghiệp **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, cải tiến, khai thác, bảo dưỡng các hệ thống và thiết bị điện tử trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Sau khi tốt nghiệp ngành Điện tử - Viễn thông sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự; Các TT. Viễn thông ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam...

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng công nghệ thông tin, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ TCT Viễn thông quân đội, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, Cty Viễn thông quốc tế, Cty Viễn thông liên tỉnh, Cty Dịch vụ viễn thông, Cty Điện toán và Truyền số liệu...

+ Các Đài truyền hình, Đài phát thanh từ Trung ương đến địa phương.

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông, Công nghệ thông tin, Công nghiệp điện tử - Công nghệ thông tin... của Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN cổ đào tạo ngành Điện tử - Viễn thông.

Ngành Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ

Cử nhân ngành Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ được trang bị **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên như: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Hình học - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Phương trình vi phân cơ bản - Cơ lý thuyết - Vẽ kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Cơ học ứng dụng - Phương pháp tính - Logic học... đồng thời với những **kiến thức và kỹ năng** của môn Anh văn đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành như nghe, nói, đọc, viết tốt nghiệp sinh viên trở thành những cử nhân Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ vững về lý thuyết đặc biệt là giỏi về khả năng thực hành, ứng dụng.... Khi ra trường sinh viên **có đủ khả năng** làm việc tại các cơ quan xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Đây là một ngành mới nên cơ hội xin việc làm rất thuận lợi...

Ra trường, sinh viên ngành Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật - bảo vệ lao động...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Hải quan; Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ Các doanh nghiệp, công ty, nhà máy, xí nghiệp... đặc biệt là các nhà máy, xí nghiệp, công ty... có hoạt động liên doanh với nước ngoài, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Bưu chính liên tỉnh và quốc tế, Cty Viễn thông quốc tế, Cty Công nghệ thông tin, Cty Máy tính Việt Nam, Cty Xuất nhập khẩu điện tử...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý khoa học... trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Luyện kim và Công nghệ vật liệu có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Cơ học biến dạng và Cán kim loại**

Khi học chuyên ngành Cơ học biến dạng và Cán kim loại sinh viên sẽ trang bị **kiến thức chung**, cùng với các **kiến thức cơ bản** về Toán, Lý, Hóa: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Hình học - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Phương trình vi phân cơ bản - Cơ lý thuyết - Vẽ kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Cơ học ứng dụng - Phương pháp tính - Logic học... đồng thời còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lý thuyết cán kim loại - Lý thuyết biến dạng dẻo - Công nghệ cán hình - Công nghệ cán tấm - Máy và Thiết bị cán kéo - Tự động hóa quá trình sản xuất cán - Công nghệ sản xuất ống - Cơ học môi trường liên tục - Thiết kế lỗ hình trục cán - Các phương pháp tính lực và Công biến dạng - Thiết kế xương - Mô phỏng và Tối ưu hóa trong quá trình biến dạng - Biến dạng tạo hình vật liệu bột... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc được tại các nhà máy luyện kim, các nhà máy có hoạt động liên quan đến lĩnh vực kim loại...

*** Chuyên ngành Vật liệu và Công nghệ đúc**

Sinh viên học chuyên ngành Vật liệu và Công nghệ đúc được cung cấp các **kiến thức chung**, đồng thời với **kiến thức cơ bản** về Toán, Lý, Hóa giống như là sinh viên chuyên ngành Cơ

học biến dạng và Cán kim loại, ngoài ra còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Đại cương công nghệ vật liệu - Mô hình hóa và Điều khiển quá trình công nghệ - Mô hình hóa và Điều khiển quá trình đúc - Cơ sở lý thuyết đúc - Hợp kim đúc - Gia công nhiệt và Kỹ thuật bề mặt vật đúc - Công nghệ nấu luyện hợp kim - Vật liệu làm khuôn - Công nghệ đúc - Thiết kế công nghệ đúc và CAD/CAM - Cơ khí hóa và Hiện đại hóa sản xuất đúc (Thiết bị đúc) - Lập dự án đầu tư và Xây dựng xưởng đúc - Xử lý số liệu và Quy hoạch thực nghiệm.... Khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, sản xuất gia công và phân phối các vật liệu luyện kim trong toàn quốc.

*** Chuyên ngành Luyện kim màu và Luyện kim bột**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Luyện kim màu và Luyện kim bột không chỉ có **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho ngành tương tự như là sinh viên các chuyên ngành Cơ học biến dạng và Cán kim loại, Vật liệu và Công nghệ đúc... mà còn được học các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nhiệt động và Động học luyện kim - Luyện kim đại cương - Hoả luyện - Thủy luyện - Điện phân - Quá trình và Thiết bị luyện kim - Công nghệ luyện các kim loại màu quý hiếm - Luyện kim bột - Luyện kim loại hiếm, bán dẫn - Luyện kim loại sạch và siêu sạch - Cơ sở thiết kế nhà máy luyện kim màu - Khoáng vật và Tuyển khoáng - An toàn lao động.... Tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc trong các nhà máy tinh luyện các loại kim loại màu, kim loại bột...

*** Chuyên ngành Vật liệu và Nhiệt luyện**

Chuyên ngành Vật liệu và Nhiệt luyện trang bị cho sinh viên **kiến thức chung**, cùng với các **kiến thức cơ bản** về Toán, Lý, Hóa giống như là sinh viên các chuyên ngành Vật liệu và Công nghệ đúc, Luyện kim màu và Luyện kim bột... đồng thời còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Chuyển pha trong vật liệu - Lý thuyết điện tử trong vật liệu - Các phương pháp phân tích cấu trúc - Công nghệ nhiệt luyện - Xử lý bề mặt - Thiết bị và Thiết kế xưởng nhiệt luyện - Công nghệ vật liệu tiên tiến - Hợp kim hệ sắt - Kim loại và Hợp kim màu - Vật liệu phi kim loại... Sau khi học xong chuyên ngành này, sinh viên **có khả năng** ứng dụng các khoa học kỹ thuật về vật liệu và nhiệt luyện vào trong thực tế cuộc sống..

*** Chuyên ngành Luyện kim đen**

Kỹ sư chuyên ngành Luyện kim đen được trang bị những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho ngành tương tự như sinh viên các chuyên ngành Luyện kim màu và Luyện kim bột, Vật liệu và Nhiệt luyện... ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lý thuyết các quá trình luyện kim - Nguyên nhiên liệu luyện kim - Công nghệ luyện gang - Công nghệ luyện kim phi cốc - Công nghệ luyện thép - Công nghệ luyện thép hợp kim và Luyện thép đặc biệt - Công nghệ luyện ferro - Công nghệ đúc thổi thép - Công nghệ tinh luyện kim loại - Ăn mòn và Bảo vệ kim loại - Cơ sở thiết kế nhà máy luyện kim - An toàn lao động và Bảo vệ môi trường trong công nghệ luyện kim.... Khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, sản xuất gia công và phân phối các vật liệu luyện kim trong toàn quốc.

Sinh viên học ngành Luyện kim và Công nghệ vật liệu khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Luyện kim đen, Viện Nghiên cứu mỏ và luyện kim, Viện Vật liệu xây dựng, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu (ITIMS), Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng; TT. Công nghệ vật liệu...

+ Các Cục, Vụ: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Vụ Cơ khí luyện kim và Hóa chất, Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ TCT Thép Việt Nam, các TCT Vật liệu xây dựng, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc: Cty Ống thép Việt Nam, Cty Gia công thép, các Cty Thép, Cty Kỹ thuật xây dựng và Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, Nhà máy Chế tạo thiết bị và Sản xuất que hàn...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở: Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Luyện kim và Công nghệ vật liệu.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây..

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1996	3.000	12.858	1/4.2
1997	3.000	25.813	1/8.6
1998	3.500	21.320	1/6.0
1999	3.500	29.050	1/8.3
2000	3.500	33.911	1/9.6
2001	3.700	36.685	1/9.9
2002	3.700	30.494	1/8.2
2003	3.700	18.598	1/5.0
2004	3.700	12.314	1/3.3
2005	3.700	15.295	1/4.0
2006	3.870	10.186	1/2.6

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

Khối	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006*
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
A	18.0	20.0	21.5	21.0	21.0	22.0	23.0	25.0	23.0	25.0	22.5
D	18.0	-	25.5	28.5	27.0	28.0	28.0	30.0	26.0	29.5	24.0

Ghi chú: - * - Trường dành 400 "suất" cho các thí sinh thi khối A có điểm thi từ 21.5 trở lên được quyền đăng kí vào sáu ngành: Khoa học và Công nghệ vật liệu (Luyện kim và Công nghệ vật liệu); Công nghệ sinh học, Vật lý kỹ thuật, Sư phạm kỹ thuật, Công nghệ dệt may - thời trang, Kinh tế quản lý.(2006)

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHBKHN tuyển sinh trong cả nước với 2 khối A và D1.

- Thí sinh thi tiếng Anh môn Tiếng Anh nhân hệ số 2.

- Trường ĐHBKHN có 2 loại điểm trúng tuyển: điểm trúng tuyển của trường và điểm trúng tuyển của ngành (điểm trúng tuyển của ngành bao giờ cũng cao hơn điểm trúng tuyển của trường), với những thí sinh không đủ điểm vào Đại học có thể được xét vào hệ Cao đẳng nếu có nhu cầu.

- Trường ĐHBKHN có các lớp đào tạo Kỹ sư chất lượng cao thuộc một số chuyên ngành như Cơ khí, Công nghệ thông tin... Tiêu chuẩn để được xét vào lớp chất lượng cao là sau khi đã trúng tuyển thí sinh cần đăng ký với phòng Đào tạo của Trường ĐHBKHN và dự thi tuyển chọn. Học lớp này sinh viên được hưởng chế độ ưu tiên: được cấp học bổng, giáo trình, được tạo điều kiện học tập, khả năng đi du học nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước...

- Trường ĐHBKHN có hợp tác đào tạo Quốc tế ở một số ngành (Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Cơ khí, Công nghệ hóa học, Quản trị kinh doanh, Thương mại và Quản trị... Trong khuôn khổ hợp tác giữa Trường ĐH BKHN với các trường Đại học của Đức, Nhật, Pháp, Nga, Ô-xtrây-li-a, NiuDil-lân, Hoa Kỳ... Sau thời gian 2 - 3 năm, những sinh viên đủ điều kiện sẽ được chọn đi học ở trường bạn để nhận bằng Cử nhân hoặc bằng Kỹ sư.

2. Một số lưu ý.

- Trường ĐH BKHN là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, một TT. nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu của cả nước nên chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tương đối lớn, các năm gần đây rất ổn định (trường thường lấy trên ba nghìn bảy trăm chỉ tiêu trở lên). Riêng năm 2006 có tăng lên nhưng không nhiều. (Xem bảng 1)

- Tỷ lệ "chọi" của Trường ĐH BKHN từ năm 2002 trở về trước tương đối cao nhưng từ năm 2003 đến nay tỷ lệ "chọi" của Trường ĐH BKHN tuân theo quy luật năm trước tăng, năm sau giảm. Hai năm gần đây do số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường giảm nên tỷ lệ "chọi" của trường cũng giảm xuống chỉ ở mức dưới 4 lấy 1 đến năm 2006 thì tỷ lệ này chỉ còn ở mức 2,6 nhưng điểm trúng tuyển lại rất cao, điều đó cho thấy những thí sinh ĐKDT vào Trường đa số là học sinh có học lực khá.

- Năm 2006 so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thi điểm trúng tuyển vào Trường ĐHBKHN có mức chênh lệch tương ứng 9.5 và 10 (Khối A là 22.5 và khối D là 24). Nên những thí sinh dự thi vào trường thường là những học sinh khá và giỏi, hay học sinh trường chuyên, lớp chọn.

- Qua khảo sát, cho thấy chất lượng đầu vào của Trường ĐHBKHN là khá cao. Khi vào trường, sinh viên được đội ngũ cán bộ có trình độ cao giảng dạy, được tạo điều kiện cơ sở vật chất cho học tập, nghiên cứu, thí nghiệm nên sinh viên ra trường có khả năng làm việc độc lập và nghiên cứu khoa học. Vì thế, sinh viên Trường ĐH BKHN luôn được xã hội chấp nhận. Do đó theo đánh giá của các cựu sinh viên thì Trường ĐHBKHN là một trong những trường thuộc vào diện "tốt trên".

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT sẽ có biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Trụ sở: 207 Giải Phóng, P.Đống Tâm, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04.8694222 - 8697063 - Website: <http://www.neu.edu.vn/>

- Trường Đại học Kinh tế quốc dân (ĐHKTQD) được thành lập ngày 25/01/1956, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức kinh tế tổng hợp, được chuyên môn hóa theo chuyên ngành đào tạo và là trung tâm nghiên cứu khoa học kinh tế, hoạch định chính sách kinh tế và chiến lược kinh doanh...
- Trường ĐHKQTĐ có tổng số 1.117 giáo viên, cán bộ công nhân viên, trong đó có 26 Giáo sư, 69 Phó Giáo sư, 207 Tiến sĩ, 250 Thạc sĩ, 20 Giảng viên cao cấp, 2 Nhà giáo Nhân dân, 41 Nhà giáo Ưu tú.
- Trường ĐHKQTĐ hiện đang đào tạo các bậc: Đại học, Sau đại học với 2 loại hình đào tạo chính: chính quy và vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế

Sinh viên khi theo học ngành Kinh tế sẽ được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế như: Đại số tuyến tính và Giải tích toán học - Hệ phương trình tuyến tính - Phương trình vi phân - Phương trình sai phân - Lý thuyết xác suất và thống kê toán - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kinh tế lượng - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tài chính - Tiền tệ - Kinh tế phát triển - Kinh tế công cộng - Kinh tế môi trường... để trên nền những kiến thức cơ sở này nhà trường sẽ trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** mà sinh viên theo học:

(1) Chuyên ngành Kinh tế đầu tư: Kinh tế đầu tư - Lập dự án đầu tư - Luật Đầu tư trong nước và nước ngoài - Quản lý đầu tư - Bảo hiểm rủi ro đầu tư - Đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ... bên cạnh đó còn cung cấp rất nhiều môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho sinh viên chuyên ngành: Kinh tế bảo hiểm - Khoa học quản lý - Kinh tế công cộng - Kinh tế lao động - Kinh tế quốc tế - Thương mại quốc tế... để sau khi tốt nghiệp ra trường cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư **có khả năng** tổ chức và quản lý tốt hoạt động đầu tư và quản lý dự án đầu tư, nắm vững và hoàn thành tốt công tác thẩm định các dự án đầu tư, nắm vững những kỹ năng tổ chức thực hiện đầu tư đầu tư vốn...

(2) Chuyên ngành Kế hoạch: Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội - Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội - Quy hoạch phát triển - Kế hoạch kinh doanh - Chiến lược kinh doanh.... Khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển, có khả năng phân tích hệ thống tài khoản quốc gia, thẩm định các dự án đầu tư phát triển; có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh ở các doanh nghiệp...

(3) Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: Chính sách kinh tế đối ngoại - Kinh tế các nước ASEAN - Thanh toán quốc tế - Nghiệp vụ ngoại thương - Marketing quốc tế.... Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế quốc tế **có khả năng** tư vấn và hoạch định các kế hoạch kinh tế đối ngoại, có khả năng điều phối hoạt động, xây dựng chiến lược kinh tế đối ngoại tại các tổ chức xã hội, khả năng cố vấn kinh tế đối ngoại cho các tổ chức quốc tế, đồng thời có khả năng nghiên cứu và phân tích hoạt động kinh tế đối ngoại tầm vĩ mô...

(4) Chuyên ngành Kinh tế phát triển: Kinh tế phát triển - Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội - Kế hoạch hóa phát triển - Quản lý phát triển - Chính sách phát triển... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** phân tích, hoạch định và tư vấn thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, ngành và lĩnh vực, có khả năng quản lý các quá trình phát triển, khả năng xây dựng, phân tích, thẩm định và chỉ đạo thực hiện các chương trình và dự án phát triển đồng thời có khả năng phân tích và dự báo kinh tế - xã hội...

(5) Chuyên ngành Kinh tế và quản lý môi trường: Kinh tế môi trường - Quản lý môi trường - Đánh giá tác động môi trường (EIA) - Luật Môi trường - Thống kê môi trường - Hạch toán quản lý môi trường - Hệ thống thông tin địa lý GIS... để khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên **có khả năng** tư vấn, tham mưu cho các cơ quan hoạch định chính sách và chiến lược phát triển ở các cấp; khả năng đánh giá, thẩm định các tác động của môi trường, phân tích chi phí - lợi ích cho các chương trình và kế hoạch dự án đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong nước và ngoài nước...

(6) Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý đô thị: Kinh tế đô thị - Quản lý đô thị - Quy hoạch đô thị - Phân tích chính sách phát triển đô thị - Kinh tế vùng và đô thị - Lập và phân tích dự án đô thị - Quản lý đất đai và nhà ở - Quản lý các dự án đô thị - Phương pháp thu thập và xử lý số liệu thống kê xã hội... để khi ra trường cử nhân chuyên ngành **có khả năng** phân tích, xử lý tổng hợp những vấn đề liên quan tới kinh tế và quản lý đô thị, khả năng thẩm định các dự án đầu tư xây dựng đô thị, thực hành xử lý bằng máy tính các vấn đề liên quan đến kinh tế và quản lý đô thị...

(7) Chuyên ngành Quản lý kinh tế: Các phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế - Hiệu quả và quản lý dự án - Tâm lý học quản lý kinh tế - Quản lý chiến lược - Lãnh đạo và kiểm tra - Quản lý một số lĩnh vực trong doanh nghiệp - Giao tiếp và đàm phán - Tin học trong khoa học quản lý.... Khi ra trường cử nhân chuyên ngành Quản lý kinh tế **có khả năng** lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra ở cấp doanh nghiệp và nền kinh tế, phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội, đặc biệt có khả năng quản lý các dự án phát triển, quản lý các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế và doanh nghiệp, khả năng đàm phán và giao tiếp...

(8) Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kinh tế nông nghiệp - Quản trị kinh doanh nông nghiệp - Phân tích chính sách nông nghiệp - Kinh tế nông thôn - Kinh tế lâm nghiệp - Kinh tế thủy sản - Marketing nông nghiệp.... Tốt nghiệp ra trường, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** phân tích, hoạch định và chỉ đạo thực hiện các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời có khả năng quản lý trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh, chế biến, lưu thông và xuất khẩu nông sản...

(9) Chuyên ngành Toán kinh tế: Tối ưu hóa - Kinh tế lượng - Lý thuyết mô hình toán kinh tế - Thống kê thực hành - Các mô hình ứng dụng - SNA và bảng I/O - Mô hình phân tích và định giá tài sản tài chính... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành Toán kinh tế **có khả năng** độc lập phân tích, tư vấn, hoạch định chính sách ở các phạm vi khác nhau trên cơ sở những kiến thức cập nhật về kinh tế, toán học và tin học.

(10) Chuyên ngành Toán tài chính: Tối ưu hóa - Lý thuyết mô hình - Thống kê thực hành - Kinh tế lượng - Các mô hình phân tích và định giá TSTC - Mô hình toán trong tài chính Cty - Mô hình toán trong kinh tế quốc tế - Lý thuyết trò chơi - Chuỗi thời gian trong tài chính... học xong chương trình sinh viên chuyên ngành **có khả năng** định giá các tài sản tài chính, quản lý rủi ro, quản lý danh mục đầu tư, thiết lập danh mục đầu tư tối ưu; có khả năng mô phỏng dự báo để xuất các phương án phát triển kinh tế - xã hội...

(11) Chuyên ngành Thống kê kinh tế xã hội: Thống kê kinh tế - Thống kê công nghiệp - nông nghiệp - Thống kê thương mại - đầu tư xây dựng - Thống kê môi trường - Thống kê xã hội - Thống kê du lịch - Thống kê dân số - Thống kê bảo hiểm... để khi ra trường cử nhân chuyên ngành Thống kê kinh tế xã hội **có khả năng** tư vấn, tổ chức hệ thống thông tin kinh tế xã hội, tổ chức quá trình thu thập, xử lý và phân tích tổng hợp các thông tin kinh tế xã hội, lập và phân tích hệ thống tài khoản quốc gia, thực hiện so sánh quốc tế; có khả năng soạn thảo các văn bản pháp lý về thống kê cũng như viết các báo cáo phân tích thống kê...

(12) Chuyên ngành Kinh tế địa chính: Quản lý Nhà nước về đất đai và nhà ở - Kinh tế tài nguyên đất - Đăng ký thống kê đất đai - Quy hoạch đất đai - Nguyên lý thị trường nhà đất - Phương pháp định giá bất động sản - Thẩm định dự án đầu tư có sử dụng đất - Ứng dụng tin học trong địa chính.... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** phân tích và hoạch định các chính sách, pháp luật về đất đai và nhà ở; xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư có sử dụng đất; có khả năng tư vấn về chính sách, luật pháp trong kinh doanh đất đai, nhà ở...

(13) Chuyên ngành Kinh tế bảo hiểm: Bảo hiểm - Quản trị kinh doanh bảo hiểm - Thống kê bảo hiểm - Chuyên đề kinh tế bảo hiểm - Kế toán bảo hiểm - Tài chính doanh nghiệp - Luật bảo hiểm - Quản trị rủi ro bảo hiểm - Tài bảo hiểm - Lý thuyết quản trị kinh doanh - Môi trường và đạo đức kinh doanh... để sau khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** tổ chức xây dựng và lập được các phương án quản lý một tổ chức bảo hiểm, xây dựng các mô hình và các quy tắc triển khai bảo hiểm...

(14) Chuyên ngành Bảo hiểm xã hội: An sinh xã hội - Bảo hộ lao động - Bảo hiểm doanh nghiệp - Bảo hiểm - Bảo hiểm thương mại - Bảo hiểm doanh nghiệp - Bảo hiểm xã hội - Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm - Kế toán Bảo hiểm xã hội - Quản lý Bảo hiểm xã hội - Quản trị kinh doanh bảo hiểm - Quản trị rủi ro - Tài bảo hiểm - Thống kê bảo hiểm - Kinh doanh bất động sản.... Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Bảo hiểm xã hội **có khả năng** thiết kế sản phẩm và tính phí bảo hiểm, tư vấn các vấn đề có liên quan đến bảo hiểm xã hội...

(15) Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công: Khu vực công và quản lý công - Kinh tế và quản lý một số lĩnh vực công - Quản lý tổ chức công - Thông tin và ra quyết định trong quản lý công - Phân tích và đánh giá chính sách công - Quản lý chương trình và dự án công - Quản lý nguồn nhân lực công - Tài chính công - Marketing công - Tin học trong quản lý công... để sau khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** phân tích, đánh giá, giao tiếp, đàm phán và sử dụng các công cụ hiện đại trong quản lý công; có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và ra quyết định trong quản lý công...

(16) Chuyên ngành Kinh tế học: Phân tích kinh tế vi mô và vĩ mô - Cơ sở chính sách kinh tế - Kinh tế lượng trong phân tích và dự báo kinh tế... ngoài ra chuyên ngành còn cung cấp cho sinh viên một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** như: Kinh tế học chi tiêu công cộng - Lập và quản lý các dự án đầu tư... để khi tốt nghiệp ra trường cử nhân chuyên ngành Kinh tế học **có khả năng** nắm được những quy luật vận động của hoạt động kinh tế, hiểu biết những nguyên tắc và phương pháp tổ chức khai thác nguồn lực kinh tế, tổ chức triển khai và quản lý các hoạt động kinh tế trong nước và hợp tác quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Viện Chiến lược phát triển; TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT. Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các Vụ, Cục: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Kinh tế nông nghiệp, Vụ Kinh tế công nghiệp, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Lao động - Tiền lương, Vụ Tổ chức cán bộ; Cục Kinh tế, Cục Đầu tư nước ngoài...

+ Các doanh nghiệp, công ty, nhà máy, xí nghiệp trong nước hoặc có quan hệ hợp tác với nước ngoài hoạt động ở tất cả các ngành kinh tế: TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam, TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam, TCT Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam... và các đơn vị thành viên.

+ Các phòng chức năng: Kinh tế ngành, Kinh tế đối ngoại, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội... thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước. Làm tại Văn phòng ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế.

Ngành Ngân hàng - Tài chính

Ngành Ngân hàng - Tài chính trang bị cho sinh viên ngoài các **kiến thức chung** về Toán và nhóm ngành Kinh tế tương tự như sinh viên ngành Kinh tế thì ngành còn cung cấp để sinh viên có những **kiến thức cơ bản** dành cho Ngân hàng - Tài chính: Nguyên lý thống kê kinh tế - Nguyên lý kế toán - Luật Kinh tế - Kinh tế lượng - Nhập môn Tài chính - Tiền tệ - Lý thuyết tài chính tiền tệ - Tài chính doanh nghiệp.... Không những thế sinh viên còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

(1) Chuyên ngành Ngân hàng: Ngân hàng thương mại - Tài chính doanh nghiệp - Thanh toán quốc tế - Nghiệp vụ ngân hàng phát triển - Lập và thẩm định dự án đầu tư tín dụng - Nghiệp vụ ngân hàng Nhà nước - Marketing ngân hàng... để sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực ngân hàng...

(2) Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp: Tài chính công - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Thị trường chứng khoán - Phân tích tài chính - Thẩm định tài chính dự án... để khi học xong chương trình sinh viên chuyên ngành này có **kỹ năng nghiệp vụ** về huy động vốn, quản lý tài sản, khả năng phân tích tài chính, quản lý doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp, đồng thời có khả năng thẩm định tài chính dự án đầu tư và thành thạo các nghiệp vụ khác trong quản trị tài chính doanh nghiệp...

(3) Chuyên ngành Tài chính quốc tế: Đầu tư quốc tế - Tài chính Cty đa quốc gia - Thanh toán quốc tế - Thuế quốc tế... để sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành này sẽ **có khả năng** nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong điều kiện hội nhập tài chính quốc tế như hiện nay...

(4) Chuyên ngành Thị trường chứng khoán: Thị trường chứng khoán - Nghiệp vụ môi giới chứng khoán - Nghiệp vụ phân tích và đầu tư chứng khoán - Nghiệp vụ phát hành và kinh doanh chứng khoán.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành **có khả năng** phân tích và đầu tư chứng khoán, phát hành và kinh doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán, hoạch định và thực thi các chính sách phát triển thị trường chứng khoán...

(5) Chuyên ngành Tài chính công: Tài chính công - Quản lý công sản - Thẩm định tài chính dự án.... Ra trường, Cử nhân chuyên ngành Tài chính công **có khả năng** quản lý các nguồn thu, chi cân đối ngân sách chi và xử lý bội chi ngân sách Nhà nước, có khả năng quản lý công sản, quản lý các quỹ tài chính Nhà nước, ngoài ngân sách Nhà nước, đồng thời có khả năng hoạch định, thực thi chính sách tài khóa...

Sinh viên học ngành Ngân hàng - Tài chính sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Tổng cục, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu tài chính; các TT. Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc; Tổng cục Thuế; Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chiến lược phát triển Ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ...

+ Các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở Tài chính, Sở Giao dịch... ở các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Ngân hàng - Tài chính.

Ngành Quản trị kinh doanh có các chuyên ngành:

Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh không chỉ được trang bị **kiến thức chung** dành cho nhóm ngành Kinh tế và Toán giống như cử nhân ngành Kinh tế, mà còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** về ngành Quản trị kinh doanh: Marketing căn bản - Nguyên lý kế toán - Kinh tế lượng - Quản trị học - Quản trị chiến lược - Quản trị nhân lực - Quản trị tài chính... đồng thời cũng tùy từng chuyên ngành sinh viên theo học mà nhà trường sẽ đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** riêng như:

(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp: Quản trị chi phí - Quản trị sản xuất và tác nghiệp - Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp - Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp - Kỹ năng quản trị - Quản trị văn phòng - Quản trị chất lượng... để sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành **có khả năng** quản lý và tư vấn trong công tác quản lý tại các doanh nghiệp đồng thời có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại và sử dụng ngoại ngữ trong quản trị và điều hành doanh nghiệp...

(2) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng: Kinh tế và quản lý công nghiệp - Quản lý xây dựng - Quản trị doanh nghiệp - Kỹ năng quản trị - Kinh tế và tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp - Quản trị chất lượng - Đạo đức kinh doanh... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** quản trị điều hành các mặt hoạt động của các loại hình doanh nghiệp công nghiệp và xây dựng, có kiến thức chuyên môn, phương pháp, bản lĩnh trong việc thực hiện công việc quản trị doanh nghiệp...

(3) Chuyên ngành Quản trị chất lượng: Quản lý chất lượng của doanh nghiệp - Chi phí, chất lượng và hiệu quả - Thiết kế hệ thống chất lượng - Đo lường và chất lượng - Chiến lược và chính sách chất lượng - Thống kê chất lượng... Tốt nghiệp chuyên ngành này, sinh viên **có khả năng** quản trị kinh doanh, Quản lý Nhà nước về chất lượng, quản lý chất lượng sản phẩm ở phạm vi doanh nghiệp, bao gồm: biện pháp bảo đảm chất lượng và biện pháp quản lý chất lượng đồng bộ của doanh nghiệp...

(4) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại: Quản trị rủi ro - Nghiệp vụ ngoại thương - Soạn thảo hợp đồng kinh tế - Thương mại điện tử... để khi ra trường cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại **có khả năng** ứng dụng các kiến thức khoa học đặc biệt là khoa học kinh tế, kinh doanh trong việc xây dựng và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển ngành thương mại và của doanh nghiệp, đồng thời có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ, tin học và một số công cụ hiện đại khác phục vụ cho công tác chuyên môn...

(5) Chuyên ngành Marketing: Quản trị marketing - Nghiên cứu marketing - Quản trị giá trong doanh nghiệp - Quản trị kênh marketing - Quản trị quảng cáo và xúc tiến hỗn hợp... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành Marketing **có khả năng** đảm nhiệm được các vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing như: hoạch định, tổ chức, nghiên cứu và quản lý các chiến lược và kế hoạch marketing, đồng thời có khả năng tổ chức thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng...

(6) Chuyên ngành Quản trị quảng cáo: Quản trị quảng cáo - Quản trị marketing - Chiến lược phương tiện quảng cáo - Quảng cáo trên Internet - Tâm lý học quảng cáo - Quản trị thương hiệu - Marketing dịch vụ... để sau khi học xong chương trình sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** tư vấn cho mọi loại hình doanh nghiệp về lĩnh vực quảng cáo, có khả năng quản trị và tham mưu cho

các cơ quan, doanh nghiệp về lĩnh vực quảng cáo, đồng thời có khả năng giảng dạy các môn học liên quan chuyên ngành...

(7) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn: Quản trị kinh doanh khách sạn, nhà hàng - Kinh tế du lịch - Marketing du lịch - Thanh toán quốc tế trong du lịch - Quản trị doanh nghiệp du lịch.... Sinh viên chuyên ngành này khi ra trường sẽ **có khả năng** kết hợp tốt giữa lý luận và thực tiễn để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing, phân tích hoạt động trong kinh doanh; khả năng quản trị trong các hãng du lịch, khách sạn - nhà hàng; khả năng nghiên cứu những vấn đề về kinh tế và du lịch...

(8) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh lữ hành và Hướng dẫn du lịch: Quản trị kinh doanh lữ hành - Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch - Marketing du lịch - Ngoại ngữ chuyên ngành hướng dẫn du lịch.... Tốt nghiệp ra trường sinh viên chuyên ngành **có khả năng** xây dựng, phân tích, quản trị kế hoạch và chiến lược kinh doanh đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, mặt khác cũng có khả năng hướng dẫn du lịch theo các tuyến du lịch hoặc các khu và các điểm du lịch, khả năng nghiên cứu những vấn đề về kinh tế du lịch...

(9) Chuyên ngành Quản trị nhân lực: Quản trị nhân lực - Tổ chức và định mức lao động - Kinh tế lao động - Tâm lý xã hội học lao động - Phân tích lao động xã hội... để khi học xong sinh viên sẽ **có khả năng** phân tích, đánh giá các mặt liên quan đến quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức, xây dựng và tổ chức các hoạt động lao động của một tập thể trong các doanh nghiệp, đồng thời có khả năng vận dụng đúng đắn các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người lao động trong lĩnh vực lao động - tiền lương...

(10) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế: Quản trị dự án đầu tư quốc tế và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - Nghiệp vụ ngoại thương - Thanh toán quốc tế - Đàm phán và ký kết hợp đồng trong kinh doanh quốc tế - Marketing quốc tế - Chính sách kinh tế đối ngoại... để khi ra trường cử nhân chuyên ngành này **có khả năng** tư vấn, xây dựng chiến lược, các phương án kinh doanh và các tác nghiệp kinh doanh, hỗ trợ và điều hành các hoạt động thương mại của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, liên doanh với nước ngoài, các dịch vụ đối ngoại...

(11) Chuyên ngành Thống kê kinh doanh: Thống kê doanh nghiệp - Thống kê doanh nghiệp - Thống kê chất lượng - Thống kê kinh tế - Thống kê lao động - Thống kê doanh nghiệp bảo hiểm.... Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Thống kê kinh doanh **có khả năng** tư vấn, tổ chức hệ thống thông tin thống kê doanh nghiệp trong phạm vi từng đơn vị sản xuất kinh doanh trên tất cả các mặt sản xuất, thị trường; tổ chức quá trình thu thập, xử lý và phân tích tổng hợp các thông tin thống kê doanh nghiệp, có khả năng soạn thảo các văn bản báo cáo phân tích thống kê trong từng đơn vị sản xuất kinh doanh...

(12) Chuyên ngành Đánh giá giá trị: Đánh giá giá trị - Các nguyên lý bất động sản - Định giá hàng hóa và dịch vụ - Đánh giá giá trị bất động sản, đất đai - Đánh giá giá trị doanh nghiệp - Đánh giá giá trị máy móc thiết bị.... Tốt nghiệp ra trường, sinh viên chuyên ngành này có khả năng sử dụng thành thạo các phương pháp đánh giá giá trị để xác lập và khẳng định các mức giá cho hàng hóa, dịch vụ thông thường và các bất động sản, tài sản, giá trị doanh nghiệp; có khả năng tư vấn, quản lý các hoạt động trong lĩnh vực đánh giá giá trị...

(13) Chuyên ngành Thương mại quốc tế: Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế - Marketing thương mại quốc tế - Quản trị doanh nghiệp thương mại... để sinh viên chuyên ngành Thương mại quốc tế sau khi học xong có khả năng hoạch định chiến lược và chính sách quản lý, kinh doanh thương mại quốc tế; có khả năng nghiên cứu dự báo, lập kế hoạch, quản lý, bán hàng; có khả năng đàm phán ký hợp đồng ngoại thương, tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương, quản trị kinh

doanh thương mại quốc tế; mặt khác có khả năng thông thạo từ một đến hai ngoại ngữ và sử dụng tốt công cụ tin học trong công việc...

(14) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản - Định giá bất động sản - Quản lý Nhà nước về bất động sản - Thị trường bất động sản - Chiến lược kinh doanh bất động sản - Lập dự án đầu tư bất động sản - Quản lý bất động sản... để sau khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** xây dựng, thiết kế các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản, tổ chức triển khai thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh bất động sản, quản lý vận hành các công trình bất động sản đồng thời có khả năng xây dựng và hoạch định các cơ chế, chính sách về kinh doanh và thị trường bất động sản...

Ra trường, sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược, TT. Tư vấn quản lý và đào tạo; Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên khắp các lĩnh vực: TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, các TCT Xây dựng, TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc.

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Kế toán có các chuyên ngành:

(1) Chuyên ngành Kế toán tổng hợp

Bên cạnh các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế được học giống như sinh viên ngành Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh thì sinh viên chuyên ngành Kế toán tổng hợp còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** dành ngành Kế toán: Tài chính - Tiền tệ - Nguyên lý thống kê kinh tế - Luật Kinh tế - Nguyên lý kế toán - Kế toán tài chính - Kế toán quản trị... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kế toán tài chính doanh nghiệp - Kiểm toán tài chính - Tổ chức hạch toán kế toán - Kế toán quốc tế - Kế toán máy.... Ngoài ra sinh viên cũng sẽ được học một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Phân tích hoạt động kinh doanh - Quản trị kinh doanh công nghiệp.... Tốt nghiệp ra trường, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp, lập chứng từ kế toán, sổ sách kế toán và tổ chức kế toán quản trị, lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, mặt khác có khả năng hướng dẫn, tư vấn và tổ chức thực hiện các văn bản pháp lý, các mô hình tổ chức hạch toán đã xây dựng...

(2) Chuyên ngành Kiểm toán

Cử nhân chuyên ngành Kiểm toán không chỉ được đào tạo để có **kiến thức chung** dành cho Toán và nhóm ngành Kinh tế giống như sinh viên các ngành Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về Kế toán tương tự như chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Ngoài ra nhà trường cũng cung cấp để sinh viên có những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

Kiểm toán nghiệp vụ - Kiểm toán tài chính - Kiểm soát quản lý - Kế toán tài chính - Phân tích báo cáo tài chính.... Không những thế sinh viên còn được trang bị một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Kế toán máy - Tài chính doanh nghiệp - Phân tích hoạt động kinh doanh - Kế toán quản trị... Sau khi học xong chương trình cử nhân chuyên ngành Kiểm toán **có khả năng** hoạch định chính sách và tổ chức hoạt động kiểm toán, lập chứng từ kế toán, kiểm tra sổ sách báo cáo kế toán, lập báo cáo kiểm toán nội bộ, xây dựng được các mô hình chung về tổ chức kiểm toán ở doanh nghiệp thuộc các loại hình khác nhau...

Sinh viên học ngành Kế toán sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế; Cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...

+ Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại các Sở: Sở Tài chính, Sở Du lịch và Thương mại, Sở Công nghiệp... ở các tỉnh, thành phố.

+ Các nhà máy xí nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên khắp các lĩnh vực đặc biệt trong lĩnh vực Ngân hàng: Hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, TCT Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam, TCT Xây dựng Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc: Cty Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Cty Tài chính...

+ Các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng soạn thảo văn bản pháp lý về kế toán, kiểm toán nói riêng và về kinh tế quản lý nói chung, các cơ quan kiểm tra tài chính...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kế toán.

Ngành Hệ thống - Thông tin kinh tế có các chuyên ngành:

(1) Chuyên ngành Tin học kinh tế

Chuyên ngành Tin học kinh tế trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** của Toán, nhóm ngành Kinh tế tương tự như sinh viên các ngành Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Hệ thống - Thông tin kinh tế: Hệ thống thông tin quản lý - Cơ sở lập trình - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Phát triển hệ thống thông tin kinh tế - Mạng và truyền thông... đồng thời còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật lập trình - Hệ điều hành và máy vi tính - Mạng máy tính - Công nghệ phần mềm - Lập trình hướng đối tượng... để sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành Tin học kinh tế **có khả năng** sử dụng thành thạo các công cụ tin học để giải quyết các bài toán kinh tế thường gặp trong quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh; có khả năng phân tích, thiết kế và cài đặt một hệ thống thông tin quản lý; có khả năng xây dựng và quản lý một dự án về công nghệ phần mềm...

(2) Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý

Sinh viên chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý được cung cấp ngoài **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế giống như sinh viên các ngành Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh... còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Hệ thống - Thông tin kinh tế tương tự chuyên ngành Tin học kinh tế; bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành này còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Truyền thông dữ liệu trong kinh doanh - Nhập môn hệ thống thông tin - Quản trị hệ thống thông tin - Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu - Phân tích và thiết kế hệ thống - Hệ thống thông tin Kế toán... để sinh viên sau khi học xong chương trình sẽ **có khả năng** tổ chức thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin kinh tế - xã hội, đề xuất và kiến nghị trong lĩnh vực quản lý mạng

thông tin trong các doanh nghiệp, vì tính hóa các thao tác quản lý cũng như thiết kế các phần mềm tin học phục vụ công tác quản lý...

Sau khi tốt nghiệp ngành Hệ thống - Thông tin kinh tế sinh viên có thể công tác tại:

+ TT. Thông tin kinh tế và Hợp tác phát triển khu vực, TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT. Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các phòng, ban: Thông tin kinh tế, Quản lý kinh tế và An toàn công nghiệp... tại các Ngân hàng, Kho bạc, các đơn vị sản xuất kinh doanh...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Hệ thống - thông tin kinh tế.

Ngành Khoa học máy tính

(1) Chuyên ngành Công nghệ thông tin

Khi học ngành Khoa học máy tính sinh viên sẽ được trang bị bên cạnh những *kiến thức chung* về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Tin học: Vật lý - Hóa học - Nhập môn tin học - Xác suất thống kê - Toán rời rạc - Tin học quản lý - Hệ điều hành - Kỹ thuật số... là các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành: Kiến trúc máy tính - Phân tích và thiết kế thuật toán - Nguyên lý ngôn ngữ lập trình - Công nghệ thông tin trong quản lý và kinh tế... đồng thời sinh viên sẽ được đào tạo những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* như: Lập trình Visual Basic - Lập trình hướng đối tượng - Phân tích và thiết kế hệ thống - Lập trình mạng... bên cạnh đó ngành còn cung cấp để sinh viên có *kiến thức bổ trợ* chuyên ngành: Mạng máy tính và truyền số liệu - Quản trị mạng - Công nghệ phần mềm... để sau khi ra trường sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin *có khả năng* nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực của xã hội; có năng lực tham mưu, tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện việc vận hành, bảo trì và khai thác các hệ thống máy tính trong các lĩnh vực khác nhau như kỹ thuật, kinh tế, dịch vụ, quốc phòng...

Ra trường, sinh viên học ngành Khoa học máy tính (chuyên ngành Công nghệ thông tin) có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ thông tin (CNTT), Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược bưu chính viễn thông và CNTT, Viện Ứng dụng công nghệ; TT. Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, TT. Giao dịch công nghệ, các TT. Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục CNTT và Thống kê hải quan, Cục Quản lý chất lượng bưu chính viễn thông và CNTT, Cục Ứng dụng công nghệ thông tin; Vụ Công nghiệp CNTT, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Công nghệ Thông tin.

Ngành Luật học

(1) Chuyên ngành Luật Kinh doanh

Sinh viên học chuyên ngành Luật Kinh doanh được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Xây dựng văn bản pháp luật - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Toán cao cấp... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành: Luật Hiến pháp - Luật Thương mại Luật Thương mại quốc tế... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Pháp luật kinh doanh Việt Nam - Luật Tài chính - Luật Thương mại quốc tế - Luật Lao động - Công pháp và Tư pháp quốc tế - Xây dựng văn bản pháp luật.... Sinh viên chuyên ngành Luật Kinh doanh khi ra trường **có khả năng** tư vấn, phát triển và quản lý doanh nghiệp, đàm phán, soạn thảo và ký kết các hợp đồng; phát hiện và đề xuất những tình huống pháp lý đặt ra trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp; bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khi tham gia vào các vụ tố tụng phát sinh từ hoạt động kinh doanh...

Sau khi tốt nghiệp ngành Luật Kinh doanh sinh viên có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Pháp Luật Dân sự, kinh tế ...
- + Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.
- + Các phòng, ban: Pháp chế, Thanh tra, Tư vấn... tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh... có hoạt động liên quan đến ngành Luật Kinh doanh.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật Kinh doanh.

Ngành Tiếng Anh

(1) Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại

Sinh viên khi học ngành Tiếng Anh được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Nhập môn ngôn ngữ học - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Kinh tế học... bước đầu đi vào chuyên ngành với các **kiến thức cơ bản** về ngành như: Ngữ âm, âm vị, ngữ pháp tiếng Anh - Quan hệ kinh tế quốc tế - Kinh tế ngoại thương - Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương - Tài chính kế toán - Dịch và phong cách học... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tiếng Anh thương mại - Thanh toán quốc tế - Marketing quốc tế - Đầu tư nước ngoài... đồng thời sinh viên ngành này còn được **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành với các môn học lựa chọn như: Tiếng Anh - Tiếng Nga - Tiếng Pháp - Tiếng Nhật - Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế - Pháp luật trong hoạt động kinh tế đối ngoại... Sau khi học xong, cử nhân Tiếng Anh **có khả năng** sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các hoạt động kinh doanh, trong các doanh nghiệp, có khả năng làm công tác biên, phiên dịch, có kiến thức kinh tế, kinh doanh và quản lý cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh, hiểu biết về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục của các nước sử dụng tiếng Anh...

Sinh viên học chuyên ngành Tiếng Anh thương mại sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Cục, Vụ: Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động; Vụ Chính sách thương mại đa biên, Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư...
- + Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Hợp tác quốc tế, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các cơ quan tổ chức, các doanh nghiệp, các Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Xuất nhập khẩu... và các đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Lữ hành...

+ Các Cty dịch thuật, các nhà xuất bản, các cơ quan thông tấn báo chí... có hoạt động liên quan đến thương mại; hoặc làm trợ lý các dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở dạy ngoại ngữ.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong một số năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	3000	30940	1/10.3
2000	2800	27753	1/9.9
2001	3000	27235	1/9.0
2002	3200	31098	1/9.7
2003	3200	24674	1/7.7
2004	3320	21008	1/6.3
2005	3500	23594	1/6.7
2006	3770	17703	1/4.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các nhóm ngành.

Nhóm ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
Kinh tế	20.5	22.5	22.0	19.0	20.0	20.5	21.5	21.5	24.5	21.5
Quản trị kinh doanh	20.5	22.5	22.0	18.5	19.5	20.5	21.5	21.5	24.5	21.5
Ngân hàng - Tài chính	20.5	22.5	22.0	19.5	20.5	20.5	21.5	22.5	27.5	24.0
Kế toán	20.5	22.5	22.0	22.0	23.0	20.5	21.5	25.5	27.5	26.0
Thống kê - Tin học	20.5	22.5	22.0	16.0	17.0	20.5	21.5	-	-	-
Hệ thống thông tin kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	21.5	24.5	21.5
Luật Kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	24.5	21.5
Công nghệ thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	24.5	21.5
Tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH KTQD tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo khối A. Từ năm 2006 Trường ĐHKTD có tuyển sinh thêm khối D1.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH KTQD trước năm 2002 lấy theo chuẩn trường, nhưng từ năm 2002 đến nay được lấy theo nhóm ngành mà thí sinh ĐKDT. (Xem bảng 2).

- Trường ĐH KTQD có mở 1 lớp Tài chính (452) đào tạo theo chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh nếu bạn học tốt tiếng Anh nên ĐKDT vào lớp này.

2. Một số lưu ý

- Trường ĐH KTQD là một trong những trường lớn nhất cả nước có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ có kiến thức kinh tế tổng hợp nên chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tương đối nhiều và có xu hướng tăng dần lên (xem bảng 1).

- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào Trường ĐH KTQD từ năm 2002 trở lại đây có xu hướng giảm. Tỷ lệ "chọi" của Trường ĐHKTQD từ 2003 đến 2006 có biến động nhưng không nhiều, và tuân theo quy luật Cứ năm trước tăng thì năm sau giảm. (Xem bảng 2).

- Theo số liệu ở bảng 2 ta thấy so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển của Trường ĐH KTQD vẫn tương đối cao, có những ngành lấy điểm trúng tuyển rất cao (ví dụ: năm 2006 ngành Kế toán - khối A lấy 26 điểm - với mức điểm này nếu bạn không có học lực xuất sắc thì không thể trúng tuyển).

- Nhìn chung điểm trúng tuyển của Trường ĐH KTQD từ khi Bộ GD&ĐT áp dụng phương án tuyển sinh "3 chung" tăng dần. Tuy nhiên đến năm 2006 điểm trúng tuyển có xu hướng giảm đi so với năm 2005 (đây cũng là tình trạng chung của hầu hết các trường trong mùa tuyển sinh năm 2006) nhưng so với các năm trước năm 2005 thì mức điểm này vẫn khá cao. (Xem bảng 2).

- Do đó, nếu bạn có nguyện vọng trở thành cử nhân ngành kinh tế, bạn nên thận trọng xem xét và tìm hiểu thêm về các trường đại học khác (Khoa Kinh tế - ĐHQG Hà Nội, Đại học Thương mại...) có đào tạo cử nhân một số ngành kinh tế mà tỷ lệ "chọi" và điểm trúng tuyển thấp hơn Trường ĐH KTQD để ĐKDT.

- Qua 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Địa chỉ: P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.8333538 - Website: <http://www.uct.edu.vn/>

- Trường Đại học Giao thông Vận tải (ĐHGTVT) được thành lập ngày 15/11/1945, là trung tâm đầu ngành của cả nước về đào tạo, nghiên cứu lĩnh vực giao thông vận tải.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường ĐHKTQD gồm 409 người, trong đó có 1 Giáo sư, 19 Phó Giáo sư, 107 Tiến sĩ và 75 Thạc sĩ.
- Trường ĐHKTQD có các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm, với các cấp độ đào tạo: Đại học, Sau đại học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Xây dựng công trình giao thông

Kỹ sư Xây dựng công trình giao thông được trang bị ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Cơ học - Vật lý - Hình học họa hình -

Hóa học... là các **kiến thức cơ bản về ngành Xây dựng công trình giao thông**: Vật liệu xây dựng - Sức bền vật liệu - Thủy lực công trình - Địa chất công trình - Trắc địa công trình - Máy xây dựng - Động lực học công trình - Cơ học đất - Kết cấu bê tông cốt thép - Kinh tế xây dựng - Luật xây dựng - Môi trường trong xây dựng.... Trên cơ sở khối kiến thức đã được cung cấp sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu chuyên ngành với khối **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** riêng (lựa chọn 1 trong những chuyên ngành dưới đây):

+ Chuyên ngành Cầu hầm: Mố trụ cầu - Cầu thép - Cầu bê tông cốt thép - Thi công cầu - Thiết kế mô hình (TKMH) Cầu thép - Thiết kế hầm - Thi công hầm - Chuyên đề cầu hầm - TKMH Thi công cầu - Kiểm định cầu... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành Cầu hầm **có khả năng** đảm nhiệm các công việc nghiên cứu, thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, thi công xây dựng các công trình Cầu, Đường...

+ Chuyên ngành Xây dựng công trình thủy: Quy hoạch kiến trúc cảng - Công trình bến cảng - TKMH Công trình bến cảng - TKMH Công nghệ xây dựng cảng, đường thủy - Công trình ven bờ và thềm lục địa.... Ra trường, Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, tổ chức xây dựng; quản lý, khai thác các công trình giao thông thủy phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành giao thông vận tải...

+ Chuyên ngành Xây dựng đường bộ: Tự động hóa thiết kế cầu đường - Thiết kế nền đường và các công trình trên đường - Xây dựng ĐĐT - Thiết kế mặt ĐĐT - TKMH Khảo sát thiết kế ĐĐT - Bảo dưỡng sửa chữa và thí nghiệm ĐĐT - Xây dựng ĐĐT.... Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành **có khả năng** nghiên cứu, tư vấn thiết kế, tổ chức xây dựng và khai thác các công trình: đường ô tô, đường đô thị các cấp...

+ Chuyên ngành Đường sắt: Khảo sát và thiết kế đường sắt (ĐS) - Kết cấu tầng trên ĐS - Thi công ĐS - TKMH Nền ĐS - Nền ĐS - Hầm ĐS - Cầu thép - Thi công cầu - TKMH Thi công ĐS - Kỹ thuật sửa chữa ĐS - Thiết kế ĐĐT - Xây dựng mặt ĐĐT... để sau khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành đường sắt **có khả năng** nghiên cứu, tư vấn thiết kế, tổ chức xây dựng và khai thác các công trình đường sắt các cấp, đường ô tô...

+ Chuyên ngành Cầu - đường bộ: Cầu thép - Cầu bê tông cốt thép - Thi công cầu - Đường thành phố & tổ chức giao thông - Thi công ĐĐT - Thiết kế ĐĐT - TKMH Cầu thép - TKMH Thiết kế ĐĐT - Bảo dưỡng sửa chữa ĐĐT - Kiểm định cầu... để sau khi học xong sinh viên chuyên ngành Cầu - đường bộ **có khả năng** thiết kế, thi công và tổ chức thi công, kiểm định, khai thác công trình cầu đường...

+ Chuyên ngành Cầu - đường sắt: TKMH cầu thép - Nền ĐS - Thi công ĐS - Thi công cầu - Cầu bê tông cốt thép - Cầu thép - Hầm ĐS - Công nghệ xây dựng & sửa chữa cầu đường bộ và ĐS - Kiểm định cầu - Khảo sát & Thiết kế ĐS - Kỹ thuật sửa chữa ĐS... để khi ra trường, sinh viên **có khả năng** đảm nhiệm các công việc nghiên cứu, thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, thi công xây dựng các công trình cầu, đường sắt...

+ Chuyên ngành Công trình giao thông công chính: Quy hoạch và kiến trúc đô thị - Cấp thoát nước đô thị - Kết cấu hầm đường sắt và đường bộ (ĐS&ĐB) - Kết cấu cầu thép ĐS&ĐB - Kết cấu cầu bê tông cốt thép ĐS&ĐB - TKMH Thiết kế đường ô tô và đường đô thị (ĐĐT&ĐĐT) - Xây dựng ĐĐT&ĐĐT - Bảo dưỡng sửa chữa và khai thác đường và ĐĐT.... Đào tạo kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, tư vấn thiết kế, tổ chức xây dựng và khai thác các công trình: đường ô tô và đường đô thị...

+ Chuyên ngành Công trình giao thông thành phố: Quy hoạch và kiến trúc đô thị - Thiết kế ĐĐT&ĐĐT - Kết cấu cầu thành phố - Quy hoạch và Thiết kế đường sân bay - TKMH Kết cấu cầu

thành phố - Kết cấu hầm ĐB&ĐS - Công nghệ Xây dựng và sửa chữa cầu - Chẩn đoán CTGT - Thi công ĐOT&ĐĐT.... Các Kỹ sư chuyên ngành Công trình giao thông thành phố ***có khả năng*** đảm nhiệm công tác nghiên cứu, thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, thi công xây dựng các công trình cầu, đường, hầm giao thông...

+ Chuyên ngành Tự động hóa thiết kế cầu đường: Lập trình hướng đối tượng trong xây dựng - Công nghệ CAD trong xây dựng - TKMH Ứng dụng các phần mềm trong TKCB - Công nghệ phần mềm trong xây dựng... đồng thời chuyên ngành cũng sẽ cung cấp các ***kỹ năng, nghiệp vụ*** về cách tổ chức, thi công, thiết kế các CTGT... để khi ra trường sinh viên ngành này ***có khả năng*** ứng dụng kiến thức chuyên ngành một cách linh hoạt và có hiệu quả vào trong những lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Xây dựng hạ tầng đô thị: Tổ chức thi công các công trình cơ sở hạ tầng (CSHT) - TKMH Quy hoạch và phát triển hệ thống CSHT kỹ thuật - Kỹ thuật thi công các công trình CSHT - TKMH Tổ chức thi công các công trình CSHT - Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình CSHT... Ra trường, sinh viên chuyên ngành Xây dựng hạ tầng đô thị ***có khả năng*** nghiên cứu, thiết kế, qui hoạch, quản lý, và thi công các công trình cơ sở hạ tầng đơn lẻ hoặc cả mạng lưới các công trình cơ sở hạ tầng cho một thành phố, một thị xã, thị trấn, một khu vực dân cư hoặc một khu công nghiệp...

+ Chuyên ngành Vật liệu và công nghệ xây dựng: Công nghệ kết cấu thép - TKMH Công nghệ kết cấu thép - Thử nghiệm vật liệu và công trình xây dựng - Chẩn đoán CTGT - Bê tông át phan - Công nghệ bê tông và khoan cắt bê tông - TKMH Công nghệ bê tông và khoan cắt bê tông - Công nghệ xây dựng và sửa chữa cầu... để sau khi học xong sinh viên ***có khả năng*** nghiên cứu, thiết kế và quản lý công nghệ xây dựng các công trình giao thông...

+ Chuyên ngành Địa kỹ thuật công trình giao thông: Đánh giá chất lượng móng - TKMH Khảo sát địa kỹ thuật - Khảo sát địa kỹ thuật - Xử lý và gia cố móng - TKMH Cải tạo đất đá - Các phần mềm tin học trong tính toán địa kỹ thuật - Cải tạo đất đá... cùng với những công nghệ, kỹ thuật xây dựng CTGT... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ***có khả năng*** tính toán, thiết kế và giải quyết các vấn đề về địa kỹ thuật cho các công trình giao thông, đồng thời cũng có thể làm được các phần việc của các Kỹ sư Xây dựng cầu đường nói chung...

+ Chuyên ngành Đường ô tô và sân bay (ĐOT&SB): Quy hoạch cảng hàng không - TKMH Thiết kế ĐOT&SB - Thiết kế ĐOT&SB - Tổ chức thi công ĐOT&SB, xí nghiệp phụ - Khai thác ĐOT&SB - Khảo sát thiết kế ĐOT&SB - TKMH Thiết kế sân bay - Thiết kế sân bay - Xây dựng nền ĐOT&SB... nhằm đào tạo Kỹ sư chuyên ngành ***có khả năng*** khảo sát, thiết kế, quy hoạch và thi công, khai thác đường ô tô các loại và cảng hàng không (đường băng, bãi đỗ của máy bay)....

+ Chuyên ngành Đường hầm và Metro (H&M): Thiết bị khai thác Metro - Mổ trụ cầu - Cầu thép - H&M - Thi công H&M - Cầu bê tông cốt thép - TKMH Cầu thép - Thi công cầu - Thi công H&M - TKMH Thi công H&M - Kiểm định cầu hầm - Chuyên đề H&M - Đường sắt - Đường thành phố & tổ chức giao thông - Thiết kế ĐOT.... Tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành này ***có khả năng*** tính toán, thiết kế kỹ thuật, xây dựng, bảo trì, khai thác các công trình đường hầm và đường tàu điện ngầm trong đô thị (Metro)...

+ Chuyên ngành Dự án và quản lý dự án

Sinh viên tốt nghiệp ngành Xây dựng công trình giao thông có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải; Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Giám định và Quản lý chất lượng

công trình giao thông, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sông Việt Nam; Vụ Khảo sát thiết kế xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ Các TCT Xây dựng công trình giao thông, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, TCT Xây dựng và Vật liệu xây dựng, các TCT Vật liệu xây dựng... và các đơn vị trực thuộc: các Cty Xây dựng, Cty Tư vấn xây dựng, Cty Thiết kế cầu lớn - hầm...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Quản lý dự án các công trình giao thông... tại các Sở: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông.

Ngành Vô tuyến điện và Thông tin liên lạc gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Kỹ thuật thông tin

Trên nền những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Tin: Hàm phức và Logic - Toán rời rạc - Xác suất thống kê - Trường và sóng điện từ - Cơ kỹ thuật - Tin học... sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật thông tin sẽ được cung cấp những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Xử lý tín hiệu số - Kỹ thuật (KT) số - Kinh tế viễn thông - Lý thuyết tín hiệu - KT ghép kênh số - KT đo lường... đồng thời ngành cũng sẽ tạo điều kiện cho sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: KT đa truy nhập vô tuyến - KT chuyển mạch - Thông tin vệ tinh - Cơ sở KT siêu cao tần - Thông tin vi ba số - TKMH Các hệ thống thông tin sợi quang - KT xử lý ảnh - KT định vị đạo hàng - Mã hóa và điều chế phát thanh truyền hình - Các hệ thống thông tin sợi quang - Mạng số liệu - TKMH KT mạch siêu cao tần - TKMH KT phát, phát thanh truyền hình (PTTH) - TKMH KT thu, PTTH - KT Studio - KT chuyển mạch - KT thu, PTTH - KT phát, phát thanh - KT mạch siêu cao tần - Thông tin di động... Tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật thông tin **có khả năng** nắm bắt khai thác và thiết kế các loại thiết bị viễn thông trong lĩnh vực viễn thông và thông tin liên lạc...

+ Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông

Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông được học ngoài các **kiến thức chung** dành cho Toán, Lý, Tin như chuyên ngành Kỹ thuật thông tin thì còn được trang bị những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Cấu kiện điện tử - Cơ sở điều khiển tự động - Xử lý tín hiệu số - KT số - Cấu trúc máy tính số - Lập trình hợp ngữ - KT xung - KT mạch điện tử - KT vi xử lý - Cơ sở KT truyền số liệu - Anten và truyền sóng - KT ghép kênh số - Lý thuyết truyền tin - KT đo lường... đồng thời cũng sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: KT lập trình C - KT đa truy nhập vô tuyến - KT chuyển mạch - KT thông tin sợi quang - Thông tin vệ tinh - Thông tin vi ba số - KT mạch siêu cao tần - Thiết bị đầu cuối - Phân tích thiết kế mạng viễn thông - Thông tin di động... cùng với các môn học về TKMH như: TKMH Trung tâm chuyển mạch - TKMH Vi ba số - TKMH Phân tích thiết kế mạng viễn thông - TKMH Các hệ thống thông tin sợi quang - TKMH Thông tin di động... để khi ra trường, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, khai thác, triển khai và quản lý mạng viễn thông, mạng thông tin trong giao thông vận tải...

Sau khi tốt nghiệp ngành Vô tuyến điện và Thông tin liên lạc sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin; Các TT. Thông tin, TT. Viễn thông trên khắp cả nước...

+ Các Cục, Vụ: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

+ TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam, TCT Đường sắt Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc, các công ty trên cả nước: Cty Điện tử viễn thông Hàng hải, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Kỹ thuật điều khiển và thông tin...

+ Các phòng chức năng: Công nghiệp điện tử - Công nghệ thông tin, Quản lý dự án Công nghệ thông tin, Quản lý Viễn thông, Giao thông kỹ thuật... tại các Sở: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Giao thông vận tải... ở các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Làm tại phòng Kỹ thuật của các Đài phát thanh, Đài truyền hình từ Trung ương đến địa phương...

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Vô tuyến điện và Thông tin liên lạc.

Ngành Điều khiển học kỹ thuật có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Điều khiển học kỹ thuật giao thông vận tải

Chương trình đào tạo chuyên ngành Điều khiển học kỹ thuật giao thông vận tải bao gồm:

- kiến thức chung*** về khối Khoa học Tự nhiên: Hóa học - Vật lý - Truyền động điện - Cơ kỹ thuật - Đại số - Giải tích - Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Hình học họa hình - Hàm phức và Logic - Toán rời rạc..., ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành: Kỹ thuật lập trình trong điều khiển - Phương tiện giao thông vận tải - Điều khiển Logic - Mô phỏng và thiết kế hệ thống điều khiển - Xử lý tín hiệu và truyền tin - Lý thuyết điều khiển tự động..., và các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Vi xử lý trong đo lường điều khiển - Ngôn ngữ lập trình trong điều khiển - Truyền động điện tự động - Tự động hóa trong giao thông vận tải - Phần tử tự động - KT điều khiển giao thông đường sắt - Điều khiển số và CNC - KT điều khiển giao thông đường bộ - Cơ sở dữ liệu trong điều khiển... để sau khi học xong Kỹ sư chuyên ngành ***có khả năng*** tham gia công tác nghiên cứu thiết kế và khai thác sửa chữa các hệ thống điều khiển tự động, tự động hóa sản xuất...

+ Chuyên ngành Tín hiệu giao thông vận tải

Ngoài các môn học thuộc khối ***kiến thức chung*** về Khoa học Tự nhiên, ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành được học giống như chuyên ngành Điều khiển học kỹ thuật giao thông vận tải, sinh viên chuyên ngành Tín hiệu giao thông vận tải còn được trang bị ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Máy tính và kỹ thuật ghép nối - Kỹ thuật đo lường - Kỹ thuật vi xử lý - Kiểm tra trạng thái đường ray - Hệ thống truyền dẫn - Nguồn điện tín hiệu - Cơ sở hệ thống tín hiệu giao thông - Điều khiển tín hiệu đường thủy - Điều khiển tín hiệu đường bộ - TKMH Điều khiển tín hiệu đường bộ - Kỹ thuật thông tin giao thông - Hệ thống tín hiệu ga - An toàn giao thông - Hệ thống tín hiệu khu gian - TKMH Hệ thống tín hiệu khu gian - Điều khiển tín hiệu hàng không - Phân tích, thiết kế & đánh giá Hệ thống tín hiệu - Tín hiệu Metro - Hệ thống tập trung điều độ - TKMH Hệ thống tín hiệu ga... để khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên ***có khả năng*** tham gia công tác nghiên cứu, tư vấn, thiết kế và khai thác các hệ thống thuộc lĩnh vực tự động hóa và điều khiển tín hiệu giao thông; ***có khả năng*** giải quyết những vấn đề về điều khiển tín hiệu giao thông...

Ra trường, sinh viên ngành Điều khiển học kỹ thuật có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông, Viện Cơ học Việt Nam, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa; Các TT. Điều khiển giao thông vận tải, TT. Điều hành vận tải đường sắt...

+ TCT Hàng hải Việt Nam, TCT Đường sắt Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng loạt các công ty, đơn vị thành viên được phân bố ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam: Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Vận tải biển Việt Nam, Cty Vận tải dầu khí Việt Nam, Cty Vận tải hành khách, Cty Vận tải hàng hóa...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Giao thông kỹ thuật, Quản lý vận tải và xếp dỡ, Quản lý giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Điều khiển học kỹ thuật.

Ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử có chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải

Sinh viên chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải (GTVT) được trang bị những ***kiến thức chung*** về khối A: Giải tích - Đại số - Hóa học - Cơ học ứng dụng - Trường điện tử - Xác suất thống kê - Toán rời rạc..., và ***kiến thức cơ bản*** về điện, điện tử, máy điện, thiết bị điện - điện tử, năng lượng: Máy điện - Kỹ thuật điện tử tương tự - Tự động điều chỉnh truyền động điện - Tự động hóa với thiết bị PLC - Điện xi nghiệp - Lập trình hệ thống điện & điện tử - Cung cấp điện và mạng hạ áp - Ghép nối vi tính thiết bị điện - TKMH Ứng dụng PLC - TKMH Về cung cấp điện..., đồng thời sinh viên còn được học các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Thiết bị điện trong CNC - Truyền dữ liệu trong mạng công nghiệp - Vi điều khiển trong thiết bị điện - TKMH Về tự động hóa sản xuất - An toàn điện - Điều khiển quá trình tự động hóa - Trang bị điện ô tô - Trang bị điện trên đầu máy - TKMH Về đo lường - Trang bị điện máy xây dựng & giao thông... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải ***có khả năng*** khai thác và thiết kế các loại trang thiết bị điện - điện tử trong công nghiệp và giao thông vận tải...

Sinh viên học các ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, TT Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT Quang điện tử, TT Giao dịch công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố.

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam, Cty Dây và Cáp điện Việt Nam, Cty Chế tạo thiết bị điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải.

Ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải

Sinh viên khi theo học ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải (QTKD GTVT) được cung cấp ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Động lực học -

Dao động và sóng - Toán kinh tế - Tâm lý học - Xác suất và Thống kê toán - Hóa ứng dụng trong GTVT... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho khối ngành và ngành: Lý thuyết hệ thống và điều khiển học - Luật kinh tế - Marketing căn bản - Tài chính tiền tệ - Kinh tế lượng - Kiểm toán... đồng thời, ngành còn trang bị để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị kinh doanh**: Quản trị văn phòng - Quản trị nhân lực - Quản trị học - Quản trị khoa học công nghệ - Quản trị sản xuất - Quản trị chiến lược - Quản trị Marketing - Kinh tế vận tải - Quản trị tài chính - Tổ chức vận tải - Kinh tế xây dựng.... Ngoài ra, tùy chuyên ngành lựa chọn của sinh viên mà nhà trường sẽ cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** cho phù hợp như:

+ **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải**: Quản trị dự án đầu tư GTVT - Quản trị khoa học công nghệ trong doanh nghiệp (DN) GTVT - Tổ chức điều hành sản xuất DN GTVT - Chiến lược kinh doanh trong DN GTVT - Kế toán quản trị trong DN GTVT - Phân tích hoạt động kinh tế DN GTVT... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới trong giao thông vận tải.

+ **Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp vận tải**: Quản trị chất lượng dịch vụ vận tải - Quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp vận tải (DNVT) - Quản trị khoa học công nghệ trong DNVT - Chiến lược kinh doanh trong DNVT - Kế toán quản trị trong DNVT.... Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong lĩnh vực giao thông vận tải, bao gồm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, công ty trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và vận tải hành khách...

+ **Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp xây dựng giao thông**: Quản trị dự án đầu tư trong Xây dựng giao thông (XDGT) - Quản trị khoa học công nghệ trong DN XDGT - Chiến lược kinh doanh trong DN XDGT - Quản trị chất lượng sản phẩm XDGT - Kế toán quản trị trong DN XDGT... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** hoạch định chính sách, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, dự thảo ngân sách, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp; ngoài ra sinh viên có khả năng tự tổ chức các hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới trong ngành xây dựng giao thông....

Ra trường, sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải; TT. Tư vấn quản lý và Đào tạo; Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, Tập đoàn Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Vận tải biển Việt Nam, các TCT Xây dựng công trình giao thông... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng, các Cty Tư vấn xây dựng, Cty Xây dựng và Xuất nhập khẩu giao thông...

+ Các phòng chức năng: Quản lý dự án các công trình giao thông, Quản lý giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính ở khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải.

Ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải

+ Chuyên ngành Vận tải ô tô

Chuyên ngành Vận tải ô tô (VTOT) cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối A: Hóa học - Đại số - Vật lý - Tin học - Toán kinh tế - Giải tích - Lý thuyết xác suất và Thống kê toán... những **kiến thức cơ bản** về nhóm ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải: Luật kinh tế - Khoa học quản lý - Kinh tế vi mô - Tài chính tiền tệ - Kinh tế phát triển - Kinh tế công cộng - Kinh tế lượng - Tổ chức xếp dỡ - Kinh tế môi trường - Kinh tế vận tải... song song với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành Kinh tế VTOT: Quản lý Nhà nước về VTOT - Thị trường tài chính trong VTOT - Chiến lược phát triển ngành VTOT - Công nghệ bảo dưỡng sửa chữa ô tô... đồng thời sẽ đào tạo cho sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về khai thác và quản lý VTOT: Tài chính doanh nghiệp (DN) VTOT - Kế toán DN VTOT - Tổ chức quản lý DN VTOT - Tổ chức vận tải hành khách bằng ô tô - Thương vụ VTOT - Quản lý dự án đầu tư trong VTOT - Phân tích hoạt động kinh tế DN VTOT... để khi ra trường, sinh viên có **khả năng** quản lý, kinh doanh và khai thác vận tải đường bộ gồm vận tải hành khách trong thành phố bằng đường bộ nói chung và vận tải ô tô nói riêng đặc biệt là vận tải xe buýt trong đô thị...

+ Chuyên ngành Vận tải đa phương thức

Trong quá trình học tập chuyên ngành Vận tải đa phương thức sinh viên được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, ngoài ra, chuyên ngành còn cung cấp cho sinh viên các **kiến thức cơ bản** về khai thác kỹ thuật và kinh tế vận tải: Kinh tế vận tải - Phương tiện vận tải - Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải (GTVT) - Tổ chức xếp dỡ - Nhập môn tổ chức vận tải đường sắt/ đường ô tô/thủy - Bảo hiểm GTVT... Trên cơ sở đó sinh viên sẽ được đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về kỹ năng tổ chức quản lý vận tải: Công nghệ vận tải đường sắt - Tổ chức vận tải hàng hóa/hành khách - Liên vận quốc tế - Thiết kế cơ sở sản xuất vận tải... Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành Vận tải đa phương thức có **khả năng** quản lý, kinh doanh và khai thác vận tải đa phương thức, phối hợp và gắn kết đa dạng các phương thức vận tải khác nhau trong hệ thống vận tải để đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất trong quá trình vận tải trong nước cũng như quốc tế...

+ Chuyên ngành Vận tải - Kinh tế đường bộ và thành phố

Sinh viên chuyên ngành Vận tải - Kinh tế đường bộ và thành phố được trang bị không chỉ những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, mà còn được học những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành thuộc lĩnh vực khai thác kỹ thuật và kinh tế vận tải giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, để từ đó sẽ đi vào nghiên cứu các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về khai thác và tổ chức quản lý vận tải đường bộ và giao thông đô thị (thành phố): Thống kê VTOT - Tổ chức quản lý doanh nghiệp - Khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật GTVT đô thị - TKMH Tổ chức vận tải hành khách - Tổ chức và an toàn giao thông đường bộ - Tổ chức vận tải hành khách - Thiết kế cơ sở sản xuất vận tải - Phân tích đánh giá dự án đầu tư GTVT - Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.... Ra trường, Kỹ sư chuyên ngành này có **khả năng** quản lý, kinh doanh và khai thác vận tải đường bộ gồm vận tải hành khách trong thành phố và vận tải ô tô đặc biệt là vận tải xe buýt trong đô thị...

+ Chuyên ngành Điều khiển các quá trình vận tải

Chương trình đào tạo chuyên ngành Điều khiển các quá trình vận tải (QTVT) nhằm cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, nhưng bên cạnh đó khi theo học chuyên ngành này sinh viên sẽ được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Mạng lưới giao thông - TKMH Điều khiển chạy tàu trên đường sắt (ĐS) - Điều khiển chạy xe trên Đường bộ - Chỉ huy vận hành đoàn tàu thủy - Điều khiển cảng hàng không sân bay - Kế hoạch vận tải ĐS - Điều khiển chạy tàu trên ĐS - An toàn GTVT - TKMH Kế hoạch

vận tải ĐS - Thống kê vận tải - Phân tích quá trình vận tải - Điều hành phối hợp các phương tiện vận tải - Công nghệ vận tải.... Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Điều khiển các QTVT sinh viên ***có khả năng*** làm công tác điều khiển, chỉ huy, điều hành các quá trình vận tải trên các phương tiện vận tải (điều độ đường sắt, điều độ bay, điều độ taxi, chỉ huy ra vào cảng biển)...

+ Chuyên ngành Quy hoạch & Quản lý giao thông vận tải đô thị

Khi sinh viên theo học chuyên ngành Quy hoạch & Quản lý giao thông vận tải đô thị ngoài ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản*** dành cho ngành được đào tạo giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, còn được học các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Tổ chức giao thông đô thị - Kinh tế GTVT đô thị - Vận tải và quản lý vận tải đô thị - Quản lý và đánh giá dự án đầu tư trong GTVT đô thị - Quy hoạch và thiết kế cơ sở dịch vụ vận tải đô thị - Quy hoạch giao thông đô thị.... Không những thế, sinh viên còn được trang bị khối ***kiến thức nghiệp vụ*** về công nghệ thông tin hiện đại như: Kinh doanh trên mạng Internet, Công nghệ thiết kế bản đồ điện tử, khai thác thông tin, và các phần mềm ứng dụng thực hiện các nghiệp vụ tổ chức, quản lý.... Sau khi tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành này ***có khả năng*** lập quy hoạch, xây dựng các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh giao thông vận tải đô thị, tổ chức điều hành, quản lý các hoạt động giao thông vận tải trong đô thị cũng như phối hợp quy hoạch và quản lý toàn vùng và quốc gia...

+ Chuyên ngành Vận tải đường sắt

Trong thời gian học ở trường ngoài phần ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên chuyên ngành Vận tải đường sắt sẽ được trang bị những ***kiến thức cơ bản*** về nhóm ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải tương tự như sinh viên chuyên ngành VTOT, đồng thời chuyên ngành này còn cung cấp các ***kiến thức cơ bản*** về công nghệ vận tải, các kiến thức về tổ chức, điều hành công tác khai thác vận tải của ngành đường sắt, trên cơ sở đó đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về các phương pháp nghiên cứu công nghệ vận tải và phát triển ngành đường sắt... để sau khi tốt nghiệp các Kỹ sư Vận tải đường sắt ***có thể*** làm công tác nghiên cứu những vấn đề có tính chất vĩ mô của ngành đường sắt như lập dự án đầu tư, chiến lược phát triển giao thông vận tải...; tham gia trực tiếp vào công tác chỉ huy điều hành công tác vận tải, như ở các bộ phận điều độ chỉ huy chạy tàu trên các tuyến và các ga lớn...

+ Chuyên ngành Vận tải đường bộ và thành phố

Sinh viên chuyên ngành Vận tải đường bộ và thành phố được đào tạo ngoài các ***kiến thức chung*** về khối A và những ***kiến thức cơ bản*** về ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải cũng giống như chuyên ngành VTOT thì còn được cung cấp các ***kiến thức cơ bản*** dành cho chuyên ngành cùng khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về các lĩnh vực tổ chức khai thác và quản lý giao thông vận tải đô thị. Ngoài ra sinh viên được trang bị những ***kỹ năng, nghiệp vụ*** về công nghệ thông tin hiện đại như: tự động hóa thiết kế mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng; tổ chức điều hành mạng lưới giao thông đô thị, tự động hóa quản lý... để sau khi học xong ***có thể*** làm tại các cơ quan quản lý nghiệp vụ, quản lý Nhà nước về giao thông vận tải đô thị; các viện hoặc các trường đào tạo về giao thông vận tải; các doanh nghiệp kinh doanh vận tải và khai thác cơ sở hạ tầng giao thông đô thị; các cơ quan tư vấn về lĩnh vực giao thông vận tải đô thị...

+ Chuyên ngành Vận tải & Kinh tế đường sắt

Trong thời gian theo học chuyên ngành Vận tải & Kinh tế đường sắt ngoài phần ***kiến thức chung*** của khối Khoa học cơ bản thì sinh viên sẽ được trang bị những ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành Kinh tế và Kinh tế vận tải giống như sinh viên chuyên ngành VTOT, đồng thời sinh viên còn được học thêm các ***kiến thức cơ bản*** về Công nghệ vận tải, bên cạnh đó cũng được cung cấp các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về tổ chức, quản lý kinh tế và điều hành công tác vận tải của ngành

đường sắt.... Sau khi ra trường, Kỹ sư chuyên ngành Vận tải & Kinh tế đường sắt **có khả năng** làm việc tương tự như Kỹ sư chuyên ngành Vận tải đường sắt.

Ngành Kinh tế vận tải bao gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải đường sắt

Chuyên ngành Kinh tế vận tải đường sắt (VTĐS) cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản và khối **kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải giống như chuyên ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải, ngoài ra sinh viên còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành Kinh tế vận tải đường sắt: Thống kê VTĐS - Điều tra kinh tế VTĐS - Thông tin tín hiệu ĐS - Cấu tạo đầu máy toa xe - Cơ sở hạ tầng ĐS... bên cạnh đó sinh viên sẽ được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành KTVT đường sắt**: Định mức lao động trong VTĐS - Tài chính kế toán VTĐS - Kế hoạch và hạch toán ngành VTĐS - Marketing VTĐS - Kế hoạch và hạch toán ngành VTĐS - Kiểm toán nội bộ VTĐS - Tổ chức chạy tàu trên ĐS - Giá thành VTĐS - Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh VTĐS... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** tổ chức công tác khai thác, quản lý kinh tế, điều hành công tác vận tải, biết vận dụng vào công tác tổ chức sản xuất kinh doanh cụ thể của ngành đường sắt và có khả năng giải quyết các vấn đề về phát triển ngành vận tải ở tầm vĩ mô...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải và du lịch

Bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải giống như chuyên ngành Vận tải ô tô thì sinh viên chuyên ngành Kinh tế vận tải và du lịch (VT&DL) còn được trang bị khối kiến thức riêng dành cho chuyên ngành đó là: **kiến thức cơ bản** về VT&DL: Cơ sở vật chất kỹ thuật kinh doanh du lịch - Kinh tế du lịch - Thị trường tài chính trong VT&DL - Chiến lược sản xuất kinh doanh VT&DL... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Văn hóa du lịch - Định mức kinh tế kỹ thuật trong VT&DL - Marketing du lịch - Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch - Thống kê vận tải du lịch (VTDL) - Tổ chức VTDL - Địa lý du lịch - Nghệ thuật giao tiếp - Kế toán doanh nghiệp vận tải (DNVT) & DL - Tổ chức quản lý DNVT & DL - Hạch toán nội bộ DNVT & DL - Quản lý dự án đầu tư trong VT&DL - Phân tích hoạt động kinh tế DNVT & DL.... Ra trường, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** quản lý kinh tế ở tất cả các cấp trong ngành vận tải - du lịch và các lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải hàng không

Trên nền những **kiến thức chung** về Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** của khối ngành Kinh tế và Kinh tế vận tải tương tự như chuyên ngành Vận tải ô tô thì sinh viên chuyên ngành Kinh tế vận tải hàng không (VTHK) còn được trang bị các **kiến thức cơ bản về** kinh tế và quản lý VTHK: Khí tượng hàng không - Thị trường tài chính trong VTHK - Chiến lược phát triển ngành VTHK - Thiết kế cơ sở vận chuyển VTHK... đồng thời cũng sẽ đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Khai thác cảng hàng không - Thương vụ VTHK - Kỹ thuật mặt đất & công nghệ bảo dưỡng sửa chữa - Luật và bảo hiểm trong hàng không - An toàn và an ninh hàng không - Định mức kinh tế kỹ thuật trong VTHK - Tổ chức điều hành bay - Tổ chức VTHK - TKMH Tổ chức VTHK - Quản lý Nhà nước về VTHK - Kế toán doanh nghiệp VTHK - Tổ chức quản lý doanh nghiệp VTHK - Giá thành & giá cước VTHK - Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp VTHK.... Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** quản lý kinh tế ở tất cả các cấp trong ngành vận tải hàng không và các lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải thủy bộ

Ngành Kinh tế vận tải thủy bộ (VTTB) cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** về khối ngành Kinh tế và Kinh tế vận tải nói chung giống như chuyên ngành Vận tải ô

tò, bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành Kinh tế vận tải thủy bộ còn được nghiên cứu bước đầu về **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành Kinh tế VTTB: Thủy văn - Thủy lực - Điều tra trong VTTB - Thị trường tài chính trong vận tải - Chiến lược phát triển ngành VTTB..., sau đó sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ bảo dưỡng sửa chữa phương tiện vận tải thủy - Công nghệ bảo dưỡng sửa chữa phương tiện VTOT - Thương vụ VTTB - Tổ chức VTOT - TKMH Tổ chức VTOT - Tổ chức vận tải thủy - Cảng & khai thác cảng đường thủy - Định mức kinh tế kỹ thuật trong VTTB - Quản lý Nhà nước về VTTB - Kế toán doanh nghiệp VTTB - Tổ chức quản lý doanh nghiệp VTTB - Quản lý Nhà nước về VTTB - Thống kê VTTB - Quản lý dự án đầu tư trong VTTB - Phân tích hoạt động kinh tế DN VTTB... để khi học xong sinh viên **có khả năng** quản lý kinh tế ở tất cả các cấp trong ngành vận tải thủy bộ và các lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải ô tô

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế vận tải ô tô tương tự chuyên ngành Vận tải ô tô thuộc ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải.

Sinh viên học ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải và ngành Kinh tế vận tải sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải; Cục Đường sắt, Cục Đường sông; Vụ Vận tải...

+ TCT Vận tải đường sông Việt Nam, TCT Đường sắt Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng trăm các xí nghiệp vận tải, công ty vận tải trực thuộc: Cty Vật tư vận tải và Xếp dỡ, Cty Vận tải biển Việt Nam, Cty Vận tải dầu khí Việt Nam, Cty Vận tải hành khách, Cty Vận tải hàng hóa...

+ Các phòng chức năng: Quản lý vận tải và xếp dỡ, Quản lý kỹ thuật, Quản lý phương tiện và người lái... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải.

Ngành Kinh tế bưu chính viễn thông

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Kinh tế bưu chính viễn thông của trường gồm có những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành giống như nhóm ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh của trường, bên cạnh đó sinh viên còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kinh tế bưu chính viễn thông - Kinh tế mạng viễn thông - Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông - Tài chính, kế toán chuyên ngành bưu chính viễn thông - Quản lý Nhà nước về hoạt động bưu chính viễn thông - Kinh tế bưu điện... để từ đó sinh viên sẽ **có phương pháp** nghiên cứu và phân tích thị trường, xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân tích hoạt động kinh tế, có các **kỹ năng quản lý** hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính viễn thông...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế bưu chính viễn thông sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Tổng cục, Vụ: Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Chiến lược Kinh tế bưu điện, Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Khoa học và

Công nghệ, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương; Các TT. Bưu chính viễn thông, TT. Công nghệ thông tin từ Trung ương đến địa phương; Tổng cục Bưu điện, Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông...

+ Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Viễn thông quân đội, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế, Cty Dịch vụ vật tư bưu điện, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch kinh doanh, Nghiên cứu đổi mới tổ chức quản lý và Phát triển kinh doanh bưu chính, Quản lý dự án Công nghệ thông tin và Thông tin... tại các Sở Bưu chính Viễn thông, Bưu điện... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kinh tế bưu chính viễn thông.

Ngành Công nghệ thông tin (gồm các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin)

Cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin của Trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM), nội dung đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐH GTVT cũng cung cấp cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, còn trang bị **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Công nghệ thông tin, từ đó sẽ đào tạo để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Ra trường, sinh viên sẽ **có khả năng** ứng dụng công nghệ thông tin đặc biệt là có khả năng thiết kế, quản lý trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Ngành Cơ khí chuyên dùng có các chuyên ngành:

+ 1) Chuyên ngành Máy xây dựng và xếp dỡ; 2) Chuyên ngành Cơ giới hóa xây dựng giao thông; 3) Chuyên ngành Cơ khí giao thông công trình; 4) Chuyên ngành Trang thiết bị mặt đất hàng không; 5) Chuyên ngành Cơ khí ô tô

Cũng tương tự như chương trình đào tạo chuyên ngành Máy xây dựng và nâng chuyển của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), các ngành: Máy xây dựng, Cơ khí ô tô, Cơ giới hóa xếp dỡ của Trường GTVT Tp.HCM, chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐH GTVT cũng sẽ cung cấp cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, mà còn trang bị các **kiến thức cơ bản về ngành**, trên cơ sở đó tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** nhằm đào tạo Kỹ sư chuyên ngành **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, khai thác, sử dụng và sửa chữa các loại máy xây dựng, xếp dỡ phục vụ trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp, bốc xếp và vận chuyển hàng hóa; **có khả năng** thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô, am hiểu và sử dụng thành thạo cũng như thiết kế, cải tiến các phương tiện hiện đại dùng trên ô tô máy kéo...

+ Chuyên ngành Đầu máy

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về sửa chữa, bảo dưỡng, khai thác kỹ thuật, vận dụng đầu máy, nghiên cứu thiết kế, chế tạo các bộ phận tổng thành, các chi tiết của đầu máy.

+ Chuyên ngành Toa xe

Sinh viên học chuyên ngành này có khả năng nghiên cứu, chế tạo các bộ phận, chi tiết và chế tạo toa xe, sửa chữa bảo dưỡng và tổ chức khai thác kinh tế kỹ thuật toa xe.

+ Chuyên ngành Đầu máy - Toa xe

Đào tạo kỹ sư có trình độ chuyên môn tổng hợp thuộc cả hai lĩnh vực Đầu máy và Toa xe.

Sinh viên ngành Cơ khí chuyên dùng sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu phát triển cơ khí, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động...
- + Các Tổng cục, Vụ: Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...
- + Các TCT Cơ khí xây dựng, TCT Lắp máy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, TCT Lắp máy Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: các Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, Lắp máy và Xây dựng, Cty Cơ khí Ô tô và Xe máy công trình, Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Cơ khí xây dựng, Cty Xây dựng và Cơ khí, Cty Chế tạo vật liệu xây dựng, các loại máy phục vụ xây dựng...
- + Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Cơ khí chuyên dùng.

Ngành Kinh tế xây dựng (*Chuyên ngành Kinh tế xây dựng giao thông vận tải*)

Bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế giống như ngành Kinh tế vận tải biển thì sinh viên ngành Kinh tế xây dựng còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về ngành: Sức bền vật liệu - Cơ xây dựng - Địa chất - Cơ đất - Nền móng - Đường ô tô - Đường sắt - Trắc địa - Vật liệu xây dựng... đồng thời cũng sẽ đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công trình nhân tạo - Khoa học quản lý - Kinh tế xây dựng - Máy xây dựng - Quản trị doanh nghiệp - Marketing xây dựng - Định mức kinh tế và định giá sản phẩm - Thiết kế đường ô tô - Thiết kế công trình nhân tạo - Tài chính doanh nghiệp xây dựng - Chiến lược... để khi ra trường sinh viên **có thể** vận dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào trong các hoạt động có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế xây dựng giao thông vận tải sinh viên có thể công tác tại:

- + Các Viện, Trung tâm, Cục: Viện Kinh tế xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương; TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia; Cục Quản lý và Xây dựng công trình...
- + TCT Xây dựng công trình giao thông, các TCT Xây dựng (TCT Xây dựng Thủy lợi 1, 2, 4..., TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng...),... và hàng trăm công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tư vấn Thiết kế xây dựng, Cty Xây dựng đô thị và khu công nghiệp, Cty Xây dựng...
- + Các phòng chức năng: Kinh tế xây dựng, Quản lý kinh tế, Kiến trúc - Quy hoạch, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch Kiến trúc... tại các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Kinh tế xây dựng công trình giao thông vận tải.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1997	2.500	22.623	1/9.0
1998	2.500	38.541	1/15.4
1999	2.500	31.194	1/12.4
2000	2.500	46.836	1/18.7
2001	2.500	36.875	1/14.7
2002	2.000	24.205	1/12.1
2003	2.150	18.882	1/8.8
2004	2.200	16.295	1/7.4
2005	2.400	11.460	1/4.7
2006	2.550	18.840	1/7.3

(Ghi chú: Chỉ tiêu từ năm 1997 - 2001 là chung cho trường bao gồm cả phía Bắc và phía Nam - Từ năm 2002 chỉ tiêu của trường được phân chia cho từng cơ sở).

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

Cơ sở	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
Cơ sở 1	19.5	20.0	22.5	19.0	19.5	20.5	20.5	21.5	22.0	20.5	20.0
Cơ sở 2	-	-	-	19.5	11.0	12.0	13.5	16.5	15.5	18.5	13.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHGTVT tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHGTVT lấy chung cho cả trường.
- Trường ĐH GTVT có 2 lớp đào tạo kỹ sư tài năng là lớp Cầu Anh và lớp Cầu Pháp. Sinh viên học 2 ngành này được hưởng nhiều chế độ ưu tiên, có thể ra nước ngoài học và bảo vệ đồ án.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH GTVT từ năm 2002 đến nay có xu hướng tăng dần, đến năm 2006 tăng 550 chỉ tiêu so với năm 2002. (Xem bảng 1).

- Từ năm 2002 đến nay số lượng thí sinh ĐKDT vào trường giảm nên tỉ lệ "chọi" của Trường ĐH GTVT trong những năm gần đây so với mặt bằng chung thi không cao lắm. Tuy nhiên năm 2006 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường lại tăng lên xấp xỉ bằng năm 2003 do đó tỉ lệ "chọi" đã cao hơn so năm trước. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH GTVT (cơ sở 1) qua các năm nhìn chung tương đối cao so với mặt bằng chung và cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định. Điểm trúng tuyển thường xê dịch từ 19.5 đến 22.0 điểm. Điều này cho thấy nếu bạn không có lực học khá trở lên thì khó có khả năng thi đỗ vào trường. Những bạn có lực học trung bình khá phải thận trọng khi lựa chọn vì từ năm 2003 đến nay mức điểm trúng tuyển thường từ 20.0 điểm trở lên. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển giữa cơ sở 1 và cơ sở 2 có sự chênh lệch nhau khá lớn như năm 2006 chênh nhau 7 điểm (20/13) (xem chi tiết ở bảng 2). Do đó các bạn thí sinh ở khu vực miền Trung, hoặc có điều kiện học tại thành phố Hồ Chí Minh nên ĐKDT vào cơ sở 2 vì cơ hội đến với bạn sẽ nhiều hơn.

- Trường ĐH GTVT có tuyển NV2 cho cơ sở 2 các ngành hay tuyển NV2 là ngành Giao thông công chính.

- Chất lượng đầu vào của sinh viên Trường ĐH GTVT tương đối cao. Trong quá trình học, sinh viên lại được trang bị các kiến thức chuyên sâu và rộng, có khả năng làm việc độc lập nên khi ra trường có nhiều cơ hội tìm việc làm hơn sinh viên các trường khác. Chính vì thế mà Trường ĐH GTVT hiện nay được đánh giá là trường có tỉ lệ học sinh ra trường có việc làm ngay cao nhất.

- Qua các số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT vào trường sẽ giảm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

Trụ sở: 55 Giải Phóng, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 04.8691300 - Fax: 84-4-8691684 - Website: <http://www.uce-hn.edu.vn/>

- Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (ĐHXDHN) được thành lập ngày 08/8/1966, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật cho nhiều ngành khác nhau trong lĩnh vực khoa học xây dựng, đồng thời còn là trung tâm nghiên cứu và triển khai các tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng cơ bản...
- Trường hiện có khoảng 619 cán bộ giảng dạy, trong đó có 8 Giáo sư, 61 Phó Giáo sư, 5 Tiến sĩ khoa học, 144 Tiến sĩ, 195 Thạc sĩ, 2 Nhà giáo Nhân dân, 55 Nhà giáo Ưu tú...
- Trường ĐHXDHN có các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học... với 2 loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Đào tạo kỹ sư ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A như: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Hình họa - Vật lý - Hóa học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Cơ học cơ sở - Sức bền vật liệu - Vật liệu xây dựng - Đo đạc - Vẽ kỹ thuật - Địa chất công trình - Cơ học kết cấu - Cơ học môi trường liên tục - Cơ học đất - Bê tông cốt thép - Kết cấu thép - Kiến trúc - Nền móng - Kết cấu nhà bê tông cốt thép - Kết cấu nhà thép - Kỹ thuật điện - Máy xây dựng - Kỹ thuật thi công - Thí nghiệm công trình - Cấp thoát nước - An toàn lao động - Công tác tư vấn.... Không những thế sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nền móng cầu - Mố trụ cầu - Thiết kế đường - Thiết kế cầu bê tông - Thiết kế cầu thép - Quản trị dự án - Kinh tế xây dựng... ngoài ra tùy từng chuyên ngành theo học mà sinh viên được lựa chọn các môn học **bổ trợ kiến thức** riêng như:

+ **Chuyên ngành Thiết kế xây dựng:** Vật lý kiến trúc - Kết cấu đặc biệt bằng bê tông cốt thép - Kết cấu đặc biệt bằng kim loại - Kết cấu hệ móng đặc biệt - Kết cấu gạch, đá, gỗ - Động lực học và Ổn định công trình...

+ **Chuyên ngành Thi công xây dựng:** Tổ chức thi công - Hạ tầng cơ sở kinh tế quy hoạch - Ứng dụng tin học trong thi công - Kỹ thuật thi công - Kỹ thuật thi công đặc biệt...

Học xong chương trình này sinh viên **có khả năng** thiết kế, tính toán các hạng mục công trình, giám sát thi công các công trình xây dựng nói chung và công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp nói riêng...

Kỹ sư ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng, Viện Nghiên cứu và Phát triển cơ khí xây dựng, Viện Kỹ thuật xây dựng; TT. Tư vấn thiết kế xây dựng; Cục Quản lý và Xây dựng công trình, Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị...

+ TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, TCT Cơ khí xây dựng, TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam... và các đơn vị thành viên: Cty Xây lắp và Sản xuất công nghiệp, Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp điện, Cty Xây lắp hóa chất, Cty Phát triển đô thị và khu công nghiệp, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, Cty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước...

+ Các phòng chức năng: Kiến trúc quy hoạch, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề, các cơ sở đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Ngành Xây dựng cầu đường

Ngành Xây dựng cầu đường trang bị cho sinh viên bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học tự nhiên là các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Xây dựng giống như sinh viên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp, đồng thời sinh viên ngành Xây dựng cầu đường còn được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nền móng cầu - Mổ trụ cầu - Thủy văn - Thiết kế đường - Thiết kế cầu bê tông - Kinh tế xây dựng - Thiết kế cầu thép - Quản lý dự án.... Không những thế nhà trường còn tạo điều kiện để sinh viên chuyên ngành được **bổ trợ kiến thức** thông qua một số môn học lựa chọn:

+ **Chuyên ngành Đường và Công trình giao thông đô thị:** Công trình giao thông đô thị - Xây dựng đường - Chuyên đề đường - Xây dựng cầu - Thiết kế và Xây dựng sân bay...

+ **Chuyên ngành Cầu và Hầm:** Thiết kế cầu - Xây dựng cầu - Kỹ thuật kiểm định cầu - Thiết kế và Xây dựng hầm - Xây dựng đường - Chuyên đề cầu...

Tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành Xây dựng cầu đường **có khả năng** xây dựng các tuyến đường ô tô thông dụng, các trục đường cao tốc, quy hoạch các mạng lưới đường, các công trình thoát nước, cầu cống, có khả năng tham gia nghiên cứu và giải quyết các vấn đề có liên quan...

Ra trường, sinh viên ngành Xây dựng cầu đường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Khoa học công nghệ xây dựng; TT. Tư vấn thiết kế xây dựng;

Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sông Việt Nam, Vụ Khảo sát thiết kế xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, các TCT Xây dựng công trình giao thông, TCT Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, TCT Xây dựng và Vật liệu xây dựng, các TCT Vật liệu xây dựng... và các đơn vị trực thuộc: các Cty Xây dựng, Cty Tư vấn xây dựng, Cty Thiết kế cầu lớn - hầm...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Quản lý các công trình giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông công chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng... ở các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Xây dựng cầu đường.

Ngành Xây dựng cảng - đường thủy

Khi học ngành Xây dựng cảng - đường thủy sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung* dành cho Toán, Lý, Hóa, cùng với các *kiến thức cơ bản* về ngành Xây dựng tương tự như sinh viên các ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Xây dựng cầu đường... bên cạnh đó sinh viên còn được trang bị *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* như: Quy hoạch đô thị - Thủy văn - Hải văn công trình - Quy hoạch cảng - Xưởng đóng tàu - Thi công cảng, đường thủy - Công trình cảng - Đường thủy nội địa - Công trình thủy lợi - Chính trị cửa sông ven biển - Kinh tế xây dựng... để khi ra trường kỹ sư ngành Xây dựng cảng - đường thủy *có khả năng* khảo sát, quy hoạch, thiết kế, thi công và quản lý kinh doanh các công trình bến cảng, đê chắn sóng, ngăn cát, đê bảo vệ bờ biển, công trình thủy công trong xưởng đóng mới, sửa chữa tàu, công trình đưa tàu qua đê đập, công trình nạo vét, chỉnh trị, dẫn luồng trên sông, trên biển.

Kỹ sư ngành Xây dựng cảng - đường thủy có thể công tác tại:

+ Viện, Trung tâm: Viện Khoa học công nghệ giao thông vận tải, Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành bê tông; TT. Tư vấn thiết kế và Chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông vận tải, TT. Khoa học công nghệ bảo vệ công trình và phương tiện giao thông vận tải...

+ Cục Quản lý xây dựng công trình giao thông, Cục Đường sông Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam...

+ Các TCT Xây dựng công trình giao thông, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Tư vấn xây dựng đường thủy, Cty Tư vấn xây dựng cảng đường thủy, Cty Dịch vụ kỹ thuật đầu khí, Cty Tư vấn xây dựng công trình hàng hải, các Cty Tư vấn thiết kế cầu - đường - cảng trên toàn quốc...

+ Các phòng chức năng: Quản lý giao thông thủy, Xây dựng cơ bản, Thiết kế cơ sở... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Xây dựng... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo cán bộ và công nhân xây dựng có ngành Xây dựng cảng - đường thủy.

Ngành Xây dựng công trình trên sông và Nhà máy thủy điện

Sinh viên học ngành Xây dựng công trình trên sông và Nhà máy thủy điện được cung cấp các *kiến thức chung* của khối A, cùng với những *kiến thức cơ bản* dành cho ngành Xây dựng tương tự

như sinh viên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp, đồng thời còn được đào tạo để có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thủy văn công trình - Thủy lực công trình - Thủy năng - Thủy công - Máy xây dựng Công trình nhà máy thủy điện - Máy thủy lợi - Thi công công trình thủy lợi - Nhà máy thủy điện - Cảng và Công trình giao thông thủy - Tự động hóa thiết kế công trình thủy... để sau khi tốt nghiệp kỹ sư ngành này **có khả năng** vận hành, bảo dưỡng, quản lý thiết bị thi công cơ giới và khai thác các công trình thủy lợi, thủy điện; lắp đặt, chế tạo, sửa chữa, cải tiến các máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện, có khả năng thiết kế, thi công các công trình thủy lợi, các nhà máy thủy điện...

Ra trường, sinh viên ngành Xây dựng công trình trên sông và Nhà máy thủy điện có thể làm việc tại:

- + Các Viện: Viện Khoa học thủy lợi, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành bê tông, Viện Khoa học xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn...

- + Các Cục: Cục Thủy lợi; Cục Quản lý đê điều, phòng chống lụt, bão; Cục Quản lý xây dựng công trình...

- + Các TCT Xây dựng thủy lợi, TCT Cơ điện nông nghiệp - thủy lợi, TCT Xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn... và các Cty trực thuộc trên địa bàn toàn quốc.

- + Các phòng chức năng: Thủy lợi, Quản lý kỹ thuật... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hệ thống các trạm bơm, hồ thủy lợi... trên khắp cả nước.

- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Xây dựng công trình trên sông và nhà máy thủy điện.

Ngành Xây dựng công trình biển - dầu khí

Kỹ sư ngành Xây dựng công trình biển - dầu khí không chỉ được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp được cung cấp. Trên nền những kiến thức cơ sở đó ngành sẽ tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ dầu khí - Môi trường biển - Động lực học công trình biển - Công trình biển cố định - Cảng biển - Công trình bảo vệ bờ biển - Kiến trúc dân dụng, công nghiệp - Lý thuyết độ tin cậy - Máy xây dựng - Kinh tế xây dựng - Thi công công trình biển - Thi công công trình cố định - Cảng biển - Công trình biển mềm - Đường ống, bể chứa... để sau khi ra trường sinh viên Xây dựng công trình biển - dầu khí **có khả năng** khảo sát, thiết kế, thi công và quản lý khai thác các công trình biển xây dựng ngoài khơi, trên hải đảo và ven bờ, đặc biệt là công trình dầu khí và quốc phòng...

Sinh viên học ngành Xây dựng công trình biển - dầu khí sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng, Viện Khoa học xây dựng; TT. Cơ học công trình và Kỹ thuật biển, TT. Tư vấn thiết kế xây dựng, TT. Công nghệ xây dựng...

- + Các TCT Xây dựng công trình giao thông, TCT Dầu khí Việt Nam, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty

Tư vấn thiết kế đường thủy, Cty Tư vấn thiết kế xây dựng cảng - đường thủy, Cty Kỹ thuật công nghệ biển, Cty Dịch vụ kỹ thuật dầu khí...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Xây dựng công trình biển - dầu khí.

Ngành Kiến trúc

Sinh viên học ngành Kiến trúc được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Hình học - Cơ lý thuyết - Cơ học công trình - Mỹ học - Nhập môn Quản trị học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Cơ sở kiến trúc - Lý thuyết kiến trúc - Kiến trúc nhà ở - Vật liệu kiến trúc - Kiến trúc nhà công cộng - Thiết kế nhanh - Tổng quan kiến trúc dân dụng - Kiến trúc công nghiệp - Cơ sở tạo hình kiến trúc... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử nghệ thuật - Quy hoạch đô thị, nông thôn - Cấp thoát nước - Điện kỹ thuật - Thông gió - Nội thất - Điêu khắc - Kiến trúc đô thị - Cảnh quan kiến trúc... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** kết hợp các yếu tố con người - xã hội - thiên nhiên để tổ chức môi trường không gian kiến trúc, thiết kế, tôn tạo, phục hồi các cảnh quan kiến trúc, giám sát quá trình thi công các công trình kiến trúc...

Sinh viên ngành Kiến trúc sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu kiến trúc, Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng; TT. Công nghệ xây dựng, TT. Tư vấn thiết kế và Xây dựng...

+ Các Vụ: Vụ Kiến trúc quy hoạch xây dựng, Vụ Khảo sát, Thiết kế xây dựng...

+ Các TCT Xây dựng, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn thiết kế xây dựng, Cty Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam, Cty Đầu tư và Phát triển xây dựng, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng...

+ Các phòng chức năng: Kiến trúc quy hoạch, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Kinh tế xây dựng, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... trực thuộc các tỉnh và thành phố.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kiến trúc.

Ngành Cấp thoát nước và Môi trường nước

Kỹ sư ngành Cấp thoát nước và Môi trường nước được trang bị đồng thời khối **kiến thức chung** của Toán, Lý, Hóa tương tự như sinh viên ngành Xây dựng dân dụng và Công nghiệp, cùng với hàng loạt **kiến thức cơ bản** dành cho ngành như: Kỹ thuật điện - Kết cấu bê tông cốt thép - Cơ học công trình - Thủy khí động học - Quy hoạch đô thị và Xã hội học - Kỹ thuật điện tử - Cơ sở kỹ thuật nhiệt - Cơ sở cơ khí - Cơ học công trình - Vật liệu xây dựng - Kiến trúc dân dụng, công nghiệp - Hóa môi trường - Máy thủy lực - Thông gió - Địa chất công trình - Đo đạc - Khí hậu học xây dựng - Vi sinh vật nước - Công trình thu và Trạm bơm - Hóa nước... ngoài ra sinh viên cũng sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công trình nước dân dụng và công nghiệp - Xử lý nước thiên nhiên - Mạng điện - Bảo vệ nguồn nước - Điện động lực - Công trình nước bên trong công trình - Xử lý nước thải - Xử lý phế thải rắn - Kỹ thuật môi trường... để sau khi tốt nghiệp kỹ sư ngành này sẽ **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, thi công, vận hành và quản lý các công trình thuộc hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước cấp, nước thải...

Sinh viên ngành Cấp thoát nước và Môi trường nước sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Khí tượng thủy văn...

+ Các Trung tâm: TT. Khảo sát nghiên cứu tư vấn môi trường biển, TT. Công nghệ và Đánh giá tài nguyên nước, TT. Quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, TT. Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, TT. Nghiên cứu tài nguyên và môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thủy lợi, Cục Bảo vệ môi trường Việt Nam, Cục Quản lý ô nhiễm, phòng chống lụt, bão; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ TCT Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng cấp thoát nước, Cty Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước, Cty Tư vấn cấp thoát nước...; Các Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường, Cty Môi trường Việt Nam xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển...

+ Các phòng chức năng: Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản, Quản lý môi trường... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Cấp thoát nước và Môi trường nước.

Ngành Công nghệ vật liệu xây dựng

Ngành Công nghệ vật liệu xây dựng trang bị cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên như: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Hình họa - Vật lý - Cơ học - Hóa học... mà còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Vật liệu polyme - Hóa học các vật liệu vô cơ - Công nghệ hóa học - Kiến trúc dân dụng và công nghiệp - Điện tử công nghiệp - Vật lý kiến trúc... đồng thời sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Hóa silicat - Bê tông cốt thép - Kinh tế Công nghệ vật liệu xây dựng - An toàn lao động - Máy sản xuất vật liệu xây dựng - Vật liệu cách nhiệt - Công nghệ gốm xây dựng - Thủy tinh xây dựng - Công nghệ chất kết dính vô cơ... để sau khi học xong kỹ sư chuyên ngành **có khả năng** thiết kế công nghệ sản xuất, vận hành dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng như bê tông, gốm, xi măng; nghiên cứu vật liệu mới; biết lựa chọn và sử dụng vật liệu một cách thích hợp và hiệu quả, biết kiểm định và thí nghiệm vật liệu xây dựng trong công trình...

Kỹ sư ngành Công nghệ vật liệu xây dựng có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Vụ: Viện Vật liệu xây dựng, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu (ITIMS), Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng; TT. Công nghệ vật liệu, các TT. Tư vấn thiết kế và Xây dựng; Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các TCT Vật liệu xây dựng, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, TCT Thép Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc: Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp và Vật liệu xây dựng, Cty Vật liệu và Công nghệ, Cty Ống thép Việt Nam, các Cty Thép, Cty Kỹ thuật xây dựng và Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung cấp nghề, các cơ sở đào tạo có ngành Công nghệ vật liệu xây dựng.

Ngành Cơ khí xây dựng có các chuyên ngành

1. Chuyên ngành Máy xây dựng; 2. Chuyên ngành Cơ giới hóa xây dựng

Sinh viên 2 chuyên ngành Máy xây dựng và Cơ giới hóa xây dựng được học ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Nhập môn Quản trị học - Tâm lý học... là các **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ học cơ sở - Sức bền vật liệu - Kỹ thuật điện - Vật liệu xây dựng - Vật liệu cơ khí - Nguyên lý máy - Vẽ kỹ thuật cơ khí - Chi tiết máy - Dung sai lắp ghép - Cơ sở thiết kế máy xây dựng - Công nghệ gia công kim loại - Máy nâng chuyển - Điều khiển tự động - Ô tô máy kéo... không những thế sinh viên còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kết cấu thép - Kinh tế xây dựng - Máy làm đất - Trang bị điện - Truyền động thủy khí - Kết cấu thép máy xây dựng - Khai thác máy xây dựng - Nghiên cứu thí nghiệm máy xây dựng - An toàn lao động - Khai thác máy xây dựng - Máy và Thiết bị làm đất - Máy sản xuất vật liệu xây dựng - Kỹ thuật thi công xây dựng - Quản trị chất lượng Marketing - Công nghệ sinh viên vật liệu xây dựng... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành sẽ **có thể** vận hành, sửa chữa, thiết kế các loại máy dùng trong ngành xây dựng.

Sinh viên ngành Cơ khí xây dựng sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu phát triển cơ khí...
- + Các TCT Cơ khí xây dựng, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng... và các công ty, đơn vị thành viên: các Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, Lắp máy và Xây dựng, Cty Cơ khí xây dựng, Cty Chế tạo vật liệu xây dựng, các loại máy phục vụ xây dựng...
- + Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Cơ khí xây dựng.

Ngành Kinh tế xây dựng có các chuyên ngành

1. Chuyên ngành Kinh tế xây dựng; 2. Chuyên ngành Kinh tế quản lý đô thị.

Khi học 2 chuyên ngành: Kinh tế xây dựng và Kinh tế quản lý đô thị sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế như: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Hóa học - Vật lý - Kinh tế chính trị - Nhập môn Quản trị học - Soạn thảo văn bản... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ học kết cấu - Địa chất công trình - Máy xây dựng - Kết cấu thép - Cơ học đất - Đo đạc - Bê tông cốt thép - Nền móng - Điện kỹ thuật... ngoài ra sinh viên còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật thi công - Thống kê xây dựng - Tài chính xây dựng - Hoạch toán kế toán - Phân tích hoạt động kinh tế - Marketing xây dựng - Giám định xây dựng... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có thể** lập hồ sơ, dự án đầu thầu, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình xây dựng, xây dựng chiến lược marketing của doanh nghiệp xây dựng, tổ chức các bộ phận nhân sự trong công ty...

Ra trường, sinh viên ngành Kinh tế xây dựng có thể công tác tại:

- + Các Viện, Trung tâm, Cục: Viện Kinh tế xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia; Cục Quản lý và Xây dựng công trình...

+ TCT Xây dựng công trình giao thông, các TCT Xây dựng (Tổng Cty Xây dựng Thủy lợi 1, 2, 4..., TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng...), TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng... và hàng trăm công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tư vấn thiết kế xây dựng, Cty Xây dựng đô thị và khu công nghiệp, Cty Kiến trúc và đầu tư xây dựng...

+ Các phòng chức năng: Kinh tế xây dựng, Quản lý kinh tế, Kiến trúc - Quy hoạch, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc... tại các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế xây dựng.

Ngành Công nghệ thông tin có các chuyên ngành

1. Chuyên ngành Công nghệ phần mềm; 2. Chuyên ngành Tin học xây dựng công trình

Nội dung chương trình đào tạo 2 chuyên ngành có tên trên đều nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối A: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Hình họa - Vật lý - Cơ học cơ sở... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Sức bền vật liệu - Vật liệu xây dựng - Đo đạc - Bê tông cốt thép - Kết cấu thép - Kỹ thuật điện tử - Cơ sở hệ điều hành - Thuật toán và cấu trúc dữ liệu - Máy xây dựng - Kinh tế xây dựng - An toàn lao động... đồng thời sẽ cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cho sinh viên như: Computer Graphic - Kỹ thuật vi xử lý - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Phương pháp số trong cơ học kết cấu - Autocad - Lập trình hệ thống - Cơ sở kiến trúc - Kỹ thuật thi công - Tổ chức xây dựng - Các phần mềm ứng dụng - CAD nâng cao và LISP... để khi học xong sinh viên **có khả năng** phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin, phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng đặc biệt là sinh viên còn có khả năng thiết kế, thi công, giám sát thi công các công trình xây dựng.

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ thông tin có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược và Công nghệ thông tin (CNTT), Viện CNTT, Viện Ứng dụng công nghệ; Các TT. Tin học, TT. Công nghệ phần mềm, TT. Giao dịch công nghệ ở khắp các tỉnh, thành phố trong toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục CNTT và Thống kê hải quan, Cục Công nghệ tin học ngân hàng; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp CNTT, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Viễn thông quân đội... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tin học ở khắp các tỉnh, thành phố, Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất, các Cty Điện tử, Cty Điện tử công trình, Cty Máy tính Việt Nam..., Cty Xuất nhập khẩu điện tử...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông tin học, Quản lý công nghệ, Thiết kế kỹ thuật... tại các Sở: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ thông tin.

Ngành Kỹ thuật môi trường có các chuyên ngành

1. Chuyên ngành Môi trường đô thị và khu công nghiệp; 2. Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật trong công trình

Sinh viên học 2 chuyên ngành có tên trên sẽ được cung cấp khối **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Hóa học - Vật lý... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ sở sinh thái, bảo vệ môi trường - Hóa môi trường - Máy thủy lực - Thông gió... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Luật xây dựng - Khí hậu học xây dựng - Thông gió chuyên sâu - Độc tố học sinh thái - Chống ô nhiễm môi trường tiếng ồn - Kỹ thuật lạnh - Cấp thoát nước - Bảo vệ môi trường khí - Công trình nước bên trong nhà - Công trình nước đô thị - Điều tiết không khí - Kỹ thuật sấy - Kinh tế môi trường... để khi ra trường kỹ sư các chuyên ngành **có kỹ năng, nghiệp vụ** về đo đạc và theo dõi các nguồn có khả năng gây ô nhiễm đồng thời **có thể** đánh giá các tác động của môi trường cho các đô thị loại vừa, nhỏ..., mặt khác **có thể** đề xuất các giải pháp và công nghệ thích hợp trong trường hợp các dự án có khả năng ảnh hưởng xấu tới môi trường...

Kỹ sư ngành Kỹ thuật môi trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn; TT. Nghiên cứu môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường Việt Nam, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ TCT Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam, TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, TCT Đầu tư phát triển nhà và đô thị, TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường Việt Nam xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển...

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất, Sở Công nghiệp... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1997	1.000	11.168	1/11.1
1998	1.000	11.979	1/11.9
1999	1.540	14.264	1/9.2
2000	1.500	17.299	1/11.5
2001	1.900	22.674	1/11.9
2002	2.050	14.985	1/7.3
2003	2.150	14.655	1/6.8
2004	2.200	8.558	1/3.8
2005	2.500	13.351	1/5.0
2006	2.800	8.378	1/2.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
					NV1	NV2	NV1	NV2			
XD DD&CN A	19.5	25.5	22.5	22.0	20.0	21.0	23.0	25.0	21.0	25.5	20.0
KT công trình V	25.0	24.5	24.5	21.5	23.5	-	-	-	-	-	-
KT quy hoạch V	25.0	24.5	24.5	20.0	20.0	-	-	-	-	-	-
Kiến trúc V	-	-	-	-	-	-	26.0	-	25.0	25.5	24.5
Cấp thoát nước A	-	21.0	22.5	21.5	20.0	21.0	23.0	25.0	21.0	25.5	20.0
KTHT&MTĐT A	-	21.0	22.5	20.0	20.0	21.0	23.0	25.0	21.0	-	20.0
CNTT A	-	25.5	-	-	20.0	21.0	23.0	25.0	21.0	-	20.0
XD Cầu đường A	-	25.5	-	-	20.0	21.0	23.0	25.0	21.0	25.5	20.0
Các ngành còn lại	-	-	-	-	20.0	21.0	23.0	25.0	21.0	25.5	20.0

Ghi chú: Từ năm 2003 đến nay trường lấy điểm trúng tuyển chung cho ngành Kiến trúc.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Xây dựng Hà Nội (ĐHXDHN) tuyển sinh trong cả nước với 2 khối A và V.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHXDHN thường lấy theo khối thi. Thi sinh trong cả nước ĐKDT khối V đều phải thi ở ĐHXDHN tại Hà Nội.
- Trường ĐHXDHN cũng là một trong những trường đào tạo lớp Kỹ sư Chất lượng cao hợp tác Việt - Pháp. Sinh viên trúng tuyển vào các ngành khối xây dựng có nguyện vọng và có khả năng hãy liên hệ với phòng đào tạo của trường.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHXDHN hàng năm tăng dần lên. Điều đó cho thấy xã hội đang có nhu cầu về những ngành mà trường đào tạo, hơn nữa Trường ĐHXDHN được đánh giá là một trong những trường có chất lượng đào tạo cao. Ngành Kiến trúc, Xây dựng luôn là những ngành nhu cầu xã hội cần nên sau khi tốt nghiệp Trường ĐHXDHN bạn luôn có việc làm ngay.

- Số lượng thi sinh ĐKDT vào Trường ĐHXDHN từ sau năm 2002 đến nay biến động theo một quy luật là cứ năm trước tăng thì năm sau lại giảm xuống trong khi chỉ tiêu vẫn tiếp tục tăng khiến tỉ lệ "chọi" của trường trong mấy năm gần đây so với xu hướng chung giảm và ở mức không cao so với những trường tuyển sinh khối A, V khác. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHXDHN tương đối cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cũng như so với mặt bằng chung. Từ năm 2002 đến nay điểm trúng tuyển vào trường không dưới 20.0 điểm. Năm 2006 trường lấy điểm trúng tuyển khối A là 20 điểm so với năm 2005 giảm đi 5.5 điểm (20.0/25.5 điểm) nhưng vẫn cao hơn 7.0 điểm so với mức điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT (20.0/13.0 điểm). Điều này cho thấy chất lượng đầu vào của trường là khá cao, chỉ những học sinh có học lực khá giỏi mới có khả năng trúng tuyển vào trường. (Xem chi tiết bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 trung bình chỉ từ 1.0 đến 3.0 điểm nhưng với mức điểm này nếu bạn không có kết quả thi tốt thì cũng có khả năng trúng tuyển NV2 (bạn thấy rõ điều này qua năm 2003). Đây cũng là điểm mà bạn cần lưu ý khi đăng ký NV2 vào trường (nếu trường có xét tuyển).

- Từ năm 2004 Trường ĐHXDHN mở thêm rất nhiều ngành, chuyên ngành học mới như Công nghệ phần mềm, Máy xây dựng, Cơ giới hóa xây dựng, Xây dựng công trình thủy lợi... đây là một thuận lợi để cho các bạn có thể lựa chọn ngành khi ĐKDT, đồng thời cũng mở ra cơ hội mới cho thí sinh khi muốn trở thành sinh viên của trường.

- Qua số liệu từ 2 bảng trên chúng tôi dự kiến số lượng thí sinh ĐKDT vào trường năm 2007 sẽ tăng lên song tỉ lệ "chọi" vẫn ở mức không cao.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Trụ sở: Km 10 Đường Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8544 346 - Fax: (04) 8541 616 - Website: <http://www.hau.edu.vn/>

- Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội thành lập ngày 17/9/1969, là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về kiến trúc - xây dựng, quy hoạch và quản lý đô thị.
- Trường ĐH Kiến trúc có 400 cán bộ giảng dạy gồm 30 Giáo sư và Phó Giáo sư, 70 Tiến sĩ, 162 Thạc sĩ, 1 Nhà giáo Nhân dân, 28 Nhà giáo Ưu tú.
- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội có các cấp độ đào tạo: Đại học và Sau đại học với 2 loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kiến trúc công trình

Sinh viên ngành Kiến trúc công trình được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Hình học họa hình - Địa lý kinh tế... đồng thời sinh viên ngành này còn không chỉ được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về Kiến trúc công trình: Cơ sở thiết kế kiến trúc (Vẽ ghi kiến trúc - Bố cục kiến trúc - Kiến trúc nhà ở - Kiến trúc nhà công cộng) - Kỹ thuật (Vật liệu xây dựng - Cấu tạo kiến trúc) - Mỹ thuật (Hội họa)... mà còn được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cấu tạo kiến trúc - Kết cấu công trình - San nền - Tiêu thủy - Cấp thoát nước - Cây xanh môi trường - Vật lý kiến trúc - Thi công - Kinh tế xây dựng - Luật xây dựng... ngoài ra còn được học rất nhiều môn học lựa chọn khác để **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành**: Vật liệu trang trí - Điêu khắc - Kiến trúc công nghiệp - Quy hoạch đô thị - Quy hoạch công viên - Nội thất và trang thiết bị - Cảnh quan kiến trúc và giữ gìn môi trường thiên nhiên - Bảo tồn, trùng tu môi trường kiến trúc.... Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Kiến trúc công trình **có khả năng** thiết kế kiến trúc các thể loại công trình công cộng, công nghiệp và nhà ở...

Ngành Quy hoạch đô thị

Chương trình đào tạo ngành Quy hoạch đô thị bao gồm những **kiến thức chung** thuộc khối Khoa học cơ bản, cùng với các **kiến thức cơ bản** về Cơ sở thiết kế kiến trúc, về Kỹ thuật và Mỹ thuật cũng giống như ngành Kiến trúc công trình.... Bên cạnh đó, sinh viên còn được ngành cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quy hoạch (QH) mạng lưới đường - QH mạng lưới cấp thoát nước - QH san nền và cấp thoát nước - QH mạng lưới điện và thông tin - Kinh tế và chính sách phát triển đô thị - Quản lý và khai thác đô thị.... Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được lựa chọn rất nhiều môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Chọn và chuẩn bị đất đai xây dựng - Xử lý chất thải đô thị - Tổ chức giao thông công cộng - Kết cấu công trình ngầm - Quy hoạch vùng và điểm dân cư - Quy hoạch cảnh quan và cây xanh - Công trình công cộng phục vụ đô thị - Lý luận phê bình kiến trúc - Thiết kế nhanh - Kiến trúc hiện đại nước ngoài... để khi ra trường, sinh viên **có thể** tìm ra phương án tối ưu cho sự phát triển đô thị hài hòa, hợp lý và bền vững mục đích phục vụ cho cư dân đô thị một điều kiện sống ngày càng hoàn thiện hơn...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiến trúc công trình và ngành Quy hoạch đô thị có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu kiến trúc, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng; TT. Công nghệ xây dựng, TT. Tư vấn thiết kế và Xây dựng...

+ Các Vụ: Vụ Kiến trúc quy hoạch xây dựng, Vụ Khảo sát thiết kế xây dựng...

+ Các TCT Xây dựng, TCT Đầu tư phát triển nhà và đô thị, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn thiết kế xây dựng, Cty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, Cty Đầu tư và Phát triển xây dựng, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng...

+ Các phòng chức năng: Kiến trúc quy hoạch, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Kinh tế xây dựng, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... trực thuộc 64 tỉnh và thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Kiến trúc công trình hay Quy hoạch đô thị.

Ngành Mỹ thuật công nghiệp

Ngành Mỹ thuật công nghiệp trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** thuộc khối Khoa học cơ bản như: Xác suất thống kê - Hình học họa hình - Mỹ học - Vẽ kỹ thuật - Phối cảnh - Giải phẫu - Vật lý - Hóa học - Cơ học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Trang trí - Điều khắc - Nghệ thuật chữ - Mỹ thuật - Nghệ thuật ảnh - Kỹ thuật ấn loát - Kiến trúc dân dụng - Cây xanh môi trường... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thiết kế đồ họa (TKĐH) bao bì - TKĐH ấn loát - TKĐH tranh khắc - Thiết kế nội thất (TKNT) kiến trúc đo - TKNT nhà ở - TKNT công trình công cộng nhỏ - TKNT công trình công cộng lớn - Thiết kế đồ đạc nội thất - Khối cơ bản, khối ảo - Thiết kế mô hình - Thiết kế tạo khối - Xử lý chất liệu.... Khi tốt nghiệp sinh viên ngành Mỹ thuật công nghiệp **có khả năng** thiết kế mẫu mã sản phẩm công nghiệp, các mô hình nội ngoại thất... tại các công ty, các nhà máy sản xuất thiết bị nội thất, vật liệu xây dựng, làm chuyên viên tư vấn ở các TT. tư vấn mẫu mã công nghiệp...

Sau khi tốt nghiệp ngành Mỹ thuật công nghiệp sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu kiến trúc, TT. Tư vấn thiết kế và Xây dựng, TT. Công nghệ xây dựng...

+ Các TCT tư vấn thiết kế trong lĩnh vực xây dựng nhà, quy hoạch đô thị, các Cty quảng cáo và mỹ thuật: TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng, TCT Xây dựng Hà Nội... và các công ty, đơn vị thành viên trên cả nước: Cty Xây dựng và Trang trí nội thất, Cty Gạch men Cosevco, Cty Mỹ thuật Trung ương, các Cty Gốm xứ...

+ Các phòng chức năng: Nghiên cứu quy hoạch - kiến trúc, Quản lý kiến trúc, Quản lý quy hoạch... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... ở các tỉnh và thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Mỹ thuật công nghiệp.

Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Sinh viên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp sẽ được học ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số - Vẽ kỹ thuật xây dựng - Hình học họa hình - Xác suất thống kê - Giải tích - Vật lý - Hóa học - Tin học... còn có các **kiến thức cơ bản** về ngành Xây dựng: Sức bền vật liệu - Ổn định động lực học công trình - Vật liệu xây dựng - Địa chất công trình - Cơ học đất - Trắc địa - Kết cấu bê tông cốt thép - Kết cấu thép - Nền và móng - Tổ chức và quản lý thi công - Máy xây dựng - Kinh tế xây dựng... ngoài ra còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kiến trúc công nghiệp - Kỹ thuật thi công công trình xây dựng - Kiến trúc dân dụng - Kỹ thuật thông gió - Cấp thoát nước - Thiết kế nhà dân dụng và công nghiệp - Thiết kế đường bộ - Thiết kế cầu cống - Kết cấu gạch đá gỗ - Luật xây dựng - Tiếng Anh chuyên ngành - Kỹ thuật thi công... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** khai thác, thiết kế, thi công các công trình đặc biệt là các công trình có liên quan đến lĩnh vực kiến trúc...

Sau khi tốt nghiệp ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng, Viện Nghiên cứu và Phát triển cơ khí xây dựng, Viện Kỹ thuật xây dựng; TT. Tư vấn thiết kế xây dựng...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình; Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị...

+ TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, TCT Cơ khí xây dựng, TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Phát triển đô thị và khu công nghiệp, Cty Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Kiến trúc quy hoạch, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị

Ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị đào tạo cho sinh viên không chỉ có các **kiến thức chung** dành cho khối A: Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Hình học họa hình - Vật lý - Hóa học - Cơ học - Vẽ kỹ thuật..., mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành: Vật liệu xây dựng - Sức bền vật liệu - Cơ học kết cấu - Động học công trình - Trắc địa - Địa chất công trình - Cấp thoát nước - Thủy lực - Quy hoạch đô thị - Máy xây dựng - Nền móng - Kiến trúc dân dụng và công nghiệp... mà còn trang bị cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cấp thoát nước - Công trình nước bên trong nhà - Giao thông đô thị - Kỹ thuật và Môi trường - Thủy lực, thủy văn môi trường đô thị... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** quy hoạch, thiết kế kỹ thuật đô thị, vận hành, xử lý các vấn đề có liên quan đến Kỹ thuật hạ tầng đô thị, quản lý đô thị...

Ngành Kỹ thuật môi trường đô thị

Sinh viên học ngành Môi trường đô thị được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành như: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Mỹ học - Hình học họa hình - Vẽ mỹ thuật và Điêu khắc - Xã hội học - Lịch sử kiến trúc và Đô thị - Tin học... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cấp thoát nước - Giao thông đô thị - Chuẩn bị kỹ thuật và Môi trường - Thủy lực, thủy văn môi trường đô thị - Trắc địa - Điện kỹ thuật... khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, vận hành, xử lý các vấn đề có liên quan.

Sinh viên tốt nghiệp ngành: Kỹ thuật hạ tầng đô thị, Kỹ thuật môi trường đô thị có thể công tác tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Quy hoạch đô thị nông thôn; TT. Kỹ thuật môi trường đô thị và khu công nghiệp, TT. Khoa học công nghệ xây dựng công nghiệp và đô thị, TT. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ môi trường, TT. Công nghệ và Môi trường, TT. Tư vấn đào tạo và Chuyển giao công nghệ môi trường...

- + Các Vụ: Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường...

- + TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Đầu tư phát triển nhà và đô thị, TCT Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, Cty Quản lý mạng lưới điện...

- + Các phòng chức năng: Hạ tầng - Kỹ thuật đô thị, Xây dựng cơ bản, Quản lý các công trình giao thông, Quản lý môi trường... tại các Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính, Sở Tài nguyên và Môi trường... ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị và Kỹ thuật môi trường đô thị.

Ngành Quản lý xây dựng đô thị

Khi học ngành Quản lý xây dựng đô thị sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung**, cùng với các **kiến thức cơ bản** về khối Khoa học Tự nhiên, Khoa học Nhân văn: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Mỹ học - Hình học họa hình - Vẽ mỹ thuật và Điêu khắc - Xã hội học - Lịch sử kiến trúc và Đô thị - Tin học... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quản lý đất đai và nhà ở - Quản lý quy hoạch, kiến trúc, xây dựng - Quản lý kỹ thuật hạ tầng và Môi trường đô thị - Quản lý dự án kinh tế xây dựng... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có thể** tổ chức môi trường không gian kiến trúc và quy hoạch đô thị, lập hồ sơ, dự án các công trình xây dựng đô thị, thẩm định kỹ thuật, thẩm định các dự án xây dựng.

Ra trường, sinh viên học ngành Quản lý xây dựng đô thị có thể làm việc tại:

- + Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Quy hoạch đô thị, nông thôn; TT. Khoa học công nghệ xây dựng công nghiệp và đô thị; Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Vụ Kiến trúc, quy hoạch xây dựng; Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị...

- + TCT Đầu tư phát triển nhà - đô thị, TCT Đầu tư phát triển đô thị - khu công nghiệp, TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam... và các đơn vị thành viên: các Cty Xây dựng phát triển đô thị,

Cty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, Cty Xây dựng đô thị và khu công nghiệp, Cty Dịch vụ nhà ở và khu đô thị...

+ Các phòng chức năng: Quản lý quy hoạch, Quản lý chất lượng công trình, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Kế hoạch tổng hợp... trực thuộc Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản lý xây dựng đô thị.

Ngành Cấp thoát nước

Ngành Cấp thoát nước Trường ĐH Kiến trúc cũng trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như ngành Cấp thoát nước và Môi trường nước của trường Đại học Xây dựng. Ra trường, sinh viên ngành này sẽ **có khả năng** khai thác, thiết kế, thi công, vận hành và quản lý các công trình cấp thoát nước...

Ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1998	1.000	9.404	1/9.4
1999	1.000	8.933	1/8.9
2000	1.000	8.547	1/8.5
2001	1.000	8.392	1/8.3
2002	1.000	8.047	1/8.0
2003	1.000	5.567	1/5.6
2004	1.000	8.672	1/8.6
2005	1.050	8.256	1/7.8
2006	1.100	6.617	1/6.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
XD dân dụng và công nghiệp A	18.5	19.0	21.0	22.0	20.5	21.5	20.5	23.5	24.5	23.5	21.5
Cấp thoát nước A	15.0	18.0	17.5	21.5	18.5	19.5	19.0	22.0	20.5	23.5	21.5
Kỹ thuật hạ tầng A	15.0	16.5	17.5	20.0	18.5	19.5	19.5	22.5	20.0	23.5	21.5
Kiến trúc công trình V	24.0	23.0	20.5	21.5	23.0	-	17.5	-	20.5	20.0	19.0
Kiến trúc quy hoạch V	20.0	23.0	19.0	20.0	22.0	-	16.5	-	19.5	20.0	19.0
Kỹ thuật môi trường đô thị A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.5	21.5
XD công trình ngầm đô thị A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.5	21.5
Quản lý xây dựng đô thị A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.5	21.5
Mỹ thuật công nghiệp A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.0	20.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, V và H.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Kiến trúc lấy theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Tất cả các thí sinh dự thi khối V thi tại trường ở Hà Nội; trước khi ĐKDT phải qua sơ tuyển môn Vẽ kỹ thuật. Riêng khối V điểm tối thiểu phải đạt của môn Vẽ kỹ thuật sau khi đã nhân hệ số là 6 (đối với thí sinh ở KV1), 6.75 (đối với thí sinh ở KV2) và 7.5 (đối với thí sinh ở KV3).

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH Kiến trúc 2 năm gần đây (2005, 2006) có xu hướng tăng lên so với những năm trước. (Xem bảng 1).
- Từ năm 2004 đến nay số lượng thí sinh ĐKDT vào trường giảm dần trong khi chỉ tiêu đào tạo tăng lên dẫn tới tỉ lệ "chọi" của trường giảm xuống và vẫn ở mức không cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).
- Nhìn vào điểm trúng tuyển của Trường ĐH Kiến trúc ta có thể thấy, so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào trường là tương đối cao. Năm 2006 hầu hết các ngành đều cao hơn đến 8.5 điểm (Khối A). Mặt khác so với mặt bằng chung ở các trường cùng khối khác thì mức điểm trúng tuyển của trường cũng thuộc "top" cao. (Xem chi tiết bảng 2).
- Từ năm 2004 Trường ĐH KT có mở thêm một số ngành mới như Mỹ thuật công nghiệp, Quản lý xây dựng đô thị, Xây dựng công trình ngầm đô thị... đây là cơ hội mới cho những thí sinh muốn trở thành sinh viên của trường, cũng mở ra cơ hội lựa chọn nghề nghiệp mới. Tuy nhiên để được là sinh viên của Trường ĐH KT bạn phải có lực học khá, giỏi trở lên. Vì vậy nếu bạn có ý định dự thi vào trường thì bạn phải cố gắng nhiều.
- Qua các số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI

Địa chỉ: 484 Trần Quốc Toản, Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.851657 - Website: <http://www.vimaru.edu.vn/dhhh>.

- Trường Đại học Hàng hải (ĐHHH) được thành lập ngày 01/04/1956, là trung tâm đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học kỹ thuật phục vụ cho ngành Hàng hải của cả nước.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường ĐHHH gồm 484 người, trong đó có 4 Phó Giáo sư, 28 Tiến sĩ, 147 Thạc sĩ.
- ĐHHH đào tạo các bậc: Cao đẳng, Đại học, Trên đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Điều khiển tàu biển

Sinh viên học ngành Điều khiển tàu biển được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A như: Hình học - Hóa học - Vật lý - Vẽ kỹ thuật - Cơ học - Sức bền vật liệu - Máy điện - Kỹ thuật điện tử... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Kỹ thuật điều khiển logic - Nguyên lý điều khiển tự động - Khí cụ điện - Phần tử tự động - Cơ sở truyền động điện - An toàn điện - Kỹ thuật vi xử lý - Mô hình hóa thiết bị điện - Điện tử công suất - Quản trị doanh nghiệp - Đo lường điện và không điện... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy tàu thủy - Hệ thống tự động - Thiết bị điện máy sản xuất - Trạm phát lưới điện - Thiết bị điện hàng hải - Thông tin liên lạc nội bộ - Vô tuyến viễn thông - Sửa chữa khai thác - Tín học ứng dụng... sinh viên khi ra trường sẽ **có khả năng** làm việc trong lĩnh vực hàng hải, các Cty chế tạo tàu thủy, Cty vận tải đường thủy, Cty tư vấn thiết kế công trình thủy...

Ra trường, sinh viên ngành Điều khiển tàu biển có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Cơ học, Viện Cơ học ứng dụng, Cục Hàng hải Việt Nam...

+ TCT Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng loạt các công ty, đơn vị trực thuộc được phân bố ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam: Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Vận tải biển Việt Nam, Cty Vận tải dầu khí Việt Nam, Cty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý kỹ thuật, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Điều khiển tàu biển.

Ngành Đảm bảo an toàn hàng hải

Ngành Đảm bảo an toàn hàng hải trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa như: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Địa chất đại cương - Cơ học cơ sở... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Kết cấu bê tông cốt thép - Cơ học đất, nền và móng - Thủy lực cơ sở - Khí tượng, thủy, hải văn - Động lực học sông biển - Máy tàu thủy và Điện tàu thủy - Quy tắc phòng ngừa và chạm trên biển... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Đo đạc biển - Thành lập bản đồ địa hình dưới nước - Thiết kế công trình đường thủy - Công trình bảo hiệu đường sông và đường biển - Quản lý khai thác đường thủy - Tìm kiếm cứu nạn và Trục vớt cứu hộ... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** khảo sát, thiết kế, tổ chức thi công, khai thác và quản lý các công trình đảm bảo an toàn đường thủy trên sông trên biển, phục vụ trực tiếp cho ngành giao thông vận tải thủy, đồng thời có khả năng xây dựng các bản đồ địa hình mặt đất và đáy biển, khả năng điều khiển tàu ...

Ra trường, sinh viên ngành Bảo đảm an toàn hàng hải có thể công tác tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Trung tâm: Tổng cục Hải quan, Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, TT. Phối hợp tìm kiếm và Cứu nạn hàng hải Việt Nam...

+ TCT Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, các TCT Xây dựng công trình giao thông, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải... và các đơn vị, Cty trực thuộc: Cty Kỹ

thuật công nghệ biển, Cty Nghiên cứu thiết kế cơ khí giao thông vận tải, Cty Tư vấn công nghệ, Thiết bị và Kiểm định xây dựng, hệ thống cảng biển trên toàn quốc...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Bảo đảm an toàn hàng hải.

Ngành Thiết kế thân tàu thủy

Ngành Thiết kế thân tàu thủy trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Đại số - Lý thuyết số - Phương trình đạo hàm - Hàm phức - Toán rời rạc - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa kỹ thuật - Hóa môi trường... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sức bền vật liệu - Nguyên lý máy - Vật liệu học - Điện kỹ thuật - Cơ chất lỏng - Chi tiết máy - Dung sai - Đan hồi... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kết cấu thân tàu - Tự động gia công kỹ thuật số - Sức bền tàu - Chấn động tàu thủy - Thiết bị tàu - Thiết kế tàu - Mỹ thuật thiết kế tàu - Hàn tàu - Công nghệ đóng mới tàu thủy - Công nghệ sửa chữa tàu thủy - Quản trị sản xuất trong công nghiệp đóng tàu.... Tốt nghiệp ngành này sinh viên sẽ **có khả năng** thiết kế các loại tàu vận tải, tàu công trình và các công trình nổi ở biển, biết cách lập quy trình công nghệ, biết cách dự trữ nguyên, nhiên liệu, nhân công và giá thành đóng mới, sửa chữa thân tàu, công trình nổi, có khả năng lập phương án thiết kế thân tàu - công trình nổi...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Thiết kế thân tàu thủy có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Vụ: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Hàng Hải Việt Nam, TCT Đường thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... và hàng trăm các công ty, đơn vị trực thuộc trên khắp đất nước: Cty Chế tạo và Đóng tàu, Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, Cty Nghiên cứu thiết kế cơ khí giao thông vận tải, các Nhà máy đóng tàu, Cty Cơ khí đóng tàu...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Thiết kế thân tàu thủy.

Ngành Điện tàu thủy (Điện sử dụng)

Khi học ngành Điện tàu thủy sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối A: Đại số & Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Hình họa - Vật lý - Vẽ kỹ thuật - Cơ lý thuyết - Hóa học - Tin học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ sở kỹ thuật điện - Sức bền vật liệu - Vật liệu điện - Máy điện - Kỹ thuật điều khiển logic - Khí cụ điện - Phần tử tự động - Cơ sở truyền động điện - An toàn điện - Kỹ thuật vi xử lý - Mô hình hóa thiết bị điện - Điện tử công suất... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Đo lường điện và không điện - Máy tàu thủy - Lý thuyết tàu - Đại cương hàng hải - Trạm phát lưới điện - Hệ thống tự động - Thiết bị điện hàng hải - Vô tuyến viễn thông - Thông tin liên lạc nội bộ - Tin học ứng dụng... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** vận hành, sửa chữa, khai thác, bảo trì hệ thống điện trên các tàu thuyền, các cảng biển, cảng sông...

Ra trường, sinh viên ngành Điện tàu thủy có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Vụ: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Đường thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng loạt các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Cơ khí xây lắp và Đóng tàu, Cty Cơ khí đóng tàu, các Cty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng, Nhà máy đóng tàu...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Điện tàu thủy.

Ngành Máy xếp dỡ

Sinh viên học ngành Máy xếp dỡ được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Tin học đại cương - Vẽ kỹ thuật xây dựng - Hình học họa hình... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Máy xúc, nâng, cơ cấu ngoạm - Động lực học máy trục - Kết cấu thép, máy nâng chuyển... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy vận chuyển liên tục - Công nghệ chế tạo máy nâng chuyển - Kết cấu thép - Nguyên lý máy xếp dỡ... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu thiết kế, chế tạo, khai thác, sử dụng, tổ chức thi công và sửa chữa các loại máy xếp dỡ phục vụ trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp, bốc xếp và vận chuyển hàng hóa tại các cảng biển, cảng sông, nhà ga và cảng hàng không...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Máy xếp dỡ có thể công tác tại:

+ Các Viện, Vụ: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Cơ học ứng dụng; Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Lắp máy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp ô tô Việt Nam, TCT Đường thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng loạt các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Nghiên cứu thiết kế cơ khí giao thông vận tải, Cty Lắp máy và Xây dựng, Cty Cơ khí lắp máy, Cty Tư vấn Thiết kế công nghiệp tàu thủy, các Cty Vận tải thủy, biển, ô tô, hàng không...

+ Các phòng chức năng: Quản lý vận tải và Xếp dỡ, Quản lý kỹ thuật... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính của các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Máy xếp dỡ.

Ngành Xây dựng công trình thủy và thêm lục địa

Ngành Xây dựng công trình thủy và thêm lục địa trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Tự nhiên như: Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Tin học đại cương - Vẽ kỹ thuật xây dựng - Hình học họa hình... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sức bền vật liệu - Cơ học kết cấu - Ổn định và Động lực học công trình - Thủy lực cơ sở - Địa chất công trình... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trắc địa - Bê tông cốt thép - Kết cấu thép - Nền và Móng - Tổ chức và Quản lý thi công - Máy xây dựng - Kinh tế xây dựng... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức**: Thủy văn, hải văn - Công trình bến - Quy hoạch cảng - Âu tàu - Chính trị sông - Công trình biển cố định... Sinh viên ngành này **có khả năng** đảm nhận việc khảo sát, thiết kế thi công, khai thác và quản lý các công trình phục vụ trực tiếp cho ngành vận tải đường thủy và các công trình bảo vệ bờ sông, biển, hải đảo, phao tiêu báo hiệu luồng lạch, các công trình biển cố định và di động...

Kỹ sư ngành Xây dựng công trình thủy và Thêm lục địa có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành bê tông; TT.

Tư vấn thiết kế và Chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông vận tải, TT. Khoa học công nghệ Bảo vệ công trình và Phương tiện giao thông vận tải...

+ Các TCT Xây dựng công trình giao thông, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Tư vấn xây dựng đường thủy, Cty Tư vấn xây dựng cảng đường thủy, Cty Tư vấn xây dựng công trình hàng hải...

+ Các phòng chức năng: Quản lý giao thông thủy, Giao thông kỹ thuật, Xây dựng cơ bản, Thiết kế cơ sở... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Xây dựng... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Xây dựng công trình thủy và Thăm lục địa; các cơ sở đào tạo cán bộ và công nhân xây dựng.

Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Khi học ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Xây dựng, ĐH Kiến trúc.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** thiết kế, tính toán các hạng mục công trình, giám sát thi công các công trình xây dựng nói chung và công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp nói riêng.

1) Ngành Công nghệ thông tin; 2) Ngành Điện tử viễn thông

Sinh viên khi theo học 2 ngành có tên trên của Trường ĐH Hàng hải được cung cấp không chỉ các **kiến thức chung** về Toán, Lý, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự sinh viên ngành này của Trường ĐH Công nghệ để khi ra trường sinh viên **có kỹ năng** tốt về xử lý ảnh và đồ họa, có khả năng phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng đặc biệt là trong lĩnh vực Hàng hải.

Ngành Kinh tế vận tải biển

Khi học ngành Kinh tế vận tải biển sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán học, Tin học, và nhóm ngành Kinh tế như: Giải tích - Xác suất thống kê - Đại số & Hình giải tích - Tin học - Tin học quản lý dữ liệu - Kinh tế chính trị - Kinh tế phát triển - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế lượng... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Nguyên lý thống kê - Tài chính tiền tệ - Thông tin kinh tế - Thuế vụ - Thanh toán quốc tế - Nguyên lý kế toán - Hàng hóa trong vận tải - Thống kê vận tải - Thủy văn và Công trình². Quản lý khai thác cảng - Luật vận tải biển... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tổ chức lao động tiền lương - Quản lý khai thác đội tàu - Đại lý giao nhận hàng hóa - Thương vụ vận tải biển - Kế toán doanh nghiệp vận tải - Bảo hiểm hàng hải... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có thể** làm các công tác tổ chức, quản lý, khai thác, kinh doanh và lập kế hoạch sản xuất dài hạn, kế hoạch tác nghiệp các công việc về quản trị kế toán, tài chính, kinh doanh, nhân sự, văn phòng hành chính, có khả năng phân tích hoạt động kinh tế, kiểm toán tại các Cty hoạt động trong lĩnh vực vận tải nói chung và doanh nghiệp vận tải biển nói riêng...

Sinh viên học ngành Kinh tế vận tải biển sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Các Viện, Vụ: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, Vụ Vận tải...
- + TCT Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam... với các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Vận tải biển Việt Nam, Cty Vận tải biển và Thuê tàu Việt Nam, Cty Vận tải dầu khí Việt Nam, Cty Xuất nhập khẩu vật tư đường biển, Cty Vận tải Biển Đông, Cty Vận tải Viễn dương...
- + Hệ thống các cảng, vụ trên địa bàn toàn quốc.
- + Các phòng chức năng: Quản lý vận tải và Xếp dỡ, Kế hoạch tổng hợp, Quản lý dự án công trình giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... ở các tỉnh, thành ven biển.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế vận tải biển.

Ngành Kinh tế ngoại thương

Sinh viên học ngành Kinh tế ngoại thương được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Tin, và nhóm ngành Kinh tế giống như là sinh viên ngành Kinh tế vận tải, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Quan hệ kinh tế thế giới - Đầu tư nước ngoài - Thông tin kinh tế - Kế toán doanh nghiệp ngoại thương - Nghiệp vụ hải quan - Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương - Vận tải, thuê tàu - Thống kê trong ngoại thương... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thanh toán quốc tế - Luật Thương mại - Logistics và Vận tải đa phương thức - Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu - Quản lý chất lượng - Phân tích hoạt động kinh tế... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh xuất nhập khẩu, sự biến động của tỉ giá hối đoái và đầu tư quốc tế, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thương mại và các dự án đầu tư trong và ngoài nước...

Ra trường, sinh viên ngành Kinh tế ngoại thương có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu thương mại, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; TT. Thông tin thương mại; Cục Xúc tiến thương mại, Cục Đầu tư nước ngoài; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Thương mại và Dịch vụ, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Thương mại điện tử...
- + Các TCT Thương mại, TCT Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, TCT Du lịch Việt Nam, TCT Công nghiệp Ô tô Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Thương mại và Công nghiệp ô tô, Cty Xuất nhập khẩu tổng hợp, Cty Xuất nhập khẩu thủy sản, Cty Xuất nhập khẩu công nghệ mới...
- + Các phòng ban nghiệp vụ: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý thương mại, Hợp tác quốc tế, Xúc tiến thương mại... tại các Sở: Sở Thương mại, Sở Thương mại - Du lịch, Sở Ngoại vụ... trong toàn quốc.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế ngoại thương.

Ngành Quản trị kinh doanh có các chuyên ngành:

* Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế tương tự như là sinh viên ngành Kinh tế vận tải biển, Kinh tế ngoại thương... cùng với

những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Quản trị học - Quản trị công nghệ - Thuế vụ - Quản trị chiến lược - Thông tin kinh tế - Quản trị nhân lực - Quản trị tài chính - Kinh tế vận tải - Kế toán doanh nghiệp... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quản trị thương mại - Quản trị marketing - Bảo hiểm - Quản trị hành chính - Quản trị vật tư - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị dự án - Quản trị kinh doanh - Quản trị sản xuất - Kế toán - Phân tích hoạt động kinh doanh.... Sinh viên khi ra trường sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh, có khả năng tạo lập một doanh nghiệp mới.

*** Chuyên ngành Quản trị tài chính - kế toán**

Khi học chuyên ngành Quản trị tài chính - kế toán sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế giống như là sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Luật Tài chính - Quản trị học - Nguyên lý kế toán - Quan hệ kinh tế thế giới - Quản trị chất lượng - Nghiệp vụ ngân hàng - Quản trị chiến lược - Quản trị nhân lực - Quản trị doanh nghiệp - Tài chính tiền tệ - Thuế Nhà nước - Kế toán doanh nghiệp... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quản trị tài chính - Quản lý tài chính Nhà nước - Kế toán quản trị - Bảo hiểm - Thanh toán quốc tế - Kế toán ngân hàng - Phân tích hoạt động kinh tế - Kiểm toán - Quản trị vật tư - Quản trị dự án đầu tư - Kế toán thuế - Kế toán trên máy tính - Thị trường chứng khoán - Nguyên lý và Thống kê doanh nghiệp... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh, sự biến động của tỉ giá hối đoái và đầu tư quốc tế...

*** Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp bảo hiểm**

Sinh viên học chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp bảo hiểm được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế tương tự như là sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị tài chính, kế toán... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Anh văn thương mại - Quản trị học - Nguyên lý kế toán - Kinh tế bảo hiểm - Quản trị kinh doanh bảo hiểm - Bảo hiểm đại cương - Luật bảo hiểm - Thông tin kinh tế - Quản trị chiến lược - Quản trị marketing bảo hiểm - Quản trị nhân lực - Quản trị doanh nghiệp - Tài chính, Tiền tệ - Thuế Nhà nước - Kế toán doanh nghiệp... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quản trị tài chính - Kiểm toán - Bảo hiểm tài sản - Bảo hiểm hàng hải, hàng không - Nguyên tắc quản lý rủi ro về bảo hiểm - Nguyên lý và Thống kê bảo hiểm - Bảo hiểm nhân thọ - Bảo hiểm tai nạn, y tế - Nguyên lý tài bảo hiểm... Sinh viên khi ra trường sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược; TT. Tư vấn quản lý và đào tạo; TT. Giao dịch chứng khoán...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, các công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc đặc biệt có hoạt động liên quan đến ngành Tài chính, Bảo hiểm: Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam... và các đơn vị, Cty trực thuộc: Cty Tài chính bưu điện, Cty Tài chính cao su, Cty Tài chính dầu khí, Cty Tài chính dệt may, các Cty Cho thuê tài chính, Bảo hiểm Việt Nam với các chi nhánh, Bảo Việt Nhân thọ và các chi nhánh, Cty Bảo hiểm y tế cộng đồng...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Tài chính doanh nghiệp, Quản lý ngân sách, Giao dịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thương mại, Sở Giao dịch chứng khoán... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Kỹ thuật môi trường

Khi học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường ĐH Hàng hải sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Xây dựng, ĐH Giao thông vận tải... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm việc và nghiên cứu tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp liên quan đến vấn đề môi trường.

Ngành Điện tự động công nghiệp

Sinh viên học ngành Điện tự động công nghiệp của Trường ĐH Hàng hải được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, để khi tốt nghiệp sinh viên trở thành những nhà kỹ sư có kiến thức chuyên môn sâu về hệ thống cung cấp điện, hệ thống điều khiển, quy trình vận hành các quy trình công nghệ, chuyển giao công nghệ...

Có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Điện tự động công nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Tổng cục, Cục: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, TT. Công nghệ điều khiển và Tự động hóa, Viện Tự động hóa kỹ thuật quân sự, TT. Vi điện tử và Tin học; Tổng cục Kỹ thuật; Cục Tấn số vô tuyến điện, Cục Điều tiết điện lực, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam... và hàng trăm đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc : Cty Cơ khí xây lắp và Đóng tàu, Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, Cty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở: Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, Điện lực... ở khắp các tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Điện tự động công nghiệp.

Ngành Sử dụng khai thác máy tàu biển

Ngành Sử dụng khai thác máy tàu biển trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** vận hành máy tàu trên tất cả các phương tiện vận tải thủy, khai thác vận tải dầu khí ở các nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu, ở các khu công nghiệp, các Cty sản xuất, sửa chữa tàu thủy, các nhà máy sản xuất động cơ... hoặc làm công tác giảng dạy, nghiên cứu ở các Trường, Viện...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sử dụng khai thác máy tàu biển có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Cơ học ứng dụng, Viện Khoa học công nghệ tàu thủy (Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm định tàu thủy, TT. Công nghệ điều khiển và Tự động hóa)...

+ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng loạt các công ty, đơn vị trực thuộc được phân bố ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam: Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, các Cty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng, các Nhà máy đóng tàu, Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Tư vấn hàng hải...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý kỹ thuật, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... của các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Sử dụng khai thác máy tàu biển.

Ngành Đóng mới và Sửa chữa tàu

Khi học ngành Đóng mới và Sửa chữa tàu sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung* về khối Khoa học Tự nhiên, cùng với các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành, đồng thời sinh viên còn được trang bị *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* thiết kế, sửa chữa và đóng mới, vận hành, khai thác các loại phương tiện giao thông đường thủy đặc biệt là tàu thuyền.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Đóng mới và Sửa chữa tàu có thể công tác tại:

+ Các Viện, Vụ: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Cơ học ứng dụng; Vụ Khoa học công nghệ...

+ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Đường thủy Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng loạt các công ty, đơn vị trực thuộc được phân bố ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam: Cty Cơ khí xây lắp và Đóng tàu, Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, các Cty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng, các Nhà máy đóng tàu, Cty Cơ khí đóng tàu...

+ Các phòng chức năng: Giao thông kỹ thuật, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... của các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Đóng mới và Sửa chữa tàu.

Ngành Thiết kế trang trí động lực và Sửa chữa hệ thống động lực tàu thủy (Máy tàu)

Sinh viên học ngành Thiết kế trang trí động lực và Sửa chữa hệ thống động lực tàu thủy được cung cấp các *kiến thức chung* về khối A, cùng với những *kiến thức cơ bản* dành cho ngành, đồng thời còn được trang bị *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có *khả năng* phân tích, chế tạo, vận hành, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các chi tiết máy, cơ cấu máy, các động cơ và máy thích hợp hiện có trên tàu thủy.

Ra trường, sinh viên ngành Thiết kế trang trí động lực và Sửa chữa hệ thống động lực tàu thủy (máy tàu) có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Cơ học ứng dụng, Viện Khoa học công nghệ tàu thủy...

+ TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam... với hàng loạt các Cty Chế tạo và đóng tàu như: Cty Cơ khí xây lắp và Đóng tàu, Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, các Cty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng, các Nhà máy đóng tàu, Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Cơ khí lắp máy...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Thiết kế trang trí động lực và Sửa chữa hệ thống động lực tàu thủy.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1998	1.450	14.326	1/9.8
1999	1.700	13.034	1/7.6
2000	1.800	15.661	1/8.7
2001	1.500	14.786	1/9.8
2002	1.400	17.930	1/12.8
2003	1.700	15.658	1/9.0
2004	1.850	16.679	1/9.0
2005	2.075	17.110	1/8.0
2006	2.110	14.306	1/6.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành (tại Hải Phòng).

Ngành	1998	1999	2002		2003		2004	2005		2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Điện tử viễn thông	29.5	23.5	15.0	18.5	16.5	19.5	16.5	20.5	-	17.5	-
TK&SC máy tàu thủy	29.5	23.0	17.0	19.5	18.0	21.0	19.0	22.0	-	17.5	-
Quản trị kinh doanh	28.0	20.0	14.5	18.0	15.5	18.5	-	21.0	-	18.0	-
Công nghệ thông tin*	29.5	25.0	16.5	19.5	17.0	20.0	-	20.5	-	17.5	-
Điều khiển tàu biển	-	21.5	15.0	18.0	15.5	18.5	16.5	17.0	22.0	16.0	-
Sử dụng khai thác tàu biển	-	19.5	14.0	17.0	15.0	18.0	-	17.0	21.5	16.0	-
Điện tàu thủy	-	21.0	14.0	16.0	15.0	18.0	17.0	20.5	-	17.5	-
Điện tự động công nghiệp	-	19.0	16.5	19.0	17.0	20.0	19.5	21.0	-	17.5	-
Thiết kế thân tàu thủy	-	23.0	17.0	19.5	19.0	22.0	22.5	23.0	-	23.0	-
Cơ giới hóa xếp dỡ cảng	-	25.0	14.5	17.5	16.0	19.0	17.5	20.5	-	17.5	-
Công trình thủy	-	23.5	15.5	18.5	17.0	20.0	18.0	20.5	-	17.5	-
Bảo đảm an toàn hàng hải	-	21.0	14.0	16.5	15.5	18.5	15.5	17.0	-	16.0	-
Xây dựng DD & CN	-	24.5	16.5	19.0	18.0	21.0	18.5	20.5	-	17.5	-
Kinh tế vận tải biển (thủy)	-	24.0	16.5	19.5	19.0	22.0	18.5	22.5	-	19.0	-
Kinh tế ngoại thương	-	25.0	15.5	18.5	17.0	20.0	17.5	21.5	-	20.0	-
Quản trị tài chính kế toán	-	-	15.0	18.0	17.0	20.0	19.0	22.0	-	19.0	-
Quản trị kinh doanh bảo hiểm	-	-	14.0	16.5	15.5	18.0	15.5	21.0	-	18.0	-
Kỹ thuật môi trường**	-	-	16.0	19.0	15.5	18.5	17.5	20.5	-	17.5	-
Đóng mới & SC thân tàu thủy	-	-	-	-	18.0	21.0	20.0	22.5	-	20.5	-

Ghi chú: - * & ** - Điểm từ năm 2003 trở về trước là của ngành Tin học và ngành Công nghệ hóa học môi trường.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường Đại học Hàng Hải (ĐHHH) tuyển sinh trong toàn quốc và chỉ tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHHH được lấy theo ngành, nhóm ngành mà thí sinh đã ĐKDT.
- Các ngành Điều khiển tàu biển, Sử dụng khai thác máy tàu biển, Bảo đảm an toàn hàng hải không tuyển nữ.
- Nếu bạn không đủ điểm vào hệ Đại học nếu có nguyện vọng sẽ được xét tuyển vào học hệ Cao đẳng, hệ Cao đẳng của Trường ĐHHH đào tạo các ngành: Điều khiển tàu biển, Sử dụng khai thác máy tàu biển, Tin học, Kinh tế vận tải biển, Quản trị tài chính - Kế toán.

- Trường ĐHHH không tổ chức sơ tuyển.

- Trường ĐHHH có tiêu chuẩn về sức khỏe: Thí sinh thi vào các ngành Điều khiển tàu biển, Sử dụng khai thác máy tàu biển, Điện tàu thủy, Điện tử viễn thông thì tổng thị lực hai mắt của thí sinh phải đạt từ 18/10 trở lên, không mắc các bệnh khúc xạ, phải nghe rõ khi nói thường cách 5m và nói thầm cách 0,5m. Thí sinh ngành Điều khiển tàu biển phải có chiều cao từ 1,62m trở lên và nặng từ 45kg trở lên. Thí sinh ngành Sử dụng khai thác máy tàu biển phải có chiều cao từ 1,58m trở lên và phải nặng từ 45kg trở lên.

- Trường ĐHHH đã thành lập quỹ bảo trợ và khuyến khích tài năng trẻ với số tiền hàng trăm triệu đồng để động viên sinh viên học giỏi tích cực nghiên cứu khoa học.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHHH không ổn định. Tuy nhiên từ năm 2002 trở lại đây lại có xu hướng tăng dần lên, đến năm 2006 đã tăng gấp 1,5 lần so với chỉ tiêu năm 2002. (Xem bảng 1).

- Số lượng thí sinh ĐKDT của Trường ĐHHH năm mấy gần đây cũng tăng, nhưng đến năm 2006 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường giảm đột biến khiến tỉ lệ "chọi" của trường cũng giảm xuống thấp hơn hẳn những năm trước (theo chúng tôi nguyên nhân một phần vì năm trước (năm 2005) số lượng thí sinh ĐKDT vào trường đông hơn hẳn những năm khác trong khi đó điểm trúng tuyển vào trường lại tăng vọt, cũng cao hơn hẳn những năm khác nên sang năm 2006 thí sinh có phần e ngại). Mặc dù tỉ lệ "chọi" của trường không cao so với mặt bằng chung nhưng khá ổn định, tỉ lệ "chọi" của các năm ở mức xấp xỉ bằng nhau. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHHH cũng tương đối cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định và có chiều hướng tăng dần lên từ sau năm 2002 (năm 2006 có giảm nhưng đây cũng là tình hình chung của kỳ tuyển sinh năm 2006). Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng lên, vì thế thí sinh có nguyện vọng vào trường nên lưu ý để có quyết định đúng đắn khi ĐKDT. (Xem bảng 2).

- So với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối A khác thì điểm trúng tuyển vào trường không phải là quá cao trừ một số ngành thường lấy điểm trúng tuyển cao hơn hẳn những ngành khác và điểm trúng tuyển của các ngành cùng khối ở các trường khác như: ngành Thiết kế thân tàu thủy, ngành Đóng mới và sửa chữa thân tàu thủy. Điểm trúng tuyển của các ngành này thường ở mức mà chỉ có những thí sinh có học lực khá, giỏi trở lên mới có khả năng trúng tuyển. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 và cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT, đồng thời có sự chênh lệch đáng kể giữa điểm trúng tuyển NV1, NV2, trung bình thường xê dịch từ 2.0 - 5.0 điểm. (Xem bảng 2).

- Trường ĐHHH là trường đào tạo các kỹ sư phục vụ cho lĩnh vực Hàng hải nên số sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay tương đối cao, nếu bạn có lực học khá, có sức khỏe tốt và chịu được khí hậu biển thì nên thi vào trường này.

- Từ những số liệu trên dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên.

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Km10 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 04.8547797 - Fax: 04.756 2036 - Website: <http://www.ptit.edu.vn/>

- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (HVCN BCVT) được thành lập ngày 11/7/1997, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ về lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, Điện tử, Tin học và Quản trị kinh doanh.
- Đội ngũ cán bộ của HVCN BCVT có 1064 người trong đó: trình độ trên đại học chiếm 16,35%; trình độ đại học chiếm 64,75% và trình độ khác 18,90%.
- HVCN BCVT có 4 cấp độ đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học và Trên đại học.

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông

Đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A như: Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Logic học - Vật lý - Hình họa - Vẽ kỹ thuật... mà còn có **kiến thức cơ bản** về Điện tử - Viễn thông: Mạch - Trường điện từ - Nguồn điện - Thông tin - Cấu kiện điện tử, quang điện tử... cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Truyền sóng và Anten - Kỹ thuật siêu cao tần - Mạng viễn thông - Mạng ngoại vi và truy nhập - Kỹ thuật thông tin quang - Kỹ thuật viba số - Kỹ thuật chuyển mạch - Cơ sở kỹ thuật ghép kênh - Thông tin di động - Thông tin vệ tinh - Kỹ thuật truyền số liệu.... Ngoài những môn học trên sinh viên cũng sẽ được học thêm các môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Quy hoạch mạng - Xử lý ảnh - Xử lý tiếng nói - Kỹ thuật phát thanh và truyền hình... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** quản lý và khai thác các hệ thống điện tử, viễn thông, thông tin, có khả năng tiếp nhận và phát triển các hệ thống này trong bưu chính viễn thông...

Ra trường, sinh viên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin (CNTT), Viện Công nghệ Viễn thông, Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự; Các TT. thông tin, TT. Viễn thông trên toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Ứng dụng CNTT, Cục CNTT và Thống kê hải quan; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp CNTT, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Viễn thông quân đội, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam... và hàng loạt các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện tử viễn thông hàng hải, các Cty viễn thông liên tỉnh, quốc tế, các cơ quan an ninh, quốc phòng, hệ thống các đài phát thanh, truyền hình...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông, Quản lý viễn thông... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông.

Ngành Công nghệ thông tin

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin được trang bị các **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên: Nhập môn Logic học - Toán rời rạc - Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Vật lý - Tâm lý học... và bước đầu đi vào chuyên ngành với các **kiến thức cơ bản**: Mạng viễn thông - Mạng máy tính - Kiến trúc máy tính - Điều khiển tự động - Cơ sở kỹ thuật truyền thông số liệu - Cơ sở dữ liệu phân tán... đồng thời sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật số - Kỹ thuật lập trình C - Kỹ thuật vi xử lý - Kỹ thuật đồ họa - Kỹ thuật truyền dẫn - Kỹ thuật chuyển mạch - Công nghệ phần mềm - Quản lý mạng số liệu - Multimedia - Internet/Intranet - Phân tích thiết kế hệ thống thông tin - Hệ điều hành mạng và linux - Xử lý tiếng nói và ảnh... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức**: Lập trình mạng - Chương trình dịch - Phân tích, thiết kế và cài đặt thông tin quản lý... để khi ra trường sinh viên **có được khả năng** phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng, lập trình hệ thống thông tin, lập dự án xây dựng các phần mềm ứng dụng...

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ thông tin (CNTT), Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và CNTT, Viện Ứng dụng công nghệ; TT. Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT. Giao dịch công nghệ, các TT. Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục...

+ Các Cục, Vụ: Cục CNTT và Thống kê hải quan, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và CNTT, Cục Ứng dụng CNTT; Vụ Công nghiệp CNTT, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Công nghệ Thông tin.

Ngành Quản trị kinh doanh Bưu chính viễn thông

Ngành Quản trị kinh doanh Bưu chính viễn thông (QTKD BCVT) không chỉ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế: Xác suất thống kê - Giải tích - Phương pháp tính - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế học phát triển - Kinh tế lượng... mà còn cung cấp cho sinh viên các **kiến thức cơ bản** về Quản trị kinh doanh: Marketing - Nguyên lý kế toán - Kế toán lượng - Nguyên lý thống kê - Luật Kinh tế - Tài chính, Tiền tệ - Hạch toán kế toán.... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Chiến lược kinh doanh - Thống kê doanh nghiệp - Quản lý Nhà nước về hoạt động BCVT - Kinh tế bưu điện - Tổ chức lao động khoa học - Quản lý dự án đầu tư - Tin học quản lý - Quy trình khai thác các dịch vụ BCVT - Tài chính, kế toán chuyên ngành BCVT.... Khi ra trường Cử nhân chuyên ngành này sẽ **có khả năng** phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về tổ chức, kế hoạch, tài chính, kế toán, kiểm toán, tiếp thụ trong các doanh nghiệp bưu chính viễn thông...

Sau khi học xong ngành Quản trị kinh doanh Bưu chính viễn thông sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, TT. Tư vấn Quản lý và Đào tạo; Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, công ty, tổng công ty trên địa bàn toàn quốc: TCT Xây dựng, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Dệt - May Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh Bưu chính viễn thông.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1999	300	18.480	1/61.6
2000	300	11.802	1/39.3
2001	400	10.227	1/25.5
2002	250	2.221	1/8.9
2003	200	2.769	1/13.8
2004	250	3.675	1/14.7
2005	275	2.806	1/10.2
2006	200	2.224	1/11.1

(Ghi chú: Chỉ tiêu từ năm 1999 - 2001 là tính chung cho cả trường bao gồm cả phía Bắc và phía Nam - Từ năm 2002 chỉ tiêu của trường được phân chia cho từng cơ sở).

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành (cơ sở 1).

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2			
Kỹ thuật điện tử viễn thông	27.0	27.0	24.0	22.0	23.0	23.0	26.0	23.0	25.5	24.0
Công nghệ thông tin	-	25.5	24.0	20.0	21.0	23.5	26.5	22.0	25.5	22.5
Quản trị kinh doanh	-	22.0	18.5	18.0	19.0	19.5	22.5	21.5	23.0	22.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- HVCN BCVT tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của HVCN BCVT được lấy theo ngành học mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho HVCN BCVT không cố định. Năm nhiều năm ít không tuân theo một quy luật nào vì thế số lượng thí sinh ĐKDT vào HVCN BCVT cũng biến động qua các năm. Năm 2002 do có những thay đổi trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT nên số lượng thí sinh ĐKDT vào

HVCN BCVT giảm đột ngột, giảm 55% so với năm 2001.

- Số lượng thí sinh ĐKDT từ năm 2004 đến nay giảm vì thế tỉ lệ "chọi" của Học viện cũng giảm so với năm 2003, 2004. Năm 2006 mặc dù số lượng thí sinh ĐKDT vào Học viện giảm (đây cũng là xu hướng chung của năm nay: số lượng thí sinh ĐKDT vào các trường đại học ở các thành phố lớn giảm) nhưng chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường không nhiều so với 2 năm trước vì thế tỉ lệ "chọi" năm này vẫn cao hơn so với năm 2005. (Xin xem bảng 1).

- Tuy tỉ lệ "chọi" có năm cao có năm thấp nhưng từ năm 2003 đến nay thì tỉ lệ này của Học viện vẫn khá cao so với mặt bằng chung.

- Điểm trúng tuyển vào các ngành của HVCN BCVT từ khi áp dụng phương án tuyển sinh "3 chung" đến nay ngày càng cao, đặc biệt năm 2005: điểm trúng tuyển ở mức mà chỉ có học sinh giỏi trở lên mới có khả năng trúng tuyển. Năm 2006 điểm trúng tuyển vào các ngành có giảm xuống (đây cũng là tình hình chung của kỳ thi tuyển sinh năm nay) nhưng so với mặt bằng chung thì mức điểm này vẫn khá cao và nếu bạn không có học lực xuất sắc thì cũng khó có khả năng thi đỗ. (Xem chi tiết bảng 2).

- So sánh điểm trúng tuyển vào các ngành của HVCN BCVT với điểm trúng tuyển của các ngành tương tự ở một số trường khác như (ĐH Công nghệ, ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Thủy lợi...) thì điểm trúng tuyển vào các ngành của HVCN BCVT có ngành lấy điểm cao hơn, có ngành lấy điểm thấp hơn, tuy nhiên mức điểm này vẫn thuộc vào "top" cao.

- Ví dụ năm 2006: điểm trúng tuyển của ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông ở HVCN BCVT lấy 24.0 điểm cao hơn cả điểm trúng tuyển ngành này của ĐH Bách khoa Hà Nội là 1.5 điểm; điểm trúng tuyển của ngành Công nghệ thông tin ở HVCN BCVT thì thấp hơn ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông nhưng cũng lấy 22.5 điểm cao hơn tới 6.5 điểm so với điểm trúng tuyển ngành này ở Trường ĐH Thủy lợi, bằng điểm ngành này của ĐH Bách khoa Hà Nội nhưng lại không cao bằng ĐH Công nghệ (25.0 điểm)... Trong khi đó tỉ lệ "chọi" của Học viện lại cao hơn hẳn các trường vừa nêu. (Xin xem chi tiết 2 bảng của các trường có tên).

- Nhìn vào bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 từ 1.0 đến 3.0 điểm và ở mức cao, đặc biệt là năm 2003 điểm trúng tuyển NV2 rất cao, ngành Công nghệ thông tin lên tới 26.5 điểm, thấp nhất là ngành Quản trị kinh doanh thì cũng lấy những 22.5 điểm. (Xem bảng 2).

- Nhìn chung từ năm 2004 đến nay so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào Học viện luôn ở mức hơn từ 7.5 - 9.0 điểm. (Xem bảng 2).

- Qua những đặc điểm trên để có sự lựa chọn sáng suốt nhất trước khi ĐKDT bạn nên tham khảo thêm về điểm trúng tuyển và tỉ lệ "chọi" của các trường.

- Từ các số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào Học viện tăng lên nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Trụ sở: 136 Đường Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 7547823 - Fax: 04. 7547971 - Website: <http://www.hnue.edu.vn/>

- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (DHSPHN) được thành lập ngày 11/10/1951, là trường trọng điểm, đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm, là TT. lớn về đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học, nơi đã tạo nên nhiều nhân tài, nhiều nhà khoa học ưu tú và danh tiếng cho đất nước.
- Hiện nay, tổng số cán bộ, công chức, giảng viên của Trường DHSPHN là 1113 người, trong đó có: 853 Giảng viên, 44 Giáo sư, 184 Phó Giáo sư, 12 Tiến sĩ khoa học, 265 Tiến sĩ, 224 Thạc sĩ, 19 Nhà giáo Nhân dân, 74 Nhà giáo Ưu tú...
- Trường DHSPHN đào tạo các bậc: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Sư phạm Toán

Sinh viên học ngành Sư phạm Toán được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán: Đại số tuyến tính - Hình học giải tích - Quy hoạch tuyến tính - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu... đồng thời còn được trang bị những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lý thuyết số - Số học - Lý thuyết Galois - Lý thuyết môđun - Đại số sơ cấp.... Trên nền khối kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu hàng loạt **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Hình học Affin và Hình học Euclide - Hình học vi phân - Phương trình đạo hàm riêng - Hàm biến phức - Độ đo tích phân - Đại số tuyến tính nâng cao - Lý luận dạy học môn Toán - Phương pháp dạy học môn Toán - Logic và lịch sử Toán.... Bên cạnh đó ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Phương trình vi phân - Phương pháp dạy Toán phổ thông - Phát triển tư duy qua môn Toán.... Sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán sinh viên **có khả năng** tư duy Toán học, khả năng giáo dục, giảng dạy các kiến thức Toán học cho học sinh Trung học phổ thông, Cao đẳng, Đại học... hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm...

Ngành Sư phạm Tin học

Cử nhân ngành Sư phạm Tin học không chỉ được cung cấp **kiến thức chung** về Toán, Lý; Phương trình vật lý toán - Đại số tuyến tính - Giải tích - Hình học giải tích - Xác suất và thống kê - Vật lý... mà sẽ được đào tạo để có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Phương pháp dạy học Tin học - Cấu trúc đại số và Lý thuyết số - Phương pháp tính và tối ưu - Toán rời rạc - Hệ cơ sở dữ liệu và Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Nhập môn cơ sở dữ liệu - Quản lý hệ thống máy tính - Nguyên lý hệ điều hành... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Lập trình hướng đối tượng - Lập trình mạng - Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin - Phân tích và thiết kế thuật toán - Phần mềm dạy học - Chương trình dịch - Tiếng Anh cho công nghệ thông tin - Truyền và bảo mật thông tin... để sau khi học xong sinh viên ngành Sư phạm Tin **có phương pháp** tư duy Tin học, tư duy thuật toán, tinh chính xác cao trong công việc, **có kỹ năng, kỹ xảo** về sử dụng máy vi tính, **có khả năng** giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, có khả năng nghiên cứu Tin học và phát triển phần mềm...

Ngành Sư phạm Vật lý

Bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho Toán, Lý; Đại số - Giải tích - Phương pháp tính số trên máy tính - Cơ học - Nhiệt học - Điện và từ... thi sinh viên ngành Sư phạm Vật lý còn được trang bị những **kiến thức cơ bản** về ngành: Dao động và Sóng - Quang học - Cơ lượng tử - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Nhiệt động lực học - Phương pháp toán lý - Lý luận dạy học Vật lý... đồng thời sinh viên cũng được đào tạo để có các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về: Vật lý chất rắn - Phương pháp giảng dạy Vật lý - Vật lý điện tử - Điện tử học - Vô tuyến điện tử - Phân tích phương trình Vật lý phổ thông... bên cạnh đó tùy theo chuyên ngành mà sinh viên được lựa chọn các môn học **bổ trợ kiến thức** như: Cơ học lượng tử - Từ và siêu dẫn - Thống kê xác suất trong dạy học Vật lý - Đo lường điện tử.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành này **có kỹ năng** vận dụng những kiến thức vật lý để giải các bài toán về vật lý, để giải thích các hiện tượng vật lý... đồng thời **có khả năng** làm công tác giảng dạy Vật lý ở các cơ sở đào tạo, thực hiện công việc của một giáo viên, có thể đáp ứng kịp thời với các yêu cầu phát triển của giáo dục...

Ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp

Cử nhân ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Hình học họa hình - Xác suất thống kê - Toán cao cấp - Vật lý - Hóa học - Vẽ kỹ thuật - Cơ kỹ thuật - Kỹ thuật nhiệt... cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Lý luận dạy học Kỹ thuật công nghiệp - Động cơ đốt trong - Ứng dụng động cơ đốt trong - Kỹ thuật tương tự.... Trên cơ sở đó sinh viên sẽ đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ CAD/CAM - CNC - Thiết bị điện dân dụng - Thiết bị điện tử dân dụng - Phương pháp dạy học Kỹ thuật công nghiệp 11/12... để sinh viên khi ra trường **có kỹ năng** thực hành kỹ thuật, **có năng lực** sư phạm và **khả năng** nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông...

Ngành Sư phạm Hóa học

Khí học ngành Sư phạm Hóa học sinh viên sẽ được học ngoài những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Đại số và Hình giải tích - Phương trình vi phân - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học... còn được trang bị các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Nhập môn Cơ lượng tử và Vật lý nguyên tử - Đối xứng phân tử và Lý thuyết nhóm - Đánh giá thống kê các số liệu thực nghiệm hóa học - Các phương pháp phổ ứng dụng vào hóa học... đồng thời sinh viên còn được đào

tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về: Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa lý và hóa học lý thuyết - Hóa phân tích - Hóa công nghệ môi trường - Phương pháp giảng dạy... ngoài ra nhà trường còn cung cấp cho sinh viên **kiến thức bổ trợ** cho ngành thông qua các môn học lựa chọn như: Hợp chất cao phân tử - Xúc tác dị thể - Kỹ thuật xử lý nước và nước thải - Hóa học nano - Tổng hợp hữu cơ - Công nghệ điện hóa... Ra trường, Cử nhân ngành Sư phạm Hóa học **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc có khả năng làm công tác thực nghiệm hóa học, có phương pháp nghiên cứu khoa học và có khả năng tư duy sáng tạo trong công tác...

Ngành Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp

Sinh viên khi học ngành Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về khối A, B như: Xác suất thống kê - Toán cao cấp E - Thống kê sinh học - Vật lý đại cương - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Sinh học tế bào - Động vật - Thực vật... còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Sinh lý học thực vật - Giải phẫu người - Sinh lý người và động vật - Di truyền học - Vi sinh vật học - Nông hóa thổ nhưỡng - Lý luận dạy môn Sinh học... bên cạnh đó sinh viên cũng sẽ được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Sinh học phân tử - Di truyền quần thể - Tiến hóa - Công nghệ sinh học - Sinh học phát triển - Cơ sở chọn giống động vật - Cây trồng - Lâm sinh - Thức ăn dinh dưỡng và vật nuôi - Thủy sản - Thú y - Nuôi cấy mô và tế bào thực vật - Chăn nuôi chuyên khoa - Phương pháp dạy học Sinh học - Phương pháp dạy học công nghệ 10... để sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành này **có khả năng** giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn dạy học, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy thực tế cũng như có khả năng vận dụng linh hoạt kỹ năng, nghiệp vụ vào thực tế công tác...

Ngành Sư phạm Ngữ văn

Cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn không chỉ được đào tạo **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Văn hóa dân gian Việt Nam - Văn học Việt Nam trung đại từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII - Dẫn luận ngôn ngữ học - Ngữ âm học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Những vấn đề căn bản của chữ Hán, chữ Nôm - Hoạt động giao tiếp và giao tiếp tiếng Việt - Văn học Việt Nam trung đại từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX - Khái quát văn học Việt Nam đầu XX-1945 - Văn học Việt Nam hiện đại (1930 - 1945) - Tác phẩm văn học và thể loại văn học - Từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt - Phương pháp giảng dạy Văn học - Lý luận dạy Ngữ văn... Không những thế sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn cũng được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Chữ Nôm và văn bản Nôm - Phương pháp giảng dạy tiếng Việt - Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1975/ từ sau 1975) - Tiến trình văn học - Ngữ pháp văn bản tiếng Việt - Phong cách học - Văn bản Hán văn cổ Việt Nam... để sau khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** vận dụng phương pháp giảng, dạy học nói chung và phương pháp dạy học Ngữ văn nói riêng, đồng thời có khả năng nghiên cứu trong những lĩnh vực có liên quan chuyên ngành...

Ngành Sư phạm Lịch sử

Ngành Sư phạm Lịch sử trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội: Địa lý học - Cơ sở ngữ văn tự Hán Nôm - Văn bản Hán văn Trung Hoa - Lịch sử văn minh thế giới - Nhập môn sử học - Lịch sử thế giới cổ trung đại... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lịch sử sử học - Cơ sở khảo cổ học - Xã hội học - Lịch sử Việt Nam cận đại - Lịch sử Việt Nam hiện đại - Lịch sử thế giới hiện đại - Lịch sử quan hệ quốc tế... đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phương pháp luận sử học - Lịch sử ngoại giao Việt Nam - Phong trào cộng sản và công nhân thế giới - Chủ nghĩa Xã hội - Chủ nghĩa Tư bản thế kỷ XX - Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam - Lý luận dạy học môn Lịch sử - Phương pháp dạy học Lịch sử...

ngoài ra sinh viên cũng sẽ được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành về: Lịch sử thế giới - Lịch sử Việt Nam... để sau khi tốt nghiệp cử nhân Lịch sử **có khả năng** biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tế phục vụ sự nghiệp đào tạo, đổi mới giáo dục hiện nay ở nước ta, đặc biệt là công tác giảng dạy Lịch sử tại các cơ sở giáo dục...

Ngành Sư phạm Địa lý

Sinh viên học ngành Sư phạm Địa lý được cung cấp không chỉ có các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Bản đồ địa hình và đo vẽ địa hình - Địa lý - Địa chất lịch sử - Bản đồ học... mà còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Địa lý tự nhiên - Địa lý kinh tế xã hội - Phương pháp dạy học Địa lý - Thực địa tự nhiên... không những thế sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Bản đồ giáo khoa - Địa lý kinh tế Việt Nam - Phương pháp nghiên cứu Địa lý - Địa lý kinh tế xã hội ven bờ Việt Nam - Ứng công nghệ thông tin và Internet vào trong dạy học Địa lý - Phương pháp dạy học Địa lý ở Trung học cơ sở / Trung học phổ thông - Hệ thống thông tin địa lý - Thực địa kinh tế... để khi tốt nghiệp ra trường cử nhân ngành này **có khả năng** áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện dạy học hiện đại vào các quá trình dạy học địa lý, đồng thời có khả năng nghiên cứu, vận dụng kỹ năng nghiệp vụ vào trong những lĩnh vực có liên quan chuyên ngành...

Ngành Sư phạm Tâm lý học giáo dục

Cử nhân ngành Sư phạm Tâm lý học giáo dục được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Sinh lý học hoạt động thần kinh - Đại cương văn hóa Việt Nam - Thống kê trong khoa học xã hội - Logic học - Những cơ sở chung về Giáo dục học - Lý luận dạy học - Lý luận giáo dục... đồng thời được cung cấp những **kiến thức cơ bản** về ngành: Tâm lý học nhân cách - Tâm lý học nhận thức - Tâm lý học giao tiếp - Tâm lý học dạy học - Tâm lý học lao động sư phạm - Tổ chức hoạt động giáo dục - Lý luận dạy học Tâm lý học/Giáo dục học - Phương pháp dạy học Tâm lý học/Giáo dục học... không những thế sinh viên còn được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tâm lý học người trưởng thành - Tâm lý học đạo đức - Tâm lý học giao tiếp - Tâm lý học xã hội - Tâm lý học giới tính - Giáo dục học mầm non - Giáo dục gia đình - Công nghệ thông tin trong dạy học... để khi ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** vận dụng các kiến thức được đào tạo vào giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học và Giáo dục học tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu có hoạt động liên quan...

Ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt

Khi học ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt (GDĐB) sinh viên sẽ được cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Tiếng Việt - Văn học trẻ em - Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Âm nhạc - Mỹ thuật - Sinh lý học trẻ em... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Bệnh trẻ em - Tâm bệnh học - Nhập môn GDĐB - Lý thuyết giáo dục hòa nhập - Giao tiếp sư phạm trong GDĐB - Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong GDĐB... đồng thời còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lý luận dạy học cho trẻ có nhu cầu GDĐB - Đại cương về giáo dục trẻ khuyết tật - Đại cương về giáo dục trẻ khuyết tật - Đại cương về giáo dục trẻ chậm phát triển trí tuệ - Quản lý trong GDĐB.... Ngoài ra, tùy theo sự lựa chọn của sinh viên mà nhà trường sẽ cung cấp khối **kiến thức bổ trợ** cho từng chuyên ngành riêng như:

* **Chuyên ngành Giáo dục trẻ khuyết tật:** Đặc điểm tâm lý trẻ khuyết tật (TKT) - Ngôn ngữ ký hiệu thực hành - Thanh thính học trong Giáo dục TKT - Can thiệp sớm cho TKT - Phương pháp dạy TKT...

*** Chuyên ngành Giáo dục trẻ khuyết tật:** Hệ thống thị giác và chức năng thị giác - Đặc điểm tâm lý trẻ khuyết tật - Phương pháp dạy trẻ khuyết tật - Định hướng di chuyển...

*** Chuyên ngành Giáo dục trẻ chậm phát triển trí tuệ:** Chẩn đoán, đánh giá trẻ chậm phát triển trí tuệ (TCPTTT) trong GDĐB - Phương pháp dạy TCPTTT - Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp với TCPTTT...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt **có khả năng** tư vấn, giúp đỡ phụ huynh, giáo viên ở các cấp học trong nuôi dạy và giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, khả năng tham gia nghiên cứu khoa học GDĐB tại các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy các môn khoa học thuộc lĩnh vực GDĐB; đồng thời có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng thực hành thành thạo để tổ chức, chăm sóc giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở độ tuổi mầm non và tiểu học...

Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị

Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Dẫn luận ngôn ngữ - Lý luận văn học Hán Nôm - Xã hội học... cùng với khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Văn hóa học - Lịch sử triết học trước Mác - Lịch sử triết học Mác, Lênin - Logic hình thức - Đạo đức học - Chính trị học - Pháp Luật học..., để từ đó sinh viên được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành:** Những vấn đề của thời đại ngày nay - Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa - Giáo dục gia đình - Hiến pháp và định chế chính trị - Lý luận dạy môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông - Kinh tế học - Tác phẩm kinh điển của Mác, Ăngghen - Tác phẩm kinh điển của Lênin... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và làm công tác nghiên cứu tại các Viện, Trung tâm...

Ngành Sư phạm tiếng Anh

Sinh viên học ngành Sư phạm tiếng Anh được trang bị ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Dẫn luận ngôn ngữ học - Tiếng Việt - Logic học... còn có **kiến thức cơ bản** về ngành: Địa lý - Ngữ âm - Âm vị học - Ngữ pháp học - Lý luận dạy học tiếng Anh - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và tiếng Anh: Ngữ âm học tiếng Anh - Ngữ nghĩa học tiếng Anh - Ngữ pháp tiếng Anh (từ pháp/ cú pháp) - Văn học Anh/ Hoa Kỳ - Đất nước học Anh/ Hoa Kỳ - Giao văn hóa - Dịch tiếng Anh - Nghe hiểu tiếng Anh - Nói tiếng Anh - Đọc hiểu tiếng Anh - Viết tiếng Anh - Tiếng Anh nâng cao - Tổ chức hoạt động dạy học môn Tiếng Anh - Phương tiện kỹ thuật đồ dùng dạy học... để sau khi học xong cử nhân ngành này **có khả năng** giảng dạy, giao tiếp bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của mình...

Ngành Sư phạm tiếng Pháp

Trên nền những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành được trang bị giống như ngành Sư phạm tiếng Anh, sinh viên ngành Sư phạm tiếng Pháp sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và tiếng Pháp: Ngữ pháp tiếng Pháp - Ngữ âm tiếng Pháp - Từ vựng - Hình thái học - Cú pháp - Nghị luận - Thuyết trình - Văn học Pháp - Đất nước học Pháp... bên cạnh đó cũng sẽ được trang bị các **kỹ năng, nghiệp vụ** về nghe, nói, đọc, viết, biên dịch tiếng Pháp... để sau khi học xong, Cử nhân ngành Sư phạm tiếng Pháp **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT. và có khả năng giao tiếp bằng tiếng Pháp như ngôn ngữ thứ hai của mình...

Ngành Sư phạm Mỹ thuật

Sinh viên học ngành Sư phạm Mỹ thuật được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội & Nhân văn: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Tiếng Việt thực hành - Nghệ thuật học đại cương... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Giải phẫu - Luật xa gần - Đặc biệt kiến trúc - Lịch sử mỹ thuật thế giới - Lịch sử mỹ thuật Việt Nam - Mỹ thuật học đại cương... đồng thời còn được đào tạo để có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về: Hình họa - Trang trí cơ bản - Bố cục - Kỹ thuật chất liệu - Điêu khắc - Vẽ tính đồ họa - Phương pháp giảng dạy Mỹ thuật... ngoài ra, nhà trường cũng tạo điều kiện để sinh viên lựa chọn **kiến thức bổ trợ** cho ngành: Thông tin quảng cáo - Nhiếp ảnh căn bản... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật **có khả năng** quản lý công tác dạy và học mỹ thuật ở các cơ sở đào tạo, khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục mỹ thuật...

Ngành Sư phạm Âm nhạc

Khi học ngành Sư phạm Âm nhạc sinh viên sẽ được học bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội & Nhân văn: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Tiếng Việt thực hành - Âm nhạc đại cương... là các **kiến thức cơ bản** về ngành: Lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam - Lý luận Âm nhạc - Phương pháp giảng dạy Âm nhạc... không những thế sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Đọc và Ghi nhạc - Nhạc cụ - Múa - Thanh nhạc... để sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành này **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT. và có khả năng sáng tác, tổ chức triển khai các hoạt động âm nhạc trong nhà trường...

Ngành Sư phạm Thể dục thể thao

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Thể dục thể thao (TĐTT) không chỉ có **kiến thức chung** về Sinh, TĐTT: Giải phẫu - Sinh hóa TĐTT - Thống kê và đo lường TĐTT - Kỹ thuật diễn kinh và phương pháp giảng dạy (PPGD) - Thể dục cơ bản và PPGD... mà còn có các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lý luận và phương pháp (LL&PP) Giáo dục thể chất - LL&PP Huấn luyện thể thao - LL&PP Thể thao trường học - Giáo dục học TĐTT - Quản lý TĐTT... đồng thời sinh viên cũng sẽ đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về PPGD các môn như: Kỹ thuật bơi lội - Kỹ thuật bóng bàn - Kỹ thuật bóng chuyền - Kỹ thuật bóng đá - Kỹ thuật bóng ném - Kỹ thuật bóng rổ - Kỹ thuật cầu lông - Kỹ thuật quần vợt - Kỹ thuật đá cầu - Cờ vua - Võ... ngoài ra sinh viên được lựa chọn một số môn thể thao chuyên sâu nhằm bổ trợ kiến thức chuyên ngành... để sau khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** thực hành các môn thể thao phổ cập, có khả năng tổ chức và điều khiển các hoạt động thể dục thể thao trường học, có kỹ năng thực hiện chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung môn học, đồng thời có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm...

Ngành Sư phạm Thể dục thể thao - Giáo dục quốc phòng

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Thể dục thể thao - Giáo dục quốc phòng cũng tương tự như ngành Sư phạm Thể dục thể thao. Bên cạnh **kiến thức chung** về Sinh, Thể dục thể thao thì sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cũng như sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Thể dục thể thao. Ngoài ra, ngành này còn đào tạo để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Giáo dục quốc phòng: Điều lệnh - Đường lối quân sự và Lịch sử nghệ thuật quân sự - Tâm lý học và Giáo dục học quân sự - Công tác quốc phòng địa phương - Chiến thuật cá nhân và tổ bộ binh - Tổ chức và phương pháp giảng dạy Giảng dạy Giáo

dục quốc phòng - Hiểu biết về quân, binh chủng và quân đội nước ngoài - Chiến thuật tiểu đội, trung đội bộ binh - Thể thao quốc phòng, trò chơi quân sự.... Tốt nghiệp, sinh viên ngành này ***có khả năng*** thực hành các môn thể thao và quốc phòng trong trường phổ thông, có khả năng tổ chức và điều khiển các hoạt động Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng trường học, có kỹ năng thực hiện chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung môn học, đồng thời có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm...

Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non

Cử nhân ngành Sư phạm Giáo dục mầm non được trang bị ngoài các ***kiến thức chung*** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Mỹ học - Logic - Thống kê giáo dục - Toán cơ sở - Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành... còn có những ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Tâm lý học trẻ em - Giáo dục học mầm non - Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp ở trường Mầm non - Sinh lý trẻ - Âm nhạc cơ bản - Bệnh trẻ em - Dinh dưỡng trẻ em - Múa và phương pháp dạy múa - Mỹ thuật cơ bản - Đồ chơi trong giáo dục trẻ mầm non - Vệ sinh trẻ em... không những thế sinh viên còn được cung cấp các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về các phương pháp: Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học - Hình thành biểu tượng toán - Cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh - Tổ chức hoạt động tạo hình - Phát triển ngôn ngữ.... Sinh viên khi ra trường ***có khả năng*** vận dụng sáng tạo kỹ năng, nghiệp vụ vào thực tiễn giáo dục trẻ em, có khả năng ứng dụng có hiệu quả kiến thức khoa học vào việc tổ chức, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ theo mục tiêu giáo dục mầm non...

Ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học

Nội dung đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học không chỉ bao gồm ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản: Toán học - Nhập môn lý thuyết xác suất thống kê và thống kê toán - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Giáo dục môi trường..., cùng với ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành: Sinh lý học trẻ em - Lý luận giáo dục tiểu học và Lý luận dạy học tiểu học - Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học - Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học... không những thế sinh viên khi theo học ngành này còn được trang bị khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Phương pháp dạy học (PPDH) Tiếng Việt ở tiểu học - PPDH Toán ở tiểu học - PPDH Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học - PPDH Thủ công và Kỹ thuật ở tiểu học - PPDH Âm nhạc ở tiểu học - PPDH Mỹ thuật ở tiểu học - PPDH Thể dục ở tiểu học... để sau khi học xong cử nhân Sư phạm Giáo dục tiểu học ***có khả năng*** giảng dạy tại các trường tiểu học trên toàn quốc...

Ngoài những kiến thức nêu trên thì sinh viên học tất cả các ngành Sư phạm của trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ được trang bị những ***kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm*** phục vụ cho quá trình giảng dạy như: Giáo dục học - Tâm lý học - Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục - Lý luận dạy học - Tâm lý học sư phạm và Tâm lý học lứa tuổi - Phương pháp và Công nghệ dạy học - Chương trình và Phương pháp dạy học phổ thông... để khi tốt nghiệp ra trường cử nhân ngành Sư phạm nói chung đều ***có khả năng*** đáp ứng được yêu cầu giảng dạy ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới giáo dục nói chung, đồng thời đều có khả năng phục vụ công tác đào tạo có liên quan chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp tất cả các ngành Sư phạm của Trường ĐHSPh Hà Nội có thể làm việc tại:

+ Làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Trung học phổ thông, Trung học nghề, Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, các trường bồi dưỡng giáo viên, các trường Mầm non...

+ Các Viện, Vụ: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên...

+ Trung tâm Thể dục thể thao, Ủy ban Thể dục thể thao... từ Trung ương đến địa phương.

Ngành Việt Nam học

Sinh viên học ngành Việt Nam học được trang bị không chỉ có **kiến thức chung** của khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Thống kê xã hội - Môi trường và phát triển - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học... mà còn được đào tạo các **kiến thức cơ bản** về ngành: Nhập môn khu vực học - Xã hội học - Cơ sở ngôn ngữ học - Lịch sử văn minh thế giới... bên cạnh đó sẽ được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử Việt Nam - Văn học Việt Nam - Văn học Dân gian Việt Nam - Thế giới chính trị Việt Nam hiện đại - Ngôn ngữ học đối chiếu.... Ngoài ra sinh viên còn được học những **kiến thức bổ trợ** nhằm hoàn thiện cho chuyên ngành: Ngữ âm tiếng Việt thực hành - Từ vựng tiếng Việt thực hành - Ngữ pháp tiếng Việt thực hành... để sau khi ra trường Cử nhân ngành Việt Nam học **có khả năng** đi sâu nghiên cứu và giảng dạy về Việt Nam học, hoặc làm trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ ở trong và ngoài nước Việt Nam...

Sinh viên học ngành Việt Nam học sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và các đơn vị trực thuộc: Viện Kinh tế, Viện Sử học, Viện Văn học, Viện Nghiên cứu văn hóa...

+ Các Sở Văn hóa Thông tin... thuộc 64 tỉnh thành trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có chuyên ngành đào tạo là Việt Nam học.

Ngành Công nghệ thông tin

Cũng giống như sinh viên ngành Công nghệ thông tin của Trường ĐH Công nghệ, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông... sinh viên Trường ĐHSP Hà Nội cũng được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời còn được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi học xong sinh viên chuyên ngành **có khả năng** thiết kế và phát triển các hệ thống máy tính cả về phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo các sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống truyền thông, hệ thống điều khiển...

1) Ngành Hóa học; 2) Ngành Sinh học

Sinh viên học ngành Hóa học, ngành Sinh học của Trường ĐHSP Hà Nội được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành, bên cạnh đó sẽ được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như khối kiến thức mà Trường ĐH KHTN cung cấp cho sinh viên 2 ngành cùng tên trên để khi ra trường sinh viên các ngành này **có khả năng** nghiên cứu hoặc tham gia các hoạt động sản xuất và ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào đời sống, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước...

Ngành Lịch sử

Nội dung chương trình đào tạo ngành Lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội cũng tương tự như chương trình đào tạo ngành cùng tên của Trường ĐH KHXH&NV. Chương trình đào tạo không chỉ bao gồm những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội cùng **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn cung cấp cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** để tốt nghiệp ngành Lịch sử sinh viên sẽ **có khả năng** nghiên cứu, giảng dạy những lĩnh vực có liên quan đến kiến thức lịch sử...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.050	19.551	1/18.6
2000	1.100	59.630	1/54.2
2001	1.200	46.868	1/39.0
2002	1.800	31.972	1/17.7
2003	1.800	23.061	1/12.8
2004	1.900	19.412	1/10.2
2005	1.530	19.949	1/13.0
2006	2.040	15.773	1/7.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán A	25.5	24.5	22.5	24.0	25.0	24.5	25.5	25.5	-	25.5	-	25.0	-
SP Tin A	25.5	19.0	18.0	18.0	21.5	22.0	25.0	20.0	-	24.5	-	18.5	-
SP Lý A	25.0	23.0	21.5	22.0	23.0	24.0	27.0	23.0	-	26.0	-	21.5	-
SP Hóa A	26.5	24.5	22.5	24.0	25.0	24.0	25.0	25.0	-	26.5	-	24.5	-
SP Địa A	18.0	18.5	16.5	21.0	22.0	18.0	19.0	20.0	-	21.5	-	20.0	-
SP Địa C	23.0	24.0	23.0	23.5	24.5	23.5	24.5	23.5	-	23.0	-	22.0	-
SP Sinh-KTNN A	21.5	21.5	23.5	24.0	25.0	22.0	24.0	25.0	-	25.0	-	22.0	-
SP Ngữ Văn C	23.0	24.0	22.5	24.5	25.5	24.0	25.0	24.0	-	23.0	-	21.5	-
SP Lịch Sử C	23.0	24.0	22.5	24.0	25.0	23.0	24.0	24.5	-	22.5	-	21.5	-
SP Tâm lý GD C	15.0	21.0	21.5	20.0	21.5	21.0	22.0	18.5	-	21.5	-	18.0	21.5
SPGD Chính trị C	20.5	21.5	21.0	22.5	24.0	21.0	22.0	22.0	-	17.5	-	20.5	-
SPGD Tiểu học D1,2,3	19.0	22.5	15.5	20.5	21.5	21.5	24.5	21.0	-	20.0	-	22.0	-
Sư phạm KTCN A	16.5	16.0	14.5	19.0	20.0	15.0	16.0	-	-	18.5	-	17.5	-
SPGD Mầm non M	20.5	21.0	20.0	21.0	-	21.0	-	20.0	-	19.0	-	-	-
SP Âm nhạc N	-	31.5	31.0	29.0	-	33.0	-	31.0	-	30.5	-	30.0	-
SPGD Đặc biệt D1	-	22.5	21.0	18.0	20.5	17.5	19.5	17.0	-	17.0	-	17.0	19.0
SP TDTT T	-	-	25.5	29.5	-	27.5	19.5	27.0	-	27.0	-	24.0	-
SP Ngữ Văn D1,2,3	-	-	-	21.0	22.5	22.5	23.5	20.0	-	21.5	-	21.5	-
Việt Nam học C	-	-	-	19.0	21.0	19.0	20.0	18.0	-	19.0	21.0	18.0	20.0
SP Tiếng Anh D1	-	-	-	26.0	27.0	29.5	30.5	27.0	-	28.0	-	28.0	-
SP Mỹ thuật H	-	-	-	27.0	-	31.5	-	26.0	-	29.5	-	30.5	-
SP Tiếng Pháp D3	-	-	-	-	-	-	-	22.5	33.0	29.5	-	26.0	28.0
SP Lịch Sử D1,2,3	-	-	-	-	-	-	-	20.5	-	17.5	-	20.0	-
SPTDTT-GDQP T	-	-	-	-	-	-	-	26.5	-	26.5	-	24.0	-
CN thông tin A	-	-	-	-	-	-	-	17.5	-	21.0	-	18.5	21.5
SPGD Chính trị D1,2,3	-	-	-	-	-	-	-	18.0	-	-	-	19.5	-
Việt Nam học D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	-	19.0	20.0
Cử nhân Hóa A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.0	24.0	19.0	21.5
Cử nhân Sinh B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.0	24.0	19.5	-
Cử nhân Địa C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.0	21.0	-	-
Cử nhân Sử C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.5	-	19.0	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHSPHN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1,2,3, N, M, T, H.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHSPHN lấy theo ngành, khoa mà thí sinh ĐKDT.
- Các ngành Sư phạm không tuyển thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.
- Ngành Sư phạm Thể dục thể thao không tuyển sinh thí sinh bị dị hình, dị tật, chỉ tuyển thí sinh có thể hình cân đối, chiều cao và cân nặng đối với nam: 1,65m và 45kg; đối với nữ: 1,55m và 40 kg trở lên.
- Ngành Sư phạm Tiếng Anh và Sư phạm Tiếng Pháp môn ngoại ngữ lấy hệ số 2, các ngành không chuyên ngữ lấy hệ số 1.
- Các khối N, H, M, T thi tại Hà Nội, không thi tại các địa điểm khác, không tuyển NV2, NV3. Thí sinh khối T phải đạt tiêu chuẩn chiều cao và cân nặng (nam cao 1,65 nặng 45 kg, nữ cao 1,55 nặng 40 kg). Khối H phải qua sơ tuyển và đạt mới được thi.
- Hệ Cao đẳng xét tuyển thí sinh đã dự thi Đại học các khối A, B theo đề thi chung của Bộ.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHSPHN thường là trên một nghìn chỉ tiêu nhưng đến năm 2006 đã tăng lên trên 2000 (2.040). (Xem bảng 1).
- Từ năm 2002 số lượng các thí sinh ĐKDT giảm nên tỉ lệ "chọi" của Trường ĐHSPHN thấp hơn so với các năm trước đó, đặc biệt là năm 2006 tỉ lệ "chọi" của trường giảm đột ngột, so với năm 2005 thì giảm đi xấp xỉ 1/2 vì thế tỉ lệ "chọi" của trường năm 2006 không cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).
- Việc số thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHSPHN giảm theo chúng tôi do mấy nguyên nhân: năm 2005 trường là một trong những trường có tỉ lệ "chọi" thuộc "top cao" trong khi đó điểm trúng tuyển vào trường cũng rất cao, có những ngành khối A lấy tới trên 25 điểm như: Sư phạm Hóa (26.5 điểm), Sư phạm Lý (26.0 điểm), Sư phạm Toán (25.5 điểm); Khối C ngành Sư phạm Ngữ văn cũng lấy tới 23.0 điểm, Sư phạm Lịch sử cũng 22.5 điểm... Mặc dù vậy số lượng thí sinh thi vào các trường Đại học Sư phạm nói chung và Trường ĐHSPHN nói riêng vẫn rất đông vì sinh viên các trường Đại học Sư phạm không phải đóng học phí, khi ra trường được phân công công tác không phải lo xin việc, trong thời gian học có thể làm thêm để vừa có thu nhập kinh tế vừa có điều kiện rèn luyện các mặt chuyên môn.
- Qua bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào Trường ĐHSPHN hàng năm tương đối cao. Các ngành lấy điểm trúng tuyển cao là các ngành Sư phạm: Toán, Hóa, Văn, Sử..., các ngành Sư phạm khác như: Kỹ thuật công nghiệp, Tâm lý giáo dục... thường lấy điểm trúng tuyển thấp hơn. Tuy nhiên so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT thì điểm chuẩn của trường cao hơn khá nhiều. Ví dụ năm 2006 khối A, ngành lấy điểm cao nhất là Sư phạm Toán cao hơn điểm sàn tới 12 điểm (25.0/13.0 điểm), ngành thấp nhất là ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp thì cũng cao hơn những 4.5 điểm (17.5/13.0 điểm); khối C cũng tương tự: ngành có điểm trúng tuyển cao nhất là ngành Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử lấy 21.5 điểm cao hơn so với điểm sàn là 7.5 điểm, ngành thấp nhất khối C lấy 18.0 điểm cũng hơn điểm sàn tới 4.0 điểm...
- Từ những số liệu trên có thể thấy điểm trúng tuyển vào các ngành Sư phạm thường cao hơn các ngành ngoài Sư phạm và khá ổn định qua các năm. Nhìn chung điểm trúng tuyển vào các ngành trong Trường ĐHSPHN cao hơn hẳn một số trường cũng đào tạo các ngành tương tự trong trường như: ĐH Sư phạm Hà Nội 2, Khoa Sư phạm (ĐHQG Hà Nội), ĐH Sư phạm (ĐH Thái Nguyên).... Vì thế bạn cần lưu ý so sánh giữa các trường để có sự chọn lựa hợp lý. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành trong trường cao hơn so với điểm trúng tuyển NV1 nhưng sự chênh lệch không lớn lắm. Thường chỉ cách nhau từ 1 đến 3 điểm. Nhưng so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm NV2 của Trường ĐHSPHN lại cao hơn nhiều (năm 2006 hơn từ 6 đến 7.5 điểm đối với khối C (20.0/14 và 21.5/14), điểm trúng tuyển các ngành khối A cao hơn 8.5 điểm so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định (21.5/13))... Chính vì vậy mà các bạn cần chú ý khi đăng ký NV2. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy điểm trúng tuyển vào Trường ĐHSPHN khá ổn định và luôn ở mức cao. Nếu bạn không có lực học xuất sắc thì khó có khả năng trúng tuyển. Những bạn có lực học khá cũng nên lưu ý khi ĐKDT vào trường, nên so sánh xem xét điểm chuẩn giữa các ngành trong trường đồng thời so sánh giữa các ngành của trường với các trường khác... để có được quyết định hợp lý.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào ĐHSPHN sẽ tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Trụ sở: Phường Xuân Hòa, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211.863203

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (ĐHSPHN 2) có 2 Phó Giáo sư, 25 Tiến sĩ, 58 Thạc sĩ.
- Khu giảng đường, thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm, thực hành của trường đảm bảo tối ưu cho việc học tập, nghiên cứu khoa học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2 ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Sư phạm Giáo dục công dân.

Đào tạo sinh viên ngành Sư phạm giáo dục công dân không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Tâm lý học - Xã hội học - Logic học - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Địa lý tự nhiên Việt Nam - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử thế giới - Tâm lý học lứa tuổi... mà còn có **kiến thức cơ bản** về ngành: Tâm lý xã hội & giao tiếp sư phạm - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục - Kỹ năng giao tiếp - Lý luận dạy học - Luật dân sự & tố tụng dân sự... đồng thời cũng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương pháp giảng dạy GDCD - Đánh giá giáo dục GDCD - Phân tích chương trình GDCD phổ thông - Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT - Tập giảng GDCD - Chính trị học... ngoài ra còn có rất nhiều môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Báo chí truyền thông - Lịch sử văn minh phương Đông - Lịch sử Việt Nam cận đại - Lịch sử thế giới cận đại - Dân tộc học - Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân thế giới - Địa lý nhân văn.... Học xong chương trình cử nhân ngành này **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm...

Ngành Sư phạm Sinh học

Sinh viên học ngành Sư phạm Sinh học được cung cấp các **kiến thức chung** về khối B: Đại số tuyến tính - Hình học giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Hóa cấu tạo - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Sinh học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Tế bào học - Động vật không xương sống - Vi sinh vật học - Mô học - Hệ thống học thực vật - Động vật học có xương sống - Di truyền học - Sinh lý thực vật - Sinh lý người và động vật - Sinh học người - Sinh học phát triển - Lý thuyết tiến hóa... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vi sinh vật học công nghiệp - Di truyền phân tử tế bào - Sinh lý thần kinh - Nội tiết học - Sinh học quần thể - Đa dạng sinh học... ngoài ra sinh viên còn được học những **kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm** phục vụ cho quá trình giảng dạy sau này như Tâm lý học sư phạm và Lứa tuổi - Lý luận dạy học - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và làm công tác nghiên cứu.

1) Ngành Sư phạm Toán; 2) Ngành Sư phạm Vật lý; 3) Ngành Sư phạm Hóa học; 4) Ngành Sư phạm Ngữ văn; 5) Ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học; 6) Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non; 7) Ngành Sư phạm kỹ thuật; 8) Ngành Sư phạm Thể dục thể thao - Giáo dục quốc phòng; 9) Ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp.

Khi học 9 ngành có tên trên sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự khối kiến thức mà sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐHSP Hà Nội được cung cấp... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, các Viện, các Trung tâm...

1) Ngành Toán; 2) Ngành Hóa học; 3) Ngành Sinh học

Sinh viên học 3 ngành có tên trên được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành trên của Trường ĐH KHTN (ĐHQG Hà Nội). Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường **có khả năng** làm công tác nghiên cứu hoặc trực tiếp làm việc tại các cơ quan có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

1) Ngành Văn học; 2) Ngành Lịch sử

Khi học 2 ngành trên sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên các ngành này của Trường ĐHKHXN&NV (ĐHQG Hà Nội)... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường **có khả năng** nghiên cứu, thẩm định các tác phẩm văn học, hiểu được các quá trình lịch sử của thế giới và Việt Nam...

Ngành Tiếng Anh

Sinh viên học ngành Tiếng Anh được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG Hà Nội), ĐH Hà Nội... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của mình.

Ngành Tin học

Ngành Tin học trang bị cho sinh viên **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên ngành này tại Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1... ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giải quyết các vấn đề ngoài thực tế cuộc sống có liên quan đến chuyên ngành đã được đào tạo.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1996	840	7.996	1/9.5
1997	800	19.744	1/24.6
1998	1.000	27.264	1/27.2
1999	1.000	33.707	1/33.7
2000	1.000	31.247	1/31.2
2001	900	32.517	1/36.1
2002	1.000	21.702	1/21.7
2003	1.050	20.906	1/19.9
2004	1.100	21.065	1/19.1
2005	1.300	16.060	1/12.0
2006	1.500	14.621	1/9.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1999	2000	2002		2003		2004	2005		2006	
	NV1	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
SP GD Tiểu học A	28.0	17.0	20.5	21.5	18.0	21.0	22.0	21.5	24.0	21.5	-
SP Ngữ văn C	28.0	20.0	20.0	21.0	20.0	23.0	23.0	20.0	-	20.0	-
SP Sinh B	25.5	21.5	24.0	25.0	20.5	23.5	24.0	23.5	-	23.5	-
SP Hóa A	25.5	21.5	24.0	25.0	23.0	25.0	21.5	25.5	-	25.5	-
SP GD Tiểu học C	-	20.5	-	-	19.5	22.5	22.5	20.0	24.0	20.5	21.0
SP Kỹ thuật A	-	-	-	-	-	-	19.0	15.5	20.5	15.5	17.5
Tin A	-	-	-	-	-	-	17.5	15.5	17.5	15.5	16.0
Toán A	-	-	-	-	-	-	14.5	15.5	22.0	15.5	20.0
Vật lý A	-	-	-	-	-	-	21.0	15.5	21.0	15.5	19.0
Tiếng Anh D1	-	-	-	-	-	-	17.5	15.5	19.5	15.5	20.0
SP Toán A	-	-	-	-	-	-	23.5	23.5	25.0	23.5	-
SP Vật lý A	-	-	-	-	-	-	21.0	25.0	-	25.0	22.0
Văn học C	-	-	-	-	-	-	18.0	17.0	-	17.0	16.0
SP GD CD A/C	-	-	-	-	-	-	21.0	19.0	-	19.0	-
SP TDTT- GDQP T	-	-	-	-	-	-	27.0	26.0	-	26.0	-
SP GD Mầm non M	-	-	-	-	-	-	-	16.5	17.5	16.5	-
Hóa	-	-	-	-	-	-	-	15.5	22.5	15.5	20.5
Sinh	-	-	-	-	-	-	-	15.5	-	15.5	19.5
SP KTN - CN - KTGD B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.0
Lịch sử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.5
Việt nam học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHSPHN 2 tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1, T, M.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHSPHN 2 lấy theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Sinh viên Trường ĐHSPHN 2 cũng được hưởng chế độ như sinh viên các trường sư phạm khác là không phải đóng học phí.
- Trường ĐHSPHN 2 không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật. Thí sinh thi vào ngành Thể dục Thể thao thể hình cân đối: nam cao 1.65m nặng 45kg, nữ cao 1.55m nặng 40kg trở lên.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHSPHN 2 từ năm 2001 đến nay tăng dần lên, nhưng số lượng thí sinh ĐKDT vào trường lại có xu hướng giảm do đó tỉ lệ "chọi" của trường cũng giảm, đến năm 2006 thì tỉ lệ này ở mức không cao so với mặt bằng chung của những trường sư phạm khác. (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển vào các ngành Sư phạm của Trường ĐHSPHN 2 cũng tương đối cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT, đồng thời có sự chênh lệch giữa điểm trúng tuyển của các ngành: các ngành Sư phạm thường lấy điểm trúng tuyển cao hơn hẳn những ngành ngoài Sư phạm. (Xem bảng 2).
- So với điểm trúng tuyển vào các ngành cùng tên ở Trường ĐHSPHN 1 thì điểm trúng tuyển vào trường không cao bằng nhưng so với một số trường khác thuộc khối ngành Sư phạm thì mức điểm trúng tuyển của trường khá cao. (Xem chi tiết bảng 2 các trường).
- Từ những điều lưu ý trên, những bạn có ý định dự thi vào trường thì nên tìm hiểu kỹ tỉ lệ "chọi", điểm trúng tuyển của các ngành cùng khối để có một sự lựa chọn đúng đắn nhất.
- Mấy năm gần đây điểm chuẩn vào trường có xu hướng tăng lên và ở mức khá cao do đó số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có phần giảm. Khả năng năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vẫn giảm nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Trụ sở: Km9 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.8547453 - Website: <http://www.hufs.edu.vn/>

- Trường Đại học Hà Nội (ĐHHN) đã có gần 50 năm xây dựng và trường thành, là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ, văn hóa, đất nước, con người các nước.
- Trường ĐHHN có đội ngũ cán bộ giảng dạy gồm nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, Chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực ngoại ngữ.
- Trường ĐHHN có các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm với 3 cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học và Sau đại học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Pháp; 3) Ngành Tiếng Nga; 4) Ngành Tiếng Trung;
5) Ngành Tiếng Nhật; 6) Ngành Tiếng Đức; 7) Ngành Tiếng Hàn Quốc

Cũng giống như sinh viên các ngành có cùng tên trên ở Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG Hà Nội) sinh viên khi theo học một trong các ngành ngoại ngữ này của Trường ĐHHN cũng sẽ được đào tạo không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cùng với một số môn học mang tính đặc thù của trường để ra trường sinh viên **có khả năng** giao tiếp bằng ngoại ngữ chuyên ngành như ngôn ngữ thứ 2 của mình, có khả năng giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo.

Ngành Tiếng Tây Ban Nha

Khi học ngành Tiếng Tây Ban Nha sinh viên sẽ được cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội & Nhân văn như: Dẫn luận ngôn ngữ học - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Tiếng Việt - Ngôn ngữ học đối chiếu - Phương pháp nghiên cứu khoa học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về ngôn ngữ, văn hóa, văn học và tiếng Tây Ban Nha... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nghe hiểu - Đọc hiểu - Dịch - Kỹ năng viết - Kỹ năng nói - Dịch (Tây Ban Nha - Việt, Việt - Tây Ban Nha)... sinh viên bước đầu **hình thành được** tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học và các vấn đề ngôn ngữ hoặc văn học, văn hóa, văn minh Tây Ban Nha. Tốt nghiệp ra trường sinh viên học có thể sử dụng tiếng Tây Ban Nha như một công cụ giao tiếp xã hội, và có khả năng giảng dạy tiếng Tây Ban Nha cho mọi người.

Ngành Tiếng Bồ Đào Nha

Sinh viên học ngành Tiếng Bồ Đào Nha được trang bị ngoài các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội & Nhân văn tương tự như sinh viên ngành Tiếng Tây Ban Nha, thì còn được học những **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa, văn học và tiếng Bồ Đào Nha, cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nghe hiểu - Đọc hiểu - Kỹ năng viết - Kỹ năng nói - Dịch (Bồ Đào Nha - Việt, Việt - Bồ Đào Nha)... Sinh viên bước đầu **hình thành được** tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học và các vấn đề ngôn ngữ hoặc văn học, văn hóa, văn minh Bồ Đào Nha. Khi hoàn thiện chương trình sinh viên có thể sử dụng tiếng Bồ Đào Nha như một công cụ giao tiếp xã hội, ngôn ngữ thứ hai của mình.

Ngành Tiếng Italia

Trên nền **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội & Nhân văn giống như sinh viên ngành Tiếng Tây Ban Nha, sinh viên ngành Tiếng Italia sẽ được trang bị **kiến thức cơ bản** dành cho ngành về ngôn ngữ, văn hóa, văn học và tiếng Italia, trên cơ sở đó sinh viên còn được tạo điều kiện đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nghe hiểu - Đọc hiểu - Kỹ năng viết - Kỹ năng nói - Dịch tiếng Italia... để sau khi ra trường cử nhân ngành Tiếng Italia **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Italia như ngôn ngữ thứ hai của mình và có khả năng nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành...

Sinh viên học các ngành về Ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Du lịch Việt Nam, Tổng cục Hải quan, Cục Xúc tiến du lịch, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động...

+ Các Vụ: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Thương mại và Dịch vụ, Vụ Hợp tác quốc tế, phòng hợp tác quốc tế, phòng đối ngoại trực thuộc các Bộ...

+ Các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động với các đối tác nước ngoài: TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Xuất nhập khẩu... và các công ty, đơn vị thành viên...

+ Cty Dịch thuật Việt, các Nhà xuất bản; Các cơ quan Thông tấn báo chí (đài truyền hình, đài phát thanh, cơ quan báo chí...); Trợ lý dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Các phòng chức năng: Hợp tác quốc tế, Quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu, Du lịch và Hợp tác đầu tư... của các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Sở Thương mại - Du lịch... trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu ở các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề, Trung học phổ thông, các Trung tâm dạy ngoại ngữ.

1) Ngành Tài chính; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Tương tự chương trình đào tạo 2 ngành cùng tên trên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Hà Nội), Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính... chương trình đào tạo 2 ngành này của Trường ĐHHN cũng nhằm trang bị cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế thì còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng linh hoạt vào thực tế công tác liên quan chuyên ngành đặc biệt là khả năng sử dụng ngoại ngữ khá rộng đáp ứng được yêu cầu của ngành và giao tiếp ngoài xã hội.

Ngành Khoa học máy tính (Công nghệ thông tin)

Nội dung chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính bao gồm **kiến thức chung** về Khối Khoa học cơ bản và những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với hàng loạt **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cũng giống như chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin của Trường ĐH Công nghệ, ĐH Bách Khoa, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông... bên cạnh đó sinh viên ngành này của Trường ĐHHN còn được trang bị vốn ngoại ngữ cần thiết để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, phát triển hệ thống máy tính cả phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo hệ thống các sản phẩm phần mềm và sử dụng ngoại ngữ thành thạo...

1) Ngành Du lịch; 2) Ngành Quốc Tế học

Sinh viên khi theo học một trong hai ngành: Du lịch, Quốc tế học của Trường ĐHHN bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội & Nhân văn, sinh viên còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, không những thế nhà trường còn tạo điều kiện để sinh viên được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự khối kiến thức mà sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐHKHTN được cung cấp. Ngoài ra Trường ĐHHN còn cung cấp vốn ngoại ngữ cần thiết để khi ra trường cử nhân các ngành **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực có liên quan tới chuyên ngành đào tạo, đồng thời có khả năng sử dụng ngoại ngữ như một công cụ giao tiếp...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.000	15.680	1/15.6
2000	1.000	11.914	1/11.9
2001	1.000	13.751	1/13.7
2002	1.000	9.010	1/9.0
2003	1.050	10.036	1/9.5
2004	1.200	6.910	1/5.7
2005	1.300	9.781	1/7.5
2006	1.400	10.444	1/7.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Tiếng Anh phiên dịch	26.0	25.5	25.5	27.0	26.0	27.5	24.5	30.0
Tiếng Nga D ₁	23.0	21.0	29.0	23.0	24.0	22.0	22.0	24.0
Tiếng Trung phiên dịch D ₁	25.0	24.5	26.5	26.0	28.0	26.0	26.0	28.0
Tiếng Đức D ₁	23.0	23.5	25.0	26.0	24.0	25.5	21.5	27.5
Tiếng Nhật D ₁	24.5	25.5	27.0	25.0	28.0	26.0	26.0	30.0
Tiếng Pháp phiên dịch	28.0	-	24.5	27.0	28.0	24.5	25.5	25.0
Tiếng Nga D ₂	27.0	25.5	29.0	23.0	26.0	24.0	25.0	-
Tiếng Trung sư phạm D ₄	27.0	27.5	29.0	-	25.5	26.0	27.0	-
Tiếng Pháp sư phạm	28.0	28.0	27.0	-	29.0	26.0	28.0	-
Tiếng Anh sư phạm	26.0	25.5	28.0	-	-	-	24.5	-
Tiếng Nga D ₃	25.0	24.0	29.0	-	-	-	-	-
Tiếng Hàn	-	-	-	26.0	25.5	28.0	25.0	29.0
Tiếng Italia	-	-	-	25.0	27.0	23.0	23.5	24.0
Tiếng Tây Ban Nha	-	-	-	24.5	26.0	24.0	23.5	27.5
Quản trị kinh doanh	-	-	-	25.0	28.0	27.0	28.0	29.0
Du lịch	-	-	-	24.5	28.0	23.5	24.0	28.5
Quốc tế học	-	-	-	24.5	28.0	23.5	24.0	26.5
Tiếng Bồ Đào Nha	-	-	-	-	-	22.0	20.0	25.5
Công nghệ thông tin	-	-	-	-	-	-	25.0	27.0
Tài chính	-	-	-	-	-	-	-	31.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH HN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối D1, D2, D3, D4.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH HN thường lấy theo khối, ngành mà thí sinh đã ĐKDT.
- Các ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính, Du lịch, Quốc tế học, Công nghệ thông tin dạy bằng tiếng Anh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH HN từ sau năm 2002 đến nay tăng dần lên, trong khi số lượng thí sinh ĐKDT vào trường lại có sự biến động (năm 2004 số lượng thí sinh ĐKDT giảm đột ngột khiến tỉ lệ "chọi" năm này thấp hơn hẳn so với những năm khác), đến năm 2005,

2006 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng lên vì thế tỉ lệ "chọi" đã cao hơn so với năm 2004 nhưng vẫn thấp hơn những năm trước đó. Điều đó cho thấy các thí sinh khi ĐKDT vào trường cũng đã tìm hiểu kỹ về trường. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH HN hàng năm cao. Điểm trúng tuyển giữa các ngành luôn biến động và không theo một qui luật nào. Mặt khác Trường ĐH HN là trường đào tạo chuyên ngữ đòi hỏi phải có năng khiếu giỏi ngoại ngữ nên các học sinh có lực học trung bình khó có thể trở thành sinh viên của trường. Do đó các thí sinh trước khi ĐKDT cần tìm hiểu kỹ để có quyết định đúng đắn.

- Ngoại ngữ là hành trang rất cần thiết khi bạn tìm việc làm trong nền kinh tế hiện nay bởi xã hội vẫn có nhu cầu cao về những cử nhân thực sự giỏi ngoại ngữ.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không nhiều.

HỌC VIỆN QUAN HỆ QUỐC TẾ

Trụ sở: 69 Phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 084-04-8344540 - Fax: 084-04-8343543 - Website: <http://www.iir.edu.vn/>

- Học viện Quan hệ Quốc tế (HVQHQT) được thành lập năm 1959, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ ngành Quan hệ quốc tế trọng điểm của cả nước.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy và nhân viên của HVQHQT gồm 116 người, trong đó có 3 Phó Giáo sư, 11 Tiến sĩ, 48 Thạc sĩ, và 4 Nhà giáo Ưu tú...
- Hiện Học viện đang đào tạo các bậc: Đại học, Cao học, Trung học... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

HỌC VIỆN QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐÃ ĐÀO TẠO NGÀNH:

Ngành Quan hệ quốc tế

Sinh viên học ngành Quan hệ quốc tế sẽ được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Lịch sử văn minh thế giới - Đại cương văn hóa Việt Nam - Tâm lý học - Pháp luật - Logic học - Xã hội học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Chính trị học - Lý luận Nhà nước và pháp luật - Lịch sử ngoại giao Việt Nam - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Địa lý kinh tế Việt Nam và thế giới - Kinh tế học (vi mô và vĩ mô) - Kinh tế đối ngoại Việt Nam - Ngoại ngữ chuyên ngành cấp độ I... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử quan hệ quốc tế - Lý luận quan hệ quốc tế - Quan hệ kinh tế quốc tế - Công pháp quốc tế - Tư pháp quốc tế - Chính sách đối ngoại Việt Nam - Báo chí và thông tin đối ngoại - Đàm phán quốc tế - Ngoại ngữ chuyên ngành cấp độ II... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm các công việc về đối ngoại và hợp tác quốc tế tại các Bộ, ban, ngành, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, mặt khác còn có khả năng nghiên cứu và giảng dạy về quan hệ quốc tế tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo...

Sinh viên học ngành Quan hệ quốc tế sau khi tốt nghiệp có thể nhận công tác tại:

+ Các Cục, Vụ, Trung tâm: Cục Đầu tư nước ngoài; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Chính sách thương mại đa biên, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia...

+ Các doanh nghiệp: Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Xuất nhập khẩu... và các công ty, đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Lữ hành...

+ Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quan hệ quốc tế.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1999	200	1.161	1/5.8
2000	200	1.563	1/7.8
2001	200	1.262	1/6.3
2002	200	1.376	1/6.8
2003	200	1.314	1/6.5
2004	200	1.300	1/6.5
2005	200	1.165	1/5.8
2006	200	1.001	1/5.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các khoa

Khoa	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
D3 (Pháp)	17.0	19.0	21.0	21.5	22.5	22.0	25.0	20.0	23.5	21.0
D1 (Anh)	-	23.0	21.0	21.5	22.5	20.5	23.5	22.0	22.0	21.0
D1 (Trung)	-	23.0	-	19.5	20.5	23.5	26.5	21.0	21.0	17.5

(Ghi chú: - Trước năm 2002 trường có tuyển sinh khối A. Năm 2006 ngày Tiếng Anh quan hệ quốc tế (D1) và Tiếng Pháp quan hệ quốc tế (D3) đều lấy 21.0 điểm (đã nhân hệ số).

1. Đặc điểm tuyển sinh

- HVQHQT tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối D1, D3.
- Điểm trúng tuyển của HVQHQT lấy theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- HVQHQT thường không tuyển thí sinh dị dạng, nói ngọng, nói lắp.
- Môn ngoại ngữ thi vào HVQHQT lấy hệ số 1.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho HVQHQT hàng năm rất ổn định. (Xem bảng 1).
- Theo số liệu thống kê ở bảng 1 ta có thể thấy số lượng các thí sinh ĐKDT vào Học viện từ năm 2002 đến nay giảm dần nhưng không nhiều vì thế tỉ lệ "chọi" của HVQHQT cũng giảm và so với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối D thì tỉ lệ này không cao.

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển vào HVQHQT từ khi thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung" (năm 2002) đến nay thường lấy trên 20.0 điểm. So với những trường tuyển sinh khối D khác thì mức điểm này tương đối cao.

- Nếu so với điểm sàn mà Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển của HVQHQT khá cao. Năm 2006 mặc dù điểm trúng tuyển vào HVQHQT không cao bằng năm 2005 (do năm 2006 thí sinh chưa quen với cách làm bài trắc nghiệm môn ngoại ngữ, mặt khác Bộ GD&ĐT áp dụng bỏ chế độ cộng điểm thưởng cho học sinh giỏi) nhưng cũng cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 4.5 - 7.0 điểm (17.5/13.0; 21.0/13.0). (Xem bảng 2).

- Qua bảng 2 ta thấy điểm trúng tuyển các năm của HVQHQT có sự chênh lệch nhưng không nhiều.

- Từ những số liệu trên cho thấy chất lượng đầu vào của HVQHQT rất cao. Chúng tôi khuyên các bạn nếu có ý định dự thi vào HVQHQT thì hãy cố gắng học tập ngay từ bây giờ, nếu bạn không có học lực khá, giỏi trở lên thì không nên dự thi vào trường.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào HVQHQT có biến động nhưng không đáng kể.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Trụ sở: Số 87 Đường Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8350892 - Fax: (04) 8343226 - Website: <http://www.hlu.edu.vn/>

- Trường Đại học Luật Hà Nội (ĐHLHN) được thành lập ngày 10/11/1979, là trung tâm đào tạo Luật học lớn nhất nước ta và là cơ quan thực hiện các nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao.
- Tổng số cán bộ giảng viên của Trường ĐHLHN là 433 người trong đó có 245 Giảng viên, có 7 Giáo sư và Phó Giáo sư, 7 Nhà giáo Ưu tú, 46 Tiến sĩ, 146 Thạc sĩ, 13 Chuyên viên.
- Trường ĐHLHN có các hệ đào tạo: Đại học, Sau đại học và hệ đào tạo theo chứng chỉ với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Pháp luật kinh tế

Sinh viên học ngành Pháp luật kinh tế được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam/thế giới - Xây dựng văn bản pháp luật - Xã hội học - Tâm lý học - Lịch sử các nền văn minh thế giới - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Logic học... cùng với

những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Luật Thương mại - Luật Tài chính - Luật Thuế - Luật Ngân hàng - Tư pháp quốc tế - Công pháp quốc tế - Luật Thương mại quốc tế - Sở hữu trí tuệ - Luật Đầu tư - Quan hệ kinh tế quốc tế... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán - Luật Kinh doanh bảo hiểm trong thương mại - Luật Cạnh tranh và chống độc quyền - Một số hợp đồng trong lĩnh vực thương mại... cùng hàng loạt các môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Pháp luật thương phiếu và những vấn đề liên quan đến hoạt động ngân hàng - Pháp luật điều chỉnh hoạt động (PTĐCHĐ) kinh doanh đối ngoại trong lĩnh vực ngân hàng - PTĐCHĐ thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối - Pháp luật về sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Pháp luật kinh tế.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Pháp luật kinh tế được bố trí làm việc tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Pháp Luật Dân sự.
- + Các phòng, ban: Pháp chế, Thanh tra, Tư vấn... tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh... có hoạt động liên quan đến ngành Pháp luật kinh doanh
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Pháp luật kinh tế

Ngành Luật Hình sự

Trên nền những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản sinh viên ngành Luật Hình sự còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành tương tự như sinh viên các ngành Pháp luật kinh tế, trên cơ sở đó nhà trường sẽ tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Khoa học điều tra hình sự - Tâm lý học tư pháp - Giám định pháp y... đồng thời cũng được trang bị một số **kiến thức bổ trợ** cho ngành qua những môn học lựa chọn như: Tâm thần học tư pháp - Luật Lao cải - Thống kê tư pháp - Tội phạm quốc tế - Giám định kĩ thuật khác - Luật Hình sự một số nước trên thế giới - Luật Hình sự Việt Nam thời phong kiến - Tổ chức tội phạm mafia - Tòa án hình sự quốc tế - Tổ chức và hoạt động của INTERPOL.... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Luật Hình sự.

Sau khi tốt nghiệp ngành Luật Hình sự sinh viên được bố trí làm việc tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Khoa học pháp lý, Cục trợ giúp pháp lý, Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật...
- + Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.
- + Làm ở phòng Tư pháp tại các Sở Tư pháp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật Hình sự.

Ngành Luật Dân sự

Ngành Luật Dân sự trang bị cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như sinh viên ngành Pháp luật kinh tế. Trên nền khối kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Luật La Mã - Thi hành án dân sự - Chế độ tài sản của vợ chồng và giải quyết tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng... và còn được bổ trợ kiến thức cho ngành qua các môn học lựa chọn như: Kỹ năng soạn thảo hợp đồng dân sự - Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dân sự và đăng kí giao dịch

bảo đảm - Pháp luật về bảo hiểm trong dân sự - Chuyển quyền sử dụng đất - Thủ tục nhận con nuôi - Hoạt động của Luật sư trong tố tụng dân sự - Một số trình tự tố tụng dân sự đặc biệt - Pháp luật dân sự của một số nước - Pháp luật tố tụng dân sự của một số nước - Pháp luật hôn nhân và gia đình của một số nước... để sau khi ra trường sinh viên ***có khả năng*** giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Luật Dân sự.

Cử nhân ngành Luật Dân sự được bố trí làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát tối cao, Viện Khoa học pháp lý; Cục Trợ giúp pháp lý; Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật...

- + Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.
- + Làm ở phòng Tư pháp tại các Sở Tư pháp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Các phòng, ban: Pháp chế, Thanh tra... tại các cơ quan Pháp luật trực thuộc Chính phủ.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật Dân sự.

Ngành Luật Kinh doanh quốc tế

Cử nhân ngành Luật Kinh doanh quốc tế không chỉ được đào tạo để có ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản, các ***kiến thức cơ bản*** về ngành tương tự như sinh viên ngành Pháp luật kinh tế, mà ngoài ra còn được cung cấp những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** như: Luật Hàng hải quốc tế - Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu - Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) - Luật Biển quốc tế hiện đại... bên cạnh rất nhiều môn học lựa chọn khác nhằm ***bổ trợ kiến thức*** cho ngành: Luật Vận chuyển hàng không quốc tế - Luật Tài chính, ngân hàng quốc tế - Luật Sở hữu trí tuệ quốc tế - Luật Đấu thầu quốc tế - Luật Bưu chính viễn thông quốc tế - Điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động du lịch quốc tế - Luật Quốc tế về quyền con người - Kỹ năng đàm phán, kí kết và vấn đề thực thi điều ước quốc tế - Tổ chức thương mại thế giới và quá trình hội nhập của Việt Nam... để khi học xong chương trình cử nhân ngành này ***có khả năng*** giải quyết các vấn đề liên quan đến Luật Kinh doanh quốc tế.

Sinh viên học ngành Luật Kinh doanh quốc tế sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát tối cao, Viện Khoa học pháp lý; Cục Trợ giúp pháp lý; Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật, Vụ Pháp Luật Dân sự - kinh tế, Vụ Pháp Luật Quốc tế...

- + Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.
- + Làm ở phòng Tư pháp tại các Sở Tư pháp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Các phòng, ban: Pháp chế, Thanh tra... tại các cơ quan Pháp luật trực thuộc Chính phủ.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật Kinh doanh quốc tế.

Ngành Luật Hành chính Nhà nước

Khi học ngành Luật Hành chính Nhà nước sinh viên sẽ được học những ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản và các ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành tương tự như sinh viên ngành Pháp luật kinh tế, đồng thời ngành cũng trang bị cho sinh viên khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Thanh tra khiếu tố - Quản lý hành chính Nhà nước trong các lĩnh vực - Luật Hiến pháp của

một số nước... cùng với hàng loạt môn học khác mà sinh viên có thể lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Lịch sử tư tưởng chính trị pháp lý - Văn bản quản lý hành chính văn phòng - Lịch sử nền hành chính Việt Nam - Kỹ năng tổ chức công sở - Tổ chức nhân sự hành chính - Kỹ năng thụ lý vụ án hành chính - Chế độ công vụ hành chính phong kiến Việt Nam - Văn hóa pháp lý và những nguyên tắc cơ bản của pháp luật xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Dân chủ xã hội chủ nghĩa và vấn đề tổ chức, thực hiện quyền lực Nhà nước ở Việt Nam.... Học xong chương trình này sinh viên **có khả năng** giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Luật Hành chính.

Sau khi tốt nghiệp ngành Luật Hành chính sinh viên được bố trí làm việc tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát tối cao, Viện Khoa học pháp lý; Cục Trợ giúp pháp lý; Vụ Hành chính tư pháp, Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật...
- + Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.
- + Làm ở phòng Tư pháp tại các Sở Tư pháp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Các phòng, ban: Pháp chế, Thanh tra... tại các cơ quan Pháp luật trực thuộc Chính phủ.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật Hành chính.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.000	35.369	1/35,3
2000	900	21.397	1/23,7
2001	950	23.621	1/24,8
2002	950	12.047	1/12,6
2003	1.000	7.976	1/7,9
2004	1.150	13.225	1/11,5
2005	1.200	15.195	1/12,6
2006	1.300	17.562	1/13,5

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Khối	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1
A	25.0	21.0	19.5	16.5	17.5	16.5	19.5	16.5	22.5	19.5	18.0
C	21.0	20.5	21.0	19.0	20.0	18.5	21.5	20.5	-	19.0	20.5
D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	20.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHLHN tuyển sinh từ Thừa Thiên Huế trở ra cùng các tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum và tuyển sinh các khối A, C, D1.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHLHN lấy theo khối thi. Khối D1 bắt đầu tuyển sinh từ năm 2005.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo của Trường ĐHLHN được Bộ GD&ĐT giao cho qua các năm không cố định, tuy nhiên từ năm 2002 trở về đây đã có xu hướng tăng dần lên. (Xem bảng 1).

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHLHN từ năm 2002 trở về trước thay đổi không theo một quy luật nhất định nào. Năm 2003 số lượng thí sinh ĐKDT giảm đột ngột khiến tỉ lệ "chọi" năm này thấp hơn hẳn các năm khác nhưng từ năm 2004 trở lại đây (2006) số lượng thí sinh ĐKDT đã tăng nên tỉ lệ "chọi" của trường cũng tăng dần lên và ở mức khá cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Trong khi đó điểm trúng tuyển của Trường ĐHLHN nhìn chung cũng tương đối cao và có sự chênh lệch khá lớn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. (Ví dụ năm 2006 điểm trúng tuyển khối D cao hơn điểm sàn những 7.0 điểm (20.0/13.0), điểm trúng tuyển khối C cao hơn điểm sàn tới 6.5 điểm (20.5/14.0), điểm trúng tuyển khối A cũng cao hơn điểm sàn 5.0 điểm (18.0/13.0)...). (Xem bảng 2).

- Nếu bạn muốn trở thành sinh viên ngành Luật, bạn cũng nên tham khảo về chỉ tiêu, điểm trúng tuyển, tỉ lệ "chọi" của Khoa Luật (ĐH Quốc gia Hà Nội) để có sự lựa chọn đúng đắn khi ĐKDT vì 2 năm trở lại đây điểm trúng tuyển vào trường so với điểm trúng tuyển vào Khoa Luật Đều khá cao và ở mức xấp xỉ ngang nhau, thậm chí năm 2006 khối C ngành Luật học của Trường ĐHLHN còn lấy cao hơn điểm trúng tuyển ngành Luật học khối C của Khoa Luật tới 2.5 điểm (20.5/18.0 điểm). (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 trung bình từ 1.0 - 3.0 điểm, riêng năm 2004 điểm chuẩn NV2 cao hơn NV1 đến 6.0 điểm. Mức điểm trúng tuyển NV2 cao, nếu bạn không có mức điểm khá trở lên thì khó có khả năng trúng tuyển. (Xem bảng 2).

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT tăng nhưng mức xé dịch sẽ không nhiều so với năm 2006.

HỌC VIỆN BÁO CHÍ TUYÊN TRUYỀN

Trụ sở : 36 Xuân Thủy, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04.8331262 - Website: <http://ajc.edu.vn>.

- Học viện Báo chí Tuyên truyền (HVBCTT) được thành lập ngày 16/01/1962, là cơ sở đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và nghiệp vụ công tác cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa các cấp và các phòng viên.
- Tổng số cán bộ giảng dạy của HVBCTT là 334 người trong đó có 8 Phó Giáo sư, 62 Tiến sĩ, 90 Thạc sĩ, 1 Giảng viên cao cấp.
- HVBCTT đào tạo các bậc: Đại học và Cao học... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

HỌC VIỆN BÁO CHÍ TUYÊN TRUYỀN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Triết học có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Triết học Mác - Lênin**

Chuyên ngành Triết học Mác - Lênin trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Xã hội học - Chính trị học - Dân tộc học - Giáo dục học - Xây dựng Đảng - Tiếng Việt thực hành - Văn học Việt Nam - Lịch sử thế giới - Lịch sử Việt Nam - Tâm lý học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Đạo đức học - Tôn giáo học - Logic hình thức - Phương pháp nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn - Mỹ học - Nguyên lý công tác tư tưởng... đồng thời còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử triết học (LSTH) Trung Quốc - LSTH Ấn Độ - LSTH Hy-lạp cổ đại - LSTH Trung cổ, phục hưng, khai sáng - LSTH cổ điển Đức - LSTH Mác-Lênin - Triết học ngoài Mác xít hiện đại - Logic biện chứng - Phương pháp giảng dạy Triết học... để sinh viên khi ra trường **có khả năng** vận dụng phương pháp tư duy khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn đặc biệt trong công tác giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời có khả năng tham gia vào hoạt động tư tưởng của Đảng và các nhiệm vụ chính trị xã hội theo nhiệm vụ cụ thể của Đảng và Nhà nước...

*** Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Cử nhân chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn tương tự như sinh viên chuyên ngành Triết học Mác - Lênin, đồng thời với những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Lịch sử triết học - Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế - Phương pháp nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn - Lịch sử tư tưởng Việt Nam... thì ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa (CHCN) - Cách mạng CHCN trên lĩnh vực chính trị - Cách mạng CHCN trên lĩnh vực kinh tế - xã hội - Cách mạng CHCN trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và phát huy nguồn lực con người - Lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam - Lý luận về Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt nam - Lý luận về Tôn giáo và tín ngưỡng tôn giáo ở Việt nam - Phương pháp giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học.... Sau khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** làm tham mưu cho các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, có khả năng giảng dạy bộ môn này tại các cơ sở đào tạo...

Ra trường, sinh viên ngành Triết học có thể làm việc tại:

- + Làm công tác nghiên cứu tại Viện Triết học hoặc công tác tại các tổ chức đoàn thể xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Triết học.

Ngành Lịch sử Đảng

Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử Đảng không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản như: Giáo dục học - Nguyên lý quản lý kinh tế - Chính trị học - Xây dựng Đảng - Tôn giáo học - Logic hình thức - Văn học Việt Nam - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Tâm lý học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Lịch sử sử học - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử thế giới - Dân tộc học - Phương pháp nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn - Nguyên lý công tác tư tưởng.... Ngoài ra ngành còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản - Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945 - 1954) - Các bài học kinh nghiệm của Đảng - Tư tưởng

Hồ Chí Minh về cách mạng dân tộc, dân chủ - Đảng lãnh đạo miền Bắc quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (1954 - 1975) - Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng xã hội chủ nghĩa - Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh - Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu Lịch sử Đảng... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, giảng dạy bộ môn này.

Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước

Sinh viên học ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Đạo đức học - Tôn giáo học - Lịch sử Việt Nam - Văn học Việt Nam - Tiếng Việt thực hành - Truyền thống đại chúng trong công tác lãnh đạo quản lý... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Lịch sử xây dựng các đảng chính trị - Lịch sử xây dựng chính quyền Nhà nước - Phương pháp nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Xây dựng Đảng (XDĐ) về chính trị - XDĐ về tư tưởng - XDĐ về tổ chức - Nghiệp vụ công tác Đảng - Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội - Đảng lãnh đạo các tổ chức chính trị và xã hội - Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy XDĐ - Quản lý hành chính - văn phòng - Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy môn học Quản lý Nhà nước... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **nắm vững** được các quan điểm đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta **có khả năng** giảng dạy bộ môn này ở các cơ sở đào tạo, có khả năng nghiên cứu khoa học về Đảng và Chính quyền Nhà nước.

Ngành Chính trị có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Chính trị học**

Sinh viên học ngành Chính trị học được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Xã hội học - Xây dựng Đảng - Nguyên lý kinh tế - Văn học Việt Nam - Lịch sử thế giới - Lịch sử Việt Nam... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Chính trị học - Nguyên lý công tác tư tưởng - Nghệ thuật phát biểu miệng - Đại cương chính trị học so sánh... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quyển lược chính trị - Thể chế chính trị thế giới đương đại - Quan hệ chính trị quốc tế - Quản lý xã hội - Chính trị học phát triển - Chính trị Việt Nam - Tâm lý học lãnh đạo, quản lý - Xã hội học chính trị - Phương pháp tiếp cận và xử lý tình huống chính trị - Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu Chính trị học... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm tham mưu cho các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, có khả năng giảng dạy bộ môn này tại các cơ sở đào tạo...

*** Chuyên ngành Công tác tư tưởng**

Khi học chuyên ngành Công tác tư tưởng sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội như: Chính trị học - Xây dựng Đảng - Lịch sử Việt Nam - Văn học Việt Nam - Đạo đức học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Quan hệ chính trị quốc tế - Lịch sử tư tưởng chính trị - Tâm lý học quản lý - Lịch sử công tác tư tưởng - Khoa học giao tiếp... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Xã hội học trong lĩnh vực tư tưởng-văn hóa - Quản lý hoạt động tư tưởng-văn hóa - Tâm lý học tuyên truyền - Nghệ thuật phát biểu miệng - Xử lý tình huống công tác tư tưởng - Thông tin cổ động... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** tham mưu, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện tốt các mặt công tác trong cơ quan tư tưởng, văn hóa của Đảng, Nhà nước, các tổ chức quần chúng, lực lượng vũ trang và các cơ quan có chức năng giáo dục tư tưởng trong toàn xã hội.

*** Chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh (TT HCM) không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Nhập môn Xã hội học - Xây dựng Đảng - Chính trị học - Nhà nước và Pháp luật - Tôn giáo học - Cơ sở văn hóa Việt Nam... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Lịch sử tư tưởng Việt Nam - Nguyên lý công tác tư tưởng - Nhập môn TT HCM.... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: TT HCM về cách mạng giải phóng dân tộc - TT HCM về Nhà nước của dân, do dân, vì dân - TT HCM về công tác tư tưởng - TT HCM về nhân văn - đạo đức - TT HCM về giáo dục đào tạo - TT HCM về quan hệ quốc tế - Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh... sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm tham mưu cho các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, có khả năng giảng dạy bộ môn này tại các cơ sở đào tạo...

*** Chuyên ngành Quản lý xã hội**

Chuyên ngành Quản lý xã hội (QLXH) trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Xã hội học - Tâm lý học - Tôn giáo học - Kinh tế học - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Lịch sử Việt Nam - Văn học Việt Nam - Đạo đức học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Khoa học quản lý - Lý luận chung về QLXH - Lịch sử tư tưởng và các học thuyết quản lý - Tâm lý học quản lý - Xã hội học quản lý... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: QLXH về kinh tế - QLXH về dân số và phát triển - QLXH về khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường - QLXH về Giáo dục & Đào tạo - QLXH về dân tộc và tôn giáo - Quản lý nguồn lao động và việc làm - QLXH cấp cơ sở - Quản lý Nhà nước về quốc phòng - an ninh - trật tự - Giao tiếp trong quản lý xã hội... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** giải quyết những vấn đề trong mối quan hệ xã hội và nâng cao năng lực con người...

*** Chuyên ngành Giáo dục chính trị**

Khi học chuyên ngành Giáo dục chính trị sinh viên sẽ được học bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, là các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành, đồng thời sinh viên còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục chính trị của Trường ĐHSP Hà Nội được trang bị. Sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan...

Ra trường, sinh viên ngành Chính trị có thể công tác tại:

- + Các Viện: Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, Viện Xã hội học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng...
- + Các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội từ Trung ương đến địa phương: Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Tổ chức Thanh niên...
- + Các phòng chức năng: Chính trị kinh tế đối ngoại... tại các Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Chính trị học.

Ngành Xuất bản có chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Biên tập xuất bản**

Sinh viên học chuyên ngành Biên tập (BT) xuất bản được cung cấp các **kiến thức chung** về khối C và về Toán, Tin học như: Chính trị học - Các nguyên lý kinh tế - Xã hội học - Cơ sở văn hóa

Việt Nam - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở ngôn ngữ học - Logic hình thức - Tin học văn phòng - Quản trị và khai thác mạng - Tin học ứng dụng trong BT xuất bản... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Nhập môn Báo chí học - Các thể loại tác phẩm báo chí - Lý luận văn học - Mỹ học - Phương pháp nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tổ chức bản thảo sách - BT bản thảo sách - Trình bày và minh họa sách - Công nghệ in và sửa bài - Phát hành xuất bản phẩm - Sách điện tử và xuất bản điện tử - Soạn thảo và BT văn bản hành chính - BT ngôn ngữ văn bản - Tổ chức, quản lý Nhà nước về xuất bản - Quản trị kinh doanh doanh nghiệp xuất bản - BT sách lý luận, chính trị - BT sách văn học - BT sách khoa học - kỹ thuật - BT sách dịch - BT sách tra cứu, chỉ dẫn - BT sách giáo khoa - BT sách thiếu nhi... để khi ra trường **có thể** làm biên tập viên tại các nhà xuất bản...

Sinh viên học ngành Xuất bản sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Cục Xuất bản hay các cơ quan thông tấn, báo chí, các đài phát thanh, truyền hình, các nhà xuất bản từ Trung ương đến địa phương.

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo của ngành Xuất bản.

Ngành Báo mạng điện tử

Sinh viên học ngành Báo mạng điện tử được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Các nguyên lý kinh tế - Lịch sử tư tưởng Việt Nam - Xây dựng Đảng - Dư luận xã hội - Văn học nước ngoài - Văn học Việt Nam - Tiếng Việt thực hành - Lịch sử Việt Nam - Nhập môn tin học - Tin học ứng dụng... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ sở lý luận báo chí - Luật báo chí và đạo đức nghề nghiệp nhà báo - Tác phẩm báo chí - Ngôn ngữ báo chí - Lao động nhà báo - Nhập môn báo in - Nhập môn báo ảnh - Nhập môn báo phát thanh - Nhập môn truyền hình - Nhập môn báo mạng điện tử (BMDT) - Thiết kế trang web... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Xử lý ảnh trên BMDT - Âm thanh cho BMDT - Video cho BMDT - Tin tưởng thuật BMDT - Phóng sự - ghi nhanh BMDT - Phỏng vấn BMDT - Bài thông tấn BMDT - Điều tra BMDT - Chính luận BMDT - Tổ chức diễn đàn BMDT... sinh viên khi ra trường sẽ **tạo lập được** khả năng kết hợp lý luận và thực tiễn trong hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ báo chí. Tạo thói quen tư duy lý luận và phương pháp nghiên cứu báo chí...

Sinh viên học ngành Báo mạng điện tử sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Báo chí và Xuất bản, Cục Báo chí, Vụ Thông tin báo chí...

- + Làm Phóng viên, Biên tập viên tại các báo điện tử: Vietnamnet, Exprees.... Hiện nay, hầu hết báo chí từ Trung ương đến các tỉnh đã có website riêng như: Báo Lao động, Báo Nhân dân....

- + Các phòng chức năng: Quản lý báo chí và xuất bản, Quản lý nghiệp vụ văn hóa... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Báo mạng điện tử.

Ngành Báo in

Đào tạo cử nhân ngành Báo in không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Khoa học Nhân văn như: Chính trị học - Các nguyên lý kinh tế - Văn học nước ngoài - Văn học Việt Nam - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Mỹ học - Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử Việt Nam... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Lý thuyết truyền thông - Cơ sở lý luận báo chí - Đạo đức nghề nghiệp nhà báo - Ngôn ngữ báo chí - Lao động nhà báo - Tác phẩm báo chí - Biên tập văn bản báo chí - Nhập môn báo in - Nhập môn báo chí truyền hình - Nhập

môn báo chí phát thanh - Nhập môn ảnh báo chí - Nhập môn báo mạng điện tử.... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Báo in hiện đại - Tin báo in - Tường thuật báo in - Phỏng vấn báo in - Ghi nhanh báo in - Bài phản ánh - Phóng sự báo in - Điều tra báo in - Bình luận báo in - Tổ chức nội dung và trình bày báo... sinh viên khi ra trường sẽ **tạo lập được** khả năng kết hợp lý luận và thực tiễn trong hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ báo chí. Tạo thói quen tư duy lý luận và phương pháp nghiên cứu báo chí.

Sinh viên học ngành Báo in sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Báo chí và Xuất bản, Cục Báo chí, Vụ Thông tin báo chí...
- + Các báo, tạp chí từ Trung ương đến địa phương: Báo Nhân dân, Báo Lao động, Báo Công an nhân dân, Báo An ninh...
- + Các phòng chức năng: Quản lý báo chí và xuất bản, Quản lý nghiệp vụ văn hóa... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Báo in.

Ngành Báo ảnh

Ngành Báo ảnh trang bị cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như là sinh viên ngành Báo in, đồng thời sinh viên ngành Báo ảnh còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử nhiếp ảnh và ảnh báo chí - Kỹ thuật ảnh - Nghệ thuật tạo hình nhiếp ảnh - ảnh tin - ảnh chân dung - Phóng sự ảnh - Biên tập ảnh - ảnh thời sự tài liệu - ảnh nghệ thuật... sinh viên khi ra trường sẽ **tạo lập được** khả năng kết hợp lý luận và thực tiễn trong hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ báo chí. Tạo thói quen tư duy lý luận và phương pháp nghiên cứu báo chí.

Cử nhân ngành Báo ảnh có thể công tác tại:

- + Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Báo chí và Xuất bản, Cục Báo chí, Vụ Thông tin báo chí...
- + Làm Phóng viên, Biên tập viên tại các báo, tạp chí, đài truyền hình từ Trung ương đến địa phương: TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Báo An ninh thế giới, Tạp chí Điện ảnh...
- + Các phòng chức năng: Quản lý báo chí và xuất bản, Quản lý nghiệp vụ văn hóa... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Báo ảnh.

Ngành Báo phát thanh

Cử nhân ngành Báo phát thanh được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành tương tự như sinh viên các ngành Báo in, ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật phát thanh - Các phương tiện hỗ trợ chương trình phát thanh - Tin phát thanh - Phỏng vấn và tọa đàm phát thanh - Phóng sự phát thanh - Tường thuật và ghi nhanh phát thanh - Bình luận phát thanh - Đàm luận phát thanh - Phát thanh hiện đại (Phát thanh trực tiếp - Đọc và nói trên sóng phát thanh)... sinh viên khi ra trường sẽ **tạo lập được** khả năng kết hợp lý luận và thực tiễn trong hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ báo chí. Tạo thói quen tư duy lý luận và phương pháp nghiên cứu báo chí, đặc biệt là lĩnh vực Báo phát thanh.

Ra trường, sinh viên ngành Báo phát thanh có thể làm việc tại:

- + Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Báo chí và Xuất bản, Cục Báo chí, Vụ Thông tin báo chí...
- + Các cơ quan thông tấn, đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương: TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình các tỉnh...
- + Các phòng chức năng: Quản lý báo chí và xuất bản, Quản lý nghiệp vụ văn hóa... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Báo phát thanh.

Ngành Báo truyền hình

Khi học ngành Báo truyền hình sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như là sinh viên ngành Báo in đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thiết bị kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình - Tin truyền hình - Phóng vấn truyền hình - Phóng sự truyền hình - Tổ chức biên tập chuyên mục truyền hình - Kịch bản truyền hình - Đạo diễn và Quay phim - Chính luận truyền hình - Các chương trình văn hóa giải trí truyền hình - Phim tài liệu và Kỹ sự truyền hình... sinh viên khi ra trường sẽ **tạo lập được** khả năng kết hợp lý luận và thực tiễn trong hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ báo chí. Tạo thói quen tư duy lý luận và phương pháp nghiên cứu báo chí, đặc biệt là lĩnh vực Báo truyền hình.

Sau khi tốt nghiệp ngành Báo truyền hình sinh viên có thể làm việc tại:

- + Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Báo chí và Xuất bản, Cục Báo chí, Vụ Thông tin báo chí...
- + Đài truyền hình từ Trung ương đến địa phương: TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình, Đài phát thanh và truyền hình các tỉnh, thành phố...
- + Các phòng chức năng: Quản lý báo chí và xuất bản, Quản lý nghiệp vụ văn hóa... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Báo truyền hình.

Ngành Thông tin đối ngoại

Đào tạo cử nhân ngành Thông tin đối ngoại không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối D như: Chính trị học - Pháp luật - Xây dựng Đảng - Địa kinh tế - chính trị Việt Nam - Cơ sở văn hóa Việt nam - Lịch sử văn minh thế giới - Tiếng Việt thực hành - Văn học nước ngoài... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Lịch sử quan hệ quốc tế - Quan hệ chính trị quốc tế - Xã hội học truyền thông - Tâm lý học tuyên truyền - Đại cương về ngoại giao và nghiệp vụ ngoại giao - Đại cương Thông tin đối ngoại - Lý thuyết truyền thông - Truyền thông đại chúng - Quan hệ công chúng - Quản lý nhà nước về thông tin.... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới - Chính sách đối ngoại Việt nam - Giao tiếp trong hoạt động đối ngoại - Tổ chức hoạt động thông tin đối ngoại - Thu thập, xử lý thông tin đối ngoại - Truyền thông và phát triển - Tổ chức sản xuất sản phẩm thông tin đối ngoại - Ngoại ngữ chuyên ngành... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc được tại các cơ quan và giao tiếp bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 của mình.

Cử nhân ngành Thông tin đối ngoại có thể công tác tại:

+ Các Cục, Vụ, Trung tâm: Cục Đầu tư nước ngoài; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Chính sách thương mại đa biên; TT. Thông tin kinh tế và Hợp tác phát triển khu vực, TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia...

+ Các doanh nghiệp, Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: TCT Du lịch Việt Nam, các công ty, TCT Thương mại xuất nhập khẩu... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Thông tin đối ngoại, Chính trị kinh tế đối ngoại, Kinh tế đối ngoại... tại các Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư... của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Xã hội học

Trên nền các **kiến thức chung** về Khối khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, sinh viên ngành Xã hội học còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH KHXH&NV... để khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** điều tra, khảo sát, đưa ra các hoạch định, chính sách xã hội.

Ngành Kinh tế chính trị

Cử nhân ngành Kinh tế chính trị được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về ngành tương tự như là sinh viên ngành này của Khoa Kinh tế (ĐHQG HN)... để sinh viên sau khi tốt nghiệp **có khả năng** tự nghiên cứu những vấn đề lý luận kinh tế, phân tích, đánh giá những vấn đề kinh tế.

Tiếng Anh

Khi học ngành Tiếng Anh ở Học viện BC&TT sinh viên sẽ được học không chỉ có những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn; các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cũng giống như sinh viên ngành cùng tên của trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG HN), Đại học Hà Nội.... Sau khi ra trường cử nhân ngành Tiếng Anh **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Anh đặc biệt là tiếng Anh có liên quan đến các lĩnh vực đặc thù của trường.

Quan hệ công chúng

Chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng cũng bao gồm **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn tương tự như một số ngành khác như: ngành Chính trị, ngành Báo in, ngành Quan hệ quốc tế... bên cạnh đó sinh viên ngành Quan hệ công chúng còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức cơ bản** cùng **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Chiến lược Quan hệ công chúng, Tổ chức sự kiện, Thông tin nội bộ và cộng đồng, So sánh truyền thông, Tạo dựng và quảng bá hình ảnh... Theo học ngành đào tạo này, người học sẽ có cơ hội tiếp cận, trao đổi và học hỏi kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành để có thể **trở thành** người phát ngôn trong các bộ, ngành, các sở ngoại vụ, các doanh nghiệp, các cơ quan báo chí và truyền thông...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	500	10.465	1/20.9
2000	500	8.752	1/17.5
2001	500	8.047	1/16.0
2002	500	2.990	1/5.9
2003	600	6.220	1/10.3
2004	650	3.672	1/5.6
2005	700	7.745	1/11.0
2006	800	6.344	1/7.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành, chuyên ngành trong trường.

Ngành/ Chuyên ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Xuất bản C	20.5	20.0	20.0	18.0	20.5	18.0	21.0	20.0	23.0	19.0	-	18.0	21.5
Xã hội học D1	19.5	20.0	21.5	18.5	20.5	18.5	20.5	15.0	22.0	17.0	21.5	17.5	21.0
Báo chí C	20.0	20.0	20.0	-	-	21.0	24.0	-	-	21.0	-	-	-
TH Mác - Lênin C, D1	-	-	-	-	-	-	-	15.0	21.0	16.0	20.5	16.5	21.0
Báo ảnh D ₁	-	-	-	-	-	-	-	15.5	22.0	18.5	-	18.0	21.5
Kinh tế chính trị C	-	-	-	-	-	-	-	16.0	22.5	17.5	-	20.0	-
Lịch sử Đảng C	-	-	-	-	-	-	-	18.5	23.0	19.5	-	18.5	-
Quản lý xã hội C	-	-	-	-	-	-	-	19.0	23.5	19.5	-	19.0	-
TT đối ngoại D1	-	-	-	-	-	-	-	18.5	23.0	19.5	-	18.5	-
Chủ nghĩa XH KH C	-	-	-	-	-	-	-	17.0	-	19.0	21.5	17.0	21.0
XDD & CQNN C	-	-	-	-	-	-	-	20.5	-	19.5	20.0	20.0	-
Báo in D ₁	-	-	-	-	-	-	-	19.0	-	20.0	-	20.0	-
Báo in C	-	-	-	-	-	-	-	21.5	-	21.0	-	21.0	-
Báo phát thanh C	-	-	-	-	-	-	-	18.5	-	20.0	-	15.0	-
Báo phát thanh D ₁	-	-	-	-	-	-	-	18.0	-	19.0	-	18.0	-
Báo truyền hình C	-	-	-	-	-	-	-	21.5	-	21.0	-	21.5	-
Báo truyền hình D ₁	-	-	-	-	-	-	-	21.0	-	20.5	-	20.5	-
Báo điện tử D1	-	-	-	-	-	-	-	20.0	-	19.5	-	19.0	-
C. tri học - CTTT C	-	-	-	-	-	-	-	18.0	-	19.0	-	19.0	-
CT học Việt nam C	-	-	-	-	-	-	-	-	23.5	18.0	-	18.0	-
Báo ảnh C	-	-	-	-	-	-	-	-	22.0	19.5	-	18.5	-
Tư tưởng HCM C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.0	-	17.5	21.0
Tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	-	20.5	-
Giáo dục chính trị C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	21.0
Quan hệ công chúng D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.5	-
Xuất bản D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	-
Kinh tế chính trị D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.5	-

(Ghi chú: - Năm 2003 trường tuyển sinh ngành Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh với điểm trúng tuyển NV1: 19.0 (khởi C), 17.0 (khởi D1), NV2 là: 22.0 điểm (C), 20.0 điểm (D1); ngành Báo chí khởi D1: NV1 là 19.5 điểm, NV2 là 22.5 điểm; ngành Xã hội học khởi D2,3 lấy NV1: 18.5 điểm, NV2 là 20.5 điểm).

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Học viện Báo chí Tuyên truyền (HVBCTT) tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh hai khối C và D1.

- Điểm trúng tuyển của HVBCTT lấy theo ngành.

- HVBCTT không tuyển thí sinh bị dị dạng, nói ngọng, nói lắp, liú lắt. Cán bộ hoặc học sinh phổ thông phải là Đảng viên Đảng CSVN hoặc Đoàn viên TNCSHCM mới được ĐKDT vào HVBCTT.

- Từ năm 2003 HVBCTT có mở thêm rất nhiều ngành mới như: Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng... và từ năm 2004 ngành Báo chí lấy điểm trúng tuyển theo từng loại Báo cụ thể. Điều đó sẽ giúp các bạn nắm vững hơn về cụ thể từng loại chuyên ngành để cố gắng phấn đấu thi vào chuyên ngành mình thích.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho HVBCTT có có biểu đồ đi lên. Trong khi đó từ năm 2002 đến nay số lượng các thí sinh ĐKDT vào HVBCTT tuân theo một quy luật là cứ năm trước giảm thì năm sau tăng khiến cho tỉ lệ "chọi" của Học viện so với mặt bằng chung cứ một năm cao lại một năm thấp. (Xem bảng 1).

- Trong khi tỉ lệ "chọi" thay đổi từng năm thì điểm trúng tuyển vào HVBCTT lại xê dịch không lớn và ở mức tương đối cao so với các trường thuộc khối xã hội khác cũng như so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định. Ví dụ năm 2006: các ngành khối D có điểm trúng tuyển cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 4.0 - 7.5 điểm (17.0/13.0 điểm - 20.5/13.0 điểm); điểm trúng tuyển các ngành khối C cao hơn từ 1.0 - 7.5 điểm (15.0/14.0 điểm - 21.5/14.0 điểm...). Cùng năm 2006 điểm trúng tuyển khối C của ngành cao nhất là 21.5 điểm trong khi Trường ĐH KHTN điểm cao nhất khối C là 21.0 điểm.... Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của Học viện luôn cao và khá ổn định. (Xem chi tiết 2 bảng trên).

- Điểm trúng tuyển NV2 vào Học viện so với điểm trúng tuyển NV1 là cao (thường cách từ 2 đến 4.5 điểm) và không có năm nào điểm trúng tuyển NV2 lấy dưới 20 điểm. Điều này lưu ý các thí sinh khi đăng ký NV2, nếu không mức điểm khá trở lên thì khó có khả năng trúng tuyển. (Xem bảng 2).

- Nếu so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 vào HVBCTT cũng có sự chênh lệch tương đối lớn. Ví dụ năm 2006: điểm trúng tuyển NV2 các ngành khối C cách điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 7.0 - 7.5 điểm (21.0/13.0 điểm - 21.5/13.0 điểm), điểm trúng tuyển NV2 các ngành khối D cũng cao hơn điểm sàn từ 6.0 - 6.5 điểm (21.0/14.0 điểm - 21.5/14.0 điểm). (Xem bảng 2).

- Nếu sức học của bạn không được xuất sắc bạn nên tham khảo các trường khác về điểm trúng tuyển, số ĐKDT, tỉ lệ "chọi" để có sự lựa chọn trường dự thi hợp lý.

- Qua các số liệu từ 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào Học viện sẽ tăng lên đáng kể nếu như quy luật không thay đổi.

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Địa chỉ: 77 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 04.8343490

- Học viện Hành chính Quốc gia (HVHCQG) là cơ quan trực thuộc Chính phủ, là trung tâm đào tạo bồi dưỡng công chức hành chính Nhà nước và nghiên cứu khoa học hành chính Nhà nước.
- HVHCQG có cấp đào tạo: Đại học, Sau đại học... với các hệ đào tạo: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Học viện gồm 163 người, trong đó có 15 Giáo sư, Phó Giáo sư, 67 Thạc sĩ, 2 Nhà giáo Nhân dân, 7 Nhà giáo Ưu tú...

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH ĐÀO TẠO NGÀNH:

Ngành Hành chính học

Chương trình đào tạo ngành Hành chính học bao gồm những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Quản lý học - Logic học - Tâm lý học - Xã hội học - Kinh tế học vi mô - Tin học - Tiếng Việt thực hành - Toán cao cấp... cùng các nhóm **kiến thức chuyên ngành về:**

+ **Nhà nước và pháp luật:** Lý luận về Nhà nước và pháp luật - Luật hiến pháp và tổ chức bộ máy Nhà nước - Luật hành chính và tài phán hành chính - Luật dân sự - Luật đất đai - Luật quốc tế...

+ **Hành chính Nhà nước:** Hành chính công và Quản lý công - Quản lý và phát triển tổ chức hành chính Nhà nước - Tổ chức nhân sự hành chính Nhà nước - Hoạch định và phân tích chính sách công...

+ **Văn bản và Công nghệ hành chính:** Kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản - Kỹ thuật tổ chức công sở - Hành chính văn phòng trong cơ quan Nhà nước - Thủ tục hành chính - Ứng dụng tin học trong hành chính...

+ **Quản lý Nhà nước về Kinh tế:** Chiến lược phát triển kinh tế xã hội - Quản lý Nhà nước (QLNN) về kinh tế - Tài chính công - QLNN về đô thị - QLNN về nông nghiệp và phát triển nông thôn...

+ **Quản lý Nhà nước về Văn hóa - Nội chính:** QLNN về văn hóa - xã hội - Quản lý nguồn nhân lực xã hội - QLNN về an ninh, quốc phòng - QLNN về dân tộc, tôn giáo - Tổ chức phi chính phủ...

Tốt nghiệp, Cử nhân chuyên ngành Hành chính học **có khả năng** tham mưu, tư vấn về hành chính cho các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, đồng thời cũng có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học hành chính...

Sau khi tốt nghiệp ngành Hành chính học sinh viên được bố trí làm việc tại:

+ Các Trung tâm: TT. Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý, TT. Lưu trữ Quốc gia, TT. Thông tin lưu trữ tư liệu từ Trung ương đến địa phương, TT. Tu bổ, Phục chế tài liệu lưu trữ...

+ Các Cục: Cục Hành chính quản trị, Cục Quản lý văn bản, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Quản trị Văn phòng Quốc hội...

+ Làm công tác văn phòng tại các cơ quan, tổ chức xã hội, các đơn vị sản xuất kinh doanh từ Trung ương đến địa phương: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Du lịch Việt Nam, TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam... và các đơn vị thành viên.

+ Các phòng chức năng: Quản lý Sở, Ngành, Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước, Xây dựng chính quyền... tại Sở Nội vụ và các phòng, ban: Tổ chức hành chính, Hành chính quản trị, Văn phòng... tại tất cả các Sở ở 64 tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Hành chính học, ngành Lưu trữ học và ngành Văn thư lưu trữ.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	300	3.521	1/11.7
2003	350	5.321	1/15.0
2004	300	4.578	1/15.2
2005	400	4.806	1/12.0
2006	450	4.656	1/10.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

Cơ sở	Khối	2002		2003		2004	2005	2006
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
Cơ sở 1	A	19.0	20.0	18.5	21.5	17.5	21.5	19.0
	C	20.0	21.0	21.0	23.0	21.5	20.0	20.5
Cơ sở 2	A	19.0	20.0	16.0	18.0	17.0	19.0	16.0
	C	20.0	21.0	16.5	18.5	18.5	15.0	17.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- HVHCQG tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A và C.
- Điểm trúng tuyển của HVHCQG thường lấy chung theo khối.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm của HVHCQG không ổn định nhưng nhìn chung vẫn tăng lên, năm 2006 tăng 150 chỉ tiêu so với năm 2002. Số lượng các thí sinh ĐKDT vào HVHCQG các năm gần đây cũng luôn luôn biến động khiến cho tỉ lệ "chọi" từ năm 2004 đến nay giảm đáng kể tuy nhiên so với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối A, C khác thì tỉ lệ này vẫn khá cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các khối ở HVHCQG hàng năm có sự thay đổi từ năm 2002 đến nay nhưng sự chênh lệch không lớn. Điểm trúng tuyển xê dịch từ 17.5 đến 21.5 đối với khối A, khối C thì điểm xê dịch từ 20.0 - 23.0 điểm. Với mức điểm này bạn phải có học lực khá trở lên mới có khả năng trúng tuyển. So với mặt bằng chung của những trường có tuyển sinh khối A, C khác thì HVHCQG là một trong những trường thuộc loại "top trên".

- Qua bảng 2 bạn cũng sẽ thấy điểm trúng tuyển giữa 2 cơ sở ngày càng có sự chênh lệch. Từ sau năm 2002 điểm trúng tuyển cơ sở 2 thường lấy không cao bằng so với cơ sở 1 (Ví dụ: Năm

2002 điểm trúng tuyển vào các khối giữa 2 cơ sở là ngang nhau nhưng đến năm 2006 điểm trúng tuyển cơ sở 1 đã cao hơn cơ sở 2 tới 3.0 điểm cho cả 2 khối (khối A: 19.0/16.0; khối C: 20.5/17.5). (Xem bảng 2).

- Nhìn chung điểm trúng tuyển vào HVHCQG cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định và tương đối ổn định.

- HVHCQG là nơi duy nhất đào tạo Cử nhân hành chính, vì vậy nếu bạn muốn trở thành cử nhân hành chính thì bạn sẽ phải nỗ lực rất nhiều. Bạn nên lưu ý sự chênh lệch về điểm trúng tuyển giữa 2 khối.

- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào HVHCQG sẽ tăng lên nhưng không nhiều.

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8362161 - Fax: (04)9331865 - Website: <http://hvtc.edu.vn/>

- Trường Đại học Tài chính - Kế toán được thành lập năm 1963 theo quyết định 117/CP của Hội đồng Chính phủ. Năm 2001 đổi tên thành Học viện Tài chính (HVTC).
- HVTC có 365 cán bộ giảng dạy gồm: 20 Giáo sư và Phó Giáo sư, 83 Tiến sĩ, 169 Thạc sĩ, 01 Nhà giáo Nhân dân, 23 Nhà giáo Ưu tú.
- HVTC đào tạo các cấp độ: Đại học và Sau đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tài chính - Ngân hàng

Nội dung chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng bao gồm không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính và Giải tích - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Xã hội học - Lý thuyết xác suất và thống kê toán - Địa lý kinh tế... mà còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Lý thuyết tài chính - Nguyên lý thống kê - Kinh tế lượng - Lý thuyết tiền tệ - Nguyên lý kế toán - Kinh tế quốc tế - Kinh tế phát triển - Cơ sở khoa học quản lý... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tùy theo từng lựa chọn của sinh viên như:

* **Chuyên ngành Thuế:** Lý thuyết thuế - Kế toán tài chính - Tài chính doanh nghiệp - Thị trường chứng khoán - Quản lý tài chính Nhà nước - Kiểm toán - Nghiệp vụ Thuế - Phân tích tài chính doanh nghiệp...

* **Chuyên ngành Kiểm tra giám sát Hải quan:** Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương - Kiểm soát Hải quan - Khoa học hàng hóa - Trị giá Hải quan - Kiểm tra giám sát Hải quan - Kiểm tra sau thông quan...

* **Chuyên ngành Bảo hiểm:** Bảo hiểm nhân thọ - Tài bảo hiểm - Tổ chức quản lý doanh nghiệp bảo hiểm - Quản trị tài chính và Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm - Định phí sản phẩm bảo hiểm...

* **Chuyên ngành Kinh doanh chứng khoán:** Thị trường chứng khoán - Nghiệp vụ môi giới chứng khoán - Nghiệp vụ phân tích và đầu tư chứng khoán - Nghiệp vụ phát hành và kinh doanh chứng khoán...

* **Chuyên ngành Quản lý tài chính Nhà nước:** Ngân sách Nhà nước - Kế toán ngân sách - Kế toán kho bạc - Luật Tài chính ngân sách - Quản trị tài chính - Hệ thống thông tin tài chính và kế toán...

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng **có khả năng** giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác quản lý hoạt động của hệ thống tài chính - ngân hàng và các hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, các định chế tài chính trung gian...

1) Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp; 2) Chuyên ngành Ngân hàng; 3) Chuyên ngành Tài chính quốc tế

Sinh viên khi học 3 chuyên ngành trên của HVTC ngoài được học **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế thì còn được trang bị các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Tài chính - Ngân hàng, không những thế sinh viên cũng được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp cũng giống như sinh viên khi theo học 3 chuyên ngành cùng tên trên của Trường ĐH Kinh tế quốc dân, ngoài ra sinh viên HVTC còn được đào tạo một số kiến thức mang tính đặc thù để khi ra trường cử nhân chuyên ngành **có khả năng** đảm nhận các công việc có liên quan đến các lĩnh vực được đào tạo...

* **Chuyên ngành Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Tổng cục, Cục: Viện Nghiên cứu tài chính; các TT. Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc; Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế...

+ Các Vụ: Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chiến lược phát triển ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ...

+ Các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở Tài chính, Sở Giao dịch ở các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng.

Ngành Hệ thống thông tin kinh tế (*Chuyên ngành Tin học tài chính kế toán*)

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin kinh tế không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế như: Đại số tuyến tính và Giải tích - Hàm số và giới hạn - Lý thuyết xác suất và thống kê toán - Pháp luật - Tin học - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Nguyên lý kế toán - Quản trị học - Toán rời rạc - Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành - Hệ thống thông tin quản lý.... Ngoài ra sinh viên ngành này còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở lập trình - Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Phát triển hệ thống thông tin kinh tế - Mạng và Truyền thông - Cơ sở dữ liệu... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các ngân hàng, các đơn vị sản xuất kinh doanh, có năng lực tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học trong hoạt động của các tổ chức kinh tế xã hội...

Sau khi tốt nghiệp ngành Hệ thống - Thông tin kinh tế sinh viên có thể công tác tại:

- + TT. Thông tin kinh tế và Hợp tác phát triển khu vực, TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT. Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...
- + Các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương...
- + Các phòng, ban: Thông tin kinh tế, Quản lý kinh tế và An toàn công nghiệp... tại các ngân hàng, các đơn vị sản xuất kinh doanh.

1) Ngành Kế toán (*gồm có các chuyên ngành: Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp; Chuyên ngành Kiểm toán*); 2) Ngành Quản trị kinh doanh (*gồm có các chuyên ngành: Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp; Chuyên ngành Marketing*)

Tương tự chương trình đào tạo các chuyên ngành có cùng tên trên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Hà Nội), Trường ĐH Kinh tế quốc dân... sinh viên khi theo học các chuyên ngành này của HVTC cũng được trang bị bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành thì sinh viên còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào trong công tác ở các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1996	1.100	19.018	1/17.2
1997	1.100	19.332	1/17.5
1998	1.100	26.000	1/23.6
1999	1.300	23.159	1/17.8
2000	1.100	15.280	1/13.8
2001	1.100	14.408	1/13.0
2002	1.100	10.706	1/9.7
2003	1.200	8.113	1/6.8
2004	1.400	9.107	1/6.5
2005	1.600	9.294	1/5.8
2006	1.820	14.002	1/7.6

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành qua mấy năm gần đây

Ngành	1997	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
						NV1	NV2	NV1	NV2			
Tài chính ngân hàng	17.5	18.5	18.5	22.0	23.0	19.5	20.5	20.0	23.0	22.0	23.0	23.5
Kế toán	17.5	18.5	18.5	22.0	23.0	19.5	20.5	20.0	23.0	22.0	26.0	23.0
Quản trị kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	20.0	23.0	22.0	20.0	23.5
Hệ thống thông tin kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	20.0	23.0	22.0	21.5	23.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- HVTC tuyển sinh trên toàn quốc và tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của HVTC lấy theo ngành kết hợp với với điểm vào Học viện nếu bạn đủ điểm vào HVTC mà không đủ điểm xét tuyển vào ngành thì được vào ngành còn chỉ tiêu.
- Năm 2006 HVTC mở thêm ngành mới là ngành Tiếng Anh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho Học viện Tài chính (HVTC) từ năm 2000 đến nay có xu hướng ngày càng tăng. (Xem bảng 1).
- Tỷ lệ "chọi" của HVTC năm 2005 giảm hơn so với các năm trước nhưng nhìn vào điểm trúng tuyển của HVTC thì lại tăng. Đặc biệt năm 2006 tỷ lệ "chọi" của HVTC cao hơn 3 năm trước song điểm trúng tuyển lại tăng lên rất cao. Điều đó cho thấy các thí sinh thi vào HVTC đều là các học sinh có lực học xuất sắc.
- Năm 2006 so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào HVTC là rất cao như ngành Tài chính ngân hàng và ngành Quản trị kinh doanh cao hơn tới 10.5 điểm (23.5/13). Hai ngành còn lại là Kế toán và Hệ thống thông tin kinh tế cũng cao hơn điểm sàn của Bộ là 10 điểm (23/13). Chính vì vậy, nếu bạn có dự định thi vào HVTC thì hãy cố gắng ngay từ bây giờ.
- Những ngành đào tạo của HVTC là những ngành mà xã hội đang có nhu cầu lớn. Vì thế sinh viên HVTC ra trường có thể xin việc làm ở tất cả các cơ quan kinh tế - xã hội, văn hóa, các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân... cho nên nếu bạn không có lực học xuất sắc trở lên thì bạn không nên ĐKDT vào Học viện.
- Từ điểm trúng tuyển cùng số lượng thí sinh ĐKDT chúng tôi dự kiến năm tới số lượng thí sinh ĐKDT sẽ có xu hướng giảm xuống.

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Địa chỉ: 12 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-8521305 - Fax: 84-4-8525024 - Website: <http://www.hvn.edu.vn/>

- Học viện Ngân hàng (HVNH) đã có hơn 45 năm xây dựng và trưởng thành.
- HVNH có đội ngũ cán bộ giảng viên gồm 346 người có trình độ cao, có uy tín khoa học và chuyên môn, trong đó có 53 Tiến sĩ, 100 Thạc sĩ.
- HVNH có 4 cấp độ đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học và Sau đại học với 2 loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tài chính - Ngân hàng

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng không chỉ có **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính & Giải tích - Lý thuyết xác suất thống kê và Thống kê toàn - Kinh tế học vi mô - Kinh tế học vĩ mô... mà còn trang bị các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Nguyên lý thống kê kinh tế - Nguyên lý kế toán - Luật Kinh tế - Kinh tế lượng.... Ngoài ra ngành còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tài chính - Tiền tệ - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính quốc tế - Nghiệp vụ ngân hàng Trung ương - Thanh toán quốc tế và Tài trợ xuất nhập khẩu - Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối - Tín dụng quốc tế - Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng - Marketing ngân hàng - Quản trị kinh doanh ngân hàng - Kế toán ngân hàng - Kiểm toán nội bộ ngân hàng - Kinh doanh chứng khoán - Thị trường chứng khoán - Quản trị doanh mục đầu tư chứng khoán... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** vận dụng vào công tác quản lý hệ thống ngân hàng và hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, có thể lập và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể công tác tại:

- + Các Viện, Trung tâm, Tổng cục, Cục: Viện Nghiên cứu tài chính; các TT, Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc; Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế...
- + Các Vụ: Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chiến lược phát triển ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ...
- + Các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam...
- + Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở Tài chính, Sở Giao dịch ở các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng.

Ngành Kế toán - Kiểm toán

Sinh viên học ngành Kế toán - Kiểm toán được trang bị **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế: Xác suất thống kê - Địa lý kinh tế - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Quản trị học - Kinh tế học vi mô - Kinh tế học vĩ mô... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành: Kinh tế lượng - Kinh tế quốc tế - Tài chính tiền tệ - Marketing - Tài chính doanh nghiệp - Quản trị doanh nghiệp - Phân tích hoạt động kinh doanh... đồng thời còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kế toán tài chính - Kế toán doanh nghiệp - Kiểm toán - Kế toán thương mại - Kế toán thuế - Kế toán kho bạc - Kế toán ngân sách - Tiền tệ ngân hàng - Hệ thống thông tin kế toán... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có thể** tổ chức, điều hành công tác kế toán, kiểm toán, nội bộ và tài chính... ở các doanh nghiệp, đặc biệt là các ngân hàng, có **khả năng** phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh tổ chức và thực hiện các thông tin, số liệu có liên quan tới tổ chức kinh tế nhằm xác định các chuẩn mực đã được quy định, **khả năng** nghiên cứu khoa học để phát triển và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế công tác...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán - Kiểm toán sinh viên có thể công tác tại:

- + Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế; Cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...
- + Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại các Sở: Sở Tài chính, Sở Du lịch và Thương mại, Sở Công nghiệp... ở các tỉnh, thành phố.
- + Hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước ở khắp các tỉnh, thành phố.
- + Các TCT, Cty trên địa bàn toàn quốc: TCT Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam, Cty Kiểm toán và Định giá Việt Nam...
- + Các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng soạn thảo văn bản pháp lý về kế toán, kiểm toán nội riêng và về kinh tế quản lý nói chung, các cơ quan kiểm tra tài chính...
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán.

Ngành Quản trị kinh doanh

Ngành Quản trị kinh doanh đào tạo cho sinh viên có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế, cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cũng như sẽ cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành cùng tên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Hà Nội), Trường ĐH Kinh tế quốc dân... được trang bị. Ngoài ra sinh viên của Học viện Ngân hàng khi theo học ngành này còn được học một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm công tác quản trị tại các đơn vị sản xuất kinh doanh...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1998	600	9.768	1/16.2
1999	1.000	25.509	1/25.5
2000	1.100	24.994	1/22.7
2001	1.100	21.522	1/19.5
2002	650	11.327	1/17.4
2003	700	4.906	1/7.0
2004	900	12.025	1/13.3
2005	1.030	13.068	1/12.7
2006	1.500	13.470	1/8.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào học viện (cơ sở 1).

Ngành	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1	NV2
Tài chính - Ngân hàng A	18.0	20.5	20.5	21.5	17.5	18.5	21.0	23.5	23	19.0
Kế toán A	-	-	-	-	-	-	-	23.5	22.5	19.0
Quản trị kinh doanh A	-	-	-	-	-	-	-	23.5	22.5	-

Ghi chú: - Trước năm 2005 HVNH đào tạo duy nhất ngành Tài chính - Tín dụng. Trước năm 2002 trường tuyển sinh cả khối D và K.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- HVNH tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A.

- Từ năm 2005 trở về trước HVNH lấy điểm trúng tuyển chung theo khối thi. Trường hợp có ngành thiếu chỉ tiêu sẽ chuyển thi sinh có điểm thấp của ngành thừa chỉ tiêu sang, nhưng từ năm 2006 HVNH lấy điểm trúng tuyển theo ngành.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo của HVNH được Bộ GD&ĐT giao cho có xu hướng tăng dần nhưng tỉ lệ “chơi” của HVNH từ năm 2004 đến năm 2006 lại có xu thế giảm dần và ở mức không cao. (Xem bảng 1).

- Nhìn vào bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển của HVNH so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định rất cao, nhất là 2 năm gần đây có ngành cao hơn tới 10 điểm như ngành Tài chính ngân hàng (23/13 - năm 2006), vì thế nếu bạn có ý định thi vào HVNH thì cần phải cố gắng.

- Với những đặc điểm trên đây, chúng tôi có thể khẳng định rằng bạn phải là người có học lực khá giỏi trở lên mới có thể trở thành sinh viên của HVNH, chúng tôi khuyên các bạn tìm hiểu so sánh đối chiếu chỉ tiêu, tỉ lệ “chơi”, điểm trúng tuyển một số trường có đào tạo các ngành tương tự như ĐH Thương mại, Học viện tài chính, Khoa Kinh tế... để có lựa chọn hợp lý khi ĐKDT.

- Từ những số liệu trên dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT vào HVNH sẽ tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG HÀ NỘI

Địa chỉ: 91 đường Chùa Láng, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 8344291 - Website: <http://www.flu.edu.vn/>

- Trường Đại học (ĐH) Ngoại thương được thành lập năm 1960, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ kinh tế đối ngoại trong phạm vi toàn quốc.
- Trường ĐH Ngoại thương có 242 cán bộ giảng dạy, trong đó 39,6% Thạc sĩ, 18% Giáo sư, Phó Giáo sư, và Tiến sĩ.
- Trường ĐH Ngoại thương có các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế đối ngoại

+ Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh doanh quốc tế ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Phương trình vi phân - Xác suất thống kê - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế vi mô... còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kinh tế đối ngoại: Kinh tế lượng - Tài chính tiền tệ - Chính sách thương mại quốc tế - Đầu tư nước ngoài... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kinh tế phát triển - Kinh tế công cộng - Giao dịch thương mại quốc tế - Thanh toán quốc tế - Marketing quốc tế - Thương mại quốc tế.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học tự chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành** như: Phân tích hoạt động kinh doanh - Nghiệp vụ hải quan - Lễ tân ngoại giao - ASEAN và Kinh tế các nước phát triển... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh xuất nhập khẩu, sự biến động của tỉ giá hối đoái và đầu tư quốc tế, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thương mại và các dự án đầu tư trong và ngoài nước...

Sinh viên học ngành Kinh tế đối ngoại sau khi tốt nghiệp có thể nhận công tác tại:

+ Các Cục, Vụ, Trung tâm: Cục Đầu tư nước ngoài; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Chính sách thương mại đa biên; TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia...

+ Các doanh nghiệp, Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: TCT Du lịch Việt Nam, các Công ty, TCT Thương mại xuất nhập khẩu... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... của 64 tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kinh tế đối ngoại.

Ngành Quản trị kinh doanh

+ Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế

Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế không chỉ trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và nhóm ngành Kinh tế cũng giống như chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, mà còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** về ngành Quản trị kinh doanh: Quan hệ kinh tế quốc tế - Chính sách thương mại quốc tế - Đầu tư nước ngoài - Ngôn ngữ kinh tế thương mại.... Đồng thời sinh viên còn được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quản trị chiến lược - Quản trị nhân sự - Quản trị tài chính - Giao dịch thương mại quốc tế - Thanh toán tín dụng quốc tế - Thị trường chứng khoán - Thương mại điện tử... bên cạnh đó, ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Văn hóa doanh nghiệp - Đầu tư nước ngoài - Nghiệp vụ hải quan - Kiểm toán - Thuế và hệ thống thuế - Lễ tân ngoại giao... để sau khi tốt nghiệp, Cử nhân chuyên ngành này sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh, có khả năng tạo lập một doanh nghiệp mới...

+ Chuyên ngành Luật Kinh doanh quốc tế

Khi học chuyên ngành Luật Kinh doanh quốc tế sinh viên sẽ được trang bị những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** giống như chuyên ngành Kinh doanh quốc tế. Đồng thời sinh viên cũng được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Luật Thương mại - Luật Bản quyền - Luật Kinh tế quốc tế - Luật Thương mại quốc tế - Luật Tài chính - Luật Ngân hàng - Luật Sở hữu trí tuệ... ngoài ra sinh viên chuyên ngành này còn được học một số môn học **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Hợp đồng mua bán - Pháp luật về mô hình doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ - Pháp luật quản lý doanh nghiệp liên doanh.... Sinh viên chuyên ngành này khi ra trường **có khả năng** tư vấn, phát triển doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp, đàm phán, soạn thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế thương mại, thực hiện chức năng của chuyên viên pháp lý tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế...

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh sinh viên có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược, TT. Tư vấn quản lý và đào tạo, TT. Trọng tài thương mại...

- + Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

- + Các doanh nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc đặc biệt có quan hệ đối tác với nước ngoài: TCT Xây dựng, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Dệt - May Việt Nam... hay các đơn vị cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý...

- + Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... và các Tòa án kinh tế thuộc hệ thống Tòa án nhân dân... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Tài chính - Ngân hàng

+ Chuyên ngành Tài chính quốc tế

Đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính quốc tế sẽ có **kiến thức cơ bản** của khối Khoa học Tự nhiên: Đại số tuyến tính - Giải tích toán học - Phương trình vi

phân - Xác suất thống kê - Kinh tế chính trị... và những **kiến thức cơ bản** về ngành: Nguyên lý thống kê kinh tế - Nguyên lý kế toán - Luật Kinh tế - Kinh tế lượng - Kế toán tài chính - Thị trường tài chính và các định chế tài chính - Ngân hàng thương mại - Pháp luật tài chính, ngân hàng - Đầu tư chứng khoán - Thương mại đầu tư - Nhập môn tài chính, tiền tệ - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính quốc tế... đồng thời cũng được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Giao dịch thương mại quốc tế - Vận tải và giao nhận - Thanh toán quốc tế - Tài trợ thương mại quốc tế - Quản lý rủi ro tài chính - Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành này sẽ **có khả năng** nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong điều kiện hội nhập tài chính quốc tế như hiện nay...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Tài chính; các TT. Giao dịch, TT. Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế...

+ Các Vụ: Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chiến lược phát triển Ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ...

+ Các các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và đầu tư quốc tế, làm kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở Tài chính, Sở Giao dịch ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính quốc tế).

Ngành Tiếng Anh

+ Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại

Sinh viên khi học ngành Tiếng Anh được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Nhập môn ngôn ngữ học - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Kinh tế học... bước đầu đi vào chuyên ngành với các **kiến thức cơ bản** của ngành như: Ngữ âm, Âm vị, Ngữ pháp tiếng Anh - Quan hệ kinh tế quốc tế - Kinh tế ngoại thương - Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tiếng Anh thương mại - Thanh toán quốc tế - Marketing quốc tế - Đầu tư nước ngoài - Vận tải và giao nhận trong ngoại thương... đồng thời sinh viên ngành này còn được **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành với các môn học lựa chọn như: Tiếng Anh - Tiếng Nga - Tiếng Pháp - Tiếng Nhật - Pháp luật trong hoạt động kinh tế đối ngoại.... Sau khi ra trường cử nhân Tiếng Anh **có khả năng** sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các hoạt động kinh doanh, trong các doanh nghiệp, có khả năng làm công tác biên, phiên dịch, có kiến thức kinh tế, kinh doanh và quản lý cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh, hiểu biết về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục của các nước sử dụng tiếng Anh...

Ngành Tiếng Pháp (Chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại); Ngành Tiếng Trung (Chuyên ngành Tiếng Trung thương mại); Ngành Tiếng Nhật (Chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại)

Chương trình đào tạo cử nhân các ngành Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật cũng tương tự như ngành Tiếng Anh. Sinh viên cũng được trang bị khối **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản và những **kiến thức cơ bản của ngành** mà sinh viên theo học, ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu** của từng chuyên ngành... để khi ra trường cử nhân các ngành này **có khả năng** sử dụng ngoại ngữ theo chuyên ngành một cách thành thạo, khả năng giao tiếp, biên dịch, phiên dịch tốt, đồng thời có kiến thức và hiểu biết về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, phong tục của các nước có sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành...

Sinh viên học ngành Tiếng Anh/ Tiếng Pháp/ Tiếng Trung/ Tiếng Nhật thương mại sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Cục, Vụ: Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động; Vụ Chính sách thương mại đa biên, Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư...

+ Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Hợp tác quốc tế, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư.... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các cơ quan tổ chức, các doanh nghiệp, các Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài (đặc biệt là các nước có sử dụng tiếng Anh, các nước trong cộng đồng Pháp ngữ, các nước nói tiếng Trung, Nhật Bản): TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Xuất nhập khẩu... và các đơn vị thành viên...

+ Các Cty dịch thuật, các Nhà xuất bản, các cơ quan thông tấn báo chí... có hoạt động liên quan đến Thương mại; Hoặc làm trợ lý các dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo có dạy ngoại ngữ chuyên ngành.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1999	1.300	11.215	1/8.6
2000	1.200	12.630	1/10.5
2001	1.400	15.091	1/10.7
2002	1.050	9.071	1/8.6
2003	1.450	10.841	1/7.4
2004	1.050	5.800	1/5.5
2005	1.100	5.385	1/4.8
2006	1.650	5.682	1/3.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
Kinh tế đối ngoại A/D1	22.0	22.0	19.5	21.5	22.5	23.5	26.5	25.0	26.5	25.5/24.5
Quản trị kinh doanh A/D1	16.0	17.0	-	21.5	22.5	22.0	25.0	23.5	26.5	23.0
Anh - Anh D1	20.0	21.0	21.5	22.0	23.0	22.5	25.5	24.0	24.0	23.5
Nga - Nga D2	18.0	20.5	21.5	23.0	24.0	22.5	25.5	24.0	26.5	22.5
Pháp - Pháp D3	20.0	20.5	22.5	24.5	25.5	22.5	25.5	25.0	25.5	23.5
Anh - Trung D1	19.5	20.5	22.0	24.0	25.0	22.0	25.0	24.0	24.0	22.0
Anh - Nhật D1	18.0	20.5	22.5	24.0	25.0	22.0	25.0	25.0	24.0	22.0
Tiếng Anh thương mại D1	15.5	24.5	28.5	27.5	28.5	22.0	25.0	23.5	24.0	22.0
Tiếng Pháp thương mại D3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.5
Tiếng Trung thương mại D1,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22.0
Tiếng Nhật thương mại D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22.0
Tài chính - Ngân hàng A/D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23/22

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Ngoại thương tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, D1, 2, 3, 4.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Ngoại thương lấy theo khối, ngành học mà thí sinh đã ĐKDT. Điểm môn Ngoại ngữ lấy hệ số 1.
- Trường ĐH Ngoại thương không tuyển thí sinh dị dạng, nói ngọng, nói lắp. Trường ĐH Ngoại thương là một trong những trường đại học có số lượng thí sinh đăng ký tuyển thẳng chiếm tỷ lệ cao nhất trong số học sinh giỏi đạt giải Olympic quốc tế, quốc gia cũng như học sinh thi tốt nghiệp đạt loại giỏi. Số sinh viên được tuyển thẳng cho từng ngành theo chỉ tiêu quy định.
- Năm 2006 Trường ĐH Ngoại thương được Bộ GD&ĐT giao đào tạo hệ ngoại ngân sách.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH Ngoại thương hàng năm giữ ở mức trên một nghìn. Tỷ lệ "chọi" của Trường ĐHNHT các năm gần đây không cao và có xu hướng giảm dần đi nhưng không nhiều. (Xem bảng 1).
- So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Ngoại thương thuộc vào loại khá cao (cao hơn từ 10 điểm (23/13) đến 12.5 điểm (25.5/13)). (Xem chi tiết ở bảng 2)
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Ngoại thương 2 năm 2004, 2005 cao hơn hẳn các năm khác, đặc biệt là năm 2005. Đến năm 2006 thì điểm trúng tuyển của trường có chiều hướng giảm đi (đây cũng là tình hình chung của các Trường ĐH). (Xem bảng 2).
- Có thể nói Trường ĐH Ngoại thương có chất lượng "đầu vào" được sàng lọc tốt nhất và là trường kinh tế duy nhất đặc biệt chú trọng chương trình đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành (ngoại ngữ trong tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...) vì vậy trường có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo rất cao.
- Trường ĐH Ngoại thương là trường "độc quyền" đào tạo cán bộ ngoại thương và có rất nhiều thí sinh thuộc diện tuyển thẳng đã ĐKDT vào Trường ĐHNHT nên nếu bạn muốn trở thành cử nhân ngoại thương bạn phải có lực học xuất sắc và phải nỗ lực rất nhiều.

- Năm 2006 trường có mở thêm một số ngành mới là: Ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Tiếng Pháp thương mại, ngành Tiếng Trung Quốc thương mại và ngành Tiếng Nhật thương mại. Việc mở thêm ngành mới cũng mở ra cơ hội mới cho những thí sinh có NV trở thành sinh viên của trường.

- Qua các số liệu trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Đường Hồ Tùng Mậu, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 8348406 - 7642133 - Website: <http://www.vcu.edu.vn/>

- Trường Đại học Thương Mại (ĐHTM) được thành lập năm 1960, là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực: Quản trị doanh nghiệp, Kế toán tài chính, Kinh doanh thương mại, Kinh tế, Khách sạn du lịch, Thương mại quốc tế.
- Trường ĐHTM có 270 cán bộ giảng dạy, trong đó có 9 Giáo sư và Phó Giáo sư, 50 Tiến sĩ, 87 Thạc sĩ và 6 Nhà giáo Ưu tú...
- Trường ĐHTM có các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm, với các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế (*Chuyên ngành Kinh tế thương mại*)

Ngành Kinh tế trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế: Đại số & Hình giải tích - Giải tích - Lý thuyết xác suất và Thống kê toán - Kinh tế vi mô, vĩ mô... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lịch sử các học thuyết kinh tế - Kinh tế lượng - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tài chính tiền tệ... đồng thời còn cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kinh tế đối ngoại - Kinh doanh quốc tế - Kinh tế đầu tư - Kế hoạch hóa và Chính sách kinh tế - Tiền tệ và Ngân hàng - Tài chính quốc tế - Tài chính công... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học tự chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Phân tích dự án đầu tư - Kinh tế các nước trong khu vực - Lập trình trong Math để giải các bài toán kinh tế... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược phát triển; TT. Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT. Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các Vụ, Cục: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Kinh tế nông nghiệp, Vụ Kinh tế công nghiệp, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu; Cục Kinh tế, Cục Đầu tư nước ngoài...

+ Các doanh nghiệp, công ty, nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn toàn quốc: TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Du lịch Việt Nam, TCT Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam... và các đơn vị thành viên.

+ Các phòng chức năng: Kinh tế đối ngoại, Kinh tế ngành, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở: Sở Thương mại, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Làm tại Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế.

Ngành Quản trị kinh doanh có các chuyên ngành

1) *Chuyên ngành Marketing thương mại*; 2) *Chuyên ngành Thương mại quốc tế*; 3) *Chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử*; 4) *Chuyên ngành Quản trị du lịch và khách sạn*; 5) *Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại*

Sinh viên học tất cả 5 chuyên ngành trên được trang bị không chỉ có những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Xác suất thống kê - Thống kê kinh tế - Kinh tế vi mô - Logic học - Quản trị học - Kinh tế vi mô... mà còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng - Bảo hiểm - Thị trường chứng khoán - Kinh tế học công cộng - Kinh tế học nhân lực.... Ngoài ra sinh viên sẽ được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kế toán tài chính doanh nghiệp - Quản trị marketing - Quản trị doanh nghiệp công nghiệp - Quản trị doanh nghiệp thương mại... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức**: Marketing quốc tế - Quản trị marketing - Phân tích kinh doanh.... Không những thế ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được trang bị thêm một số **kiến thức nghiệp vụ**: Quản trị sản xuất và Tác nghiệp - Quản trị nguồn nhân lực - Quản trị chiến lược... để sinh viên khi ra trường sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh, có khả năng tạo lập một doanh nghiệp mới. Hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường...

Ra trường, sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược, TT. Tư vấn quản lý và đào tạo; Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Các công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc đặc biệt có hoạt động liên quan đến ngành Thương mại, Du lịch: TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại... và các công ty, đơn vị trực thuộc trên địa bàn toàn quốc: Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Thương mại xuất nhập khẩu, Cty Thương mại và Đầu tư...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Kế toán (Chuyên ngành Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại)

Khi học ngành Kế toán doanh nghiệp thương mại sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế như: Đại số & Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Tài chính tiền tệ - Marketing căn bản - Luật Kinh tế - Nguyên lý thống kê kinh tế... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nguyên lý kế toán - Kế toán tài chính - Kế toán quản trị - Kiểm toán căn bản... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm công tác kế toán, kiểm toán tại các công ty, nhà máy, xí nghiệp...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán doanh nghiệp thương mại sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế; Cục thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...

+ Các cơ quan, nhà máy xí nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên khắp các lĩnh vực đặc biệt có liên quan đến Thương mại: TCT Thương mại xuất nhập khẩu, Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Thương mại và Dịch vụ...

+ Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại các Sở trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp thương mại.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1996	1.400	10.951	1/7.8
1997	1.500	15.617	1/10.4
1998	1.800	15.735	1/8.7
1999	1.800	19.339	1/10.7
2000	1.650	16.579	1/10.0
2001	1.900	26.344	1/13.8
2002	1.900	21.188	1/11.1
2003	1.900	24.630	1/12.9
2004	1.900	25.215	1/13.2
2005	2.150	31.454	1/14.0
2006	2.100	23.362	1/11.0

Bảng 2a. Điểm trúng tuyển vào trường.

1997	1998	1999	2000	2001
18	18.5	20.5	18.5	20.5

Bảng 2b. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2002		2003		2004	2005	2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1	NV2
Kinh tế thương mại	17.0	19.0	16.5	19.5	20.0	21.0	21.5	-
Kế toán doanh nghiệp TM	17.0	19.0	18.5	21.5	21.0	23.5	21.5	-
QTKD Khách sạn du lịch	13.0	15.0	16.5	19.5	16.0	20.0	17.5	20.0
QTKD Doanh nghiệp TM	15.5	17.5	17.0	20.0	18.5	21.5	19.0	-
QTKD Thương mại quốc tế	14.5	16.5	16.5	19.5	16.5	20.5	18.0	22.0
QTKD Marketing	14.0	16.0	16.5	19.5	17.0	20.0	17.5	21.0
Thương mại điện tử	-	-	-	-	-	-	18.5	21.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHTM tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHTM lấy theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Hệ cao đẳng không thi tuyển mà xét tuyển theo kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi khối A trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHTM từ năm 2003 đến nay có xu hướng tăng lên so với những năm trước. Số lượng các thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHTM nhiều nên tỉ lệ "chọi" của trường hàng năm cao. Tuy nhiên đến năm 2006 tỉ lệ "chọi" của trường đã giảm so với mấy năm trước. (Xem bảng 1).

- Nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy điểm trúng tuyển của Trường ĐHTM năm 2006 thấp hơn so với năm 2005 song giữa các ngành vẫn có sự chênh lệch đáng kể. Ví dụ: ngành Kinh tế thương mại lấy điểm trúng tuyển là 21.5 trong khi đó ngành Marketing chỉ lấy có 17.5 điểm... do đó đây là điểm mà thí sinh cần lưu ý: trước khi nộp hồ sơ ĐKDT vào Trường ĐHTM bạn nên xem xét điểm trúng tuyển giữa các ngành để có quyết định hợp lý.

- Các ngành Quản trị kinh doanh khách sạn du lịch, Quản trị marketing là những ngành hay tuyển NV2 của Trường ĐHTM. Điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐHTM so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định là tương đối cao có nhiều ngành cao hơn đến 8 điểm như ngành Thương mại điện tử, Quản trị marketing...

- Điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐHTM so với điểm NV1 cũng có sự chênh lệch. Năm 2006 ngành có số điểm chênh lệch nhiều nhất là ngành Quản trị Marketing (4.5 điểm), ngành có số điểm chênh lệch ít nhất là ngành Thương mại điện tử nhưng mức chênh lệch cũng tới 2.5 điểm. (Xem bảng 2).

- Rất nhiều trường khác cũng đào tạo một số ngành của Trường ĐHTM (DH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng...) nên trước khi ĐKDT bạn nên tìm hiểu các trường đó về chỉ tiêu, số thí sinh ĐKDT, tỉ lệ "chọi" cũng như điểm trúng tuyển vào các ngành để rút ra so sánh, từ đó bạn sẽ có sự lựa chọn đúng đắn về trường ĐKDT sao cho phù hợp với sức học của bạn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP 1

Trụ sở: Xã Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8276346 - Fax: (84-4) 8276554 - Website: <http://www.hau1.edu.vn/>

- Trường Đại học Nông nghiệp 1 được thành lập ngày 12/10/1956 là trường trọng điểm đầu ngành trong khối các trường đại học Nông - Lâm - Ngư nghiệp của cả nước.
- Trường ĐH Nông nghiệp 1 có 860 cán bộ công nhân viên trong đó có 549 Giảng viên, có 84 Giáo sư và Phó Giáo sư, 158 Tiến sĩ và 152 Thạc sĩ, 1 Nhà giáo Nhân dân, 27 Nhà giáo Ưu tú.
- Trường ĐH Nông nghiệp 1 có các cấp đào tạo: Đại học, Sau đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP 1 ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Bảo quản chế biến nông sản

Khi học ngành Bảo quản chế biến nông sản sinh viên được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, Sinh học: Hóa học - Hóa phân tích - Vật lý - Xác suất thống kê - Phương pháp tiếp cận khoa học - Sinh học - Tích phân - Phương trình vi phân... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Hóa học thực phẩm - Kỹ thuật thực phẩm - Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm - Phát triển thực phẩm - An toàn thực phẩm - Hóa sinh thực phẩm - Hóa sinh nông sản sau thu hoạch - Vật lý học thực phẩm... để trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ sinh học thực phẩm - Xử lý phế, phụ phẩm - Bao gói thực phẩm - Phương pháp thí nghiệm - Kỹ thuật lạnh - Phân tích thực phẩm - Bảo quản nông sản thực phẩm - Công nghệ chế biến nông sản, thực phẩm - Đánh giá cảm quan thực phẩm.... Tốt nghiệp, sinh viên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, giải quyết những vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm theo yêu cầu của thực tế, đồng thời có khả năng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật bảo quản chế biến nông sản thực phẩm đến người sản xuất...

Sau khi tốt nghiệp ngành Bảo quản chế biến nông sản sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Công nghiệp thực phẩm, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Nghiên cứu ngô, Viện Nghiên cứu chè; Cục Chế biến nông lâm sản và Nghề muối...

+ TCT Chế biến nông sản thực phẩm, TCT Thuốc lá Việt Nam, Cty Sữa Việt Nam, các TCT Bia - Rượu - Nước giải khát, TCT Chế biến thủy sản... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Chế biến thực phẩm, Cty Chế biến hải sản Biển Đông, Cty Chế biến thủy sản xuất khẩu, Cty Dầu thực vật - Hương liệu - Mỹ phẩm Việt Nam, Cty Kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Chế biến nông lâm sản và Ngành nghề nông thôn, Kỹ thuật, Quản lý sản xuất công nghiệp... tại các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp... của các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Bảo quản chế biến nông sản.

Ngành Khoa học đất

Khung chương trình đào tạo ngành Khoa học đất bao gồm những **kiến thức chung** của khối A, B: Vi tích phân - Ma trận - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Sinh học - Vật lý - Xác suất thống kê..., và **kiến thức cơ bản** về ngành: Địa chất học - Thổ nhưỡng học - Hóa học đất - Vật lý đất - Hóa môi trường - Vi sinh vật - Vi sinh vật đất - Khí tượng nông nghiệp - Sinh lý thực vật - Sinh hóa thực vật - Canh tác học - Cây trồng... cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phân bón và cách bón phân - Phân tích đất, nước, phân, cây - Phân tích bằng công cụ - Đất Việt Nam và xây dựng bản đồ đất - Đánh giá đất - Hệ thống thông tin địa lý - Quy hoạch sử dụng đất - Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng - Thủy nông cải tạo đất... để sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Khoa học đất **có khả năng** thực hiện công tác khảo sát đất, mô tả và phân loại đất phục vụ cho việc thực hiện bản đồ đất ở cấp độ vùng, tỉnh, huyện cũng như khả năng phân tích và đánh giá các đặc tính của các chất dinh dưỡng trong đất... phục vụ cho ngành nông nghiệp...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học đất có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Thổ nhưỡng Nông hóa; TT. Nghiên cứu Thủy nông cải tạo đất và Cấp thoát nước, TT. Nghiên cứu Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng, các TT. Nghiên cứu Đất, phân bón và Môi trường...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Quản lý ruộng đất, Cục Nông nghiệp...

+ TCT Chè Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam, các Cty Giống cây trồng Trung ương ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương... và các đơn vị trực thuộc: các Cty Chè, Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật, Quy hoạch Kế hoạch sử dụng đất... trực thuộc các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Khoa học đất.

Ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp

Sinh viên học ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp được cung cấp các **kiến thức chung** về khối khối Khoa học Tự nhiên, về Sinh học như: Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa học phân tích - Tâm lý học - Giáo dục học - Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Động vật không xương sống - Động vật có xương sống - Giải phẫu thực vật - Phân loại thực vật - Tổ chức học và Phôi thai học... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Sinh thái nông nghiệp - Khí tượng nông nghiệp - Công nghệ sinh học trong nông nghiệp - Phương pháp thí nghiệm nông nghiệp - Lý luận dạy học Kỹ thuật nông nghiệp - Phương pháp dạy học Kỹ thuật nông nghiệp ở Trung học phổ thông.... Ngoài ra trong thời gian học sinh viên sẽ được đi thực tập nghiệp vụ sư phạm... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** giảng dạy môn Kỹ thuật nông nghiệp tại các cơ sở đào tạo hoặc làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội có hoạt động liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp...

Sinh viên học ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm tại:

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp.

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu hải sản, các Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản; Các TT, phổ biến kiến thức nông nghiệp, TT. Khuyến nông Quốc gia, TT. Tài nguyên thực vật, TT. Khuyến ngư Việt Nam...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Thú y, Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ TCT Cơ điện - Xây dựng nông nghiệp và thủy lợi, TCT Chè Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Rau quả, nông sản Việt Nam, TCT Cà phê Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam... và các đơn vị thành viên. Ngoài ra, sinh viên ngành này còn có thể công tác tại các Cty Giống cây trồng, hoặc Cty Giống rau quả, Cty Giống chăn nuôi ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuốc phục vụ nông nghiệp, các nhà máy, Cty Chế biến thức ăn chăn nuôi...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, Nông lâm nghiệp, Chăn nuôi, Trồng trọt... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Khoa học cây trồng

Sinh viên khi theo học ngành Khoa học cây trồng được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh tương tự như sinh viên ngành Khoa học đất, bên cạnh đó ngành này còn trang bị để sinh viên có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Thực vật học - Hóa sinh thực vật - Di truyền thực vật - Khí tượng nông nghiệp - Vi sinh vật học - Phương pháp thí nghiệm... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Chọn tạo giống cây trồng - Thổ nhưỡng - Phân bón - Côn trùng nông nghiệp - Bệnh cây - Cỏ dại - Công nghệ sinh học nông nghiệp - Cây lương thực - Cây công nghiệp - Cây rau - Cây ăn quả - Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan - Hệ thống nông nghiệp - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật - Kinh doanh nông nghiệp - Canh tác học - Chăn nuôi - Kinh tế tài nguyên... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** chọn tạo giống cây trồng, có kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, bảo vệ cây trồng và kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm trồng trọt có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững...

Sau khi tốt nghiệp ngành Khoa học cây trồng sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Bảo vệ thực vật; TT. Khuyến nông Quốc gia, TT. Tài nguyên thực vật...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các TCT Lương thực, TCT Cao su Việt Nam, TCT Chè Việt Nam, TCT Cà phê Việt Nam, TCT Rau quả, nông sản Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương, Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm...

+ Các phòng chức năng: Nông lâm nghiệp, Trồng trọt, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Nông, Lâm trường trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Khoa học cây trồng.

Ngành Bảo vệ thực vật

Kỹ sư ngành Bảo vệ thực vật không chỉ được đào tạo **kiến thức chung** thuộc về khối A, B giống như là sinh viên chuyên ngành Khoa học đất mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Động vật hại nông nghiệp - Sinh lý thực vật - Hóa sinh thực vật - Di truyền thực vật - Phương pháp thí nghiệm.... Ngoài ra ngành còn cung cấp cho sinh viên hàng loạt **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Côn trùng học - Bệnh cây - Côn trùng chuyên khoa - Bệnh cây chuyên khoa - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật - Dịch tễ học bảo vệ thực vật - Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch - Chọn tạo giống cây trồng - Quản lý cỏ dại - Đất và phân bón - Hệ thống nông nghiệp - Công nghệ sinh học bảo vệ thực vật... để khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, quản lý, ngăn chặn sự xâm nhập, lây lan của các tác nhân gây hại để bảo vệ tài nguyên thực vật mà trọng tâm là cây trồng (trước và sau thu hoạch) đạt hiệu quả kinh tế, bảo đảm an toàn thực phẩm, giữ gìn sự đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, góp phần phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới bền vững của Việt Nam...

Sau khi tốt nghiệp ngành Bảo vệ thực vật có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Bảo vệ thực vật - Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả; TT. Khuyến nông, TT. Tài nguyên thực vật...

- + Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ thực vật, Cục Nông nghiệp; Vụ Khoa học công nghệ...

- + TCT Rau quả, nông sản Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam, TCT Chè Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Cà phê Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc. Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng, Cty Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương...

- + Các phòng chức năng: Nông lâm nghiệp, Trồng trọt... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Bảo vệ thực vật.

Ngành Chăn nuôi - Thú y

Sinh viên học ngành Chăn nuôi - Thú y được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A, B như: Hóa lý thuyết - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Sinh học - Sinh thái môi trường - Vật lý - Xác suất thống kê... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Động vật học - Giải phẫu động vật - Tổ chức và phôi thai học - Hóa sinh động vật - Sinh lý động vật - Di truyền động vật - Vi sinh vật... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Chăn nuôi lợn - Chăn nuôi trâu bò - Chăn nuôi gia cầm - Vệ sinh chăn nuôi - Chẩn đoán - Nội khoa - Ngoại khoa - Bệnh lý - Bệnh ký sinh trùng - Bệnh truyền nhiễm - Kinh tế và quản trị kinh doanh chăn nuôi - Nuôi trồng thủy sản - Sản khoa thú y... sau khi tốt nghiệp sinh viên trở thành những kỹ sư nông nghiệp ngành Chăn nuôi - Thú y **có khả năng** chọn lọc, nhân giống, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe vật nuôi và kinh doanh chăn nuôi nhằm tạo ra các sản phẩm chăn nuôi có năng suất và chất lượng cao, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững, mặt khác có khả năng giảng dạy, nghiên cứu bộ môn này tại các cơ sở đào tạo, các Viện, Trung tâm...

Sinh viên học ngành Chăn nuôi - Thú y sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu hải sản, các Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản; TT. Khuyến nông Quốc gia, TT. Khuyến ngư Việt Nam...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thú y, Cục Nông nghiệp, Cục Quản lý chất lượng - An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ Các nông, lâm trường, các vườn quốc gia, các trạm, trại, công ty, TCT chăn nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi: TCT Chăn nuôi Việt Nam, TCT Rau quả, nông sản Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc: Cty Giống gia súc lớn Trung ương, các Cty Chăn nuôi, Cty Giống chăn nuôi, Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, các Nhà máy thức ăn chăn nuôi...

+ Các phòng chức năng: Chăn nuôi, Kỹ thuật... tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các ngành Chăn nuôi - Thú y.

Ngành Thú y

Ngành Thú y không chỉ trang bị cho sinh viên *kiến thức chung* dành cho khối A, B, mà còn cung cấp những *kiến thức cơ bản* dành cho ngành giống như sinh viên ngành Chăn nuôi - Thú y, đồng thời nhà trường còn tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu các *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* như: Dược lý học thú y - Miễn dịch học thú y - Sinh lý bệnh thú y - Giải phẫu bệnh thú y - Độc chất học thú y - Chẩn đoán bệnh thú y - Dịch tễ học thú y - Vệ sinh thú y - Bệnh nội khoa thú y - Bệnh truyền nhiễm động vật - Kỹ sinh trung thú y - Ngoại khoa thú y - Chăn nuôi chuyên khoa - Kiểm nghiệm thú sản - Luật Thú y... để sau khi học xong sinh viên ngành Thú y *có khả năng* chẩn đoán, điều trị, phòng, trị và kiểm soát dịch bệnh động vật để phát triển chăn nuôi, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái...

Sau khi tốt nghiệp ngành Thú y sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Thú y Quốc gia, Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, TT. Khuyến nông Quốc gia, TT. Kiểm dịch thú y...

+ Các Cục: Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản...

+ Các chi cục thú y, các trạm, trại chuyên chăn nuôi thú y ở khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ TCT Chăn nuôi Việt Nam và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Chăn nuôi thú y, Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, các Nhà máy thức ăn chăn nuôi...

+ Giảng dạy trong các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Thú y.

Ngành Kỹ thuật điện

Nội dung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện nhằm trang bị cho sinh viên những *kiến thức chung* về khối Khoa học Tự nhiên: Xác suất thống kê - Cơ & Nhiệt - Điện & Quang - Hóa học - Hàm phức... và các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành: Trường điện từ - Vật liệu điện và điện tử - Hình họa và vẽ kỹ thuật - Nhiệt kỹ thuật, công nghệ - Kỹ thuật điện - CAD trong kỹ thuật điện... bên cạnh khối *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*: Kỹ thuật chiếu sáng - Mạch điện tử - Kỹ thuật số - Kỹ thuật đo - An toàn điện - Mạch điện - Vi xử lý - Thiết kế thiết bị điện - Điều khiển máy điện... thì sinh viên còn được cung cấp *kiến thức bổ trợ* cho ngành qua một số môn học lựa chọn: Thiết kế hệ thống điện - Ổn định hệ thống điện - Vận hành và điều khiển hệ thống điện.... Tốt nghiệp Kỹ sư ngành này *có khả năng* nghiên cứu, khai thác và thiết kế các hệ thống điện và mạng điện; nghiên

cứu qui trình quản lý và sử dụng các thiết bị điện trong dây chuyền tự động hóa, có khả năng chế tạo một số công đoạn tự động trong dây chuyền sản xuất hiện đại; quản lý kỹ thuật tại cơ sở công tác về điện công suất, hệ thống điện, mạng điện...

Sinh viên học ngành Kỹ thuật điện sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, Viện Cơ điện nông nghiệp và sau thu hoạch; TT. Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT. Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện; Cục Điều tiết điện lực, Cục Tấn số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế...

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Thiết bị kỹ thuật điện, TCT Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi... với hàng loạt các công ty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc như: Cty Chế tạo thiết bị điện, các Nhà máy, Cty Thủy điện, Cty Nhiệt điện, Cty Điện lực, Cty Truyền tải điện, Cty Tư vấn xây dựng điện...

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật điện.

Ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông

Sinh viên học ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế như: Sinh học - Toán cao cấp - Sinh thái môi trường - Hóa học - Địa lý kinh tế - Vật lý - Xác suất thống kê - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Lâm nghiệp - Trồng trọt - Khuyến nông - Chăn nuôi - Thủy sản - Kinh tế nông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ - Xã hội học nông thôn - Kinh tế phát triển - Bảo vệ thực vật... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phát triển nông thôn - Thống kê nông nghiệp - Tổ chức công tác khuyến nông - Dự án phát triển nông thôn - Tài chính tín dụng nông thôn - Kinh tế hộ và trang trại - Quy hoạch tổng thể nông thôn - Phương pháp hạch toán trong nông nghiệp, nông thôn - Chính sách phát triển nông thôn - Marketing nông nghiệp - Quản lý tài nguyên môi trường nông thôn - Quản trị kinh doanh nông nghiệp - Giới và phát triển nông thôn... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành này **có khả năng** tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình phát triển, các chương trình khuyến nông...

Sinh viên học ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Quy hoạch và Phát triển nông thôn, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Tư vấn phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi; TT. Khuyến nông Quốc gia, các TT. Khuyến nông khuyến lâm của các tỉnh, thành phố trên cả nước...

+ TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Cơ điện - Xây dựng nông nghiệp và thủy lợi, TCT Chăn nuôi Việt Nam, TCT Thủy sản Việt Nam, TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp, TCT Rau quả, nông sản Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên.

+ Hợp tác xã khuyến nông, khuyến lâm ở các quận, huyện trong toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Chính sách nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch - Đầu tư... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của các tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông.

Ngành Quản lý đất đai

Khi học ngành Quản lý đất đai sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế như: Toán cao cấp - Địa lý kinh tế - Nguyên lý kinh tế - Thống kê kinh tế - Toán xác suất thống kê - Kinh tế chính trị - Nhập môn tin học - Hóa học - Vật lý - Soạn thảo văn bản - Nhập môn xã hội học - Logic học... và các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Thổ nhưỡng - Đánh giá đất - Hệ thống canh tác - Trắc địa - Trắc địa ảnh viễn thám - Bản đồ học - Cơ sở dữ liệu - Hệ thống thông tin địa lý (GIS) - Hệ thống định vị toàn cầu... đồng thời cũng sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quy hoạch sử dụng đất - Quy hoạch sử dụng đất đô thị và kinh doanh công nghiệp - Quản lý hành chính về đất đai - Đăng ký thống kê đất đai - Pháp luật đất đai - Thanh tra đất đai - Kinh tế đất - Định giá đất - Thị trường bất động sản - Hệ thống thông tin đất - Thuế nhà đất... để sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ **có khả năng** đánh giá, phân hạng đất, thiết lập bản đồ, đồng thời kỹ sư ngành này có thể nghiên cứu các giải pháp kinh tế kỹ thuật thực hiện các phương án sử dụng đất đai, giải quyết tranh chấp, đền bù đất nông thôn, đô thị...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý đất đai có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Điều tra quy hoạch đất đai, TT. Điều tra quy hoạch đất đai...
- + Các Cục, Vụ: Cục Đo đạc và Bản đồ, Vụ Đất đai, Vụ Đăng ký và Thống kê đất đai...
- + TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và Công trình...
- + Các phòng chức năng: Đo đạc và Bản đồ, Quản lý địa chính nhà đất, Chính sách đất... ở các Sở như Sở Địa chính - Nhà đất, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... thuộc các tỉnh, thành phố.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản lý đất đai.

Ngành Kinh tế nông nghiệp

Sinh viên học ngành Kinh tế nông nghiệp được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế như: Đại số tuyến tính - Giải tích - Địa lý kinh tế - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Lý thuyết xác suất thống kê - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Xã hội học nông thôn... là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Kinh tế phát triển - Kinh tế nguồn nhân lực - Kinh tế học sản xuất - Kinh tế hợp tác - Tài chính tiền tệ - Kế hoạch sản xuất nông nghiệp - Lý thuyết kế toán - Thống kê nông nghiệp... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kinh tế hộ và kinh tế trang trại - Kinh tế nông nghiệp - Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp - Tài chính nông nghiệp - Marketing nông nghiệp - Cơ khí nông nghiệp - Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp - Chính sách nông nghiệp - Khuyến nông... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có thể** tham gia công tác quản lý ngành nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở tầm vĩ mô, tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách vĩ mô đối với lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn, xây dựng và quản lý các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong nông nghiệp và nông thôn.

Ngành Kinh doanh nông nghiệp

Khi học ngành Kinh doanh nông nghiệp sinh viên sẽ được học trên nền những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế tương tự như sinh viên ngành Kinh tế doanh nghiệp, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Quản trị học - Quản lý sản xuất - Marketing căn bản - Trồng trọt cơ bản - Kinh tế hợp tác - Quản trị chiến lược

- Kinh tế hộ và kinh tế trang trại - Kinh tế dịch vụ thương mại - Nguyên lý kế toán - Kinh tế nông nghiệp - Chăn nuôi cơ bản... thì sẽ được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tâm lý quản lý - Quản trị nhân sự - Kinh tế môi trường - Marketing nông nghiệp - Cơ khí nông nghiệp - Kinh tế lương - Kế toán doanh nghiệp - Quản trị kinh doanh nông nghiệp - Bảo quản chế biến - Luật kinh tế - Chính sách nông nghiệp - Giá cả thị trường - Công tác quản lý của các nhà lãnh đạo - Kế hoạch doanh nghiệp - Kinh tế quốc tế - Thị trường chứng khoán - Phân tích kinh doanh... để khi ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** tổ chức điều hành chiến lược, chính sách kinh doanh tại các cơ quan, doanh nghiệp nông nghiệp...

Sinh viên học ngành Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn; TT. Khuyến nông, TT. Tư vấn và Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp...

+ Các Cục, Vụ: Cục Hợp tác và Phát triển nông thôn, Vụ Kế hoạch...

+ TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Chăn nuôi Việt Nam, TCT Thủy sản Việt Nam, TCT Cơ điện - Xây dựng nông nghiệp và thủy lợi, TCT Chế biến Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Rau quả, nông sản Việt Nam... và các đơn vị, Cty thành viên được phân bố trên khắp cả nước.

+ Phòng chức năng: Nông nghiệp, Kế hoạch tài chính, Quản lý đầu tư, Chính sách nông nghiệp và Phát triển nông thôn... trực thuộc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư... ở 64 tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp.

Ngành Nuôi trồng thủy sản

Sinh viên ngành Nuôi trồng Thủy sản được trang bị ngoài **kiến thức chung** về khối B: Tích phân - Đạo hàm - Xác suất thống kê - Sinh thực - Sinh động - Vi sinh - Hóa phân tích... còn có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Ngư loại học - Chăn nuôi - Chế biến thủy sản - Hệ thống canh tác - Sinh thái vùng - Sinh lý cá và giáp xác - Dinh dưỡng và thức ăn cá - Sản xuất giống cá - Vi sinh ứng dụng trong thủy sản... đồng thời còn được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật (KT) nuôi cá nước ngọt - Phiêu sinh động vật và động vật đáy - KT nuôi giáp xác - KT nuôi nhuyễn thể - KT nuôi cá cảnh - KT nuôi rong biển - KT nuôi cá biển - Di truyền và chọn giống cá - Bảo quản sản phẩm thủy sản sau thu hoạch.... Tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật và quản lý ngành Nuôi trồng thủy sản và một số lĩnh vực khác của ngành kinh tế quốc dân...

Ra trường, sinh viên học ngành Nuôi trồng thủy sản có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản, Viện Nghiên cứu hải sản, Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp; TT. Khuyến ngư Quốc gia, TT. Khuyến nông Quốc gia...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ TCT Thủy sản Việt Nam, TCT Chân nuôi Việt Nam... và các đơn vị trực thuộc: Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, Cty Chế biến, nuôi trồng thủy sản, các trạm, trại nuôi tôm, cá giống, các TT. VAC...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, Chăn nuôi, Nông lâm nghiệp... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản.

1) Ngành Kế toán doanh nghiệp; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Trên nền những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản và nhóm ngành Kinh tế thì sinh viên 2 ngành có tên trên còn được trang bị các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... cũng giống như sinh viên các ngành cùng tên của Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng... để khi ra trường sinh viên các ngành này đều **có khả năng** tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến chuyên ngành đào tạo, đồng thời hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường...

Ngành Tin học

Khi học ngành Tin học sinh viên sẽ được học trên nền khối **kiến thức chung** về Toán, Lý là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành bên cạnh hàng loạt **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành cùng tên ở Trường ĐH Giao thông vận tải được trang bị, ngoài ra, sinh viên ngành này của Trường ĐH Nông nghiệp I còn được cung cấp rất nhiều môn học lựa chọn mang tính đặc thù của trường như: Phần mềm nguồn mở - Tính toán song song - Xử lý tiếng nói - Chương trình dịch - Xử lý số liệu trong sinh học nông nghiệp - Robotics - Thương mại điện tử... để khi ra trường kỹ sư Tin học **có khả năng** phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, chế tạo hệ thống các sản phẩm phần mềm, lập các trang web, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng đặc biệt là tin học dùng trong lĩnh vực nông nghiệp...

Ngành Công nghệ sinh học

Ngành Công nghệ sinh học trang bị cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành đồng thời cũng sẽ được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH KHTN (ĐHQG Hà Nội). Học xong ngành này sinh viên sẽ **có các kỹ năng** làm thực hành, thực nghiệm, thu thập mẫu, sử dụng các phương pháp thí nghiệm hiện đại của Công nghệ sinh học... vận dụng vào trong thực tế cuộc sống đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp...

Ngành Lâm vườn và sinh vật cảnh

Kỹ sư ngành Lâm vườn và Sinh vật cảnh được trang bị **kiến thức chung** thuộc lĩnh vực Toán, Lý, Hóa, Sinh giống như sinh viên các chuyên ngành Bảo vệ thực vật, Công nghệ sinh học... đồng thời ngoài những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Thực vật học - Chọn giống ngắn ngày - Bệnh cây nông nghiệp - Công nghệ sinh học trong nông nghiệp - Chọn tạo giống cây trồng... thì sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Rau, hoa, quả và cây cảnh - Hoa và Cây cảnh - Cây rau - Cây thuốc - Cây ăn quả - Quản lý dịch hại tổng hợp... để sau khi tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** ứng dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất các loại cây, cỏ, hoa và sinh vật cảnh...

Ra trường, sinh viên ngành Nông học có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Viện Chăn nuôi, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Bảo vệ thực vật; TT. Khuyến nông Quốc gia, TT. Tài nguyên thực vật, TT. Giống chăn nuôi...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chế biến nông lâm sản và Nghề muối, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Rau quả, Nông sản Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam, TCT Chè Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Cà phê Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc, Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng, Cty Giống chăn nuôi ở các tỉnh, Cty giống Lâm nghiệp Trung ương, Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm...

+ Các phòng chức năng: Nông lâm nghiệp, Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến nông lâm sản và Ngành nghề nông thôn... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Nông học.

Ngành Kỹ thuật cơ khí có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Cơ khí nông nghiệp**

Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí nông nghiệp được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A như: Đại số - Giải tích - Hình học - Vật lý (cơ, nhiệt, điện, quang) - Hóa học đại cương - Vẽ kỹ thuật... đồng thời với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ học lý thuyết - Nguyên lý máy - Cơ sở thiết kế máy - Kỹ thuật đo - Vật liệu kỹ thuật - Kỹ thuật gia công cơ khí - Kỹ thuật điều khiển tự động - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Quản lý máy trong doanh nghiệp nông nghiệp - Máy năng chuyển... cũng như sẽ còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Động cơ đốt trong - Ô tô máy kéo và xe chuyên dụng - Máy thu hoạch - Máy canh tác - Thiết bị bảo quản và Chế biến nông sản - Chuẩn đoán kỹ thuật máy - Kỹ thuật bảo trì và Sửa chữa máy - Cơ khí chăn nuôi... để khi ra trường sinh viên **có kỹ năng** cơ bản về thiết kế, chế tạo, sử dụng và tổ chức hướng dẫn sử dụng, sửa chữa máy móc nông nghiệp nói riêng và các loại máy móc khác trong thực tế cuộc sống nói chung.

*** Chuyên ngành Cơ khí động lực**

Khi học chuyên ngành Cơ khí động lực sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối A, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như là sinh viên chuyên ngành Cơ khí nông nghiệp, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở độ tin cậy máy - Nguyên liệu dầu mỡ - Kỹ thuật bảo trì và Sửa chữa máy - Máy canh tác - Máy thu hoạch - Truyền động thủy lực và Khí nén - Nguyên lý động cơ đốt trong - Động lực học động cơ đốt trong - Kết cấu động cơ đốt trong - Lý thuyết liên hợp máy - Ô tô máy kéo và xe chuyên dụng - Tính toán thiết kế ô tô máy kéo và xe chuyên dụng - Động lực học ô tô máy kéo - Chuẩn đoán kỹ thuật máy... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, sử dụng và tổ chức hướng dẫn sử dụng, sửa chữa máy móc, công cụ động lực.

*** Chuyên ngành Cơ khí bảo quản chế biến**

Sinh viên học chuyên ngành Cơ khí bảo quản chế biến được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành tương tự như sinh viên các chuyên

ngành Cơ khí nông nghiệp, bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành này còn được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Truyền động thủy lực và Khí nén - Động cơ đốt trong - Cơ khí chăn nuôi - Hóa sinh thực phẩm - Máy canh tác - Máy thu hoạch - Kỹ thuật lò hơi - Kỹ thuật bảo quản nông sản - Kỹ thuật sơ chế nông sản - Kỹ thuật chế biến nông sản - Kỹ thuật bảo trì và Sửa chữa máy chế biến - Kỹ thuật điện... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, sử dụng và tổ chức hướng dẫn sử dụng, sửa chữa máy móc trong lĩnh vực bảo quản, chế biến các loại sản phẩm của Nông nghiệp, Lâm nghiệp, và thủy sản...

Sinh viên học ngành Kỹ thuật cơ khí sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Viện Tự động hóa kỹ thuật quân sự...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và Hóa chất...

+ TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp, TCT Cơ khí xây dựng, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Chế tạo động cơ, Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, lắp máy và xây dựng, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý công nghệ... thuộc Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ khí.

Ngành Công thôn

Ngành Công thôn trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa như: Đại số - Hình học - Phương pháp tính - Vật lý (nhiệt, điện, quang, cơ học) - Hóa học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sức bền vật liệu - Kỹ thuật thủy khí - Cơ sở thiết kế máy - Kỹ thuật đo - Vật liệu cơ khí - Vật liệu xây dựng - Kỹ thuật gia công cơ khí - Kỹ thuật điện - Mạng điện - Truyền động điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Cơ học đất và Nén móng... đồng thời sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nhiên liệu dầu mỡ - Động cơ đốt trong - Ô tô máy kéo và xe chuyên dụng - Máy canh tác - Máy thu hoạch - Cơ khí chăn nuôi - Thiết bị bảo quản và Chế biến nông sản - Máy thủy lực và Kỹ thuật tưới tiêu - Cung cấp điện - Máy xây dựng - Kết cấu công trình nông thôn - Kết cấu nhà thép - Bê tông cốt thép... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** đảm nhận các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, vận hành và quản lý các thiết bị trong lĩnh vực cơ điện nói chung và cơ điện nông nghiệp và nông thôn nói riêng, có kiến thức quy hoạch và xây dựng các công trình phục vụ nông nghiệp và nông thôn.

Sau khi tốt nghiệp ngành Công thôn sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Cơ điện nông nghiệp và Sau thu hoạch...

+ Các Cục: Cục Quản lý và Xây dựng công trình, Cục Thủy lợi...

+ TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TCT Cơ điện - Xây dựng nông nghiệp và Thủy lợi, TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp, các TCT Xây dựng thủy lợi, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Cơ khí xây dựng, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam... và các Cty trực thuộc: Cty Chế tạo động cơ, Cty Cơ

gười và Xây lắp, Cty Cơ giới, lắp máy và Xây dựng, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy, Cty Truyền tải điện, Cty Tư vấn xây dựng điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Thủy lợi... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hệ thống các trạm bơm, hồ thủy lợi... trên khắp cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu ở các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công thôn.

Ngành Môi trường

Ngành Môi trường (MT) trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối A, B như: Xác suất thống kê - Đại số - Hình giải tích - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Hóa phân tích... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Quá trình thủy lực trong công nghệ MT - Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ MT - Quá trình truyền khối trong công nghệ MT - Sinh thái học MT - Công nghệ sinh học MT - Luật và Chính sách MT - Kinh tế MT - Kiểm toán MT - Phương pháp công cụ trong phân tích môi trường, sinh thái.... Không những thế sinh viên ngành này còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Đánh giá chất lượng đất, nước, không khí - Đánh giá tác động của MT - GIS trong nghiên cứu sinh thái MT - Ô nhiễm MT - Xử lý nước thải - Sinh thái học đồng ruộng... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, giám sát, thi công, vận hành các công trình xử lý chất thải, hoặc có thể giải quyết những vấn đề về môi trường, có thể tham gia thực hiện các dự án về môi trường, tư vấn đầu tư bảo vệ tài nguyên thiên nhiên...

Ra trường, sinh viên ngành Môi trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn; TT. Nghiên cứu môi trường, TT. Nghiên cứu tài nguyên và môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường Việt Nam, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ TCT Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường Việt Nam xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường...

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Môi trường.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1998	1.500	14.550	1/9.7
1999	1.500	21.502	1/14.3
2000	1.500	29.686	1/19.7
2001	1.700	30.758	1/18.0
2002	1.750	24.026	1/13.7
2003	2.000	25.915	1/12.9
2004	2.300	31.693	1/13.7
2005	2.500	31.272	1/12.5
2006	2.700	31.512	1/11.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

Khối	1998	1999	2000	2002		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
A	18.0	20.5	19.5	17.0	18.0	16.0	19.0	18.0	18.0	15.5
B	14.5	19.0	17.0	20.0	21.0	18.5	21.5	19.5	19.0	15.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Nông nghiệp 1 tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A và B.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Nông nghiệp 1 lấy chung theo khối mà thí sinh ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH Nông nghiệp 1 hàng năm có xu hướng tăng lên. Điều đó chứng tỏ nhu cầu xã hội ngày càng cần nhiều kỹ sư, cử nhân... của trường. (Xem bảng 1).

- Nhìn chung số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐH Nông nghiệp 1 cũng tăng dần theo từng năm, trừ năm 2002 giảm 21% so với năm 2001 (do năm 2002 là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung"). 3 năm trở lại đây số lượng ĐKDT luôn ở mức trên 31 nghìn thí sinh ĐKDT. (Xem bảng 1).

- Từ năm 2004 đến nay mặc dù số lượng thí sinh ĐKDT vào trường vẫn đông nhưng tỉ lệ "chọi" lại có chiều hướng giảm (do chỉ tiêu của trường tăng), tuy nhiên so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này vẫn ở mức khá cao. (Xem bảng 1).

- Từ năm 2002 đến năm 2005 điểm trúng tuyển khối A lấy thấp hơn khối B (17/20 - 16/18.5 - 18/19.5 - 18/19) Riêng năm 2006 điểm trúng tuyển của khối A và khối B bằng nhau (15.5 điểm). Nhìn tổng thể thì có thể nói rằng điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Nông nghiệp 1 không cao so với mặt bằng chung nhưng vẫn cao hơn so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định từ 2.5 - 4.0 điểm đối với khối A và từ 1.5 - 4.5 điểm đối với khối B. Vì vậy để có thể trở thành sinh viên của trường bạn cũng phải có học lực trung bình khá trở lên.

- Từ năm 2004 trở lại đây Trường ĐHNH 1 không xét tuyển NV2 nhưng lại xét tuyển NV3. Điểm trúng tuyển NV3 so với điểm trúng tuyển NV1 của trường có sự chênh lệch tương đối lớn (khối B chênh nhau tới 4.5 điểm). Mặt khác so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV3 của Trường ĐH Nông nghiệp 1 là tương đối cao (Xem bảng NV3). Vì vậy nếu bạn có ý định vào học Trường ĐH Nông nghiệp 1 mà lực học không được khá trở lên thì bạn nên ĐKDT ngay từ đầu, không nên không trúng tuyển NV1 rồi mới đăng ký NV sau vì như vậy bạn sẽ khó có cơ hội được trở thành sinh viên của trường.

- Trường ĐH Nông nghiệp 1 là một trường có chất lượng đào tạo tốt. Sinh viên của trường được trang bị đầy đủ kiến thức để có thể làm việc trong thực tế vì thế hầu hết sinh viên khi ra trường đều dễ tìm được việc làm ngay.

- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Trụ sở: Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Tây

Điện thoại: 034.840440, 840707

- Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) được thành lập năm 1964, là trường đại học duy nhất đào tạo ngành lâm nghiệp, có truyền thống và uy tín trong ngành và trong toàn xã hội.
- Trường ĐHLN có 129 giảng viên trong đó có 10 Giáo sư, Phó Giáo sư, 34 Tiến sĩ, 107 Thạc sĩ...
- Trường ĐHLN có 2 cấp độ đào tạo: Đại học và Trên đại học với 2 loại hình chính: chính quy và vừa học vừa làm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Chế biến lâm sản

Ngành Chế biến lâm sản trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, khối Kinh tế, Tin học như: Phương trình vi phân - Đại số tuyến tính - Giải tích - Vật lý - Hóa học - Xác suất thống kê - Quản trị học - Dân số học - Kinh tế học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sức bền vật liệu - Cơ học - Nhiệt kỹ thuật - Điện kỹ thuật - Hình họa và Vẽ kỹ thuật - Cơ lưu chất - Lâm nghiệp - Khoa học gỗ... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nguyên lý cắt gọt - Keo dán gỗ - Kinh tế chế biến lâm sản - Bảo quản gỗ - Sấy gỗ - Bảo vệ môi trường công nghiệp - Lâm luật và Chính sách lâm nghiệp - Sử dụng máy chế biến - Công nghệ xẻ - Hóa lâm sản - Thống kê lâm nghiệp - Tiếp thị và Quản trị - Tối ưu hóa quá trình sản xuất - Công nghệ mộc - Công nghệ chất phủ - Công nghệ vân nhân tạo - Khai thác lâm sản - Công nghệ sợi giấy - Lâm sản ngoài gỗ... để khi ra trường sinh viên **có được khả năng** làm việc trong các lĩnh vực sử dụng, bảo quản, chế biến các mặt hàng lâm sản...

Sinh viên học ngành Chế biến lâm sản sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Điều tra quy hoạch rừng, Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam; TT. Phát triển công nghệ lâm sản, TT. Môi trường và Lâm sinh nhiệt đới...

+ Cục, Vụ: Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối; Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm...

+ TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên trên toàn quốc: Cty Lâm sản, Cty Chế biến lâm sản xuất khẩu, Cty Lâm đặc sản xuất khẩu, Cty Thương mại lâm sản, Cty Xuất khẩu lâm sản mỹ nghệ...

+ Giảng dạy ở các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Chế biến Lâm sản.

Ngành Công nghiệp phát triển nông thôn

Sinh viên học ngành Công nghiệp phát triển nông thôn được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Đại số - Giải tích - Hóa học đại cương - Vật lý đại cương - Xác suất thống

kê - Tin học đại cương... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Vật liệu cơ khí - Kỹ thuật gia công cơ khí - Máy điện, truyền động điện - Cơ học đất và Nền móng... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Động cơ đốt trong - Ô tô máy kéo và Xe chuyên dụng - Quản lý máy trong doanh nghiệp nông nghiệp - Quy hoạch nông thôn - Kỹ thuật thi công và Quản lý công trình xây dựng nông thôn - Máy thủy lực và Kỹ thuật tưới tiêu... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, vận hành và quản lý các thiết bị máy móc phục vụ trong nông thôn.

Ngành Lâm nghiệp

Ngành Lâm nghiệp trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối A, B như: Đại số - Xác suất thống kê - Vật lý - Sinh học - Nhập môn sinh học - Hóa học - Hóa phân tích... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sinh lý thực vật - Khí tượng thủy văn rừng - Đất và Lập địa - Thực vật rừng - Bảo vệ môi trường nông lâm nghiệp - Bảo tồn đa dạng sinh học... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trồng rừng - Cơ giới trồng rừng - Khai thác lâm sản... để khi ra trường **có khả năng** thiết kế chỉ đạo các biện pháp kỹ thuật, các hoạt động trồng, chăm sóc, điều tra, quy hoạch, điều chế rừng và nghiên cứu thực nghiệm giống, xây dựng vốn rừng.

Sinh viên học ngành Lâm nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Viện Điều tra quy hoạch rừng; TT. Môi trường và Lâm sinh nhiệt đới...

- + TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Lâm sản, Cty giống Lâm nghiệp Trung ương, Cty Chế biến lâm sản xuất khẩu, Cty Sản xuất kinh doanh và dịch vụ lâm nghiệp, Cty Lâm đặc sản xuất khẩu, Cty Thương mại lâm sản, Cty Xuất khẩu lâm sản mỹ nghệ, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

- + Các cơ quan thuộc ngành kiểm lâm, ngành môi trường; các nông, lâm trường trên địa bàn toàn quốc...

- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Lâm nghiệp.

Ngành Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng

Khi học ngành Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, về Sinh học như: Đại số - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Hóa phân tích - Sinh học - Nhập môn sinh học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lâm nghiệp và Chính sách lâm nghiệp - Kỹ thuật lâm sinh - Kinh tế nông lâm - Đo đạc và Bản đồ - GIS trong lâm nghiệp - Phòng chống cháy rừng - Điều tra rừng - Quy hoạch và điều chế... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phương pháp xây dựng dự án lâm nghiệp xã hội - Khuyến Lâm - Lâm nghiệp đô thị - Điều tra rừng - Khai thác lâm sản - Lâm sản ngoài gỗ... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** bảo vệ, khai thác nguồn tài nguyên rừng.

Ngành Nông lâm kết hợp

Sinh viên học ngành Nông lâm kết hợp được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Toán, Lý, Hóa, Sinh: Đại số - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Hóa phân tích - Sinh học - Nhập môn sinh học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sinh thái rừng - Thống kê lâm

ngiệp - Côn trùng lâm nghiệp - Bệnh hai rừng - Động vật rừng - Di truyền và Giống cây rừng... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nông Lâm kết hợp - Cơ giới trồng rừng - Lâm nghiệp xã hội - Phương pháp xây dựng dự án lâm nghiệp xã hội - Khuyến lâm - Lâm nghiệp đô thị - Trồng rừng - Chọn giống cây trồng... để khi ra trường **có thể đảm đương** các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chỉ đạo dịch vụ kỹ thuật và quản lý các tổ chức, cơ sở thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đặc biệt trong lĩnh vực Nông lâm.

Ngành Kinh tế lâm nghiệp

Ngành Kinh tế lâm nghiệp trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế như: Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Đại số tuyến tính - Kinh tế chính trị - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Nguyên lý thống kê kinh tế - Cơ sở toán cho kinh tế - Lâm nghiệp - Nông học - Chăn nuôi - Kinh tế lượng - Phân tích định lượng trong quản lý - Kinh tế lượng ứng dụng - Kinh tế tài nguyên - Luật Kinh tế - Kinh tế nguồn nhân lực... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tín dụng nông thôn - Khuyến nông - Kinh tế phát triển nông thôn - Thị trường nông lâm sản - Phân tích chính sách nông nghiệp - Kế toán - Kinh tế phát triển - Dự án đầu tư - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Kinh tế môi trường - Kinh tế công cộng - Kinh tế quốc tế... để khi ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực liên quan đến ngành đào tạo...

Ngành Cơ giới hóa lâm nghiệp

Khi học ngành Cơ giới hóa lâm nghiệp sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, Lý như: Đại số - Hình giải tích - Xác suất thống kê - Hình học - Cơ học - Sức bền vật liệu... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Vật liệu cơ khí - Kỹ thuật gia công cơ khí - Máy điện, truyền động điện... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy cưa điện - Máy làm đất - Máy kéo... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các cơ quan, nhà máy xí nghiệp liên quan.

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Kế toán

Sinh viên khi theo học hai ngành có tên trên của Trường ĐHLN được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành cùng tên tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, HV Tài chính, HV Ngân hàng, Khoa Kinh tế (ĐHQG Hà Nội)... Ngoài ra sinh viên ĐHLN còn được học một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập trong công tác có liên quan đến chuyên ngành đặc biệt là các lĩnh vực thuộc ngành Nông - lâm nghiệp...

Ngành Quản lý đất đai

Ngành Quản lý đất đai trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và các **kiến thức cơ bản** về ngành, thì còn cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành này của Trường ĐH Nông nghiệp 1 được đào tạo, bên cạnh đó sinh viên còn được học một số môn học mang tính đặc thù của trường. Tốt nghiệp ngành này sinh viên **có khả năng** quản lý đất đai đặc biệt là đất đai ở các nông, lâm trường.

1) Ngành Khoa học môi trường; 2) Ngành Công nghệ sinh học

Khi học ngành Khoa học môi trường hoặc ngành Công nghệ sinh học, sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên ngành đó của Trường ĐH KHTN.... Ngoài ra còn được trang bị một số môn học đặc thù

riêng của trường... để khi ra trường **có khả năng** làm công tác nghiên cứu hoặc trực tiếp làm việc tại các cơ quan có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

Ngành Thiết kế chế tạo sản phẩm mộc và nội thất

Ngành Lâm nghiệp xã hội

Ngành Lâm nghiệp đô thị

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	600	10.600	1/17.6
2001	750	11.595	1/15.4
2002	800	6.103	1/7.6
2003	850	7.976	1/9.3
2004	900	8.782	1/9.7
2005	950	7.949	1/8.0
2006	1.050	7.104	1/6.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2000	2002		2003		2004	2005		2006	
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Chế biến lâm sản A	17.0	11.0	17.5	13.5	16.5	14.0	15.0	19.5	13.0	13.0
Công nghiệp PTNT A	17.5	11.0	18.5	13.5	16.5	14.0	15.0	16.5	13.0	13.0
Lâm nghiệp xã hội A	18.5	11.5	18.5	13.5	16.5	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Lâm nghiệp xã hội B	17.5	15.5	19.0	16.5	19.5	18.0	17.0	15.0	14.0	14.0
Lâm học A	18.5	13.5	19.5	13.5	16.5	14.0	15.0	19.5	13.0	13.0
Lâm học B	18.5	17.0	22.5	16.5	19.5	18.0	17.0	19.5	14.0	14.0
QL bảo vệ rừng A	21.0	12.5	19.0	13.5	16.5	14.0	15.0	19.5	13.0	13.0
QL bảo vệ rừng B	19.5	15.5	21.0	13.5	16.5	18.0	17.0	19.5	14.0	14.0
Quản trị kinh doanh* A	-	11.0	-	13.5	16.5	14.0	15.0	19.5	13.0	13.0
Cơ giới hóa lâm nghiệp A	-	11.0	12.5	13.5	16.5	14.0	15.0	16.5	13.0	13.0
Lâm nghiệp đô thị A	-	13.0	19.0	13.5	16.5	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Lâm nghiệp đô thị B	-	17.0	22.0	16.5	19.5	18.0	17.0	15.0	14.0	14.0
Kinh tế lâm nghiệp A	-	11.0	-	13.5	16.5	14.0	15.0	19.5	13.0	13.0
Quản lý đất đai A	-	12.5	-	13.5	16.5	14.0	15.0	19.5	13.0	13.0
Nông lâm kết hợp A	-	-	-	13.5	16.5	14.0	15.0	15.5	13.0	13.0
Nông lâm kết hợp B	-	-	-	16.5	19.5	18.0	17.0	15.5	14.0	14.0
Khoa học môi trường A	-	-	-	-	-	14.0	16.0	19.5	13.0	13.0
Khoa học môi trường B	-	-	-	-	-	18.0	19.0	19.5	14.0	14.0
Kê toán A	-	-	-	-	-	14.0	15.0	-	13.0	13.0
Công nghệ sinh học A	-	-	-	-	-	-	17.0	19.5	13.0	13.0
Công nghệ sinh học B	-	-	-	-	-	-	20.0	19.5	14.0	14.0
Thiết kế SP mộc và nội thất A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0

Ghi chú: - * - Trước năm 2004 trường đào tạo ngành Quản trị kinh doanh lâm nghiệp.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) tuyển sinh trong trong toàn quốc và tuyển sinh khối A và B.
- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHLN được lấy theo khối, ngành. Năm 2006 thi lấy điểm theo khối thi.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHLN có biểu đồ đi lên. (Xem bảng 1).
- Số lượng thi sinh ĐKDT vào Trường ĐHLN ba năm gần đây tăng, nhưng do trường được giao thêm chỉ tiêu đào tạo nên tỉ lệ "chọi" của trường tăng không nhiều. Hai năm gần đây 2005 - 2006 có xu hướng giảm đi. (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển của trường chỉ bằng hoặc cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT nhưng sự chênh lệch không lớn (các ngành tuyển sinh khối A thường lấy bằng điểm sàn, còn lấy cao hơn điểm sàn thì chủ yếu là các ngành tuyển sinh khối B) và so với mặt bằng chung thì thấp hơn một số trường khác (xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 nhưng cũng ở mức không cao so với điểm sàn và so với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối A, B khác. (Xem bảng 2).
- Với mức điểm trúng tuyển trên chỉ cần bạn có học lực trung bình trở lên nếu cố gắng, đồng thời có sự lựa chọn ngành hợp lý là có thể trở thành sinh viên của trường.
- Hiện nay nước ta đang cần hàng ngàn kỹ sư lâm nghiệp để phát triển các dự án trồng rừng bù đắp lại những cánh rừng đã mất. Cho nên nếu học này khi ra trường các bạn rất dễ xin được việc làm.
- Dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Địa chỉ: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 04.8521441 / 5631537 - Website: <http://www.wru.edu.vn/>

- Trường Đại học Thủy lợi (ĐHTL) đã có gần 50 năm xây dựng và trưởng thành, là trường Đại học đầu ngành, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Nước và là trung tâm Khoa học Công nghệ có uy tín về Thủy lợi - Thủy điện, Tài nguyên và Môi trường...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường ĐHTL gồm 600 người, trong đó có 2 Nhà giáo Nhân dân, 58 Nhà giáo Ưu tú, 10 Giáo sư, 42 Phó giáo sư, 88 Tiến sĩ, 108 Thạc sĩ...
- Trường ĐHTL có 3 cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học với 2 loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Xây dựng công trình thủy lợi

Sinh viên học ngành Xây dựng công trình thủy lợi được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A như: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Hình họa - Vật lý đại cương - Hóa học đại cương - Cơ học cơ sở... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sức bền vật liệu - Cơ học kết cấu - Cơ học môi trường liên tục - Phương pháp số - Cơ học đất - Nền móng - Tin học ứng dụng - Vật liệu xây dựng - Vẽ kỹ thuật - Đo đạc - Kỹ thuật điện - Máy xây dựng - Kinh tế xây dựng - Tự động hóa thiết kế công trình thủy - Luật xây dựng - An toàn lao động... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kết cấu bê tông cốt thép - Kết cấu thép gỗ - Địa chất công trình - Địa chất thủy văn - Thủy công - Thiết kế đê và Công trình bảo vệ bờ - Thi công công trình... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** vận hành, quản lý thiết bị thi công công trình thủy lợi và khai thác các công trình thủy lợi, thủy điện; biết lắp đặt, chế tạo, sửa chữa, cải tiến các máy móc, thiết bị chuyên dùng, có khả năng thiết kế, thi công các công trình thủy lợi, các nhà máy thủy điện...

Sinh viên học ngành Xây dựng công trình thủy lợi sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khoa học thủy lợi, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành bê tông, Viện Khoa học xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn; TT. Chuyển giao Công nghệ quản lý nước và Công trình thủy lợi...

+ Các Cục: Cục Quản lý đê điều, phòng chống lụt, bão; Cục Quản lý xây dựng công trình...

+ Các TCT Xây dựng thủy lợi, TCT Cơ điện nông nghiệp - thủy lợi, TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn... và các Cty trực thuộc trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Thủy lợi, Quản lý kỹ thuật... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hệ thống các trạm bơm, hồ thủy lợi... trên khắp cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Xây dựng công trình thủy lợi.

Ngành Thủy văn môi trường (Chuyên ngành Môi trường - Quản lý khu vực)

Sinh viên khi học chuyên ngành Môi trường - Quản lý lưu vực sẽ được cung cấp không chỉ các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Giải tích - Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Hình họa - Vật lý - Hóa học... cùng khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Thủy văn môi trường: Địa lý thủy văn, hải dương học - Xử lý thủy văn - Kỹ thuật môi trường - Động lực học dòng sông - Cơ sở môi trường... mà còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phân tích tính toán thủy văn - Điều khiển hệ thống nguồn nước - Quản lý khai thác hệ thống nguồn nước - Xử lý nước và nước thải - Quản lý chất lượng nước - Quy hoạch và quản lý môi trường - Điều tra thủy văn và môi trường - Khí tượng nông nghiệp - Khí tượng biển - Thủy văn đô thị - Thủy văn nước dưới đất - Chính trị sông và bờ biển... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** phân tích, tính toán, dự báo thủy văn và môi trường, các dự án phát triển tài nguyên nước, quy hoạch và quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên nước, quản lý lưu vực và bảo vệ môi trường, quy hoạch và thiết kế các công trình chính trị sông và biển phòng chống thiên tai...

Ra trường, sinh viên học ngành Thủy văn môi trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khoa học khí tượng thủy văn, các TT. Dự báo khí tượng thủy văn, TT. Quản lý - Điều tra tài nguyên nước, TT. Công nghệ và Đánh giá tài nguyên nước...

+ Các phòng chức năng: Quản lý tài nguyên nước, Quản lý môi trường... trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường của 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Các công ty, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Thủy văn môi trường như: TCT Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam, Cty Vật tư khí tượng thủy văn...

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Thủy văn môi trường.

Ngành Thủy nông - Cải tạo đất

Đào tạo kỹ sư ngành Thủy nông - Cải tạo đất nhằm cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học tự nhiên: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Hình họa - Vật lý đại cương - Hóa học đại cương - Cơ học cơ sở... đồng thời còn đào tạo khối **kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thủy nông - thủy lực - Trạm bơm - Cấp thoát nước - Trắc đạc - Cải tạo đất - Viễn thám và Hệ thống tin địa lý - thủy văn đô thị - Khí hậu nông nghiệp... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên chuyên ngành này sẽ **có khả năng** quy hoạch, thiết kế, quản lý các hệ thống thủy nông, xử lý nước bẩn, cấp nước sinh hoạt và nước sản xuất cho thành phố, nông thôn, miền núi...

Kỹ sư ngành Thủy nông - Cải tạo đất có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp; TT. Nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và cấp thoát nước, các TT. Nghiên cứu đất, phân bón và môi trường, TT. Chuyển giao công nghệ quản lý nước và công trình thủy lợi...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Quản lý ruộng đất; Cục Nông nghiệp, Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều, phòng chống lụt, bão...

+ TCT Chế Việt Nam, TCT Cao su Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc: Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng ở các tỉnh...

+ Các phòng chức năng: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Quản lý tài nguyên nước; Thủy lợi; Kỹ thuật... trực thuộc các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường.... Các hợp tác xã khuyến nông (Tổ dịch vụ của các xã, thôn)... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Làm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, THCN, TC nghề có đào tạo của chuyên ngành Thủy nông - Cải tạo đất.

Ngành Công trình thủy điện

Ngành Công trình thủy điện trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối A giống như là sinh viên các ngành Xây dựng công trình thủy lợi, Thủy văn môi trường... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Luật xây dựng - An toàn lao động - Sức bền vật liệu - Cơ học kết cấu - Cơ học môi trường liên tục - Phương pháp số - Cơ học đất - Nền móng - Tin học ứng dụng - Vật liệu xây dựng - Vẽ kỹ thuật - Đo đạc - Kỹ thuật điện - Máy xây dựng - Kinh tế xây dựng - Tự động hóa thiết kế công trình thủy.... Không những thế sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công trình trạm thủy điện - Thủy năng - Tuabin thủy lực - Thiết bị phụ - Lắp ráp thiết bị thủy điện - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Điện tử số - Trang bị điện máy xây dựng - Nhà máy điện và Trạm biến áp - Tự động hóa công trình thủy lợi, thủy điện... để khi tốt nghiệp ra trường kỹ sư chuyên ngành **có khả năng** thi công các công trình trên sông, trên biển, xây dựng dân dụng, có kiến thức về khảo sát quy hoạch, lập dự án, giám sát chất lượng công trình đặc biệt là các công trình thủy điện...

Sinh viên học ngành Công trình thủy điện sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Cục: Viện Năng lượng, Cục Điều tiết điện lực...
- + Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Sông Đà, các TCT Xây dựng công trình giao thông... với hàng loạt các nhà máy, Cty thủy điện trực thuộc như: Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Nhà máy Thủy điện Trị An, Cty Thủy điện Thác Mơ, Cty Thủy điện Thác Bà...
- + Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý điện, Quản lý điện năng... tại Sở Công nghiệp, Điện lực... của các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công trình thủy điện.

Ngành Máy xây dựng và Thiết bị thủy lợi

Sinh viên ngành Máy xây dựng và Thiết bị thủy lợi được trang bị **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản tương tự như ngành Thủy văn môi trường, bên cạnh đó cũng sẽ được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ học lý thuyết - Cơ học môi trường liên tục - Lý thuyết dao động - Dao động kỹ thuật - Động lực học công trình - Kiến trúc... cùng với hàng loạt **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy xây dựng - Máy và truyền động thủy lực - Máy nâng chuyển và thiết bị cửa van - Ô tô máy kéo - Máy sản xuất vật liệu - Máy làm đất - Kỹ thuật thủy khí - Khai thác máy xây dựng - Sửa chữa máy xây dựng - Cơ sở thiết kế máy - Kỹ thuật gia công cơ khí - Kỹ thuật đo - Nguyên lý máy - Kỹ thuật an toàn môi trường - Động lực học máy - Xử lý bề mặt... Tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy xây dựng và Thiết bị thủy lợi **có khả năng** thiết kế chế tạo máy xây dựng, máy thủy lực, quản lý, vận hành, cung ứng, các dự án... đồng thời có khả năng nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu và nhà máy chế tạo...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Máy xây dựng và Thiết bị thủy lợi có thể làm việc tại:

- + Các Cục, Viện, Trung tâm: Cục Quản lý và Xây dựng công trình, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Khoa học thủy lợi, Viện Nghiên cứu cơ khí, TT. Chuyển giao công nghệ quản lý nước và Công trình thủy lợi...
- + TCT Cơ khí xây dựng, các TCT Xây dựng thủy lợi, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp... và các công ty, đơn vị trực thuộc trên địa bàn toàn quốc: các Cty Cơ khí xây dựng, Cty Cơ khí công trình thủy...
- + Các phòng chức năng: Thiết kế cơ sở, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Thủy lợi, Quản lý công nghệ... trực thuộc các Sở: Sở Xây dựng, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh thành trên cả nước.
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Máy xây dựng và Thiết bị thủy lợi.

Ngành Kinh tế thủy lợi

Sinh viên học ngành Kinh tế thủy lợi được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A, nhóm ngành Kinh tế như: Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế lượng... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Hạch toán kế toán - Phân tích hoạt động kinh doanh - Quản lý Nhà nước về kinh tế - Kinh tế đầu tư - Tài chính, tiền tệ - Kinh tế phát triển - Kinh tế môi trường - Thống kê kinh tế - Marketing - Thể chế và Pháp lý trong tài nguyên nước - Điều khiển học kinh tế - Kiểm toán... đồng thời còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Định mức, đơn giá, dự toán - Tổ chức quản lý và Quản lý thi công -

Kinh tế quản lý khai thác công trình thủy - Kinh tế xây dựng - Kinh tế sử dụng tổng hợp nguồn nước... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ***có khả năng*** giải quyết các vấn đề kinh tế kỹ thuật xây dựng nói chung và kinh tế thủy lợi nói riêng, có khả năng tham gia xây dựng và quản lý các dự án đầu tư, thiết kế và tổ chức thi công các công trình thủy lợi, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập dự toán các công trình, quản lý các doanh nghiệp.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế thủy lợi có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Kinh tế nông nghiệp, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thủy lợi, Cục Hợp tác và Phát triển nông thôn, Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ Kế hoạch...

+ Các TCT Xây dựng thủy lợi, TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các TCT Xây dựng công trình giao thông... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng công trình thủy lợi, Cty Xây dựng công trình, Cty Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế thủy lợi.

Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình (Kỹ thuật bờ biển)

Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình trang bị cho sinh viên ***kiến thức chung*** về khối Khoa học Tự nhiên như: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Hình học - Vật lý đại cương - Hóa học đại cương - Cơ học cơ sở... đồng thời cũng sẽ tạo điều kiện để sinh viên đi vào chuyên ngành với những ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành cùng với các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** như: Đo đạc và Chính lý số liệu thủy văn - Động lực học sóng biển - Chính trị sông và Bờ biển - Khí tượng học - Hải dương học - Viễn thám và Hệ thống tin địa lý... để khi tốt nghiệp ra trường kỹ sư chuyên ngành ***có khả năng*** thiết kế, thi công, giám sát, quản lý các công trình và vùng bờ biển.

Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng công trình (Kỹ thuật bờ biển) có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành bê tông, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải...

+ Các Trung tâm: TT. Cơ học công trình và Kỹ thuật biển, TT. Khảo sát nghiên cứu tư vấn môi trường biển, TT. Tư vấn thiết kế và Chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông vận tải, TT. Khoa học công nghệ bảo vệ công trình và Phương tiện giao thông vận tải...

+ Các TCT Xây dựng công trình giao thông, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, TCT Hàng hải Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Kỹ thuật công nghệ biển, Cty Tư vấn xây dựng cảng đường thủy, Cty Tư vấn xây dựng công trình hàng hải...

+ Các phòng chức năng: Xây dựng cơ bản, Thiết kế cơ sở, Quản lý giao thông thủy, Giao thông kỹ thuật... tại các Sở: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình.

Ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành Cấp thoát nước)

Sinh viên khi theo học ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng sẽ được trang bị không chỉ có ***kiến thức chung*** dành cho sinh viên của khối A giống như ngành Thủy văn môi trường, mà còn có các ***kiến***

thức cơ bản và những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Máy bơm và trạm bơm - Cấp nước - Thoát nước dân dụng và công nghiệp - Công nghệ vi sinh - Công trình xử lý nước cấp - Công trình xử lý nước thải - Quy hoạch đô thị - Hệ thống cấp thoát nước trong nhà - Công trình thu nước - Cấp nước và vệ sinh nông thôn - Thiết lập các dự án cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.... Sau khi tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành Cấp thoát nước **có khả năng** quy hoạch, lập dự án, thiết kế, quản lý các hệ thống cấp thoát nước cho đô thị và nông thôn, quản lý chất lượng nước và vệ sinh môi trường...

Sinh viên học chuyên ngành Cấp thoát nước sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Khí tượng Thủy văn, Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường; TT. Công nghệ và Đánh giá tài nguyên nước, TT. Quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, TT. Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, TT. Nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và Cấp thoát nước...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đề điều, phòng chống lụt, bão; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường...

+ TCT Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Tư vấn Cấp thoát nước, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Môi trường Việt Nam xanh...

+ Các phòng chức năng: Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản, Quản lý Môi trường... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Cấp thoát nước.

Ngành Tin học (Công nghệ thông tin)

Cũng giống như sinh viên ngành Công nghệ thông tin của Trường ĐH Công nghệ, sinh viên Trường ĐH Thủy lợi khi theo học ngành này cũng sẽ được học ngoài những **kiến thức chung** về Toán, Lý, còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời cũng sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi ra trường sinh viên **có kỹ năng** tốt về xử lý ảnh và đồ họa, có khả năng phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng đặc biệt là trong lĩnh vực Thủy lợi...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1998	800	6.132	1/7.6
1999	800	8.858	1/11.0
2000	900	16.359	1/18.1
2001	1.000	21.495	1/21.4
2002	910	8.709	1/9.5
2003	900	10.799	1/12.0
2004	920	7.135	1/7.7
2005	1.100	8.075	1/7.3
2006	1.070	4.479	1/4.1

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành (tại cơ sở 1)

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
Công trình TĐ	18.5	17.0	20.0	19.0	16.5	19.5	20.0	23.0	18.0	22.0	16.0
Công nghệ TT	18.5	17.0	20.0	21.0	16.0	18.5	20.5	23.5	18.0	22.0	16.0
Kỹ thuật CSHT	18.5	17.0	20.0	20.0	17.0	21.0	21.5	24.5	19.5	23.0	18.5
Kinh tế thủy lợi	21.0	17.5	20.0	19.5	16.0	19.0	20.0	23.0	18.5	22.5	18.0
Thủy văn MT	18.5	17.0	20.0	19.5	16.0	19.0	18.5	21.5	18.5	22.0	16.0
Máy XD và TBTL	18.5	17.0	20.0	19.0	16.0	19.0	20.0	23.0	20.0	22.0	16.0
Thủy nông CTĐ	18.5	17.0	20.0	19.0	16.5	18.5	19.5	22.5	18.5	22.0	16.0
XD Công trình TL	21.0	19.5	22.0	22.0	18.5	20.5	22.0	25.0	21.5	24.0	19.5
Kỹ thuật XDCT	-	-	-	-	-	-	18.5	-	18.0	22.0	16.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHTL tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh theo khối A.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHTL được lấy theo ngành, khoa mà thí sinh ĐKDT. Nếu không đủ điểm vào ngành đã chọn thí sinh sẽ được chuyển sang ngành có điểm trúng tuyển thấp hơn.
- Các thí sinh không trúng tuyển vào hệ Đại học mà có điểm thi cao được xét tuyển vào hệ Cao đẳng của Trường ĐHTL trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo của Trường ĐHTL được Bộ GD&ĐT giao từ năm 2003 đến năm 2006 tăng lên. (Xem bảng 1).
- Từ sau năm 2002 tỉ lệ "chọi" của trường giảm dần, đặc biệt năm 2006 do số lượng thí sinh ĐKDT vào trường giảm gần 1 nửa so với năm 2005 khiến cho tỉ lệ "chọi" của trường thấp hơn hẳn những năm khác và cũng ở mức không cao so với mặt bằng chung. (Xem chi tiết bảng 1).
- Năm 2006 điểm trúng tuyển của Trường ĐHTL thấp hơn nhiều so với điểm trúng tuyển năm 2005. Có nhiều ngành giảm tới 6 điểm như: Thủy văn cải tạo đất, Thủy văn môi trường, Công nghệ thông tin (Tin học)... Mức điểm này khiến cho trường chỉ thuộc "top" trung bình, điều này có nghĩa bạn chỉ cần có lực học trung bình khá trở lên là có khả năng trúng tuyển. (Xem bảng 2).
- Năm 2006 so với điểm sàn mà Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển của Trường ĐHTL không phải là quá cao song cũng cao hơn từ 3 - 6.5 điểm.
- Trường ĐHTL thường tuyển NV2 cho cơ sở 2 tại thành phố Hồ Chí Minh. Các ngành Thủy nông - Cải tạo đất, Thủy văn môi trường, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng là những ngành thường hay tuyển thêm NV2.
- Điểm trúng tuyển NV2 năm 2002, 2003 cao hơn so với NV1 trung bình từ 2 - 3 điểm. Năm 2003 điểm trúng tuyển NV2 khá cao có ngành lấy đến 25.0 điểm (ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng), và thấp nhất cũng tới 21.5 điểm. Với mức điểm trúng tuyển này nếu bạn không thực sự có lực học xuất sắc thì khó có khả năng trở thành sinh viên của trường.
- Trong bối cảnh đất nước đang tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì các ngành mà Trường ĐHTL đào tạo phục vụ rất thiết thực cho xã hội. Trong số đó, các ngành Xây dựng công trình thủy lợi, Thủy nông - Cải tạo đất, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng... là những ngành xã hội có nhu cầu nhiều nhất, vì thế sinh viên các ngành này ra trường rất dễ tìm được việc làm.
- Qua số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên đáng kể.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Trụ sở: Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04.8386214 - 8389940 - 8389668 - Website: <http://www.humg.edu.vn/>

- Trường Đại học Mỏ - Địa chất (ĐHM - ĐC) được thành lập năm 1966, là một trường đại học chuyên ngành lớn và duy nhất của cả nước đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học và trên đại học về các lĩnh vực điều tra, khai thác tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, đo đạc đất đai...
- Trường ĐHM - ĐC có 368 cán bộ giảng dạy, trong đó 53,2% cán bộ có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ.
- Trường ĐHM - ĐC có các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm với các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Địa chất có các chuyên ngành:

* Chuyên ngành Địa chất

Sinh viên học chuyên ngành Địa chất được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A như: Xác suất thống kê - Vật lý cơ nhiệt - Vật lý điện quang - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Hóa vô cơ... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Thạch học đá biến chất - Thạch học đá trầm tích - Khoáng sản học - Địa chất đại cương - Địa chất cơ sở - Địa kiến tạo... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cơ sinh địa tầng - Địa sử - Địa chất Việt Nam - Địa chất dầu khí - Địa mao, viễn thám - Trầm tích - Địa chất môi trường - Địa chất biển - Cổ sinh... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành Địa chất **có khả năng** làm công tác nghiên cứu, công tác tìm kiếm, thăm dò địa chất và khai thác, tái tạo nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng phát triển bền vững.

* Chuyên ngành Tìm kiếm và thăm dò

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tìm kiếm và Thăm dò không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A giống như là sinh viên chuyên ngành Địa chất mà còn có các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Toán địa chất - Tin học ứng dụng - Phương pháp phân tích mẫu trọng sa... Ngoài ra khi theo học ngành này sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phương pháp tìm kiếm và Dự báo tài nguyên khoáng - Phương pháp tìm kiếm mỏ các khoáng sản rắn - Địa chất khai thác mỏ khoáng - Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất - Chỉ dẫn công tác địa chất trong các xí nghiệp khai thác mỏ - Phương pháp tìm kiếm và Thăm dò khoáng sản rắn... để khi tốt nghiệp sinh viên trở thành những kỹ sư Địa chất **có khả năng** hoạt động trong các lĩnh vực khảo sát phục vụ điều tra cơ bản và khoan thăm dò, xác định được mỏ dầu, dự đoán được trữ lượng và chiều hướng khai thác của các mỏ...

* Chuyên ngành Địa chất công trình - Địa kỹ thuật

Chuyên ngành Địa chất công trình - Địa kỹ thuật trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối A tương tự như là sinh viên chuyên ngành Địa chất, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho

chuyên ngành là: Trắc địa - Thạch học đá Magma và Biến chất - Địa chất môi trường - Động lực học nước dưới đất... đồng thời sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ học kết cấu - Cơ học đá - Kỹ thuật nền móng - Vật liệu xây dựng - Quan trắc địa kỹ thuật - Địa kỹ thuật ứng dụng... để khi ra trường sinh viên **có năng lực và phương pháp** tổ chức nghiên cứu, khả năng hợp tác trong điều tra phục vụ xây dựng các dạng công trình...

*** Chuyên ngành Địa chất thủy văn - Địa chất công trình**

Kỹ sư chuyên ngành Địa chất thủy văn - Địa chất công trình được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A giống như là sinh viên chuyên ngành Địa chất, đồng thời với những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Địa lý thủy văn - Hải dương học - Xử lý thủy văn - Trắc địa - Động lực học nước dưới đất... thì còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Địa chất thủy văn đại cương - Cấp thoát nước - Thủy địa hóa và Nước khoáng - Các phương pháp điều tra địa chất thủy văn - Địa chất thủy văn đồng vị - Các phương pháp tìm kiếm thăm dò và Đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất - Địa chất thủy văn Việt Nam... để sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành Địa chất thủy văn - Địa chất công trình **có khả năng** tổ chức nghiên cứu, và khả năng hợp tác trong điều tra phục vụ xây dựng các dạng công trình...

*** Chuyên ngành Địa sinh thái**

*** Chuyên ngành Nguyên liệu khoáng**

Kỹ sư ngành Địa chất có thể công tác tại :

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Địa chất, Viện Nghiên cứu địa chất và khoáng sản, Viện Địa chất và Địa vật lý biển; TT. Thông tin lưu trữ địa chất, TT. Phân tích thí nghiệm địa chất.

+ TCT Hóa chất Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, TCT Khoáng sản Việt Nam, TCT Dầu khí Việt Nam... và hàng trăm công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Vật tư mỏ địa chất...

+ Các phòng chức năng: Quản lý đo đạc bản đồ, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... thuộc các tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Địa chất.

Ngành Trắc địa có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Trắc địa**

Khi học chuyên ngành Trắc địa sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa như: Đại số tuyến tính - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Cơ học - Cơ lưu chất - Các phương pháp toán học hiện đại trong vật lý - Hóa học - Phương pháp tính - Vẽ kỹ thuật xây dựng... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Trắc địa cơ sở - Lý thuyết sai số - Hệ thống thông tin địa lý - Tin học ứng dụng trong trắc địa - An toàn lao động trong trắc địa... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trắc địa cao cấp - Trắc địa ảnh - Trắc địa công trình - Định vị vệ tinh GPS - Lưới trắc địa - Hệ thống thông tin địa lý - Công nghệ địa chính - Thủy đạc - Lập và Phân tích dự án - Quản lý dự án xây dựng... Đồng thời ngành cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng đo vẽ, lập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính... để sau khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, đo đạc, tính toán các vấn đề liên quan đến đất đai... phục vụ cho việc xây dựng các hạng mục công trình trong nền kinh tế quốc dân.

*** Chuyên ngành Trắc địa mỏ và công trình ngầm**

Sinh viên học chuyên ngành Trắc địa mỏ và Công trình ngầm được cung cấp các **kiến thức chung** thuộc Toán, Lý, Hóa giống như sinh viên chuyên ngành Trắc địa, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Trắc địa cơ sở - Lý thuyết sai số - Hệ thống thông tin địa lý - Tin học ứng dụng trong trắc địa - An toàn lao động trong trắc địa - Trắc địa công trình... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trắc địa mỏ lộ thiên - Trắc địa mỏ hầm lò và Công trình ngầm - Dịch động đất đá và Biến động mặt đất - Đánh giá tác động môi trường - Trắc địa công trình ngầm - Đo đạc điện tử - Quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình - Trắc địa công trình chính xác cao... khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, đo đạc, tính toán các vấn đề liên quan đến đất đai... phục vụ cho việc xây dựng các hạng mục công trình đặc biệt là các công trình khai thác mỏ và công trình ngầm.

*** Chuyên ngành Bản đồ**

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Bản đồ không chỉ có **kiến thức chung** thuộc Toán, Lý, Hóa tương tự như là sinh viên chuyên ngành Trắc địa mà còn có các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Vẽ bản đồ - Trình bày bản đồ - Thiết kế, thành lập bản đồ.... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phép chiếu bản đồ - Thiết kế, thành lập bản đồ địa lý chung - Bản đồ chuyên đề - Đo đạc và Phân tích bản đồ - In bản đồ - Kinh tế tổ chức sản xuất bản đồ - Tin học ứng dụng trong thành lập bản đồ - Tự động hóa sản xuất bản đồ - Địa lý - Thổ nhưỡng... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** thiết kế, đo vẽ các loại bản đồ phục vụ cho việc quản lý, quy hoạch các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước...

*** Chuyên ngành Địa chính**

Chuyên ngành Địa chính trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa giống như là sinh viên chuyên ngành Trắc địa, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Địa lý Việt Nam - Trắc địa ảnh - Đo vẽ bản đồ địa chính - Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất - Hệ thống thông tin đất đai (LIS) - Niên luận - Hệ thống chính sách, pháp Luật Đất đai... đồng thời sinh viên còn được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cơ sở địa hình trong đo vẽ địa chính - Bản đồ địa hình - Lịch sử quản lý đất đai - Cơ sở sinh thái cảnh quan - Đánh giá tác động môi trường trong sử dụng đất - Ứng dụng tin học trong quản lý hồ sơ địa chính... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm công tác nghiên cứu hoặc làm việc trực tiếp tại các cơ sở có liên quan đến ngành Địa chính.

Ra trường, sinh viên học ngành Trắc địa có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Địa kỹ thuật, Viện Khoa học địa chính, Viện Nghiên cứu địa chất và khoáng sản, Viện Địa chất, Viện Địa chất và Địa vật lý biển...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường chất lượng, Cục Đo đạc và Bản đồ, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam...

+ Các Vụ: Vụ Đất đai, Vụ Đăng ký và Thống kê đất đai...

+ TCT Hóa chất Việt Nam, TCT Khoáng sản Việt Nam, TCT Dầu khí Việt Nam, các Liên đoàn Trắc địa địa hình, Liên đoàn Bản đồ địa chất... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và Công trình, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Vật tư mỏ địa chất...

+ Các phòng chức năng: Quản lý đo đạc bản đồ, Quản lý địa chính nhà đất, Chính sách đất, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở như: Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất, Sở Địa chính - Nhà

đất, Sở Tài nguyên và Môi trường... của các tỉnh, thành phố. Phòng Địa chính tại Ủy ban nhân dân các cấp.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Trắc địa.

Ngành Mỏ có các chuyên ngành:

1. Chuyên ngành Khai thác mỏ; 2. Chuyên ngành Khai thác mỏ lộ thiên; 3. Chuyên ngành Khai thác hầm mỏ

Kỹ sư 3 chuyên ngành Khai thác mỏ, Khai thác mỏ lộ thiên, Khai thác hầm mỏ được trang bị các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên: Đại số tuyến tính - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Cơ học - Cơ lưu chất - Các phương pháp toán học hiện đại trong vật lý - Hóa học - Phương pháp tính - Về kỹ thuật xây dựng... cùng với những **kiến thức cơ bản** và khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Mỏ vỉa và Khai thác hầm lò - Chống giữ và Điều khiển áp lực mỏ - Công nghệ cơ khí hóa hầm lò - Thông gió mỏ - Khai thác quặng bằng phương pháp hầm lò - Các phương pháp khai thác đặc biệt - Nguyên lý thiết kế mỏ hầm lò - Kỹ thuật môi trường mỏ - Tin học ứng dụng - Ngoại ngữ chuyên ngành... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra quy trình khai thác các loại mỏ. Hoặc có thể trực tiếp làm việc tại các hầm mỏ.

*** Chuyên ngành Máy và Thiết bị mỏ**

Khi học chuyên ngành Máy và Thiết bị mỏ sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên tương tự như là sinh viên chuyên ngành Khai thác mỏ, cùng với các **kiến thức cơ bản** đồng thời cũng được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy khai thác mỏ - Máy vận tải mỏ - Máy thủy lực và Khí nén - Trục tải mỏ - Máy tuyển khoáng - Cung cấp nước và Khí nén cho tuyển khoáng - Nhiệt kỹ thuật và Động cơ đốt trong - Vận tải mỏ lộ thiên, hầm lò và công trình ngầm - Cơ khí thiết bị mỏ cho ngành kinh tế quản trị doanh nghiệp - Vận tải kho chứa trong tuyển khoáng - Máy nâng chuyển - Lắp ghép và Sửa chữa máy mỏ... để sinh viên sau khi học xong **có khả năng** hoạt động tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền cơ khí và thiết bị ngành mỏ, xây dựng, giao thông vận tải, thủy lợi hoặc có thể trực tiếp làm việc tại các hầm mỏ với các phương tiện máy móc.

*** Chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ**

Sinh viên học chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên giống như sinh viên chuyên ngành Khai thác mỏ, thì còn được học những **kiến thức cơ bản** cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở thiết kế, cấu tạo công trình ngầm - Cơ học đá - Cơ học công trình ngầm - Vật liệu xây dựng - Kết cấu công trình - Xây dựng công trình ngầm trong mỏ - Xây dựng giếng đứng - Xây dựng công trình ngầm tiết diện lớn - Quy hoạch xây dựng các công trình trên mặt đất - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Xây dựng công trình ngầm bằng phương pháp đặc biệt - Nguyên lý thiết kế công trình ngầm - Bảo vệ môi trường và An toàn lao động - Tin học ứng dụng - Ngoại ngữ chuyên ngành... để sau khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** khảo sát, quy hoạch, thiết kế, thi công xây dựng và quản lý các công trình mỏ...

*** Chuyên ngành Cơ - Điện mỏ**

Kỹ sư chuyên ngành Cơ - Điện mỏ không chỉ được đào tạo để có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên tương tự như sinh viên chuyên ngành Khai thác mỏ, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thủy lực đại cương - Thủy lực và Đo thủy văn - Thủy lực và Truyền động thủy lực - Nhiệt kỹ thuật và Động cơ

đốt trong - Cơ học máy - Nguyên lý máy - Công nghệ chế tạo máy - Máy cắt dao cắt - Dung sai lắp ghép - Vật liệu kim loại - Công nghệ kim loại - Kim loại học và Nhiệt luyện - Cơ sở lý thuyết mạch - Cơ sở lý thuyết trường điện từ - Cơ sở kỹ thuật đo - Kỹ thuật vi xử lý - Xử lý tín hiệu - Kỹ thuật cảm biến - Kỹ thuật truyền tin công nghiệp - Vi xử lý trong đo lường điều khiển - Hệ thống thông tin trong đo lường - Điều khiển số và Điều khiển logic - Đo và Kiểm tra môi trường - Trang bị điện, điện tử các máy công nghiệp - Kỹ thuật điện lạnh - Cung cấp điện và Bảo vệ rơle - Kỹ thuật điện dân dụng.... Tốt nghiệp ra trường, Kỹ sư chuyên ngành Cơ - Điện mở **có khả năng** vận hành, sửa chữa, bảo trì các loại máy móc dùng trong mỏ và có khả năng truyền tải phân phối điện năng trong mỏ...

*** Chuyên ngành Cơ điện - Tuyển khoáng**

Ngành Cơ điện - Tuyển khoáng không chỉ trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên giống như là sinh viên chuyên ngành Khai thác mỏ, mà còn cung cấp những **kiến thức cơ bản** và các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thủy lực đại cương - Thủy lực và Đo thủy văn - Thủy lực và Truyền động thủy lực - Nhiệt kỹ thuật và Động cơ đốt trong - Cơ học máy - Nguyên lý máy - Công nghệ chế tạo máy - Cơ sở lý thuyết mạch - Cơ sở lý thuyết trường điện từ - Kỹ thuật điện tử - Cơ sở kỹ thuật đo - Cấu trúc trường quặng - Quang học tinh thể - Tinh thể học... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế các dây chuyền thiết bị trong việc tuyển các loại khoáng sản, có năng lực quản lý giám sát và trực tiếp thực hiện các công tác lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị tuyển khoáng...

*** Chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử**

Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên tương tự như là sinh viên chuyên ngành Khai thác mỏ, đồng thời sẽ được đi sâu nghiên cứu chuyên ngành với những **kiến thức cơ bản** cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở lý thuyết mạch - Cơ sở lý thuyết trường điện từ - Kỹ thuật điện tử - Cơ sở kỹ thuật đo - Kỹ thuật vi xử lý - Xử lý tín hiệu - Kỹ thuật cảm biến - Dụng cụ đo lường điện tử - Kỹ thuật truyền tin công nghiệp - Vi xử lý trong đo lường điều khiển - Hệ thống thông tin trong đo lường - Điều khiển số và Điều khiển logic - Đo và Kiểm tra môi trường - Trang bị điện, điện tử các máy công nghiệp - Kỹ thuật điện lạnh - Cung cấp điện và Bảo vệ rơle - Điện tử công nghiệp - Bảo vệ rơle điện tử số - Truyền thanh - Truyền hình - Điện tử y tế - Kỹ thuật điện dân dụng... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** nghiên cứu hoặc trực tiếp làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp...

*** Chuyên ngành Điện khí hóa mỏ**

Khi học chuyên ngành Điện khí hóa mỏ sinh viên bước đầu được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên giống như sinh viên chuyên ngành Máy và Thiết bị mỏ, từ đó sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức cơ bản** và khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ sở lý thuyết mạch - Cơ sở lý thuyết trường điện từ - Cơ sở kỹ thuật đo - Kỹ thuật vi xử lý - Xử lý tín hiệu - Kỹ thuật cảm biến - Kỹ thuật truyền tin công nghiệp - Vi xử lý trong đo lường điều khiển - Hệ thống thông tin trong đo lường - Điều khiển số và Điều khiển logic - Đo và Kiểm tra môi trường - Trang bị điện, điện tử các máy công nghiệp - Kỹ thuật điện lạnh - Cung cấp điện và Bảo vệ rơle - Kỹ thuật điện dân dụng.... Không những thế sinh viên còn được thực hành qua các thí nghiệm về: đo điện, kỹ thuật điện, điện công nghiệp... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có kiến thức và kỹ năng** về nghiên cứu, thiết kế, khai thác các công trình sản xuất truyền tải, phân phối và cung cấp điện năng trong các loại mỏ...

*** Chuyên ngành Tuyển khoáng**

Sinh viên học chuyên ngành Tuyển khoáng được cung cấp bên cạnh các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên tương tự như sinh viên chuyên ngành Khai thác mỏ, thì còn được học

những **kiến thức cơ bản** cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp để khi ra trường sinh viên **có khả năng** tư vấn thiết kế và thực hành công nghệ các dây chuyền tuyển các loại khoáng sản khác nhau.

*** Chuyên ngành Tự động hóa xi nghiệp mỏ và dầu khí**

Kỹ sư chuyên ngành Tự động hóa xi nghiệp mỏ và dầu khí được đào tạo không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên giống như là sinh viên chuyên ngành Khai thác mỏ, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** đồng thời với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** thiết kế, vận hành các thiết bị thuộc lĩnh vực truyền động điện, tự động khống chế, ứng dụng điện tử và tin học trong điều khiển và tự động hóa xi nghiệp...

Sinh viên học ngành Mỏ sau khi tốt nghiệp được bố trí làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu mỏ và luyện kim, Viện Khoa học công nghệ mỏ, Viện Cơ khí năng lượng và mỏ; TT. Cấp cứu mỏ...

+ TCT Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, TCT Dầu khí Việt Nam... các đơn vị thành viên trực thuộc: Cty Địa chất mỏ, Cty Công nghiệp hóa chất mỏ, Cty Khoa học công nghệ mỏ, Cty Xây dựng mỏ...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Mỏ.

Ngành Dầu khí có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Địa vật lý**

Chuyên ngành Địa vật lý trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa như: Đại số tuyến tính + Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý cơ nhiệt - Vật lý điện quang - Hóa đại cương - Tin học đại cương... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Trắc địa - Thạch học đá Magma và Biến chất - Địa chất sinh thái... đồng thời ngành còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ học kết cấu - Cơ học đá - Kỹ thuật nền móng - Vật liệu xây dựng - Quan trắc địa kỹ thuật... để sinh viên khi ra trường **có năng lực và phương pháp** tổ chức nghiên cứu, khả năng hợp tác trong điều tra phục vụ xây dựng các dạng công trình đặc biệt là các công trình thuộc lĩnh vực khai thác mỏ.

*** Chuyên ngành Địa chất dầu khí**

Sinh viên chuyên ngành Địa chất dầu khí được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** thuộc Toán, Lý, Hóa giống như là sinh viên chuyên ngành Địa vật lý mà còn được đào tạo những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành và cũng sẽ được đi sâu nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** thông qua hàng loạt các môn học như: Địa chất dầu khí đại cương - Địa hóa dầu khí - Địa chất các mỏ dầu khí thế giới - Các phương pháp tìm kiếm, thăm dò dầu khí - Địa chất công trường khai thác dầu khí - Địa chất dầu khí Việt Nam - Vật lý vỉa dầu khí - Địa chất khai thác các mỏ khí - Anh văn chuyên môn - Tin học ứng dụng trong địa chất dầu khí... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có thể** làm công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí...

1. Chuyên ngành Khoan thăm dò - Khảo sát; 2. Chuyên ngành Thiết bị dầu khí; 3. Chuyên ngành Khoan khai thác dầu khí; 4. Chuyên ngành Lọc hóa dầu

Khi học 4 chuyên ngành Khoan thăm dò - Khảo sát, Thiết bị dầu khí, Khoan khai thác dầu khí, Lọc hóa dầu sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa tương tự như là sinh

viên các chuyên ngành Địa vật lý, Địa chất dầu khí... cùng với các **kiến thức cơ bản** và **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Sinh viên sau khi tốt nghiệp **có khả năng** xác định được các mỏ dầu, sử dụng được các loại máy móc phục vụ cho việc khai thác dầu khí...

Sinh viên học ngành Dầu khí sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Dầu khí Việt Nam, Viện Địa chất và Khoáng sản, Viện Nghiên cứu địa chất và khoáng sản; TT. Thông tin tư liệu dầu khí, TT. Nghiên cứu và Phát triển chế biến dầu khí...

+ Tổng Cty Dầu khí Việt Nam, TCT Xăng dầu Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc: Cty Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Cty Thăm dò và Khai thác dầu khí, Cty Chế biến và Phát triển kinh doanh các sản phẩm dầu, Cty Phát triển và Đầu tư dầu khí, Cty dịch vụ và Du lịch dầu khí, các Cty Xăng dầu...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Dầu khí.

Ngành Công nghệ thông tin có các chuyên ngành:

1. Chuyên ngành Tin học trắc địa; 2. Chuyên ngành Tin học mỏ; 3. Chuyên ngành Tin học địa chất; 4. Chuyên ngành Tin học kinh tế

Giống như sinh viên ngành Công nghệ thông tin tại các trường Đại học Bách khoa, Đại học Công nghệ (DHQG Hà Nội), Học viện Bưu chính viễn thông... sinh viên ngành này của trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng sẽ được học các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho ngành, ngoài ra còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cùng với một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng tin học trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và quốc phòng đặc biệt là trong lĩnh vực Mỏ - Địa chất.

Ngành Kinh tế và Quản lý có các chuyên ngành:

1. Chuyên ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh mỏ; 2. Chuyên ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh địa chất; 3. Chuyên ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh dầu khí; 4. Chuyên ngành Kinh tế tài nguyên, môi trường mỏ, địa chất; 5. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

Sinh viên học 5 chuyên ngành trên được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế như: Đại số & Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành, đồng thời cũng sẽ được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có thể** tổ chức, điều hành công tác kế toán, kiểm toán, tiền lương, hóa đơn... ở các doanh nghiệp đặc biệt là ở các doanh nghiệp Mỏ - Địa chất.

Ra trường, sinh viên ngành Kinh tế - Quản lý có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược; TT. Giao dịch chứng khoán; Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Tài chính doanh nghiệp, Quản lý ngân sách, Giao dịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thương mại, Sở Giao dịch chứng khoán... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ TCT Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, TCT Dầu khí Việt Nam, TCT Xăng dầu Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc trên địa bàn toàn quốc: Cty Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Cty Thăm dò và Khai thác dầu khí, Cty Phát triển và Đầu tư dầu khí, Cty Dịch vụ và Du lịch dầu khí, các Cty Xăng dầu, Cty Chế tạo máy than Việt Nam, Cty Xây dựng mỏ, Cty Địa chất mỏ...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế - Quản lý.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.200	14.779	1/12.3
2000	1.300	12.859	1/9.8
2001	1.300	16.349	1/12.5
2002	1.350	12.344	1/9.1
2003	1.130	12.576	1/9.1
2004	1.250	9.804	1/6.5
2005	1.350	15.731	1/7.7
2006	1.650	13.272	1/8.0

(Ghi chú: - Chỉ tiêu tuyển sinh từ năm 2002 trở về trước bao gồm cả chỉ tiêu đào tạo hệ Đại học và Cao đẳng).

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Địa chất	15.0	18.5	17.0	17.0	20.0	17.5	20.5	18.0	18.5	24.5	17.5	19.5	19.5
Trắc địa	16.0	18.0	19.0	17.0	20.0	18.5	21.5	17.0	20.5	-	17.0	20.0	20.0
Mỏ	15.5	15.0	18.0	17.0	20.0	18.0	21.0	18.5	21.5	-	17.5	20.0	20.0
Dầu khí	19.5	19.5	21.5	18.0	21.0	20.0	23.0	20.0	21.5	-	19.5	-	-
Kinh tế và quản lý	-	19.0	18.5	15.0	18.0	19.0	22.0	16.0	21.5	-	16.0	20.5	20.5
Công nghệ thông tin	-	-	-	-	-	19.0	22.0	15.0	20.0	-	15.0	20.5	20.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH M - ĐC tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo khối A.
- Điểm trúng tuyển vào trường ĐH M - ĐC được lấy theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Khi đến thi thí sinh cần viết đơn đăng ký nơi học (mẫu đơn này phát tại phòng thi).
- Những thí sinh dự thi vào Trường ĐH M - ĐC không đủ điểm vào Đại học trường sẽ gọi vào học hệ Cao đẳng nếu có nhu cầu.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH M - ĐC nhìn chung có biểu đồ đi lên tuy nhiên số lượng thí sinh ĐKDT vào trường từ sau năm 2002 lại cứ một năm tăng thì năm sau giảm do đó tỉ lệ "chơi" có sự xê dịch nhưng không đáng kể và so với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối A thì tỉ lệ này ở mức không cao. (Xem bảng 1).

- Nhìn vào bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào trường cũng ở mức khá cao so với mặt bằng chung và so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định.

- Điểm trúng tuyển giữa các ngành có sự chênh lệch khá lớn: ngành Dầu khí bao giờ cũng lấy điểm chuẩn cao nhất sau đó đến ngành Trắc địa, ngành Địa chất (vì đây đều là những ngành thế mạnh của trường), các ngành như: Công nghệ thông tin, Kinh tế và Quản lý thường lấy điểm trúng tuyển thấp hơn. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành khá cao và cao hơn NV1 trung bình từ 3 - 6 điểm và thường lấy ở mức từ 20 điểm trở lên (trừ ngành Kinh tế và Quản lý năm 2002 lấy điểm NV2 là 18 điểm và ngành Địa chất năm 2006 lấy 19.5 điểm NV2). Tuy nhiên với mức điểm này nếu bạn không có lực học khá trở lên thì khó có khả năng trúng tuyển.

- Qua các số liệu trên xin lưu ý những bạn có học lực trung bình khá nên xem xét so sánh điểm trúng tuyển giữa các ngành, các NV để có được sự lựa chọn hợp lý trước khi ĐKDT, bạn không nên đăng ký xét tuyển NV2 vì điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành thường cao hơn nhiều so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định. (Ví dụ: năm 2006 điểm trúng tuyển NV2 ngành Công nghệ thông tin hơn điểm sàn của Bộ tới 7.5 điểm (20.5/13), ngành thấp nhất là Địa chất cũng hơn những 6.5 điểm (19.5/13)...).

- Dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên nhưng tỉ lệ "chọi" sẽ không biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Địa chỉ: Minh Khai - Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.7655391 - Fax: 84.4.7655261 - Website: <http://www.hau.edu.vn/>

- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) được thành lập ngày 2/12/2005.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Trường ĐHCNHN bao gồm 700 cán bộ trong đó có 600 Giáo viên, 350 Thạc sĩ và Tiến sĩ.
- Trường ĐHCNHN hiện đang đào tạo các bậc: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Sinh viên học ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí được cung cấp các *kiến thức chung* về Toán, Lý, Hóa như: Đại số & Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Hàm biến phức và Phép biến đổi Laplace - Quy hoạch tuyến tính - Vật lý - Hóa học - Nhập môn tin học... cùng với những *kiến*

thức cơ bản dành cho ngành là: Cơ lý thuyết - Sức bền vật liệu - Nguyên lý, chi tiết máy - Cơ học lưu chất - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Dung sai, kỹ thuật đo - Vật liệu học - Kỹ thuật nhiệt - Công nghệ kim loại - Kinh tế công nghiệp và Quản trị chất lượng - An toàn và Môi trường công nghiệp - Cơ sở vẽ và Thiết kế trên máy tính... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ chế tạo máy - Trang bị điện trong máy công nghiệp - Truyền động thủy lực và Khí nén trong máy công nghiệp - Điều khiển tự động - Máy điều khiển chương trình số - Công nghệ CAD/ CAM/ CNC... để khi ra trường sinh viên có khả năng chế tạo, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại máy móc thiết bị dùng trong cuộc sống.

Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Cơ khí năng lượng mỏ, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ TCT Cơ khí xây dựng, TCT Cơ khí công nghiệp, TCT Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Máy và Thiết bị Công nghiệp, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước, Cty Cơ khí lắp máy...

+ Các cơ quan bảo quản lưu trữ các tài liệu, thiết bị trong môi trường cần điều hòa không khí như Đài phát thanh, Đài truyền hình, các kho lưu trữ, bệnh viện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa giống như là sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Dung sai - Kỹ thuật đo - Vật liệu học - Cơ lý thuyết - Sức bền vật liệu - Nguyên lý, chi tiết máy - Công nghệ kim loại - Cơ học lưu chất - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Auto CAD căn bản - Quản trị kinh doanh - An toàn và Môi trường công nghiệp.... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nguyên lý - Kết cấu động cơ - Tính toán động cơ - Lý thuyết ô tô - Kết cấu - Tính toán ô tô - Hệ thống điện động cơ - Hệ thống điện thân xe và Điều khiển tự động ô tô... ngoài ra sẽ được thực tập về: Nhập môn cơ khí - Kỹ thuật lái xe - Xi nghiệp... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** sửa chữa, thiết kế, bảo dưỡng... ô tô và các linh kiện tương tự ô tô.

Sau khi ra trường kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu Phát triển cơ khí, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ Tập đoàn Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, TCT Lắp máy Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí Ô tô và Xe máy công trình, Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Xây dựng và Cơ khí...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý kỹ thuật, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp... thuộc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo có đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô.

Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử

Khi học ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử sinh viên sẽ được học ngoài những **kiến thức chung** về khối A tương tự sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí, còn được cung cấp cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Mạch điện - Khí cụ điện và Máy điện - Điện tử cơ bản - Trường điện tử - Đo lường điện và Thiết bị đo - Kỹ thuật số - Vi xử lý - Điện tử công suất - Đo lường cảm biến - Hệ thống điều khiển tự động - Kỹ thuật truyền số liệu... và cũng sẽ được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cấu trúc máy tính và Giao diện - Kỹ thuật audio và video (tương tự) - Kỹ thuật audio và Video (số) - Mạng và Cung cấp điện... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** vận hành, bảo trì, sửa chữa, cải tiến, nâng cấp các hệ thống, thiết bị điện tử viễn thông; tìm hiểu, nghiên cứu, phát triển về công nghệ điện tử viễn thông đồng thời có thể tham gia đào tạo cán bộ về công nghệ điện tử viễn thông...

Ngành Công nghệ kỹ thuật điện

Sinh viên học ngành Công nghệ kỹ thuật điện được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A tương tự như là sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Mạch điện - Điện tử cơ bản - Máy điện - Kỹ thuật số - Vi xử lý - Đo lường điện và Thiết bị đo - Đo lường, cảm biến - Truyền động điện - Hệ thống điều khiển tự động - Giải tích mạng và Mô phỏng trên máy tính - Kỹ thuật truyền số liệu... thì đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Hệ thống điện - Cung cấp điện - Điều khiển lập trình - Hệ thống thu thập dữ liệu và Điều khiển - Tính toán sửa chữa dây quấn máy điện... khi ra trường sinh viên **có khả năng** cung cấp, phân phối, truyền tải điện năng, có khả năng sửa chữa, thiết kế, bảo dưỡng hệ thống điện...

Sinh viên tốt nghiệp các ngành Công nghệ kỹ thuật điện, Công nghệ kỹ thuật điện tử có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, TT. Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT. Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện...

+ Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Thiết bị kỹ thuật điện... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại các Sở như Sở Điện lực, Sở Công nghiệp... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện.

Ngành Công nghệ cơ - điện tử

Ngành Công nghệ cơ - điện tử trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa giống như sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí, bên cạnh những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành như: Cơ kỹ thuật - Kỹ thuật đo lường cơ khí - Vật liệu kỹ thuật - Sức bền vật liệu - Vẽ kỹ thuật - Nguyên lý, chi tiết máy - Kỹ thuật nhiệt - Cơ sở công nghệ chế tạo cơ khí - Kỹ thuật điện - Điều khiển truyền động điện - Kỹ thuật đo lường điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật số - Điện tử công suất - Công nghệ thủy lực và khí nén - Kỹ thuật lập trình PLC - An toàn và môi trường công nghiệp - Kỹ thuật cảm biến... thì sinh viên ngành này còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Mạng truyền thông công nghiệp - Cơ sở kỹ thuật điều khiển tự động - Vi xử lý và vi điều khiển - Cơ cấu Servo điện/thủy/ khí - Robot công nghiệp - Công nghệ CAD/CAM/CNC - Hệ thống cơ điện tử.... Sau khi tốt nghiệp các kỹ sư Công nghệ cơ - điện tử **có thể** đảm nhiệm các công việc tại các cơ sở chế tạo, sản xuất, kinh doanh, đào tạo và nghiên cứu các lĩnh vực có liên quan...

1) Khoa học máy tính; 2) Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh.

Khi học ngành Khoa học máy tính, Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành này của trường Đại học Bách khoa Hà Nội... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** giải quyết những vấn đề có liên quan đến ngành được đào tạo.

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Sinh viên học ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên ngành này tại trường Đại học Kinh tế, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có khả năng nghiên cứu hoặc trực tiếp làm công tác Kế toán, Quản trị doanh nghiệp tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp...

Ngành Công nghệ hóa học

Ngành Công nghệ hóa học trang bị cho sinh viên **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên ngành này tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQG Hà Nội)... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** thiết kế, tổ chức thi công, vận hành và sửa chữa các quy trình và thiết bị trong các nhà máy liên quan đến Công nghệ hóa học.

Ngành Tiếng Anh

Khi học ngành Tiếng Anh sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như sinh viên ngành Tiếng Anh của Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG Hà Nội), để khi ra trường cử nhân ngành này **có khả năng** giảng dạy, biên, phiên dịch, các lĩnh vực hoạt động khác như kinh doanh, kinh tế xã hội... có sử dụng đến tiếng Anh...

Bảng điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường

Ngành	Năm 2006		Ngành	Năm 2006	
	NV1	NV2		NV1	NV2
Công nghệ kỹ thuật điện A	19.0	21.5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí A	22.0	-
Công nghệ kỹ thuật điện tử A	19.5	22.5	Công nghệ cơ - điện tử A	20.5	-
Khoa học máy tính A	17.5	21.5	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	21.0	-
Kế toán A	18.5	22.5	Quản trị kinh doanh A	17.0	-
Công nghệ kỹ thuật nhiệt lạnh A	16.0	21.0	Quản trị kinh doanh D1	18.0	-
Công nghệ hóa học A	17.0	-	Kế toán D1	19.0	-
Tiếng Anh D1	18.0	-			

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHCNHN tuyển sinh trong cả nước. Trường tuyển sinh khối A và D1.
- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHCNHN lấy theo ngành.

2. Một số lưu ý

- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHCNHN nhìn chung khá cao so với những trường cùng khối thi, đồng thời cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Nhìn vào bảng trên có thể thấy điểm trúng tuyển vào các ngành khối A của trường cao hơn điểm sàn từ 3.0 - 9.0 điểm (16.0/13.0 - 22.0/13.0 điểm) và cao hơn từ 5.0 - 6.0 điểm đối với khối D (18.0/13.0 - 19.0/13.0 điểm).

- Điểm trúng tuyển NV2 của trường so với điểm trúng tuyển NV1 có sự chênh lệch đáng kể. Ngành có số điểm chênh lệch nhiều nhất là ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt lạnh mức chênh lệch là 5 điểm (21.0/16.0 điểm). Ngành có số điểm chênh lệch ít nhất là ngành Công nghệ kỹ thuật điện thì cũng chênh nhau tới 2.5 điểm (21.5/19.0 điểm). (Xem bảng trên).

- So với điểm sàn mà Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐHCNHN là tương đối cao. Ví dụ như ngành Kế toán (A) Công nghệ kỹ thuật điện tử cao hơn tới 9.5 điểm. Chính vì vậy mà chúng tôi khuyên các bạn nếu có ý định vào học các ngành của Trường ĐHCNHN thì hãy lưu ý khi đăng ký NV2.

- Qua bảng số liệu trên dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ có biến động.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: 235 Hoàng Quốc Việt – Huyện Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại : 04.7555147 / 2185619 - Website: <http://www.epu.edu.vn/>

- Đại học Điện lực (ĐHDL) được thành lập năm 2006, là trường đại học duy nhất chuyên ngành Điện.
- Trường ĐHDL hiện đang đào tạo các bậc: Cao đẳng, Đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC SẼ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Hệ thống điện

Sinh viên học ngành Hệ thống điện ngoài việc được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên như: Giải tích - Đại số tuyến tính - Phương trình vi phân - Hóa học - Vật lý - Cơ học ứng dụng... còn được học những **kiến thức cơ bản** về ngành Hệ thống điện: Lưới điện - Khí cụ điện - An toàn điện - Điện tử công suất - Điện tử số - Truyền động điện - Máy điện... đồng thời cũng được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cung cấp điện - Ngăn mạch - Thiết kế cao áp - Thiết kế bảo vệ Rôlê - Quy hoạch mạng - Phương pháp giải tích mạch điện - Mạng và thiết bị siêu cao - Phân tử tự động - Điện tử công suất - Kỹ thuật điện cao áp - Phần mềm nhà máy điện và trạm biến áp - Vận hành nhà máy điện - Quy hoạch phát triển hệ thống điện - Thông tin và điều độ hệ thống điện - Tự động hóa hệ thống điện.... Sinh viên sẽ được thực hành qua các thí nghiệm về đo điện, kỹ thuật điện, điện công nghiệp... để khi tốt nghiệp **có kiến thức và kỹ năng** về nghiên cứu, thiết kế và khai thác các công trình sản xuất truyền tải, phân phối và cung cấp điện năng...

Ngành Quản lý năng lượng

Trên nền khối **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa được học giống như sinh viên ngành Hệ thống điện, sinh viên ngành Quản lý năng lượng còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về ngành: Kinh tế lượng - Hệ thống cung cấp điện - Nguyên lý và thiết bị trong nhà máy điện - Quản trị doanh nghiệp - Chiến lược sản xuất kinh doanh... bên cạnh đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kiểm toán năng lượng - Vận hành kinh tế hệ thống điện - Quản lý nhu cầu năng lượng - Quản lý sản xuất kinh doanh nhà máy điện... cùng với hàng loạt các chuyên đề **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Tiết kiệm năng lượng chiếu sáng - Hệ thống đồng phát nhiệt điện - Chính sách giá năng lượng... ngoài ra, sinh viên còn được **rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ** thông qua việc đi thực tập về: Nhân thức nhà máy điện - Vận hành thị trường điện - Quản lý.... Học xong chương trình sinh viên ngành Quản lý năng lượng **có khả năng** phân tích, thiết kế, vận hành hệ thống cung cấp năng lượng trong các doanh nghiệp; Quản lý vận hành, sản xuất-kinh doanh các nhà máy điện; Xây dựng các chính sách và qui hoạch phát triển năng lượng, hệ thống điện...

Sinh viên sau khi tốt nghiệp các ngành của Trường ĐHDL có thể làm việc tại :

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Năng lượng, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, TT. Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT. Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện ...

+ Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Thiết bị kỹ thuật điện... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện Việt Nam, Cty Tư vấn và xây dựng điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại các Sở như: Sở Điện lực, Sở Công nghiệp... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các ngành Hệ thống điện, ngành Quản lý năng lượng.

*** Đặc điểm tuyển sinh và một số lưu ý:**

- Đại học Điện lực (ĐHDL) tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối A.
- Do là năm đầu tiên được thành lập nên ĐHDL không tổ chức thi tuyển mà chỉ xét tuyển nhưng khả năng năm tới sẽ tổ chức thi nhằm nâng cao chất lượng đầu vào.
- Trường xét điểm trúng tuyển theo ngành mà thí sinh ĐKDT.
- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL năm 2006 là 200 chỉ tiêu.
- Điểm trúng tuyển (điểm trúng tuyển NV2) vào trường năm 2006 là: ngành Hệ thống điện: 20.5 điểm, ngành Quản lý năng lượng: 19.5 điểm. So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thi điểm trúng tuyển vào trường cao hơn từ 6.5 - 7.5 điểm, so với mặt bằng chung những trường tuyển sinh khối A khác thì mức điểm này cũng khá cao.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

Địa chỉ: 43 đường Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04)5566175

- Trường Đại học Lao động - xã hội (ĐHLD-XH) được thành lập năm 2005.
- Trường ĐH LD-XH có tổng số cán bộ là 350 người (biên chế), trong đó có 72% là Giảng viên, 60 % giảng viên là Phó Giáo sư, Tiến sĩ và Thạc sĩ.
- Trường hiện đang đào tạo các bậc: Trung học, Cao đẳng, Đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Quản trị nhân lực; 2) Ngành Kế toán; 3) Ngành Bảo hiểm

Sinh viên học ngành Quản trị nhân lực, Kế toán, Bảo hiểm được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như sinh viên ngành

này của Trường ĐH Kinh tế quốc dân. Tốt nghiệp ra trường sinh viên các ngành sẽ ***có khả năng*** nghiên cứu hoặc trực tiếp làm việc trong những lĩnh vực chuyên ngành tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp, doanh nghiệp...

Ngành Công tác xã hội

Ngành Công tác xã hội trang bị cho sinh viên ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...*** giống như sinh viên ngành này của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ***có khả năng*** giải quyết những vấn đề trong mối quan hệ xã hội và nâng cao năng lực con người.

Bảng số lượng tuyển sinh và điểm trúng tuyển vào các ngành

Chỉ tiêu/Ngành	2005	2006	
	NV2	NV1	NV2
Quản trị nhân lực A	23.5	17.0	19.0
Kế toán A	23.5	18.0	21.0
Công tác xã hội C	20.5	18.0	20.5
Bảo hiểm A	23.5	-	-
Bảo hiểm C	-	19.0	21.0
Quản trị nhân lực D1	-	17.0	19.0
Kế toán D1	-	18.0	21.0
Chỉ tiêu	200	600	

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH LDXH không thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của các trường đại học trong cả nước, trường tuyển sinh khối A, C, D1. Điểm chuẩn xét tuyển theo khối, ngành mà thí sinh ĐKDT.

2. Một số lưu ý

Nhìn vào bảng trên có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng lên qua 2 năm.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH LDXH là tương đối cao. So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm của trường cao hơn từ 4 đến 5 điểm (năm 2006 ngành Quản trị nhân lực cao hơn 4 điểm 17/13, ngành Bảo hiểm cao hơn 5 điểm 19/14)...

- Điểm trúng tuyển NV2 của trường thường cao hơn điểm trúng tuyển NV1 từ 2 đến 2,5 điểm.

- So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 của trường là tương đối cao. Năm 2005 điểm trúng tuyển vào khối A cao hơn điểm sàn tới 8.5 điểm (25.5/15.0 điểm), khối C cũng lấy điểm trúng tuyển cao hơn điểm sàn 6.5 điểm (20.5/14.0 điểm). Năm 2006 mức chênh lệch giảm đi nhưng vẫn cao: ngành Kế toán cả khối A và D1 đều cao hơn cao hơn điểm sàn tới 8 điểm (21.0/13.0 điểm), ngành Bảo hiểm khối C cũng cao hơn điểm sàn những 7.0 điểm (21.0/14.0 điểm). Nên các bạn phải chú ý khi đăng ký NV2.

- Nếu so sánh điểm trúng tuyển của Trường ĐH LDXH với các trường khác cùng đào tạo các ngành nghề thì điểm của trường có giảm hơn đôi chút. Chính vì vậy đây cũng là một cơ hội để các bạn trở thành sinh viên nếu các bạn cố gắng.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

Trụ sở: 418 Đê La Thành, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.8512606 / 8511971 - Fax: (84-4) 5141629 - Website: <http://www.huc.edu.vn/>

- Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (ĐHVHHN) đã có hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học về văn hóa và quản lý văn hóa.
- Trường ĐHVHHN có 141 giảng viên trong đó có 11 Phó Giáo sư, 20 Tiến sĩ, 68 Thạc sĩ.
- Trường ĐHVHHN có 2 loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm với 2 cấp độ đào tạo: Đại học và Sau đại học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Phát hành sách (chuyên ngành Kinh doanh xuất bản phẩm)

Sinh viên học ngành Phát hành sách được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Đại cương kinh doanh xuất bản phẩm - Lịch sử phát hành sách Việt Nam - Tài chính doanh nghiệp phát hành xuất bản phẩm - Kế toán doanh nghiệp phát hành xuất bản phẩm... để **có thể** nghiên cứu lý luận và tham gia trực tiếp các hoạt động thực tiễn kinh doanh xuất bản phẩm.

Sinh viên học ngành Phát hành sách sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Cục Xuất bản...
- + Các công ty, tổng công ty sản xuất kinh doanh phát hành sách báo; Các Cty xuất nhập khẩu sách báo, các nhà xuất bản... trên địa bàn toàn quốc...
- + Giảng dạy trong các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề có đào tạo ngành Phát hành sách.

Ngành Bảo tàng

Đào tạo cử nhân ngành Bảo tàng không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành. Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử sự nghiệp bảo tồn bảo tàng Việt Nam từ 1945 đến nay - Quản lý bảo tàng - Một số vấn đề về sưu tập hiện vật bảo tàng - Nghiên cứu nguồn sử liệu hiện vật bảo tàng... để sau khi ra trường **có thể** làm hướng dẫn viên trong các bảo tàng.

Cử nhân ngành Bảo tàng có thể làm việc tại:

- + Hệ thống các bảo tàng từ Trung ương đến địa phương: Bảo tàng Cách mạng, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Lịch sử, các Bảo tàng trực thuộc tỉnh...
- + Làm ở Phòng Truyền thống, Ban Lịch sử tại các cơ quan văn hóa - thông tin: các báo, đài phát thanh, truyền hình...

+ Giảng dạy và công tác tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề có đào tạo ngành Bảo tàng.

Ngành Văn hóa du lịch

Ngành Văn hóa du lịch trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời sinh viên ngành này còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tổng quan du lịch - Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch - Du lịch di tích lịch sử văn hóa - Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch - Du lịch và Kinh doanh du lịch... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có thể** làm hướng dẫn viên du lịch, nghiên cứu phát triển du lịch...

Ngành Văn hóa dân tộc thiểu số

Cử nhân ngành Văn hóa dân tộc thiểu số được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội, đồng thời bên cạnh những **kiến thức cơ bản** về ngành, thi ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Âm nhạc, Tuyên truyền, Thông tin cổ động, Phương pháp câu lạc bộ như: Văn hóa các dân tộc vùng Tây Bắc Việt Nam - Văn hóa các dân tộc vùng Đông Bắc Việt Nam - Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có thể** tác nghiệp tại các đơn vị.

Ngành Quản lý văn hóa

Khi học ngành Quản lý văn hóa sinh viên được học không chỉ những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, mà sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về đường lối chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ và những quy phạm quản lý các hoạt động văn hóa như: Lịch sử quản lý văn hóa ở Việt Nam - Những bài giảng về văn hóa - Văn hóa học - Xã hội học văn hóa.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** quản lý các loại văn hóa phẩm, các hoạt động văn hóa.

Sinh viên học các ngành Văn hóa du lịch, Văn hóa quần chúng, Quản lý văn hóa sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Viện Văn hóa thông tin...

+ Tổng cục Du lịch và các cơ quan trực thuộc, các cơ sở kinh doanh du lịch: TCT Du lịch Việt Nam, Cty Du lịch xuyên Việt, các Cty Du lịch lữ hành, Cty Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Cty Du lịch dịch vụ dầu khí Việt Nam...

+ Làm công tác phong trào quần chúng về văn hóa văn nghệ tại các nhà văn hóa, quần lý câu lạc bộ văn hóa văn nghệ từ cơ sở đến trung ương.

+ Các phòng chức năng: Quản lý văn hóa, Nghiên cứu văn hóa, Văn hóa cơ sở... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và công tác trong các Trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học nghề có đào tạo ngành Văn hóa du lịch, Văn hóa quần chúng, Quản lý văn hóa.

Ngành Sáng tác, lý luận, phê bình văn học (Khoa Viết văn cũ)

Ngành Sáng tác, lý luận, phê bình văn học trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, bên cạnh khối **kiến thức**

chuyên sâu của chuyên ngành... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** sáng tác, thẩm định các tác phẩm văn học...

Ngành Thông tin - Thư viện

Sinh viên học ngành Thông tin - Thư viện được cung cấp các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và những **kiến thức cơ bản** về ngành, cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành này tại Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** tổ chức, quản lý hoạt động của các thư viện từ Trung ương đến địa phương.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	550	13.429	1/24.4
2000	630	17.895	1/28.4
2001	650	20.617	1/31.7
2002	700	15.977	1/22.8
2003	700	12.324	1/17.6
2004	750	9.918	1/13.2
2005	780	14.592	1/18.7
2006	840	10.350	1/12.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1	NV2
Phát hành sách C	18.0	22.0	20.5	19.5	23.0	19.5	22.5	18.0	19.0	17.5	-
Phát hành sách D1	18.0	23.0	21.0	17.0	21.0	18.0	21.0	14.0	15.5	16.5	-
Phát hành sách D3	18.0	24.5	20.0	17.0	21.0	-	-	-	-	-	-
Thông tin thư viện C	19.0	21.5	22.0	20.0	23.0	-	-	20.0	19.0	17.0	-
Thông tin thư viện D1	19.0	23.0	19.5	18.0	20.5	17.0	21.0	15.0	16.0	15.5	-
Quản lý văn hóa C	26.0	22.0	-	20.5	23.0	20.5	22.5	17.5	17.5	18.5	17.0
Bảo tàng C	19.5	20.0	21.0	19.0	22.0	18.0	21.0	16.5	18.5	16.0	-
Văn hóa du lịch D1	20.0	21.5	20.5	17.5	21.0	18.0	21.0	16.0	16.5	17.0	14.5
Văn hóa du lịch C	20.0	21.5	22.0	21.0	23.0	-	-	-	-	-	-
Âm nhạc R	25.5	25.0	23.0	26.0	-	23.5	-	26.0	-	-	-
Thông tin cổ đông R	25.5	24.5	23.0	25.5	-	24.5	-	-	-	-	-
Phương pháp CLB R	-	26.0	23.5	26.0	-	23.5	-	-	15.0	-	-
Bảo tàng D1	-	-	-	-	-	-	-	14.5	15.0	15.5	-
VH DT thiếu số C	-	-	-	-	-	-	-	21.0	18.5	18.0	-
Quản lý văn hóa R1, 2	-	-	-	-	-	-	-	19.5	14.5	15.5	-

Ghi chú: - Năm 1999 trường có đào tạo ngành Văn xuôi với điểm trúng tuyển là 27.0 điểm và ngành Thơ lấy 26.5 điểm.

- Từ năm 2001 trở về trước có tuyển sinh khối D3 cho ngành Văn hóa du lịch, Thông tin thư viện điểm trúng tuyển bằng điểm khối D1 của các ngành này.

- Năm 2004, 2005 ngành Quản lý văn hóa có tuyển sinh khối V và điểm trúng tuyển đều lấy 18.0 điểm cho cả 2 năm. Năm 2005 có tuyển ngành Sáng tác, lý luận, phê bình văn học (22.5 điểm).

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHVHHN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối C, D1, R1,2,3.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHVHHN lấy theo ngành, khoa mà thi sinh ĐKDT.
- Trường ĐHVHHN không tuyển những thí sinh bị dị tật, nói ngọng, nói lắp. Ngành Văn hóa du lịch chỉ tuyển thí sinh cao từ 1,60 m (đối với nam), từ 1,57 m (đối với nữ) trở lên.
- Những thí sinh ĐKDT khối R (Văn, Sử và môn năng khiếu) phải thi tại Trường ĐHVHHN ở Hà Nội.
- Môn năng khiếu của Trường ĐHVHHN không nhân hệ số.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHVHHN có biểu đồ đi lên nhưng không nhiều. (Xem bảng 1).
- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHVHHN hàng năm đông hơn so với chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" của trường là tương đối cao. Từ năm 2003 đến nay (2006) tỉ lệ "chọi" của trường có xu hướng là cứ năm trước tăng thì năm sau giảm. (Xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHVHHN có sự dịch chuyển, nhìn chung từ năm 2002 đến nay điểm trúng tuyển vào trường có xu hướng giảm xuống (nhất là những ngành tuyển sinh khối R và D1). Đặc biệt là từ khi áp dụng việc tính điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển của Trường ĐHVHHN không phải là quá cao có những ngành lấy bằng điểm sàn hoặc cũng chỉ hơn điểm sàn từ 1 - 2.5 điểm. (Ví dụ: ngành Phát hành sách khối D1 năm 2004 và ngành Bảo tàng khối D1 năm 2005 lấy điểm trúng tuyển bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT (14.0/14.0 & 15.0/15.0 điểm), năm 2006 ngành Thông tin thư viện, Bảo tàng khối D1 lấy điểm trúng tuyển chỉ cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT là 2.5 điểm (15.5/13.0 điểm)...). (Xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển NV2 thường cao hơn NV1 từ 2 - 4.5 điểm tuy nhiên điểm trúng tuyển NV2 năm 2006 lại thấp hơn so với điểm chuẩn NV1 do đây là điểm dành cho các chuyên ngành đào tạo tại Huế (chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu từ Nghệ An đến Quảng Bình). (Xem bảng 2).
- Từ những đặc điểm trên có thể thấy điểm trúng tuyển vào Trường ĐHVHHN so với mặt chung của những trường tuyển sinh khối C, D là không cao. Các bạn có học lực trung bình khá trở lên nếu cố gắng có thể trở thành sinh viên của trường.
- Qua số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên nếu quy luật không thay đổi.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

Trụ sở: 169 Tây Sơn, Q. Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 04.8512713; 04.5874419

- Trường Đại học Công Đoàn (ĐHCD) đã có 56 năm xây dựng và trưởng thành, là trung tâm đào tạo và nghiên cứu lý luận về giai-cấp công nhân và công đoàn của Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- Trường ĐHCĐ đào tạo bậc Đại học với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Bảo hộ lao động

Đào tạo sinh viên ngành Bảo hộ lao động không chỉ có *kiến thức chung* dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên, mà còn được học các *kiến thức cơ bản* về ngành. Ngoài ra còn được cung cấp những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* về Bảo hộ và Lao động một cách có hệ thống và đủ rộng đồng thời với những phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu xã hội học, những điều luật, những quy phạm của hệ thống Luật lao động Việt Nam... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* làm việc được tại các cơ quan, nhà máy xí nghiệp ở những vị trí có liên quan đến chuyên ngành.

Sinh viên học ngành Bảo hộ lao động sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động...
- + Tổ chức Công đoàn của các công ty, doanh nghiệp hoạt động trên khắp các lĩnh vực kinh tế: TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam, TCT Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam... và các đơn vị thành viên.
- + Làm các công tác xã hội trong các cơ quan, tổ chức quần chúng.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Bảo hộ lao động.

1) Ngành Công tác xã hội; 2) Ngành Xã hội học

Ngành Công tác xã hội, ngành Xã hội học trang bị cho sinh viên *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như là sinh viên các ngành này của Trường ĐH KH&NV. Tốt nghiệp ra trường sinh viên các ngành *có khả năng* giải quyết những vấn đề trong mối quan hệ xã hội và nâng cao năng lực con người, khả năng làm công tác điều tra nghiên cứu, các vấn đề liên quan đến xã hội...

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Kế toán; 3) Ngành Tài chính - Ngân hàng

Sinh viên khi theo học 3 ngành có tên trên của Trường ĐHCĐ sẽ được học không chỉ có *kiến thức chung* về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế mà còn được cung cấp các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành, đồng thời cũng sẽ được đào tạo để có những *kiến thức chuyên sâu của*

chuyên ngành tương tự như là sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính.... Tốt nghiệp các ngành này sinh viên sẽ **có khả năng** tổ chức, điều hành trong công tác có liên quan chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị sản xuất kinh doanh trong mọi lĩnh vực kinh tế...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	800	17.612	1/22.0
2001	800	20.817	1/26.0
2002	800	10.465	1/13.0
2003	800	9.242	1/11.5
2004	800	11.283	1/14.1
2005	850	17.471	1/20.5
2006	950	14.419	1/15.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2000	2002		2003		2004	2005		2006	
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Bảo hộ lao động A	20.0	17.0	19.0	15.0	16.0	15.5	18.0	22.0	15.0	18.5
Quản trị KD A	21.0	15.0	17.0	15.0	18.0	14.5	17.5	24.0	16.0	-
Quản trị KD D1	21.0	20.0	22.0	17.5	20.5	17.0	17.0	21.0	17.5	-
Xã hội học C	22.0	22.0	24.0	20.5	23.5	17.5	20.0	-	17.5	19.5
Công tác xã hội C	-	-	-	-	-	20.5	21.0	-	18.5	-
Kế toán A/D1	-	-	-	-	-	-	-	-	18.0/18.5	-
Tài chính - NH A/D1	-	-	-	-	-	-	-	-	18.0/19.0	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHCĐ tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo các khối A, C, D1.
- Điểm trúng tuyển Trường ĐHCĐ lấy theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHCĐ tương đối ổn định nhưng đến năm 2006 cũng tăng 150 chỉ tiêu so với năm 2000. (Xem bảng 1).

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không tuân theo một quy định nhất định nào, năm 2005 số lượng thí sinh ĐKDT tăng đột biến khiến cho tỉ lệ "chọi" của Trường ĐHCĐ năm này rất cao ở mức trên 20 lấy 1 (1/20.5). Năm 2006 mặc dù chỉ tiêu đào tạo tăng lên nhưng số lượng thí sinh ĐKDT lại giảm nên tỉ lệ "chọi" của năm này lại thấp hơn so với năm trước, tuy nhiên, so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này vẫn cao. (Xem chi tiết bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHCĐ có sự xê dịch đáng kể qua từng năm, có năm cao, có năm thấp tùy từng ngành. Mặc dù vậy có thể thấy qua bảng 2 điểm trúng tuyển vào các ngành vẫn cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT đặc biệt là ngành Công tác xã hội (C) và ngành Quản trị kinh doanh (D1) là những ngành thường lấy điểm trúng tuyển cao hơn nhiều so với điểm sàn. Ví dụ năm 2004, 2005, 2006 điểm trúng tuyển khối C của ngành Công tác xã hội cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT lần lượt là: 5.5 điểm (20.5/15.0 điểm), 7.0 điểm (21.0/14.0 điểm) và 4.5 điểm (18.5/14.0

điểm); ngành Quản trị kinh doanh khối D1 năm 2006 lấy điểm trúng tuyển cao hơn điểm sàn cũng tới 4.5 điểm (17.5/13.0 điểm) (Xem chi tiết bảng 2).

- Nhìn chung điểm trúng tuyển vào Trường ĐHCĐ một vài năm gần đây có xu hướng giảm xuống và ở mức không cao, điểm trúng tuyển một số ngành ở mức mà bạn có lực học trung bình khá trở lên nếu cố gắng là có khả năng trúng tuyển.

- Điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐHCĐ khá cao và có sự chênh lệch đáng kể so với NV1 cũng như so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định. Điểm NV2 thường cách điểm NV1 từ 1 đến 5.5 điểm. Năm 2005 điểm trúng tuyển NV2 rất cao nhất là ngành Quản trị kinh doanh khối D1 lấy tới 24.0 điểm cao hơn điểm trúng tuyển NV1 tới 5.5 điểm (24.0/17.5 điểm) và cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT nhưng 10.0 điểm (24.0/14.0 điểm). (Xem bảng 2).

- Năm 2006 Trường ĐHCĐ mở thêm 2 ngành mới là Kế toán và Tài chính - Ngân hàng.

- Qua các số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Trụ sở: 1 Tôn Thất Tùng, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.8525123, 048523798 - Website: <http://www.hmu.edu.vn/>

- Trường Đại học Y Hà Nội (ĐHYHN) là trường đại học được thành lập sớm nhất ở nước ta.
- Đội ngũ cán bộ giảng viên của trường gồm 560 người, trong đó có 29 Giáo sư, 60 Phó Giáo sư, 128 Tiến sĩ, 150 Thạc sĩ.
- Trường ĐHYHN đào tạo chính quy các bậc: Đại học, Trên đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Bác sĩ Đa khoa

Sinh viên học ngành Bác sĩ Đa khoa được cung cấp ngoài **kiến thức chung** về khối B: Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Vật lý đại cương, Lý sinh - Sinh học - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Di truyền học... còn có các **kiến thức cơ bản** về ngành Y: Giải phẫu học - Mô phôi - Sinh lý học - Hóa sinh - Vi sinh vật - Ký sinh trùng - Sinh lý bệnh, Miễn dịch - Dược lý học - Dịch tễ học - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm - Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp - Tổ chức y tế, Chương trình y tế quốc gia - Dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Sức khỏe sinh sản.... Trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Y học lâm sàng và cộng đồng, Y học hiện đại, Y học cổ truyền: Nội da liễu - Ngoại nội tiết -

Huyết học - Nhi tâm thần - Nhiễm lao và bệnh phổi - Nội thần kinh - Ngoại thần kinh - Tai mũi họng - Chấn thương chỉnh hình mắt - Ung thư - Dược học cổ truyền - Dưỡng sinh - Châm cứu - Bệnh học - Chẩn đoán hình ảnh... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Bác sĩ Đa khoa **có khả năng** khám và chữa bệnh ở các cơ sở y tế; điều trị và hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân tại nhà; thực hiện công tác phòng bệnh và giáo dục sức khỏe; tổ chức và quản lý các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

Ngành Bác sĩ Y học cổ truyền

Chương trình đào tạo ngành Bác sĩ Y học cổ truyền (YHCT) không chỉ trang bị cho sinh viên có **kiến thức chung** dành cho khối B, cùng các **kiến thức cơ bản** về ngành Y giống như sinh viên ngành Bác sĩ Đa khoa, mà sinh viên ngành Bác sĩ YHCT còn được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Y học cổ truyền: Dược học cổ truyền (Thực vật dược - Dược lâm sàng - Dược học cổ truyền - Chế biến dược liệu - Các phương pháp bào chế các dạng thuốc YHCT) - Dưỡng sinh (Phương pháp xoa bóp - Phương pháp thực dưỡng) - Châm cứu (Điện châm - Đốt châm - Châm tê - Thủy châm) - Bệnh học (Bệnh học kết hợp nội khoa - Bệnh học kết hợp Ngoại, Nhi, Nhiễm, Phụ sản - Điều trị học dùng thuốc YHCT...)... để sinh viên sau khi ra trường sẽ **có khả năng** khám, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe, dự phòng bệnh tật, giáo dục tăng cường sức khỏe bằng y học cổ truyền; phát hiện và xử lý ban đầu một số bệnh cấp cứu; tổ chức quản lý các dịch vụ, các chương trình chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền tại cộng đồng; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

Ngành Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt

Khi học ngành Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu các **kiến thức chung** về Toán, Hóa, Sinh, cùng các **kiến thức cơ bản** về ngành Y tương tự sinh viên ngành Bác sĩ Đa khoa, không những thế ngành này còn cung cấp để sinh viên có **kiến thức và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành** về Răng - Hàm - Mặt: Nha khoa cơ sở - Phẫu thuật hàm mặt - Nhổ răng tiểu phẫu thuật - Nha chu - Bệnh học miệng - Tia X - Răng trẻ em - Nha khoa công cộng - Phục hình răng - Mô phỏng nha khoa... để khi học xong sinh viên chuyên ngành **có khả năng** khám và chữa bệnh răng miệng ở các cơ sở y tế; làm việc phòng bệnh, tư vấn và giáo dục sức khỏe răng miệng; tổ chức quản lý các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng; tham gia công tác đào tạo nghiên cứu khoa học...

Ngành Cử nhân Điều dưỡng

Bên cạnh các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, sinh viên ngành Cử nhân Điều dưỡng còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** về ngành giống như sinh viên ngành Bác sĩ Đa khoa, đồng thời nhà trường còn đào tạo để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Điều dưỡng (ĐD) cơ bản - Phục hồi chức năng - ĐD cấp cứu, hồi sức - ĐD nội - ĐD ngoại - ĐD nhi - ĐD phụ sản - ĐD truyền nhiễm - ĐD chuyên khoa hệ nội (Lão khoa/Thần kinh/Da liễu) - ĐD chuyên khoa hệ ngoại (Mắt/Tai mũi họng/Răng hàm mặt) - Quản lý ĐD - ĐD tâm thần - ĐD công cộng - Y học cổ truyền - Nội bệnh lý - Ngoại bệnh lý - Sản bệnh lý - Nhi bệnh lý... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** tham gia quản lý, nghiên cứu khoa học về điều dưỡng...

Ngành Cử nhân Kỹ thuật y học

Cử nhân ngành Kỹ thuật Y học được trang bị ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành tương tự như sinh viên ngành Bác sĩ đa khoa

thi sinh viên ngành này còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Giải phẫu bệnh - Huyết học cơ bản - Huyết học tế bào - Kỹ sinh trùng - Đông máu - Truyền máu - Hóa sinh - Vi sinh - Kỹ sinh trùng - Gây mê hồi sức - Xét nghiệm - Vật lý trị liệu - X quang.... Khi tốt nghiệp sinh viên ngành Kỹ thuật Y học **có khả năng** thực hiện được các xét nghiệm thuộc các lĩnh vực: Vi sinh, Kí sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học truyền máu, Miễn dịch, Giải phẫu bệnh...

Ngành Cử nhân Y tế công cộng

Nội dung chương trình đào tạo ngành cử nhân Y tế công cộng bao gồm **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và **kiến thức cơ bản** về ngành cũng giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành Bác sĩ Đa khoa được học, ngoài ra sinh viên ngành này còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Sức khỏe các lứa tuổi - Các bệnh thông thường ở cộng đồng - Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng - Thảm họa và Sức khỏe - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm - Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm - Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp - Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm - Pháp y.... Sinh viên sau khi ra trường sẽ **có khả năng** xác định các yếu tố của môi trường tự nhiên, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và những vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng rồi đưa ra các chiến lược giải quyết; giáo dục sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu; tham gia quản lý các chương trình và dịch vụ y tế; phát hiện và xử lý một số bệnh thông thường; giám sát, phát hiện sớm và tham gia phòng chống dịch; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

Ngành Bác sỹ Y học dự phòng

Sinh viên học các ngành của trường Đại học Y sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Dinh dưỡng, Viện Dược liệu, Viện Huyết học và Truyền máu, Viện Y học hàng không, Viện Y học lâm sàng các bệnh nhiệt đới, Viện Y học tư pháp trung ương; TT. Tư vấn và Chăm sóc sức khỏe, TT. Chăm sóc sức khỏe...

+ Các bệnh viện, các cơ quan y tế, trạm y tế và một số cơ sở y tế... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước: Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Tâm thần kinh Trung ương, Bệnh viện Da liễu...

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CD, THCN có các ngành đào tạo.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	320	4.698	1/14.6
2000	500	6.517	1/13.0
2001	500	8.518	1/17.0
2002	435	11.442	1/26.3
2003	420	5.406	1/13.0
2004	540	6.878	1/13.0
2005	500	4.229	1/8.0
2006	800	4.891	1/6.1

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	VN2	NV1	NV1	NV1
Bác sĩ Đa khoa	18.0	21.5	22.0	26.0	27.0	24.0	27.0	27.5	25.5	23.5
Bác sĩ Y học cổ truyền	17.0	18.0	20.0	24.5	25.5	21.5	24.5	26.5	24.0	22.5
Điều dưỡng	15.0	15.0	17.0	22.0	24.0	19.0	22.0	24.5	23.0	20.0
Y tế công cộng	15.0	15.0	16.0	22.0	24.5	17.0	20.0	25.5	20.0	22.5
Bác sĩ Răng Hàm Mặt	18.0	19.5	23.0	24.5	25.5	-	-	-	24.5	25.5
Kỹ thuật y học	-	15.0	16.0	22.0	24.5	21.0	24.0	25.0	24.0	20.5
Y học dự phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHYHN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối B.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHYHN lấy theo ngành, khoa.
- Trường ĐHYHN không tính điểm ưu tiên khu vực cho thí sinh khi xét tuyển.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo của Trường ĐHYHN được Bộ GD&ĐT giao cho hàng năm không ổn định. Năm 2006 trường được giao chỉ tiêu là 800 đây là số chỉ tiêu nhiều nhất từ trước đến nay. (Xem bảng 1).

- Từ trước năm 2004 số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHYHN hàng năm đồng so với chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" của trường khá cao tuy nhiên đến năm 2005, 2006 tỉ lệ "chọi" đã giảm xuống nhưng so với các trường tuyển sinh khối B khác thì tỉ lệ này vẫn là cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHYHN từ khi thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung" tương đối cao mặc dù có sự xê dịch theo từng năm. Đặc biệt có những ngành luôn lấy điểm trúng tuyển ở mức mà chỉ có những thí sinh có học lực giỏi trở lên mới có khả năng thi đỗ như ngành Bác sĩ Đa khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, các ngành còn lại điểm trúng tuyển thay đổi tùy từng năm (có năm cao, có năm thấp hơn) nhưng với mức điểm trúng tuyển này nếu thực sự không có học lực xuất sắc thì thí sinh khó có hy vọng trở thành sinh viên của trường... (Xem bảng 2).

- So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT thì điểm trúng tuyển của trường cao hơn rất nhiều. Năm 2004 (là năm đầu tiên áp dụng việc tính điểm sàn của Bộ GD&ĐT) thì điểm trúng tuyển của trường cao hơn tới 12.5 điểm (27.5/15.0 điểm), ngành thấp nhất cũng cao hơn những 9.5 điểm (24.5/15.0 điểm). Năm 2005 sự chênh lệch giảm xuống nhưng điểm trúng tuyển cũng chênh nhau từ 5.0 - 10.5 điểm (20.0/15.0 - 25.5/15.0 điểm). Năm 2006 mức chênh lệch giữa điểm trúng tuyển của trường với điểm sàn của Bộ GD&ĐT lại tăng, ngành thấp nhất cũng cao hơn điểm sàn 6.0 điểm (20.0/14.0 điểm), ngành cao nhất thì hơn điểm sàn cũng tới 11.5 điểm (25.5/14.0 điểm). (Xem chi tiết bảng 2).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành của Trường ĐHYHN so với điểm trúng tuyển một số ngành tương tự ở các trường khác như: ĐHY (ĐH Thái Nguyên), ĐHY Thái Bình, ĐHY Hải Phòng... thì điểm trúng tuyển các ngành của Trường ĐHYHN cao hơn khá nhiều. Ví dụ năm 2006: điểm trúng tuyển ngành Bác sĩ Y học cổ truyền của Trường ĐHYHN cao hơn điểm trúng tuyển ngành này của Trường ĐHY Thái Bình tới 6.5 điểm (22.5/16.0 điểm); điểm trúng tuyển ngành Bác sĩ Đa khoa của ĐHYHN cũng cao hơn điểm trúng tuyển ngành này của Trường ĐHY (ĐH Thái Nguyên) tới 3.0 điểm (23.5/20.5 điểm), cao hơn so với ĐHY Thái Bình 1.0 điểm (23.5/22.5 điểm)... (Xem chi tiết bảng 2 của các trường).

- Năm 2002, 2003 trường có xét tuyển NV2, điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1. (Xem bảng 2).

- Trong bối cảnh các trường sử dụng chung một đề thi thì tỉ lệ "chọi" cao và điểm trúng tuyển cao như trên quả là một thách thức đối với các bạn. Trước khi ĐKDT bạn nên so sánh tỉ lệ "chọi", điểm trúng tuyển vào các trường cùng đào tạo các ngành giống ĐHYHN để có sự lựa chọn hợp lý. Chúng tôi khuyến bạn nếu thực sự không có học lực xuất sắc thì không nên dự thi vào trường. Hơn nữa, cũng xin lưu ý với bạn rằng, hầu hết các trường đại học Y khoa đều dành điểm ưu tiên cho KV1 và KV2 nhưng ngoại trừ Trường ĐHYHN.

- Qua số liệu 2 bảng trên có thể thấy năm 2006 chỉ tiêu đào tạo của Trường ĐHYHN thì tăng nhưng tỉ lệ "chọi" lại giảm, trong khi đó điểm trúng tuyển vào trường nhìn chung cũng không cao bằng năm 2005 do đó chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên nhưng không nhiều và điểm trúng tuyển vào thuộc diện những trường "top trên".

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Trụ sở: 13 -15 Lê Thánh Tông, Hà Nội

Điện thoại: 04. 8264465

- Đại học Dược Hà Nội (ĐH DHN) thành lập năm 1961, là trung tâm đào tạo cán bộ y tế chuyên ngành Dược.
- Trường ĐH DHN hiện có 260 cán bộ công nhân viên chức trong đó: 2 Giáo sư, 13 Phó Giáo sư, 50 Tiến sĩ, 29 Thạc sĩ...
- Trường ĐHDHN đào tạo cán bộ dược có trình độ đại học và sau đại học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI ĐÃ ĐÀO TẠO MỘT NGÀNH DUY NHẤT:

Ngành Dược sĩ

Ngành Dược sĩ trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối B như: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Lý sinh - Sinh học - Hóa học đại cương - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Di truyền học... cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Giải phẫu học - Mô phôi - Sinh lý học - Hóa sinh - Vi sinh vật - Kỹ sinh trùng - Sinh lý bệnh, miễn dịch - Dược lý học - Dịch tễ học - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm - Giáo dục sức khỏe và Kỹ năng giao tiếp - Tổ chức y tế, Chương trình y tế quốc gia - Dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Sức khỏe sinh sản... đồng thời sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Hóa dược - Sinh hóa - Kỹ sinh - Thực vật - Nhận thức dược liệu - Dược liệu (Thực vật dược - Dược lâm sàng - Dược học cổ truyền - Chế biến dược liệu) - Thủ thuật bào chế - Quản lý dược - Phân tích kiểm nghiệm - Dược lý - Công nghiệp dược... để khi tốt nghiệp sinh viên ngành này **có khả năng** hướng

đầu sử dụng, bào chế, sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc trong các cơ sở y tế và cộng đồng; có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Sinh viên học ngành Dược sĩ sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện nghiên cứu: Viện Dược liệu...
- + Các bệnh viện, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dược phẩm và một số cơ sở y tế khác như: TCT Dược Việt Nam và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Dược phẩm Trung ương, Cty Sản xuất thuốc, Nhà máy Sản xuất thuốc Tân dược...
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Dược sĩ.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1998	160	1.865	1/11.6
1999	160	3.535	1/22.0
2000	180	5.027	1/27.9
2001	250	3.465	1/13.8
2002	240	2.231	1/9.2
2003	260	2.717	1/10.0
2004	370	1.489	1/4.0
2005	400	2.730	1/6.8
2006	450	1.709	1/3.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường

1997	1998	1999	2000	2001		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2			
22.5	19.0	24.0	22.5	22.0	23.0	25.5	26.5	23.5	27.5	23.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDHN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của trường ĐHDHN được lấy chung.
- Trường ĐHDHN không tuyển thí sinh dị tật, cụt tay, cụt chân.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo của Trường ĐHDHN được Bộ GD&ĐT giao cho có xu hướng tăng lên theo từng năm nhưng không nhiều. Trong khi đó số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHDHN có biến động vì thế tỉ lệ "chọi" của trường giữa các năm có sự chênh lệch đáng kể từ năm 2003 đến nay (2006) tỉ lệ "chọi" của trường theo quy luật Cứ năm trước tăng thì năm sau giảm. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào ngành Dược của Trường ĐHDHN nhìn chung khá ổn định, đồng thời cao hơn rất nhiều so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cũng như so với điểm trúng tuyển ngành Dược tại một số trường khác cũng đào tạo như: ĐHY (ĐH Thái Nguyên), ĐHY (ĐH Huế)..., đặc biệt năm 2005 điểm trúng tuyển của trường đột ngột tăng lên 27.5 điểm cao hơn hẳn điểm vào ngành này của những trường khác từ 3.0 điểm trở lên (ĐHY (ĐH Thái Nguyên (22.0 điểm), ĐHY (ĐH Huế) (24.5 điểm)...)...

- Đến năm năm 2006 thì điểm trúng tuyển vào trường đã giảm xuống so với năm 2005 và bằng với năm 2004 (23.5 điểm) nhưng với mức điểm này thì sinh không có lực học xuất sắc trở lên thì khó có khả năng trúng tuyển. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển của trường nếu tính từ năm 2001 đến nay (2006) thì tuân theo quy luật, nếu năm trước tăng thì năm sau giảm (xem bảng 2). Đó cũng là điều mà các bạn nên chú ý. Nếu muốn trở thành sinh viên ngành Dược bạn phải là người có học lực giỏi thì mới có khả năng vượt lên các bạn khác để vào trường (xem bảng 2).

- Qua các số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

Trụ sở: 138 Giảng Võ, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (844) 8461139 - Fax: (844) 8452738 - Website: <http://www.hsph.edu.vn/>

- Trường Đại học Y tế công cộng (ĐHYTCC) thành lập ngày 26/4/2001, là Trường đại học đầu tiên ở Việt Nam về lĩnh vực y tế công cộng.
- Trường ĐHYTCC có các cấp độ đào tạo: Đại học và Sau đại học với 2 loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao bao gồm nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ được đào tạo từ trong và ngoài nước...

TRƯỜNG ĐÃ ĐÀO TẠO MỘT NGÀNH DUY NHẤT:

Ngành Cử nhân y tế công cộng

Khi học ngành Cử nhân Y tế công cộng của Trường ĐHYTCC sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối B, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Y, cũng như sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐHY Hà Nội. Sinh viên sau khi ra trường cũng sẽ **có khả năng** xác định các yếu tố của môi trường tự nhiên, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và những vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng rồi đưa ra các chiến lược giải quyết; giáo dục sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu; tham gia quản lý các chương trình và dịch vụ y tế; phát hiện và xử lý một số bệnh thông thường; giám sát, phát hiện sớm và tham gia phòng chống dịch; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

Sinh viên học ngành Cử nhân Y tế công cộng sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện nghiên cứu y học: Viện Dinh dưỡng, Viện Dược liệu, Viện Huyết học và Truyền máu thuộc Bộ Y tế, Viện Y học Hàng không thuộc Quân chủng phòng không không quân, Viện Y học Lâm sàng các bệnh nhiệt đới, Viện Y học Tư pháp Trung ương thuộc Bộ Y tế.

+ Các bệnh viện, các cơ quan y tế các cấp.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Cử nhân Y tế công cộng.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	90	4.543	1/50.4
2003	90	1.711	1/19.0
2004	90	1.108	1/12.0
2005	120	1.334	1/11.0
2006	120	1.028	1/8.5

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

Khối	2002		2003		2004	2005	2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1	NV2
B	20.0	22.0	22.0	23.0	21.5	22.5	18.0	20.0
A	18.0	20.0	-	-	21.5	-	-	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH YTCC tuyển sinh trong cả nước. Trường tuyển sinh 2 khối A, B. Từ năm 2005 trường chỉ tuyển sinh khối B.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH YTCC được lấy theo khối thi.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho của Trường ĐH YTCC năm 2006 tăng 30 chỉ tiêu so với năm 2002. Tuy nhiên tỉ lệ "chọi" của trường lại có xu hướng giảm dần nhưng so với mặt bằng chung thi tỉ lệ này vẫn tương đối cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH YTCC hàng năm khá cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT.

- Điểm trúng tuyển vào ngành Y tế công cộng của Trường ĐH YTCC so với điểm trúng tuyển ngành này của các trường khác thường cao hơn. Nhất là năm 2005 Trường ĐH YTCC còn lấy điểm trúng tuyển cao hơn điểm trúng tuyển ngành Y tế công cộng của Trường ĐHYHN tới 2.5 điểm (22.5/20.0 điểm), và cao hơn điểm ngành này của Trường ĐHY (ĐH Huế) những 6.5 điểm (22.5/16.0 điểm). Năm 2006 điểm trúng tuyển vào trường giảm nên có thấp hơn so với ĐHYHN (18.0/22.5 điểm) nhưng so với các trường khác cũng có đào tạo ngành cùng tên thì vẫn cao hơn... (Xem chi tiết bảng 2 của các trường).

- Trường lấy điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 thường là 2.0 điểm và ở mức từ 20.0 trở lên. Vì thế đây là điểm mà bạn cần lưu ý khi đăng ký NV2 vào trường. (Xem bảng 2).

- Từ số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng lên nhưng không đáng kể.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC RĂNG - HÀM - MẶT

Trụ sở: 40A Tràng thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (04) 9287190.

- Trường Đại học Răng - Hàm - Mặt (ĐH R-H-M) thành lập ngày 15/10/2002, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ đại học thuộc lĩnh vực răng hàm mặt đồng thời nghiên cứu khoa học và thực hiện các dịch vụ xã hội thuộc lĩnh vực răng hàm mặt.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình và gắn bó với ngành, với trường, hầu hết có trình độ đại học, trên đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC RĂNG - HÀM - MẶT ĐÀO TẠO NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt

Trên nền những *kiến thức chung* về Toán, Hóa, Sinh, cùng với các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành Y học nói chung, sinh viên ngành Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt của Trường ĐH R-H-M còn được đi vào nghiên cứu khối *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* cũng giống như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Y Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt *có khả năng* khám và chữa bệnh răng miệng ở các cơ sở y tế, có khả năng tư vấn và giáo dục sức khỏe răng miệng, tổ chức quản lý các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng đồng thời có khả năng tham gia công tác đào tạo nghiên cứu khoa học trong những lĩnh vực có liên quan...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số lượng ĐKDT	Tỉ lệ chọi
2003	30	1.015	1/33.8
2004	80	574	1/7.0
2005	90	590	1/6.5
2006	100	462	1/4.6

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường

2003		2004	2005		2006
NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1
24.5	27.5	26.5	25.5	25.0	23.0

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐH R-H-M tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối B.
- Điểm trúng tuyển của ĐH R-H-M được xét chung cho toàn trường.

2. Một số lưu ý:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng dần lên, đến năm 2006 tăng gấp 3.3 lần so với năm 2003. (Xem bảng 1).

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường năm 2003 đồng so với chỉ tiêu khiến cho tỉ lệ "chọi" của năm này rất cao nhưng từ sau năm 2003 số lượng thí sinh ĐKDT đã giảm xuống đáng kể vì thế tỉ lệ "chọi" ba năm trở lại đây không cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường giảm dần trong khi chỉ tiêu tăng lên, điều này chứng tỏ nhận thức của thí sinh ngày càng cao, vì điểm trúng tuyển vào trường không có năm nào dưới 23.0 điểm và xé dịch từ 23.0 đến 27.5 điểm. Đây là mức điểm mà chỉ có học sinh xuất sắc mới có khả năng thi đỗ. Điểm trúng tuyển vào trường luôn cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 10.0 điểm trở lên, đồng thời so với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối B khác thì điểm trúng tuyển của trường cũng thuộc "top cao".

- Điểm trúng tuyển NV2 rất cao, năm 2003 lấy những 27.5 điểm, năm 2005 mặc dù điểm trúng tuyển NV2 thấp hơn NV1 là 0.5 điểm nhưng cũng lấy tới 25.0 điểm. Nếu không thực sự có lực học giỏi trở lên thì bạn khó có khả năng trúng tuyển vì vậy nếu trường tuyển NV2 thì đây là điểm bạn nên lưu ý. (Xem bảng 2).

- Từ những đặc điểm trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không biến động mấy.

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

Địa chỉ: Số 2 Trần Phú - Thị xã Hà Đông - Hà Tây.

Điện thoại: 04 - 8549615

- Học viện Y dược học cổ truyền được thành lập trên cơ sở trường Trung học Y học Cổ truyền Tuệ Tĩnh, là trường Đại học đầu tiên về y dược học cổ truyền trong số trên dưới 10 trường trực thuộc ngành Y tế hiện nay ở Việt Nam.

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NỘI SẼ ĐÀO TẠO NGÀNH SAU:

Ngành Bác sĩ Y học cổ truyền

Chương trình đào tạo ngành Bác sĩ Y học cổ truyền nhằm trang bị cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành, mà đồng thời còn cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** cũng giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Y Hà Nội được đào tạo để khi ra trường sinh viên ngành này của Học viện Y dược học cổ truyền cũng **có khả năng** khám, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe, dự phòng bệnh tật, giáo dục tăng cường sức khỏe bằng y học cổ truyền; phát hiện và xử lý ban đầu một số bệnh cấp cứu; tổ chức quản lý các dịch vụ, các chương trình chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền tại cộng đồng; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

Trụ sở: 213 Trần Quốc Toản, Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, P. Hải Phòng

Điện thoại: 031.731168

- Trường Đại học Y Hải Phòng chỉ tuyển thí sinh các tỉnh: Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, các huyện ngoại thành Hà Nội và cán bộ trong ngành Y tế công tác tại Hà Nội.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Bác sĩ Đa khoa; 2) Ngành Cử nhân Điều dưỡng

Cũng tương tự chương trình đào tạo 2 ngành cùng tên của Trường ĐHY Hà Nội, chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐHY Hải Phòng cũng bao gồm những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, và sinh viên cũng sẽ được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để học xong chương trình này sinh viên các ngành đều **có khả năng** tham gia công tác trong lĩnh vực chuyên ngành về khám, chữa bệnh, về quản lý, nghiên cứu khoa học... tại các cơ quan có hoạt động liên quan đến ngành Y...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1997	120	1.312	1/10.9
1998	120	2.034	1/16.9
1999	100	2.071	1/20.7
2000	200	2.967	1/14.8
2001	130	3.457	1/26.5
2002	130	2.904	1/22.3
2003	150	2.280	1/15.0
2004	250	2.513	1/10.0
2005	300	2.631	1/8.7
2006	350	2.183	1/6.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

1997	1998	1999	2000	2002	2003	2004	2005		2006	
							BSĐK	ĐD	BSĐK	ĐD
18.0	19.5	17.0	20.5	23.0	21.5	23.0	25.0	20.5	20.5	18.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHYHP chỉ tuyển thí sinh các tỉnh: Hà Tây, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và chỉ tuyển sinh khối B.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHYHP lấy theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHYHP ba năm gần đây có xu hướng tăng lên trong khi đó số thí sinh ĐKDT vào trường nhìn chung tương đối ổn định (ở mức trên 2.000 thí sinh) vì thế tỉ lệ "chọi" có xu hướng giảm dần, nhất là 2 năm gần đây tỉ lệ ở mức không cao so với mặt bằng chung của các trường tuyển sinh khối B khác. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường ngày càng tăng lên chứng tỏ chất lượng đầu vào được nâng lên rõ rệt, do đó khả năng được trở thành sinh viên của trường đối các thí sinh có lực học trung bình dường như là không có. (Xem bảng 2).

- So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển của trường là tương đối cao. (Ví dụ năm 2006 mặc dù điểm trúng tuyển vào các ngành giảm đáng kể so với năm 2005 nhưng ngành Bác sĩ đa khoa vẫn cao hơn so với điểm sàn của Bộ tới 6.5 điểm (20.5/14.0) điểm, ngành Điều dưỡng có điểm trúng tuyển thấp hơn nhưng cũng hơn những 4.0 điểm (18.0/14.0 điểm).

- So với các trường cùng đặc thù đào tạo thì mức điểm này không phải là cao lắm tuy nhiên bạn vẫn phải là người có học lực từ loại khá trở lên mới có cơ hội vào trường.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH

Trụ sở: 81 Đường Lý Bôn, Thị xã Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Điện thoại: 036.844320 - 036.833366 - Website: www.tbmc.edu.vn

- Trường Đại học Y Thái Bình (ĐHYTB) thành lập 1968. Trường ĐHY TB có 305 cán bộ giảng dạy, trong đó có 92 giảng viên chính, có 8 Phó Giáo sư, 16 Tiến sĩ, 125 Thạc sĩ, 11 Nhà giáo Ưu tú, 28 Bác sĩ chuyên khoa cấp II và 46 Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
- Trường ĐHY TB có các cấp độ đào tạo: Trung cấp Dược, Đại học Y, Dược, Sau đại học Y.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Bác sĩ Đa khoa; 2) Ngành Bác sĩ Y học cổ truyền; 3) Ngành Cử nhân Điều dưỡng

Cũng giống như sinh viên các ngành cùng tên trên của Trường ĐHY Hà Nội, sinh viên khi theo học các ngành này của ĐHY Thái Bình cũng không chỉ được học các **kiến thức chung** về khối A, B mà còn được đào tạo để có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời cũng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp sinh viên các ngành đều **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực có liên quan chuyên ngành tại khắp các cơ sở y tế trên địa bàn toàn quốc đồng thời có khả năng tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

Ngành Dược sĩ

Khi học ngành Dược sĩ sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Dược Hà Nội... để khi ra trường sinh viên sẽ **có khả năng** hướng dẫn cho bệnh nhân và tư vấn cho thầy thuốc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc; bảo chế các dạng thuốc tân dược.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1997	120	1.991	1/16.5
1998	120	3.153	1/26.2
1999	100	2.820	1/28.2
2000	200	4.143	1/20.7
2001	200	5.040	1/25.2
2002	185	3.990	1/21.5
2003	180	2.924	1/17.0
2004	260	3.679	1/14.0
2005	300	3.839	1/12.7
2006	450	5.271	1/11.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

1997	1999	2000	2002	2003	2004	2005	2006			
							Dược	BSĐK	ĐD	BS YHCT
14.5	17.5	18.0	23.5	21.0	23.0	24.0	20.5	22.5	17.5	16.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHYTB chỉ tuyển thí sinh các tỉnh: Hà Tây, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và tuyển sinh khối A, B.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHYTB lấy theo ngành.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHYTB không ổn định, tuy nhiên từ năm 2003 trở lại đây có xu hướng tăng lên. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường khá đông so với chỉ tiêu được giao nên tỉ lệ "chọi" của trường cao hơn mặt bằng chung rất nhiều. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường có sự chênh lệch giữa các năm: năm 2002, 2004, 2005 điểm trúng tuyển cao và ở mức mà chỉ những thí sinh có học lực xuất sắc trở lên mới có khả năng trúng tuyển, đồng thời so với điểm trúng tuyển vào các trường y khác thì trường cũng thuộc "top" những trường lấy điểm chuẩn cao. Tuy nhiên, cũng có năm trường lấy điểm trúng tuyển thấp hơn như: năm 2002, năm 2006 và ở mức không cao so với các trường khác, nhưng muốn trở thành sinh viên của trường bạn cũng phải có học lực khá giỏi trở lên. (Xem bảng 2).

- So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT thì điểm trúng tuyển vào trường cao hơn khá nhiều, trung bình từ 2.0 - 9.0 điểm. (Xem bảng 2).

- Năm 2006 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng lên khá nhiều so với mấy năm trước, trong khi đó điểm trúng tuyển lại giảm so với năm 2005, vì thế dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường vẫn tăng lên nhưng không lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 257 Hàn Thuyên, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định.

Điện thoại: (0350)643495

- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định thành lập năm 2004 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định bao gồm 167 cán bộ trong đó có 19 Giáo sư - Phó Giáo sư, 18 Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp 2.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH ĐÀO TẠO NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Cử nhân Điều dưỡng

Khi học ngành Cử nhân điều dưỡng sinh viên sẽ được đào tạo bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, là các **kiến thức cơ bản** về ngành và cũng sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự khối kiến thức mà sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Y Hà Nội được trang bị.... Ngoài ra còn cung cấp một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** khám chữa, và chăm sóc bệnh nhân tại các bệnh viện, các cơ sở y tế...

Bảng số lượng tuyển sinh và điểm trúng tuyển vào trường

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ	Điểm	
				NV1	NV2
2005	200	2.313	1/11.5	19.5	23.5
2006	300	2.959	1/9.8	17.5	

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDDND tuyển sinh từ Hà Tĩnh trở ra và chỉ tuyển sinh khối B.
- Trường ĐHDDND xét điểm trúng tuyển chung.

2. Một số lưu ý

Nhìn vào bảng trên bạn có thể thấy:

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho trường năm 2006 tăng so với năm 2005, số lượng thí sinh ĐKDT vào trường cũng tăng lên nhưng không nhiều so với chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" năm 2006 giảm so với năm trước. Tuy nhiên tỉ lệ này so với mặt bằng chung những trường tuyển sinh khối B khác thì cũng khá cao.

- Điểm trúng tuyển vào trường tương đối cao, cao hơn điểm sàn của Bộ, tuy nhiên so với điểm chuẩn ngành cùng tên ở Trường ĐH Y Hà Nội thì mức điểm của trường vẫn "mềm hơn".

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1, với mức điểm này thì chỉ những bạn sau khi không trúng tuyển NV1 mà có kết quả thi tốt mới có khả năng trúng tuyển, vì thế nếu bạn có ý định muốn trở thành sinh viên của trường nên lưu ý khi đăng ký NV2.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng lên nhưng không nhiều.

Ngành Dược sĩ

Khi học ngành Dược sĩ sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Dược Hà Nội... để khi ra trường sinh viên sẽ **có khả năng** hướng dẫn cho bệnh nhân và tư vấn cho thầy thuốc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc; bảo chế các dạng thuốc tân dược.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1997	120	1.991	1/16.5
1998	120	3.153	1/26.2
1999	100	2.820	1/28.2
2000	200	4.143	1/20.7
2001	200	5.040	1/25.2
2002	185	3.990	1/21.5
2003	180	2.924	1/17.0
2004	260	3.679	1/14.0
2005	300	3.839	1/12.7
2006	450	5.271	1/11.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

1997	1999	2000	2002	2003	2004	2005	2006			
							Được	BSĐK	ĐD	BS YHCT
14.5	17.5	18.0	23.5	21.0	23.0	24.0	20.5	22.5	17.5	16.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHYTB chỉ tuyển thí sinh các tỉnh: Hà Tây, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và tuyển sinh khối A, B.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHYTB lấy theo ngành.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHYTB không ổn định, tuy nhiên từ năm 2003 trở lại đây có xu hướng tăng lên. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường khá đồng so với chỉ tiêu được giao nên tỉ lệ "chọi" của trường cao hơn mặt bằng chung rất nhiều. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường có sự chênh lệch giữa các năm: năm 2002, 2004, 2005 điểm trúng tuyển cao và ở mức mà chỉ những thí sinh có học lực xuất sắc trở lên mới có khả năng trúng tuyển, đồng thời so với điểm trúng tuyển vào các trường y khác thì trường cũng thuộc "top" những trường lấy điểm chuẩn cao. Tuy nhiên, cũng có năm trường lấy điểm trúng tuyển thấp hơn như: năm 2002, năm 2006 và ở mức không cao so với các trường khác, nhưng muốn trở thành sinh viên của trường bạn cũng phải có học lực khá giỏi trở lên. (Xem bảng 2).

- So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT thì điểm trúng tuyển vào trường cao hơn khá nhiều, trung bình từ 2.0 - 9.0 điểm. (Xem bảng 2).

- Năm 2006 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng lên khá nhiều so với mấy năm trước, trong khi đó điểm trúng tuyển lại giảm so với năm 2005, vì thế dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường vẫn tăng lên nhưng không lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Trụ sở: 360 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.5141588; 8512474

- Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp (ĐH MTCN) được thành lập năm 1949, là trường duy nhất chuyên đào tạo cán bộ chuyên ngành mỹ thuật công nghiệp.
- Trường ĐH MTCN có đội ngũ cán bộ giảng dạy gồm 104 người, gồm 2 Giáo sư, 5 Tiến sĩ, 2 Thạc sĩ.
- Trường ĐH MTCN có 3 cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học và Sau đại học với hai loại hình đào tạo chính: chính quy và vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Mỹ thuật công nghiệp

Theo học ngành Mỹ thuật công nghiệp sinh viên sẽ được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Hình học họa hình - Mỹ học - Vẽ kỹ thuật - Phối cảnh - Giải phẫu - Vật lý - Hóa học - Cơ học... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật công nghiệp: Trang trí - Điêu khắc - Nghệ thuật chữ - Hình họa - Mỹ thuật - Nghệ thuật ảnh - Kỹ thuật ấn loát - Tin học ứng dụng... thì còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế đồ họa (TKĐH) - TKĐH bao bì - TKĐH ấn loát - TKĐH tranh khắc - Thiết kế nội thất (TKNT) kiến trúc đồ - TKNT nhà ở - TKNT công trình công cộng nhỏ - TKNT công trình công cộng lớn - Thiết kế đồ đạc nội thất - Khối cơ bản, khối ảo - Biến thể và hướng, khối động - Thiết kế mô hình - Thiết kế tạo khối - Xử lý chất liệu... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành này **có khả năng** thiết kế mẫu mã sản phẩm công nghiệp, các mô hình nội ngoại thất hoặc có khả năng tư vấn thiết kế lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo...

Sinh viên ngành Mỹ thuật công nghiệp sau khi ra trường có thể công tác tại:

- + Viện Nghiên cứu kiến trúc, TT. Tư vấn thiết kế và Xây dựng, TT. Công nghệ xây dựng...
- + Các TCT tư vấn thiết kế trong lĩnh vực xây dựng nhà, quy hoạch đô thị, các Cty quảng cáo và mỹ thuật: TCT Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng, TCT Xây dựng Hà Nội... và các công ty, đơn vị thành viên trên cả nước: Cty Xây dựng và Trang trí nội thất, Cty Mỹ thuật Trung ương, các Cty Gốm sứ, Cty Gạch men...
- + Các phòng chức năng: Nghiên cứu Quy hoạch - Kiến trúc, Quản lý kiến trúc, Quản lý quy hoạch... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... ở các tỉnh và thành phố trong cả nước.
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Mỹ thuật công nghiệp.

Bảng số lượng tuyển sinh và điểm trúng tuyển vào trường trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ	Điểm
2002	130	3.799	1/29.2	23.0
2003	120	3.363	1/28.0	39.0
2004	120	2.873	1/23.9	37.5
2005	120	3.028	1/25.2	34.5
2006	120	2.456	1/20.5	37.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH MTCN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối H.
- Trường ĐH MTCN lấy điểm trúng tuyển chung. Sau khi học hết năm thứ nhất, căn cứ vào điểm và NV của học sinh trường sẽ xếp khoa, ngành học.
- Thi sinh thi môn Văn, Năng khiếu (Hình họa và Bố cục màu), 2 môn năng khiếu nhân hệ số 2.
- Nếu bạn không đủ điểm vào hệ Đại học, bạn sẽ được xét vào học hệ Cao đẳng theo sự phân bổ của trường nếu bạn có nhu cầu.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo của Trường ĐH MTCN được Bộ GD&ĐT giao cho trường từ sau năm 2002 đến nay tương đối ổn định. Trong khi đó số thí sinh đăng ký thi vào Trường ĐH MTCN đồng so với chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" của trường tương đối cao so với mặt bằng chung của các trường có đào tạo ngành Mỹ thuật như Đại học Mỹ thuật, Viện Đại học Mở, Đại học Sân khấu Điện ảnh. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH MTCN tương đối cao và khá ổn định qua các năm, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường tốt, thí sinh phải thực sự có năng khiếu và phải có lực học khá giỏi mới có cơ hội trúng tuyển.

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường năm 2006 giảm so với năm 2005 nhưng điểm trúng tuyển của năm này lại cao hơn so với năm trước do đó chúng tôi dự kiến năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có thể không tăng.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT HÀ NỘI

Địa chỉ: 42 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.8263861

- Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội (ĐH MTHN) là trung tâm đào tạo mỹ thuật lớn của cả nước với các ngành: Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Lý luận lịch sử mỹ thuật và Sư phạm.
- Đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường ĐH MTHN gồm 39 người, đều có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm giảng dạy...
- Trường ĐH MTHN đào tạo các bậc: Trung cấp, Đại học, Cao học... với các cấp độ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Đồ họa

Ngành Đồ họa đào tạo cho sinh viên khi theo học có **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật: Kinh tế chính trị học - Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng - Hình họa - Văn học - Trang trí - Bố cục... để trên nền những kiến thức cơ sở đó ngành Đồ họa sẽ trang bị để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Giới thiệu về chuyên khoa Đồ họa tạo hình - Sáng tác tranh cổ động theo chủ đề - Bố cục tĩnh vật và kỹ thuật in kẽm - Bố cục phong cảnh và kỹ thuật in đá - Bố cục phong cảnh và kỹ thuật tranh khắc gỗ - Nghiên cứu chân dung tự họa và kỹ thuật in đá - Bố cục chủ đề và kỹ thuật tranh in lưới - Bố cục chủ đề và kỹ thuật tranh khắc gỗ - Bố cục chủ đề và kỹ thuật tranh in đá - Bố cục chủ đề và kỹ thuật tranh in kẽm... để khi ra trường sinh viên ngành này sẽ trở thành những họa sĩ **có khả năng** thiết kế về đồ họa ứng dụng trên các lĩnh vực đồ họa in ấn, thiết kế bao bì, nhãn hiệu, biểu trưng, tranh khắc gỗ, đồ họa quảng cáo cho sản phẩm công thương nghiệp...

Ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật

Sinh viên khi theo học ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật sẽ được trang bị ngoài các **kiến thức chung** và **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Mỹ thuật giống như ngành Đồ họa thì còn được học **kiến thức cơ bản** về Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật: Điêu khắc - Các kỹ thuật chất liệu của Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc - Lịch sử Thế giới - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử văn học Thế giới - Lịch sử văn học Việt Nam - Lý luận văn học - Ngôn ngữ học - Khảo cổ - Bảo tồn và Trưng tu di tích - Văn hóa học - Hán nôm - Tin học - Phương pháp nghiên cứu, thực tế về Mỹ thuật... Không những thế ngành còn cung cấp để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam - Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Mỹ học - Mỹ thuật học - Lịch sử tư tưởng thẩm mỹ - Lý luận và phê bình Mỹ thuật - Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật và xã hội nghệ thuật... ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được học một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Lịch sử kiến trúc Thế giới và Việt Nam (TG&VN) - Lịch sử âm nhạc TG&VN - Lịch sử sân khấu TG&VN - Lịch sử điện ảnh TG&VN - Nghệ thuật múa - Công tác sư phạm... Tốt nghiệp, Cử nhân ngành này **có khả năng** nghiên cứu, phê bình, tổ chức các hoạt động và giảng dạy trong những lĩnh vực có liên quan đến Mỹ thuật...

Ngành Hội họa

Chương trình đào tạo ngành Hội họa nhằm cung cấp cho sinh viên không chỉ **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật giống như sinh viên ngành Đồ họa, mà ngoài ra ngành còn tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành: về Sơn mài** (Kỹ thuật chất liệu: Pha chế sơn quang - Sơn vẽ - Sơn phủ; Kỹ thuật thể hiện màu sắc: Sơn cánh gián - Vỏ trứng - Xà cừ - Bạc - Vàng...); **về Sơn dầu và vẽ Lụa**.... Bên cạnh đó sinh viên sẽ được nghiên cứu và thể nghiệm chất liệu theo quy trình thực hiện các bài tập sáng tác như: tranh tĩnh vật, tranh phong cảnh, bố cục và thể hiện một tác phẩm bằng chính chất liệu mà sinh viên đã chọn theo chuyên ngành... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** sáng tác những tác phẩm nghệ thuật bằng các chất liệu như sơn dầu, sơn mài, lụa, giấy..., **có phương pháp** sáng tạo phong phú theo đường lối đúng đắn và có sự hiểu biết chắc chắn về kỹ thuật và sử dụng các chất liệu, có khả năng giảng dạy.

Ngành Điêu khắc

Cử nhân ngành Điêu khắc được trang bị bên cạnh **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Mỹ thuật giống như sinh viên ngành Đồ họa, đồng thời khi theo học ngành này sinh viên sẽ được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về: kỹ năng sáng tác, nghiên cứu và giảng dạy, tổ chức phong trào mỹ thuật ở cơ sở, có trình độ chuyên môn cao, chắc chắn về kỹ thuật sử dụng chất liệu... để sau khi học xong sinh viên ngành này **có khả năng** nghiên cứu chuyên sâu, có phương pháp sáng tác lành mạnh, **có khả năng** sáng tác, thể hiện tác phẩm từ chân dung, tượng trang trí công viên, tượng đài phục vụ nhân dân và xã hội, những công trình cấp quốc gia...

Ngành Sư phạm Mỹ thuật

Trên nền những **kiến thức chung và kiến thức cơ bản** về Khoa học Nhân văn và Mỹ thuật được trang bị giống như sinh viên các ngành khác thì sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật còn đi vào tìm hiểu các môn học thuộc khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Giải phẫu tạo hình - Luật xa gần - Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Lịch sử Mỹ thuật Việt nam - Mỹ thuật học - Trang trí cơ bản - Trang trí ứng dụng - Kỹ họa - Vẽ người - Vẽ tĩnh vật... và các **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm**: Tâm lý học đại cương - Tâm lý học lứa tuổi - Tâm lý học sư phạm - Giáo dục học - Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên - Kỹ năng chấm bài - Phương pháp giảng dạy Mỹ thuật - Cách quản lý giờ học - Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** sáng tác, thẩm định và giảng dạy trong lĩnh vực có liên quan tới chuyên ngành...

Ngành Mỹ thuật ứng dụng

Ngành Mỹ thuật ứng dụng đào tạo cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật cũng giống như ngành Đồ họa, thì ngành Mỹ thuật ứng dụng còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Mỹ thuật ứng dụng: Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam - Lịch sử Mỹ thuật thế giới - Triết học - Mỹ học - Tiếp thị học... để trên nền các kiến thức cơ sở đó ngành sẽ đào tạo để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Nghệ thuật thiết kế trên các lĩnh vực thiết kế về: chữ, logo, biểu tượng, giấy tiêu đề, danh thiếp, bao thư, lịch treo tường, lịch để bàn, Poster, Catalog, sách quảng cáo nhỏ, tờ bướm, tờ rơi, thiết kế bao bì, biết thiết kế trang Web, biết các kỹ thuật chụp, xử lý, sử dụng ảnh phục vụ cho việc thiết kế, thể hiện ý tưởng, kỹ thuật xuất các dữ liệu đồ họa.... Ra trường, sinh viên ngành Mỹ thuật ứng dụng sẽ **có khả năng** thiết kế 2 chiều, có khả năng tư duy thị giác, phát triển ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ

thị giác, các yếu tố thị giác, trên cơ sở am hiểu các nguyên lý thị giác để thực hành sáng tạo các sản phẩm về đồ họa ứng dụng truyền thông hai chiều...

Sinh viên học các ngành của trường Mỹ thuật sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Viện Âm nhạc
- + Các cơ sở mỹ thuật thuộc mọi thành phần kinh tế.
- + Các cơ quan quản lý mỹ thuật.
- + Giảng dạy và công tác tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành về Mỹ thuật.

Ngành	1997	1998	1999	2000	2003	2004	2005	2006
Hội họa	37,0	37,0	39,0	37,5	40,0		37,0	
Đồ họa	34,0	39,0	39,0	35,5	37,5		33,0	
Điêu khắc	39,0	39,5	40,0	36,5	42,0		37,0	
Sư phạm Mỹ thuật	-	36,0	38,5	37,0	40,0		35,5	
Lý luận lịch sử mỹ thuật	25,5	-	-	-	24,5		-	

Bảng 2. Điểm trung tuyển vào các ngành.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1997	40	308	1/7,7
1998	50	570	1/11,4
1999	50	585	1/11,7
2000	50	787	1/15,7
2001	95	1.062	1/11,1
2002	110	1.027	1/9,3
2003	85	914	1/10,7
2004	80	796	1/9,9
2005	60	587	1/9,7
2006	60	-	-

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH MTHN tuyển sinh từ Thừa Thiên - Huế trở ra và các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum và Đắk Nông. Trường tuyển sinh khối H và thí sinh phải qua sơ tuyển tại trường

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH MTHN lấy theo ngành học mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm không cố định. Từ năm 2002 đến nay chỉ tiêu của trường có xu hướng giảm vì thế số lượng thí sinh ĐKDT vào trường cũng giảm. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường có sự biến động từng năm và khá cao so với những trường khối mỹ thuật khác. Bạn phải thực sự có năng khiếu và học lực tốt mới có khả năng trúng tuyển.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH

Trụ sở: Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.8341522

- Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh (ĐHSKĐA) được thành lập năm 1980.
- Trường ĐHSKĐA có đội ngũ cán bộ giảng dạy có uy tín trên các lĩnh vực sân khấu - điện ảnh nhiều người là Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Nhà giáo Ưu tú.
- Trường ĐHSKĐA có 3 cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học và Sau đại học với hai loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Điện ảnh có 4 chuyên ngành chính sau:

- 1) *Chuyên ngành Đạo diễn;* 2) *Chuyên ngành Biên kịch;* 3) *Chuyên ngành Quay phim;* 4) *Chuyên ngành Lý luận phê bình*

Sinh viên ngành này được trang bị các kiến thức về Khoa học Xã hội, về các quy định của pháp Luật Cũng như các kiến thức về các chuyên ngành Đạo diễn, Biên kịch, Quay phim, Lý luận phê bình để có thể đáp ứng nhu cầu hoạt động độc lập của nghề nghiệp sau này.

Ngành Nhiếp ảnh có chuyên ngành:

Chuyên ngành Nghệ thuật nhiếp ảnh

Ngành Sân khấu có các chuyên ngành:

- 1) *Chuyên ngành Diễn viên sân khấu điện ảnh;* 2) *Chuyên ngành Đạo diễn sân khấu*

Ngành Kịch hát dân tộc có các chuyên ngành:

- 1) *Chuyên ngành Diễn viên cải lương;* 2) *Chuyên ngành Diễn viên chèo*

Ngành Truyền hình có các chuyên ngành:

- 1) *Chuyên ngành Đạo diễn truyền hình;* 2) *Chuyên ngành Quay phim truyền hình*

Ngành Kinh tế kỹ thuật điện ảnh có các chuyên ngành:

- 1) *Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử;* 2) *Chuyên ngành Công nghệ điện ảnh truyền hình*

Ngành Thiết kế mỹ thuật có các chuyên ngành:

- 1) *Chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật (Sân khấu, Điện ảnh, Hoạt hình);* 2) *Chuyên ngành thiết kế trang phục Nghệ thuật*

Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về mỹ thuật (Thiết kế tạo dáng, thiết kế nội thất, đồ họa...) cũng như các kiến thức về Khoa học Xã hội để phục vụ cho công tác sáng tác, thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh.

Ngành Múa có các chuyên ngành:

1) Chuyên ngành Biên đạo múa; 2) Chuyên ngành Huấn luyện múa; 3) Chuyên ngành Lý luận phê bình sân khấu múa

Sinh viên được trang bị các kiến thức về kỹ thuật múa, ngôn ngữ múa để sau này có thể làm biên đạo múa, diễn viên múa cho các đoàn nghệ thuật hay làm công tác giảng dạy ở các trường nghệ thuật.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	210	4.519	1/21.6
2003	280	3.886	1/13.8
2004	185	3.007	1/16.2
2005	285	2.577	1/9.0
2006	310	2.287	1/7.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành, chuyên ngành trong trường

Ngành/Chuyên ngành	2005		2006
	NV1	NV2	NV1
Công nghệ điện ảnh truyền hình A	17	21.5	14.5
Công nghệ kỹ thuật điện ảnh A	17	21.5	14.5
Đạo diễn điện ảnh S	18	-	18.0
Quay phim điện ảnh S	17	-	15.5
Lý luận phê bình điện ảnh S	18	-	18.0
Biên kịch điện ảnh S	20	-	19.0
Diễn viên sân khấu điện ảnh S	15	-	16.5
Đạo diễn sân khấu S	16	-	-
Diễn viên cải lương S	18	-	17.0
Diễn viên chèo S	18	-	16.5
Thiết kế mỹ thuật S	18	-	16.0
Thiết kế trang phục S	20	-	15.5
Nghệ thuật nhiếp ảnh S	17	-	17.0
Đạo diễn truyền hình S	17	-	17.0
Quay phim truyền hình S	16.5	-	16.0
Biên đạo múa S	-	-	17
Huấn luyện múa S	-	-	15.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHSKĐA tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, S.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHSKĐA lấy theo ngành mà thí sinh ĐKDT.

- Khối nghệ thuật (S) thi 02 vòng sơ tuyển và chung tuyển tại Trường ĐHSKĐA. Với đặc thù của ngành biểu diễn, Trường ĐHSKĐA không tuyển những thí sinh dị hình, dị tật vào các ngành biểu diễn.

- Chuyên ngành Diễn viên tuồng, Múa hát cung đình - Ca kịch Huế có đào tạo hệ Cao đẳng.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo của trường không ổn định nhưng đến năm 2006 cũng tăng lên so với những năm trước tuy nhiên tỉ lệ "chọi" của trường mấy năm gần đây (từ 2004) có xu hướng giảm dần đi. Đặc biệt năm 2005, 2006 tỉ lệ "chọi" không còn cao như trước. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường năm 2006 nhìn chung giảm so với năm 2005. Tuy nhiên đây là một trường thuộc khối năng khiếu nên mức điểm trúng tuyển thay đổi từng năm.

NHẠC VIỆN HÀ NỘI

Địa chỉ: Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.5141617

- Nhạc viện Hà Nội (NVHN) là trung tâm đào tạo đầu ngành về âm nhạc chuyên nghiệp cho cả nước.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của NVHN gồm 150 người, trong đó có nhiều Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, NSND, NSUT, NGND, NGUT.
- NVHN có các cấp đào tạo: Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Cao học.

NHẠC VIỆN HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Nhạc cụ truyền thống: Gồm có các loại nhị, sáo, tam thập lục, thập lục, đàn bầu, tỷ bà, nguyệt...

Đào tạo các nhạc công, những người đệm đàn cho dàn nhạc.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng biểu diễn thành thạo trên một hay nhiều nhạc cụ dân tộc và có thể làm nhạc công ở các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các cơ quan văn hóa thông tin hoặc làm giáo viên ở các trường Văn hóa nghệ thuật.

Ngành Nhạc cụ phương Tây: Gồm có các loại Flute, Oboa, Clarinette, Fagote, Trompette, Cor, Tuba, Trombone, Gõ giao hưởng, Accordeon, Guitare, Piano, Violon, Viola, Cello, Contrebass...

Đào tạo diễn viên, nhạc công, người đệm đàn trên các nhạc cụ phương Tây.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng biểu diễn và đệm cho các bài hát, các hợp xướng trên các nhạc cụ phương Tây và có thể làm việc tại các dàn nhạc giao hưởng, các nhà văn hóa, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các cơ quan Văn hóa nghệ thuật và các trường đào tạo Văn hóa nghệ thuật..

Ngành Thanh nhạc

Đào tạo ca sĩ chuyên nghiệp có trình độ Đại học, có khả năng thể hiện các bài hát thuộc các loại hình, thể loại khác nhau.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm diễn viên, ca sĩ ở các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các TT. văn hóa, làm giáo viên thanh nhạc ở các trường Văn hóa Nghệ thuật..

Ngành Sáng tác

Ngành Lý thuyết âm nhạc (Lý luận)

Ngành Chỉ huy giao hưởng

Các chuyên ngành trên đào tạo cán bộ chỉ đạo nghệ thuật âm nhạc, nghiên cứu, phê bình, biên tập, lý luận âm nhạc, soạn nhạc, chỉ huy dàn nhạc bậc đại học.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng chuyên môn về lý luận, sáng tác và những kiến thức cơ bản về âm nhạc cũng như trình độ sư phạm âm nhạc và có thể làm việc ở nhiều cơ quan ban ngành về âm nhạc.

Ngành Sư phạm Âm nhạc

Cũng giống như sinh viên ngành Sư phạm Âm nhạc của Trường ĐHSP Hà Nội, sinh viên khi theo học ngành này của Trường Nhạc viện Hà Nội cũng sẽ được học bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội & Nhân văn, còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về ngành, không những thế sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành này **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu hoặc có khả năng sáng tác, tổ chức triển khai các hoạt động âm nhạc trong nhà trường...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1997	90	103	1/1.1
1998	80	113	1/1.4
1999	100	137	1/1.4
2000	100	113	1/1.1
2001	150	499	1/3.3
2002	200	351	1/1.7
2003	150	287	1/1.9
2004	110	137	1/1.2
2005	110	116	1/1.05
2006	100	-	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- NVHN tuyển sinh trong toàn quốc, và tuyển sinh khối N.
- Điểm trúng tuyển của NVHN được lấy theo ngành học.
- Hệ Đại học của NVHN chỉ tuyển thi sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc Trung học bổ túc có bằng tốt nghiệp TH âm nhạc hoặc trình độ âm nhạc tương đương.
- Chuyên ngành Thanh nhạc phải qua sơ tuyển.

2. Một số chú ý

- Chỉ tiêu đào tạo của NVHN cao thấp không theo một quy luật nào, năm 2002 là năm có nhiều chỉ tiêu nhất 200 chỉ tiêu. Từ năm 2002 đến nay (2006) chỉ tiêu của NVHN tuân theo quy luật giảm dần đi.
- Do đặc thù là một trường năng khiếu nên số thi sinh ĐKDT vào trường rất hạn chế. Nhìn vào bảng 1 bạn có thể thấy rõ điều này. Tỷ lệ "chọi" của trường rất thấp.

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Trụ sở: Nhà B101, 46 Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04.8682299 - Fax: 84-4-8691587 - Website: <http://www.dhm-hnou.edu.vn/>

- Viện Đại học Mở Hà Nội (ĐHMHN) thành lập năm 1993, là cơ sở đào tạo đại học, nghiên cứu với các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, góp phần tăng tiềm lực cán bộ khoa học kỹ thuật cho đất nước...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy...

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI ĐÃ ĐÀO TẠO NHỮNG NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tin học

Sinh viên học ngành Tin học được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý như: Đại số - Giải tích - Toán học rời rạc - Xác suất thống kê - Vật lý hiện đại - Vật lý (nhiệt, điện, quang, cơ học) - Quá trình ngẫu nhiên - Các phương pháp tính toán số... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Ngôn ngữ hình thức - Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Nguyên lý điều hành - Đồ họa máy tính - Công nghệ phần mềm - Xử lý tín hiệu số - Hệ quản trị dữ liệu - Bảo trì hệ thống - Lập trình hướng đối tượng - Chương trình dịch - Công nghệ phần mềm... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trí tuệ nhân tạo - Hệ thống viễn thông - Nhận dạng và xử lý

ảnh - Lập trình mạng - Xử lý tiếng nói - An toàn và bảo mật thông tin - Internet và intranet - Mạng máy tính - Kỹ nghệ phần mềm... khi ra trường sinh viên **có kỹ năng** tốt về xử lý ảnh và đồ họa, **có khả năng** phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng.

Ra trường, sinh viên ngành Tin học có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; Các TT. Tin học, TT. Công nghệ phần mềm, TT. Giao dịch công nghệ ở khắp các tỉnh, thành phố trong toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Công nghệ tin học ngân hàng; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Viễn thông quân đội... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tin học ở khắp các tỉnh, thành phố, Cty Điện toán và Truyền số liệu, các Cty Điện tử, Cty Điện tử công trình, Cty Máy tính Việt Nam, Cty Xuất nhập khẩu điện tử...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông tin học, Quản lý công nghệ, Thiết kế kỹ thuật... tại các Sở: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tin học.

Ngành Điện tử - Thông tin (Vô tuyến điện tử và Thông tin liên lạc)

Đào tạo sinh viên ngành Điện tử - Thông tin không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên như: Đại số & Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Hàm phức toán tử - Phương pháp tính - Vật lý (Cơ, nhiệt, điện) - Hóa học đại cương - Tin học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Mạch điện - Mạch điện tử - Vẽ kỹ thuật - Trường điện từ - Dụng cụ linh kiện điện tử - Đo lường điện tử - An toàn điện - Kỹ thuật điện đại cương - Điện tử công suất - Cơ sở điều khiển tự động - Kỹ thuật số - Xử lý tín hiệu số - Thông tin số - Vi xử lý - Truyền số liệu..... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật siêu cao tần - Mạch siêu cao tần - Anten truyền sóng - Kỹ thuật xung - Hệ thống viễn thông - Mạng ISDN - Hệ thống định vị dẫn đường viễn thông - Hệ thống thu GMDSS - Thực tập tay nghề... để khi ra trường **có khả năng** khai thác, thiết kế, lắp đặt và nghiên cứu phát triển hệ thống trong lĩnh vực Điện tử - Thông tin...

Kỹ sư ngành Điện tử - Thông tin có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ viễn thông, Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự; Các TT. thông tin, TT. Viễn thông trên toàn quốc.

+ Các Cục, Vụ: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Ứng dụng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Viễn thông quân đội, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam... và hàng loạt các đơn vị trực thuộc các TCT trên. Đồng thời có thể làm việc tại các công ty: Cty Điện tử viễn thông hàng hải, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty viễn thông liên tỉnh, quốc tế, các cơ quan an ninh, quốc phòng, hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông, Quản lý viễn thông... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Điện tử viễn thông.

Ngành Kiến trúc

Ngành Kiến trúc trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Cơ lý thuyết - Cơ học công trình - Vẽ ghi - Tâm lý học - Mỹ học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Vẽ mỹ thuật - Môi trường - Cơ sở kiến trúc 1,2 - Lý thuyết kiến trúc - Kiến trúc nhà ở - Vật liệu xây dựng - Kiến trúc nhà công cộng - Cấu tạo nhà dân dụng - Thiết kế nhanh - Tổng quan kiến trúc dân dụng - Lịch sử kiến trúc - Kiến trúc công nghiệp - Đo đạc - Kết cấu công trình - Cơ sở tạo hình kiến trúc - Lịch sử đô thị - Quy hoạch đô thị, nông thôn - Cấp thoát nước - Điện kỹ thuật - Thông gió... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử nghệ thuật - Nội thất - Điêu khắc - Kiến trúc đô thị - Cảnh quan kiến trúc - Kinh tế xây dựng - Các chuyên đề - Các đồ án chuyên ngành... khi ra trường sinh viên **có khả năng** kết hợp các yếu tố con người - xã hội - thiên nhiên để tổ chức môi trường không gian kiến trúc, thiết kế, tôn tạo, phục hồi các cảnh quan kiến trúc, giám sát quá trình thi công các công trình kiến trúc...

Sinh viên ngành Kiến trúc sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu kiến trúc, Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng, TT. Công nghệ xây dựng, TT. Tư vấn thiết kế và xây dựng...

+ Các Vụ: Vụ Kiến trúc quy hoạch xây dựng, Vụ Khảo sát, Thiết kế xây dựng...

+ Các TCT Xây dựng, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, TCT Đầu tư phát triển nhà và xây dựng, TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn thiết kế xây dựng, Cty Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam, Cty Đầu tư và Phát triển xây dựng, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng...

+ Các phòng chức năng: Kiến trúc quy hoạch, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Kinh tế xây dựng, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... thuộc các tỉnh và thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kiến trúc.

Ngành Công nghệ sinh học

Cử nhân ngành Công nghệ sinh học được trang bị **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A,B: Xác suất thống kê - Vật lý cơ nhiệt - Vật lý điện quang - Hóa cấu tạo và đại cương - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Thống kê sinh học - Kỹ thuật phòng thí nghiệm... đồng thời với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ sở hóa sinh công nghiệp - Công nghệ hóa sinh - Công nghệ sinh học trong nông nghiệp - Những vấn đề xã hội đạo đức và pháp Luật Của Công nghệ sinh học... ngoài ra còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Di truyền học hóa sinh -

Công nghệ sinh học trong sản xuất sinh khối vi sinh vật - Vi sinh vật học thực phẩm - Các chế phẩm enzym sử dụng trong nông nghiệp - Công nghệ enzym - Công nghệ Protein - Công nghệ tế bào động vật - Công nghệ tế bào thực vật - Quang hợp.... Học ngành này sinh viên sẽ ***có các kỹ năng*** làm thực hành, thực nghiệm, thu thập mẫu, sử dụng các phương pháp thí nghiệm hiện đại của Công nghệ sinh học...

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ sinh học có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Dấu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi Quốc gia...

+ Các Trung tâm: TT. Công nghệ sinh học thực vật, TT. Môi trường sinh học nông nghiệp, TT. Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT. Phân tích ADN và Công nghệ di truyền...

+ Các Cục: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật...

+ TCT Da - Giấy Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Mía đường Lam Sơn, Cty Dầu thực vật - Hương liệu - Mỹ phẩm Việt Nam, Các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và Ngành nghề nông thôn... tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ sinh học.

Ngành Kế toán

Khi học ngành Kế toán của Viện ĐH Mở Hà Nội sinh viên sẽ được học những ***kiến thức chung*** về Toán, nhóm ngành Kinh tế như cùng với các ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành cũng như sẽ được trang bị ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** giống như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Kinh tế quốc dân. Ra trường sinh viên ngành Kế toán ***có khả năng*** phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh tổ chức và thực hiện các thông tin, số liệu có liên quan tới tổ chức kinh tế nhằm xác định các chuẩn mực đã được quy định, khả năng nghiên cứu khoa học để phát triển và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế công tác...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán sinh viên có thể làm tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế; Cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...

+ Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại tất cả các Sở trên toàn quốc.

+ Các cơ quan, nhà máy xí nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên khắp các lĩnh vực: TCT Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam, TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam, TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn... và các đơn vị trực thuộc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kế toán.

Ngành Quản trị kinh doanh

Sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Toán cao cấp dành cho ngành kinh tế - Xác suất thống kê - Thống kê kinh tế - Kinh tế học vi mô - Kinh tế lượng - Logic học - Quản trị học - Kinh tế học phát triển - Kinh tế vi mô... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng - Bảo hiểm - Thị trường chứng khoán - Kinh tế học môi trường - Kinh tế học công cộng... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kế toán tài chính doanh nghiệp - Quản trị marketing - Quản trị doanh nghiệp công nghiệp - Quản trị doanh nghiệp thương mại... Sinh viên khi ra trường sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh, có khả năng tạo lập một doanh nghiệp mới. Hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường...

Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, TT. Tư vấn quản lý và đào tạo...
- + Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...
- + Các doanh nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc: TCT Xây dựng, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Dệt - May Việt Nam...
- + Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Quản trị doanh nghiệp du lịch có các chuyên ngành:

* **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn**

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn trang bị cho sinh viên không chỉ có những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Toán cao cấp dành cho ngành kinh tế - Xác suất thống kê - Thống kê kinh tế - Kinh tế học vi mô - Kinh tế lượng - Logic học - Quản trị học - Kinh tế học phát triển - Kinh tế vi mô... mà còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng - Bảo hiểm - Thị trường chứng khoán - Kinh tế học môi trường - Kinh tế học công cộng - Kinh tế học nhân lực - Kinh tế học nông nghiệp.... Ngoài ra sinh viên còn được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kế toán tài chính doanh nghiệp - Quản trị marketing - Quản trị doanh nghiệp công nghiệp - Quản trị doanh nghiệp thương mại... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức**: Marketing quốc tế - Quản trị marketing - Phân tích kinh doanh... Không những thế sinh viên còn được trang bị thêm một số môn học thuộc phần **kiến thức nghiệp vụ**: Quản trị sản xuất và Tác nghiệp - Quản trị nguồn nhân lực - Quản trị chiến lược.... Sinh viên khi ra trường sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh, có khả năng tạo lập một doanh nghiệp mới. Hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường...

* **Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch**

Đào tạo sinh viên ngành Hướng dẫn du lịch không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên, Khoa học Nhân văn: Xác suất thống kê - Lịch sử kinh tế - Lịch sử học

thuyết kinh tế - Địa lý du lịch - Sinh thái học - Dân tộc học - Giáo dục học - Xã hội học - Mỹ học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Hướng dẫn du lịch Việt Nam - Di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam - Phong tục tập quán lễ hội - Bảo vệ môi trường du lịch - Quản trị kinh doanh lữ hành - Du lịch quốc tế... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tuyến điểm du lịch - Tổng quan du lịch - Tâm lý học du lịch - Quản trị kinh doanh du lịch... khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm hướng dẫn viên du lịch, nhà quản trị du lịch...

Sinh viên học ngành Quản trị doanh nghiệp du lịch sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch, Cục Xúc tiến du lịch, Vụ Lữ hành... thuộc Tổng Cục Du lịch.
- + TCT Du lịch Việt Nam, Các Cty Du lịch lữ hành, Cty Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Cty Du lịch dịch vụ dầu khí Việt Nam...
- + Các phòng nghiệp vụ: Du lịch và Hợp tác đầu tư, Quản lý du lịch và khách sạn, Xúc tiến du lịch, Nghiên cứu Phát triển du lịch... của các Sở như: Sở Du lịch, Sở Du lịch - Thương mại, Sở Thương mại - Du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Làm hướng dẫn viên du lịch.
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị doanh nghiệp du lịch.

Ngành Tiếng Anh

Ngành Tiếng Anh trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối D như Cơ sở văn hóa Việt Nam - Dẫn luận ngôn ngữ học - Ngôn ngữ học đối chiếu - Tiếng Việt - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Logic học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Ngữ âm, Ngữ nghĩa tiếng Anh - Từ pháp tiếng Anh - Cú pháp tiếng Anh - Văn học Anh - Văn học Mỹ - Giao văn hóa - Đất nước học Hoa Kỳ - Đất nước học Anh - Phong cách học tiếng Anh - Ngữ dụng học tiếng Anh - Văn học các nước nói tiếng Anh khác... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ năng nói - Kỹ năng viết - Đọc hiểu - Nghe hiểu - Phiên dịch - Biên dịch - Viết khoa học - Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế - Tiếng Anh chuyên ngành tài chính, ngân hàng.... Ngoài ra sinh viên còn được học một vài môn học lựa chọn khác để **bổ trợ kiến thức**: Thuật ngữ và Dịch - Kỹ thuật ghi nhanh - Công nghệ với dịch thuật... khi ra trường sinh viên **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 của mình, có khả năng giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo.

Sinh viên học ngành Tiếng Anh sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Du lịch Việt Nam, Tổng cục Hải quan, Cục Xúc tiến du lịch, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Thương mại và Dịch vụ, Vụ Hợp tác quốc tế, phòng hợp tác quốc tế, phòng đối ngoại trực thuộc các Bộ...
- + Các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động với các đối tác nước ngoài: TCT Du lịch Việt Nam, TCT Thương mại xuất nhập khẩu, TCT Xuất nhập khẩu... và các công ty, đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Lữ hành, Cty Dịch thuật Việt...
- + Các Nhà xuất bản, cơ quan Thông tấn báo chí (đài truyền hình, đài phát thanh, cơ quan báo chí...)...
- + Làm trợ lý dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Các phòng chức năng: Hợp tác quốc tế, Quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu, Du lịch và Hợp tác đầu tư... của các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Sở Thương mại - Du lịch... trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo có giảng dạy tiếng Anh.

Ngành Mỹ thuật công nghiệp

Ngành Mỹ thuật công nghiệp đào tạo các họa sĩ thiết kế vẽ đồ họa, trang trí các công trình trong và ngoài nhà, tham gia các công trình kiến trúc gắn liền với thiên nhiên hoành tráng cũng như tham gia tổ chức không gian điêu khắc, tượng và các công trình văn hóa.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.865	15.461	1/8.2
2003	1.900	21.783	1/11.4
2004	2.000	18.012	1/9.0
2005	2.200	19.010	1/8.6
2006	2.500	22.515	1/9.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Tin học A	12.0	14.0	16.0	19.0	15.0	21.0	15.0	22.0	14.5	19.0
Điện tử thông tin A	12.0	14.0	15.0	18.0	15.0	20.5	15.0	22.0	14.0	18.0
Tiếng Anh D1	19.0	22.0	21.0	25.0	20.0	-	19.0	24.0	22.5	25.0
QTDL khách sạn D 1	19.5	22.5	21.0	25.0	20.0	-	19.0	22.0	22.0	24.5
Hướng dẫn Du lịch D1	19.5	22.5	20.0	24.0	20.0	-	19.0	21.0	20.5	-
Quản trị Kinh doanh D1	16.0	18.0	17.0	19.0	17.0	-	16.0	-	17.5	19.5
Công nghệ sinh học B	16.0	19.0	17.5	19.5	18.0	-	19.0	-	16.5	-
Kế toán D1	16.0	18.0	19.0	21.0	18.0	-	17.5	-	18.5	-
Kiến trúc V	12.0	-	23.0	-	23.0	-	23.5	-	21.5	-
Mỹ thuật Công nghiệp H	20.5	-	38.0	-	36.0	-	38.5	-	36.0	-
Công nghệ sinh học A	-	-	-	-	15.0	-	15.0	-	14.0	-

Ghi chú: - Năm 2003 điểm trúng tuyển khối A của ngành Kế toán bằng ngành Quản trị kinh doanh: NV1: 12.0 điểm, NV2: 14.0 điểm.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Viện ĐHMHN tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo các khối A, B, D, H, V.
- Điểm trúng tuyển của Viện ĐHMHN lấy theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Thí sinh diện tuyển thẳng vào ngành Kiến trúc, Mỹ thuật được miễn thi môn văn hóa nhưng phải thi năng khiếu, đạt mới được tuyển.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Viện ĐHMHN trong những năm gần đây có xu hướng tăng dần. Số lượng các thí sinh ĐKDT vào Viện ĐHMHN hàng năm thay đổi nên tỉ lệ "chọi" của trường cũng có sự biến động nhưng không nhiều và so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này ở mức không cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường nhìn chung tăng lên và ở mức cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Năm 2006 điểm trúng tuyển vào một số ngành của trường giảm xuống so với năm 2005 như các ngành: Sinh học (B), Công nghệ sinh học (B).... (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 khá nhiều, mấy năm gần đây mức chênh lệch lại càng lớn: năm 2002 mức chênh lệch giữa NV2 với NV1 cao nhất là 3.0 điểm (ngành Công nghệ sinh học (B), Tiếng Anh (D1)...) thì đến năm 2005 đã lên tới 7.0 điểm (ngành Tin học (A), Điện tử thông tin (A)...), năm 2006 cũng chênh nhau những 5.5 điểm (ngành Tin học (A))... (Xem chi tiết bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 của Viện so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cũng có sự chênh lệch nhất là năm 2004, 2005, năm 2006 tuy có giảm nhưng cũng cao hơn điểm sàn từ 5.0 - 6.0 điểm đối với khối A (18.0/13.0 - 19.0/13.0). (Xem bảng 2).

- Từ những số liệu trên dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào Viện tăng lên nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: P. Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: (0280) 852650 / 852651 - Fax: 0280 - 852665.

- Trường Đại học Thái Nguyên là trường đại học đa ngành, là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên nhiều lĩnh vực ở phía Đông Bắc.
- Trường ĐH Thái Nguyên gồm có 5 trường đại học thành viên và 2 khoa trực thuộc:
 - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
 - Trường Đại học Kinh tế - Quản trị kinh doanh
 - Trường Đại học Sư phạm
 - Trường Đại học Nông lâm
 - Trường Đại học Y
 - Khoa Công nghệ thông tin
 - Khoa Khoa học Tự nhiên

- Trường ĐH Thái Nguyên có các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm với 3 cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy bao gồm các Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ... có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và tâm huyết với nghề, với trường...

Bảng số lượng tuyển sinh vào trường những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số lượng ĐKDT	Tỉ lệ chọi
2002	3.650	73.257	1/20.0
2003	4.100	80.233	1/19.6
2004*	4.540	72.509	1/16.0
2005	4.520	72.889	1/16.1
2006	5.940	68.642	1/11.6

Ghi chú: - * - Năm 2004 số lượng ĐKDT tính chung cho cả Trường ĐH Thái Nguyên nên không có số liệu cụ thể của từng trường.

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐH Thái Nguyên chỉ tuyển sinh ở KV1 và KV2 thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra. Riêng Trường Đại học Y chỉ tuyển sinh thí sinh ở các tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang, Phú Thọ và thí sinh KV1 hiện có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên tính đến ngày dự thi từ Hà Tĩnh trở ra.

- Trường ĐH Thái Nguyên tuyển sinh các khối A, B, C, D1, D2 và khối năng khiếu (T, M).

- Điểm trúng tuyển của ĐH Thái Nguyên được xét theo ngành, nhóm ngành, khối thi hoặc xét chung cho tất cả các ngành mà thí sinh ĐKDT.

- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển dựa trên hồ sơ ĐKDT của thí sinh. Điểm xét tuyển theo ngành học.

2. Một số lưu ý:

Nhìn vào bảng trên có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường những năm gần đây nhìn chung tăng lên, từ năm 2005 chỉ tiêu có giảm nhưng không đáng kể.

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐH Thái Nguyên tương đối lớn và tuân theo quy luật là cứ năm trước tăng thì năm sau giảm nhưng mấy năm gần đây mức độ tăng lên không nhiều, do đó tỉ lệ "chọi" giảm đi so với trước (năm 2002 tỉ lệ "chọi" cao gần gấp đôi so với năm 2006 (1/20 - 1/11.6). Song tỉ lệ này so với mặt bằng chung vẫn khá cao.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Đường 3-2 Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 0280. 847145 - Fax 0280. 847904 - Website: <http://www.dhktcn.edu.vn/>

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTCN) trực thuộc Đại học Thái Nguyên được thành lập năm 1965, là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao trong lĩnh vực công nghiệp, đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn ở phía Bắc.
- Hiện tại Trường ĐHKTCN có hơn 300 cán bộ giảng dạy (trong đó 70% có học vị tiến sĩ và thạc sĩ).
- Trường ĐHKTCN đào tạo các cấp độ: Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học và Sau đại học với hai loại hình chính: chính quy và vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kỹ thuật cơ khí có các chuyên ngành:

** Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy*

Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy cung cấp cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Đại số - Giải tích - Vật lý - Hóa học - Tin học - Môi trường và con người - Quản trị doanh nghiệp - Xác suất thống kê... còn trang bị hàng loạt các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kỹ thuật cơ khí như: Kỹ thuật thủy khí - Chi tiết máy - Kỹ thuật điều khiển tự động - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Máy nâng chuyển - Ma sát và mài mòn - Đàn hồi ứng dụng - Dao động kỹ thuật - Cấu tạo động cơ đốt trong... đồng thời sinh viên sẽ được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ chế tạo phôi - Máy công cụ - Công nghệ chế tạo máy - Robot công nghiệp - Thiết kế nhà máy cơ khí - Điều khiển số CNC và hệ thống CAD/CAM... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành này **có thể** đảm nhận được các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, bảo trì, vận hành, quản lý các thiết bị cơ khí trong các ngành kinh tế quốc dân; **có khả năng** sử dụng, ứng dụng các thành tựu công nghệ tin học, tự động hóa và công nghệ vật liệu vào việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm cơ khí...

** Chuyên ngành Cơ khí luyện kim - cán thép*

Sinh viên chuyên ngành Cơ khí luyện kim - cán thép được học các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản cùng với khối **kiến thức cơ bản** về ngành giống như sinh viên chuyên ngành Cơ khí chế tạo, không những thế sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Máy công cụ - Luyện kim - Máy nâng chuyển - Lò & Thiết bị lò - Thiết bị luyện gang - Thiết bị luyện thép - Thiết bị cán kim loại - Thiết kế lỗ hình trục cán - Công nghệ cán kim loại - Lý thuyết biến dạng dẻo.... Tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí luyện kim - cán thép **có khả năng** vận hành các dây chuyền công nghệ luyện thép và cán thép, có khả năng thiết kế các cụm chi tiết và kết cấu cơ khí của các thiết bị sản xuất cũng như phương pháp thiết kế lỗ hình và tối ưu công

nghe, đồng thời biết phân tích các đặc điểm công nghệ, thiết bị máy móc và lựa chọn được công nghệ tối ưu trên cơ sở phân tích đó...

Sinh viên chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy, Luyện kim và Cán thép có thể công tác tại:

+ Các Viện, Tổng cục, Vụ: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Cơ khí năng lượng mỏ, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động; Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và Hóa chất...

+ TCT Cơ khí xây dựng, TCT Cơ khí công nghiệp, TCT Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước, Cty Cơ khí lắp máy...

+ Các cơ quan bảo quản lưu trữ các tài liệu, thiết bị trong môi trường cần điều hòa không khí như Đài phát thanh, Đài truyền hình, các kho lưu trữ, bệnh viện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo hai chuyên ngành trên.

Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

Trên nền những *kiến thức chung* của khối Khoa học cơ bản và các *kiến thức cơ bản* về ngành được trang bị giống như sinh viên ngành Kỹ thuật cơ khí thì sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô còn được đào tạo để có khối *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* như: Động cơ đốt trong - Thiết kế và tính toán Động cơ đốt trong - Lý thuyết ô tô-máy kéo - Cấu tạo ô tô máy kéo - Tính toán ô tô máy kéo - Kỹ thuật và chẩn đoán ô tô máy kéo - Công nghệ sửa chữa ô tô máy kéo - Nhiên liệu và dầu mỡ bôi trơn - Thiết bị thủy khí trên ô tô máy kéo - Hệ thống phun nhiên liệu - Dao động ô tô và ổn định ô tô - Thiết bị điện và điều khiển tự động trên ô tô máy kéo... để khi ra trường sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô *có khả năng* chế tạo, lắp ráp, khai thác, sử dụng, sửa chữa ô tô, máy kéo và các thiết bị động lực; có khả năng tổ chức và quản lý sản xuất và thực hiện các nhiệm vụ của chuyên ngành và của ngành liên quan...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu Phát triển cơ khí, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ Tập đoàn Công nghiệp Ô tô Việt Nam, TCT Máy và Thiết bị công nghiệp, TCT Lắp máy Việt Nam... và các công ty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí Ô tô và Xe máy công trình, Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Xây dựng và Cơ khí...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô.

Ngành Kỹ thuật điện có các chuyên ngành:

* *Chuyên ngành Thiết bị điện*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị điện nhằm cung cấp cho sinh viên không chỉ những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản giống như sinh viên ngành Kỹ thuật cơ khí, mà còn tạo điều kiện để sinh viên có các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: An toàn điện - Truyền động điện - Khí cụ điện - Máy điện - Vật liệu điện và cao áp - Hệ thống cung cấp điện... đồng thời sinh viên cũng sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Máy điện trong điều khiển tự động - Thiết bị điện nhiệt - Thiết kế máy điện - Công nghệ chế tạo thiết bị điện - Thiết kế tự động thiết bị điện... Bên cạnh rất nhiều môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Khí cụ điện - Kỹ thuật thủy khí - Kỹ thuật vi xử lý - Kỹ thuật gia công cơ khí - CAD - CAM - Kỹ thuật sensor.... Sau khi tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Thiết bị điện **có khả năng** thiết kế, chế tạo các máy điện, thiết bị điện, có khả năng điều khiển các thiết bị điện...

* *Chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp*

Sinh viên học chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành tương tự như sinh viên chuyên ngành Thiết bị điện, để trên nền khối kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Điều khiển số tự động điện - Tự động hóa quá trình sản xuất - Trang bị điện máy công cụ - Trang bị điện máy công nghiệp chung - Robot công nghiệp.... Không những thế chuyên ngành này còn trang bị cho sinh viên **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua hàng loạt môn học lựa chọn: Truyền động điện - Kỹ thuật gia công cơ khí - Kỹ thuật lập trình - Kỹ thuật sensor - Hệ thống thông tin công nghiệp.... Kỹ sư Kỹ thuật điện sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp **có thể** làm việc tại các xí nghiệp công nghiệp, các công trường xây dựng và khai thác; quản lý, vận hành các trạm biến áp trung gian và hệ thống cung cấp điện trong xí nghiệp công nghiệp...

* *Chuyên ngành Hệ thống điện*

Chuyên ngành Hệ thống điện (HTĐ) trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và các **kiến thức cơ bản** về ngành giống như sinh viên chuyên ngành Thiết bị điện. Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ được đào tạo để có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lưới điện - Ngăn mạch - Nhà máy điện - Cơ khí đường dây - Phần tử tự động trong HTĐ - Tự động hóa trong HTĐ - Ổn định và tối ưu hóa HTĐ - Kỹ thuật cao áp - Bảo vệ rơ le - Quy hoạch và phát triển HTĐ - Thông tin và điều độ HTĐ.... Sau khi học xong sinh viên chuyên ngành này có được **khả năng** nghiên cứu, quy hoạch, thiết kế Hệ thống điện, khả năng làm việc tại các cơ quan, đơn vị sản xuất và tiêu thụ điện năng...

Sinh viên học ngành Kỹ thuật điện sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, Viện Cơ điện nông nghiệp và sau thu hoạch; TT. Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT. Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện...

+ Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế...

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, TCT Thiết bị kỹ thuật điện, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam... với hàng loạt các công ty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc như: Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Thủy điện, Cty Nhiệt điện, Cty Điện lực, Cty Truyền tải điện, Cty Tư vấn xây dựng điện...

- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật điện.

Ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông

Khi theo học ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông sinh viên sẽ được đào tạo để có những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản tương tự ngành Kỹ thuật cơ khí, ngoài ra ngành còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật điện tử - Lý thuyết thông tin - Xử lý tín hiệu số - Kỹ thuật điều khiển tự động - Vi xử lý - Vi điều khiển - Kỹ thuật mạch điện tử - Kỹ thuật thủy khí - Kỹ thuật gia công cơ khí - Kỹ thuật nhiệt - Cấu trúc máy tính - Kỹ thuật siêu cao tần - Mạng máy tính - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Kỹ thuật ghép nối máy tính... đồng thời cũng sẽ trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tổ chức mạng viễn thông - Hệ thống viễn thông - Kỹ thuật truyền hình - Thiết bị đầu cuối và các dịch vụ viễn thông - Kỹ thuật truyền dẫn - Thông tin di động - Thông tin vi ba số - Kỹ thuật đa dịch vụ - Anten và truyền sóng - Thông tin vệ tinh - Thông tin quang - Kỹ thuật chuyển mạch và tổng đài số.... Tốt nghiệp, Kỹ sư ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế và lắp đặt triển khai các hệ thống điện tử, hệ thống thông tin, viễn thông đáp ứng nhu cầu của toàn xã hội...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông sinh viên có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự; các TT. Viễn thông ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam; Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Bưu điện Trung ương, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...
- + Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Công nghiệp điện tử - Công nghệ thông tin... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Viễn thông quân đội... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Viễn thông quốc tế, Cty Viễn thông liên tỉnh, Cty Dịch vụ viễn thông, Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Internet Viettel...
- + Phòng Kỹ thuật tại các Đài phát thanh, Đài truyền hình, các đơn vị trực thuộc TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam như: Đài truyền hình Việt Nam, Truyền hình kỹ thuật số VTC...
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông.

Ngành Kỹ thuật điều khiển (Chuyên ngành Điều khiển tự động)

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Điều khiển tự động nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản giống như ngành Kỹ thuật cơ khí, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật nhiệt - Lý thuyết mạch - Lý thuyết trường điện từ - An toàn điện - Kỹ thuật đo lường - Truyền động điện - Điện tử công suất - Khí cụ điện - Kỹ thuật điện tử - Hệ thống cung cấp điện - Vật liệu điện - Lý thuyết điều khiển tự động - Kỹ thuật thủy khí - Kỹ thuật gia công cơ khí - Vi xử lý trong đo lường điều khiển - Kỹ thuật sensor - Xử lý tín hiệu số - Điều khiển quá trình... đồng thời sinh viên cũng sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lý thuyết điều khiển nâng cao - Điều khiển số - Hệ thống điều khiển phân tán - Hệ thống điều khiển lập trình - Robot và điều khiển chuyển động - Tự động hóa quá trình cơ điện - Hệ thống điều khiển thông minh - Tự động hóa các quá trình công nghệ.... Học xong chương trình, Kỹ sư ngành này **có khả năng** phân tích, thiết kế các hệ thống điều khiển từ động hiện đại sử dụng trong công nghiệp, đảm nhận tốt các vị trí công tác phù hợp với chuyên ngành đào tạo...

Sinh viên học ngành Kỹ thuật điều khiển sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, TT. Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT. Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện...

+ Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết Điện lực, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Thiết bị Kỹ thuật điện, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển.

Ngành Kỹ thuật máy tính (*Chuyên ngành Tin học*)

Trên nền những ***kiến thức chung*** của khối Khoa học cơ bản được học giống như sinh viên ngành Kỹ thuật cơ khí, sinh viên ngành Kỹ thuật máy tính sẽ được đào tạo để có ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Cấu trúc rời rạc - Cơ sở lập trình - Giải thuật và độ phức tạp - Xử lý tín hiệu số - Kỹ thuật điều khiển tự động - Cơ sở dữ liệu - Giới thiệu về thiết kế logic - Đồ họa máy tính - Kỹ thuật thiết kế mạch điện..., từ đó nhà trường sẽ cung cấp hàng loạt ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành về Tin học***: Lập trình nâng cao - Mạng máy tính và Internet - Công nghệ phần mềm - Quản lý thông tin - Thiết kế vi mạch VLSI & ASIC - Tự động thiết kế - Giao tiếp người - máy - Thiết kế hệ thống phần cứng máy tính - Các hệ thống đa biến - Thiết bị logic khả trình - Các phần tử trong hệ thống tự động - Rôbot và điều khiển chuyển động.... Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, kỹ sư Kỹ thuật máy tính ***có khả năng*** nghiên cứu và thiết kế các bộ phận thiết bị chức năng của máy tính hoặc tham gia thiết kế các hệ thống máy tính, bao gồm cả phần cứng lẫn phần mềm máy tính áp dụng trong các ngành, lĩnh vực rộng khắp trong thực tiễn nghiên cứu và sản xuất cũng như trong kinh doanh...

Kỹ sư chuyên ngành Tin học có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược và Công nghệ thông tin (CNTT), Viện CNTT, Viện Ứng dụng công nghệ; Các TT. Tin học, TT. Công nghệ phần mềm, TT. Giao dịch công nghệ ở khắp các tỉnh, thành phố trong toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục CNTT và Thống kê hải quan, Cục Công nghệ tin học ngân hàng; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp CNTT, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Viễn thông quân đội... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tin học ở khắp các tỉnh, thành phố, Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất, các Cty Điện tử, Cty Điện tử công trình, Cty Máy tính Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông tin học, Quản lý công nghệ, Thiết kế kỹ thuật... tại các Sở; Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Tin học.

Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng

Bên cạnh được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản giống như các ngành khác như: ngành Kỹ thuật cơ khí, ngành Kỹ thuật điện... sinh viên ngành Kỹ thuật công trình xây dựng còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** dành cho ngành như: Cơ học cơ sở - Cơ học kết cấu - Cơ học môi trường liên tục Vật liệu xây dựng - Địa chất công trình - Cơ học đất - Cấp thoát nước - Lý thuyết đàn hồi - Cơ học chất lỏng - Chiếu sáng đô thị - Trắc địa - Kết cấu bê tông cốt thép - Kết cấu thép - Nền và móng... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kết cấu thép - Kết cấu gạch đá - Kết cấu bê tông cốt thép - Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước - Quy hoạch đô thị - Kiến trúc dân dụng - Kiến trúc công nghiệp - Kỹ thuật thi công - Kết cấu gỗ - Địa chấn học công trình... để sinh viên sau khi tốt nghiệp **có thể** thiết kế, thi công, tổ chức quản lý các loại công trình xây dựng nhằm phục vụ cho các nhu cầu đa dạng của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, theo kịp sự tiến bộ khoa học kỹ thuật...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật công trình xây dựng có thể làm việc tại:

- + Các Viện: Viện Kỹ thuật xây dựng, Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng, Viện Nghiên cứu và Phát triển cơ khí xây dựng, Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành bê tông...

- + Các Trung tâm: TT. Tư vấn thiết kế xây dựng, TT. Khoa học công nghệ xây dựng công nghiệp và đô thị, TT. Tư vấn thiết kế và chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông vận tải...

- + Các Cục, Vụ: Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sông Việt Nam; Vụ Khảo sát Thiết kế xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

- + TCT Xây dựng và Phát triển hạ tầng, TCT đầu tư phát triển nhà và đô thị, TCT Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, TCT Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, TCT Cơ khí xây dựng... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, Cty Đầu tư và Phát triển xây dựng, Cty Xây lắp điện, Cty Xây lắp hóa chất, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước...

- + Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Quản lý các công trình, Xây dựng cơ bản, Thiết kế cơ sở... tại các Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Giao thông công chính, Sở Tài nguyên và Môi trường... ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật công trình xây dựng.

Ngành Kỹ thuật môi trường

Ngành Kỹ thuật môi trường (KTMT) trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên như: Xác suất thống kê - Hóa KTMT - Vi sinh vật KTMT - Cơ học đất và nền móng - Vật lý - Hóa học... còn cung cấp các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Tối ưu hóa và quy hoạch tài nguyên - Thủy lực môi trường - Bảo vệ và ăn mòn kim loại - Độc học môi trường - Quá trình công nghệ môi trường - Ô nhiễm không khí - Kết cấu công trình - Sinh thái học... đồng thời sinh viên cũng sẽ được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật xử lý nước cấp - Công nghệ xử lý sạch hơn - Mô hình hóa môi trường - Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí - Kỹ thuật xử lý nước thải - Thiết kế chế tạo thiết bị môi trường - Ô nhiễm ồn và kỹ thuật xử lý - Quản lý và xử lý chất thải rắn.... Ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Dụng cụ và điều khiển tự động - Phân tích hệ thống - Kiểm toán môi trường - ISO 14000 - An

toàn môi trường dầu khí... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, thi công, giám sát các công trình cấp nước, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn...

Tốt nghiệp ngành Kỹ thuật môi trường sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn; TT. Nghiên cứu môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường Việt Nam; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ TCT Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam, TCT Hóa chất Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường Việt Nam xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ Tài nguyên và Môi trường...

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường.

Ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp có các chuyên ngành:

1) Chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật điện;

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật điện nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Đại số - Giải tích - Vật lý - Hóa học - Giáo dục học - Tâm lý học... và các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật an toàn - Kỹ thuật thủy khí - Kỹ thuật gia công cơ khí - Kỹ thuật điều khiển tự động - Kỹ thuật nhiệt... cùng những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Động cơ đốt trong - Kỹ thuật đo lường - Điện tử công suất - Khí cụ điện - Kỹ thuật điện tử - Máy điện - Kỹ thuật vi xử lý - Hệ thống cung cấp điện - Hệ thống cung cấp điện - Trang bị điện - Tổng hợp hệ điện cơ - Điều khiển logic và PLC... ngoài ra sinh viên sẽ được **rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm** qua một số môn học như: Tâm lý học sư phạm - Giáo dục học sư phạm - Phương pháp (PP) dạy học - PP nghiên cứu khoa học giáo dục - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm - PP dạy chuyên ngành - Quản lý Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và đào tạo... không những thế sinh viên còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Logic mờ và ứng dụng - Nhận dạng hệ thống.... Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân chuyên ngành này **có khả năng** tổ chức quá trình dạy học, quá trình giáo dục học sinh, sinh viên, đồng thời có khả năng thiết kế kỹ thuật, tổ chức sản xuất trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối điện năng...

2) Chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật cơ khí

Cử nhân chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật cơ khí được trang bị ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản và những **kiến thức cơ bản** về ngành thì còn được cung cấp khối **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** giống như sinh viên chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật điện, ngoài ra sinh viên chuyên ngành sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Kỹ thuật công nghiệp cơ khí: Về kỹ thuật - Kỹ thuật an toàn và môi trường - Cơ học lý thuyết - Sức bền vật liệu - Nguyên lý máy - Kỹ thuật đo - Chi tiết máy - Vật liệu kỹ thuật - Công nghệ chế tạo máy - Trang bị điện trên máy công cụ - Động cơ đốt trong - Công nghệ chế tạo phôi - Dụng cụ cắt - Máy công cụ - Đồ gá - Điều khiển số CNC và hệ thống CAD/CAM.... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, khoa học giáo dục trong công tác giảng dạy, đồng thời có khả năng thiết kế kỹ thuật và công nghệ, khả năng tổ chức sản xuất trong lĩnh vực sản xuất cơ khí...

3) Chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật tin

Chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật tin cung cấp cho sinh viên không những chỉ có các **kiến thức chung** dành cho khối A: Đại số - Giải tích - Vật lý - Hóa học... mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành: Thiết bị logic khả trình - Kỹ thuật điều khiển tự động - Hệ thống thông tin công nghiệp - Kỹ thuật điện tử - Xử lý tín hiệu số... đồng thời sinh viên cũng sẽ được đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kiến trúc & tổ chức máy tính - Kỹ thuật ghép nối máy tính - Kỹ thuật bảo trì hệ thống máy tính - Đo lường và điều khiển bằng máy tính - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Lập trình hướng đối tượng - Công nghệ phần mềm - Đồ họa máy tính - Kỹ thuật lập trình mạng - Lập trình trong Windows - Phân tích và thiết kế hệ thống - Mạng máy tính và Internet - Quản trị mạng... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Công nghệ Multimedia trong dạy học - Vi điều khiển... ngoài ra tương tự như sinh viên hai chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật trên, sinh viên chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật tin cũng được trang bị khối **kiến thức nghiệp vụ sư phạm**... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, làm công tác nghiên cứu hoặc trực tiếp làm việc tại các nhà máy xí nghiệp...

Sinh viên học ngành Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp. Dạy môn Kỹ thuật tại các trường THPT.

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Luyện kim đen, Viện Công nghệ thông tin; TT. Kỹ thuật và Tin học, các TT. Kiểm soát tần số khu vực và hệ thống các TT. Tin học từ Trung ương đến địa phương...

+ Các Cục, Vụ: Cục Kỹ thuật an toàn công nghiệp, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	870	13.334	1/15.3
2003	950	15.110	1/15.0
2004	1.200	-	-
2005	1.250	14.227	1/11.3
2006	1.360	10.878	1/7.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Cơ khí	15.0	16.0	17.0	20.0	17.5	-	19.5	-	15.0	-
Điện - Điện tử	15.0	17.5	17.0	20.0	17.5	-	19.5	-	15.0	-
SP Kỹ thuật công nghiệp	14.0	15.5	14.0	17.0	17.5	-	15.0	21.5	13.0	-
Quản trị doanh nghiệp CN	12.5	14.0	15.0	18.0	17.5	21.0	-	-	-	-
Kế toán doanh nghiệp CN	13.5	16.0	15.0	18.0	17.5	21.0	-	-	-	-
Kỹ thuật điện tử viễn thông	-	-	-	-	17.5	-	19.5	-	15.0	-
Kỹ thuật xây dựng công trình	-	-	-	-	17.5	-	19.5	-	15.0	-
Kỹ thuật môi trường	-	-	-	-	17.5	-	19.5	-	13.0	17.0
Kỹ thuật máy tính	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường Đại học KTCN chỉ tuyển những thí sinh có hộ khẩu thường trú ở KV1, KV2 - NT, KV 2 thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra và chỉ tuyển sinh khối A.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH KTCN được lấy theo ngành, nhóm ngành thí sinh ĐKDT.

- Những thí sinh ĐKDT vào Trường ĐH KTCN nếu không đủ điểm vào học hệ Đại học có thể được xét vào học hệ Cao đẳng trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH KTCN hàng năm có biểu đồ tăng lên nhưng tỉ lệ "chơi" lại có xu hướng giảm. Từ năm 2005 trở về trước tỉ lệ "chơi" của trường thuộc "top cao" nhưng đến năm 2006 giảm xuống gần một nửa so với năm 2002 do số lượng thí sinh ĐKDT vào trường năm 2006 giảm đột ngột. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong Trường ĐH KTCN nhìn chung không cao so với mặt bằng chung và so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên qua bảng 2 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào trường năm 2005 cao hơn hẳn những năm khác (trừ ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp lấy bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT (15.0 điểm), các ngành còn lại đều hơn điểm sàn 4.5 điểm (19.5/15.0 điểm)). Theo chúng tôi đây cũng là lý do số lượng thí sinh ĐKDT vào trường năm 2006 giảm xuống.

- Điểm trúng tuyển vào trường năm 2006 giảm đáng kể so với 3 năm trước đó, chỉ ở mức bằng hoặc hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT 2.0 điểm (13.0/13.0 - 15.0/13.0 điểm). Với mức điểm này thì những bạn có học lực trung bình khá trở lên nếu cố gắng sẽ có khả năng trúng tuyển. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 ngày càng có sự chênh lệch so với điểm trúng tuyển NV1. Năm 2002 điểm trúng tuyển NV2 chỉ cao hơn so với NV1 từ 1.0 - 3.5 điểm (15.0/16.0 - 13.5/16.0 điểm) thì đến năm 2005 mức chênh lệch lên tới 6.5 điểm (21.5/15.0 điểm), năm 2006 có giảm nhưng điểm NV2 vẫn cao hơn NV1 là 4.0 điểm (17.0/13.0 điểm)... Đồng thời cũng thấy điểm trúng tuyển NV2 khá cao và cũng chênh lệch khá nhiều so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT, vì vậy đây là điểm mà bạn cần lưu ý khi đăng ký NV2. (Xem bảng 2).

- Vì đối tượng dự thi của Trường ĐH KTCN chủ yếu là học sinh các vùng sâu, vùng xa và khu vực nông thôn nên điểm trúng tuyển vào trường thường ở mức không cao nếu bạn có học lực trung bình, trung bình khá trở lên là có khả năng trúng tuyển.

- Từ năm 2006 Trường ĐH KTCN có mở thêm ngành mới là ngành Kỹ thuật máy tính mở ra cơ hội mới cho bạn có nguyện vọng muốn trở thành sinh viên của Trường ĐH KTCN.

- Qua số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Kinh tế; 3) Ngành Quản trị kinh doanh

Cũng giống như chương trình đào tạo ba ngành có cùng tên trên của Trường ĐH Kinh tế quốc dân, sinh viên khi theo học các ngành này của Trường ĐH KT-QTKD (ĐH Thái Nguyên) cũng sẽ được cung cấp ngoài **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, còn có các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời nhà trường còn trang bị cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cùng với những môn học mang tính đặc thù khác... để khi ra trường sinh viên các ngành **có khả năng** tham gia công tác trong lĩnh vực có liên quan đến ngành được đào tạo, đồng thời có khả năng nghiên cứu khoa học để phát triển và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế công tác...

Bảng số lượng tuyển sinh và điểm trúng tuyển vào nhóm ngành năm 2005, 2006

Chỉ tiêu		Số lượng ĐKDT		Tỉ lệ chọi		Điểm trúng tuyển				
						2005		2006		
2005	2006	2005	2006	2005	2006	NV1	NV3	NV1	NV2	NV3
480	530	4.762	7.920	1/10.0	1/14.9	17.0	17.0	15.5	15.5	20.0

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường Đại học Kinh tế - Quản trị kinh doanh (ĐH KT - QTKD) chỉ tuyển sinh các thí sinh có hộ khẩu thường trú ở KV 1, KV 2 - NT, KV 2 thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra và chỉ tuyển sinh khối A.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH KT - QTKD được lấy chung cho cả 3 ngành (nhóm ngành).

2. Một số lưu ý:

Nhìn vào bảng trên bạn có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà bộ GD&ĐT giao cho trường tăng lên cùng với số lượng thí sinh ĐKDT vào trường cũng tăng nên tỉ lệ "chọi" của trường khá cao so với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối A khác.

- Điểm trúng tuyển vào trường chỉ ở mức không phải là quá cao so với điểm sàn mà Bộ GD&ĐT quy định, cũng như so với điểm trúng tuyển vào các ngành cùng tên ở một số trường khác (Trường ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Ngoại thương, Học viện Ngân hàng...) do đó những học sinh có lực học trung bình khá trở lên nếu cố gắng là có khả năng trúng tuyển.

- Năm 2006 điểm trúng tuyển NV2 bằng điểm trúng tuyển NV1 nhưng điểm trúng tuyển NV3 lại cao hơn điểm NV1, NV2 tới 4.5 điểm (20.0/15.5/15.5 điểm). Trước năm 2006 điểm trúng tuyển NV3 bằng điểm NV1 nhưng cũng ở mức khá cao, cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT là 2.0 điểm (17.0/15.0 điểm). Đây là điểm cần lưu ý khi bạn đăng ký NV3 vào trường (nếu có xét tuyển).

- Từ những số liệu trên dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường vẫn tiếp tục tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y

Địa chỉ: 284 Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên - Thái Nguyên

Điện thoại: 84.0280.852671 - Fax: 84.0280.855710

- Trường Đại Y Thái Nguyên (ĐH Y TN) được thành lập năm 1968 có nhiệm vụ đào tạo bác sĩ phục vụ chủ yếu cho các tỉnh miền núi phía Bắc, các khu vực miền núi thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra.
- Trường ĐH Y TN có 200 cán bộ giảng dạy bao gồm các Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Cử nhân Y - Dược và một số ngành khoa học cơ bản khác. Trường đào tạo các bậc: Đại học, Trên đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Bác sĩ đa khoa; 2) Ngành Cử nhân điều dưỡng

Khi theo học các ngành Bác sĩ đa khoa, Cử nhân điều dưỡng sinh viên Trường ĐHY (ĐH Thái Nguyên) sẽ được học những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và các **kiến thức cơ bản** về ngành cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành cùng tên của trường Đại học Y Hà Nội... tốt nghiệp ra trường sinh viên các ngành **có khả năng** nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ về lĩnh vực chuyên ngành vào trong công tác thực tiễn có liên quan...

Ngành Dược sĩ

Sinh viên học ngành Dược sĩ được trang bị bên cạnh **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, không những thế còn được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành này của Trường ĐH Dược Hà Nội được cung cấp... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** hướng dẫn cho bệnh nhân và tư vấn cho thầy thuốc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc; bảo chế các dạng thuốc tân dược.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	200	3.737	1/18.6
2001	200	4.273	1/21.3
2002	200	5.632	1/28.1
2003	200	4.476	1/22.0
2004	330	-	-
2005	400	5.423	1/13.5
2006	450	5.248	1/11.6

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2002		2003		2004	2005	2006
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
BS Đa khoa	19.0	23.0	19.5	22.5	21.5	23.0	20.5
Cử nhân điều dưỡng	-	-	-	-	17.0	19.5	16.5
Dược sĩ	-	-	-	-	-	22.0	20.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Y TN chỉ tuyển thí sinh các tỉnh: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên và thí sinh hiện có hộ khẩu thường trú ở khu vực 1 từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra.

- Trường ĐH Y TN tuyển sinh khối B.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHYTN được xét theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã đăng ký

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHYTN có xu hướng tăng lên. (Xem bảng 1).

- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường đồng nên tỉ lệ "chọi" của Trường ĐH Y TN cao hơn mặt bằng chung rất nhiều nhưng mấy năm gần đây tỉ lệ này có xu hướng giảm dần do số lượng thí sinh ĐKDT biến động từng năm (có năm nhiều có năm ít hơn không theo quy luật nào). (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường nhìn chung tăng dần lên và khá cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Năm 2006 có giảm xuống so với năm 2005 nhưng đây cũng là tình hình chung của các trường tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm nay (đề thi năm nay theo đánh giá của học sinh là khó hơn năm trước, mặt khác Bộ GD&ĐT lại không áp dụng việc tính điểm thưởng cho các học sinh giỏi...). (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn nhiều so với NV1 (cao hơn 4.0 điểm cho cả 2 năm 2002, 2003 (19.0/23.0 - 19.5/23.5 điểm). Với mức điểm này thì nếu thí sinh không có học lực khá, giỏi trở lên thì khó có khả năng trúng tuyển, do đó đây là điểm bạn cần lưu ý khi đăng ký NV2 (nếu trường có xét tuyển).

- So với mặt bằng chung của các trường Đại học Y khoa khác thì mức điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Y TN khá "mềm" nên cơ hội trở thành sinh viên của Trường ĐH Y TN có mở rộng cửa hơn đối với các bạn thí sinh.

- Qua 2 bảng số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai – Chương Mỹ – Hà Tây

Điện thoại: 034. 840440 / 840707 - Website: <http://www.tuaf.edu.vn/>

- Trường Đại học Nông lâm (ĐH NL) thành lập năm 1970, là cơ sở đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật nông lâm nghiệp có trình độ cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ cho phát triển kinh tế xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc
- Trường ĐH NL có 385 cán bộ giảng dạy chuyên môn trong đó có 16 Giáo sư và Phó Giáo sư, 49 Tiến sĩ và 116 Thạc sĩ...
- Trường ĐH NL đào tạo cả 5 cấp bậc học: Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Lâm nghiệp

Sinh viên học ngành Lâm nghiệp được cung cấp các **kiến thức chung** về khối A, B như: Đại số - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Xác suất thống kê - Nhập môn sinh học - Hóa phân tích... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sinh lý thực vật - Khí tượng thủy văn rừng - Đất và Lập địa - Thực vật rừng - Bảo vệ môi trường nông lâm nghiệp - Bảo tồn đa dạng sinh học... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trồng rừng - Cơ giới trồng rừng - Khai thác lâm sản... để khi ra trường **có khả năng** thiết kế chỉ đạo các biện pháp kỹ thuật, các hoạt động trồng, chăm sóc, điều tra, quy hoạch, điều chế rừng và nghiên cứu thực nghiệm giống, xây dựng vốn rừng.

Sinh viên học ngành Lâm nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Viện Điều tra quy hoạch rừng; TT. Môi trường và Lâm sinh nhiệt đới...

+ TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Lâm sản, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương, Cty Chế biến lâm sản xuất khẩu, Cty Sản xuất kinh doanh và dịch vụ lâm nghiệp, Cty Lâm đặc sản xuất khẩu, Cty Thương mại lâm sản, Cty Xuất khẩu lâm sản mỹ nghệ, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

+ Các nông, lâm trường trên địa bàn toàn quốc; các cơ quan thuộc ngành kiểm lâm, ngành môi trường...

+ Giảng dạy ở các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Lâm nghiệp.

Ngành Nông lâm tổng hợp

Ngành Nông lâm tổng hợp trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh: Đại số - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Xác suất thống kê - Nhập môn sinh học - Hóa phân tích... cùng

với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Sinh thái rừng - Thống kê lâm nghiệp - Côn trùng lâm nghiệp - Bệnh hại rừng - Động vật rừng - Di truyền và Giống cây rừng... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ giới trồng rừng - Lâm nghiệp xã hội - Phương pháp xây dựng dự án lâm nghiệp xã hội - Khuyến lâm - Lâm nghiệp đô thị - Trồng rừng - Chọn giống cây trồng... để khi ra trường **có thể đảm đương** các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chỉ đạo dịch vụ kỹ thuật và quản lý các tổ chức, cơ sở thuộc các thành phần kinh tế khác nhau cũng như các cơ quan trong lĩnh vực Nông Lâm.

Ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp

Khi học ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh: Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Vật lý (nhiệt, điện, quang, cơ học) - Hóa học đại cương - Sinh học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Hóa sinh công nghiệp - Công nghệ hóa sinh - Công nghệ sinh học trong nông nghiệp - Công nghệ sinh học trong sản xuất sinh khối vi sinh vật - Tin học trong sinh học... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vi sinh vật học thực phẩm - Các chế phẩm enzym sử dụng trong nông nghiệp - Công nghệ enzym - Công nghệ Protein - Công nghệ tế bào động vật - Quang hợp - Sinh học phân tử của màng.... Học ngành này sinh viên sẽ **có các kỹ năng** làm thực hành, thực nghiệm, thu thập mẫu, sử dụng các phương pháp thí nghiệm hiện đại.

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp có thể công tác tại:

- + Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Chăn nuôi Quốc gia...
- + Các Trung tâm: TT. Công nghệ sinh học thực vật, TT. Môi trường sinh học nông nghiệp, TT. Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT. Phân tích ADN và Công nghệ di truyền...
- + Các Cục: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật...
- + TCT Da - Giấy Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Mía đường Lam Sơn, Các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...
- + Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và Ngành nghề nông thôn... tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp.

Ngành Công nghiệp nông thôn

Sinh viên học ngành Công nghiệp nông thôn được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Đại số - Giải tích - Hóa học đại cương - Vật lý đại cương - Xác suất thống kê - Tin học đại cương... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Vật liệu cơ khí - Kỹ thuật gia công cơ khí - Máy điện, truyền động điện - Cơ học đất và Nén mỏng... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Động cơ đốt trong - Ô tô máy kéo và Xe chuyên dụng - Quản lý máy trong doanh nghiệp nông nghiệp - Quy hoạch nông thôn - Kỹ thuật thi công và Quản lý công trình xây dựng nông thôn - Máy thủy lực và Kỹ thuật tưới tiêu... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, vận hành và quản lý các thiết bị máy móc phục vụ trong nông thôn.

Ngành Hoa viên và Cây cảnh

Khi học ngành Hoa viên và Cây cảnh sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Khoa học tự nhiên, Sinh học như: Sinh học - Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Phân loại thực vật - Sinh lý thực vật - Đất và Dinh dưỡng cây trồng - Đồ họa ứng dụng - Khí tượng học - Trắc địa và Bản đồ - Kỹ thuật làm vườn - Thiết bị và Công cụ làm vườn - Đa dạng sinh học và Quản lý động vật hoang dã - Hệ thống tưới tiêu... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Sinh thái và Cảnh quan - Kiến trúc phong cảnh - Chọn giống cây trồng - Côn trùng và Bệnh cây - Lâm nghiệp đô thị - Quy hoạch và Thiết kế cảnh quan - Phương pháp thí nghiệm - Kỹ thuật trồng hoa và cỏ - Cây xanh và Cây cảnh - Du lịch sinh thái - Quản lý và Bảo dưỡng cảnh quan... ngoài ra, sinh viên cũng được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Nghệ thuật hoa viên - Công nghệ sinh học giống cây trồng - Kỹ thuật trồng hoa lan - Kỹ thuật nuôi cá cảnh - GIS trong quản lý cảnh quan - Thẩm định dự án đầu tư - Đánh giá tác động môi trường... để khi ra trường **có khả năng** thiết kế, thực hiện thi công các công trình cụ thể trong lĩnh vực Cảnh quan hoa viên đặc biệt là các công trình phát triển mảng xanh ở các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch...

Ngành Phát triển nông thôn

Khi học ngành Phát triển nông thôn sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Đại số - Giải tích - Hóa học đại cương - Vật lý đại cương - Xác suất thống kê - Tin học đại cương... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Vật liệu cơ khí - Kỹ thuật gia công cơ khí - Máy điện, truyền động điện - Cơ học đất và Nền móng... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Động cơ đốt trong - Ô tô máy kéo và Xe chuyên dụng - Quản lý máy trong doanh nghiệp nông nghiệp - Quy hoạch nông thôn - Kỹ thuật thi công và Quản lý công trình xây dựng nông thôn - Máy thủy lực và Kỹ thuật tưới tiêu... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, vận hành và quản lý các thiết bị máy móc phục vụ trong nông thôn.

Ngành Môi trường nông nghiệp

Sinh viên học ngành Môi trường nông nghiệp được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** để khi ra trường **có khả năng** thiết kế, thực hiện thi công các công trình cụ thể trong lĩnh vực Cảnh quan hoa viên đặc biệt là các công trình phát triển mảng xanh ở các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch...

Ngành Khuyến nông

Ngành Khuyến nông trang bị cho sinh viên **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để nghiên cứu, hoạch định chính sách, thực hiện các hoạt động kinh doanh nông - lâm - ngư nghiệp có hiệu quả, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội nông thôn.

1) Ngành Chăn nuôi; 2) Ngành Thú y; 3) Ngành Trồng trọt; 4) Ngành Quản lý đất đai; 5) Ngành Bảo quản chế biến nông sản; 6) Ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; 7) Ngành Nuôi trồng thủy sản...

Sinh viên học 7 ngành trên được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành/ chuyên ngành này của Trường ĐH Nông nghiệp 1... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** hoàn thành các nhiệm vụ được giao có liên quan đến ngành đã được đào tạo.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	720	9.872	1/13.7
2001	800	11.353	1/14.1
2002	920	12.415	1/13.4
2003	920	11.152	1/12.0
2004	1.110	-	-
2005	1.050	8.835	1/8.4
2006	1.100	8.025	1/7.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các nhóm ngành, ngành trong trường

Nhóm ngành/Ngành	2000	2002		2003		2004		2005		2006	
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Kỹ thuật nông nghiệp B	-	-	-	14.0	17.0	15.0	-	15.0	18.0	14.0	14.0
Chăn nuôi - Thú y B	12.5	15.0	16.5	14.0	17.0	15.0	-	15.0	18.0	14.0	14.0
Thú y B	11.5	15.5	18.0	14.0	17.0	15.0	-	15.0	18.0	14.0	14.0
Trồng trọt B	11.5	14.5	16.5	14.0	17.0	15.0	-	15.0	18.0	14.0	14.0
Lâm nghiệp B	11.5	14.5	16.5	14.0	17.0	15.0	-	15.0	18.0	14.0	14.0
SP KTNN B	-	15.0	17.5	16.0	19.0	16.5	-	16.0	-	14.0	14.0
Quản lý đất đai A	-	13.0	14.0	13.0	16.0	14.0	-	15.5	-	13.5	13.5
Kinh tế nông lâm A	-	13.0	14.0	13.0	16.0	14.0	19.0	-	-	-	-
Kế toán doanh nghiệp A	-	12.0	13.0	13.0	16.0	14.0	19.0	-	-	-	-
Quản trị kinh doanh A	-	11.0	12.5	13.0	16.0	14.0	19.0	-	-	-	-
Công nghiệp nông thôn A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0
Phát triển nông thôn A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0

Ghi chú: - Từ năm 2003 trở về trước nhóm ngành KTNN tuyển sinh khối B bao gồm các ngành: Chăn nuôi - Thú y; Thú y; Trồng trọt; Lâm nghiệp.

- Từ năm 2004 đến nay có thêm các ngành: Khuyến nông; Nông lâm kết hợp; Môi trường NN; Nuôi trồng TS; Phát triển NT.

- Riêng ngành Phát triển nông thôn năm 2006 tách ra và chỉ tuyển sinh khối A.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH NLTN chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở khu vực 1, KV 2 - NT, khu vực 2 thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra (không tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở khu vực 3) và tuyển sinh các khối A và B.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH NLTN từ năm 2003 đến nay được xét theo ngành và nhóm ngành.

- Nếu bạn không đủ điểm để học hệ Đại học ở Trường ĐH NLTN bạn sẽ được xét vào học hệ Cao đẳng nếu có nhu cầu.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2004 đến nay giảm xuống trong khi số lượng thí sinh ĐKDT vào trường cũng giảm khiến tỉ lệ "chọi" 2 năm trở lại đây không còn cao như trước. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH NLTN thuộc "top" trung bình, mức điểm chỉ bằng hoặc cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 0.5 đến 1.5 điểm ở hầu hết các năm, nhất là năm 2006 chỉ duy nhất ngành Quản lý đất đai khối A cao hơn điểm sàn 0.5 điểm (13.5/13.0 điểm), các ngành còn lại chỉ lấy ở mức bằng điểm sàn. Chính vì thế đây sẽ là một cơ hội tốt để các bạn trở thành sinh viên nếu các bạn cố gắng và thích các ngành nông, lâm nghiệp. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành chênh lệch nhau không nhiều. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành của Trường ĐH NLTN so với điểm trúng tuyển NV1 từ năm 2002 đến 2005 thường chênh nhau từ 1.0 - 5.0 điểm nhưng đến năm 2006 thì trường lại lấy điểm trúng tuyển NV2 bằng điểm NV1 ở tất cả các ngành.

- Nhìn chung nếu so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐH NLTN không phải là quá cao (chưa có năm nào lấy quá 19.0 điểm). (Xem chi tiết bảng 2).

- Thực tế hiện nay đang có rất nhiều dự án về nông lâm nghiệp, điều đó cho thấy ngành nông lâm là ngành mà xã hội đang cần do đó mở ra nhiều cơ hội làm việc cho hàng ngàn kỹ sư nông lâm. Bạn có thể yên tâm về việc làm khi tốt nghiệp các trường nông lâm nói chung và Trường ĐHLNTN nói riêng.

- Qua các SL trên dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Sư phạm Toán - Tin

Ngành Sư phạm Toán - Tin trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý như: Đại số tuyến tính - Giải tích - Phương trình vi phân - Cơ học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Hàm thực và Giải tích hàm - Toán cho máy tính - Các nguyên lý điều hành và Các phương pháp lập trình của máy tính... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Đại số tuyến tính - Đại số sơ cấp - Hình học sơ cấp - Phép vi phân và Tích phân của hàm số một biến số hay nhiều biến số - Kiến trúc máy tính - Quản lý hệ thống máy tính - Hệ cơ sở dữ liệu và Hệ quản trị cơ sở dữ liệu... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học thuộc phần **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm** như: Tâm lý học sư phạm và Lứa tuổi - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc có thể làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

Ngành Sư phạm Vật lý - Hóa

Khi học ngành Sư phạm Vật lý - Hóa sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Đại số tuyến tính - Giải tích - Phương trình vi phân - Cơ học - Hóa học đại cương... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Vật lý hạt nhân - Cấu tạo chất - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Toán cho vật lý - Cơ học - Nhiệt học và Vật lý phân tử - Điện học - Dao động và Sóng - Quang học - Vật lý lượng tử - Hóa học hữu cơ - Hóa học phân tích - Hóa học môi trường... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm**: Tâm lý học sư phạm và Lứa tuổi - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm công tác nghiên cứu hoặc làm công tác giảng dạy.

Ngành Sư phạm Sinh - Địa

Sinh viên học ngành Sư phạm Sinh - Địa được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Đại số - Giải tích - Hình giải tích - Hóa hữu cơ - Sinh học - Thống kê sinh học - Lý luận văn học Hán Nôm - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở văn hóa Việt Nam... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Động vật không xương sống - Vi sinh vật hệ thống học thực vật - Bản đồ học - Địa chất học... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Sinh thái nông nghiệp - Giống cây trồng - Đất và Phân bón - Địa lý tự nhiên Việt Nam - Địa lý kinh tế xã hội... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm**: Tâm lý học sư phạm và Lứa tuổi - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

Ngành Sư phạm Văn - Sử

Ngành Sư phạm Văn - Sử trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối C: Cơ sở văn hóa Việt Nam - Dẫn luận ngôn ngữ - Tiếng Việt thực hành - Lý luận văn học Hán Nôm - Mỹ học - Tâm lý học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Ngữ âm tiếng Việt - Từ vựng, Ngữ nghĩa tiếng Việt - Lịch sử Việt Nam cổ, trung, cận đại - Lịch sử thế giới cổ trung, cận đại... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cú pháp tiếng Việt - Ngữ dụng học - Ngữ pháp văn bản tiếng Việt - Văn học Việt Nam các giai đoạn - Lịch sử văn hóa Việt Nam - Làng xã Việt Nam... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học thuộc phần **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm** như: Tâm lý học sư phạm và Lứa tuổi - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

Ngành Sư phạm Giáo dục công dân

Khi học ngành Sư phạm Giáo dục công dân sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối C: Tâm lý học - Giáo dục học - Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo - Phương pháp nghiên cứu khoa học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Văn hóa học - Lịch sử triết học trước Mác - Logic hình thức - Đạo đức học - Xã hội học - Chính trị học... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Những vấn đề của thời đại ngày nay - Lịch sử tư tưởng Xã hội chủ nghĩa - Giáo dục gia đình - Pháp Luật học - Hiến pháp và Định chế chính trị - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Kinh tế học đại cương - Giới thiệu tác phẩm Kinh điển của Mác - Angghen - Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Lênin, cùng với những **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm**: Tâm lý học sư phạm và Lứa tuổi - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy của các cơ sở đào tạo và làm công tác nghiên cứu của các cơ quan...

1) Ngành Sư phạm Ngữ văn; 2) Ngành Sư phạm Lịch sử; 3) Ngành Sư phạm Địa lý; 4) Ngành Sư phạm Tâm lý học giáo dục; 5) Ngành Sư phạm Tiếng Anh; 6) Ngành Sư phạm Toán; 7) Ngành Sư phạm Vật lý; 8) Ngành Sư phạm Tin; 9) Ngành Sư phạm Hóa học; 10) Ngành Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp; 11) Ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học; 12) Ngành Sư phạm Thể dục thể thao; 13) Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non; 14) Ngành Sư phạm Tiếng Nga; 15) Ngành Sư phạm Tiếng Trung

Sinh viên học 15 ngành có tên trên được cung cấp không chỉ các *kiến thức chung* về khối Khoa học cơ bản và các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành thi còn được trang bị *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* cùng với những *kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm* tương tự như sinh viên các ngành cùng tên trên của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Khoa Sư phạm (ĐHQG Hà Nội)... sinh viên sau khi ra trường đều *có khả năng* giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các trung tâm trong các lĩnh vực có liên quan...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.500	37.141	1/24.7
2003	1.030	45.204	1/44.0
2004	1.450	-	-
2005	1.530	34.121	1/22.3
2006	1.750	33.418	1/19.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV3
SP Toán A	18.0	19.0	19.0	22.0	21.5	-	23.5	-	19.5	22.0
SP Vật lý A	17.5	18.5	19.0	22.0	20.0	-	22.0	-	18.5	21.5
SP Tin A	15.0	16.0	16.5	19.5	19.0	-	17.0	-	16.0	-
SP Hóa A	18.0	20.5	20.5	23.5	21.0	-	23.5	-	21.0	21.0
SP Sinh - Kỹ thuật NN B	20.0	22.0	19.5	22.5	22.5	-	22.5	-	17.5	-
SP Giáo dục công dân C	19.0	21.0	17.0	19.0	19.0	-	17.0	-	18.0	-
SP Ngữ văn C	19.0	21.0	19.0	22.0	19.5	-	19.0	-	19.0	-
SP Lịch sử C	20.0	23.0	19.0	22.0	21.0	-	19.0	-	19.0	-
SP Địa lý C	19.0	21.0	19.0	22.0	21.5	-	19.0	-	19.5	-
SP Tâm lý giáo dục C	18.5	20.5	16.0	19.0	17.0	-	15.5	-	16.0	-
SP Tiếng Anh D1	25.0	28.0	25.0	28.0	25.5	-	24.0	-	26.5	-
SP Tiếng Nga D2	16.5	18.5	23.5	26.5	18.0	24.0	20.0	20.0	18.0	-
SP Tiếng Trung D1	24.0	30.0	24.0	27.0	24.5	-	23.0	-	25.5	28.0
SP Tiếng Trung D2	20.5	-	23.0	26.0	24.5	-	23.0	-	25.5	28.0
SP GD Tiểu học A	14.5	16.0	17.5	20.5	18.0	-	19.5	-	15.5	-
SP Thể dục thể thao T	14.0	15.0	26.0	-	25.0	-	24.5	-	22.0	-
SP Mầm non M	14.5	16.0	18.0	-	18.0	-	17.0	-	17.5	-
SP Toán - Tin A	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-
SP Vật lý - Hóa A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
SP Sinh - Địa B	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-
SP Văn - Sử C	-	-	-	-	-	-	-	-	18.0	-

Ghi chú: - Năm 2002 có thêm ngành Sinh học (NV1:16.0; NV2: 18.0); ngành Hóa học (NV1:14.0; NV2: 15.0) và ngành Sư phạm Giáo dục chính trị (NV1: 25.5).

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường Đại học Sư phạm (ĐH Thái Nguyên) (ĐH SPTN) chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở KV1, KV2 nông thôn thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra và tuyển sinh các khối A, B, C, D1, D2, T, M.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH SPTN được lấy theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Nếu bạn không đủ điểm vào hệ Đại học của Trường bạn sẽ được xét tuyển vào hệ Cao đẳng với các ngành: Toán - Tin, Lý - Hóa, Sinh - Địa, Văn - Sử trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh. Ngoài chế độ ưu đãi dành cho các trường Đại học sư phạm, ở Trường ĐH SPTN sinh viên còn được hưởng chế độ ưu đãi cho các trường miền núi.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH SPTN khá đông và từ sau năm 2002 đến nay tăng dần lên so với trước đây do nhu cầu của xã hội đang thiếu nhiều giáo viên, đặc biệt là giáo viên cho vùng cao, vùng sâu, vùng xa (xem bảng 1).

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐH SPTN 2 năm trở lại đây giảm nhiều so với mấy năm trước nên tỉ lệ "chơi" của trường cũng tụt xuống đáng kể nhưng so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này vẫn thuộc loại cao. Đây là một tỉ lệ khiến bạn phải cân nhắc kỹ càng khi đăng ký trường thi. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH SPTN có xu hướng tăng dần và ở mức khá cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cũng như so với mặt bằng chung của những trường sư phạm khác. Năm 2006 thì điểm trúng tuyển của một số ngành trong trường giảm xuống so với năm 2005 (ví dụ như điểm trúng tuyển ngành Sư phạm Toán năm 2006 giảm 4.0 điểm so với năm 2005 (19.5/23.5 điểm), ngành Sư phạm Vật lý giảm 3.5 điểm (18.5/22.0 điểm)...). Một số ngành lấy bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT nhưng với mức điểm này nếu bạn không có học lực trung bình khá trở lên thì khó có khả năng trúng tuyển. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển giữa các ngành có sự chênh lệch đáng kể và có sự xê dịch tùy từng năm: khối A các ngành Sư phạm Toán, Sư phạm Hóa là những ngành thường lấy điểm trúng tuyển cao, cao hơn hẳn những ngành cùng tuyển khối A khác như các ngành: Sư phạm Tin, Sư phạm Giáo dục tiểu học...; khối C thì ngành Sư phạm Địa lý, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Ngữ văn là những ngành lấy điểm trúng tuyển cao hơn so với các ngành cùng khối C khác....

- Năm 2006 điểm trúng tuyển một số ngành giảm xuống đáng kể trong khi mấy năm trước tăng lên như: các ngành Sư phạm: Toán, Hóa, Lý... lấy điểm trúng tuyển cao dần đến năm 2005, nhất là năm 2005 ngành Sư phạm: Toán, Hóa lấy tới 23.5 điểm (cao hơn hẳn những năm khác và hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT 8.3 điểm (23.5/15.0 điểm).... Điểm trúng tuyển các ngành Sư phạm ngoại ngữ thì vẫn xu hướng tăng lên cho đến năm 2006.... (Xin xem chi tiết bảng 2).

- Từ năm 2004 đến nay trường chỉ tuyển NV2, NV3 đối với một số ngành nhưng điểm trúng tuyển khá cao, nếu không có kết quả thi tốt thì bạn khó có khả năng trúng tuyển khi đăng ký NV2. (Xem bảng 2).

- Như trên chúng tôi đã nói, xã hội đang rất thiếu giáo viên cho vùng sâu, vùng xa, vùng cao và cả vùng hải đảo, vì thế bạn sẽ không thiếu việc khi tốt nghiệp trường sư phạm. Ngoài ra bạn còn được Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích về công tác ở những vùng nói trên. Không những thế từ năm 2006 trường còn mở thêm hàng loạt những ngành Sư phạm mới là: Toán - Tin, Vật lý - Hóa, Sinh - Địa, Văn - Sử. Đó là những cơ hội mới để các bạn có thể lựa chọn ngành học để vừa đáp ứng được sở thích của mình, lại vừa đảm bảo khả năng cao nhất có thể trở thành sinh viên.

- Dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT có biến động nhưng không lớn.

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Địa chỉ: Quyết Thắng - Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 0280.846254 - Fax: 0280.846237 - Website: <http://www.cntt-dhtn.edu.vn/>

- Khoa Công nghệ thông tin trực thuộc Đại học Thái Nguyên thành lập năm 2001 có nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Điện tử.
- Hiện tại Khoa có gần 100 giảng viên, gồm 1 Giáo sư, 8 Phó giáo sư, 10 Tiến sĩ và Tiến sĩ khoa học.
- Khoa Công nghệ thông tin - Đại học Thái Nguyên hiện đang đào tạo theo cả hai phương thức là đào tạo tại Khoa và liên kết đào tạo tại các địa phương.

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Mạng máy tính và Truyền thông

Ngành Mạng máy tính và Truyền thông trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, Tin học: Giải tích - Đại số - Vẽ kỹ thuật - Hóa học - Vật lý - Kỹ thuật điện - Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Toán học rời rạc - Kỹ thuật điện tử... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành là: Cấu trúc dữ liệu - Vi xử lý - Kỹ thuật số - Cấu trúc máy tính - Hợp ngữ - Kỹ thuật lập trình - Hệ điều hành - Cơ sở dữ liệu - Ngôn ngữ hình thức - Xử lý tiếng nói - Lập trình C trên Windows - Mạng máy tính - Đồ họa - Lập trình hướng đối tượng - Phân tích thiết kế hệ thống thông tin - Thiết kế hệ thống thông tin quản lý - Xử lý ảnh - Trí tuệ nhân tạo - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Công nghệ phần mềm - Hệ thống thông tin địa lý... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lập trình mạng - Thiết kế mạng Internet - Hệ thống tin học phân tán - An toàn mạng - Quản trị mạng - Đánh giá hiệu năng mạng - Truyền thông đa phương tiện... Sinh viên được đào tạo **khả năng thực hành**, khả năng cập nhật thông tin, xử lý nhanh các vấn đề liên quan đến máy tính và hệ thống Internet.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Mạng máy tính và Truyền thông có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; Các TT. Tin học, TT. Công nghệ phần mềm, TT. Giao dịch công nghệ ở khắp các tỉnh, thành phố trong toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Công nghệ tin học ngân hàng; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Viễn thông quân đội, TCT Hàng không Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tin học ở khắp các tỉnh, thành phố, Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất, các Cty Điện tử, Cty Điện tử công trình, Cty Máy tính Việt Nam, Cty Xuất nhập khẩu điện tử, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông tin học, Quản lý công nghệ, Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Hệ thống quản trị, Thiết kế kỹ thuật... tại các Sở: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy trong các Trường ĐH, CD, THCN có đào tạo ngành Mạng máy tính và Truyền thông.

Ngành Kỹ thuật máy tính

Khí học ngành Kỹ thuật máy tính sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Bách Khoa, ĐH Giao thông vận tải... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng.

1) Ngành Công nghệ phần mềm; 2) Ngành Hệ thống thông tin; 3) Ngành Khoa học máy tính; 4) Ngành Điện tử viễn thông

Sinh viên học 4 ngành được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Bách Khoa, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* lập trình, xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin....

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	160	1.597	1/9.9
2003	200	1.716	1/6.9
2004	250	-	-
2005	310	2.168	1/6.9
2006	350	2.083	1/5.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ thông tin	15.0	17.0	15.0	18.0	15.5	20.5	17.0	23.0	14.0	18.0
Nhóm ngành kỹ thuật	-	-	-	-	15.5	20.5	17.0	-	14.0	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Khoa CNTT chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở KV1, KV2 nông thôn, KV2 thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra (không tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở KV3) và tuyển sinh khối A.

- Điểm trúng tuyển của khoa CNTT thường lấy theo khối, ngành mà thí sinh ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho khoa CNTT hàng năm có xu hướng tăng lên. Năm 2006 chỉ tiêu tăng gấp 2,2 lần so với chỉ tiêu năm 2002. (Xem bảng 1).

- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào khoa CNTT có sự xê dịch nhưng không nhiều nên tỉ lệ "chọi" của khoa mấy năm gần đây tương đối ổn định và ở mức không cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của khoa CNTT năm 2006 (14.0 điểm) giảm đáng kể so với năm 2005 (17.0 điểm) và ở mức thấp hơn so với điểm trúng tuyển vào các khoa CNTT của các trường khác (Ví dụ ĐH Công nghệ thông tin (thuộc ĐHQG Hà Nội) là 25.0 điểm (ngành Công nghệ thông tin), Học viện Bưu chính viễn thông là 22.5 (ngành Công nghệ thông tin)). Do đó cánh cửa vào khoa Công nghệ của trường là rộng mở hơn đối với các thí sinh. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 của khoa so với điểm trúng tuyển NV1 có sự chênh lệch đáng kể, thường cao hơn từ 2.0 đến 6.0 điểm. (Xem bảng 2).

- So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 của khoa CNTT cũng là tương đối cao. Năm 2005 điểm trúng tuyển NV2 cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT tới 8.0 điểm (23.0/15.0 điểm), năm 2005 mức chênh lệch giảm xuống nhưng cũng hơn tới 4.0 điểm (18.0/14.0 điểm). Tuy nhiên nếu so với các trường khác cùng đào tạo ngành nghề của khoa thì số điểm này cũng giúp cho các bạn có một cơ hội để trở thành sinh viên của khoa. (Xem bảng 2).

- Năm 2006 tỉ lệ "chọi" không cao bằng năm 2005 nhưng điểm trúng tuyển lại giảm chỉ ở mức bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT trong khi đó thực tế hiện nay ngành Công nghệ thông tin là một ngành "trẻ" đang cần rất nhiều nhân lực vì thế tốt nghiệp ngành này bạn có rất nhiều cơ hội tìm việc làm, nên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào khoa CNTT sẽ tăng lên.

KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Toán; 2) Ngành Vật lý; 3) Ngành Toán - Tin ứng dụng; 4) Ngành HÓA HỌC; 5) Ngành Địa lý; 6) Ngành Khoa học môi trường.

Khi học 6 ngành trên sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự như là sinh viên các ngành trên của Trường ĐH KHTN. Ra trường sinh viên các ngành sẽ *có khả năng* nghiên cứu, giảng dạy các lĩnh vực có liên quan đến ngành đã được đào tạo.

Bảng số lượng tuyển sinh và điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Toán học A1	15.0	16.0	15.0	18.5	16.0	20.0	13.0	13.0
Vật lý A1	15.0	16.0	15.0	18.5	16.0	20.0	13.0	13.0
Hóa học A2	15.5	18.5	15.0	18.5	16.0	20.0	13.0	13.0
Sinh học B	17.0	20.0	15.0	-	19.0	-	14.0	-
Công nghệ sinh học B	18.5	21.5	15.0	-	19.0	-	14.0	-
Khoa học môi trường A2	-	-	15.0	-	16.0	20.0	13.0	13.0
Toán tin ứng dụng A1	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0
Địa lý A2	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0
Chỉ tiêu toàn khoa	200		200		300		400	

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Khoa KHTN chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở KV1, KV2 nông thôn, KV2 thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra (không tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở NV3) và tuyển sinh các khối A1, A2, B.
- Điểm trúng tuyển của Khoa KHTN xét theo nhóm ngành học của khối A1, A2 và khối B.

2. Một số lưu ý:

Qua bảng trên bạn có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng lên nhưng không nhiều.
- Điểm trúng tuyển vào khoa thường không cao lắm (chỉ bằng hoặc cao hơn điểm sàn của Bộ 1.0 điểm, trừ khối B năm 2005 lấy điểm trúng tuyển cao hơn điểm sàn 4.0 điểm (19.0/15.0 điểm). Vì vậy những bạn có học lực trung bình, trung bình khá nếu cố gắng sẽ không khó để trở thành sinh viên của khoa.
- Từ năm 2005 trở về trước điểm trúng tuyển NV2 khá cao nhất là năm 2005 và cao hơn NV1 khá nhiều, mức chênh lệch tăng lên: năm 2003 từ 1.0 - 3.0 điểm đến năm 2004 điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 là 3.5 điểm nhưng đến năm 2005 mức chênh lệch lên tới 4.0 điểm. Tuy nhiên năm 2006 thì điểm trúng tuyển NV2 lại chỉ lấy bằng NV1 và bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT.
- Từ năm 2006 Khoa KHTN mở thêm 2 ngành học mới: Toán tin ứng dụng và Địa lý mở ra cơ hội lựa chọn ngành mới cho thí sinh khi ĐKDT vào Khoa.

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN

Địa chỉ: Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: (0321) 713081 - Website: <http://www.utehy.edu.vn/>

- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên (ĐHSPKTHY) được thành lập tháng 1/2003.
- Số cán bộ giảng dạy của Trường ĐHSPTHY có 200 người trong đó có Phó Giáo sư, Tiến sĩ chiếm 20%, Giảng viên chính và Thạc sĩ chiếm 35% còn lại là giảng viên.
- Trường ĐHSPTHY đào tạo các cấp độ: Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng và Đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ thông tin

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự như là sinh viên ngành này tại Trường ĐH Công nghệ.... Ngoài ra còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên trở thành những kỹ sư Công nghệ thông tin *có khả năng* giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

1) Ngành Công nghệ kỹ thuật điện; 2) Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử; 3) Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; 4) Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

Khi học 4 ngành có tên trên sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như là sinh viên Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội... Ngoài ra còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên vừa vững về lý thuyết lại giỏi về thực hành ứng dụng.

1) Ngành Công nghệ may và thời trang; 2) Ngành Sư phạm kỹ thuật công nghiệp

Sinh viên học 2 ngành có tên trên được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự như là sinh viên ngành này tại Trường ĐH Bách Khoa.... Ngoài ra còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

Ngành Quản trị kinh doanh

Khi học ngành Quản trị kinh doanh sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như là sinh viên Trường ĐH Kinh tế quốc dân, HV Tài chính,... Ngoài ra còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên trở thành những nhà quản trị doanh nghiệp giỏi về lý thuyết lẫn thực hành.

Bảng điểm trúng tuyển vào các ngành và chỉ tiêu đào tạo

Ngành	2003*	2004		2005**		2006	
	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ thông tin A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Kỹ thuật điện A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Kỹ thuật điện tử A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Cơ khí A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Cơ khí động lực A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Công nghệ may A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Công nghệ may D1	17.5	18.0	20.5	18.0	20.0	18.0	18.0
Kỹ thuật công nghiệp A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Kỹ thuật công nghiệp D1	17.5	18.0	20.5	18.0	20.0	18.0	18.0
Quản lý kinh doanh A	17.5	18.0	21.0	19.0	22.5	18.0	18.0
Quản lý kinh doanh D1	17.5	18.0	20.5	18.0	20.0	18.0	18.0
Chỉ tiêu		500		600		700	

Ghi chú: - * & ** - Năm 2003 & 2005 điểm trúng tuyển các ngành Sư phạm cao hơn các ngành Kỹ sư công nghệ 2.0 điểm.

1. Đặc điểm tuyển sinh.

- Trường ĐHSPKTHY tuyển sinh trong cả nước, trường không thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của các trường đại học trong cả nước, trường tuyển sinh khối A, D1.

- Trường ĐHSPKTHY lấy điểm trúng tuyển theo ngành học mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý.

Nhìn vào bảng trên ta có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng dần lên.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHSPKTHY khá ổn định và tương đối cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cũng như so với mặt bằng chung những trường tuyển sinh khối A, D1 khác.

- Năm 2004, 2005 điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1, năm 2006 thì điểm trúng tuyển NV2 lại bằng điểm trúng tuyển NV1. Điểm trúng tuyển NV2 thường ở mức mà chỉ có học sinh khá giỏi trở lên mới có khả năng trúng tuyển nếu đăng ký NV2.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: (0350). 637804 - Website: <http://www.nute.edu.net>

- Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định (ĐHSPKTNĐ) được thành lập ngày 05/01/2006.
- Trường đào tạo các bậc: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề... với các với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao, tâm huyết với nghề với nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH SẼ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH:

1) Ngành Tin học ứng dụng; 2) Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện; 4) Ngành Công nghệ Hàn

Bảng chỉ tiêu và điểm trúng tuyển trường năm 2006

Ngành	NV2	Chỉ tiêu
Sư phạm Kỹ thuật	17.5	300
Kỹ thuật	15.0	

*** Đặc điểm tuyển sinh và một số lưu ý:**

- Trường ĐHSPKTNĐ không thi tuyển mà lấy kết quả thi Đại học khối A của những thí sinh thi theo đề chung của Bộ GD&ĐT vào các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước để xét tuyển và chỉ tuyển sinh khối A.

- Trường ĐHSPKTNĐ xét điểm trúng tuyển chung cho cả trường theo điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO I

Trụ sở: Từ Sơn - Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.831609 - Fax: 0241.832550 - Website: <http://www.upes1.edu.vn/>

- Trường Đại học Thể dục thể thao 1 (ĐH TDTT 1) được thành lập ngày 25/9/1959.
- Trường ĐH TDTT 1 hiện có 200 cán bộ khoa học, trong đó có 04 Phó Giáo sư, 7 Tiến sĩ và 67 Thạc sĩ, 2 Nhà giáo Ưu tú. Trường ĐH TDTT 1 có các cấp độ đào tạo: Đại học và Trên đại học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO I ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Điện kinh; 2) Ngành Thể dục; 3) Ngành Bơi lội; 4) Ngành Bóng đá; 5) Ngành Cầu lông; 6) Ngành Bóng rổ; 7) Ngành Bóng bàn; 8) Ngành Bóng chuyền; 9) Ngành Cờ vua; 10) Ngành Võ; 11) Ngành Vật; 12) Ngành Bắn súng; 13) Ngành Quần vợt.

Sinh viên khi theo học các ngành có tên trên của Trường ĐH TDTT 2 sẽ được trang bị những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Tin học - Tiếng Việt thực hành - Lịch sử thể dục thể thao (TDTT) và lịch sử Olympic - Môi trường và con người - Cơ sở văn hóa Việt Nam... đồng thời bước đầu đi vào chuyên ngành với các **kiến thức cơ bản** về nghiệp vụ sư phạm và về ngành: Tâm lý học - Tâm lý học TDTT - Giáo dục học - Giáo dục học TDTT; Giải phẫu - Sinh lý học TDTT - Y học TDTT - Vệ sinh TDTT - Quản lý TDTT - Đo lường thể thao - Phương pháp (PP) nghiên cứu khoa học TDTT - Lý luận & PP Giáo dục thể chất (GDTTC)...

Trên nền khối kiến thức cơ sở đó nhà trường sẽ cung cấp cho sinh viên **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kinh tế xã hội TDTT - Sinh cơ - Y học TDTT - Sinh lý học TDTT - Giáo tiếp sư phạm - Thể thao trường học... để từ đó sinh viên sẽ được đào tạo về **Thể thao chuyên sâu** tùy theo ngành học như: **Ngành Điện kinh** (Đi bộ thể thao - Ném lựu đạn thể thao - Chạy cự ly ngắn - Nhảy cao kiểu nằm nghiêng - Đẩy tạ lưng hướng ném - Nhảy xa kiểu uốn thân - Chạy vượt rào - Nhảy cao - Nhảy 3 bước - Ném đĩa - Ném lao - Nhảy cao kiểu lưng qua xà - Nhảy sào và ném tạ xích - Nâng cao thành tích môn điện kinh sở trường...); **Ngành Bơi lội** (Các môn bơi - Các môn lặn - Bơi nghệ thuật - Bóng nước - Nhảy cầu...); **Ngành Thể dục** (Thể dục cơ bản - Thể dục nghệ thuật - Thể dục nhào lộn - Thể dục dụng cụ - Thể dục đồng diễn - Sport Aerobic...); **Ngành Võ và Ngành Vật** (Karatedo - Taekawondo - Vật - Võ cổ truyền - Judo - Cử tạ...); **Ngành Bóng đá; Ngành Cầu lông; Ngành Bóng rổ; Ngành Bóng bàn; Ngành Bóng chuyền; Ngành Cờ vua; Ngành Bắn súng; Ngành Quần vợt...**

Tốt nghiệp ra trường, sinh viên các ngành này **có khả năng** giảng dạy, công tác trong ngành Giáo dục nói chung và những ngành có liên quan...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	450	15.103	1/33,5
2000	470	15.005	1/31,9
2001	470	13.168	1/28,0
2002	370	10.309	1/27,8
2003	400	7.822	1/19,6
2004	470	7.264	1/15,4
2005	430	7.215	1/16,7
2006	480	6.664	1/13,8

Bảng 2a. Điểm trúng tuyển vào trường (tại Bắc Ninh)

Ngành	1999	2000	2003*	2004	2005**	2006
Điện kinh	29,5	33,5	27,0	26,5	24,5	24,5
Thể dục	32,0	33,5	24,0	24,5	22,0	21,5
Bơi lội	29,0	32,5	25,5	25,5	22,5	18,5
Bóng đá	30,5	33,5	25,5	24,0	23,5	22,0
Cầu lông	28,0	32,0	25,0	26,5	22,0	21,0
Bóng rổ	28,5	32,0	26,5	29,0	27,0	23,5
Bóng bàn	31,0	34,0	27,0	27,0	28,5	20,0
Bóng chuyền	30,0	33,5	26,0	25,5	26,0	24,5
Bóng ném	30,5	31,5	25,5	27,5	26,5	26,5
Cờ vua	27,0	33,0	27,0	27,0	26,5	25,5
Võ	29,5	32,0	28,0	26,5	26,5	25,5
Vật	-	33,5	25,5	28,0	27,5	22,0
Bắn súng	-	32,5	26,0	26,0	22,5	21,5
Quần vợt	-	-	-	15,0	23,5	21,0

Ghi chú: - * - Năm 2003 ngành Tennis có điểm trúng tuyển là 23,0 điểm; - ** - năm 2005 ngành Sư phạm Giáo dục thể chất: 21,0 điểm.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH TDTT 1 tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối T.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH TDTT 1 được lấy theo ngành học (môn năng khiếu hệ số 2).
- Thí sinh không phải sơ tuyển. Ngoài điều kiện chung, thí sinh phải có sức khỏe tốt, thể hình cân đối, không bị dị tật, dị hình, chiều cao tối thiểu là 1,65m, nặng 45kg đối với nam; 1,55m, nặng 40kg đối với nữ.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHTDTT hàng năm có sự thay đổi. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tương đối đồng so với chỉ tiêu được giao nên tỉ lệ "chọi" của trường là cao so với mặt bằng chung của những trường tuyển sinh khối T khác. Tuy nhiên 4 năm gần đây tỉ lệ này có xu hướng giảm (do số lượng thí sinh ĐKDT giảm trong khi chỉ tiêu vẫn tiếp tục tăng lên). (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường từ năm 2003 đến nay nhìn chung khá ổn định nhưng đến năm 2006 điểm trúng tuyển vào trường thấp hơn những năm trước.
- Qua các số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng cũng chỉ xấp xỉ như mấy năm gần đây.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ TÂY

Địa chỉ: Xã Phùng Châu, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

Điện thoại: (034) 866899

- Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Tây được thành lập ngày 05/05/2003 trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương I, là cơ sở đào tạo đội ngũ giáo viên thể dục thể thao trình độ đại học và các trình độ thấp hơn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO HÀ TÂY ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Giáo viên Thể dục thể thao

Ngành Giáo viên Thể dục thể thao (TDTT) cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản cho sinh viên: Hàm một biến - Hàm nhiều biến - Phương trình vi phân - Tâm lý học - Tiếng Việt thực hành... đồng thời sinh viên cũng được học các **kiến thức cơ bản về ngành**: Tâm lý học lứa tuổi - Giải phẫu người - Điện kinh và phương pháp giáo dục (PPGD) - Lý luận và phương pháp (PP) TDTT - Thể thao chuyên sâu và PP huấn luyện - PP nghiên cứu khoa học giáo dục... cũng như những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Trò chơi vận động và PPGD - Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm - Sinh lý học TDTT - Bóng chuyền và PPGD - Bơi lội và PPGD - Bóng đá và PPGD - Cầu lông và PPGD - Bóng bàn và PPGD - Đá cầu và PPGD - Cờ vua và PPGD - Lý luận và PP TDTT trường học - Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý TDTT - Giáo dục học TDTT... cùng với các môn học tự chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Bóng rổ và PPGD - Bóng ném và PPGD - Karatedo và PPGD - Quần vợt và PPGD - Taekwondo và PPGD... để khi tốt nghiệp ngành Giáo viên TDTT sinh viên **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở có đào tạo chuyên ngành cũng như các cơ quan, đơn vị hoạt động có liên quan...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo viên Thể dục thể thao có thể làm việc tại:

- + Giảng dạy tại các trường Trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, các trường bồi dưỡng giáo viên...
- + TT. Thể dục thể thao, Ủy ban Thể dục thể thao... từ Trung ương đến địa phương.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2003	80	8.117	1/101.5
2004	200	10.379	1/51.9
2005	300	10.902	1/36.0
2006	400	10.748	1/26.8

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2004	2005	2006
Giáo viên Thể dục thể thao	27.5	24.5	

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHTDTTHT tuyển sinh từ Quảng Bình trở ra, trường tuyển sinh khối T.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHTDTTHT được lấy chung
- Yêu cầu chiều cao tối thiểu đối với nam 1,65m nặng 45kg, đối với nữ cao 1,55m nặng 40kg.
- Trường ĐHTDTTHT không tuyển thí sinh bị dị tật dị hình nói ngọng, nói lắp.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Trụ sở: 182 Lê Duẩn, Phường Bến Thủy, Tp.Vinh.

Điện thoại: 038.856394, 038.551810 - Website: <http://www.vinhuni.edu.vn>

- Trường Đại học (ĐH) Vinh thành lập năm 1959, là trường đại học đa ngành là trung tâm đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân khoa học cho cả nước.
- Đội ngũ cán bộ giảng viên Trường ĐH Vinh gồm 430 người, trong đó có 27 Phó Giáo sư, 86 Tiến sĩ, 197 Thạc sĩ, 4 Giảng viên cao cấp, 115 Giảng viên chính...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Văn học ; 2) Ngành Lịch sử

Khi học 2 ngành có tên trên sinh viên sẽ được đào tạo để có những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên các ngành này tại Trường ĐH KHXH&NV.... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp một số môn học mang tính đặc thù của trường... để sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành **có khả năng** làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm, hoặc làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo.

1) Ngành Sư phạm Toán; 2) Ngành Sư phạm Vật lý; 3) Ngành Sư phạm Hóa học; 4) Ngành Sư phạm Tin học; 5) Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị; 6) Ngành Sư phạm Ngữ văn; 7) Ngành Sư phạm Lịch sử; 8) Ngành Sư phạm Địa lý; 9) Ngành Sư phạm Tiếng Anh; 10) Ngành Sư phạm Tiếng Pháp; 11) Ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học; 12) Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non; 13) Ngành Sư phạm Thể dục thể thao; 14) Ngành Sư phạm Thể dục thể thao - Giáo dục quốc phòng; 15) Ngành Sư phạm Sinh học

Sinh viên học 14 ngành có tên ở trên được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1, ĐH Sư phạm Hà Nội 2.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi học xong chương trình sinh viên **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu các lĩnh vực có liên quan chuyên ngành.

1) Ngành Toán học; 2) Ngành Vật lý; 3) Ngành Hóa học; 4) Ngành Sinh học; 5) Ngành Toán - Tin ứng dụng; 6) Khoa học môi trường

Tương tự chương trình đào tạo 6 ngành có tên trên của Trường ĐH KHTN chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐH Vinh cũng nhằm trang bị cho sinh viên **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cùng với một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên các ngành **có khả năng** giải quyết được các vấn đề phát sinh trong thực tế cuộc sống mà có liên quan đến chuyên ngành đã được đào tạo...

Ngành Tin học

Trên nền kiến thức chung dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên ngành Tin học của ĐH Vinh sẽ được học **kiến thức cơ bản** về ngành, để từ đó đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự sinh viên ngành Tin học của Trường ĐH GTVT. Ra trường, cử nhân ngành này **có khả năng** phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng...

1) Ngành Công nghệ thực phẩm; 2) Ngành Công nghệ thông tin; 3) Ngành Điện tử viễn thông

Khi học 3 ngành có tên sinh viên của Trường ĐH Vinh sẽ được trang bị không chỉ có những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Công nghệ, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông... mà ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường kỹ sư các ngành sẽ **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành tại các đơn vị sản xuất kinh doanh...

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Sinh viên ĐH Vinh khi học 2 ngành có tên trên sẽ được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như khối kiến thức mà Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế (ĐHQG Hà Nội)... cung cấp cho sinh viên các ngành này, không những thế sinh viên của ĐH Vinh còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có khả năng nghiên cứu hoặc trực tiếp làm công tác Kế toán, nhà Quản trị tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp...

Ngành Tiếng Anh

Ngành Tiếng Anh trang bị cho sinh viên **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành này tại Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Hà Nội... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để sau khi học xong cử nhân ngành Tiếng Anh **có khả năng** giao tiếp và giảng dạy bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 của mình...

Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Khi học ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự như là sinh viên ngành cùng tên tại Trường ĐH Xây dựng. Tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành cũng *có khả năng* thiết kế, thi công, giám sát... các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp...

1) Ngành Nuôi trồng thủy sản; 2) Ngành Nông học; 3) Ngành Khuyến nông và Phát triển nông thôn

Cũng giống như sinh viên khi học một trong 3 ngành cùng tên trên của Trường ĐH Nông nghiệp 1 sinh viên Trường ĐH Vinh cũng được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* cùng với số môn học đặc thù khác nhằm bổ trợ kiến thức cho ngành... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên *có khả năng* ứng dụng ngoài thực tế công tác trong lĩnh vực nông nghiệp...

Ngành Chính trị - Luật

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1998	1.300	29.903	1/23.0
1999	1.800	35.568	1/19.7
2000	1.700	29.020	1/17.0
2001	1.700	34.360	1/20.2
2002	2.000	44.975	1/22.4
2003	2.100	26.283	1/12.5
2004	2.200	26.562	1/12.0
2005	2.300	26.524	1/11.0
2006	2.780	20.644	1/7.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán A	22.0	20.5	21.5	20.5	21.5	23.5	24.5	20.5	-	24.0	-	22.0	-
SP Tin A	16.0	15.0	17.0	19.0	20.0	18.5	19.5	19.0	-	18.5	-	18.0	-
SP Lý A	17.5	19.0	20.0	21.0	22.0	20.5	21.5	20.0	-	21.5	-	22.0	-
SP Hóa A	21.5	20.5	21.5	22.5	23.5	21.0	22.0	22.5	-	24.0	-	21.0	-
SP Sinh B	17.0	20.0	19.0	23.0	24.0	21.5	22.5	22.5	-	22.5	-	18.0	-
SP GDCT C	14.5	19.5	17.0	20.0	21.0	19.0	20.0	19.5	-	17.0	-	20.0	-
SP Ngữ văn C	18.0	20.0	21.0	23.0	24.0	21.0	22.0	21.5	-	21.5	-	20.0	-
SP Sử C	17.0	20.5	21.0	23.5	24.5	20.5	21.5	22.0	-	19.0	-	21.0	-
SP Tiếng Anh D1	24.5	22.0	23.0	24.5	25.5	26.5	27.5	24.0	-	25.0	-	27.5	-
SP Tiểu học M	17.0	19.0	18.0	17.0	18.0	18.0	19.0	19.0	-	18.0	-	13.0	-
SP Mầm non M	14.0	14.5	15.5	16.5	17.5	17.0	18.0	15.0	-	15.0	-	14.0	-
SP TDTT T	25.5	27.0	26.0	28.0	29.0	27.0	28.0	23.0	-	25.0	-	22.0	-
Nuôi trồng TS B	8.0	11.0	8.0	15.5	16.5	17.5	18.5	18.5	-	19.0	-	14.0	14.0

Ngành	1998	1999	2000	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Pháp văn D3	24.5	-	24.5	24.5	25.5	25.5	26.5	20.0	-	22.0	-	20.0	-
Toán A	-	13.0	12.0	14.5	15.5	15.0	16.0	15.0	20.0	15.0	17.0	13.0	13.0
Tin A	-	12.0	12.0	13.5	14.5	15.0	16.0	15.0	19.5	15.0	17.5	13.0	13.0
Lý A	-	13.0	12.0	13.0	14.0	15.0	16.0	15.0	18.0	15.0	16.5	13.0	13.0
Hóa A	-	13.0	12.0	13.5	14.5	15.0	16.0	15.0	19.5	15.0	19.0	13.0	13.0
Sinh B	-	13.0	12.0	17.0	18.0	15.0	16.0	16.0	-	17.0	-	14.0	14.0
Ngữ văn C	-	17.5	17.0	19.5	20.5	15.0	16.0	16.0	22.0	17.0	-	14.0	17.0
Sử C	-	18.0	16.0	19.5	20.5	15.0	16.0	16.0	21.5	17.0	-	14.0	16.5
XD DD&CN A	-	-	-	18.0	19.0	17.5	18.5	19.0	-	21.5	-	19.5	-
Công nghệ TT A	-	-	-	13.5	14.5	17.0	18.0	15.0	-	17.5	22.0	16.5	-
SP Địa A	-	-	-	23.0	24.0	19.5	20.5	23.0	-	15.0	23.5	16.5	-
Nông học B	-	-	-	17.5	18.5	16.0	17.0	18.0	-	16.5	-	14.0	14.0
SP Tiểu học C	-	-	-	21.0	22.0	19.5	20.5	20.5	-	18.5	-	-	-
Tiếng Anh D1	-	-	-	-	-	21.5	22.5	20.0	24.5	20.0	22.5	23.0	26.0
Điện tử viễn thông A	-	-	-	-	-	17.0	18.0	15.0	21.0	16.5	-	16.5	16.5
SP TĐTT - GDQP T	-	-	-	-	-	-	-	20.0	25.5	24.5	-	22.0	-
KTQT - KD A	-	-	-	-	-	-	-	15.0	20.5	17.0	22.0	15.0	-
KN & PTNT B	-	-	-	-	-	-	-	-	21.0	19.0	-	14.0	14.0
Kinh tế kế toán A	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-	18.5	-	18.5	18.5
CN thực phẩm A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0
Chính trị - Luật C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-
Toán - Tin UD A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0
KH môi trường B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Vinh tuyển sinh trong toàn quốc với các khối thi A, B, C, D, và khối Năng khiếu.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Vinh được lấy theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Môn thi ngoại ngữ tính hệ số 2.
- Các ngành sư phạm chỉ tuyển những thí sinh có thể hình cân đối và không tuyển những thí sinh bị dị tật, dị hình, nói ngọng, nói lắp. Riêng ngành SPTD- GDQP chỉ tuyển thí sinh nam.
- Mấy năm gần đây nhà trường mở thêm rất nhiều ngành nghề mới như Nông học, Điện tử viễn thông, Công nghệ thực phẩm... đó là những cơ hội để các bạn lựa chọn ngành học và trường học phù hợp với sức học của mình để trở thành sinh viên.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH Vinh các năm gần đây có xu hướng tăng lên.
- Số lượng thí sinh ĐKDT vào ĐH Vinh đông so với chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" của trường nhìn chung cao so với mặt bằng chung những Trường ĐH vùng khác. (Xem bảng 1).

- Tỷ lệ "chọi" của trường từ sau năm 2002 đến nay tương đối ổn định (ở mức xấp xỉ bằng nhau 1/12.5 - 1/12.0 - 1/11.0) nhưng năm 2006 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường lại giảm đột ngột khiến tỷ lệ "chọi" của trường giảm xuống rõ rệt thấp hơn hẳn những năm trước và ở mức không cao. (Theo chúng tôi nguyên nhân có thể là do năm 2005 điểm trúng tuyển vào trường tương đối cao đặc biệt là các ngành Sư phạm, điểm trúng tuyển ở mức mà chỉ những học sinh có lực học xuất sắc mới có khả năng trúng tuyển nên các thí sinh đã chọn giải pháp an toàn hơn khi ĐKDT). (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường các năm gần đây tương đối cao, đến 2006 thì điểm trúng tuyển của một số ngành có giảm xuống nhưng vẫn khá cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT (trừ những ngành ngoài Sư phạm). Điều này cho thấy chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng lên. (Xem bảng 2).

- So sánh điểm trúng tuyển vào trường nhất là những ngành Sư phạm với một số trường khác cũng đào tạo các ngành cùng tên thì điểm trúng tuyển vào các ngành này của ĐH Vinh không phải là quá cao (nhất là so với ĐHSPTN1, ĐHSPTN2...). Vì thế nếu bạn có hộ khẩu thường trú ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên mà yêu thích các ngành Sư phạm hoặc những ngành mà ĐH Vinh đào tạo thì nên ĐKDT vào trường.

- Điểm trúng tuyển NV2 của trường thường bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển NV1 nhưng sự chênh lệch giữa các năm có khác nhau: năm 2002, 2003 điểm trúng tuyển NV2 chỉ cao hơn NV1 1.0 điểm ở tất cả các ngành, đến năm 2004 mức chênh lệch tăng lên khá lớn từ 3.0 - 6.0 điểm, năm 2005 ngành Sư phạm Địa (khối A) lấy điểm NV2 cao hơn NV1 tới 8.5 điểm (23.5/15.0 điểm). Nhưng đến năm 2006 có những ngành điểm trúng tuyển NV2 bằng NV1 và chỉ lấy bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Sự chênh lệch về điểm trúng tuyển giữa 2 NV cũng là điểm mà bạn cần lưu ý khi đăng ký NV2 vì mức điểm trúng tuyển NV2 của trường không tuân theo 1 quy luật nhất định nào. (Xem bảng 2).

- Theo tin từ trường từ năm 2006 trường đào tạo thêm 4 ngành mới đó là các ngành: Toán - Tin ứng dụng; Khoa học môi trường; KS Công nghệ thực phẩm; CN Chính trị - Luật. Việc mở thêm những ngành học mới sẽ mở ra cơ hội lựa chọn ngành mới đồng thời cũng mở ra cơ hội việc làm mới cho các bạn học sinh...

- Cũng theo trường cho biết các ngành có thí sinh ĐKDT thấp so với các ngành khác là: CN Toán, CN Lý, CN Hóa và Khuyến nông và Phát triển nông thôn. Mặt khác bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào các ngành này cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT không nhiều, nếu bạn không phải là người có học lực khá trở lên có thể đăng ký vào các ngành này thì khả năng trúng tuyển sẽ là rất lớn.

- Từ những đặc điểm trên khi ĐKDT vào trường bạn nên có sự so sánh về tỷ lệ "chọi" giữa các trường, điểm trúng tuyển giữa các ngành trong trường... để có được một lựa chọn đúng đắn nhất.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Trụ sở: Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La

Điện thoại: 022.847.455 - Fax: 022.847375 - Website: <http://www.taybacuniversity.edu.vn/>

- Trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB) thành lập năm 2001, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ Đại học, Cao đẳng cho các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, các tỉnh lân cận Tây Bắc ...
- Hiện nay Trường ĐHTB có 137 cán bộ giảng dạy với hơn 40% có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ...
- Trường ĐHTB có hai cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Sư phạm Toán - Lý

Đào tạo sinh viên ngành Sư phạm Toán - Lý không chỉ có **kiến thức chung** về Toán, Lý, và một số môn học của Khoa học Giáo dục như: Đại số tuyến tính - Giải tích - Hình học giải tích - Vật lý đại cương - Giáo dục học - Tâm lý học - Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo - Tin học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành là: Cơ sở số học - Đại số sơ cấp và Thực hành giải toán - Hình học sơ cấp và Thực hành giải toán - Cơ học - Nhiệt học và Vật lý phân tử.... Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phép vi phân và Tích phân của hàm số một biến số hay nhiều biến số - Toán cho vật lý - Điện học - Dao động và Sóng - Quang học - Vật lý lượng tử.... Không những thế sinh viên còn được học một số môn học thuộc phần **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** như: Kỹ năng giảng dạy các phương pháp giảng dạy, mục tiêu, phương hướng giảng dạy - Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm công tác giảng dạy hoặc công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

Ngành Sư phạm Văn - Giáo dục công dân

Song song với các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Văn học, Giáo dục công dân (Lý luận văn học, Ngữ pháp tiếng Việt, Từ vựng tiếng Việt, Tiếng Việt thực hành, Đọc văn, Làm văn, Hôn nhân gia đình, Tự trọng...). Ngành còn đào tạo sinh viên về **nghiệp vụ sư phạm** (Giáo dục học - Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo - Phương pháp giảng dạy, kỹ năng giảng dạy, cách kiểm tra đánh giá kết quả học tập...), để khi ra trường sinh viên làm **công tác giảng dạy** tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

1) Ngành Sư phạm Toán; 2) Ngành Sư phạm Tin học; 3) Ngành Sư phạm Vật lý; 4) Ngành Sư phạm Hóa học; 5) Ngành Sư phạm Ngữ văn; 6) Ngành Sư phạm Lịch sử; 7) Ngành Sư phạm Địa lý; 8) Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị; 9) Ngành Sư phạm Tiếng Anh; 10) Ngành Sư phạm Tiểu học; 11) Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non; 12) Ngành Sư phạm Sinh học

Sinh viên khi theo học các ngành sư phạm có tên trên của Trường ĐH Tây Bắc sẽ được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1, ĐH Sư phạm Hà Nội 2.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường cử nhân các ngành này đều **có khả năng** giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm...

1) Ngành Lâm học; 2) Ngành Chăn nuôi; 3) Ngành Nông học

Tương tự chương trình đào tạo của 3 ngành trên của ĐH Tây Bắc bao gồm các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như chương trình đào tạo mà Trường ĐH Nông nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên các ngành cùng tên... bên cạnh đó sinh viên còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế sản xuất, kinh doanh trong Nông - Lâm nghiệp...

Ngành Kế toán

Nội dung chương trình học ngành Kế toán nhằm cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như khối kiến thức mà sinh viên ngành này của các Trường ĐH Kinh tế quốc dân, HV Ngân hàng được trang bị, ngoài ra sinh viên của Trường ĐH Tây Bắc còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào công tác Kế toán tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	350	9.340	1/26.6
2003	450	15.240	1/34.0
2004	700	18.496	1/26.2
2005	1.000	14.455	1/14.0
2006	1.200	13.653	1/11.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển các năm gần đây

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán A	9.0	12.0	16.0	-	16.5	-	19.5	-	14.5	-
SP Sinh học B	13.0	16.0	16.5	18.5	19.5	-	17.5	-	15.0	-
SP Ngữ văn C	13.0	17.0	16.0	19.0	17.5	-	18.0	-	16.0	-
SP Lịch sử C	13.0	17.0	16.0	19.0	18.5	-	18.0	-	16.0	-
Lâm sinh A	-	-	9.0	10.0	14.0	14.5	15.0	15.0	13.0	13.0
Lâm sinh B	-	-	9.0	10.0	15.0	14.5	15.0	15.0	14.0	14.0
Nông học A	-	-	9.0	10.0	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Nông học B	-	-	9.0	10.0	15.0	18.5	15.0	15.0	14.0	14.0
SP Tiểu học A	-	-	12.0	15.0	15.5	-	16.0	-	13.0	-
SP Tiểu học C	-	-	14.0	17.0	17.5	-	16.0	-	14.0	-
SP Mầm non M	-	-	11.0	14.0	14.0	-	15.0	-	12.5	-

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Tiếng Anh D1	-	-	14.0	-	15.5	-	15.0	-	14.0	-
Kế toán A	-	-	-	-	14.0	16.5	15.0	18.5	13.0	14.0
SP Tin A	-	-	-	-	14.0	18.5	15.0	-	13.0	-
SP Vật lý A	-	-	-	-	14.5	-	17.0	-	13.5	-
SP Hóa học A	-	-	-	-	15.5	-	18.0	-	14.5	-
SP Địa lý C	-	-	-	-	18.5	-	18.0	-	16.5	-
SP GD chính trị C	-	-	-	-	-	-	16.5	-	14.0	-
Chăn nuôi A	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	13.0	13.0
Chăn nuôi B							15.0	15.0	14.0	14.0
Bảo vệ thực vật A	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	13.0	13.0
Bảo vệ thực vật B	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	14.0	14.0
CNTT A	-	-	-	-	-	-	15.0	18.0	14.0	14.0
Quản trị kinh doanh A	-	-	-	-	-	-	15.0	17.5	14.0	14.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHTB chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú 3 năm trở lên tính đến ngày dự thi tại Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên và thí sinh thuộc KV1, KV2, KV2 - NT từ Hà Tĩnh trở ra và tuyển sinh các khối A, B, C, D1, M, T.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHTB được lấy theo ngành học.

- Thí sinh thi khối M không bị dị tật, dị hình, nói ngọng, nói lắp.

- Trường ĐHTB có một số chỉ tiêu đào tạo theo tín chỉ của các trường:

+ Đại học Bách khoa Hà Nội đào tạo và cấp bằng ngành Công nghệ thông tin.

+ Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội đào tạo và cấp bằng ngành Quản trị kinh doanh.

+ Đại học Nông nghiệp 1 đào tạo và cấp bằng ngành Bảo vệ thực vật.

- Nếu bạn không đủ điểm vào học hệ Đại học và có nguyện vọng sẽ được gọi vào học hệ Cao đẳng của trường.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHTB có xu hướng tăng nhanh từ năm 2002 đến nay. Năm 2006 số chỉ tiêu tăng gần gấp 4 lần chỉ tiêu năm 2002. Do đó nếu bạn có nguyện vọng vào trường thì sẽ có nhiều cơ hội hơn.

- Tỷ lệ "chơi" của Trường ĐHTB so với các trường đại học khác là rất cao (năm 2003 tỷ lệ "chơi" của trường lên tới 34 lấy 1) một vài năm gần đây đã có chiều hướng giảm xuống, tuy nhiên so với mặt bằng chung trường vẫn thuộc "top" cao.

- Điểm trúng tuyển của trường so với mặt bằng chung là không cao ở cả 2 NV, có rất nhiều ngành điểm trúng tuyển của trường chỉ bằng điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT ví dụ như năm 2006 các ngành: SP Giáo dục tiểu học khối C (14), Lâm sinh khối A (13) Kế toán khối A (13)... Do đó các học sinh có lực học trung bình, trung bình khá trở lên nếu có sự cố gắng thi không khó để trở thành sinh viên của trường. (Xem chi tiết bảng 2).

- Qua số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào Trường ĐHTB có biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Trụ sở: 171 Phan Đăng Lưu, Quận Kiến An, Hải Phòng

Điện thoại: 031.591042 - Website: <http://www.dhhp.edu.vn/>

- Trường Đại học Hải Phòng (ĐHHP) thành lập năm 2000, là trường đại học đa cấp, đa hệ, đa ngành.
- Trong số 455 cán bộ giảng viên, công nhân viên của Trường ĐHHP, có hơn 100 người có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Sư phạm Toán; 2) Ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; 3) Ngành Sư phạm Ngữ văn; 4) Ngành Sư phạm Tiếng Anh; 5) Ngành Sư phạm Tiểu học; 6) Ngành Sư phạm Giáo dục thể chất

Sinh viên học 6 ngành có tên ở trên được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự như là sinh viên các ngành này của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1.... Ngoài ra sinh viên của ĐH Hải Phòng còn được học một số môn học mang tính đặc thù của trường... để khi ra trường cử nhân các ngành *có khả năng* giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT...

Ngành Việt Nam học

Trường ĐH Hải Phòng đào tạo cho sinh viên ngành Việt Nam học không chỉ có *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như là sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1, mà ngoài ra ngành còn cung cấp một số môn học đặc thù của trường để sinh viên khi ra trường *có khả năng* nghiên cứu về đất nước và con người Việt Nam...

1) Ngành Tin học; 2) Ngành Cơ khí chế tạo máy

Khi học ngành Tin học hoặc ngành Cơ khí chế tạo máy ở Trường ĐH Hải Phòng sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Bách khoa, ĐH Giao thông vận tải.... Ra trường, sinh viên các ngành *có khả năng* làm việc độc lập tại các cơ quan, đơn vị sản xuất kinh doanh có hoạt động liên quan đến ngành đào tạo...

Ngành Toán

Ngành Toán trang bị cho sinh viên *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự khối kiến thức mà Trường ĐH KHTN cung cấp cho sinh viên khi theo học ngành cùng tên. Sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành Toán của Trường ĐH Hải Phòng cũng sẽ *có được khả năng* tư duy chính xác của toán học, tư duy những thuật toán, khả năng ứng dụng toán vào các lĩnh vực trong thực tế cuộc sống...

Ngành Kinh tế vận tải và dịch vụ

Đào tạo sinh viên ngành Kinh tế vận tải và dịch vụ không chỉ có **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên ngành này tại Trường ĐH Giao thông vận tải mà sinh viên của ĐH Hải Phòng còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập tại các cảng biển, cảng sông, các Cty vận tải đường bộ, đường hàng không...

Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Khi học ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Xây dựng, ĐH Hàng hải, ĐH Kiến trúc.... Ngoài ra sinh viên ngành này của Trường ĐH Hải Phòng còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, thi công, giám sát... các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp...

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Kế toán

Sinh viên học 2 ngành có tên trên được cung cấp ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, HV Ngân hàng... thì ngoài ra còn được học một số môn học đặc thù của trường... để sinh viên khi tốt nghiệp ra trường **có khả năng** nghiên cứu hoặc trực tiếp làm công tác Kế toán, nhà Quản trị tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp...

Ngành Văn học

Cử nhân ngành Văn học được trang bị **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG HN). Bên cạnh đó sinh viên ngành này của ĐH Hải Phòng còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường để sau khi học xong cử nhân ngành Văn học **có khả năng** cảm thụ được các tác phẩm văn học, có khả năng sáng tác, bình luận, đánh giá các tác phẩm...

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Nga; 3) Ngành Tiếng Trung

Các ngành Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Trung trang bị cho sinh viên **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG Hà Nội), ĐH Hà Nội... được trang bị. Không những thế sinh viên của Trường ĐH Hải Phòng còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giao tiếp bằng ngoại ngữ chuyên ngành như ngôn ngữ thứ 2 của mình, có khả năng giảng dạy ngoại ngữ cho mọi người...

1) Ngành Nông học; 2) Ngành Nuôi trồng thủy sản

Sinh viên khi theo học một trong 2 ngành có tên trên được cung cấp ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Nông nghiệp 1, thì còn được trang bị một số môn học mang tính đặc thù của trường... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh về nông nghiệp...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	235	21.242	1/90.3
2001	435	11.315	1/26.0
2002	700	6.835	1/9.7
2003	590	8.527	1/21.0
2004	800	6.846	1/8.5
2005	1.350	10.643	1/7.0
2006	1.300	13.611	1/10.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2*	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán học A	16.0	17.0	19.5	21.5	21.0	-	17.0	-	16.5	-
Xây dựng A	13.0	14.0	15.5	18.5	15.5	-	19.5	-	14.5	-
Cơ khí A	10.0	11.0	14.5	17.5	14.0	-	17.5	-	16.5	-
Quản trị kinh doanh A	10.5	11.5	10.5	13.5	14.0	14.0	15.5	-	15.0	-
SP Văn C	19.5	20.5	21.0	22.0	20.0	-	16.0	-	16.5	-
SP Tiếng Anh D1	25.0	26.0	26.5	29.5	22.5	-	22.0	-	22.5	-
Tin học (CNTT) A	13.0	14.0	14.0	17.0	14.0	14.0	15.0	20.0	13.0	-
SP KT công nghiệp A	8.0	9.0	11.5	14.5	14.0	14.0	-	-	13.0	14.5
Nông học A	12.0	13.0	16.5	19.5	14.0	14.0	-	-	13.0	13.0
Nông học B	12.0	13.0	16.5	19.5	15.0	15.0	15.0	18.0	14.0	14.0
Tiếng Anh D1	25.0	26.0	22.5	24.5	20.0	-	20.5	-	23.5	-
Tiếng Nga D1,2,4	13.0	14.0	12.5	13.5	21.0	14.0	14.0	17.0	13.0	22.5
SP Tiểu học D1	-	-	-	-	19.0	-	16.0	16.5	13.0	-
Kế toán A	-	-	-	-	14.0	-	18.5	-	17.5	-
Toán A	-	-	-	-	-	-	15.0	19.5	13.0	18.0
Nuôi trồng thủy sản B	-	-	-	-	-	-	15.0	19.0	14.0	14.0
Tiếng Trung D1	-	-	-	-	-	-	14.0	20.0	21.0	-
Tiếng Trung D4	-	-	-	-	-	-	14.0	20.0	13.0	-
Việt Nam học A	-	-	-	-	-	-	17.0	-	15.5	-
Văn học C	-	-	-	-	-	-	-	-	14.5	19.5
KT vận tải và DV A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	18.5
Nuôi trồng thủy sản A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
Việt Nam học D	-	-	-	-	-	-	-	-	14.5	-
SP Giáo dục thể chất T	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-

Ghi chú: - Trước năm 2004 trường có đào tạo ngành Sư phạm Địa lý và ngành Sư phạm Hóa học.

- * - Điểm trúng tuyển NV2 năm 2004 dành cho thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Các ngành ĐHSP, của Trường ĐHHP chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở Thành phố Hải Phòng. Các ngành không phải sư phạm tuyển sinh các khối A, B, C, D, khối năng khiếu và tuyển sinh trong cả nước.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHHP lấy theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Khối D môn Ngoại ngữ lấy hệ số 2. Các ngành khác lấy hệ số 1. Ngành Giáo dục thể chất tuyển sinh nam cao 1.65 cách mạng, nặng 45 kg; nữ cao 1.55cm, nặng 40 kg trở lên. Ngành sư phạm không tuyển thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

- Nếu bạn không đủ điểm vào học hệ Đại học và có nguyện vọng sẽ được trường gọi vào học hệ Cao đẳng Sư phạm trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh với các ngành: Lý - Hóa, Văn - Đoàn đội, Sử - Đoàn đội, Thể dục - Sinh, Nhạc, Họa, Mầm non.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHHP từ năm 2003 đến nay tăng nhanh tuy nhiên số lượng thí sinh ĐKDT vào trường lại có năm nhiều, năm ít so với chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" cao, thấp không ổn định: năm 2003 tỉ lệ "chọi" rất cao, đến năm 2004, 2005 giảm xuống, sang năm 2006 lại tăng lên chỉ bằng một nửa so với năm 2003 nhưng cũng ở mức khá cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của trường thuộc không cao so với mặt bằng chung hơn nữa 2 năm trở lại đây có xu hướng giảm xuống, vì thế nếu bạn có học lực trung bình trở lên nếu cố gắng sẽ trở thành sinh viên của Trường ĐHHP. (Xem bảng 2).

- Nếu so với điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT thì điểm trúng tuyển vào ĐHHP chỉ bằng hoặc cao hơn một chút. Điểm trúng tuyển vào ngành Sư phạm Toán (khối A) và Sư phạm Văn (khối C) là những ngành thường lấy điểm cao hơn những ngành khác (cùng khối). (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 đa số các ngành của trường so với điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT thì không phải là quá cao. Tuy nhiên cũng có một số ngành có điểm cao vượt trội (ví dụ như năm 2006 ngành Văn học lấy điểm trúng tuyển NV2 là 19.5 (khối C) và ngành Kinh tế vận tải và dịch vụ là 18.5 (khối A) ...). (Xem bảng 2).

- Từ năm 2005 Trường ĐHHP mở thêm hàng loạt những ngành học mới, cùng với chỉ tiêu tăng lên thì cơ hội để trở thành sinh viên của trường cho các bạn thí sinh cũng nhiều hơn.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Trụ sở: 307 Lê Lai, P.Đông Sơn, Tp. Thanh Hóa

Điện thoại: 037.910619, 037910222 - Website: <http://www.hdu.edu.vn/>

- Trường Đại học Hồng Đức (ĐHHĐ) thành lập năm 1997 là trường đại học đa ngành, đa cấp, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa.
- Trường ĐHHĐ hiện đang đào tạo các bậc: Trung học, Cao đẳng, Đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng viên trực tiếp giảng dạy của Trường ĐHHĐ gồm 554 người, trong đó cán bộ có trình độ trên đại học là 162 người, đạt 28% với 18 Tiến sĩ, 114 Thạc sĩ, 26 Bác sĩ chuyên khoa I...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Lịch sử; 2) Ngành Xã hội học; 3) Ngành Ngữ văn

Chương trình đào tạo các ngành Lịch sử, Xã hội học của Trường ĐH Hồng Đức không chỉ có **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành này của Trường ĐH KHTN mà còn cung cấp cho sinh viên một số môn học mang tính đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu về lịch sử đất nước và con người Việt Nam, có khả năng làm công tác điều tra xã hội học...

1) Ngành Chăn nuôi - Thú y; 2) Ngành Nuôi trồng thủy sản; 3) Ngành Nông học

Sinh viên học 3 ngành trên được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Nông nghiệp 1... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào trong sản xuất Nông - Lâm nghiệp...

1) Ngành Toán - Tin; 2) Ngành Vật lý

Khi học 2 ngành Toán - Tin, Vật lý sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên các ngành đó của Trường ĐH Tự nhiên... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường **có khả năng** làm công tác nghiên cứu ở các Viện, các TT. hoặc làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo.

1) Ngành Việt Nam học; 2) Ngành Sư phạm Tiếng Anh; 3) Ngành Sư phạm tiểu học; 4) Ngành Sư phạm mầm non; 5) Ngành Sư phạm Vật Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; 6. Ngành Địa lý.

Sinh viên học 6 ngành có tên ở trên được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

1) Ngành Hệ thống điện; 2) Kỹ thuật cơ khí

Ngành Hệ thống điện và Kỹ thuật cơ khí trang bị cho sinh viên **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên các ngành đó của Trường ĐH Bách khoa.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** giải quyết tốt được các vấn đề về cung, cấp điện, biết chế tạo, vận hành, sửa chữa các loại máy móc.

Ngành Công nghệ thông tin

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên ngành này tại Trường ĐH Công nghệ. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo các sản phẩm phần mềm, phần cứng của hệ thống máy tính...

Ngành Sư phạm Vật lý - Hóa

Khi học ngành Sư phạm Vật lý - Hóa sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

Ngành Lâm học

Sinh viên học ngành Lâm học được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên ngành này của Trường ĐH Lâm nghiệp. Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** quản lý, trồng, chăm sóc, và phát triển hệ thống rừng.

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Sinh viên học 2 ngành có tên ở trên được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, HV Ngân hàng... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu hoặc trực tiếp làm công tác Kế toán, nhà Quản trị tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	835	13.984	1/16.7
2003	1.040	18.973	1/18.0
2004	960	13.448	1/14.0
2005	1.300	14.144	1/10.0
2006	1.500	11.743	1/7.8

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	VN1	NV2
Sư phạm Toán A	17.5	19.0	22.0	25.0	22.5	-	24.5	-	-	-
Sư phạm Vật lý A	18.5	19.5	20.0	23.0	22.5	-	23.5	-	-	-
Sư phạm Hóa học A	19.0	20.5	21.5	24.5	22.5	-	24.5	-	-	-
Sư phạm Sinh B	21.5	22.5	21.0	23.0	23.5	11.0	23.0	-	-	-
Sư phạm Tiếng Anh D1	24.0	25.0	24.5	27.5	25.5	-	25.0	25.0	27.5	-
Tin học	13.5	15.5	17.5	20.5	16.5	-	20.0	20.0	13.0	-
Trồng trọt B	16.0	17.5	15.0	16.0	-	-	16.0	16.0	-	-
Kế toán A	13.5	14.5	-	-	17.0	-	19.5	-	16.0	-
Quản trị kinh doanh A	11.0	12.0	-	-	14.0	-	16.0	19.5	14.0	-
Chăn nuôi - Thú y B	15.0	16.5	-	-	15.0	15.0	17.0	17.0	14.0	-
Sư phạm Tiểu học D1	-	-	16.0	17.0	16.5	-	16.0	16.0	17.5	-
Nuôi trồng thủy sản B	-	-	15.0	16.0	-	15.5	15.0	17.0	14.0	-
Công nghệ sinh học B	-	-	17.5	20.5	-	18.5	20.0	20.0	-	-
Ngữ văn	-	-	15.0	18.0	-	-	16.5	19.0	14.5	-
Sư phạm Địa lý	-	-	20.0	22.0	-	-	20.0	-	-	-
Sư phạm Mầm non	-	-	-	-	-	-	15.5	-	16.0	-
XD Dân dụng và CN	-	-	-	-	-	-	21.0	23.0	21.0	-
XD Cầu đường	-	-	-	-	-	-	21.0	24.0	21.0	-
Hệ thống điện	-	-	-	-	-	-	16.5	21.0	-	-
Kỹ thuật Cơ khí	-	-	-	-	-	-	15.0	19.0	13.0	-
Chế biến nông sản B	-	-	-	-	-	-	16.0	16.0	-	-
Lịch sử	-	-	-	-	-	-	15.5	19.0	14.5	-
Viết Nam học	-	-	-	-	-	-	15.5	17.5	15.0	-
Lâm học B	-	-	-	-	-	-	15.0	17.0	14.0	-
Lâm học A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
Nông học A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
Nông học B	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-
Nuôi trồng thủy sản A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
Toán - Tin	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
Vật lý	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
Địa lý	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-
Xã hội học	-	-	-	-	-	-	-	-	16.0	-
SP Vật lý - Hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	20.5	-
SP Sinh - Kỹ thuật	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	-
Chăn nuôi - Thú y A	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-

Ghi chú: - Điểm NV2 năm 2004 ngành Sư phạm Sinh học chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Thanh Hóa, các ngành còn lại xét tuyển thí sinh từ Thừa Thiên - Huế trở ra.

- Trước năm 2004 trường có đào tạo các ngành: Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Bảo vệ thực vật, Điện tử viễn thông.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHHĐ chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa cho các ngành khối Sư phạm, các ngành khác thì tuyển các thí sinh ở các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế trở ra và tuyển sinh khối A, B, C, D1, M.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHHĐ lấy theo ngành.

- Hệ Cao đẳng và Trung học trường không tổ chức kỳ thi riêng mà xét điểm theo điểm kế cận của Đại học hoặc Cao đẳng của từng ngành trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.

- Ngành Sư phạm tiếng Anh môn tiếng Anh lấy hệ số 2, Sư phạm Mầm non, Thể dục - Công tác đội, môn năng khiếu hệ số 1, điểm tối thiểu môn năng khiếu 4.0. Ngành Thể dục - Công tác đội yêu cầu thể hình cân đối, nam cao 1,65 m, nặng 45 kg trở lên; nữ cao 1,55 m nặng 40 kg trở lên.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm có biểu đồ đi lên. (Xem bảng 1).

- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường các năm có sự xê dịch, riêng năm 2006 có giảm đi so với các năm trước nên tỉ lệ "chọi" cũng giảm. (Xem bảng 1).

- Nhìn vào bảng 2 ta thấy điểm trúng tuyển của các ngành có sự chênh lệch, các ngành đào tạo sư phạm thường lấy điểm cao hơn các ngành đào tạo cử nhân. Nhìn chung điểm trúng tuyển của năm 2005 cao hơn so với mấy năm trước nhưng năm 2006 thì lại có xu hướng giảm đi.

- Trường ĐHHĐ hàng năm thường liên kết đào tạo với các Trường ĐH khác do đó trường có rất nhiều ngành học mới được mở, nhất là từ năm 2005. (Xem chi tiết bảng 2).

- Qua các số liệu trên dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210. 820 042 - Fax: 0210. 820 042 - Website: <http://www.hvu.edu.vn/>

- Trường Đại học Hùng Vương được thành lập ngày 16/09/2003, là trường Đại học công lập, đa ngành, đa cấp, có nhiệm vụ đào tạo nhân lực cho tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận.
- Trường ĐH Hùng Vương hiện có khoảng 214 cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong đó cán bộ giảng dạy có trình độ Thạc sĩ trở lên chiếm trên 40% tổng số cán bộ, giáo viên...
- Trường ĐH Hùng Vương đào tạo các bậc: Trung cấp, Cao đẳng, Đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Sư phạm Toán; 2) Ngành Sư phạm Địa lý; 3) Ngành Sư phạm Tiếng Anh; 4) Ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học; 5) Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non

Sinh viên học 5 ngành có tên ở trên được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành, kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm* giống như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 1.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các Trung tâm.

Ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp

Đào tạo sinh viên ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp không chỉ có *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành, kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm* tương tự như sinh viên ngành của Trường ĐH Nông nghiệp 1. Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên *có khả năng* giảng dạy bộ môn này tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu.

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Kế toán

Sinh viên học 2 ngành có tên ở trên được cung cấp các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* tương tự như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, HV Ngân hàng... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên *có khả năng* nghiên cứu hoặc trực tiếp làm công tác Kế toán, nhà Quản trị tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp...

Ngành Tin học

Khi học ngành Tin học sinh viên sẽ được học những *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Xây dựng, ĐH Giao thông vận tải... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học đặc thù của

trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc được ở các đơn vị sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực Tin học.

1) Ngành Nông học (Ghép với ngành Lâm học); 2) Ngành Trồng trọt

Sinh viên học 2 ngành trên được cung cấp các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như là sinh viên các ngành này tại Trường ĐH Nông nghiệp 1... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị một số môn học đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng ngoài thực tế cuộc sống.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong mấy năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2005	500	5.914	1/11.0
2006	650	7.538	1/11.5

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2005		2006		Ngành	2005		2006
	NV1	NV2	NV1	NV2		NV1	NV2	NV1
SP KTN - KTCN - KTGT	15.0	17.0	13.0	13.0	SP Tiếng Anh	23.0	25.0	24.5
Tin học	15.0	19.0	13.0	16.0	SP Toán	21.5	-	18.0
QTKD	16.0	20.0	13.0	17.0	SP Địa	21.5	-	21.0
Kế toán	16.0	22.5	14.5	18.0	SP Mầm non	15.5	-	15.5
Trồng trọt	15.0	16.0	14.0	14.0	SP Tiểu học A	-	-	13.0
Nông-Lâm kết hợp	15.0	17.0	14.0	14.0	SP Tiểu học C	-	-	15.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Hùng Vương chỉ tuyển thí sinh các tỉnh phía Bắc, khoa Sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái, Lào cai, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hòa Bình và tuyển sinh các khối A, B, C, D1, M.

- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Hùng Vương lấy theo ngành học mà thí sinh đã ĐKDT.

- Ngành Sp Tiếng Anh, môn Tiếng Anh lấy hệ số 2. Sinh viên các ngành ngoài sư phạm phải đóng học phí và sẽ được học nghiệp vụ sư phạm (nếu có nguyện vọng).

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH Hùng Vương năm 2006 tăng 150 chỉ tiêu so với năm 2005. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường cũng tăng nên tỉ lệ "chơi" tăng lên nhưng không đáng kể. Tỉ lệ "chơi" của ĐH Hùng Vương nhìn chung khá cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của trường ở mức không quá cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT nhất là những ngành ngoài Sư phạm thường chỉ lấy bằng điểm sàn. Các ngành Sư phạm lấy điểm trúng tuyển cao hơn nhưng có sự xê dịch: điểm trúng tuyển năm 2006 thấp hơn so với năm 2005. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 có sự chênh lệch so với điểm trúng tuyển NV1, đặc biệt là năm 2005, có những ngành điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 từ 4.0 - 6.5 điểm như ngành: Kế toán (22.5/16.0), Quản trị kinh doanh (20.0/16.0), Tin học (19.0/15.0)... năm 2006 mức chênh lệch giảm xuống, có 1 số ngành chỉ lấy bằng NV1 và bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT như các ngành khối B:

Trồng trọt và Nông - Lâm kết hợp (14.0/14.0/14.0), ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp - Kỹ thuật công nghiệp - Kinh tế gia đình khối A (13.0/13.0/13.0)... (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển của trường so với một số trường khác là không cao lắm cho nên nếu bạn cố gắng bạn sẽ có nhiều cơ hội trở thành sinh viên của trường.

- Từ những số liệu trên dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT vào trường tiếp tục tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG

Trụ sở: 201B, phố Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847110 - Website: www.daihocphuongdong.edu.vn/

- Trường Đại học Dân lập Phương Đông (ĐHDLPĐ) được thành lập năm 1994, là một trong những trường đại học dân lập ra đời đầu tiên ở nước ta, là trường đại học đa ngành, đa loại hình với 19 ngành nghề đào tạo. Trường có liên kết với nhiều trường đại học và tổ chức hợp tác quốc tế.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường ĐHDLPĐ gồm 158 cán bộ, giáo viên cơ hữu và một đội ngũ đông đảo các cộng tác viên trong công tác giảng dạy là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Thạc sỹ.
- Trường ĐHDLPĐ đào tạo chính quy với các bậc đào tạo chính: Cao đẳng, Đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ thông tin có các chuyên ngành

*** Chuyên ngành Công nghệ phần mềm**

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Công nghệ phần mềm không chỉ có **kiến thức chung** thuộc Toán, Lý như: Toán rời rạc - Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Các phương pháp toán lý - Vật lý (nhiệt, điện quang, cơ học)... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Điện tử số - Hệ điều hành UNIX - Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng - Xử lý ảnh - Trí tuệ nhân tạo - Hệ điều hành - Thiết kế hệ thống số - Xử lý tín hiệu số - Điện tử cho công nghệ thông tin.... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phân tích và Thiết kế phần mềm - Xây dựng và Đánh giá phần mềm - Quản trị dự án phần mềm - An toàn thông tin - Tương tác người máy - Ngôn ngữ lập trình - Thiết kế cơ sở dữ liệu và Phân bố - Quản trị mạng - Hệ phân tán - Thiết kế trang Web - Visual basic - Anh văn chuyên ngành... khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo các sản phẩm phần mềm, các hệ thống tự động...

*** Chuyên ngành Quản trị mạng**

Chuyên ngành Quản trị mạng trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về Toán, Lý tương tự như sinh viên chuyên ngành Công nghệ phần mềm, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật số - Vi mạch điện tử - Lý thuyết tín hiệu... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vi xử lý và Assembler - Cấu trúc máy tính - Cơ sở dữ liệu - Hệ điều hành phân tán - Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Microsof Access - Ngoại vi và Giao diện - An toàn thông tin trên mạng - Ngôn ngữ hình thức và Automat hữu hạn - Phân tích thiết kế HT - Ngôn ngữ lập trình C, C++ - Lập trình hướng đối tượng - Lý thuyết mạng cơ bản - Visual Basic - Thiết kế WAN - Thiết kế trang Web - Truyền dữ liệu trên mạng và Internet... sau khi tốt nghiệp **có khả năng** thiết kế, phát triển hệ thống máy tính cả phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo hệ thống các sản phẩm phần mềm, Internet.

*** Chuyên ngành An toàn thông tin**

Khi học chuyên ngành An toàn thông tin sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Toán, Lý giống như sinh viên chuyên ngành Công nghệ phần mềm, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật số - Vi mạch điện tử - Lý thuyết tín hiệu - Mạng nơron - Mạng máy tính - Phân tích thiết kế hệ thống - Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Automat hữu hạn - Microsof Access - Ngôn ngữ Java - Ngôn ngữ truy vấn SQL - Lý thuyết độ phức tạp thuật toán - Visual Basic... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: An toàn thông tin mạng - Các hệ thống bảo mật dữ liệu - Virus và Phòng chống Virus - Bảo mật cơ sở dữ liệu - Bảo mật thông tin đường truyền - Xử lý ảnh và ứng dụng trong bảo mật - Bảo trì mạng - Dữ liệu Multimedia - Kỹ thuật nén dữ liệu... để khi tốt nghiệp sinh viên có **kiến thức và kỹ năng** về nghiên cứu, khai thác truyền tải, bảo mật các thông tin bằng hệ thống công nghệ hiện đại.

*** Chuyên ngành Công nghệ viễn thông**

Sinh viên học chuyên ngành Công nghệ viễn thông được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý tương tự như sinh viên chuyên ngành Công nghệ phần mềm, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Cơ sở kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật số và Vi mạch - Lý thuyết tín hiệu - Mạng truyền số liệu, Internet - Kỹ thuật xung - Lý thuyết mạch... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nguyên lý điều khiển tự động - Cấu trúc máy tính - Thiết kế hệ vi xử lý + Thiết bị ngoại vi - Xử lý số tín hiệu và Lọc số - Điện tử công suất - Đo lường - An toàn thông tin và Độ tin cậy - Cơ sở của hệ thống kỹ thuật viễn thông - Mạng và Quản trị mạng - Tiếng Anh chuyên ngành... để khi ra trường **có khả năng** khai thác, thiết kế và nghiên cứu phát triển hệ thống trong lĩnh vực Công nghệ viễn thông.

*** Chuyên ngành Công nghệ điện tử số**

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Công nghệ điện tử số không chỉ có **kiến thức chung** thuộc Toán, Lý giống như là sinh viên chuyên ngành Công nghệ phần mềm, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kỹ thuật điện và Ứng dụng - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật số - Lý thuyết tín hiệu - Mạng truyền số liệu, Internet - Tri tuệ nhân tạo... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật xung - Lý thuyết mạch - Nguyên lý điều khiển tự động - Vi xử lý - Cấu trúc máy tính - Xử lý số tín hiệu và Lọc số - Mô hình hóa và Mô phỏng - Kỹ thuật đo lường - An toàn thông tin và Độ tin cậy - Lý thuyết truyền tin và Mã - Mạng và Quản trị mạng... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm công việc khai thác, thiết kế, phát triển hệ thống điện tử, xử lý được các vấn đề phát sinh trong thực tế cuộc sống có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ thông tin (CNTT), Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và CNTT, Viện Ứng dụng công nghệ; TT. Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT. Giao dịch công nghệ, các TT. Thông tin trực thuộc các Tổng cục, Bộ...
- + Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục CNTT và Thống kê hải quan; Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và CNTT, Cục Ứng dụng CNTT; Vụ Công nghiệp CNTT, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...
- + Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, TCT Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...
- + Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Công nghệ Thông tin.

Ngành Công nghệ sinh học và Môi trường có các chuyên ngành:

* *Chuyên ngành Công nghệ sinh học về cây trồng*

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Công nghệ sinh học về cây trồng không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, B như: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Sinh học... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Công nghệ enzym và protein - Công nghệ tế bào - Đất và Dinh dưỡng cây trồng - Công nghệ AND và Kỹ thuật di truyền - Giống và Công nghệ sản xuất giống cây trồng.... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ trồng hoa, cỏ và cây cảnh - Công nghệ trồng và Chế biến lương thực thực phẩm - Môi trường và Quy hoạch cây xanh đô thị - Cây ăn quả - Cây nguyên liệu (chè, cà phê, thuốc lá, bông, cao su) - Chăn nuôi đại cương - Công nghệ sản xuất và Chế biến dược liệu - Công nghệ bảo quản và Chế biến lương thực thực phẩm - Trang trại và Nuôi trồng thủy sản... học ngành này sinh viên sẽ **có các kỹ năng** làm thực hành, thực nghiệm, thu thập mẫu, sử dụng các phương pháp thí nghiệm hiện đại của Công nghệ sinh học...

* *Chuyên ngành Công nghệ sinh học về vật nuôi*

Chuyên ngành Công nghệ sinh học về vật nuôi trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối A,B giống như là sinh viên chuyên ngành Công nghệ sinh học về cây trồng, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành là: Di truyền động vật - Lý sinh - Vi sinh vật học - Sinh lý động vật - Hòa sinh động vật - Công nghệ vi sinh - Công nghệ enzym và protein - Công nghệ tế bào động vật - Công nghệ AND và Kỹ thuật di truyền - Giống và Công nghệ sản xuất giống cây trồng... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ vaccin tái tổ hợp - Kỹ sinh trùng - Công nghệ sinh sản động vật - Dược học - Miễn dịch học - Thức ăn và Dinh dưỡng vật nuôi - Công nghệ bảo quản và Chế biến sản phẩm vật nuôi - Môi trường và Trang trại... học ngành này sinh viên sẽ có các kỹ năng làm thực hành, thực nghiệm, thu thập mẫu, sử dụng các phương pháp thí nghiệm hiện đại của Công nghệ sinh học...

*** Chuyên ngành Quản lý môi trường**

Khi học chuyên ngành Quản lý môi trường sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự sinh viên chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH KHTN. Học xong chương trình này sinh viên cũng sẽ **có khả năng** xử lý, phân loại, đánh giá ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí...

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ sinh học có thể công tác tại:

- + Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Dâu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi Quốc gia...
- + Các Trung tâm: TT. Công nghệ sinh học thực vật, TT. Môi trường sinh học nông nghiệp, TT. Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT. Phân tích ADN và Công nghệ di truyền...
- + Các Cục: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật...
- + TCT Da - Giấy Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Lâm nghiệp Việt Nam, TCT Giấy Việt Nam... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Cty Mía đường Lam Sơn, Cty Dâu thực vật - Hương liệu - Mỹ phẩm Việt Nam, Các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...
- + Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và Ngành nghề nông thôn... tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ sinh học.

Ngành Điện có các chuyên ngành:

1) Chuyên ngành Điện - điện tử

Khi học chuyên ngành Điện - điện tử sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối A: Đại số - Phương trình vi phân - Vật lý - Hóa học... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Khí cụ điện - Đo lường điện - Truyền động điện - Điện tử công suất - Máy điện - Vật liệu điện và Kỹ thuật cao áp - An toàn điện và Cung cấp điện - Lý thuyết điều khiển tự động - Kỹ thuật số và ứng dụng - Kỹ thuật vi xử lý - Điều khiển quá trình... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cảm biến trong đo lường và điều khiển - Hệ thống điều khiển tự động - Kỹ thuật truyền số liệu - Độ tin cậy của hệ thống - Vi xử lý - Kỹ thuật Audio và Video tương tự - Tự động hóa quá trình công nghệ + ĐAMH - Hệ thống SCADA - Robot... và một số môn học tự chọn để bổ trợ kiến thức cho ngành: Điện tử công nghiệp - Giải tích mạch và Mô phỏng trên máy tính... để khi tốt nghiệp sinh viên có **kiến thức và kỹ năng** về nghiên cứu, thiết kế và khai thác các lĩnh vực có liên quan.

2) Chuyên ngành Hệ thống điện; 3) Chuyên ngành Tự động hóa

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Hệ thống điện, Tự động hóa của Trường ĐHDL Phương Đông ngoài các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành, cũng như sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Điện lực... Tốt nghiệp các chuyên ngành này sinh viên có **kiến thức và kỹ năng** về nghiên cứu, thiết kế và khai thác các công trình sản xuất truyền tải, phân phối và cung cấp điện năng...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Điện có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, TT. Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT. Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện ...

+ Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tấn số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, TCT Thiết bị kỹ thuật điện... và các công ty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại các Sở như: Sở Điện lực, Sở Công nghiệp... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Điện.

1) Ngành Kiến trúc; 2) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 3) Ngành Xây dựng cầu đường; 4) Ngành Cấp thoát nước

Sinh viên học ngành các ngành có tên trên của Trường ĐHDL Phương Đông được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như các ngành, chuyên ngành cùng tên của các trường: ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Xây dựng Hà Nội... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** kết hợp các yếu tố con người - xã hội - thiên nhiên để tổ chức môi trường không gian kiến trúc, quy hoạch nói chung...

Ngành Cơ - điện tử

Sinh viên học ngành Cơ - điện tử được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cũng giống như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp (ĐH Thái Nguyên)... để sau khi học xong chương trình sinh viên ĐHDL Phương Đông cũng sẽ có **kiến thức và kỹ năng** về nghiên cứu, thiết kế và khai thác các lĩnh vực có liên quan.

Ngành Quản trị kinh doanh

* **Chuyên ngành Quản trị văn phòng**

Chuyên ngành Quản trị văn phòng trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Quy hoạch tuyến tính - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Khoa học quản lý... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Thống kê doanh nghiệp - Kinh tế lượng - Tài chính doanh nghiệp - Phân tích và Quản lý dự án đầu tư - Phân tích kinh doanh... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quản trị văn phòng - Nghiệp vụ thư ký - Nghiệp vụ văn phòng - Kỹ năng soạn thảo văn bản - Quản trị thông tin văn phòng - Quản lý hành chính Nhà nước - Quản trị nhân sự - Kế toán hành chính sự nghiệp.... sinh viên khi ra trường sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh, có khả năng tạo lập một doanh nghiệp mới. Hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường, có khả năng giao tiếp quốc tế...

*** Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp**

Tương tự chương trình đào tạo các chuyên ngành có cùng tên trên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Hà Nội), Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Kinh tế quốc dân... sinh viên khi theo học các chuyên ngành này của ĐHDL Phương Đông cũng được trang bị bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành thì còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp...

*** Chuyên ngành Quản trị du lịch**

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Quản trị du lịch không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản, mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành, không những thế còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH Thương mại... để sau khi ra trường, sinh viên **có khả năng** giới thiệu về đất nước con người Việt Nam với du khách, có khả năng tư vấn, hoạch định chính sách trong các doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực du lịch...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể công tác tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, TT. Tư vấn Quản lý và Đào tạo...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, công ty, tổng công ty trên địa bàn toàn quốc: TCT Xây dựng, TCT Điện tử và Tin học Việt Nam, Tập đoàn Dệt - May Việt Nam...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Tài chính - Ngân hàng

Khi học ngành Tài chính - Ngân hàng sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế và các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành cùng tên của Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính. Sau khi tốt nghiệp cử nhân Tài chính - Ngân hàng **có thể** vận dụng vào công tác quản lý hệ thống ngân hàng và hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, có thể lập và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia...

Ngành Kế toán có các chuyên ngành:

*** Chuyên ngành Kế toán - Tin**

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Kế toán - Tin không chỉ có **kiến thức chung** thuộc Toán, nhóm ngành Kinh tế: Đại số & Hình giải tích - Giải tích - Xác suất thống kê - Quy hoạch tuyến tính - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Khoa học quản lý... mà còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành: Kinh tế vi mô - Kinh tế chính trị Mac, Lênin - Kinh tế vĩ mô - Lý thuyết tài chính - Lý thuyết kế

toán - Luật Kinh tế - Kinh tế lượng - Lý thuyết thống kê - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính quốc tế - Thanh toán và Tín dụng quốc tế - Phân tích kinh doanh - Tiếng Anh chuyên ngành.... Ngoài ra còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tổ chức công tác kế toán - Kế toán tài chính doanh nghiệp - Lý thuyết kiểm toán - Kế toán quản trị doanh nghiệp - Kế toán ngân hàng - Tín dụng cao - Kỹ thuật lập trình - Hệ thống thông tin - Cơ sở dữ liệu - Phần mềm kế toán - Thương mại điện tử... để sau này sinh viên **có khả năng** làm việc được ở các đơn vị sản xuất kinh doanh.

*** Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán**

Sinh viên học chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành thì còn được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên khi theo học chuyên ngành cùng tên của Học viện Tài chính, Trường ĐH Kinh tế quốc dân... được trang bị. Học xong chương trình này sinh viên **có khả năng** tổ chức, điều hành công tác kiểm toán, tiền lương, hóa đơn... ở các doanh nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán sinh viên có thể làm tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế; Cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...

+ Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại các Sở ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Các cơ quan, nhà máy xí nghiệp, công ty, TCT trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên khắp các lĩnh vực: TCT Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, TCT Điện lực Việt Nam, TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam, TCT Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn... và các đơn vị trực thuộc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các Trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kế toán.

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Pháp; 3) Ngành Tiếng Nga; 4) Ngành Tiếng Trung; 5) Ngành Tiếng Nhật; 6) Ngành Tiếng Đức

Khi học ngành Tiếng Đức sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối D giống như là sinh viên các ngành Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Ngữ âm, Ngữ nghĩa, Ngữ pháp tiếng Đức - Văn học Đức - Giao văn hóa... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ năng nói - Kỹ năng viết - Đọc hiểu - Nghe hiểu - Phiên dịch - Biên dịch - Dịch (Đức - Việt, Việt - Đức)... khi ra trường sinh viên **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Đức như ngôn ngữ thứ 2 của mình có khả năng giảng dạy tiếng Đức cho mọi người.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.500	9.287	1/6.1
2003	1.500	8.151	1/5.4
2004	1.500	8.099	1/5.3
2005	1.500	6.400	1/4.2
2006	1.500	6.092	1/4.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào một số ngành trong trường.

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Kiến trúc	19.0	-	22.5	-	18.0	18.0	20.0	-	19.0	-
Tin học (CNTT)*	12.0	14.0	12.0	13.0	14.0	16.5	15.0	18.0	13.0	14.0
Xây dựng DD&CN	12.0	15.0	12.0	15.0	14.0	20.0	15.0	16.0	13.0	14.0
XD Cầu đường	11.0	13.0	12.0	15.0	14.0	18.5	15.0	16.0	13.0	14.0
Cơ - Điện tử	10.0	11.0	12.0	13.0	14.0	15.5	15.0	16.0	13.0	14.0
Công nghệ sinh học A	12.0	14.0	12.0	14.0	14.0	16.0	15.0	17.5	13.0	14.0
Công nghệ sinh học B	15.0	18.0	13.0	16.0	15.0	20.5	15.0	17.5	14.0	15.0
Quản trị doanh nghiệp A	14.0	15.0	12.0	15.0	14.0	-	15.0	18.0	13.0	17.5
Quản trị doanh nghiệp D _{1,2,3,4}	16.0	19.0	15.0	18.0	14.0	-	14.0	18.0	14.0	18.0
Quản trị du lịch A	12.0	14.0	12.0	15.0	14.0	-	15.0	18.0	13.0	15.5
Quản trị du lịch D _{1,2,3}	15.0	17.0	15.0	18.0	14.0	-	14.0	18.0	14.0	16.0
Quản trị văn phòng A	12.0	14.0	12.0	15.0	14.0	-	15.0	18.0	13.0	-
Quản trị văn phòng D	16.0	18.0	15.0	18.0	14.0	-	14.0	18.0	14.0	-
Quản trị du lịch C	17.0	19.0	18.0	21.0	15.0	-	-	-	16.0	-
Quản trị văn phòng C	17.0	19.0	17.0	19.0	15.0	-	-	-	16.0	-
Quản trị văn phòng B	15.0	17.0	15.0	16.0	15.0	-	-	-	-	-
Quản trị doanh nghiệp B	16.0	18.0	15.0	17.0	15.0	-	-	-	-	-
Quản trị du lịch B	16.0	18.0	15.0	17.0	15.0	-	-	-	-	-
Nga - Nga/Anh	-	-	17.0	21.0	18.0	-	-	-	-	-
Anh - Anh	-	-	17.0	21.0	18.0	24.0	18.0	20.0	18.0	22.0
Trung - Anh	-	-	17.0	21.0	18.0	23.5	18.0	20.0	18.0	21.0
Nhật - Anh	-	-	17.0	21.0	18.0	23.0	18.0	20.0	18.0	21.5
Môi trường A	-	-	12.0	14.0	14.0	15.0	15.0	17.5	-	-
Môi trường B	-	-	13.0	16.0	15.0	19.5	15.0	17.5	-	-
Đức - Anh	-	-	17.0	21.0	18.0	21.0	18.0	19.0	-	-
Pháp - Pháp/Anh	-	-	17.0	21.0	18.0	23.0	18.0	19.0	-	-
Tài chính - Tín dụng A	-	-	14.0	17.0	16.0	-	-	-	13.0	-
Tài chính - Tín dụng D _{1,2,3,4}	-	-	16.0	19.0	16.0	-	-	-	14.0	-
Kế toán A	-	-	14.0	17.0	16.0	-	-	-	13.0	-
Kế toán D _{1,2,3}	-	-	16.0	19.0	16.0	-	-	-	14.0	-

Ghi chú: - * - Năm 2004 điểm trúng tuyển NV2 chuyên ngành Kỹ thuật điện tử số (thuộc ngành Công nghiệp thông tin) là 15.0 điểm.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDLPĐ tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh khối A, B, C, D₁, D₂, D₃, D₄, V.
- Trường ĐHDLPĐ xét điểm trúng tuyển theo khối ngành. Đối với các ngành chuyên ngữ, môn ngoại ngữ lấy hệ số 2.
- Nếu bạn không đủ điểm vào hệ Đại học và có nguyện vọng sẽ được trường gọi vào học hệ Cao đẳng với các ngành: Tin học, Quản trị du lịch, Kế toán, Tiếng Anh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2002 đến nay rất ổn định. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có xu hướng giảm dần nên tỉ lệ "chọi" cũng giảm tuy không nhiều song so với mặt bằng chung thí tỉ lệ này của trường không cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường hàng năm có sự thay đổi và so với mặt bằng chung thí điểm của trường không phải là cao. Cũng tương tự như một số trường dân lập khác Trường ĐHDLPĐ thường lấy điểm trúng tuyển NV1 bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Vì vậy nếu bạn thực sự cố gắng sẽ không khó để trở thành sinh viên của trường. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 tuy không nhiều nhưng so với các trường dân lập khác thí điểm trúng tuyển NV2 của Trường ĐHDLPĐ vẫn ở mức nhỉnh hơn. Đây cũng là điểm mà bạn cần lưu ý khi đăng ký NV2 vào trường. (Xem chi tiết bảng 2 các trường).

- Những ngành mà trường Đại học dân lập Phương Đông đào tạo đều là những ngành xã hội đang cần nên khi ra trường bạn có rất nhiều cơ hội tìm việc làm. Hơn nữa có rất nhiều ngành nghề đào tạo mà sau khi tốt nghiệp đại học ở trường này bạn có quyền thi cao học như sinh viên tất cả các trường công lập khác.

- Năm 2007 trường không tổ chức thi nên các bạn có nguyện vọng muốn được trở thành sinh viên của trường phải ĐKDT qua trường đại học khác theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP THĂNG LONG

Trụ sở: Phường Khương Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04.5634626; 8587346 - Website: <http://www.thanglong.edu.vn/>

- Trường Đại học Dân lập Thăng Long (ĐHDLT) là trường dân lập đào tạo bậc đại học đầu tiên tại Việt Nam được thành lập ngày 09/8/1994 tiền thân là TT. Đại học dân lập Thăng Long.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP THĂNG LONG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Mạng máy tính và viễn thông

Sinh viên ngành mạng máy tính và viễn thông được trang bị **kiến thức chung** về Toán: Giải tích - Đại số tuyến tính - Thống kê - Giải tích trong kinh tế - Phương trình vi phân - Lý thuyết thuật toán... các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cấu trúc dữ liệu - Kỹ thuật số - Cấu trúc máy - Lập

trình hệ thống - Hợp ngữ - Hệ điều hành - Hệ điều hành UNIX - Lý thuyết mạng - Phân tích hệ thống thông tin - Kỹ thuật lập trình... đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: An toàn mạng - Thiết kế và Quản trị mạng - Truyền dẫn và Chuyển mạch số ứng dụng kỹ thuật vi xử lý - Công nghệ truyền dẫn quang thông tin di động và vệ tinh - Kỹ thuật truyền tin - Dao động, sóng và quang - Thông tin di động và Vệ tinh... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** tác nghiệp tại các đơn vị sử dụng lao động.

Ngành Công nghệ thông tin

Trên nền các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên khi theo học ngành Công nghệ thông tin của ĐHDL Thăng Long sẽ được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, để trên cơ sở đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên ngành cùng tên tại Trường ĐH Công nghệ. Học xong chương trình sinh viên ngành Công nghệ thông tin **có khả năng** lập trình, phân tích thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai hệ thống...

Ngành Toán - Tin ứng dụng

Cũng giống như sinh viên ngành Toán - Tin ứng dụng của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, sinh viên ngành này của ĐHDL Thăng Long cũng sẽ được đi vào học **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, ngoài ra còn được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** để sau khi ra trường, sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng Toán - Tin vào thực tế công tác...

Ngành Hệ thống thông tin quản lý

Tương tự chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường ĐH Bách khoa, chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHDL Thăng Long cũng bao gồm không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, cùng **kiến thức cơ bản** về ngành, còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** để sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ **có khả năng** làm việc trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý, kinh doanh, kế toán tài chính, văn phòng, quản lý các dữ kiện của cơ quan, công ty bằng máy tính...

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Tài chính - Ngân hàng; 3) Ngành quản trị kinh doanh

Nội dung chương trình đào tạo 3 ngành có tên trên của Trường ĐHDL Thăng Long cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính.... Sinh viên khi theo học 1 trong ba ngành này sẽ được cung cấp bên cạnh những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, trên cơ sở đó sẽ đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** để sau khi ra trường, cử nhân các ngành đều **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Pháp; 3) Ngành Tiếng Nhật

Sinh viên khi học 1 trong ba ngành ngoại ngữ có tên trên của Trường ĐHDL Thăng Long sẽ không chỉ được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng ngoại ngữ mà mình theo học, mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch. Khi ra trường sinh viên các ngành **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch ngoại ngữ chuyên ngành ở các cơ quan, các ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước...

Ngành Cử nhân điều dưỡng

Cũng tương tự chương trình đào tạo ngành Cử nhân điều dưỡng ở Trường ĐH Y Hà Nội, chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHDLT Thăng Long cũng trang bị cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, bên cạnh rất nhiều **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi học xong chương trình cử nhân ngành này **có khả năng** tham gia quản lý, nghiên cứu khoa học về điều dưỡng...

Ngành Công tác xã hội

Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường ĐHDLT Thăng Long tương tự như ngành cùng tên của Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn. Sinh viên theo học ngành này được cung cấp bên cạnh **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành, thì còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi ra trường cử nhân ngành Công tác xã hội **có khả năng** giải quyết các vấn đề xã hội, phát hiện các vấn đề cũng như tiềm năng ở cộng đồng, huy động và liên kết người dân trong cộng đồng để giải quyết các vấn đề có liên quan, đồng thời có khả năng tham gia hay điều hành các dự án phát triển...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.000	1.681	1/1.5
2000	1.000	2.308	1/2.3
2001	1.000	3.600	1/3.6
2002	1.000	2.846	1/2.8
2003	1.000	963	1/0.9
2004	1.000	1.200	1/1.2
2005	1.000	1.830	1/1.8
2006	1.000	1.914	1/1.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

Khối	1999	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
D1 / D3	16.0	18.0	20.0	21.5	20	21.0	15.0	17.5	15.0	17.0	14.0	17.0
A	-	-	-	-	15.0	16.0	15.0	17.5	16.0	18.0	14.0	17.0
Tiếng Anh (D1)	-	-	-	-	-	-	-	22.0	20.0	22.0	19.0	21.0
Tiếng Pháp (D3)	-	-	-	-	-	-	-	22.0	20.0	22.0	19.0	21.0
C	-	-	-	-	-	-	-	17.5	-	17.0	15.0	17.0
B	-	-	-	-	-	-	-	17.5	-	18.0	15.0	17.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDLT tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1,3.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐHDLT xét theo khối, ngành mà thí sinh đã ĐKDT. Các ngành Ngoại ngữ môn ngoại ngữ nhân hệ số 2.

2. Một số chú ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDLT hàng năm rất ổn định song số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không nhiều nên tỉ lệ "chọi" so với mặt bằng chung rất thấp. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHDLT nhìn chung không cao, chỉ bằng hoặc cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT 1.0 điểm. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 trung bình từ 1.0 - 3.0 điểm. So với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển NV2 của trường cũng cao hơn tuy không nhiều song so với điểm trúng tuyển NV2 của một số trường dân lập khác thì mức điểm của Trường ĐHDLT là một thách thức lớn nhưng thực tế cho thấy nếu thí sinh khi ĐKDT vào trường mà không đạt được mức điểm theo quy định chung thì vẫn khó có khả năng trở thành sinh viên của ĐHDLT. Đây là điểm mà bạn cần lưu ý nếu đăng ký NV2 vào trường.

- Nhìn chung điểm của Trường ĐHDLT không cao lắm, chính vì vậy nếu các bạn có sự cố gắng, các bạn rất có khả năng trở thành sinh viên của trường.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào ĐHDLT có biến động nhưng không đáng kể.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐÔNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 8 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 7719961 / 7719963

- Trường Đại học dân lập Đông Đô thuộc Bộ GD&ĐT, được thành lập ngày 3/10/1994 theo quyết định số 534/TTG của Thủ tướng Chính phủ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐÔNG ĐÔ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Kiến trúc; 2) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Sinh viên học ngành các ngành có tên trên của Trường ĐHDLT Phương Đông được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như các ngành, chuyên ngành cùng tên của các trường: ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Xây dựng Hà Nội... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** kết hợp các yếu tố con người - xã hội - thiên nhiên để tổ chức môi trường không gian kiến trúc, quy hoạch nói chung...

Ngành Văn hóa du lịch

Cũng giống như sinh viên ngành Văn hóa du lịch của Trường ĐH Văn hóa Hà Nội, sinh viên theo học ngành này của Trường ĐHDLT Đông Đô cũng sẽ được nhà trường tạo điều kiện cho học ngoài **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, còn được cung cấp **kiến thức cơ bản**

về ngành, đồng thời còn được trang bị ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... để sau khi tốt nghiệp cử nhân Văn hóa du lịch ***có khả năng*** kết hợp các yếu tố con người - xã hội - thiên nhiên để tổ chức môi trường không gian kiến trúc, quy hoạch nói chung...

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Quản trị du lịch; 3) Ngành Tài chính - Tín dụng

Nội dung chương trình đào tạo 3 ngành có tên trên của Trường ĐHDL Đồng Đò cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Thương mại, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính.... Sinh viên khi theo học 1 trong ba ngành này sẽ được cung cấp bên cạnh những ***kiến thức chung*** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, còn được học ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, trên cơ sở đó sẽ đi sâu nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** để sau khi ra trường, cử nhân các ngành đều ***có khả năng*** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

Ngành Công nghệ thông tin

Trên nền các ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên khi theo học ngành Công nghệ thông tin của ĐHDL Đồng Đò sẽ được cung cấp ***kiến thức cơ bản*** về ngành, để trên cơ sở đó sẽ được đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** tương tự như sinh viên ngành cùng tên tại Trường ĐH Công nghệ. Học xong chương trình sinh viên ngành Công nghệ thông tin ***có khả năng*** lập trình, phân tích thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai hệ thống...

1) Ngành Thông tin học; 2) Ngành Điện tử viễn thông; 3) Ngành Công nghệ môi trường

Chương trình đào tạo 3 ngành có tên trên của trường ĐHDL Đồng Đò cũng tương tự như chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin, ngành Điện tử viễn thông, ngành Công nghệ môi trường của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội. Sinh viên sẽ được học không chỉ có ***kiến thức chung*** về khối Khoa học Tự nhiên, ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, mà còn được học ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** để sau khi ra trường, sinh viên các ngành sẽ ***có khả năng*** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

Ngành Quan hệ quốc tế

Trường ĐHDL Đồng Đò trang bị cho sinh viên ngành Quan hệ quốc tế ngoài ***kiến thức chung*** về khối Khoa học Tự nhiên, ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, còn có ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... tương tự khối kiến thức mà sinh viên Trường Học viện Quan hệ quốc tế trang bị cho sinh viên ngành này. Ra trường, cử nhân Quan hệ quốc tế ***có khả năng*** làm các công việc về đối ngoại và hợp tác quốc tế tại các Bộ, ban, ngành, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, mặt khác còn có khả năng nghiên cứu và giảng dạy về quan hệ quốc tế tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo...

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Trung; 3) Ngành Tiếng Pháp

Sinh viên khi học 1 trong ba ngành ngoại ngữ có tên trên của Trường ĐHDL Đồng Đò sẽ không chỉ được cung cấp ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng ***kiến thức cơ bản*** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng ngoại ngữ mà mình theo học, mà còn được trang bị ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về nghiệp vụ biên, phiên dịch giống như sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐH Hà Nội. Khi ra trường sinh viên các ngành ***có khả năng*** về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch ngoại ngữ chuyên ngành ở các cơ quan, các ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 29A, ngõ 124, phố Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 04.6336507 - Fax: 04.6336506 - Website: <http://hubm.edu.vn/>

- Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội thành lập năm 1996 đến ngày 15/09/2006 trường đổi tên thành Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (ĐH KD&CN HN).
- Trường ĐH KD&CN HN đào tạo chính quy các bậc: Trung cấp, Cao đẳng, Đại học thạc sĩ...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Tài chính - Ngân hàng; 3) Ngành Kế toán; 4) Ngành Thương mại

Nội dung chương trình đào tạo 4 ngành có tên trên của Trường ĐH KD&CN HN cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính, ĐH Thương mại.... Sinh viên khi theo học 1 trong bốn ngành này sẽ được cung cấp bên cạnh những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, trên cơ sở đó sẽ đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi ra trường, cử nhân các ngành đều **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

Tin học (Công nghệ phần mềm)

Cũng giống như sinh viên chuyên ngành Công nghệ phần mềm của trường ĐH Bách khoa Hà Nội, sinh viên khi theo học ngành này của Trường ĐH KD&CN HN cũng không chỉ được học **kiến thức chung** dành cho Toán, Lý mà còn được học **kiến thức cơ bản** về ngành Tin học, bên cạnh khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Tốt nghiệp ngành này sinh viên **có khả năng** thiết kế, phát triển hệ thống máy tính cả phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo hệ thống các sản phẩm phần mềm, lập trình các trang web, các hệ thống tự động.

1) Ngành Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử; 2) Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Trên nền các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên khi theo học các ngành có tên trên của ĐH KD&CN HN sẽ được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, để trên cơ sở đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành cùng tên tại Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội. Học xong chương trình sinh viên các ngành sẽ **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

1) Ngành Tiếng Anh kinh doanh; 2) Ngành Tiếng Trung

Sinh viên khi học 1 trong hai ngành ngoại ngữ có tên trên của Trường ĐH KD&CN HN sẽ không chỉ được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng ngoại ngữ mà mình theo học, mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch giống như sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐH Hà Nội. Khi ra trường sinh viên các ngành **có khả năng** giao tiếp ngoại ngữ chuyên ngành như ngôn ngữ thứ hai của mình, đặc biệt là khả năng ứng dụng vào trong các hoạt động kinh doanh...

Ngành Du lịch

Chương trình đào tạo ngành Du lịch của Trường ĐH KD&CN HN tương tự như ngành cùng tên của Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn. Sinh viên theo học ngành này được cung cấp bên cạnh **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành, thì còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi ra trường cử nhân ngành Du lịch **có khả năng** nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn du lịch...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	1.000	3.445	1/3.4
2001	1.400	5.337	1/3.8
2002	1.400	3.940	1/2.8
2003	1.400	3.713	1/2.7
2004	1.500	4.767	1/3.1
2005	1.500	4.786	1/3.0
2006	1.600	4.876	1/3.0

Bảng 2.a. Điểm trúng tuyển vào trường.

Khối	2001	2002		2003		2004		2005	
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
A	16.5	10.0	11.0	12.0	13.0	14.0	15.5	15.0	15.0
D	16.5	10.0	11.0	13.0	14.0	14.0	15.5	14.0	14.0
C	-	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0

Bảng 2.b. Điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành năm 2006

Danh sách ngành	Quản trị kinh doanh; Kế toán; Tài chính – Ngân hàng	Thương mại; Tiếng Trung; Tiếng Anh; Du lịch; Công nghệ thông tin; Cơ - Điện tử; Điện - Điện tử
Điểm trúng tuyển	16.0	13.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH KD&CN HN tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh các khối A, D, và C.
- Điểm trúng tuyển được lấy theo khối mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH KD&CN HN các năm gần đây tăng lên. Số thí sinh ĐKDT vào trường không biến động theo một quy luật nhất định nào. Năm 2002 số thí sinh ĐKDT vào trường giảm 27% so với năm 2001 do qui chế tuyển sinh mới. Từ năm 2003 đến nay số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng dần lên nhưng không nhiều nên tỉ lệ "chọi" của trường vẫn ở mức độ tương đối thấp so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Qua bảng 2 ta thấy điểm trúng tuyển của trường hàng năm không cao so với mặt bằng chung và chỉ ở mức bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT vì thế nếu bạn thực sự cố gắng thì khả năng có thể trở thành sinh viên của trường là rất lớn. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 chênh lệch so với NV1 không nhiều, chỉ ở mức bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển NV1 từ 1.0 - 1.5 điểm. (Xem bảng 2).

- Từ dữ liệu 2 bảng trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tiếp tục tăng nhưng không đáng kể.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

Trụ sở: P. Dư Hàng Kênh, Q. Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại: 031.740577 - Website: www.hpu.edu.vn/

- Trường Đại học Dân lập Hải Phòng (ĐHDLHP) thành lập năm 1997, là cơ sở đào tạo hệ chính quy dài hạn tập trung 4 năm (bằng tốt nghiệp cử nhân, kỹ sư nằm trong hệ thống văn bằng Quốc gia).
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy bao gồm cán bộ cơ hữu của nhà trường và các Giáo sư, Phó-Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ được mời từ các trường đại học lớn ở Hà Nội và các trường đại học ở Hải Phòng.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Cử nhân điều dưỡng

Cũng tương tự chương trình đào tạo ngành Cử nhân điều dưỡng ở Trường ĐH Y Hà Nội, chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHDLHP cũng trang bị cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, bên cạnh rất nhiều **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi học xong chương trình cử nhân ngành này **có khả năng** tham gia quản lý, nghiên cứu khoa học về điều dưỡng...

Ngành Công nghệ thông tin

Trên nền các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên khi theo học ngành Công nghệ thông tin của ĐHDLP sẽ được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, để trên cơ sở đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên ngành cùng tên tại Trường ĐH Công nghệ. Học xong chương trình sinh viên ngành Công nghệ thông tin **có khả năng** lập trình, phân tích thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai hệ thống...

1) Ngành Kỹ thuật công trình (*Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Chuyên ngành cấp thoát nước*); 2) Ngành Kỹ thuật môi trường (*Chuyên ngành Xây dựng cầu đường; Chuyên ngành Xây dựng và Quản lý đô thị*)

Sinh viên học các ngành có tên trên của Trường ĐHDLP được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như các ngành, chuyên ngành cùng tên của các trường: ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Xây dựng Hà Nội, ĐH Hàng hải... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** kết hợp các yếu tố con người - xã hội - thiên nhiên để tổ chức môi trường không gian kiến trúc, quy hoạch nói chung...

Ngành Công nghệ hóa (Hóa dầu)

Cũng giống như sinh viên chuyên ngành Công nghệ hóa dầu của trường ĐH Bách khoa Hà Nội, sinh viên khi theo học ngành này của Trường ĐHDLP cũng không chỉ được học **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản mà còn được học **kiến thức cơ bản** về ngành, bên cạnh khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Tốt nghiệp ngành này sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực có liên quan chuyên ngành đào tạo.

1) Ngành Công nghệ chế biến và Bảo quản thực phẩm; 2) Ngành Kỹ thuật nông nghiệp (Kỹ sư công thôn)

Ngoài các **kiến thức chung** dành cho khối A, B thì sinh viên khi học các ngành có tên trên của Trường ĐHDLP còn được học những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như khối kiến thức mà Trường ĐH Nông nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên các ngành cùng tên. Sinh viên sau khi học xong các ngành này sẽ **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào trong các hoạt động của sản xuất, kinh doanh nông - lâm nghiệp...

Ngành Quản trị kinh doanh

Nội dung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐHDLP cũng giống như chương trình đào tạo ngành cùng tên tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính.... Sinh viên khi theo học ngành này sẽ được cung cấp bên cạnh những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, trên cơ sở đó sẽ đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi ra trường, cử nhân các ngành đều **có khả năng** nghiên cứu, phân tích, so sánh những vấn đề trong thực tế sản xuất kinh doanh; có kỹ năng tiếp cận, xử lý một cách tương đối độc lập các vấn đề kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh...

Ngành Văn hóa du lịch

Cũng giống như sinh viên ngành Văn hóa du lịch của Trường ĐH Văn hóa Hà Nội, sinh viên theo học ngành này của Trường ĐHDLP cũng sẽ được nhà trường tạo điều kiện cho

học ngoài **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp cử nhân Văn hóa du lịch **có khả năng** tổ chức môi trường không gian kiến trúc, quy hoạch nói chung...

1) Ngành Tiếng Anh (dịch); 2) Ngành Tiếng Trung (dịch)

Sinh viên khi học 1 trong hai ngành ngoại ngữ có tên trên của Trường ĐHDLP sẽ không chỉ được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng ngoại ngữ mà mình theo học, mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch giống như sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐH Hà Nội. Khi ra trường sinh viên các ngành **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch ngoại ngữ chuyên ngành ở các cơ quan, các ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước...

Ngành Kỹ thuật điện - điện tử

Trên nền các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên khi theo học các ngành có tên trên của ĐHDLP sẽ được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, để trên cơ sở đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên các ngành cùng tên tại Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội. Học xong chương trình sinh viên các ngành sẽ **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực điện - điện tử vào thực tế công tác...

Bảng điểm trúng tuyển vào các ngành và chỉ tiêu đào tạo của trường

Ngành	2002	2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Tin học (Công nghệ thông tin) A	10.0	13.0	-	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Điện dân dụng và công nghiệp A	10.0	13.0	13.0	15.0	15.0	15.0	16.0	13.0	13.0
Điện tử viễn thông A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Xây dựng dân dụng và công nghiệp A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	16.0	13.0	13.0
Xây dựng cầu đường A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Công nghệ hóa dầu A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Công nghệ thực phẩm A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Công nghệ thực phẩm B	12.0	15.0	15.0	15.0	16.0	15.0	15.0	14.0	14.0
Kỹ thuật môi trường A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Kỹ thuật môi trường B	12.0	15.0	15.0	15.0	17.0	15.0	15.0	14.0	14.0
Kỹ thuật nông nghiệp A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	-
Kỹ thuật nông nghiệp B	12.0	13.0	13.0	15.0	15.0	15.0	15.0	14.0	-
Kế toán - Kiểm toán A	10.0	13.0	13.0	15.0	16.5	15.0	17.5	15.5	15.5
Kế toán - Kiểm toán D1,3,4	12.0	16.0	16.0	14.0	16.5	14.0	17.5	15.5	15.5
Quản trị doanh nghiệp A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Quản trị doanh nghiệp D1,3	12.0	16.0	16.0	14.0	15.5	14.0	14.0	13.0	13.0
Quản trị du lịch văn phòng A	10.0	13.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Quản trị du lịch văn phòng D1,3	12.0	16.0	16.0	14.0	15.0	14.0	14.0	13.0	13.0
Văn hóa du lịch C	12.0	17.0	17.0	14.0	17.0	14.0	15.5	14.0	14.0
Văn hóa du lịch D1,3	12.0	17.0	17.0	14.0	17.0	14.0	17.5	13.0	13.0
Tiếng Anh D1	12.0	16.0	16.0	14.0	17.0	14.0	14.0	13.0	13.0
Tiếng Trung D1,4	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0
Chỉ tiêu	1.500	1.500		1.500		1.500		1.500	

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDLHP không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của các thí sinh đã thi khối A, B, C, D1, D3, D4 vào các trường đại học trong cả nước có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào trường.

- Bằng tốt nghiệp của Trường ĐHDLHP nằm trong hệ thống văn bằng Quốc gia. Nếu tốt nghiệp trường này bạn có thể thi cao học như các trường công lập khác.

- Nếu bạn không đủ điểm vào học hệ Đại học và có nguyện vọng sẽ được trường gọi vào học hệ Cao đẳng với các ngành: Lý - Hoá, KTCN, GD&ĐT - Địa, Hoá - Địa, Nhạc - Sử, Thể dục - Sinh, Mầm non, Tiểu học.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDLHP từ năm 2002 đến nay rất ổn định.

- Điểm trúng tuyển của trường tăng lên qua các năm. Điều đó cho thấy chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng lên. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 thường bằng hoặc cao hơn NV1 là 1.0 điểm nên mức điểm này so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cũng như so với mặt bằng chung là không cao. (Xem bảng 2).

- Qua bảng 2 bạn có thể thấy cả điểm trúng tuyển NV1 và NV2 của Trường ĐHDLHP chỉ thuộc diện "top" trung bình vì thế nếu bạn thực sự cố gắng thì sẽ không khó khăn để trở thành sinh viên của trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP LƯƠNG THẾ VINH

Địa chỉ: Phường Lộc Vượng, Tp.Nam Định, tỉnh Nam Định.

Điện thoại: (0350) 680186.

- Trường Đại học dân lập Lương Thế Vinh được thành lập ngày 05/12/2003.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP LƯƠNG THẾ VINH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Cơ khí; 2) Ngành Điện

Cũng giống như sinh viên các chuyên ngành cùng tên trên của trường ĐH Bách khoa Hà Nội, sinh viên khi theo học ngành này của Trường ĐHDLLTV cũng không chỉ được học **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản mà còn được học **kiến thức cơ bản** về ngành, bên cạnh khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Tốt nghiệp các ngành này sinh viên cũng sẽ **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực có liên quan đến ngành cơ khí hoặc ngành điện...

Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

(Xin xem phần chi tiết tại Trường ĐH Xây dựng, Đại học Hàng hải, Đại học Kiến trúc)

Sinh viên khi theo học ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp của Trường ĐHDLLTV được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như sinh viên cùng tên của các trường: ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Xây dựng Hà Nội, ĐH Hàng hải... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, thi công các công trình xây dựng nói chung và xây dựng dân dụng, công nghiệp nói riêng...

1) Ngành Nuôi trồng thủy sản; 2) Ngành Thú y

Ngoài các **kiến thức chung** dành cho khối A, B thì sinh viên khi học các ngành có tên trên của Trường Đại học Dân lập Lương Thế Vinh (ĐHDLLTV) còn được học những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như khối kiến thức mà Trường ĐH Nông nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên các ngành cùng tên. Sinh viên sau khi học xong các ngành này sẽ **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào trong các hoạt động có liên quan đến nuôi trồng thủy sản và ngành Thú y...

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Quản trị kinh doanh; 3) Ngành Ngân hàng - Tài chính

Nội dung chương trình đào tạo 3 ngành có tên trên của Trường ĐHDLLTV cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính.... Sinh viên khi theo học 1 trong ba ngành này sẽ được cung cấp bên cạnh những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, trên cơ sở đó sẽ đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi ra trường, cử nhân các ngành đều **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, ngân hàng...

Ngành Tin học

Cũng giống như chương trình đào tạo ngành Tin học của Trường ĐH Giao thông vận tải, Đại học Nông nghiệp 1... chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHDLLTV cũng bao gồm **kiến thức chung** về Toán, Lý và **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... Tốt nghiệp ngành này, sinh viên cũng sẽ **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực có hoạt động liên quan đến Tin học...

Ngành Việt Nam học

Tương tự như sinh viên ngành Việt Nam học của Trường ĐHSP Hà Nội 1, sinh viên ngành Việt Nam học của ĐHDLLTV cũng được trang bị khối **kiến thức chung** về Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, bên cạnh các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi học xong, cử nhân Việt Nam học **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

Ngành Tiếng Anh

Sinh viên khi học ngành Tiếng Anh của Trường ĐHDLLTV sẽ không chỉ được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng Anh, mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch giống như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Hà Nội. Khi ra trường cử nhân ngành Tiếng Anh **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch ngoại ngữ chuyên ngành ở các cơ quan, các ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước...

Bảng điểm trúng tuyển vào các ngành và chỉ tiêu tuyển sinh 2 năm gần đây

Ngành	2005		2006		Ngành (mới)	2006	
	NV1	NV3	NV1	NV2		NV1	NV2
Tin học A/D ₁	15	15	13	13	T.chính ngân hàng A/D	13	13
Xây dựng A	15	15	13	13	Kế toán B	14	14
Cơ khí A	15	15	13	13	Quản trị kinh doanh B	14	14
Điện A	15	15	13	13	Tài chính ngân hàng B	14	14
Nuôi trồng TS A/B/D _{1,2,3}	15/15/14	15/15/14	13/14/13	13/14/13	Việt Nam học C	13	13
B. Vệ thực vật A/B/D _{1,2,3}	15/15/14	15/15/14	13/14/13	13/14/13	Việt Nam học D	13	13
Thú y A/B/D _{1,2,3}	15/15/14	15/15/14	13/14/13	13/14/13	Nuôi trồng thủy sản D ₄	13	13
Kế toán A/D _{1,2,3}	15/14	15/14	13	13	Bảo vệ thực vật D ₄	13	13
QT kinh doanh A/D _{1,2,3}	15/14	15/14	13	13	Thú y 4	13	13
Tiếng Anh D ₁	14	14	14	14	Kế toán D ₄	13	13
Chỉ tiêu toàn trường	1.100		1.200		Quản trị kinh doanh D ₄	13	13

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDLLTV tuyển sinh trong cả nước, trường không thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh dự thi khối A, B, C, D_{1,2,3} theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển.
- Điểm trúng tuyển được lấy theo ngành học mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

Nhìn bảng số liệu trên bạn có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng lên.

- Điểm trúng tuyển của trường không cao, chỉ bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT. So với mặt bằng chung thì điểm trúng tuyển vào trường chỉ thuộc diện trung bình. Bạn muốn trở thành sinh viên của trường sẽ không khó khăn lắm nếu bạn thực sự cố gắng.

- Năm 2005 Trường không xét tuyển NV2 nhưng có xét tuyển NV3, năm 2006 lại xét tuyển NV2, tuy nhiên điểm trúng tuyển NV2, NV3 đều bằng NV1 và bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

Địa chỉ: 2A, đường Bạch Đằng, phường Minh Khai, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0321.515592 / 515587/ 515557

- Trường Đại học Chu Văn An được thành lập ngày 08/6/2006, là cơ sở đào tạo đại học đa ngành của tỉnh Hưng Yên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN SẼ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ thông tin

Trên nền các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên khi theo học ngành Công nghệ thông tin của ĐH Chu Văn An sẽ được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, để trên cơ sở đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên ngành cùng tên tại Trường ĐH Công nghệ. Học xong chương trình sinh viên ngành Công nghệ thông tin **có khả năng** lập trình, phân tích thiết kế, xây dựng, quản lý và triển khai hệ thống...

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Kế toán

Nội dung chương trình đào tạo 2 ngành có tên trên của Trường ĐH Chu Văn An cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên tại Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính.... Sinh viên khi theo học 1 trong hai ngành này sẽ được cung cấp bên cạnh những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, trên cơ sở đó sẽ đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi ra trường, cử nhân các ngành đều **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Trung Quốc

Sinh viên khi học ngành Tiếng Anh, ngành Tiếng Trung Quốc của Trường ĐH Chu Văn An sẽ không chỉ được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng **kiến thức cơ bản** về ngôn ngữ, văn hóa và tiếng ngoại ngữ chuyên ngành, mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về nghiệp vụ biên, phiên dịch giống như sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Hà Nội. Khi ra trường cử nhân các ngành **có khả năng** về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận nhiệm vụ biên, phiên dịch ngoại ngữ chuyên ngành ở các cơ quan, các ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Địa chỉ: số 15B đường Phạm Hùng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7687717 – Website: <http://www.fpt.edu.vn/>

- Đại học FPT được thành lập ngày 08/9/2006, là cơ sở đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao chuyên ngành CNTT và các nhóm ngành khác có liên quan.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT SẼ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Khoa học máy tính; 2) Ngành Kỹ thuật máy tính; 3) Ngành Kỹ thuật phần mềm

Cũng giống như sinh viên các chuyên ngành cùng tên trên của trường ĐH Bách khoa Hà Nội, sinh viên khi theo học ngành này của Trường ĐH FPT cũng không chỉ được học **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản mà còn được học **kiến thức cơ bản** về ngành, bên cạnh khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Tốt nghiệp các ngành này sinh viên cũng sẽ **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực có liên quan đến ngành Tin học...

PHẦN II

MỘT SỐ LỜI KHUYÊN

1. Chọn khối để đăng ký dự thi
2. Chọn trường trong nhóm ngành
3. Chọn ngành trong khối trường
4. Chọn ngành trong trường
5. Chọn cơ sở đào tạo
6. Chọn trường theo khu vực địa lý
7. Chọn mô hình đào tạo
8. Đăng ký nguyện vọng
9. Để làm bài thi tốt
10. Hướng dẫn trả lời câu
trắc nghiệm nhiều lựa chọn
11. Trước ngày thi
12. Khi vào phòng thi
13. Khi làm bài thi
14. Khi biết kết quả thi
15. Khi trúng tuyển

- Mỗi thí sinh khi ĐKDT vào các trường đại học đều có chung một ước muốn - trở thành sinh viên. Song chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường đại học chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nguyện vọng của thí sinh.

- Làm thế nào để được trở thành sinh viên là bài toán không dễ có lời giải. Trên thực tế, một số học sinh có lực học "tương đối" hay học ở các trường "chuyên", lớp "chọn" thi đại học vẫn không trúng tuyển. Ngược lại, một số bạn có học lực trung bình lại được "đăng hoàng" trở thành sinh viên.

- Việc lựa chọn, đăng ký trường thi, khối thi, ngành hoặc chuyên ngành thi và việc lựa chọn đăng ký các nguyện vọng cũng là một điều vô cùng quan trọng, nó quyết định đến việc "trúng tuyển" hay "không trúng tuyển", là "sinh viên" hay không là "sinh viên" của các bạn.

- Đối với các bạn thí sinh không thuộc diện có học lực xuất sắc để được trở thành sinh viên là điều không phải dễ dàng gì, chúng tôi xin mạnh dạn "**hiến**" một số "**mẹo**" được rút ra từ kinh nghiệm giảng dạy, quản lý và nghiên cứu quá trình đào tạo tuyển sinh của các trường đại học và cao đẳng.

1. Chọn khối để ĐKDT:

Đây là việc đầu tiên các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh phải làm ngay từ những năm đầu khi học phổ thông trung học. Có các khối thi: A, B, C, D và khối Năng khiếu. Mỗi khối thi gồm 3 môn.

Khối A: Toán, Lý, Hóa.

Khối B: Toán, Hóa, Sinh.

Khối C: Văn, Sử, Địa.

Khối D: Toán, Văn, Ngoại ngữ.

Khối Năng khiếu: 1 hoặc 2 môn văn hóa và môn Năng khiếu. (Môn năng khiếu này tùy thuộc vào từng trường quy định với những môn thi cụ thể).

- Trong các khối trường, có trường tuyển sinh một khối nhưng cũng có trường tuyển sinh cả 5 khối việc các trường tuyển sinh các khối thi khác nhau là do chức năng nhiệm vụ, khả năng, năng lực đào tạo của từng trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

+ Các trường tuyển 1 khối: Đại học Giao thông Vận tải, Đại học Thủy lợi, Đại học Mỏ - Địa chất, Học viện Tài chính kế toán, Đại học Hà Nội, Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Đại học Mỹ thuật công nghiệp, Đại học Hàng hải, Đại học Dược Hà Nội, Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, Học viện Ngân hàng, Học viện Kỹ thuật mật mã, Đại học Y Hà Nội, Đại học Y tế công cộng...

+ Các trường tuyển sinh 2 khối: Đại học Ngoại thương, Đại học Nông nghiệp 1, Đại học Xây dựng, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Bách khoa (Hà Nội), Học viện Hành chính quốc gia, Đại học Khoa học tự nhiên (Hà Nội - Tp.HCM), Học viện Báo chí tuyên truyền...

+ Các trường tuyển sinh 3 khối: Đại học Công đoàn, Đại học Lao động - Xã hội, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Kiến trúc Hà Nội...

+ Trường tuyển sinh cả 4 khối như các trường: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, Viện Đại học Mở Hà Nội...

+ Trường tuyển sinh cả 5 khối như các trường: Đại học Hải Phòng, Đại học Hồng Đức, Đại học Hùng Vương, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Tây Bắc, Đại học Vinh, Đại học Cần Thơ, Đại học Quy Nhơn, Đại học Sư phạm Tp.HCM...

Mỗi khối thi đều có nhiều trường tuyển sinh song tùy nhu cầu xã hội, điều kiện cơ sở vật chất và nội dung đào tạo mà chỉ tiêu tuyển sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiều hay ít.

Do vậy, các bạn cần tìm hiểu kỹ khối mình ĐKDT thi có bao nhiêu trường, với số chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và điểm trúng tuyển hàng năm là bao nhiêu, khối thi đó có phù hợp với mình hay không? Qua so sánh đối chiếu năng lực học tập của bản thân với các tiêu chí trên bạn sẽ có sự lựa chọn hợp lý nhất.

2. Chọn trường trong nhóm ngành:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo của các trường có thể phân thành các nhóm ngành sau:

- + Nhóm ngành Sư phạm
- + Nhóm ngành Khoa học Tự nhiên
- + Nhóm ngành Khoa học Nhân văn
- + Nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh
- + Nhóm ngành Ngoại ngữ
- + Nhóm ngành Y- Dược
- + Nhóm ngành Khoa học Xã hội
- + Nhóm ngành Công nghệ thông tin
- + Nhóm ngành Kỹ thuật
- + Nhóm ngành Công nghệ
- + Nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy sản
- + Nhóm ngành Văn hóa - Nghệ thuật

Chọn khối trường thi cũng là công việc phải làm từ những năm đầu khi học phổ thông trung học. Khi đã chọn được khối ĐKDT, khối trường dự định thi, các bạn có thể tìm hiểu về chỉ tiêu, về số lượng thí sinh ĐKDT hàng năm của khối thi, khối trường thi đó để so sánh tỉ lệ "chọi", điểm trúng tuyển cao hay thấp, (xem các bảng 1, 2 tại các trường cụ thể). Điều đó sẽ giúp bạn biết lượng sức mình và cố gắng trong học tập để tránh tình trạng **"nước đến chân mới nhảy"**.

Chỉ tiêu tuyển sinh khối A bao giờ cũng cao hơn các khối khác, song số lượng thí sinh ĐKDT khối này cũng đông nhất.

Qua số liệu tuyển sinh mấy năm gần đây cho thấy, trong 12 nhóm ngành chia như trên, điểm trúng tuyển thường cao và tập trung vào một số ngành như Y, Dược, Sư phạm, Công nghệ thông tin, ngoại thương...

- + Đây là những nghề được xã hội đề cao và tôn trọng.
- + Khi ra trường được phân công công tác (có điều kiện xin được việc làm ngay).

- + Môi trường các trường này trong sạch, làm yên lòng các bậc phụ huynh.
- + Sinh viên không phải đóng học phí trong quá trình học.
- + Sinh viên học các khối này, khi ra trường thường sẽ được làm đúng ngành nghề đã được đào tạo.

Mỗi khối trường, có nhiều trường cùng đào tạo điểm trúng tuyển cũng rất khác nhau cùng khối kỹ thuật nhưng có trường điểm trúng tuyển bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT qui định nhưng có trường cao hơn điểm sàn từ 1 đến 2 điểm, có trường lại cao hơn từ 5 đến 10 điểm (xin xem bảng điểm tại các trường)

Chỉ tiêu đào tạo của các trường thông thường năm sau cao hơn năm trước, mức độ dễ dễ hay khó đây là cách đánh giá của từng người, nếu khó thì điểm sẽ không cao, nếu dễ thì nhiều điểm cao.

Mức độ chênh lệch điểm trúng tuyển của các trường thường khá lớn dẫn đến hiện tượng thi sinh có học lực giỏi nhưng thi đại học lại không đỗ trong khi thi sinh có học lực trung bình khá lại đỗ nếu chọn đúng trường, đúng ngành (xem chi tiết bảng 1, 2 ở các trường).

Điều đó cho thấy, các bạn phải xem điểm trúng tuyển của các trường cùng khối mình thi để lựa chọn trường cho phù hợp với khả năng của bản thân. Đừng mạo hiểm! Hãy chọn trường mà bạn thấy khả năng đỗ đến với bạn nhiều hơn.

3. Chọn ngành trong khối trường:

Khi chọn ngành thì bạn cần lưu ý những điều sau:

- + Chọn ngành phù hợp với năng lực, sở trường, sức học của bản thân.
- + Chọn ngành mà xã hội đang cần hay tương lai sẽ cần.
- + Chọn ngành phù hợp với khả năng, điều kiện của gia đình (nghề nghiệp truyền thống của gia đình).

Việc lựa chọn ngành thì dựa vào ba yếu tố trên sẽ giúp bạn phát huy được những tố chất sẵn có đã được thừa hưởng từ gia đình, phát huy được năng lực, những sở trường từ chính bản thân, và điều đặc biệt là khi tốt nghiệp ra trường bạn sẽ nhanh chóng tìm được một công việc phù hợp bởi vì ngành nghề mà bạn lựa chọn chính là các ngành "Hot". Ví dụ: nếu bạn là người có óc thực tế tức là người có tính tự lập, dễ thích nghi, năng động, biết vận hành máy móc, thiết bị, làm các công việc thủ công, tiếp xúc với thiên nhiên, thích làm các công việc thực hành, thấy được kết quả trong công việc, làm việc ngoài trời... thì ngành nghề thích hợp với bạn chính là những ngành kỹ thuật, nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, dầu khí, giao thông vận tải, quản lý đất đai, môi trường, điều khiển máy móc thiết bị, cảnh sát, thể dục thể thao; hay nếu bạn là người có đầu óc phân tích, tổng hợp, điều tra, phân loại tính lô gíc, khả năng giải quyết vấn đề, thích tìm hiểu khám phá, quan sát, phản ánh nghiên cứu tổ chức công việc... bạn nên chọn những ngành như toán học, công nghệ thông tin, y dược, thống kê, khảo cổ, kinh tế học...

Một ngành có thể được đào tạo ở nhiều trường, vì vậy trước hết phải tìm được các trường có đào tạo ngành mà bạn yêu thích (Kèm theo các yếu tố về trường như trường có bề dày truyền thống, lịch sử, có uy tín, chất lượng đào tạo, có đội ngũ giáo viên giảng dạy giàu kinh nghiệm...). Sau đó phải chú ý đến tỉ lệ "chọi" và điểm trúng tuyển vào các ngành đó. Nếu sức học của bạn không giúp cho bạn tự tin lắm trong khi bạn vẫn muốn được học ngành mình yêu thích thì bạn nên chọn trường có đào tạo ngành đó nhưng tỉ lệ "chọi" và điểm chuẩn thấp hơn những trường khác. Điểm chuẩn vào cùng một ngành ở các trường có sự chênh lệch. Ví dụ:

Bảng 1.a: Ngành điện tử viễn thông

Trường	2002		2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
HVCNBưu chính VT	1/9.2	22.0	1/14	23.0	1/8.7	23.0	1/10.2	25.5	1/11	24.0
ĐH CN (ĐHQGHN)	1/6.6	19.5	1/4.9	22.5	1/4.3	20.5	1/8.6	26.5	1/4.7	21.0
ĐH GTVT Tp.HCM	1/11.2	14.0	1/12	17.5	1/8	18.0	1/5.7	18.5	1/7.4	17.5
ĐH Hàng Hải	1/12.8	15.0	1/11.1	16.5	1/9	16.5	1/7.7	20.5	1/6.7	17.5

Bảng 1.b: Ngành Công nghệ thông tin (khối A) ở một số trường/khoa

Trường	2004	2005	2006
Đại học Công nghệ (ĐHQG Hà Nội)	23.5	25.5	25.0
Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	22.0	25.5	22.5
Đại học Bách khoa (ĐHQG Tp.HCM)	21.0	25.5	22.5
Đại học Vinh	15.0	17.5	16.5
Đại học Giao thông vận tải Tp.HCM	17.0	17.5	16.0
Đại học Mở - Địa chất	15.0	20.0	15.0
Khoa Công nghệ thông tin (ĐH Thái nguyên)	15.5	17.0	14.0
Đại học Nông lâm Tp.HCM	15.0	17.0	14.0
Đại học Sư phạm (ĐH Đà Nẵng)	15.5	15.0	13.5

Bảng 2: Bảng so sánh điểm các ngành cao nhất của Khoa Kinh tế

(Quốc gia Hà Nội, Quốc gia TPHCM, ĐH Huế)

Trường	2002	2003	2004	2005	2006
ĐH Quốc gia Hà Nội	21.0	20.0	20.0	25.5	21.0
ĐH Quốc gia Tp.HCM	13.0	20.0	15.5	21.5	21.5
ĐH Huế	15.5	19.5	23.5	21.5	18.5

Có một điều mà các bạn cần lưu ý với chức năng, nhiệm vụ riêng của mỗi trường ngoài những phần cơ bản giống nhau, mỗi trường đều có những mục tiêu đào tạo riêng của mình. Ví dụ ngành Công nghệ thông tin có nhiều trường cùng đào tạo: Bách khoa, Khoa học Tự nhiên, Thủy lợi, Sư phạm, Viện Đại học Mở... nhưng Bách khoa, Thủy lợi, Viện Đại học Mở... lại đào tạo chuyên sâu hơn về mặt ứng dụng, còn Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Sư phạm... lấy tên ngành ở mục lục lại đào tạo thiên về mặt nghiên cứu lý thuyết... Hay ngành Quản trị kinh doanh cũng có nhiều trường cùng đào tạo như: Đại học Quốc gia, Kinh tế quốc dân, Ngoại thương, Thương mại, Thái Nguyên... nhưng Đại học Quốc gia Đại học Thái nguyên... thì thiên về nghiên cứu lý thuyết, còn Kinh tế quốc dân, Thương mại, Ngoại thương... lại chuyên sâu về ứng dụng. Các cơ quan tuyển dụng hiện nay hay xem xét đến mặt uy tín và chất lượng trường bạn được đào tạo cũng như là trường đó đào tạo thiên về mặt nào vì vậy khi lựa chọn ngành bạn cũng nên chú ý.

Tóm lại, tùy vào lực học của bạn, bạn nên lựa chọn ngành nghề và trường cho phù hợp để đảm bảo khả năng đỗ cho mình.

4. Chọn ngành trong trường:

Đối với trường lấy điểm chuẩn theo ngành, có 4 yếu tố chính để quyết định điểm chuẩn:

*** Số lượng thí sinh ĐKDT.**

Nếu số thí sinh ĐKDT đồng, tỉ lệ "chơi" cao nghĩa là mức độ loại lớn thí sinh thường kéo theo điểm trúng tuyển cao, ví dụ: Trường Đại học Công đoàn

Ngành	2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
Bảo hộ lao động	1/11.5	15.0	1/14.1	15.5	1/20.5	18.0	1/15.2	15.0
Quản trị KD (A)		15.0		14.5		17.5		16.0
Quản trị KD (D)		17.5		17.0		17.0		17.5
Xã hội học		20.5		17.5		20.0		17.5
Công tác xã hội		-		20.5		21.0		18.5

*** Chất lượng học tập của thí sinh ĐKDT**

Chất lượng học tập của các thí sinh dự thi cũng là một trong những yếu tố quyết định điểm chuẩn của ngành cao hay thấp. Ví dụ:

Trường	Ngành	2004		2005		2006	
		Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
ĐH KHTN (ĐHQG HN)	Toán - Tin ứng dụng	1/9.11	23.5	1/3.71	24.0	1/3.25	19.5
	Công nghệ sinh học B	1/15.28	26.0	1/13.96	26.0	1/12.96	23.0
ĐH Bách khoa (ĐHQG Tp.HCM)	Công nghệ thông tin	1/6.06	21.0	1/7.17	25.5	1/4.73	22.5
	Công nghệ Hóa - Thực phẩm	1/3.26	22.0	1/5.17	26.5	1/2.62	21.0
ĐH Dược Hà Nội	Dược sĩ	1/4.0	23.5	1/6.8	27.5	1/3.7	23.5
ĐH Y Hà Nội	Bác sĩ đa khoa	1/13.0	27.5	1/8.0	25.5	1/6.1	23.5
	Bác sĩ Y học cổ truyền	1/13.0	26.5	1/13.0	24.0	1/13.0	22.5
ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại A	1/5.5	25.0	1/4.8	26.5	1/3.4	25.5
	Tiếng Anh thương mại		23.5		24.0		22.0

Do vậy các thí sinh khi ĐKDT vào các trường lấy điểm chuẩn theo ngành mà học lực không xuất sắc nên thận trọng và tìm hiểu kỹ cả 3 yếu tố trên.

*** Chỉ tiêu đào tạo của trường và của ngành được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao**

*** Mức độ dễ để hay khó**

Các trường đại học đều có nhiều ngành đào tạo do đó mức độ điểm chuẩn, tỉ lệ "chọi" giữa các ngành là khác nhau. Ví dụ:

Trường	Ngành	2004		2005		2006	
		Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
ĐH KHTN (ĐHQG HN)	Toán - Tin ứng dụng	1/9.1	23.5	1/3.7	24.0	1/3.3	19.5
	Hóa học	1/3.4	20.5	1/7.1	26.0	1/2.2	20.0
	Địa chất	1/10.	20.0	1/0.8	20.0	1/1.3	18.0
	Địa chính	1/15.	20.0	1/3.4	20.0	1/5.5	18.0
ĐH Bách khoa (ĐHQG Tp.HCM)	Công nghệ thông tin	1/3.6	21.0	1/7.2	25.5	1/4.7	22.5
	Công nghệ Hóa - TP	1/3.2	22.0	1/5.2	26.5	1/2.6	21.0
	Cơ khí	1/3.4	19.5	1/7.2	25.0	1/2.8	19.0
	Kỹ thuật địa chất	1/2.0	16.0	1/2.9	18.0	1/2.5	17.0
ĐH Sư phạm Hà Nội	SP Toán	1/10	25.5	1/13.0	25.5	1/7.7	25.0
	SP Tin	1/10	20.0	1/13.0	24.5	1/7.7	18.5
	SP Lịch sử	1/10	24.4	1/13.0	18.5	1/7.7	21.5
	SP Tâm lý giáo dục	1/10	18.5	1/13.0	21.5	1/7.7	18.0

Do vậy nếu học lực của bạn không phải là xuất sắc nhưng vẫn muốn trở thành sinh viên của một trường nào đó thì bạn nên chọn giải pháp an toàn - chọn ngành, khoa có điểm chuẩn và tỉ lệ "chọi" vừa phải thì khả năng bạn được trở thành sinh viên đến với bạn nhiều hơn.

5. Chọn cơ sở đào tạo (nếu trường có hơn 1 cơ sở đào tạo):

Chúng tôi nói tới điều này khi bạn có thể khắc phục được về mặt địa lý, bởi thực tế cho thấy, cùng thuộc một trường nhưng tỉ lệ "chọi" của các cơ sở đào tạo khác nhau lại khác nhau. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc bạn có trúng tuyển hay không (tất nhiên học lực của bạn vẫn là điều kiện tiên quyết). Ví thế, ở phía Bắc bạn có thể ĐKDT ở phía Nam nếu như tỉ lệ "chọi" và điểm trúng tuyển của cơ sở ở phía Nam thấp hơn phía Bắc hoặc ngược lại. Ví dụ:

Bảng 1.a. Điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Giao thông vận tải

Phía	2002		2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
Cơ sở 1	1/12.1	19.5	1/8.8	20.5	1/7.4	22.0	1/4.7	20.5	1/7.3	20.0
Cơ sở 2	1/3.2	11.0	1/4.6	13.5	1/5.5	15.5	1/4.7	18.5	1/2.3	13.0

Nếu bạn thi vào Đại học Giao thông vận tải điểm trúng tuyển năm 2006 NV1 ở cơ sở 1 (Phía bắc) là 20 trong khi đó ở cơ sở 2 (phía Nam) chỉ là 13 điểm. Nghĩa là nếu điểm thi khối A của bạn chỉ đạt 13 nhưng bạn ĐKDT vào cơ sở 2 thì bạn được trở thành sinh viên nhưng bạn lại ĐKDT ở cơ sở 1 thì thi bạn thiếu những 7.0 điểm.

Bảng 1.b. Điểm chuẩn của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2
Điện tử VT	22.0	18.0	23.0	21.0	23.0	17.0	25.5	23.5	24.0	21.0
QTKD BCVT	18.0	15.0	19.5	17.5	21.5	18.5	23.0	21.0	22.5	17.5
CNTT	20.0	17.5	23.5	20.0	22.0	17.5	25.5	22.0	22.5	20.0

Qua bảng 1.b bạn có thể thấy mấy năm gần đây mức chênh lệch về điểm trúng tuyển giữa 2 cơ sở giảm xuống nhưng điểm trúng tuyển vào các ngành ở HVCN BCVT (cơ sở 1) năm nào cũng cao hơn cơ sở 2. Đặc biệt năm 2005, 2006 điểm trúng tuyển vào các ngành ở cơ sở 1 luôn luôn ở mức rất cao, thậm chí những bạn có học lực tiên tiến xuất sắc cũng chưa chắc có khả năng thi đỗ nhưng nếu bạn ĐKDT ở cơ sở 2 thì khả năng trúng tuyển sẽ cao hơn.

Bảng 1.c. Điểm chuẩn của Trường ĐH Thủy lợi

Ngành	Cơ sở	2004	2005	2006	Ngành	Cơ sở	2004	2005	2006
Thủy nông cải tạo đất	Cơ sở 1	18.5	22.0	16.0	Công trình thủy lợi	Cơ sở 1	21.5	24.0	19.5
	Cơ sở 2	14.0	16.0	13.0		Cơ sở 2	15.0	20.0	14.0
Kỹ thuật xây dựng cơ sở hạ tầng	Cơ sở 1	19.5	23.0	18.5	Thủy văn - Môi trường	Cơ sở 1	18.5	22.0	16.0
	Cơ sở 2	14.0	16.0	13.0		Cơ sở 2	14.0	16.0	13.0

Tương tự như 2 ví dụ trên, đối với Trường ĐH Thủy lợi bạn cũng sẽ thấy rất rõ sự chênh lệch về điểm trúng tuyển giữa 2 cơ sở. Nếu học lực của bạn chưa đạt được từ khá trở lên thì bạn nên ĐKDT vào ĐH Thủy lợi cơ sở 2. Nếu bạn yêu thích các ngành của Trường ĐH Thủy lợi đào tạo mà học lực tương đối tốt và để khả năng trở thành sinh viên của Trường ĐH Thủy lợi là cao nhất bạn cũng nên ĐKDT ở cơ sở 2.

Qua các ví dụ trên cho thấy: Việc chọn sơ sở đào tạo để ĐKDT là việc làm quan trọng nó liên quan tới trúng tuyển hay không trúng tuyển.

6. Chọn trường theo khu vực địa lý:

Về việc chọn trường của thí sinh theo khu vực địa lý, chúng tôi thấy đây là một yếu tố khá quan trọng để giúp cho việc thí sinh có thêm cơ hội trở thành sinh viên, nhất là đối với các thí ở khu vực miền Trung hoặc ở xa các trường đại học.

Dưới đây chúng tôi xin cung cấp số liệu điểm chuẩn của một số trường (ngành) ở các khu vực khác nhau có cùng hệ đào tạo để các bạn tham khảo sao cho cơ hội trúng tuyển là cao nhất. Ví dụ:

Bảng 1. Điểm trúng tuyển một số ngành của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội - ĐH Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh)

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM
Toán - Tin A	21.0	15.0	19.5	16.5	23.5	17.5	24.0	17.5	19.5	16.0
Vật lý A	19.0	13.5	19.5	14.0	20.5	15.0	21.5	16.0	19.5	15.0
Hóa học A	22.0	17.0	21.5	18.5	20.5	19.5	26.0	19.0	20.0	18.5
Địa chất A	17.0	11.0	16.0	12.0	20.0	14.0	20.0	16.0	18.0	15.0
Khoa học môi trường A	21.0	13.5	19.0	16.5	21.0	18.0	22.5	18.0	21.0	17.5
Khoa học môi trường B	25.0	23.0	22.5	19.0	25.5	22.5	25.0	18.0	22.5	20.5
Công nghệ sinh học B	26.0	23.0	24.0	20.0	26.0	24.5	26.0	24.0	23.0	22.5

Qua bảng 1 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào các ngành của cả 2 trường đều có xu hướng tăng lên nhưng điểm trúng tuyển vào các ngành của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội) lại có sự chênh lệch tương đối lớn so với các ngành cùng tên ở Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Tp.HCM), đặc biệt là các ngành tuyển sinh khối A. Tuy nhiên mức độ chênh lệch này có sự thay đổi từng năm. Năm 2002, khối A, điểm trúng tuyển ngành Toán - Tin nếu ở Hà Nội là 21.0 điểm, còn nếu ở Tp.HCM thì lại chỉ có 15.0 điểm (chênh nhau tới 6.0 điểm); mức chênh lệch giữa của ngành có điểm trúng tuyển cao nhất (ngành Hóa học) cũng tới 5.0 điểm; ngành có điểm trúng tuyển thấp hơn những ngành khác như ngành Địa chất cũng chênh nhau những 6.0 điểm, thậm chí ngành Khoa học môi trường (A) ở Hà Nội cao hơn ở Tp.HCM tới 7.5 điểm... Đến năm 2006 mức độ chênh lệch này đã giảm nhưng điểm trúng tuyển của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội) vẫn cao hơn so với ở Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Tp.HCM) từ 2.5 đến 4.5 điểm.

Các ngành tuyển sinh khối B có mức điểm chênh lệch ít hơn so với khối A song bao giờ Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Tp.HCM) cũng thấp hơn so với Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội).

Nếu bạn có học lực khá trở lên mà muốn trở thành sinh viên của Trường ĐH Quốc gia thì bạn nên ĐKDT ở Tp.HCM vì như vậy khả năng trúng tuyển của bạn sẽ rất cao (vì từ năm 2004 đến nay bạn có thể thấy qua bảng trên điểm trúng tuyển vào các ngành của ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội) thường không dưới 18.0 điểm, có ngành bạn có mức điểm giỏi cũng không trúng tuyển trong khi đó ở Tp.HCM thường chỉ lấy dưới 20.0 điểm (đối với khối A)...).

Bảng 2: Tỷ lệ chọi, điểm trúng tuyển một số ngành của ĐH Kiến trúc (Hà Nội - Tp.HCM)

Ngành	Trường	2002		2003		2004		2005		2006	
		Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
Kiến trúc công trình	ĐH Kiến trúc HN	1/8.0	23.0	1/5.6	17.5	1/8.6	20.5	1/7.8	20.0	1/6.0	19.0
	ĐH Kiến trúc Tp.HCM	1/9.7	17.0	1/12.3	19.5	1/6.6	17.5	1/8.3	22.0	1/7.9	19.0
Quy hoạch đô thị	ĐH Kiến trúc HN	1/8.0	22.0	1/5.6	16.5	1/8.6	19.5	1/7.8	20.0	1/6.0	19.0
	ĐH Kiến trúc Tp.HCM	1/9.7	15.5	1/12.3	17.5	1/7.9	16.5	1/8.3	17.5	1/7.9	19.0
Xây dựng dân dụng và công nghiệp	ĐH Kiến trúc HN	1/8.0	20.5	1/5.6	20.5	1/8.6	24.5	1/7.8	23.5	1/6.0	21.5
	ĐH Kiến trúc Tp.HCM	1/9.7	14.5	1/12.3	20.0	1/7.9	19.5	1/7.8	24.0	1/7.9	18.0

Qua bảng trên có thể thấy tỉ lệ "chọi" của các ngành ở Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM thường cao hơn ĐH Kiến trúc Hà Nội nhưng điểm trúng tuyển vào các ngành lại thay đổi từng năm. Năm 2002 điểm trúng tuyển 3 ngành trên của ĐH Kiến trúc Hà Nội cao hơn rất nhiều so với ĐH Kiến trúc Tp.HCM: ngành Quy hoạch đô thị ở Hà Nội cao hơn Tp.HCM tới 6.5 điểm (22.0/15.5), ngành Kiến trúc công trình ở Hà Nội cũng cao hơn Tp.HCM 6.0 điểm (23.0/17.0)... Năm 2003 tỉ lệ "chọi" của các ngành Kiến trúc công trình và Quy hoạch đô thị ở Tp.HCM tăng lên nhiều so với năm trước kéo theo thì điểm trúng tuyển vào các ngành này cao hơn so với Hà Nội, nhưng mức chênh lệch không lớn chỉ từ 1.0 đến 2.0 điểm; đến năm 2006 mặc dù tỉ lệ chọi của ĐH Kiến trúc Tp.HCM cao hơn ĐH Kiến trúc Hà Nội song điểm trúng tuyển 2 ngành này ở 2 trường đều là 19.0 điểm.

Năm 2003 tỉ lệ "chọi" của ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp ở Tp.HCM cao gấp đôi so với Hà Nội nhưng mức điểm trúng tuyển lại xấp xỉ bằng nhau (chỉ chênh nhau 0.5 điểm). Năm 2005 tỉ lệ "chọi" của ngành này ở 2 trường là bằng nhau nhưng điểm trúng tuyển ở Hà Nội lại thấp hơn so với Tp.HCM. Năm 2006 điểm trúng tuyển ngành này ở Hà Nội cao hơn Tp.HCM trong khi tỉ lệ "chọi" lại thấp hơn...

Như vậy qua số liệu trên cho thấy chất lượng đầu vào của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM và Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội là tương đối đều nhất là các ngành tuyển sinh khối V. Điểm trúng tuyển thay đổi từng năm và không theo một quy luật nhất định nào, đồng thời không hoàn toàn phụ thuộc vào tỉ lệ "chọi" so với 2 trường mà điểm trúng tuyển cũng xê dịch tương tự, song bạn có thể thấy năm nào tỉ lệ "chọi" mà cao thì điểm trúng tuyển vào các ngành cũng tăng lên.

Bảng 3. Điểm chuẩn của Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM

Khối	Trường	2002	2003	2004	2005	2006
A	ĐH Luật Hà Nội	16.5	16.5	16.5	19.5	18.0
	ĐH Luật Tp.HCM	12.5	15.0	15.5	17.0	17.5
C	ĐH Luật Hà Nội	19.0	18.5	20.5	19.0	20.5
	ĐH Luật Tp.HCM	14.5	14.0	16.0	15.0	16.5

Qua bảng 3 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Luật Hà Nội năm nào cũng cao hơn so với ĐH Luật Tp.HCM ở cả 2 khối tuy nhiên mức độ chênh lệch về điểm giữa 2 khối không giống nhau: điểm trúng tuyển khối C ở ĐH Luật Hà Nội luôn luôn cao và ở mức mà nếu bạn không có học lực khá giỏi trở lên thì khó có khả năng thi đỗ, nhưng ở ĐH Luật Tp.HCM thì mức điểm trúng tuyển khối C chưa có năm nào cao đến 17.0 điểm, mức độ chênh lệch xê dịch từ 4.0 đến 4.5 điểm. Học lực của bạn có thể chỉ ở mức trung bình khá trở lên nhưng nếu cố gắng thì bạn vẫn có khả năng trở thành sinh viên trường luật.

Mức điểm chênh lệch khối A ít hơn so với khối C, trừ năm 2002 ĐH Luật Hà Nội lấy điểm trúng tuyển khối A cao hơn so với ĐH Luật Tp.HCM 4.0 điểm (16.5/12.5) còn từ năm 2003 - 2006 chỉ chênh

nhau từ 0.5 - 2.5 điểm. Điểm trúng tuyển khối A vào ĐH Luật Tp.HCM có chiều hướng tăng dần lên, 2 năm gần đây điểm trúng tuyển khối A cũng ở mức khá cao, năm 2006 còn xấp xỉ bằng so với ĐH Luật Hà Nội. Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường được nâng lên rõ rệt. Nếu như năm 2002 điểm trúng tuyển là 12.5 điểm, nghĩa là bạn chỉ cần có lực học trung bình mà cố gắng thì cũng có thể trúng tuyển nhưng đến nay nếu bạn không có lực học khá trở lên thì khả năng đỗ của bạn sẽ là rất thấp, vì thế khi ĐKDT bạn nên lưu ý đến điều này.

Qua các dữ liệu trên bạn sẽ thấy cùng là những trường đào tạo ngành luật nhưng ở ĐH Luật Tp.HCM thì điểm trúng tuyển vào trường luôn "mềm" hơn so với ĐH Luật Hà Nội song để khả năng trúng tuyển là cao nhất bạn nên xem xét, so sánh kỹ lưỡng giữa 2 trường đặc biệt là những bạn thi khối A. Nếu bạn thi khối C mà lực học chỉ từ trung bình khá trở lên nhưng vẫn muốn học ngành Luật thì chúng tôi khuyên các bạn nên ĐKDT vào ĐH Luật Tp.HCM.

Bảng 4. Điểm chuẩn của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2
Điện tử VT	22.0	18.0	23.0	21.0	23.0	17.0	25.5	23.5	24.0	21.0
QTKD BCVT	18.0	15.0	19.5	17.5	21.5	18.5	23.0	21.0	22.5	17.5
CNTT	20.0	17.5	23.5	20.0	22.0	17.5	25.5	22.0	22.5	20.0

Nhìn vào bảng 4 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào 3 ngành có tên trên có chiều hướng tăng lên ở cả 2 cơ sở và luôn luôn có sự chênh lệch, mặc dù mức độ chênh lệch về điểm giữa 2 cơ sở có thay đổi từng năm. Nhìn chung điểm trúng tuyển vào HVCN BCVT ở cơ sở 1 luôn luôn cao và thường ở mức trên 20.0 điểm, đặc biệt là từ khi áp dụng việc tính điểm sản do Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào cơ sở 1 rất cao đòi hỏi bạn phải có học lực xuất sắc trở lên, nhất là ngành Điện tử viễn thông năm 2005 lấy tới 25.5 điểm. Điểm trúng tuyển vào cơ sở 2 mặc dù thấp hơn so với cơ sở 1 nhưng cũng tương đối cao, nếu bạn không có lực học khá trở lên thì cũng khó có khả năng thi đỗ.

Nếu muốn trở thành sinh viên HVCN BCVT bạn cần phải cố gắng lớn và thực sự học tốt vì điểm trúng tuyển vào Học viện ở cả 2 cơ sở mấy năm gần đây đều khá cao. Trừ ngành Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông thì 2 ngành còn lại cũng có rất nhiều trường khác đào tạo như: ĐH Quốc gia, ĐH Kinh tế, ĐH Cần Thơ... vì thế bạn nên so sánh điểm trúng tuyển vào các ngành định ĐKDT của các trường khác để có được sự lựa chọn đúng đắn nhất.

Bảng 5. Điểm chuẩn của Học viện Ngân hàng (Hà Nội) và Đại học Ngân hàng Tp.HCM (khối A)

Trường	2002		2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ chọi	Điểm	Tỉ lệ chọi	Điểm	Tỉ lệ chọi	Điểm	Tỉ lệ chọi	Điểm	Tỉ lệ chọi	Điểm
Học viện Ngân hàng	1/17.4	20.5	1/7	17.5	1/13.3	21.0	1/8.4	23.5	1/8.4	23.5
ĐH Ngân hàng Tp.HCM	1/12.3	17.5	1/4.3	15.5	1/9.3	17.5	1/13.9	20.5	1/13.9	20.5

Điểm trúng tuyển khối A của HV Ngân hàng luôn luôn cao hơn so với điểm trúng tuyển khối A của Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM. Từ sau năm 2002 đến nay điểm trúng tuyển vào 2 trường nhìn chung đều có chiều hướng tăng lên (năm 2006 có giảm nhưng đây cũng là tình hình chung của hầu hết các trường trong kỳ thi tuyển sinh Đại học - Cao đẳng năm này). Có thể thấy điểm trúng tuyển vào HV Ngân hàng năm 2005, năm 2006 rất cao (23.5 và 23.0 điểm), cao hơn ĐH Ngân hàng Tp.HCM 3.0 điểm trong cả 2 năm. Nếu bạn có học lực chỉ từ khá trở lên, chưa được giỏi, xuất sắc trở lên thì bạn không nên ĐKDT vào HV Ngân hàng vì bạn khó có khả năng trúng tuyển mà nên ĐKDT vào ĐH Ngân hàng Tp.HCM để khả năng trở thành sinh viên của bạn là cao nhất.

Bảng 6.a. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của Trường ĐH Sư phạm (Hà Nội - Tp.HCM)

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM
Toán học	24.0	29.0	24.5	22.0	25.5	24.0	25.5	25.5	25.0	23.5
Tin học	18.0	19.0	22.0	16.0	20.0	17.5	24.5	19.5	18.5	17.0
Vật lý	22.0	24.0	24.0	20.0	23.0	21.0	26.0	24.0	21.5	19.5
Hoà học	24.0	28.0	24.0	22.5	25.0	23.5	21.0	25.5	24.5	22.5
Ngữ văn C	24.5	27.0	24.0	18.5	24.0	19.5	23.0	17.5	21.5	17.5
Lịch sử	24.0	25.5	23.0	18.5	24.4	19.0	18.5	16.5	21.5	18.0
Tiếng Anh	26.0	28.0	29.5	27.0	27.0	22.0	28.0	27.5	28.0	28.5
Tiểu học D	20.5	16.5	21.5	18.0	21.0	18.5	20.0	15.5	22.0	18.5
Mầm non	21.0	17.0	21.0	19.5	20.0	17.5	19.0	18.0	-	-

Bảng 6.b. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm phía Bắc

Ngành	2004			2005				2006			
	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (TN)	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (TN)	ĐH Hồng Đức	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (TN)	ĐH Hồng Đức
Toán/Toán-Tin	25.5	23.5	21.5	25.5	23.5	23.5	24.5	25.0	23.5	19.5	13.0
Tin học	20.0	21.0	19.0	24.5	15.5	22.0	20.0	18.5	15.5	16.0	13.0
Lý/Lý-Tin	23.0	21.0	20.0	26.0	25.0	22.0	23.5	21.5	25.0	18.5	13.0
Hoá học	25.0	21.5	21.0	21.0	25.5	23.5	24.5	24.5	25.5	21.0	-
Ngữ văn C	24.0	23.0	19.5	23.0	20.0	19.0	16.5	21.5	20.0	19.0	14.5
Lịch sử	24.4	3.0	21.0	18.5	-	19.0	15.5	21.5	19.5	19.0	14.5
Tiếng Anh	27.0	17.5	25.5	28.0	15.5	24.0	25.0	28.0	15.5	26.5	27.5

Bảng 6.c. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm ở khu vực miền Trung

Ngành	2004			2005			2006		
	ĐH Vinh	ĐHSP (Huế)	ĐHSP (ĐN)	ĐH Vinh	ĐHSP (Huế)	ĐHSP (ĐN)	ĐH Vinh	ĐHSP (Huế)	ĐHSP (ĐN)
Toán/Toán-Tin	20.5	17.5	19.5	24.0	23.5	21.5	22.0	18.5	19.5
Tin học	19.0	16.5	-	18.5	17.0	15.0	18.0	14.5	13.5
Vật lý	20.0	21.0	20.0	21.5	18.0	18.0	22.0	18.5	18.0
Hoá học A	22.0	19.0	19.0	24.0	24.0	22.5	21.0	17.0	17.0
Sinh / Sinh-MT	22.5	21.0	20.0	22.5	22.0	21.5	18.0	15.5	17.0
Ngữ văn C	21.5	19.0	18.0	21.5	19.0	16.5	20.0	18.5	17.0
Lịch sử	22.0	19.5	17.5	19.0	19.0	17.5	21.0	17.5	17.0
Địa lý C	23.0	20.5	18.5	15.0	18.5	17.0	-	-	17.0

Bảng 6.d. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm ở khu vực phía Nam

Ngành	2004				2005				2006			
	ĐHSP Tp.HCM	ĐHSP Q.Nhơn	ĐH C.Thor	ĐH A.Giang	ĐHSP Tp.HCM	ĐHSP Q.Nhơn	ĐH C.Thor	ĐH A.Giang	ĐHSP Tp.HCM	ĐHSP Q.Nhơn	ĐH C.Thor	ĐH A.Giang
Toán/Toán - Tin	24.0	18.0	19.5	17.0	25.5	18.5	21.0	19.5	23.5	18.0	17.0	15.5
Tin học	17.5	14.0	13.5	14.0	19.5	15.0	15.0	15.0	17.0	13.0	14.0	13.0
Vật lý	21.0	17.0	17.0	16.0	24.0	18.5	17.0	18.0	19.5	18.0	16.0	15.5
Hóa học	23.5	18.0	15.5	17.0	25.5	18.5	21.5	19.5	22.5	19.0	18.0	16.0
Sinh/Sinh-KTNN	21.5	19.0	13.5	16.0	20.0	18.5	18.0	16.0	19.0	17.0	14.0	15.5
Ngữ văn	19.5	20.0	14.5	17.0	17.5	17.0	16.6	16.5	17.5	18.0	18.0	17.0
Lịch sử	19.0	20.0	17.0	17.0	16.5	-	16.0	16.5	18.0	18.0	17.0	17.5
Địa lý C	20.0	20.0	16.5	-	16.5	17.0	16.5	16.0	17.0	13.0	16.5	17.0
Tiếng Anh	22.0	19.0	15.0	18.5	27.5	17.0	19.0	20.0	28.5	17.0	18.5	22.5

(Ghi chú: Có một số trường môn chính nhân hệ số 2).

Bảng 6.e. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm trong toàn quốc

Năm	Ngành	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (ĐH Th.N)	ĐH Vinh	ĐHSP (ĐH Huế)	ĐHSP Quy Nhơn	ĐHSP TP.HCM	ĐH An Giang
2004	Toán/Toán-Tin	25.5	23.5	21.5	20.5	17.5	18.0	24.0	17.0
	Tin học	20.0	21.0	19.0	19.0	16.5	14.0	17.5	14.0
2005	Toán/Toán-Tin	25.5	23.5	23.5	24.0	23.5	18.5	25.5	19.5
	Tin học	24.5	15.5	22.0	18.5	17.0	15.0	19.5	15.0
2006	Toán/Toán-Tin	25.0	23.5	19.5	22.0	18.5	18.0	23.5	15.5
	Tin học	18.5	15.5	16.0	18.0	14.5	13.0	17.0	13.0

Qua những bảng số liệu trên chúng tôi thấy việc chọn trường theo khu vực địa lý để ĐKDT là rất quan trọng đối với thí sinh, tất nhiên học lực của thí sinh vẫn là điều kiện tiên quyết nhất.

7. Chọn mô hình đào tạo:

Theo kết quả tổng kết hàng năm của Bộ GD&ĐT, cũng như là thực tế tuyển sinh của hệ thống các trường trong toàn quốc thì các trường đại học công lập bao giờ điểm tuyển sinh cũng cao hơn các trường đại học dân lập chẳng hạn như nếu các bạn cùng thi ngành Kế toán nếu thi trường Đại học Kinh tế quốc dân số điểm mà bạn phải đạt để trúng tuyển NV1 là 26 điểm, nhưng nếu thi trường Đại học Dân lập Thăng Long điểm trúng tuyển chỉ là 14 điểm (nếu chỉ so sánh các trường phía bắc). Hoặc cũng ngành Kế toán nếu thi trường Đại học Kinh tế Tp.HCM thì điểm trúng tuyển là 17.5, nhưng nếu thi vào trường Đại học Dân lập Hồng Bàng, Đại học Dân lập Duy Tân... thì số điểm mà bạn chỉ cần đạt là... 13 điểm.

Cũng tương tự như vậy, các trường Đại học bán công điểm trúng tuyển bao giờ cũng phải cao hơn trường dân lập. Ví dụ: ngành Kế toán nếu thi vào trường Đại học Dân Lập Thăng Long thì chỉ cần đạt 14 điểm (đối với khối D) nhưng nếu thi Viện Đại học Mở Hà Nội thì số điểm phải đạt là 18.5 điểm (khối D).

Một vài năm gần đây các trường Công lập đã tăng số lượng tuyển NV2 lên rất nhiều tuy nhiên mức nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển vào các trường công lập này so với các trường đào tạo

theo hình thức Bán công và Dân lập có sự chênh lệch rất lớn. Ví dụ: Ngành tiếng Anh của trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Quốc gia Hà Nội) mức điểm để xét tuyển NV2 là 28.5 (hệ phiên dịch) và 29.5 (hệ sư phạm) (môn Tiếng Anh được tính hệ số 2), Viện Đại học Mở Hà Nội ngành Tiếng Anh (môn tiếng Anh hệ số 2) mức điểm nhận hồ sơ là 24.5 điểm, trong khi đó trường Đại học Dân lập Thăng Long ngành Tiếng Anh (môn tiếng Anh hệ số 2) mức điểm chỉ là 21. (Số liệu năm 2006).

Vì vậy nếu các bạn có lực học không tốt lắm, lại có khả năng thi có thể đăng ký vào các trường ngoài hệ thống công lập để đảm bảo cho khả năng đỗ vào Đại học cao hơn.

8. Đăng ký nguyện vọng:

Từ năm 2004, mỗi thí sinh khi ĐKDT đại học sẽ được đăng ký 1 nguyện vọng "cứng", nếu sau khi biết kết quả thi mà không trúng tuyển thì sẽ được đăng ký tiếp nguyện vọng thứ 2 và nếu tiếp tục không trúng tiếp thì thí sinh sẽ được quyền đăng ký tiếp tục một nguyện vọng nữa - NV3 (ở những trường còn chỉ tiêu). Như vậy mỗi một thí sinh sẽ được lựa chọn, đăng ký 3 lần. Dự kiến việc đăng ký nguyện vọng năm 2007 sẽ không đổi, chúng tôi có một số nhận xét để các bạn tham khảo:

Việc đăng ký nguyện vọng dự thi rất quan trọng đối với thí sinh, trên thực tế có nhiều thí sinh có lực học khá, giỏi, học ở các trường chuyên, lớp chọn nhưng thi lại không đỗ trong khi đó có những thí sinh học lực chỉ thuộc dạng trung bình khá, học ở các lớp bình thường ở những vùng có điều kiện học tập còn có khó khăn về mọi mặt thi lại thi đỗ.

Điều này có thể thấy rất rõ qua tỉ lệ trúng tuyển của các thí sinh trong mấy năm gần đây, tỉ lệ trúng tuyển của các thí sinh ở trường chuyên lớp chọn hay các thí sinh ở KV3 trong mấy năm qua có biểu đồ đi xuống. Ví dụ: tại Hà Nội năm 2001- 2002 lớp chuyên Sinh của trường A - một trong những trường danh tiếng, nhưng tỉ lệ trượt đại học gần 30%; hoặc tỉ lệ trúng tuyển của các thí sinh Hà Nội chỉ là 9% trong 2 năm 2000 và 2001, trong khi đó tỉ lệ trúng tuyển của tỉnh Kon Tum - một tỉnh miền núi lại là 25% và 14%. Năm 2006 huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh trúng tuyển đợt 1 kỳ thi Đại học - Cao đẳng là gần 400 em trong đó có rất nhiều em đạt điểm từ 25 trở lên (Xã Thái Yên - Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh - có 53 em đỗ Đại học - Cao đẳng trong đó có tới 38 em đỗ Đại học).

Việc học sinh ở các trường chuyên lớp chọn ở các thành phố không trúng tuyển theo chúng tôi có một số lý do sau:

- Học sinh quá tự tin với năng lực học tập của mình.
- Trong khi làm bài thi học sinh muốn khẳng định bản thân, nên thường chọn câu khó làm trước nên bị mất quá nhiều thời gian, đến khi quay lại làm những câu đơn giản, để được điểm thi lại không còn thời gian nữa.
- Khi ĐKDT các học sinh vô tình chọn các trường hoặc ngành có điểm chuẩn quá cao.
- Các bạn dự tính thi khối A vẫn có thể học thêm môn Sinh để có thể ĐKDT khối B, hoặc có thể ĐKDT thêm khối D vì các môn Văn, Toán, Ngoại ngữ đã là những môn bắt buộc phải thi tốt nghiệp THPT. Nếu như vậy bạn sẽ có thêm cơ hội trúng tuyển.

Đăng ký nguyện vọng 2

Nếu không may các bạn không trúng tuyển NV1 phải đăng ký NV2 thì các bạn hãy cân nhắc cho kỹ xem mức điểm của mình có khả năng trúng tuyển với trường nào, ngành nào thì hãy nộp hồ sơ

xét tuyển, đừng nóng vội, hãy bình tĩnh đợi tất cả các trường thông báo mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển NV2 trên các phương tiện thông tin đại chúng rồi hãy quyết định.

Những trường đào tạo có chất lượng cao, có tuyển NV2 nhưng tuyển với một số lượng không nhiều trong khi đó số lượng thí sinh có NV2 với độ chênh lệch 1 điểm so với NV1 rất lớn. Vì thế bạn phải có số điểm cực kỳ tốt mới có khả năng đỗ vào NV2.

Năm 2005 ngành Địa chất ở trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng cách mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển NV2 đến 4.0 điểm (24.5/20.5) điểm, bỏ xa điểm chuẩn NV1 ngành "đỉnh" của trường là Dầu khí tới 3.0 điểm (24.5/21.5 điểm). Hoặc ngành Địa chính của trường Đại học Khoa học Tự nhiên, thí sinh phải có mức điểm cao hơn mức điểm nhận hồ sơ NV2 tới 3.0 điểm mới trúng tuyển (25.0/23.0 điểm). Tại trường Đại học Bách Khoa (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh cũng có mức điểm điểm trúng tuyển NV2 cách mức điểm nhận hồ sơ đến 5.5 điểm (24.5/19.0 điểm)...

Một lưu ý nhỏ nữa là khi đăng ký NV2 các bạn cũng nên đừng vì thấy các năm trước điểm trúng tuyển NV1 và điểm trúng tuyển NV2 có sự chênh lệch lớn nên không dám nộp hồ sơ đăng ký NV2 vì vậy đã bỏ lỡ cơ hội nộp hồ sơ vào trường mình thích vì mọi sự luôn luôn có thể thay đổi. Ví dụ như Học viện Mật mã năm 2005 điểm trúng tuyển NV1 là 17.0 và điểm trúng tuyển NV2 là 24.0. Nhưng đến năm 2006 thi điểm trúng tuyển NV1 cũng là 17.0 song điểm trúng tuyển NV2 chỉ là 19.0.

Qua những các số liệu trên cho thấy nếu trường nào còn nhiều chỉ tiêu và điểm nhận hồ sơ thấp thì điểm trúng tuyển lại cao, trường nào có điểm nhận hồ sơ cao thì điểm trúng tuyển lại chênh lệch không đáng kể.

Đăng ký nguyện vọng 3

Khi đã bị trượt cả hai NV1 và NV2 lúc này bạn chỉ còn một hi vọng duy nhất là NV3. Khi nộp hồ sơ xét tuyển NV3 các bạn cũng cần phải cân nhắc, tính toán cho thật kỹ đừng vì thấy hai NV1,2 đã bị trượt rồi mà thất vọng, nản chí và "nộp liều". Còn rất nhiều trường công lập, bán công, dân lập vẫn tuyển NV3.

Các bạn nên chú ý, có rất nhiều trường khi tuyển NV3 đưa ra mức điểm nhận hồ sơ cao nhưng điểm trúng tuyển chỉ cách mức điểm nhận hồ sơ ấy không nhiều, còn có nhiều trường đưa ra mức điểm nhận hồ sơ thấp nhưng điểm trúng tuyển lại có sự chênh lệch đáng kể (tương tự như tình trạng xét tuyển NV2). Vì thế không ít trường hợp khi đăng ký NV3 có mức điểm đạt trên 20.0 điểm mà vẫn trượt đại học.

Ví dụ: Năm 2006 trường Đại học Nông nghiệp đưa ra mức điểm xét tuyển NV3 là 17.5 nhưng điểm trúng tuyển ngành cao nhất là Tin học và Kỹ thuật cơ khí (19.5 điểm) và ngành lấy điểm ít nhất là Khoa học đất và Nuôi trồng thủy sản... thi bằng mức điểm xét tuyển, trong khi đó Trường Đại học Sư phạm (Đại học Thái Nguyên) đưa ra mức điểm xét tuyển NV3 của ngành thấp nhất là 18.5 điểm nhưng điểm trúng tuyển lại lên tới 21.5 điểm (ngành Sư phạm Vật lý)... Một số trường khác đưa ra mức điểm nhận hồ sơ NV3 không cao nhưng lại lấy điểm trúng tuyển bằng với điểm nhận hồ sơ như một số trường Dân lập ... Vì thế việc đăng ký nguyện vọng 3 cần phải cập nhật thông tin hàng ngày để quyết định nộp hồ sơ vào trường nào để được trở thành sinh viên (Xem bảng dưới đây).

Bảng điểm một số ngành xét tuyển NV3 của một số trường

Trường	Tên ngành	Điểm nhận hồ sơ XT NV3	Điểm trúng tuyển NV3
ĐH Sư phạm (ĐH Thái Nguyên)	Sư phạm Toán	19.5	22.0
	Sư phạm Vật lý	18.5	21.5
ĐH Nông nghiệp 1	Kỹ thuật cơ khí	17.5	19.5
	Tin học	17.5	19.5
	Khoa học đất	17.5	17.5
ĐH Nông Lâm (ĐH Thái Nguyên)	Công nghiệp nông thôn	13.0	13.0
	Phát triển nông thôn	13.0	13.0
	SP Kỹ thuật nông nghiệp	14.0	14.0
	Nhóm ngành KT Nông nghiệp	14.0	14.0

Qua những ví dụ trên bạn có thể thấy năm 2006 có những thí sinh được trên 20.0 điểm vẫn không trúng tuyển trong khi đó rất nhiều bạn chỉ cần 13.0 điểm lại được trở thành sinh viên do đó việc đăng ký NV2,3 rất quan trọng.

9. Để làm bài thi tốt:

Trước hết bạn phải giữ gìn và đảm bảo ổn định sức khỏe: Những ngày trước khi thi cố gắng ăn đủ chất dinh dưỡng, học hành căng thẳng và có nhiều áp lực sẽ đến với bạn nhưng hãy cố gắng dành thời gian nghỉ ngơi thư giãn, không nên dùng các chất kích thích như rượu, bia, thuốc lá... không nên học quá khuya bởi lúc này bạn có học thì khối lượng kiến thức mà bạn thu được cũng rất ít... Hãy để tinh thần thật sự thoải mái, không vướng bận bất cứ một vấn đề gì.

Trước ngày thi một ngày, tức là ngày bạn đi làm thủ tục nhận phòng thi, cố gắng đừng để thiếu sót các vấn đề thuộc về nguyên tắc (đóng lệ phí thi, quên các giấy tờ cần thiết...) nếu phát hiện thấy các sai sót trên giấy báo dự thi thì bạn nên thông báo ngay với cán bộ coi thi hoặc hội đồng tuyển sinh để giải quyết ngay, đừng để đến ngày hôm sau mới giải quyết (tức là ngày bạn chính thức thi) vì làm như vậy bạn sẽ bị ức chế ảnh hưởng không tốt tới việc làm bài.

Trước khi vào phòng thi nhớ kiểm tra kỹ những giấy tờ cần thiết, gắng giữ tinh thần thật thoải mái, hãy hít thở sâu và thở ra thật nhẹ, cứ coi như là bạn đang làm bài kiểm tra tại lớp vậy.

*** Kiến thức**

Nếu kỳ thi tốt nghiệp THPT là kỳ thi đánh giá kết quả học tập của tất cả học sinh THPT (tỉ lệ tốt nghiệp thông thường đạt 90 - 98%) thì kỳ thi đại học là kỳ thi "tuyển chọn" và chỉ tiêu đào tạo chỉ đáp ứng được khoảng 10% số lượng thí sinh ĐKDT. Điều kiện tiên quyết với thí sinh là nắm chắc kiến thức cơ bản của chương trình phổ thông.

Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo Ban ra đề thi của Bộ và các trường khi ra đề thi phải tuân theo nguyên tắc:

- Không được ra đề ngoài chương trình hoặc vượt chương trình.
- Không được ra đề thi vào những phần, những ý đã được giảm hoặc cắt bỏ, những phần đã được chuyển sang phần học thêm.
- Không được ra đề quá khó, quá phức tạp.
- Không được ra đề thi lắt léo, mang tính đánh đố. Song đề thi phải đảm bảo có sự phân loại nhằm tuyển được thí sinh có trình độ vào các trường đại học và cao đẳng. Năm 2006 cấu trúc đề thi

tự luận được thay đổi mạnh theo hướng tăng việc kiểm tra tính sáng tạo, kỹ năng thực hành của thí sinh; mỗi đề thi gồm nhiều câu hỏi riêng biệt.

Quan điểm chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về việc ra đề thi là rất rõ, song các bạn thí sinh (đặc biệt là các bạn có học lực trung bình) cần lưu ý: “không quá khó và phức tạp” chứ không phải “dễ và đơn giản”. Mức độ “quá khó”, “quá phức tạp” không phải lúc nào cũng xác định được rõ ràng, cụ thể. Đề thi sẽ “không lắt léo, mang tính đánh đố” nhưng bạn vẫn phải đọc kỹ đề bài thi, xác định được yêu cầu của từng câu hỏi để tránh tình trạng mặc dù viết được dài nhưng lại trả lời vào những phần đề thi không yêu cầu. Vì như thế bài thi của bạn sẽ không đạt kết quả như mong muốn.

“Ôn - luyện” là công việc bắt buộc cho tất cả học sinh các cấp, nhất là đối với các thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học. “Ôn” và “Luyện” - các bạn nên nhớ, đây là 2 khái niệm hoàn toàn khác nhau. “Ôn” là học lại những kiến thức đã học ở trường để xem xem khối kiến thức của 12 năm đến sách đã trở thành “của bạn” được bao nhiêu phần trăm. Còn “Luyện” là việc bạn áp dụng các kiến thức trên lý thuyết để giải quyết các vấn đề, các dạng bài tập cụ thể. Kiến thức “ảo” là thuật ngữ các thầy cô giáo hay sử dụng để chỉ các học sinh cứ tưởng phần kiến thức nào mình cũng nắm chắc, được “luyện” kỹ song thực tế lại không phải như vậy.

Trong một vài năm gần đây, đề thi thường theo hướng tổng hợp, nên các bạn **phải học toàn bộ chương trình** đừng học tủ học lệch để tránh trường hợp phần học thì không thi vào lại thi vào phần không học. Học không chỉ kiến thức của lớp 12 mà cả kiến thức của lớp 10, lớp 11 vì vậy các bạn phải học ngay từ đầu. Chương trình học là chương trình đồng tâm, kiến thức nọ lồng kiến thức kia nên nếu học “amater” thì khi làm bài các bạn sẽ bị vấp và khó làm được trọn vẹn vì vậy bạn **phải học ngay từ khi lựa chọn khối thi** chứ không phải đợi đến lúc thi mới học. Kiến thức cơ bản thì phải được tích lũy từng ngày, từng giờ, phân bố thời gian và ôn đều các phần thuộc chương trình.

Phải nắm chắc tất cả các kiến thức đã được trình bày trong sách giáo khoa, kiến thức của từng bài, từng chương. Để nắm chắc được phần kiến thức này thì các bạn **phải làm nhiều bài tập** đây chính là bí quyết thành công của các thủ khoa (“là học và làm hết các bài tập trong sách mà thấy giáo giao, đề thi năm trước, Đức Anh cũng mày mò làm hết”) (Đoàn Đức Anh - Thủ khoa đại học Dược Hà Nội). Hay bạn Lê Đoàn Trang thủ khoa Đại học Ngoại thương cũng là “học tất cả các bài đã học; làm tất cả các bài tập trong sách giáo khoa, một số sách tham khảo và một số đề thi năm trước”. (Lê Đoàn Trang - Thủ khoa Đại học Ngoại Thương).

Để kiến thức thực sự là của mình thì bạn không thể học vẹt, học gao **phải biết hệ thống hóa kiến thức** trong mối liên kết, kế tục và bạn phải biết **“chốt” kiến thức**. Cách học tốt nhất là sau khi học ở trường rồi thì nên sắp xếp thời gian **tự học ở nhà**, biến kiến thức được dạy thành kiến thức của mình tự mình nghiền ngẫm, tự mình cầm bút viết ra các công thức, thì kiến thức mới khắc sâu vào trí nhớ được “tự cây sẽ đào sâu thêm nhiều suy nghĩ cho mình. Chính việc học một mình mới có cơ hội đối chọi với những bài toán học bừa nhưng bao giờ cũng rất thú vị” Bùi Anh Đức - Thủ khoa trường Đại học Xây dựng năm 2004 tâm sự.

Các bạn nên học theo phương pháp **“tái hiện lại kiến thức”**. Đi nghe thầy giáo giảng về nhà sau một thời gian nghỉ ngơi các bạn nên ngồi tái hiện lại kiến thức (suy nghĩ xem hôm nay học vấn đề gì - Nội dung của vấn đề ấy là gì...). Phải đọc kỹ sách giáo khoa, nghiền ngẫm cho hiểu rõ từng ý nếu cần thì có đối chiếu với hình vẽ cho hiểu rõ, thậm chí có thể học thuộc cả hình vẽ. Như vậy kiến thức mới ngấm dần vào trí nhớ và hiểu rõ vấn đề.

Nói tóm lại là bạn phải chủ động trong việc hệ thống những kiến thức đã học ở trường. Để thi sẽ chỉ bao gồm những kiến thức đã học của chương trình học phổ thông nhưng thành công chỉ đến với những bạn làm tốt việc hệ thống hóa khối kiến thức này.

10. Hướng dẫn trả lời câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn:

Năm 2007 Bộ GD&ĐT dự kiến sẽ thi 4 môn (Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Sinh học) bằng phương pháp thi trắc nghiệm, đây là một vấn đề mà các thí sinh sẽ lúng túng, chúng tôi xin cung cấp cho các bạn một số thông tin và cách làm bài thi trắc nghiệm:

*** Thời gian làm bài thi trắc nghiệm:** Đối với mỗi môn thi trắc nghiệm tốt nghiệp, thời gian làm bài là 60 phút. Đối với mỗi môn thi trắc nghiệm tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, thời gian làm bài là 90 phút.

*** Phiếu trả lời trắc nghiệm:** Thí sinh làm bài thi trên phiếu trả lời trắc nghiệm được in sẵn theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bài làm của thí sinh (phiếu trả lời trắc nghiệm) được chấm bằng máy chấm chuyên dụng (mẫu phiếu trả lời trắc nghiệm tham khảo kèm theo trong Phụ lục).

*** Đề thi:** Đối với cả 02 loại đề thi trắc nghiệm và tự luận:

1. a) Trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (bao gồm cả bổ túc trung học phổ thông), có đề thi riêng cho: Thí sinh học chương trình THPT phân ban thí điểm; Thí sinh học chương trình THPT không phân ban; Thí sinh học chương trình bổ túc THPT.

b) Đề thi tuyển sinh đại học, cao đẳng: có phần chung cho tất cả thí sinh và phần riêng cho thí sinh phân ban thí điểm, phần riêng cho thí sinh không phân ban (thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 phần riêng của đề thi).

2. Cấu trúc đề thi tự luận được thay đổi mạnh theo hướng tăng việc kiểm tra tính sáng tạo, kỹ năng thực hành của thí sinh; mỗi đề thi gồm nhiều câu hỏi riêng biệt.

3. Đề thi trắc nghiệm cũng được in sẵn, phát cho từng thí sinh; tất cả các câu trắc nghiệm trong đề thi đều có 4 lựa chọn: A, B, C, D. Số phiên bản đề thi do máy tính xáo trộn là nội dung được bảo mật đến khi thi xong.

*** Hướng dẫn trả lời câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn:**

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn có hai phần, phần đầu (được gọi là phần dẫn) nêu ra vấn đề, cung cấp thông tin cần thiết hoặc nêu một câu hỏi; phần sau là các phương án để chọn (được đánh dấu bằng các chữ cái A, B, C, D).

Trong các phương án để chọn chỉ có duy nhất một phương án đúng (trong các kỳ thi hiện nay chỉ dùng loại này); các phương án khác được đưa vào có tác dụng "gây nhiễu" đối với thí sinh.

Nếu không nắm vững kiến thức về vấn đề đã nêu, thí sinh sẽ không nhận biết được trong các phương án để chọn đâu là phương án đúng.

Thí dụ (câu trắc nghiệm môn Tiếng Anh):

Chọn cụm từ thích hợp với phần để trống trong câu sau:

If he had listened to our advice, he.....his examination.

A. won't fail B. would not have failed C. would not fail D. did not fail

Trả lời: chọn B

Đề thi trắc nghiệm do Bộ GD&ĐT tổ chức biên soạn. Các câu trắc nghiệm trong đề thi đều có 4 lựa chọn A, B, C, D.

Đề thi được in sẵn và có nhiều phiên bản (mỗi phiên bản có một mã đề thi), do máy tính tự động xáo trộn thứ tự câu cũng như thứ tự các phương án A, B, C, D. Số phiên bản đề thi là nội dung được bảo mật đến khi thi xong.

*** Phiếu trả lời trắc nghiệm:**

Thí sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm được in sẵn theo quy định của Bộ GD&ĐT, để chấm bằng hệ thống tự động (gồm máy quét và máy tính với phần mềm chuyên dụng).

Những điều thí sinh cần lưu ý khi thi làm bài trắc nghiệm

1. Ngoài những vật dụng được mang vào phòng thi như quy định trong Quy chế thi, để làm bài trắc nghiệm, thí sinh cần mang theo bút chì đen (loại mềm: 2B,...6B), dụng cụ gọt bút chì, tẩy chì, bút mực hoặc bút bi (mực khác màu đỏ).

Nên mang theo đồng hồ để theo dõi giờ làm bài.

2. Ngay sau khi nhận được phiếu trả lời trắc nghiệm, thí sinh dùng bút mực hoặc bút bi điền đầy đủ bằng chữ vào các mục để trống từ số 1 đến số 8; ghi số báo danh với đầy đủ các chữ số (kể cả chữ số 0 ở đầu số báo danh, nếu có) vào các ô vuông nhỏ trên đầu các cột của khung số báo danh (mục 9).

Sau đó, chỉ dùng bút chì, lần lượt theo từng cột tô kín ô có chữ số tương ứng với chữ số ở đầu cột. Lưu ý chưa ghi mã đề thi (mục 10).

3. Khi nhận được đề thi, thí sinh ghi tên và số báo danh của mình vào đề thi. Phải kiểm tra để đảm bảo rằng: đề thi có đủ số lượng câu trắc nghiệm như đã ghi trong đề; nội dung đề được in rõ ràng, không thiếu chữ, mất nét; tất cả các trang của đề thi đều ghi cùng một mã đề thi (ở cuối trang). Nếu có những chi tiết bất thường, thí sinh phải báo ngay cho giám thị để xử lý.

Đề thi có mã số riêng. Thí sinh xem mã đề thi (in trên đầu đề thi) và dùng bút mực hoặc bút bi ghi ngay 3 chữ số của mã đề thi vào 3 ô vuông nhỏ ở đầu các cột của khung chữ nhật (mục số 10 trên phiếu trả lời trắc nghiệm); sau đó chỉ dùng bút chì lần lượt theo từng cột tô kín ô có chữ số tương ứng với chữ số ở đầu mỗi cột.

4. Khi trả lời từng câu trắc nghiệm, thí sinh cần đọc kỹ nội dung câu trắc nghiệm. Phải đọc hết trọn vẹn mỗi câu trắc nghiệm, cả phần dẫn và bốn lựa chọn A, B, C, D để chọn phương án đúng (A hoặc B, C, D) và chỉ dùng bút chì tô kín ô tương ứng với chữ cái A hoặc B, C, D trong phiếu trả lời trắc nghiệm.

Chẳng hạn, thí sinh đang làm câu 5, chọn C là phương án đúng thì thí sinh tô đen ô có chữ C trên dòng có số 5 của phiếu trả lời trắc nghiệm.

5. Cần đặc biệt chú ý những điều sau đây:

a) Làm đến câu trắc nghiệm nào thí sinh dùng bút chì tô ngay ô trả lời trên phiếu trả lời trắc nghiệm, ứng với câu trắc nghiệm đó. Tránh làm toàn bộ các câu của đề thi trên giấy nháp hoặc trên đề thi rồi mới tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm, vì dễ bị thiếu thời gian.

b) Tránh việc chỉ trả lời trên đề thi hoặc giấy nháp mà quên tô trên phiếu trả lời trắc nghiệm.

c) Chỉ tô các ô bằng bút chì. Trong trường hợp tô nhầm hoặc muốn thay đổi câu trả lời, thí sinh dùng tẩy tẩy thật sạch chỉ ở ô cũ, rồi tô ô khác mà mình mới lựa chọn.

d) Số thứ tự câu trả lời mà thí sinh làm trên phiếu trả lời trắc nghiệm phải trùng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Tránh trường hợp trả lời câu trắc nghiệm này nhưng tô vào hàng của câu khác trên phiếu trả lời trắc nghiệm.

e) Tránh việc tô 2 ô trở lên cho một câu trắc nghiệm (vì câu trắc nghiệm chỉ được chấm nếu chỉ có 1 phương án trả lời).

g) Không nên dừng lại quá lâu trước một câu trắc nghiệm nào đó; nếu không làm được câu này thí sinh nên tạm thời bỏ qua để làm câu khác; cuối giờ có thể quay trở lại làm câu trắc nghiệm đã bỏ qua, nếu còn thời gian.

6. Khi thi trắc nghiệm, thí sinh phải tuân thủ các quy định chung trong Quy chế thi hiện hành và những yêu cầu về thi trắc nghiệm:

a) Chỉ có phiếu trả lời trắc nghiệm mới được coi là bài làm của thí sinh. Bài làm phải có 2 chữ ký của 2 giám thị.

b) Trên phiếu trả lời trắc nghiệm chỉ được viết một thứ mực không phải là mực đỏ và tô chỉ đen ở ô trả lời; không được tô bất cứ ô nào trên phiếu trả lời trắc nghiệm bằng bút mực, bút bi.

c) Khi tô các ô bằng bút chì, phải tô đậm và lấp kín diện tích cả ô; không gạch chéo hoặc chỉ đánh dấu vào ô được chọn.

d) Ứng với mỗi câu trắc nghiệm chỉ được tô 1 ô trả lời.

đ) Để cho bài làm của thí sinh được chấm (bằng máy) thí sinh phải giữ phiếu sạch sẽ, không làm rách, làm nhàu hoặc có vết gấp, mép giấy bị quăn.

e) Ngoài 10 mục cần ghi trên phiếu bằng bút mực và các câu trả lời tô chì, thí sinh tuyệt đối không được viết gì thêm hoặc để lại dấu hiệu riêng trên phiếu trả lời trắc nghiệm. Bài có dấu riêng sẽ bị coi là phạm quy và không được chấm điểm.

g) Thí sinh có thể viết nháp trên giấy nháp, nhưng không được chép lại bất cứ câu trắc nghiệm nào của đề thi ra giấy. Không được tháo rời từng tờ của đề thi.

h) Thí sinh làm xong bài phải ngồi tại chỗ, không nộp bài trắc nghiệm trước khi hết giờ làm bài.

l) Khi hết giờ làm bài thi trắc nghiệm, có lệnh thu bài, thí sinh phải ngừng làm bài, bỏ bút xuống, úp sấp đề thi và phiếu trả lời trắc nghiệm xuống mặt bàn, chờ nộp phiếu trả lời trắc nghiệm và đề thi theo hướng dẫn của giám thị.

Thí sinh không làm được bài vẫn phải nộp phiếu trả lời trắc nghiệm và đề thi. Khi nộp phiếu trả lời trắc nghiệm, thí sinh phải ký tên vào danh sách thí sinh nộp bài.

k) Thí sinh chỉ được rời khỏi chỗ của mình sau khi giám thị đã kiểm đủ số phiếu trả lời trắc nghiệm của cả phòng thi và cho phép thí sinh ra về.

l) Thí sinh được đề nghị phúc khảo bài thi trắc nghiệm của mình; để được phúc khảo, thí sinh làm các thủ tục theo quy chế.

*** Giới thiệu cấu trúc một số đề thi trắc nghiệm tuyển sinh Đại học - Cao đẳng năm 2007 (dự kiến)**

Ghi chú: Chữ số trong ngoặc đơn là số lượng (dự kiến) câu trắc nghiệm của từng phần.

MÔN: TIẾNG ANH

LANGUAGE STRUCTURE	SKILLS
Phonetics (5) • Stressing, and/or • Vowels & consonants Grammar & cultural tips (10) • Tenses & sequence of tenses • Syntactical structures • Connectives • Simple communicative functions, and others Vocabulary (10) • Word formation • Word choice/collocations	Reading skills (40) • General cloze procedures (2 texts, ± 200-word long) • Reading comprehension: 2 texts (each being ± 400-word long) with questions that require short responses (cultural tips welcomed) Writing skills (15) • Transformational writing (completion: phrase>clause level) • Writing error identification & correction • Synonymous sentences

MÔN: TIẾNG NGHA

1- Bài tập ngữ pháp (30) 1.1. Giới từ 1.2. Danh từ 1.3. Động từ 1.4. Tính từ 1.5. Đại từ 1.6. Số từ 1.7. Liên từ 2- Bài tập từ vựng (5) 3- Tìm lỗi (10) 3.1. Đối cách 3.2. Thể động từ 3.3. Chia động từ 3.4. Giới từ 3.5. Từ vựng	4- Bài tập tình huống (5) 5- Điền từ/cụm từ (10) 5.1. Giới từ 5.2. Ý nghĩa từ vựng 5.3. Thể động từ 5.4. Liên từ 5.5. Tính từ/đại từ 6- Đọc hiểu (Bài khoá khoảng 150 từ) (5) 7- Bài tập câu (15) 7.1. Kết thúc câu 7.2. Câu đồng nghĩa 7.3. Dựa vào từ gợi ý viết câu
---	--

MÔN: TIẾNG PHÁP

1- Kiến thức tiếng: 1.1- Ngữ pháp (24) • Từ nối • Giới từ • Động từ	2- Đọc hiểu: (32) • 1 bài test closure • 1 bài texte • 1 bài texte 3- Viết: (16)
---	--

- Đại từ - Tính từ - Cấu trúc câu 1.2- Từ vựng (8) - Cấu tạo từ - Từ cùng nhóm - Từ đồng nghĩa, trái nghĩa - Chọn từ	- Tìm câu có trật tự đúng - Chọn câu tương ứng - Tìm lỗi viết
--	---

MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC

1- Ngữ âm (10) 1.1. Thanh mẫu 1.2. Vận mẫu 1.3. Thanh điệu 2- Từ vựng và ngữ nghĩa (15) 2.1. Giải nghĩa từ 2.2. Từ đồng nghĩa 2.3. Giải nghĩa cụm từ 3- Từ loại (5)	4- Chức năng cú pháp (10) 4.1. Chức năng cú pháp từ 4.2. Chức năng cú pháp cụm từ 5- Câu phức (10) 5.1. Từ nối 5.2. Cặp từ nối 6- Cách dùng của từ loại (20) 6.1. Thực từ (10 loại) 6.2. Hư từ (4 loại) 7- Bài đọc kĩ năng thực hành (10)
--	--

MÔN: VẬT LÝ

1- Dao động cơ học (6) - Đại cương về dao động điều hòa - Con lắc lò xo - Con lắc đơn - Tổng hợp dao động - Dao động tắt dần - Dao động cưỡng bức và hiện tượng cộng hưởng 2- Sóng cơ học, âm học (4) - Đại cương về sóng cơ học - Sóng âm - Giao thoa - Sóng dừng 3- Dòng điện xoay chiều (9) - Đại cương về dòng điện xoay chiều - Dòng điện xoay chiều trong đoạn mạch xoay chiều chỉ có điện trở thuần, cuộn cảm hoặc tụ điện - Dòng điện xoay chiều trong đoạn mạch không phân nhánh - Công suất của dòng điện xoay chiều - Máy phát điện xoay chiều một pha	6- Mắt và các dụng cụ quang học (4) - Máy ảnh - Mắt - Kính lúp - Kính hiển vi - Kính thiên văn 7- Tính chất sóng của ánh sáng (6) - Tán sắc ánh sáng - Giao thoa ánh sáng - Bước sóng mà màu sắc ánh sáng - Mây quang phổ - Quang phổ liên tục - Quang phổ vạch - Tia hồng ngoại - Tia tử ngoại - Tia Rơn ghen 8- Lượng tử ánh sáng (5) - Hiện tượng quang điện ngoài - Thuyết lượng tử ánh sáng
--	--

• Dòng điện xoay chiều ba pha • Động cơ không đồng bộ ba pha • Máy biến thế, sự truyền tải điện năng • Máy phát điện một chiều • Chính lưu dòng điện xoay chiều 4- Dao điện từ, sóng điện từ (4) • Mạch dao động, dao động điện từ • Điện từ trường • Sóng điện từ • Sự phát và thu sóng điện từ 5- Sự phản xạ và khúc xạ ánh sáng (6) • Gương phẳng • Gương cầu • Sự khúc xạ ánh sáng và chiết suất • Hiện tượng phản xạ toàn phần • Lăng kính • Thấu kính mỏng	• Hiện tượng quang dẫn, quang trở, pin quang điện • Mẫu Bo và Nguyên tử Hydrô 9- Vật lý hạt nhân (6) • Cấu tạo của hạt nhân nguyên tử, đơn vị khối lượng nguyên tử • Sự phóng xạ • Phản ứng hạt nhân • Hệ thức Anhxtanh giữa năng lượng và khối lượng. Độ hụt khối, năng lượng liên kết, năng lượng liên kết riêng • Năng lượng hạt nhân
--	---

MÔN: HÓA HỌC

Phần 1: (43) • Đại cương kim loại • Kim loại cụ thể (nhóm I, II, III, Al, Fe) • Phi kim và hợp chất • Hidrocarbon • Cacbohidrat (hoặc Gluxit) • Amin - Aminoaxit, protit • Polime • Ancol - phenol • Andehit, axit cacboxylic • Este-Lipit • Tổng hợp vô cơ • Tổng hợp hữu cơ	Phần 2: (7) • Crom, đồng, niken, chì, kẽm, bạc, vàng. • Dây thế điện cực chuẩn • Xeton • Phân tích hoá học • Hóa học và các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường
--	--

MÔN: SINH HỌC

1- Biến dị (12) 1.1. Đột biến gen 1.2. Đột biến nhiễm sắc thể 1.3. Thường biến 2- Ứng dụng di truyền học vào chọn giống (9) 2.1. Kỹ thuật di truyền 2.2. Đột biến nhân tạo 2.3. Các phương pháp lai + ưu thế lai 3- Di truyền học người (5) 4- Sự phát sinh sự sống (3)	5- Sự phát triển của sinh vật (2) 6- Nguyên nhân và cơ chế tiến hoá (12) 6.1. Thuyết Lamarac 6.2. Thuyết ĐacUyn 6.3. Di truyền học quần thể 6.4. Các nhân tố tiến hóa 6.5. Sự hình thành loài 7- Phát sinh loài người (2) 8- Lớp 11: Các quy luật di truyền (4) 9- Lớp 10: (1)
---	--

Nhìn vào cấu trúc đề thi trắc nghiệm (dự kiến) của các môn thi bạn có thể thấy số lượng các câu trắc nghiệm cho 1 môn là tương đối nhiều, trong khi thời gian làm bài chỉ trong vòng 90 phút vì thế bạn phải phân bổ thời gian sao cho hợp lý để có thể làm được hết các câu có trong đề.

Đối với môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung Quốc) dự kiến có khoảng 80 câu hỏi với thời gian làm bài là 90 phút. Điều đó có nghĩa là trừ khoảng thời gian đọc đề khi bắt đầu nhận được đề thi và thời gian kiểm tra lại bài làm khi đã làm xong thì bạn chỉ có thể dành trung bình khoảng 1 phút cho mỗi câu trả lời. Khối lượng kiến thức được sử dụng trong đề thi được phân bổ dọc theo chương trình học vì vậy bạn phải học đều tất cả các kiến thức có trong chương trình học, không được "học tủ", "học lệch".

Đối với đề thi các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học cũng tương tự, lượng câu hỏi dự kiến cho mỗi đề thi là khoảng 50 câu. Như vậy thời gian dành cho mỗi câu hỏi khoảng trên 1 phút (tùy câu dễ hay khó), bạn cũng cần chia thời gian làm bài cho hợp lý, đừng tập trung quá lâu vào một câu hỏi nào đó để đến khi sẽ không còn thời gian làm những câu khác. Lượng kiến thức dành cho mỗi đề thi khá lớn và có nhiều ý tương đối nhỏ, để có kết quả làm bài thi trắc nghiệm tốt nhất cho các môn học này bạn phải học đều, học chắc tất cả các kiến thức có trong chương trình môn học, như thế bạn mới có thể đưa ra được những quyết định nhanh và đúng đắn, tránh do dự để dẫn đến nhầm lẫn đáng tiếc.

11. Trước ngày thi:

- Trước khi thi một ngày (trừ các trường năng khiếu có quy định riêng) bạn phải có mặt tại trường đã ĐKDT để làm thủ tục dự thi.

- Xuất trình giấy tốt nghiệp tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp (mang theo thẻ học sinh, giấy chứng minh thư nhân dân để xuất trình khi cần).

- Nộp lệ phí dự thi.

- Nhận thẻ dự thi (trước buổi thi đầu tiên nộp thẻ dự thi cho cán bộ coi thi).

- Nhận phòng thi và nghe phổ biến quy chế dự thi.

- Bạn nên tìm địa điểm thi trước 2 ngày để tránh những trục trặc dọc đường. Nếu vắng mặt một buổi thi bạn sẽ không được thi tiếp các buổi sau.

- Đối với những bạn ở các tỉnh về dự thi ở thành phố, các trường đại học với hệ thống kí túc xá sẵn sàng cho bạn ở trọ. Các trường bao giờ cũng có sơ đồ hệ thống địa điểm thi, những bạn không được thi tại trường hoặc không đăng ký ở trong kí túc xá của trường được nên căn cứ vào địa điểm thi để tìm chỗ trọ hay người quen ở gần để tránh trường hợp ách tắc giao thông. Các bạn cũng cần tìm hiểu trước đường qua bản đồ và các chỉ dẫn giao thông khác và phải lưu ý ở nội thành có khá nhiều đường một chiều - nơi thường xảy ra tình trạng ách tắc giao thông.

- Nếu gặp những sự cố ngoài ý muốn (mất cấp giấy tờ, nhầm lẫn giấy tờ ĐKDT, ngày sinh, quê quán, mã số...) bạn hãy đến phòng đào tạo của trường dự thi sẽ được giải quyết, nên giải quyết ngay để tránh áp lực tâm lý khi vào phòng thi.

12. Khi vào phòng thi:

- Chỉ được mang vào phòng thi bút viết (bạn nên mang theo 2 chiếc trở lên, cùng màu, nên là màu đen), bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính, máy tính điện tử cá nhân không có phím chữ cái, giấy thấm chưa dùng, giấy nháp (nếu trường không bán giấy nháp, giấy nháp phải có chữ ký của CBCT mới được quyền sử dụng).

Tuyệt đối không mang vào phòng thi những phương tiện hiện đại giúp đỡ như Điện thoại,... để tránh các trường hợp đánh tiếc xảy ra, như trường hợp một bạn thí sinh thi Học viện Báo chí tuyên

truyền chỉ còn ba phút nữa là hết giờ, thế nhưng do quá lo lắng cho người yêu mà “anh bạn” đã nhấn một cái tin vô cùng lãng mạn để rồi cuối cùng, bạn gái phải chịu thiệt thòi, huỷ kết quả bài thi. Thêm một năm đi ôn nữa.

- Trước khi làm bài phải ghi đầy đủ số báo danh (cả phần chữ và số) vào giấy thi và nhất thiết phải yêu cầu cả 2 CBCT ký tên vào giấy thi.

- Khi đọc bài thi nếu cảm thấy không làm được bạn nên úp bài thi xuống để lấy lại bình tĩnh.

- Bạn phải bảo vệ bài làm của mình.

- Khi nộp bài, bạn phải tự ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên xác nhận vào bản danh sách theo dõi thí sinh. Không được nộp giấy nháp thi.

- Nếu môn đầu không may làm không tốt hay yếu, bạn cứ yên tâm, 2 môn thi sau các bạn vẫn còn cơ hội vì điểm chuẩn vào trường được tính bằng tổng điểm 3 môn thi.

- Khi đi thi bạn không nên mang “phao” vào phòng thi vì một phòng thi có 35 thí sinh với 2 giám thị cùng với 1 giám thị hành lang và ban thanh tra, bạn chỉ đạo tuyển sinh của Bộ giáo dục và Đào tạo, do đó bạn ít có cơ hội dùng “phao”, tâm lý ý lại vào “phao” và tìm cách quay cốp sẽ làm mất thời gian vô ích.

- Trường hợp ốm đau bất thường bạn phải báo cáo cho CBCT.

13. Khi làm bài thi:

Sau khi phát đề phải đọc kỹ đề để xác định đề thi có bao nhiêu câu, câu nào dễ câu nào khó, câu dễ làm trước, câu khó làm sau. Điều chú ý khi các bạn làm bài thi là phải phân bố thời gian cho hợp lý, gạch dưới những ý chính, những từ quan trọng trong đề để tránh nhầm lẫn, dẫn đến lạc đề.

Tối “kỵ” khi làm bài thi là sai cơ bản, lạc đề hoặc gạch xóa lung tung trong khi làm bài. Thí sinh tuyệt đối không được dùng bút đỏ, bút xóa, không dùng hai thứ mực trong bài thi bởi làm như vậy bài làm của các bạn sẽ bị coi là bị đánh dấu bài.

Các bạn nên nhớ rằng không đời nào giám khảo ra một đề thi để làm trong 3 tiếng mà để thí sinh chỉ cần giải trong 1 tiếng là xong. Vì vậy đừng ra sớm dù chỉ là một phút. Hãy làm cẩn thận, đọc lại phần bài làm kiểm tra kỹ lưỡng những gì đã viết. Làm cẩn thận và trọn vẹn từng câu.

14. Khi biết kết quả thi:

Nếu thấy kết quả điểm thi được thông báo là quá thấp hoặc khác hẳn chất lượng bài làm của các bạn (sau khi đã so sánh với đáp án được công bố trên mạng Internet và các phương tiện thông tin đại chúng) thì các bạn nên làm đơn xin phúc tra vì có rất nhiều trường hợp điểm bài làm rất cao nhưng khi vào máy (nhập điểm vào máy tính) thì có sự nhầm lẫn hoặc các thầy chấm cộng điểm nhầm.

Ví dụ: một số trường hợp điểm sau khi phúc khảo cao hơn rất nhiều so với điểm trước khi phúc khảo đồng thời từ trượt chuyển thành trúng tuyển (số liệu năm 2006):

- + Trường Đại học Kinh tế quốc dân: chỉ riêng khối A đã có 552 thí sinh nộp đơn xin phúc khảo, trong đó, môn Toán có 128 thí sinh xin phúc khảo, môn Vật lý có 231 thí sinh, môn Hóa học có 193 thí sinh. Sau khi phúc khảo tuy chỉ có 32 thí sinh được sửa điểm nhưng đã có 14 thí sinh từ trượt thành đỗ. Cả 14 thí sinh này đều nộp đơn xin phúc khảo cả 3 môn thi (dưới đây là 3 trong số trường hợp mà điểm sau khi phúc khảo cao hơn rất nhiều so với trước):

STT	SBD	Họ và tên	Điểm trước PK				Điểm sau PK				Lý do
			Toán	Lý	Hóa	Tổng	Toán	Lý	Hóa	Tổng	
01	KHAA5281	Nguyễn Tích Huy	1.5	6.75	9.25	17.5	6.5	6.75	9.25	26.5	Nhập nhầm điểm
02	KHAA1235	Trần Thị Chung	8.0	0.0	6.5	14.5	8.0	9.0	6.5	23.5	Nhập nhầm điểm
03	KHAA00016	Nguyễn Thủy An	25.0	0.25	9.25	16.75	25.0	9.25	9.25	25.75	Nhập nhầm điểm

+ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có 250 bài thi xin phúc tra, kết quả có 18 bài thi được chỉnh điểm trong đó có 09 trường hợp từ trượt thành trúng tuyển (xem danh sách dưới đây):

STT	Số BD	Họ và tên	Môn	Điểm cũ	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
01	SPHA 939	Doãn Thị Kim Huế	Toán	6.75	7.5	Cộng sót điểm câu 2
02	SPHA 2194	Nguyễn Thị Giang	Toán	7.25	8.25	Chấm sót câu III.a.1
03	SPHA 2444	Nguyễn Hữu Quyến	Hóa	6.5	8.5	Cộng sót điểm thành phần
04	SPHA 3646	Trần Thị Đoàn Trang	Toán	8.0	8.5	Chấm sót câu IV
05	SPHD1 5909	Nguyễn Thị Thùy Linh	Văn	6.5	7.0	Chấm sót ý
06	SPHN 8399	Nguyễn Văn Hưng	Văn	5.5	6.0	Chấm sót ý
07	SPHC 13172	Nguyễn Thị Thùy Linh	Văn	7.0	8.0	Chấm sót ý
08	SPHC 17233	Nguyễn Thị Dịu	Văn	6.5	7.0	Chấm sót ý
09	SPHC 14138	Nguyễn Thị Tiếp	Sử	5.5	6.0	Cộng sót ý câu I, II

Một số trường hợp trước và sau khi phúc khảo điểm không có sự thay đổi, ví dụ: Trường ĐH Giao thông vận tải Tp.HCM:

STT	SBD	Họ tên	Điểm trước phúc khảo			Điểm sau phúc khảo		
			Toán	Lý	Hóa	Toán	Lý	Hóa
01	485	Đinh Tiến Đại	5.25	2.00	5.00	5.25	2.00	5.00
02	690	Mai Ngọc Khánh	4.00	2.75	6.50	4.00	2.75	6.50
03	701	Nguyễn Văn Khôi	2.50	0.75	3.50	2.50	0.75	3.50
04	739	Nguyễn Văn Linh	2.25	3.75	1.50	2.25	3.75	1.50
05	9426	Lê Hữu Nhật	5.00	2.25	7.00	5.00	2.25	7.00

Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý các bạn: chỉ làm đơn xin phúc tra khi kết quả nhận được quá thấp so với dự đoán bởi có trường hợp sau khi phúc tra điểm bị hạ xuống thấp hơn mức điểm ban đầu.

15. Khi trúng tuyển:

Năm 2002, Bộ GD&ĐT đã bắt đầu tiến hành thông báo điểm thi tuyển đại học của bạn cũng như điểm chuẩn của các trường trên mạng Internet, sau khi biết kết quả nếu bạn trúng tuyển, bạn cần phải chuẩn bị những giấy tờ sau:

- Học bạ.

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (THPT, THCN và tương đương) đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp đối với những người đã tốt nghiệp những năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bằng tốt nghiệp

chính để đối chiếu kiểm tra.

- Giấy khai sinh.

- Các giấy tờ xác nhận đối tượng và khu vực ưu tiên (nếu có) như giấy chứng nhận con liệt sĩ, thẻ thương binh hoặc được hưởng chính sách như thương binh của bản thân hoặc của bố mẹ, hộ khẩu thường trú của thí sinh...

(Các giấy tờ trên các trường đều thu bản photocopy sau khi đã kiểm tra, đối chiếu với bản chính).

- Giấy báo trúng tuyển.

- Hồ sơ trúng tuyển (theo mẫu in sẵn của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

PHẦN III

CÁC BẢNG THỐNG KÊ
SỐ LIỆU TUYỂN SINH

PHỤ LỤC I:

**TỈ LỆ "CHỌI" TRUNG BÌNH CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHU VỰC PHÍA BẮC TỪ NĂM 1999 ĐẾN 2006**

STT	Trường/Khoa	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
1	Đại học Quốc gia Hà Nội								
	Đại học Khoa học Tự nhiên	19.6	6.4	10.3	15.9	8.8	7.1	5.2	4.0
	Đại học Công nghệ	-	-	9.2	6.6	4.9	4.3	9.7	4.7
	Đại học Ngoại ngữ	29.6	10.2	8.5	5.5	8.7	4.7	4.9	3.6
	ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	19.6	22.0	20.8	17.5	8.5	11.3	11.3	9.3
	Khoa Kinh tế	-	11.6	14.1	19.5	8.8	15.6	13.0	8.4
	Khoa Sư phạm	-	-	12.5	6.9	8.1	5.9	8.9	4.3
	Khoa Luật	-	-	11.8	7.6	34.0	10.2	5.1	3.5
2	Đại học Bách khoa Hà Nội	8.3	9.6	9.9	8.2	5.0	3.3	4.1	2.6
3	Đại học Kinh tế Quốc dân	10.3	9.9	9	9.7	7.7	6.3	6.7	4.7
4	Đại học Giao thông Vận tải	12.4	18.7	14.7	8.4	8.2	7.2	5.1	7.4
5	Đại học Xây dựng	9.2	11.5	11.9	7.3	6.8	3.9	5.3	3.0
6	Đại học Kiến trúc Hà Nội	8.9	8.5	8.3	8.0	5.6	8.7	7.9	6.0
7	Đại học Hàng hải	7.6	8.7	9.8	12.8	9.2	9.0	8.2	6.8
8	Học viện Công nghệ BCVT	61.6	39.3	25.5	11.1	10.6	7.4	10.2	11.1
9	Đại học Sư phạm Hà Nội	18.6	54.2	39.0	17.8	12.8	10.2	13.0	7.5
10	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	33.7	31.2	36.1	21.7	19.9	19.2	12.4	9.7
11	Đại học Hà Nội	15.6	11.9	13.7	9.0	9.6	5.8	7.5	7.5
12	Học viện Quan hệ Quốc tế	5.8	7.8	6.3	6.9	6.6	6.5	5.8	5.0
13	Đại học Luật Hà Nội	35.3	23.7	24.8	12.7	8.0	11.5	12.7	13.5
14	Phân viện Báo chí Tuyên truyền	20.9	17.5	16	6.0	10.4	5.6	11.1	7.9
15	Học viện Hành chính Quốc gia	-	23.3	10.1	13.4	13.3	11.7	10.7	10.3
16	Học viện Tài chính	17.8	13.8	13	9.7	6.8	6.5	5.8	7.7
17	Học viện Ngân hàng	25.5	22.7	19.5	12.3	7.0	13.4	10.6	9.0
18	Đại học Ngoại thương	8.6	10.5	10.7	10.4	7.5	6.0	5.8	3.4
19	Đại học Thương mại	10.7	10.0	13.8	11.2	13.0	13.3	14.6	8.7
20	Đại học Nông nghiệp I	14.3	19.7	18	13.7	13.0	13.8	12.5	11.7
21	Đại học Lâm nghiệp	13.5	17.6	15.4	7.6	9.4	9.8	8.4	6.8
22	Đại học Thủy lợi	11	18.1	21.4	9.1	10.9	5.9	7.9	4.0
23	Đại học Mỏ - Địa chất	12.3	9.8	12.5	9.1	9.1	6.5	9.3	8.0
24	Đại học Văn hóa	24.4	28.4	31.7	22.8	17.6	13.2	18.7	12.3
25	Đại học Công đoàn	22.9	22.0	26.0	13.1	11.6	14.1	20.6	15.2
26	Đại học Y Hà Nội	14.6	13.0	17.0	26.3	12.9	12.7	8.5	6.1
27	Đại học Dược Hà Nội	22.0	27.9	13.8	9.3	10.5	4.0	6.8	3.8
28	Đại học Y tế công cộng	-	-	-	50.4	19.0	12.0	11.0	8.6
29	Đại học Y Hải Phòng	20.7	14.8	26.5	22.3	15.2	10.1	8.8	6.2
30	Đại học Y Thái Bình	-	28.2	20.7	21.6	16.2	14.2	12.8	11.7
31	Đại học Mỹ thuật Công nghiệp	17.7	27.6	40.5	29.2	28.0	23.9	25.2	20.5

STT	Trường/Khoa	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
32	Đại học Mỹ thuật Hà Nội	11.7	15.7	11.1	9.3	10.8	10.0	9.8	-
33	Đại học Sân khấu Điện ảnh	62	32.7	19.7	21.5	13.9	16.3	9.0	7.4
34	Nhạc viện Hà Nội	1.4	1.1	3.3	1.8	1.9	1.2	1.1	-
35	Viện Đại học Mở Hà Nội	6.9	10.0	11.9	8.3	11.5	9.0	8.6	8.0
36	Đại học Thái Nguyên								
	Đại học Nông Lâm	-	13.7	14.1	13.4	12.0	-	8.4	7.3
	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	-	13.5	17.3	15.3	15.0	-	11.3	8.0
	Đại học Y	-	18.6	21.3	28.1	22.0	-	13.5	11.7
	Đại học Kinh tế Quản trị kinh doanh	-	-	-	24.7	40	-	22.3	14.9
	Đại học Sư phạm	71.7	46.8	39.1	24.7	44.0	-	22.3	19.1
	Khoa Công nghệ Thông tin	-	-	-	9.9	6.9	-	6.9	-
37	Đại học Thể dục Thể thao 1	33.5	31.9	28.0	24.6	20.5	17.0	15.5	13.9
38	Đại học Vinh	19.7	17.0	20.2	22.5	12.5	12.1	11.5	7.4
39	Đại học Tây Bắc	20.6	23.6	93.0	26.7	33.9	26.4	14.5	9.1
40	Đại học Hải Phòng	-	90.3	26.0	9.7	11.3	8.5	9.7	8.2
41	Đại học Hồng Đức	-	-	-	16.7	18.2	14.0	10.9	4.8
42	Đại học Dân lập Phương Đông	2.5	4.6	5.2	6.2	5.4	5.4	4.3	4.1
43	Đại học Dân lập Thăng Long	1.5	2.3	3.6	2.8	1.0	1.2	1.8	1.9
44	Đại học Kinh doanh và Công nghệ	2.4	3.4	3.8	2.8	2.7	3.2	3.2	3.0
45	Đại học Dân lập Hải Phòng	2.9	4.0	10.5	-	-	-	-	-
46	Đại học Sư phạm Hải Phòng	-	90.3	26.0	9.7	-	-	-	-

Qua bảng số liệu trên, bạn có thể thấy tỉ lệ chọi của từng trường và giữa các trường có sự xê dịch từng năm. Tỉ lệ "chọi" của những trường thuộc khối Sư phạm thường cao hơn so với những trường đào tạo khối khác. Tỉ lệ "chọi" của một số trường như: ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Ngoại thương, ĐH Quốc gia... thường thấp hơn so với những trường cùng khối khác song điểm trúng tuyển vào những trường này luôn thuộc diện "top cao". Những trường như: ĐH Nông nghiệp I, ĐH Lâm nghiệp... thì lại có tỉ lệ "chọi" cao song điểm trúng tuyển lại chỉ thuộc diện "trung bình".

Các trường đại học có địa điểm tại các tỉnh, thường có tỉ lệ chọi cao hơn các trường ở Hà Nội, mặc dù vùng tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh hạn chế.

Như vậy căn cứ vào bảng số liệu trên, bạn cần tham khảo thêm bảng điểm trúng tuyển của các trường đưa ra cho mình được những quyết định đúng đắn.

PHỤ LỤC II:

**TỈ LỆ TRÚNG TUYỂN CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHU VỰC PHÍA BẮC TỪ NĂM 2001 ĐẾN 2006**

TT	Tên trường	Năm 2001			Năm 2002			Năm 2003		
		ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %
1	ĐH Quốc gia Hà Nội:									
	- ĐH Khoa học Tự nhiên	10.842	1.026	9.46	18135	1187	6.55	10065	1169	11.61
	- ĐH Khoa học Xã hội & NV	22.878	1.097	4.79	21705	1249	5.75	10516	1248	11.87
	- ĐH Ngoại ngữ	8.982	924	10.29	6270	1124	17.93	10464	1173	11.21
	- Khoa Kinh tế	3.542	266	7.51	-	232	-	-	302	-
	- Khoa Luật	1.771	156	8.81	-	123	-	-	216	-
	- ĐH Công nghệ	3.408	420	12.32	-	394	-	-	396	-
2	ĐH Bách khoa Hà Nội	36.685	3.446	9.39	30494	3583	11.75	18598	4150	22.31
3	ĐH Kinh tế Quốc dân	27.235	3.304	12.13	31098	3189	10.25	24674	3241	13.14
4	ĐH Giao thông Vận Tải	36.875	2.602	7.06	21861	2562	11.72	22623	3382	14.95
5	ĐH Xây dựng Hà Nội	22.674	2.061	9.09	14985	2057	13.73	14655	2293	15.65
6	ĐH Kiến trúc Hà Nội	8.392	991	11.81	8047	991	12.32	5567	992	17.82
7	ĐH Hàng Hải	14.786	1.485	10.04	17930	1531	8.54	15658	1672	10.68
8	HV Bưu chính Viễn thông	10227	407	3.98	4459	357	8.01	5297	416	7.85
9	ĐH Sư phạm Hà Nội	46.868	1.200	2.56	31972	1430	4.47	23016	1377	5.98
10	ĐH Sư phạm Hà Nội 2	32.517	812	2.50	21702	997	4.59	20906	994	4.75
11	ĐH Hà Nội	13.751	1.067	7.76	9010	1057	11.73	10036	1045	10.41
12	Học viện Quan hệ quốc tế	1.262	221	17.51	1376	213	15.48	1314	213	16.21
13	ĐH Luật Hà Nội	23.621	947	4.01	12047	904	7.50	7976	1274	15.97
14	PV Báo chí Tuyên truyền	8.047	456	5.67	2990	497	16.62	6220	549	8.83
15	HV Hành chính quốc gia	8.137	977	12.01	6681	553	8.28	7951	620	7.80
16	HV Tài chính	14.408	1.261	8.75	10706	1095	10.23	8113	1307	16.11
17	Học viện Ngân hàng	9.300	1.215	13.06	9340	1133	12.13	15240	1348	8.85
18	ĐH Ngoại thương	15.091	1.542	10.22	15083	1445	9.58	10841	1639	15.12
19	ĐH Thương mại	26.344	2.117	8.04	21188	1847	8.72	24630	2278	9.25
20	ĐH Nông nghiệp I	30.758	1.672	5.44	24026	1718	7.15	25915	1907	7.36

TT	Tên trường	Năm 2001			Năm 2002			Năm 2003		
		ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %
21	ĐH Lâm nghiệp	11.595	836	7.21	6103	782	12.81	7976	928	11.63
22	ĐH Thủy lợi	21.495	1.030	4.79	9601	1172	12.21	12027	1175	9.77
23	ĐH Mỏ Địa chất	16.349	1.436	8.78	12344	1305	10.57	12576	1118	8.89
24	ĐH Văn hóa	20.617	734	3.56	15977	690	4.32	12324	490	3.98
25	ĐH Công đoàn	20.817	817	3.92	10465	778	7.43	9242	871	9.42
26	ĐH Y Hà Nội	8.518	549	6.45	11442	398	3.48	5406	375	6.94
27	ĐH Dược Hà Nội	3.465	243	7.01	2231	261	11.70	2717	279	10.27
28	ĐH Y tế Công cộng	-	-	-	4543	85	1.87	1711	89	5.20
29	ĐH Răng Hàm Mặt	-	-	-	-	-	-	1015	30	2.96
30	ĐH Y Hải Phòng	3.457	135	3.91	2904	155	5.34	2280	129	5.66
31	ĐH Y Thái Bình	5.040	217	4.31	3990	159	3.98	2924	138	4.72
32	ĐH Mỹ thuật công nghiệp	3.649	96	2.63	3799	141	3.71	3363	111	3.30
33	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	1.062	95	8.95	1027	109	10.61	914	90	9.85
34	ĐH Sân khấu-Điện ảnh	3.161	174	5.50	4519	236	5.22	3886	258	6.64
35	Nhạc viện Hà Nội	499	135	27.05	351	149	42.45	287	130	45.30
36	Viện ĐH Mở Hà Nội	21.562	2.170	10.06	15461	1834	11.86	21783	1860	8.54
37	ĐH Thái Nguyên	-	-	-	73257	3146	4.29	80233	3810	4.75
38	ĐH SP kỹ thuật Hưng Yên	-	-	-	-	-	-	XT	210	-
39	ĐH Thể dục thể thao 1	13.168	550	4.18	13516	558	4.13	10253	502	4.90
40	ĐHSP TĐTT Hà Tây	-	-	-	-	-	-	8117	69	0.85
41	ĐH Vinh	34.360	1.797	5.23	44975	1775	3.95	26283	2233	8.50
42	ĐH Tây Bắc	21522	67	0.31	14760	307	2.08	4906	410	8.36
43	ĐH Hải Phòng	11.315	431	3.81	6835	659	9.64	8527	632	7.41
44	ĐH Hồng Đức	22.797	446	1.96	13984	778	5.56	18973	976	5.14
45	ĐH Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	3975	-	-
46	ĐH Dân lập Phương Đông	7.880	1.630	20.69	9287	1441	15.52	8151	1414	17.35
47	ĐH Dân lập Thăng Long	3.600	911	25.31	2846	998	35.07	963	1082	112.36
48	ĐH Dân lập Đông Đô	16.467	4205	25.54	-	-	-	XT	484	-
49	ĐHDL Quản lý Kinh doanh	5.337	1.467	27.49	3940	1695	43.02	3713	1578	42.50
50	ĐH Dân lập Hải Phòng	12.694	1.307	10.30	-	1641	-	XT	1735	-

TT	Tên trường	Năm 2004			Năm 2005			Năm 2006		
		ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %
1	ĐH Quốc gia Hà Nội:									
	- ĐH Khoa học Tự nhiên	7484	988	13.20	5688	1046	18.39	4882	942	19.30
	- ĐH Khoa học Xã hội & NV	14495	1270	8.76	14743	1267	8.59	13709	1258	9.18
	- ĐH Ngoại ngữ	5664	1169	20.64	5905	1167	19.76	4920	1140	23.17
	- Khoa Kinh tế	5381	330	6.13	4498	318	7.07	3512	325	9.25
	- Khoa Luật	2865	268	9.35	1432	256	17.88	1181	281	23.79
	- ĐH Công nghệ	2044	445	21.77	4871	498	10.22	2999	543	18.11
	- Khoa Sư phạm	1755	275	15.67	2664	288	10.81	1357	268	19.75
2	ĐH Bách khoa Hà Nội	12314	3948	32.06	15295	4088	26.73	10950	3670	33.52
3	ĐH Kinh tế Quốc dân	21008	3695	17.59	23594	3839	16.27	18616	3916	21.04
4	ĐH Giao thông Vận tải	20061	2950	14.71	15405	3137	20.36	21724	3378	15.55
5	ĐH Xây dựng Hà Nội	8558	2281	26.65	13351	2734	20.48	9323	2736	29.35
6	ĐH Kiến trúc Hà Nội	8672	1038	11.97	8256	1120	13.57	8014	1226	15.30
7	ĐH Hàng Hải	16679	2038	12.22	17110	2247	13.13	15316	2588	16.90
8	HV Bưu chính Viễn thông	3675	510	13.88	5598	569	10.16	4086	406	9.94
9	ĐH Sư phạm Hà Nội	19412	1512	7.79	19949	1524	7.64	17386	1247	7.17
10	ĐH Sư phạm Hà Nội 2	21065	937	4.45	16060	1115	6.94	15095	1211	8.02
11	ĐH Hà Nội	6910	1192	17.25	9781	1387	14.18	11558	1539	13.32
12	Học viện Quan hệ quốc tế	1300	229	17.62	1165	207	17.77	1261	363	28.79
13	ĐH Luật Hà Nội	13225	1334	10.09	15195	1335	8.79	19078	1400	7.34
14	PV Báo chí Tuyên truyền	3672	658	17.92	7745	667	8.61	7286	736	10.10
15	HV Hành chính quốc gia	7614	702	9.22	8598	954	11.10	10354	877	8.47
16	HV Tài chính	9107	1495	16.42	9294	1703	18.32	14722	2145	14.57
17	Học viện Ngân hàng	18496	960	5.19	13068	1270	9.72	14452	1757	12.16
18	ĐH Ngoại thương	8672	1579	18.21	9201	2062	22.41	9786	2561	26.17
19	ĐH Thương mại	25215	2204	8.74	31454	2350	7.47	25659	2541	9.90
20	ĐH Nông nghiệp I	31693	2591	8.18	31272	2612	8.35	32448	2714	8.36
21	ĐH Lâm nghiệp	8782	1042	11.87	7949	1185	14.91	7632	1229	16.10
22	ĐH Thủy lợi	7135	1237	17.34	10274	1314	12.79	5699	1286	22.57
23	ĐH Mỏ Địa chất	9804	1559	15.90	15731	1743	11.08	14125	1999	14.15
24	ĐH Văn hóa	9918	756	7.62	14592	743	5.09	11080	833	7.52

TT	Tên trường	Năm 2004			Năm 2005			Năm 2006		
		ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %
25	ĐH Công đoàn	11283	937	8.30	17471	1004	5.75	15885	1203	7.57
26	ĐH Y Hà Nội	6878	423	6.15	4229	477	11.28	5331	617	11.57
27	ĐH Dược Hà Nội	1489	394	26.46	2730	420	15.38	1962	428	21.81
28	ĐH Y tế Công cộng	1108	103	9.30	1334	99	7.42	1101	112	10.17
29	ĐH Răng Hàm Mặt	561	82	14.62	638	77	12.07	702	69	9.83
30	ĐH Y Hải Phòng	2513	266	10.58	2631	289	10.98	2348	326	13.88
31	ĐH Y Thái Bình	3679	288	7.83	3839	288	7.50	5513	408	7.40
32	ĐH Mỹ thuật công nghiệp	2873	121	4.21	3028	119	3.93	3127	131	4.19
33	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	796	75	9.42	587	55	9.37	497	60	12.07
34	ĐH Sân khấu-Điện ảnh	3007	188	6.25	2577	277	10.75	3189	277	8.69
35	Nhạc viện Hà Nội	137	59	43.07	116	82	70.69	155	121	78.06
36	Viện ĐH Mở Hà Nội	18012	2139	11.88	19010	2634	13.86	24225	2755	11.37
37	ĐH Thái Nguyên	72509	4421	6.11	72889	4687	6.43	69550	4874	7.01
38	ĐH SP kỹ thuật Hưng Yên	XT	490	-	XT	796	-	XT	700	-
39	ĐH Thể dục thể thao 1	9711	567	5.84	9787	682	6.97	9220	590	6.40
40	ĐHSP TDTT Hà Tây	10379	195	1.88	10902	270	2.48	11213	369	3.29
41	ĐH Vinh	26562	2115	7.96	26524	2484	9.37	22286	2865	12.86
42	ĐH Tây Bắc	12025	697	5.80	14455	903	6.25	13477	1030	7.64
43	ĐH Hải Phòng	6846	830	12.12	10643	1598	15.01	14643	1817	12.41
44	ĐH Hồng Đức	13448	988	7.35	14144	1267	8.96	12689	1872	14.75
45	ĐH Hùng Vương	6724	212	3.15	5914	493	8.34	6087	499	8.20
46	ĐH Dân lập Phương Đông	8099	1351	16.68	6400	1924	30.06	6890	1676	24.33
47	ĐH Dân lập Thăng Long	1200	1116	93.00	1830	975	53.28	2162	1635	75.62
48	ĐH Dân lập Đông Đô	XT	880	-	XT	1158	-	XT	1464	-
49	ĐHDL Quản lý Kinh doanh	4767	1653	34.68	4786	1788	37.36	-	-	-
50	ĐH Dân lập Hải Phòng	XT	1426	-	XT	1452	-	XT	1472	-
51	ĐH DL Lương Thế Vinh	XT	711	-	XT	1082	-	XT	1743	-
52	Học viện Kỹ thuật Mật mã	484	83	17.15	339	204	60.18	1418	215	15.16

Với bảng Phụ lục 2, chúng tôi muốn cung cấp cho các bạn thông tin về tỉ lệ thí sinh trúng tuyển vào các trường đại học trong cả nước trong những năm gần đây, để cùng với những thông tin về điểm chuẩn, tỉ lệ "chọi" bạn có thể so sánh và biết được chất lượng học tập của thí sinh cũng như mức độ khó dễ của đề thi các năm đó.

Qua bảng trên bạn sẽ thấy ở một số trường số lượng thí sinh ĐKDT vào không phải là quá lớn nhưng tỉ lệ trúng tuyển vào trường lại hầu như năm nào cũng cao hơn hẳn các trường khác, đồng thời điểm trúng tuyển vào các trường này cũng rất cao. Điều này chứng tỏ những thí sinh ĐKDT vào trường đều là những học sinh có lực học khá, giỏi trở lên. Bạn sẽ thấy rõ đặc điểm này ở một số trường trọng điểm như: ĐH Bách Khoa Hà Nội, ĐH Ngoại thương, Đại học Kinh tế quốc dân....

Trường ĐH Bách khoa Hà Nội là một điển hình, số lượng thí sinh ĐKDT vào trường chỉ thuộc diện tương đối thấp so với những trường cùng khối khác song bao giờ tỉ lệ trúng tuyển cũng cao hơn hẳn những trường khác trong khi điểm trúng tuyển (xem chi tiết các bảng dữ liệu của trường) lại ở mức mà thậm chí nếu bạn chỉ đạt điểm giỏi (24.0 điểm/3 môn thi) bạn vẫn chưa thể trở thành sinh viên của trường (năm 2005).

So sánh các trường thuộc khối Kinh tế bạn cũng sẽ thấy rõ sự chênh lệch về chất lượng đầu vào của thí sinh cũng như của trường. Ví dụ: Trường ĐH Ngoại thương có số lượng thí sinh ĐKDT vào trường luôn thấp hơn nhiều so với ĐH Thương mại nhưng số lượng thí sinh trúng tuyển lại ở mức xấp xỉ bằng nhau, thậm chí năm 2006 số lượng thí sinh trúng tuyển của ĐH Ngoại thương còn nhiều hơn ĐH Thương mại. Vì vậy mà tỉ lệ trúng tuyển của Trường ĐH Ngoại thương cao hơn nhiều so với ĐH Thương mại. Trong khi đó điểm trúng tuyển vào ĐH Ngoại thương lại chỉ có học sinh có lực học khá giỏi mới có khả năng trúng tuyển, còn trường ĐH Thương mại thì lấy mức điểm trúng tuyển "mềm" hơn nhiều. (xem chi tiết bảng 2 của các trường)

Trường ĐH Sư phạm Hà Nội I thì ngược lại, mặc dù tỉ lệ trúng tuyển nhìn chung không cao so với những trường khác nhưng điểm trúng tuyển vào trường lại có những ngành cao "ngát ngưỡng" mấy năm liên tiếp, nếu bạn chỉ ở mức điểm giỏi (24.0 điểm/3 môn cho một số ngành như: Sư phạm Toán, Sư phạm Hóa học) thì bạn vẫn... trượt.

Các trường như: ĐH Y Hà Nội, ĐH Dược Hà Nội cũng là những trường có chất lượng đầu vào rất cao nhưng bạn vẫn thấy tỉ lệ trúng tuyển của thí sinh vào những trường này vẫn thuộc diện khá cao, tất nhiên điểm trúng tuyển vào những trường này cũng tương đối "rắn", nếu lực học của bạn không quá xuất sắc thì bạn không nên ĐKDT vào những trường này, mà nên chọn những trường lấy trường lấy điểm trúng tuyển thấp hơn để khả năng đỗ của bạn là cao nhất.

Trường ĐH Lâm nghiệp có tỉ lệ thí sinh trúng tuyển vào trường không phải là thấp so với những trường khác song điểm trúng tuyển vào trường lại chỉ ở mức mà chỉ cần thí sinh có học lực trung bình khá cũng có khả năng trúng tuyển.

Tóm lại: Dựa vào bảng số liệu trên, cùng với bảng điểm trúng tuyển chi tiết của các trường bạn có thể dự đoán được chất lượng đầu vào của trường đó. Bạn nên so sánh các trường tuyển sinh cùng khối, điểm trúng tuyển vào các trường cũng như các ngành cùng tên, số lượng thí sinh ĐKDT và tỉ lệ trúng tuyển của từng trường để đưa ra được kết luận chính xác nhất, từ đó lựa chọn trường thi, ngành thi sao cho phù hợp với năng lực bản thân.

PHỤ LỤC III:

**THỐNG KÊ TỈ LỆ TRÚNG TUYỂN
THEO ĐỊA PHƯƠNG PHÍA BẮC TỪ 2003 ĐẾN 2006**

STT	Tỉnh Thành phố	2003			2004			2005			2006		
		ĐKDT	Đỗ	%	ĐKDT	Đỗ	%	ĐKDT	Đỗ	%	ĐKDT	Đỗ	%
1	Hà Nội	90.093	11.786	13.08	83.290	12.875	15.46	79.598	13.520	16.99	82.814	14.561	17.58
2	Hải Phòng	33.204	5.800	17.47	33.880	7.192	21.23	35.156	8.223	23.39	38.380	9.265	24.14
3	Hà Giang	6.381	373	5.85	7.116	312	4.38	7.096	643	9.06	6.764	520	7.69
4	Cao Bằng	9.949	588	5.91	8.536	711	8.33	8.536	598	7.01	10.300	897	8.53
5	Lai Châu	7.064	828	11.72	1.936	190	9.81	2.002	99	4.95	2.552	102	4.00
6	Lào Cai	9.113	965	10.59	8.306	758	9.13	7.817	1.067	13.65	9.073	990	10.91
7	Tuyên Quang	15.603	1.081	6.93	14.989	899	6.00	15.413	1.008	6.54	12.447	1.325	10.65
8	Lạng Sơn	10.819	704	6.51	13.750	801	5.83	11.710	850	7.26	12.790	1.087	8.50
9	Bắc Cạn	2.849	409	14.36	6.199	489	7.89	5.637	400	7.10	6.002	466	7.76
10	Thái Nguyên	23.316	2.555	10.96	21.598	2.876	13.32	20.766	3.048	14.68	22.156	3.439	15.52
11	Yên Bái	10.431	1.191	11.42	10.514	1.024	9.74	9.104	1.090	11.97	11.043	1.360	12.32
12	Sơn La	13.430	1.201	8.94	12.826	808	6.30	12.236	1.067	8.72	11.860	1.376	11.60
13	Phú Thọ	24.933	3.234	12.97	24.046	3.112	12.94	22.627	3.618	15.99	21.685	3.703	17.08
14	Vĩnh Phúc	20.376	2.785	13.67	21.747	2.928	13.46	26.160	3.738	14.29	27.960	4.459	15.95
15	Quảng Ninh	24.294	3.101	12.76	24.532	3.155	12.86	26.270	3.460	13.17	27.085	4.076	15.05
16	Bắc Giang	41.876	4.249	10.15	39.729	4.241	10.67	38.549	5.120	13.28	42.141	6.200	14.71
17	Bắc Ninh	25.948	3.422	13.19	25.541	3.917	15.34	27.141	4.516	16.64	29.350	5.221	17.79
18	Hà Tây	48.611	6.802	13.99	48.842	7.237	14.82	48.031	8.292	17.26	55.432	9.995	18.03
19	Hải Dương	41.737	5.916	14.17	43.588	6.589	15.12	44.239	7.759	17.54	48.409	8.467	17.49
20	Hưng Yên	19.741	2.914	14.76	25.048	3.170	12.66	26.627	3.979	14.94	29.825	4.453	14.93
21	Hòa Bình	10.433	1.346	12.90	10.613	1.183	11.15	10.789	1.515	14.04	11.537	1.777	15.40
22	Hà Nam	16.296	2.392	14.68	18.090	2.746	15.18	20.579	3.496	16.99	21.009	3.928	18.70
23	Nam Định	41.213	7.433	18.04	40.923	8.788	21.47	42.395	11.224	26.47	50.698	11.593	22.87
24	Thái Bình	38.229	6.343	16.59	39.633	6.900	17.41	41.160	7.934	19.28	45.503	8.937	19.64
25	Ninh Bình	18.434	2.859	15.51	19.028	3.266	17.16	19.186	3.656	19.06	19.945	4.047	20.29
26	Thanh Hóa	86.600	10.297	11.89	98.456	11.008	11.18	97.235	13.179	13.55	100.257	15.252	15.21
27	Nghe An	73.012	9.064	12.41	77.351	9.706	12.55	81.799	11.413	13.95	85.442	13.424	15.71
28	Hà Tĩnh	36.816	3.504	9.52	31.391	3.820	12.17	30.469	4.726	15.51	35.231	5.678	16.12
29	Quảng Bình	18.900	2.154	11.40	23.938	2.366	9.88	23.479	3.198	13.62	25.010	3.992	15.96
30	Điện Biên	-	-	-	9.320	797	8.55	7.273	699	9.61	7.489	836	11.16

- Qua bảng trên bạn có thể thấy số lượng thí sinh ĐKDT của Tp.Hà Nội, Tp.Hải Phòng (). Mặc dù số lượng thí sinh ĐKDT của Hải Phòng ít hơn so với Hà Nội nhưng tỉ lệ trúng tuyển của Tp.Hải Phòng bao giờ cũng cao hơn. Vì

- Trong vòng 4 năm trở lại đây số lượng thí sinh ĐKDT thuộc KV1, KV2 có xu hướng tăng nhanh, điều này chứng tỏ chất lượng cuộc sống cùng với ý thức của người dân nói chung và của học sinh nói riêng đã được nâng lên rõ rệt.

- Số lượng thí sinh ĐKDT ở các tỉnh như: Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam không phải là quá đông so nhưng tỉ lệ trúng tuyển của thí sinh các tỉnh này lại luôn cao hơn so với những tỉnh thuộc KV1, KV2 khác. Điều này chứng tỏ chất lượng giáo dục cũng như chất lượng học sinh của những tỉnh này khá tốt.

- Thanh Hóa và Nghệ An là 2 tỉnh có số lượng thí sinh ĐKDT so với những tỉnh khác bao giờ cũng đông nhất, đồng thời số lượng thí sinh trúng tuyển cũng thuộc diện cao nhất ở khu vực phía Bắc. Mặc dù tỉ lệ trúng tuyển còn chưa cao so với 1 vài tỉnh khác (do nhiều điều kiện khách quan) song tỉ lệ này đến nay đã tăng lên đáng kể so với trước.

- Số lượng thí sinh ĐKDT ở các tỉnh vùng sâu, vùng xa, vùng núi luôn thấp hơn so với số lượng thí sinh ĐKDT ở đồng bằng như các tỉnh: Hà Giang, Lai Châu, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Cạn... do các tỉnh này gặp nhiều khó khăn về kinh tế, giáo dục, điều kiện giao thông không thuận lợi, cũng vì thế mà tỉ lệ trúng tuyển cũng thường ở mức thấp. Mấy năm gần đây cũng đã tăng lên vì chất lượng giáo dục, chất lượng cuộc sống, ý thức giáo dục nói chung ngày càng được cải thiện.

- Trừ một số tỉnh cá biệt về địa hình và điều kiện kinh tế thì tỉ lệ trúng tuyển của các tỉnh còn lại thường chỉ xê dịch từ 10 đến dưới 20%, tỉ lệ này chỉ ở mức trung bình.

- Thực tế cho thấy các trường thuộc khu vực trung tâm hay các tỉnh, thành phố lớn bao giờ cũng lấy điểm trúng tuyển cao hơn so với các trường vùng, miền. Vì vậy nếu bạn không tự tin lắm vào lực học của mình bạn nên ĐKDT vào những trường không phải thuộc trung tâm hay trường trọng điểm và thường lấy điểm trúng tuyển thấp hơn các trường khác thì khả năng trở thành sinh viên của bạn là cao nhất.

PHẦN IV

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI THI CỦA CÁC NGÀNH

Bảng 1: Nhóm ngành Sư phạm

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
SP Toán	Khoa SP (ĐHQG)	A	SP Giáo dục tiểu học	ĐH Sư phạm (TN)	A
	ĐH Sư phạm Hà Nội	A		ĐH Sư phạm Hà Nội	D
	ĐH Sư phạm 2	A		ĐH Hải Phòng	D
	ĐH Vinh	A		ĐH Hồng Đức	D
	ĐH Sư phạm (TN)	A		ĐH Vinh	M
	ĐH Hải Phòng	A		ĐH Hùng Vương	A,C
	ĐH Tây Bắc	A		ĐH Sư phạm 2	A,C
	ĐH Hùng Vương	A		ĐH Tây Bắc	A,C
SP Hóa học	Khoa SP (ĐHQG)	A	SP Vật lý	Khoa SP (ĐHQG)	A
	ĐH Sư phạm Hà Nội	A		ĐH Sư phạm Hà Nội	A
	ĐH Sư phạm 2	A		ĐH Sư phạm 2	A
	ĐH Sư phạm (TN)	A		ĐH Sư phạm (TN)	A
	ĐH Tây Bắc	A		ĐH Vinh	A
	ĐH Vinh	A		ĐH Tây Bắc	A
SP Ngữ văn	ĐH Sư phạm 2	C	SP Tiếng Pháp	ĐH Sư phạm Hà Nội	D
	ĐH Vinh	C		ĐH Vinh	D
	ĐH Sư phạm (TN)	C		ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D
	ĐH Hải Phòng	C	SP TDTT - Giáo dục quốc phòng	ĐH Sư phạm Hà Nội	T
	ĐH Tây Bắc	C		ĐH Sư phạm 2	T
	Khoa SP (ĐHQG)	C,D		ĐH Vinh	T
	ĐH Sư phạm Hà Nội	C,D			
SP Tin	ĐH Sư phạm Hà Nội	A	SP Sinh học	ĐH Sư phạm 2	B
	ĐH Sư phạm (TN)	A		ĐH Vinh	B
	ĐH Vinh	A		ĐH Tây Bắc	B
	ĐH Tây Bắc	A		Khoa SP (ĐHQG)	A,B
SP Lịch sử	ĐH Sư phạm (TN)	C	SP Địa lý	ĐH Vinh	A
	ĐH Tây Bắc	C		ĐH Sư phạm Hà Nội	C
	ĐH Vinh	C		ĐH Sư phạm (TN)	C
	Khoa SP (ĐHQG)	C,D		ĐH Hùng Vương	C
	ĐH Sư phạm Hà Nội	C,D		ĐH Tây Bắc	C
SP Tiếng Anh	ĐH Sư phạm Hà Nội	D	SP Giáo dục mầm non	ĐH Sư phạm Hà Nội	M
	ĐH Hải Phòng	D		ĐH Sư phạm 2	M
	ĐH Hồng Đức	D		ĐH Hùng Vương	M
	ĐH Tây Bắc	D		ĐH Sư phạm (TN)	M
	ĐH Vinh	D		ĐH Tây Bắc	M
	ĐH Sư phạm (TN)	D		ĐH Vinh	M
	ĐH Hùng Vương	D		ĐH Hồng Đức	M
	ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D			
SP Kỹ thuật công nghiệp	ĐH Sư phạm Hà Nội	A	SP KTNN	ĐH Hùng Vương	A
	ĐH KT Công nghiệp(TN)	A		ĐH Sư phạm 2	B
	ĐH Hải Phòng	A		ĐH Nông Lâm (TN)	B
	ĐH SPKT Hưng Yên	A,D		ĐH Nông nghiệp I	A,B
SP Kỹ thuật	ĐH Bách Khoa Hà Nội ĐH	A	SP Sinh- KTNN	ĐH Sư phạm Hà Nội	B
	Sư phạm 2	A		ĐH Hồng Đức	B
	ĐH SPKT Nam Định	A		ĐH Sư phạm (TN)	B

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
SP Giáo dục chính trị	ĐH Tây Bắc; ĐH Vinh ĐH Sư phạm Hà Nội	C C,D	SP Giáo dục công dân	ĐH Sư phạm 2 ĐH Sư phạm (TN)	C C
SP Âm nhạc	ĐH Sư phạm Hà Nội Nhạc viện Hà Nội	N N	SP Mỹ thuật	ĐH Sư phạm Hà Nội ĐH Mỹ thuật Hà Nội	H H
SP Tiếng Nga	ĐH Sư phạm (TN) ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D D	SP Tiếng Trung	ĐH Sư phạm (TN) ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D D
SP Vật lý - Hóa	ĐH Sư phạm (TN) ĐH Hồng Đức	A A	SP Toán - Lý	ĐH Tây Bắc	A
			SP Toán - Tin	ĐH Sư phạm (TN)	A
SP GD đặc biệt	ĐH Sư phạm Hà Nội	D	SP Sinh - Địa	ĐH Sư phạm (TN)	B
SP Văn - GDCD	ĐH Tây Bắc	C	SP GD Thể chất	ĐH Hải Phòng	T
SP Văn - Sử	ĐH Sư phạm (TN)	C	Tâm lý	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D
SP Tâm lý GD	ĐH Sư phạm Hà Nội	C	SP Tâm lý	ĐH Sư phạm (TN)	C

Bảng 2: Nhóm ngành Khoa học tự nhiên

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Toán	ĐH Sư phạm 2; ĐH Vinh ĐH Hải Phòng ĐH Hồng Đức Khoa KHTN (TN) ĐH KHTN (ĐHQG)	A A A A A	Toán- Tin ứng dụng	ĐH Bách Khoa Hà Nội Khoa KHTN (TN) ĐH Vinh ĐHDL Thăng Long ĐH KHTN (ĐHQG)	A A A A A
Tin học	ĐH Sư phạm 2 ĐH Hải Phòng ĐH Vinh ĐH Hùng Vương	A A A A	Khoa học môi trường	Khoa KHTN (TN) ĐH Vinh ĐH KHTN (ĐHQG) ĐH Lâm nghiệp	A B A,B A,B
Vật lý	ĐH KHTN (ĐHQG) ĐH Sư phạm 2 ĐH Vinh Khoa KHTN (TN) ĐH Hồng Đức	A A A A A	Hóa học	ĐH KHTN (ĐHQG) ĐH Sư phạm Hà Nội ĐH Sư phạm 2 ĐH Vinh Khoa KHTN (TN)	A A A A A
Công nghệ sinh học	ĐH Bách Khoa Hà Nội ĐH Nông nghiệp I ĐH KHTN (ĐHQG) Khoa KHTN (TN) ĐH Lâm nghiệp Viện Đại học Mở	A B B B A,B A,B	Kỹ thuật môi trường	ĐH Xây dựng ĐH Hàng hải ĐH KT Công nghiệp (TN) ĐHDL Hải Phòng	A A A A,B
			Địa chất	ĐH Mỏ - Địa chất ĐH KHTN (ĐHQG)	A A
Sinh học	ĐH KHTN (ĐHQG) ĐH Sư phạm Hà Nội ĐH Sư phạm 2 ĐH Vinh Khoa KHTN (TN)	B B B B B	Công nghệ môi trường	ĐH Bách Khoa Hà Nội ĐHDL Đông Đô	A A,B
			Địa lý	ĐH KHTN (ĐHQG) Khoa KHTN (TN) ĐH Hồng Đức	A C C
Cấp thoát nước - Môi trường nước	ĐH Kiến trúc Hà Nội ĐH Xây dựng ĐHDL Phương Đông	A A A	Quản lý đất đai	ĐH Lâm nghiệp ĐH Nông Lâm (TN) ĐH Nông nghiệp I	A A A,B
Môi trường đô thị	ĐH Kiến trúc Hà Nội	A	QLXD đô thị	ĐH Kiến trúc Hà Nội	A
Địa KT - Địa MT	ĐH KHTN (ĐHQG)	A	KT Hạ tầng đô thị	ĐH Kiến trúc Hà Nội	A

Khí tượng	ĐH KHTN (ĐHQG)	A	Địa chính	ĐH KHTN (ĐHQG)	A
Thủy văn MT	ĐH Xây dựng	A	KT Cơ sở hạ tầng	ĐH Xây dựng	A
Môi trường	ĐH Nông nghiệp I	A,B	Mỏ	ĐH Mỏ - Địa chất	A
Môi trường NN	ĐH Nông Lâm (TN)	A,B	Dầu khí	ĐH Mỏ - Địa chất	A
Thổ nhưỡng	ĐH KHTN (ĐHQG)	A,B	Trắc địa	ĐH Mỏ - Địa chất	A
Quy hoạch đô thị	ĐH Kiến trúc Hà Nội	V	Bảo hộ LĐ	ĐH Công đoàn	A
Thủy văn	ĐH KHTN (ĐHQG)	A	Hải dương học	ĐH KHTN (ĐHQG)	A

Bảng 3: Nhóm ngành Khoa học nhân văn

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Triết học	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D	Văn học	ĐH Hải Phòng	C
	HV Báo chí - TT	C,D		ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D
Lịch sử	ĐH Sư phạm Hà Nội	C	Việt Nam học	ĐH Hồng Đức	C
	ĐH Sư phạm 2	C		ĐHDL Lương Thế Vinh	D
	ĐH Vinh	C		ĐH Hải Phòng	A,D
	ĐH Hồng Đức	C	Ngữ văn	ĐH Sư phạm 2	C
	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D		ĐH Vinh	C
Lịch sử Đảng	HV Báo chí - TT	C		ĐH Hồng Đức	C
Ngôn ngữ	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D	Sáng tác lý luận	ĐH Văn hóa	R
Hán Nôm	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D	Đồng phương	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D

Bảng 4: Nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Quản trị kinh doanh	HV Ngân hàng; ĐH Vinh	A	Kế toán	HV Ngân hàng	A
	HV Tài chính	A		HV Tài chính; ĐH Vinh	A
	ĐH Hàng hải	A		ĐH Kinh tế Quốc dân	A
	ĐH Kinh tế Quốc dân	A		ĐH Thương mại	A
	ĐH Giao thông Vận tải	A		ĐH Hải Phòng	A
	ĐH Thương mại	A		ĐH Lâm nghiệp	A
	ĐH Hùng Vương	A		ĐH KT - QTKD (TN)	A
	ĐH KT - QTKD (TN)	A		ĐH Tây Bắc	A
	ĐH Hồng Đức	A		ĐH Hồng Đức	A
	ĐH Hải Phòng	A		ĐH Hùng Vương	A
	ĐH Lâm nghiệp	A		Viện Đại học Mở	D
	ĐHDL Thăng Long	A		ĐH Lao động Xã hội	A,D
	ĐH Hà Nội	D		ĐH Công nghiệp	A,D
	Viện Đại học Mở	D		ĐH Công đoàn	A,D
	Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A,D		ĐHDL Phương Đông	A,D
	ĐH Ngoại thương	A,D		ĐHDL Thăng Long	A,D
	ĐH Công đoàn	A,D		ĐHDL Quản lý và KD	A,D
	ĐH Công nghiệp	A,D		ĐHDL Lương Thế Vinh	A,B,D
	ĐH Nông nghiệp I	A,B		ĐH Chu Văn An	

	ĐH SPKT Hưng Yên ĐHDL Quản lý và KD ĐHDL Đông Đô ĐHDL Hải Phòng ĐHDL Lương Thế Vinh ĐHDL Phương Đông ĐH Chu Văn An	A,D A,D A,D A,D A,B,D A,C,D		HV Tài chính HV Ngân hàng ĐH Kinh tế Quốc dân Khoa Kinh tế (ĐHQG) ĐH Ngoại thương ĐH Công đoàn ĐHDL Phương Đông ĐHDL Thăng Long ĐHDL Quản lý và KD ĐHDL Lương Thế Vinh	A A A A,D A,D A,D A,D A,D A,D A,D A,B,D
QTDN Du lịch	Viện đại học Mở ĐHDL Đông Đô	D A,D			
Quản trị TC - KT	ĐH Hàng hải	A			
QTKD Bảo hiểm	ĐH Hàng hải	A	Kế toán NN	ĐH Nông nghiệp I	A,B
QTKD BC - VT	HV Bưu chính Viễn thông	A	Tài chính	ĐH Hà Nội	D
QT Nhân lực	ĐH Lao động Xã hội	A,D	KD nông nghiệp	ĐH Nông nghiệp I	A,B
Kinh tế	ĐH Kinh tế quốc dân ĐH Thương mại ĐH KT - QTKD(TN)	A A A	KT Đối ngoại	Khoa Kinh tế (ĐHQG) ĐH Ngoại thương	A,D A,D
			KT Vận tải - DV	ĐH Giao thông Vận tải ĐH Hải Phòng	A A
KT và Quản lý	ĐH Bách Khoa Hà Nội ĐH Mỏ - Địa chất	A A	KT Chính trị	Khoa Kinh tế (ĐHQG) HV Báo chí - TT	A,D C,D
Hệ thống TTKT	ĐH Kinh tế Quốc dân HV Tài chính	A A	Hệ thống TT...	Khoa CNTT (TN) ĐHDL Thăng Long	A A
KT Xây dựng	ĐH Xây dựng ĐH Giao thông Vận tải	A A	Kinh tế BCVT	ĐH Giao thông Vận tải	A
			KT Vận tải biển	ĐH Hàng hải	A
KT Ngoại thương	ĐH Hàng hải	A	KT Điện ảnh	ĐH Sân khấu Điện ảnh	A
KT Thủy lợi	ĐH Xây dựng	A	Vận tải	ĐH Giao thông Vận tải	A
KT Nông nghiệp	ĐH Nông nghiệp I	A,B	Thương mại	ĐHDL Quản lý và KD	A,D
KT Lâm nghiệp	ĐH Lâm nghiệp	A	TC - Tín dụng	ĐHDL Đông Đô	A

Bảng 5: Nhóm ngành Ngoại ngữ

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Tiếng Anh	ĐH Hà Nội	D	Tiếng Trung	ĐH Hà Nội	D
	ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D		ĐH Hải Phòng	D
	ĐH Sư phạm 2	D		ĐHDL Đông Đô	D
	ĐH Kinh tế Quốc dân	D		ĐHDL Quản lý và KD	D
	HV Báo chí - TT	D		ĐHDL Phương Đông	D
	ĐH Công nghiệp	D		ĐHDL Hải Phòng	D
	ĐH Vinh	D		ĐH Chu Văn An	
	ĐH Hải Phòng	D		ĐH Ngoại thương	D
	Viện Đại học Mở	D	Tiếng Nhật	ĐH Hà Nội	D
	ĐHDL Thăng Long	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D
	ĐHDL Lương Thế Vinh	D		ĐHDL Thăng Long	D
	ĐHDL Phương Đông	D		ĐHDL Phương Đông	D
	ĐHDL Hải Phòng	D		ĐH Ngoại thương	D

	ĐHDL Quản lý và KD	D		ĐH Hà Nội	D
	ĐHDL Đông Đô	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D
	ĐH Chu Văn An		Tiếng Pháp	ĐHDL Thăng Long	D
	ĐH Ngoại thương	D		ĐHDL Đông Đô	D
	ĐH Bách Khoa Hà Nội	D		ĐHDL Phương Đông	D
Tiếng BDN	ĐH Hà Nội	D		ĐH Ngoại thương	D
	ĐH Hà Nội	D		ĐH Hà Nội	D
Tiếng Nga	ĐH Hải Phòng	D	Tiếng Đức	ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D
	ĐHDL Phương Đông	D		ĐHDL Phương Đông	D
Tiếng Hàn Quốc	ĐH Hà Nội	D	Tiếng Italia	ĐH Hà Nội	D
	ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG)	D	Tiếng TBN	ĐH Hà Nội	D

Bảng 6: Nhóm ngành Y - Dược

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
	ĐH Y Hà Nội	B		ĐH Y Hà Nội	B
	ĐH Y Thái Bình	B		ĐH Y Thái Bình	B
	ĐH Y Thái Nguyên	B		ĐH Y Thái Nguyên	B
	ĐH Y Hải Phòng	B		ĐH Y Hải Phòng	B
Điều dưỡng	ĐH Điều dưỡng Nam Định	B		HV Y - Dược học CT VN	B
	ĐHDL Hải Phòng	B	Y học cổ truyền	ĐH Y Hà Nội	B
	ĐHDL Thăng Long	B		ĐH Y Thái Bình	B
	ĐH Dược Hà Nội	A	Y học dự phòng	ĐH Y Hà Nội	B
	ĐH Y Thái Bình	A			
	ĐH Y Thái Nguyên	A	Kỹ thuật y học	ĐH Y Hà Nội	B
Y tế công cộng	ĐH Y tế công cộng	B	Răng - Hàm - Mặt	ĐH Răng - Hàm - Mặt	B
	ĐH Y Hà Nội	B		ĐH Y Hà Nội	B

Bảng 7: Nhóm ngành Khoa học xã hội

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
	ĐH Sư phạm 2	C		ĐH Công đoàn	C
	ĐH Công đoàn	C		ĐH Lao động Xã hội	C
	ĐH Hồng Đức	C	Công tác XH	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D
	HV Báo chí - TT	D		ĐHDL Thăng Long	B,C
	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D		ĐH Hà Nội	D
	ĐH Sư phạm Hà Nội	C,D	Quốc tế học	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D
Quan hệ QT	HV Quan hệ Quốc tế	D		ĐH Kinh tế Quốc dân	A
	ĐHDL Đông Đô	C,D	Luật Kinh doanh	Khoa Luật (ĐHQG)	A,D
	ĐH Văn hóa	C,D	Luật	Khoa Luật (ĐHQG)	ADC
	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D	Luật Kinh tế	ĐH Luật Hà Nội	ACD
Thông tin - Thư viện		C,D	Luật Hình sự	ĐH Luật Hà Nội	ACD
QH Công chứng	HV Báo chí - TT	D	Luật Dân sự	ĐH Luật Hà Nội	ACD
Quản lý xã hội	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D	Luật KDQT	ĐH Luật Hà Nội	ACD
Bảo	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D	Luật Hành chính	ĐH Luật Hà Nội	ACD
Báo in	HV Báo chí - TT	C,D	Hành chính	HV Hành chính quốc gia	A,C
Báo ảnh	HV Báo chí - TT	C,D	TT Đối ngoại	HV Báo chí - TT	D

Báo phát thanh	HV Báo chí - TT	C,D	Xuất bản	HV Báo chí - TT	C,D
Báo truyền hình	HV Báo chí - TT	C,D	Phát hành sách	ĐH Văn hóa	C,D
Báo mạng ĐT	HV Báo chí - TT	D	Chính trị	HV Báo chí - TT	C
Lưu trữ, QTVP	ĐH KHXH & NV (ĐHQG)	C,D	Chính trị - Luật	ĐH Vinh	C
Xây dựng Đảng...	HV Báo chí - TT	C	Thông tin học	ĐHDL Đồng Đô	ACD

Bảng 8: Nhóm ngành công nghệ thông tin

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Công nghệ thông tin	ĐH Công nghệ (ĐHQG)	A	Tin học	ĐH Xây dựng	A
	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A		ĐH Nông nghiệp	A
	ĐH Xây dựng	A		Viện Đại học Mở	A
	HV Bưu chính Viễn thông	A		ĐHDL Quản lý và KD	A
	ĐH Sư phạm Hà Nội	A		ĐHDL Lương Thế Vinh	A,D
	ĐH Mỏ - Địa chất	A	Khoa học máy tính	ĐH Kinh tế Quốc dân	A
	ĐH Hàng hải; ĐH Vinh	A		ĐH Công nghiệp	A
	ĐH Hồng Đức	A		Đại học FPT	A
	ĐH SPKT Hưng Yên	A		Khoa CNTT (TN)	A
	ĐH Chu Văn An	A		ĐH Hà Nội	D
	ĐHDL Thăng Long	A	KT Máy tính	Đại học FPT; Khoa CNTT (TN) ĐH KT Công nghiệp(TN)	A A
	ĐHDL Phương Đông	A			
	ĐHDL Hải Phòng	A			
	ĐHDL Đồng Đô	A			
Mạng MTTT	Khoa CNTT (TN)	A	KT,CN Phần mềm	Đại học FPT Khoa CNTT (TN)	A A
	ĐHDL Thăng Long	A			

Bảng 9: Nhóm ngành Kỹ thuật

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Cơ khí	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A	KT Cơ khí	ĐH Nông nghiệp I	A
	ĐH KT Công nghiệp(TN)	A		ĐH Hồng Đức	A
	ĐH SPKT Hưng Yên	A	Cơ - Điện tử	ĐH KT Công nghiệp(TN)	A
	ĐHDL Lương Thế Vinh	A		ĐHDL Phương Đông	A
Điều khiển học KT	ĐH Giao thông Vận tải	A	Kỹ thuật điện	ĐH Nông nghiệp I	A
	ĐH KT Công nghiệp(TN)	A		ĐH KT Công nghiệp(TN)	A
Vật lý kỹ thuật...	ĐH Bách Khoa HĐH	A	Xây dựng	ĐH Hải Phòng	A
	Công nghệ (ĐHQG)à Nội	A		ĐHDL Lương Thế Vinh	A
CK chế tạo máy	ĐH Hải Phòng	A	CK Xây dựng	ĐH Xây dựng	A
CK Chuyên dùng	ĐH Giao thông Vận tải	A	An toàn hàng hải	ĐH Hàng hải	A
Cơ kỹ thuật	ĐH Công nghệ (ĐHQG)	A	Khai thác MTB	ĐH Hàng hải	A
Máy xếp dỡ	ĐH Hàng hải	A	ĐK Tàu biển	ĐH Hàng hải	A
Luyện kim, CNVL	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A	Đóng, Sửa tàu	ĐH Hàng hải	A
Kỹ thuật	ĐH SPKT Nam Định	A	Kỹ thuật ô tô	ĐH.KT Công nghiệp(TN)	A
Điện tử - Viễn thông	ĐH Công nghệ (ĐHQG)	A	Kỹ thuật Điện - Điện tử	ĐH Giao thông Vận tải	A
	HV Bưu chính Viễn thông	A		ĐHDL Hải Phòng	A
	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A		ĐH KT Công nghiệp(TN)	A

	ĐH Hàng hải; ĐH Vinh ĐH KT Công nghiệp (TN) Khoa CNTT (TN) Viện đại học Mở ĐHDL Đông Đô	A A A A A	Điện	ĐH Bách Khoa Hà Nội ĐH Điện lực ĐHDL Lương Thế Vinh ĐHDL Phương Đông	A A A A
			Điện tàu thủy	ĐH Hàng hải	A
Hệ thống điện	ĐH Hồng Đức	A	CT Thủy điện	ĐH Xây dựng	A
Vô tuyến điện - TTL	ĐH Giao thông Vận tải	A	QL Năng lượng	ĐH Điện lực	A
Điện tử động CN	ĐH Hàng hải	A	KT Công trình	ĐH Kiến trúc Hà Nội	V
XD Dân dụng và công nghiệp	ĐH Xây dựng	A	Xây dựng cầu đường	ĐH Xây dựng	A
	ĐH Kiến trúc Hà Nội	A		ĐHDL Phương Đông	A
	ĐH Hàng hải	A	Kiến trúc	ĐH Xây dựng	V
	ĐH Vinh	A		Viện Đại học Mở	V
	ĐHDL Đông Đô	A		ĐHDL Đông Đô	V
	ĐHDL Phương Đông	A		ĐHDL Phương Đông	V
XD Công trình...	ĐH Xây dựng; ĐH Hàng hải	A	Kỹ thuật XDCT	ĐH Xây dựng	A
	ĐH Kiến trúc Hà Nội	A		ĐH KT Công nghiệp (TN)	A
	ĐH Giao thông vận tải	A	TK Chế tạo...	ĐH Lâm nghiệp	A
Thiết kế tàu thủy	ĐH Hàng hải	A	TK Trang trí...	ĐH Hàng hải	A
KH Vật liệu	ĐH KHTN (ĐHQG)	A	XD Cảng...	ĐH Xây dựng	A
KT Công trình	ĐHDL Hải Phòng	A	Máy XD ...	ĐH Xây dựng	A

Bảng 10: Nhóm ngành Công nghệ

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
CN, KT Cơ khí	ĐH Công nghiệp	A	CNKT Điện - Điện tử	ĐH Công nghiệp	A
	ĐHDL Quản lý và KD	A		ĐHDL Quản lý và KD	A
	ĐH SPKT Hưng Yên	A		ĐH SPKT Hưng Yên	A
Công nghệ hóa học	ĐH KHTN (ĐHQG)	A	Công nghệ thực phẩm	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A
	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A		ĐH Vinh	A
	ĐH Công nghiệp	A		ĐHDL Hải Phòng	A,B
	ĐHDL Hải Phòng	A	CN Sinh học MT	ĐHDL Phương Đông	A,B
CN Cơ - Điện tử	ĐH Công nghiệp	A	CN Hạt nhân	ĐH KHTN (ĐHQG)	A
CN Sinh học NN	ĐH Nông lâm (TN)	B	CNKT Điện	ĐH Công nghiệp	A
CN Kỹ thuật ô tô	ĐH Công nghiệp	A	Công nghệ VLXD	ĐH Xây dựng	A
	ĐH SPKT Hưng Yên	A			
CN Nhiệt lạnh	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A	CN May - TT	ĐH SPKT Hưng Yên	A,D
CNKT Nhiệt - lạnh	ĐH Công nghiệp	A	CN Dệt - May TT	ĐH Bách Khoa Hà Nội	A

Bảng 11: Nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy sản

Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Nông học	ĐH Hùng Vương	A	Nuôi trồng thủy sản	ĐH Nông lâm (TN)	B
	ĐH Vinh	B		ĐH Vinh	B
	ĐH Hải Phòng	A,B		ĐH Nông nghiệp I	A,B
	ĐH Hồng Đức	A,B		ĐH Hải Phòng	A,B
	ĐH Tây Bắc	A,B		ĐH Hồng Đức	A,B
				ĐHDL Lương Thế Vinh	A,B,D

Trồng trọt	ĐH Nông Lâm (TN) ĐH Hùng Vương	B B	Nông lâm kết hợp	ĐH Nông Lâm (TN) ĐH Lâm nghiệp	B A,B
Khuyến nông - Phát triển NT	ĐH Lâm nghiệp ĐH Vinh ĐH Nông nghiệp I ĐH Nông Lâm (TN)	A B A,B A,B	Thủ y	ĐH Nông Lâm (TN) ĐH Nông nghiệp I ĐHDL Lương Thế Vinh	B A,B A,B,D
			Công nghiệp NT	ĐH Nông Lâm (TN)	A
Chăn nuôi	ĐH Nông Lâm (TN) ĐH Tây Bắc	B A,B	Chăn nuôi - Thú y	ĐH Nông nghiệp I ĐH Hồng Đức	A,B A,B
Lâm học	ĐH Hồng Đức ĐH Tây Bắc	A,B A,B	BV thực vật	ĐH Nông nghiệp I ĐHDL Lương Thế Vinh	A,B A,B,D
Nuôi trồng TS	ĐH Vinh ĐH Hải Phòng	B A,B	BQ Chế biến NS	ĐH Nông Lâm (TN) ĐH Nông nghiệp I	B A,B
Lâm vườn - SV cảnh	ĐH Nông Lâm (TN) ĐH Nông nghiệp I	B A,B	Lâm nghiệp	ĐH Lâm nghiệp ĐH Nông Lâm (TN)	A B
Kỹ thuật NN	ĐHDL Hải Phòng	A,B	Chế biến LS	ĐH Lâm nghiệp	A
Kinh doanh NN	ĐH Nông nghiệp I	A,B	Cơ giới hóa LN	ĐH Lâm nghiệp	A
Khoa học đất	ĐH Nông nghiệp I	A,B	Quản lý BVTN rừng	ĐH Lâm nghiệp	A,B
Công thôn	ĐH Nông nghiệp I	A	Lâm nghiệp XH	ĐH Lâm nghiệp	A,B
KH Cây trồng	ĐH Nông nghiệp I	A,B	Lâm nghiệp đô thị	ĐH Lâm nghiệp	A,B

Bảng 12: Nhóm ngành Văn hóa - Nghệ thuật

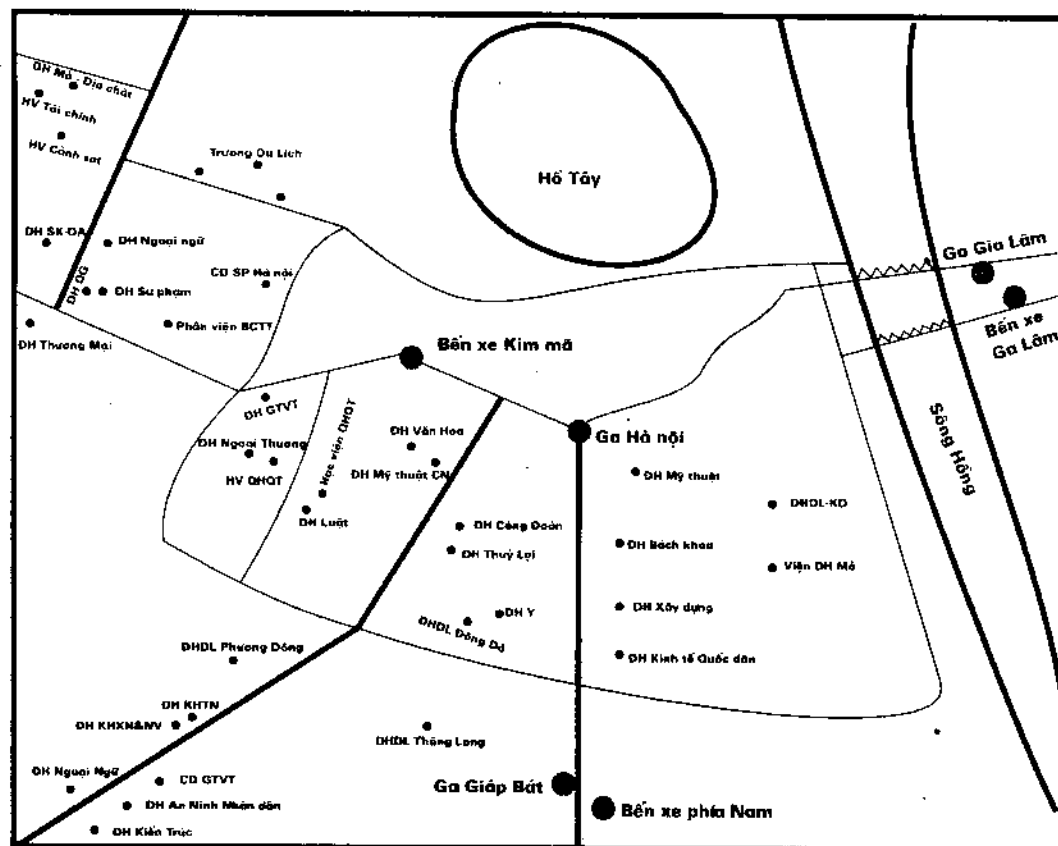
Ngành	Trường	Khối		Trường	Khối
Mỹ thuật CN	ĐH Kiến trúc Hà Nội	H	Văn hóa du lịch	ĐH Văn hóa	D
	Viện Đại học Mở	H		ĐHDL Đông Đô	C,D
	ĐH Mỹ thuật CN Hà Nội	H		ĐHDL Hải Phòng	C,D
Mỹ thuật	ĐHDL Hùng Vương	H	Đồ họa	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	H
	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	H	Bảo tàng	ĐH Văn hóa	C,D
VH DT Thiếu số	ĐH Văn hóa	C	Sáng tác	Nhạc viện Hà Nội	
QL Văn hóa	ĐH Văn hóa	C,R	Lý thuyết AN	Nhạc viện Hà Nội	
Bảo hiểm	ĐH Lao động Xã hội	C	Chỉ huy giao hưởng	Nhạc viện Hà Nội	
TK Mỹ thuật	ĐH Sân khấu Điện ảnh	S	Thể dục	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Hội họa	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	H	Điện kinh	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Lý luận LSMT	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	H	Bơi lội	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Điêu khắc	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	H	Bóng đá	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Điện ảnh	ĐH Sân khấu Điện ảnh	S	Cầu lông	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Nhiếp ảnh	ĐH Sân khấu Điện ảnh	S	Bóng rổ	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Sân khấu	ĐH Sân khấu Điện ảnh	S	Bóng bàn	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Âm nhạc	ĐH Hùng Vương	N	Bóng chuyền	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Kịch hát dân tộc	ĐH Sân khấu Điện ảnh	S	Cờ vua	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Truyền hình	ĐH Sân khấu Điện ảnh	S	Võ	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Múa	ĐH Sân khấu Điện ảnh	S	Bắn súng	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Nhạc cụ TT	Nhạc viện Hà Nội		Vật	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Nhạc cụ PT	Nhạc viện Hà Nội		Quần vợt	ĐH Thể dục - Thể thao 1	T
Thanh nhạc	Nhạc viện Hà Nội				

PHẦN V

BẢNG HƯỚNG DẪN
CÁC TUYẾN XE BUÝT

PHỤ LỤC 1:

SƠ ĐỒ MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC



PHỤ LỤC 2:

CÁC TUYẾN XE BUÝT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
1	3	Giáp Bát - Gia Lâm 5h08 - 21h08 10- 15 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Lê Duẩn - Trần Nhân Tông - Trần Bình Trọng - Trần Hưng Đạo - Phan Chu Trinh - Cổ Tân - Tổng Đán - Hàng Vôi - Hàng Tre - Hàng Muối - Trần Nhật Duật - Long Biên - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Sơn - Ngọc Lâm - Ngõ Gia Khảm - BX Gia Lâm	BX Gia Lâm - Ngõ Gia Khảm - Ngọc Lâm - Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Trần Nhật Duật - Hàng Muối - Hàng Tre - Hàng Vôi - Trần Bình Trọng - Trần Hưng Đạo - Trần Nhân Tông - Lê Duẩn - BX Giáp Bát
2	16	Giáp Bát - Mỹ Đình 5h04 - 21h04 10- 15 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Phố Vọng - Trường Chinh - Ngã Tư Sở - Đường Láng - Cầu Giấy - Xuân Thủy - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Xuân Thủy - Cầu Giấy - Đường Láng - Ngã Tư Sở - Trường Chinh - Giải Phóng - BX Giáp Bát
3	21	Giáp Bát - Hà Đông 5h00 - 21h00 5- 10 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Phố Vọng - Giải Phóng - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Tây Sơn - Ngã Tư Sở - Nguyễn Trãi - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông	BX Hà Đông - Trần Phú (Hà Đông) - Nguyễn Trãi - Ngã Tư Sở - Tây Sơn - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Đào Duy Anh - Giải Phóng - BX Giáp Bát
4	28	Giáp Bát - Đông Ngạc 5h07 - 21h07 10 - 15 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Nguyễn Lương Bằng - Đề La Thành - Giảng Võ - Ngọc Khánh - Kim Mã - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Trần Đăng Ninh - Chùa Hà - Nghĩa Tân - Hoàng Quốc Việt - Đường 69 - Đông Ngạc	Đông Ngạc - Đường 69 - Hoàng Quốc Việt - Nghĩa Tân - Trần Đăng Ninh - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - Ngọc Khánh - Giảng Võ - Đề La Thành - Nguyễn Lương Bằng - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Đào Duy Anh - Giải Phóng - BX Giáp Bát
5	29	Giáp Bát - Định Công - Tây Tựu 5h05 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Định Công - Lê Trọng Tấn - Trường Chinh - Ngã Tư Sở - Nguyễn Trãi - Nguyễn Tuân - Hoàng Minh Giám - Trần Duy Hưng - Phạm Hùng - Hồ Tùng Mậu - Diên - Nhón - Tây Tựu	Tây Tựu - Nhón - Diên - Hồ Tùng Mậu - Phạm Hùng - Trần Duy Hưng - Hoàng Minh Giám - Lê Văn Lương - Hồng Liên (Làng SV) - Vũ Trọng Phụng - Nguyễn Trãi - Ngã Tư Sở - Trường Chinh - Lê Trọng Tấn - Định Công - Giải Phóng - BX Giáp Bát

STT	SỐ HIỆU TUYÊN	TÊN TUYÊN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
6	32	Giáp Bát - Nhổn 5h05 - 22h30 5 - 10 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Lê Duẩn - Trần Nhân Tông - Trần Bình Trọng - Quán Sứ - Tráng Th - Điện Biên Phủ - Trần Phú - Sơn Tây - Kim Mã - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Xuân Thủy - Hồ Tùng Mậu - Diễn - Nhổn .	Nhổn - Diễn - Hồ Tùng Mậu - Xuân Thủy - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - Nguyễn Thái Học - Lê Duẩn - Giải Phóng - BX Giáp Bát .
7	37	Giáp Bát - Hà Đông 5h00 - 21h05 10-15-20 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Khu đô thị Linh Đàm - Kim Giang - Khương Đình - Nguyễn Trãi - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông	BX Hà Đông - Trần Phú (Hà Đông) - Nguyễn Trãi - Khương Đình - Kim Giang - Khu đô thị Linh Đàm - Giải Phóng - BX Giáp Bát .
8	41	Giáp Bát - Nghi Tam	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Lê Duẩn - Trần Nhân Tông - Quang Trung - Nguyễn Du - Lê Duẩn - Khâm Thiên - Tôn Đức Thắng - Chu Văn An - Lê Hồng Phong - Điện Biên Phủ - Nguyễn Tri Phương - Cửa Bắc - Yên Phụ - Nghi Tam - Âu Cơ - Chợ Quảng An	Chợ Quảng An - Nghi Tam - Yên Phụ - Cửa Bắc - Nguyễn Tri Phương - Điện Biên Phủ - Chu Văn An - Tôn Đức Thắng - Khâm Thiên - Lê Duẩn - Giải Phóng - BX Giáp Bát
9	206	Giáp Bát - Phú Lý 5h00 - 19h00 15 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Văn Điển - Quán Gánh - Thường Tín - Tia - Đỗ Xá - Nghệ - Sở - Phú Xuyên - Guột - Cầu Giẽ - Đống Văn - Ba Đa - Nội Thị Phú Lý - BX Phú Lý	BX Phú Lý - Nội Thị Phú Lý - Ba Đa - Đống Văn - Cầu Giẽ - Guột - Phú Xuyên - Sở - Nghệ - Đỗ Xá - Tia - Thường Tín - Quán Gánh - Văn Điển - Giải Phóng - BX Giáp Bát
10	209	Giáp Bát - Hưng Yên 05h17 - 18h57 20 phút/chuyến	BX Giáp Bát - Quốc Lộ 1 - Thường Tín - Quán Gánh - Đống Văn - QL 38 - Hòa Mạc - Cầu Yên Lệnh - TX Hưng Yên - BX Hưng Yên	BX Hưng Yên - TX Hưng Yên - Cầu Yên Lệnh - Hòa Mạc - QL 38 - Đống Văn - Đỗ Xá - Quán Gánh - Thường Tín - Quốc Lộ 1 - BX Giáp Bát
11	1	Long Biên - Hà Đông 5h06 - 21h06 10 - 15 phút/chuyến	Long Biên (Khoang 3) - Hàng Đậu - Hàng Cót - Hàng Gà - Hàng Điều - Hàng Da - Quán Sứ - Trần Hưng Đạo - Lê Duẩn - Khâm Thiên - Nguyễn Lương Bằng - Tây Sơn - Nguyễn Trãi - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông .	BX Hà Đông - Trần Phú (Hà Đông) - Nguyễn Trãi - Tây Sơn - Nguyễn Lương Bằng - Khâm Thiên - Nguyễn Thượng Hiền - Yên Kiều - Trần Hưng Đạo - Quán Sứ - Đường Thành - Phùng Hưng - Lê Văn Linh - Phùng Hưng (Trong) - Phan Đình Phùng - Hàng Đậu - Yên Phụ - Long Biên
12	4	Long Biên - Linh Nam 5h00 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	Long Biên (Khoang 3) - Yên Phụ - Trần Nhật Duật - Nguyễn Hữu Huân - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Hai Bà Trưng - Lê Thánh Tông -	Linh Nam - Thủy Linh - Đường Linh Nam - Nguyễn Tam Trinh - Kim Ngưu - Lò Đức - Phan Chu Trinh - Cổ Tân - Tống

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
			Tăng Bạt Hổ - Yecanh - Lò Đúc - Kim Ngưu - Nguyễn Tam Trinh - Đường Linh Nam - Thủy Linh - Linh Nam	Đán - Hàng Vôi - Hàng Tre - Hàng Muối - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên (Khoảng 3)
13	8	Long Biên - Đông Mỹ 5h00 - 22h30 5-10-15phút/chuyến	Long Biên (Khoảng 2) - Yên Phụ - Hàng Đậu - Hàng Cót - Hàng Lược - Chả Cá - Hàng Càn - Lương Văn Can - Lê Thái Tổ - Bà Triệu - Lê Đại Hành - Cao Đạt - Bạch Mai - Đại La - Giải Phóng - Giáp Bát - Quốc Lộ 1 - Ngũ Hiệp - Đông Mỹ	Đông Mỹ - Ngũ Hiệp - Quốc Lộ 1 - BX Giáp Bát - Giải Phóng - Phố Vọng - Đại La - Bạch Mai - Phố Huế - Hàng Bài - Đinh Tiên Hoàng - Hàng Đậu - Cầu Gỗ - Hàng Tre - Hàng Muối - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên (Khoảng 2)
14	10	Long Biên - Từ Sơn 4h05 - 21h05 (5h05 - 22h05) 10 - 15phút/chuyến	Long Biên (Khoảng 1) - Yên Phụ - Trần Nhật Duật - Nguyễn Văn Cừ - Ngô Gia Tự - Cầu Đường - Hà Huy Tập - Yên Viên - Dốc Lã - Từ Sơn	Từ Sơn - Dốc Lã - Yên Viên - Hà Huy Tập - Cầu Đường - Ngô Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên (Khoảng 1)
15	15	Long Biên - Phố Nối 4h10 - 20h05 5h10 - 21h25 10 - 15 phút/chuyến	Long Biên (Khoảng 3) - Yên Phụ - Trần Nhật Duật - Nguyễn Văn Cừ - Ngô Gia Tự - Cầu Đường - Dốc Ván - Cổ Loa - Quốc Lộ 3 - Đông Anh - Nguyễn Khê - Phủ Lỗ - Đa Phúc - Phố Nối	Phố Nối - Đa Phúc - Phủ Lỗ - Nguyễn Khê - Đông Anh - Cổ Loa - Dốc Ván - Quốc Lộ 3 - Cầu Đường - Ngô Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên (Khoảng 3)
16	17	Long Biên - Nội Bài 4h15 - 21h00 (5h05 - 22h30) 10 - 15phút/chuyến	Long Biên - Yên Phụ - Trần Nhật Duật - Nguyễn Văn Cừ - Ngô Gia Tự - Cầu Đường - Dốc Ván - Cổ Loa - Quốc Lộ 3 - Đông Anh - Nguyễn Khê - Phủ Lỗ - Quốc Lộ 2 - Sân bay Nội Bài	Sân bay Nội Bài - Quốc Lộ 2 - Phủ Lỗ - Nguyễn Khê - Đông Anh - Cổ Loa - Dốc Ván - Quốc Lộ 3 - Cầu Đường - Ngô Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên (Khoảng 3)
17	47	Long Biên - Bát Tràng 5h00 - 20h00 (5h30 - 20h20) 10-15 phút/chuyến	Long Biên (Yên Phụ Khoảng 1) - Yên Phụ - Trần Nhật Duật - Cầu Chương Dương - Đường Long Biên - Xuân Quang - Chợ Gầm Bát Tràng	Bát Tràng - Đường Long Biên - Xuân Quang - Cầu Chương Dương - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên (Yên Phụ khoảng 1)
18	50	Long Biên - SVĐ Quốc Gia 5h00 - 21h00 10-15-20 phút/chuyến	Long Biên - Yên Phụ - Thanh Niên - Thụy Khuê - Mai Xuân Thưởng - Phan Đình Phùng - Hoàng Diệu - Trần Phú - Lê Trực - Sơn Tây - Kim Mã - Nguyễn Chí Thanh - Trần Duy Hưng - Cao tốc Láng Hòa Lạc - Lê Đức Thọ - SVĐ Quốc Gia	SVĐ Quốc Gia - Lê Đức Thọ - Cao tốc Láng Hòa Lạc - Trần Duy Hưng - Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã - Nguyễn Thái Học - Hoàng Diệu - Nguyễn Biếu - Quán Thánh - Thanh Niên - Yên Phụ - Long Biên (Khoảng 2)

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
19	54	Long Biên - Bắc Ninh 4h00 - 19h45 5h00 - 21h15 15 - 20phút/chuyến	Long Biên (Khoang 1) - Yên Phụ - Trần Nhật Duật - Long Biên - Nguyễn Văn Cừ - Ngô Gia Tự - Cầu Đường - Hà Huy Tập - Ga Yên Viên - Dốc Lã - Từ Sơn - Đồng Nguyên - Viếng - Tương Giang - Nội Duệ - Lim - Ó - Võ Cường - Hoà Đình - Suối Hoa - TX Bắc Ninh	TX Bắc Ninh - Suối Hoa - BX Bắc Ninh - Hoà Đình - Võ Cường - Ó - Lim - Nội Duệ - Tương Giang - Viếng - Đồng Nguyên - Từ Sơn - Dốc Lã - Ga Yên Viên - Hà Huy Tập - Cầu Đường - Ngô Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên (Khoang 1)
20	19	Trần Khánh Dư - Hà Đông 5h05 - 21h00 15 - 20phút/chuyến	Bãi đỗ xe Trần Khánh Dư - Trần Khánh Dư (Đường dưới) - Nguyễn Khoái - Minh Khai - Đại La - Trường Chinh - Ngã Tư Sở - Nguyễn Trãi - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông	BX Hà Đông - Trần Phú (Hà Đông) - Nguyễn Trãi - Ngã Tư Sở - Trường Chinh - Đại La - Minh Khai - Nguyễn Khoái - Trần Khánh Dư (Đường dưới) - Bãi đỗ xe Trần Khánh Dư
21	35	Trần Khánh Dư - Nam Thăng Long 5h05 - 21h05 10-15 phút/chuyến	Trần Khánh Dư - Trần Hưng Đạo - Bà Triệu - Đại Cồ Việt - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Thái Hà - Huỳnh Thúc Kháng - Nguyễn Chí Thanh - Chùa Láng - Đường Láng - Cầu Giấy - Trần Đăng Ninh - Nguyễn Phong Sắc - Hoàng Quốc Việt - Phạm Văn Đồng - BX Nam Thăng Long	BX Nam Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Hoàng Quốc Việt - Nguyễn Phong Sắc - Trần Đăng Ninh - Cầu Giấy - Đường Láng - Chùa Láng - Nguyễn Chí Thanh - Huỳnh Thúc Kháng - Thái Hà - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Đào Duy Anh - Đại Cồ Việt - Phố Huế - Hàng Bài - Trần Hưng Đạo - Phan Chu Trinh - Trảng Tiễn - Trần Khánh Dư
22	48	Trần Khánh Dư - Pháp Vân 5h00-21h00 10 - 15phút/chuyến	Trần Khánh Dư - Nguyễn Khoái - Đề Hữu Hồng - Đường Pháp Vân - Công viên Yên Sở - Giải Phóng - BX Nước Ngầm	BX Nước Ngầm - Giải Phóng - Công viên Yên Sở - Đường Pháp Vân - Đề Hữu Hồng - Nguyễn Khoái - Trần Khánh Dư
23	51	Trần Khánh Dư - KĐT Trung Yên 5h00 - 21h00 10-15- 20phút/chuyến	Trần Khánh Dư - Nguyễn Khoái - Lạc Trung - Thanh Nhân - Võ Thị Sáu - Đại Cồ Việt - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Tây Sơn - Thái Thịnh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Hoàng Đạo Thúy - Trần Duy Hưng - KĐT Trung Yên	KĐT Trung Yên - Trần Duy Hưng - Hoàng Đạo Thúy - Lê Văn Lương - Láng Hạ - Thái Thịnh - Tây Sơn - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Đào Duy Anh - Đại Cồ Việt - Võ Thị Sáu - Thanh Nhân - Lạc Trung - Nguyễn Khoái - Trần Khánh Dư
24	44	Trần Khánh Dư - Mỹ Đình 5h00 - 21h00 10 phút / chuyến	Trần Khánh Dư - Trần Hưng Đạo - Trần Thánh Tông - Tăng Bạt Hổ - Yecxanh - Lò Đúc - Trần Khát Chân - Đại Cồ Việt - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Tây Sơn -	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Trần Duy Hưng - Láng SV - Nguyễn Tuấn - Nguyễn Trãi - Sơn Tây - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Đào Duy Anh - Đại Cồ Việt - Trần Khát Chân -

STT	SỐ HIỆU TUYỂN	TÊN TUYỂN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
			Nguyễn Trãi - Nguyễn Tuấn - Làng SV - Trần Duy Hưng - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	Lò Đức - Trần Thánh Tông - Trần Hưng Đạo - Trần Khánh Dư
25	45	Trần Khánh Dư - Đông Ngạc	Trần Khánh Dư - Trần Hưng Đạo - Lê Thánh Tông - Hai Bà Trung - Thọ Nhuộm - Điện Biên Phủ - Hoàng Diệu - Nguyễn Biểu - Quán Thánh - Thụy Khuê - Hoàng Quốc Việt - Đường 69 - Đông Ngạc	Đông Ngạc - Đường 69 - Hoàng Quốc Việt - Hoàng Hoa Thám - Hoàng Diệu - Nguyễn Thái Học - Phan Bội Châu - Hai Bà Trưng - Phan Chu Trinh - Trần Khánh Dư
26	7	Kim Mã - Sân bay Nội Bài 4h20 - 21h00 5h30 - 22h30 5-10- 15phút/chuyến	BX Kim Mã - Giảng Võ - Giang Văn Minh - Kim Mã - Cầu Giấy - Bưởi - Nguyễn Khánh Toàn - Nguyễn Văn Huyền - Hoàng Quốc Việt - Phạm Văn Đồng - Cầu Thăng Long - Sân bay Nội Bài	Sân bay Nội Bài - Cao tốc Bắc Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Hoàng Quốc Việt - Nguyễn Văn Huyền - Nguyễn Khánh Toàn - Bưởi - Cầu Giấy - Kim Mã - BX Kim Mã
27	13	Kim Mã - Mỹ Đình 5h05 - 21h05 10-15 phút/chuyến	BX Kim Mã - Giảng Võ - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Hoàng Đạo Thủy (KĐT Trung Hoà Nhân Chính) - Trần Duy Hưng - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Trần Duy Hưng - Hoàng Đạo Thủy (KĐT Trung Hoà Nhân Chính) - Lê Văn Lương - Láng Hạ - Giảng Võ - Giang Văn Minh - BX Kim Mã
28	20	Kim Mã - Phùng 5h00 - 21h00 10 - 15 phút/chuyến	BX Kim Mã - Giảng Võ - Giang Văn Minh - Kim Mã - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Xuân Thủy - Hồ Tùng Mậu - Diễn - Nhõn - Trôi - BX Phùng	BX Phùng - Trôi - Nhõn - Diễn - Hồ Tùng Mậu - Xuân Thủy - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - BX Kim Mã
29	18	Kim Mã - Long Biển - Kim Mã 5h05 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	BX Kim Mã - Nguyễn Thái Học - Lê Duẩn - Trần Phú - Phùng Hưng - Lê Văn Linh - Phùng Hưng (Đường trong) - Phan Đình Phùng - Hàng Đậu - Long Biên - Trần Nhật Duật - Nguyễn Hữu Huân - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Hai Bà Trưng - Lê Thánh Tông - Tăng Bạt Hổ - Yecxanh - Lò Đức - Trần Khát Chân - Võ Thị Sáu - Thanh Nhân - Lê Thanh Nghị - Giải Phóng - Phương Mai - Lương Đình Của - Hoàng Tích Trĩ - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Tây Sơn - Thái Thịnh - Láng Hạ - Đường Láng - Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã - BX Kim Mã	BX Kim Mã - Kim Mã - Nguyễn Chí Thanh - Đường Láng - Láng Hạ - Thái Thịnh - Tây Sơn - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Lương Đình Của - Phương Mai - Giải Phóng - Lê Thanh Nghị - Thanh Nhân - Võ Thị Sáu - Trần Khát Chân - Lò Đức - Yecxanh - Trần Thánh Tông - Lê Thanh Tông - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Hàng Tre - Hàng Vôi - Hàng Múoi - Trần Nhật Duật - Long Biển - Hàng Đậu - Quán Thánh - Hoàng Nhai - Phan Đình Phùng - Lý Nam Đế - Trần Phú - Điện Biên Phủ - Lê Hồng Phong - Sơn Tây - BX Kim Mã

STT	SỐ HIỆU TUYỂN	TÊN TUYỂN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
30	12	Kim Mã - Văn Điển 5h00 - 21h05 15- 20phút/chuyến	BX Kim Mã - Giảng Võ - Láng Hạ - Thái Hà - Chùa Bộc - Tôn Thất Tùng - Lê Trọng Tấn - Đinh Công - Giải Phóng - Quốc Lộ 1 - Văn Điển	Văn Điển - Quốc Lộ 1 - Giải Phóng - Đinh Công - Lê Trọng Tấn - Tôn Thất Tùng - Chùa Bộc - Thái Hà - Láng Hạ - Giảng Võ - Giảng Văn Mình - BX Kim Mã
31	6	Ga HN - Thường Tín 5h00 - 20h00 5h10 - 21h00 10-15- 20phút/chuyến	Ga Hà Nội - Lê Duẩn - Giải Phóng - Quốc Lộ 1 - Bến xe Thường Tín.	BX Thường Tín - Quốc Lộ 1 - Giải Phóng - Lê Duẩn - Trần Nhân Tông - Trần Bình Trọng - Trần Hưng Đạo - Ga HN
32	11	Ga HN - ĐH Nông Nghiệp I 5h03 - 20h03 5h00 - 21h00 10 - 15 - 20phút/chuyến	Ga HN - Lê Duẩn - Nguyễn Du - Yết Kiêu - Trần Hưng Đạo - Phan Chu Trinh - Lý Thái Tổ - Ngô Quyển - Hàng Vôi - Hàng Tre - Trần Nhật Duật - Long Biên - Ngọc Lâm - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Linh - Ngô Xuân Quảng - ĐH Nông Nghiệp I	ĐH Nông Nghiệp I - Ngô Xuân Quảng - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Trần Nhật Duật - Nguyễn Hữu Huân - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Trần Hưng Đạo - Ga HN
33	40	Ga Hà Nội - Phú Thị 4h10 - 22h35 5h00 - 22h35 15 - 20phút/chuyến	Ga HN - Lê Duẩn - Nguyễn Du - Yết Kiêu - Trần Hưng Đạo - Quán Sứ - Hai Bà Trưng - Phan Chu Trinh - Lý Thái Tổ - Ngô Quyển - Hàng Vôi - Hàng Tre - Hàng Muối - Trần Nhật Duật - Long Biên - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Linh - Quốc Lộ 5 - Ngã tư Phú Thị - Cầu vượt Phú Thị - Phú Thị	Phú Thị - Ngã tư Phú Thị - Quốc Lộ 5 - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Trần Nhật Duật - Nguyễn Hữu Huân - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Hai Bà Trưng - Quán Sứ - Trần Hưng Đạo - Ga HN
34	52	Ga Hà Nội - BX Nước Ngầm 5h08 - 21h10 5h00 - 21h04 10-15- 20phút/chuyến	Ga HN - Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền - Ngô Thị Nhậm - Nguyễn Công Trứ - Lò Đức - Kim Ngưu - Cầu Mai Động - Nguyễn Tam Trinh - Yên Sở - Pháp Vân - BX Nước Ngầm	BX Nước Ngầm - Pháp Vân - Yên Sở - Nguyễn Tam Trinh - Cầu Mai Động - Kim Ngưu - Lò Đức - Phan Chu Trinh - Trần Hưng Đạo - Quán Sứ - Lý Thường Kiệt - Ga HN
36	43	Ga Hà Nội - Ga Đông Anh	Ga HN - Trần Hưng Đạo - Trần Quang Khải - Cầu Chương Dương - Nguyễn Văn Cừ - Ngô Gia Tự - Cầu Đuống - Quốc Lộ 3 - Đông Anh	Đông Anh - Quốc Lộ 3 - Cầu Đuống - Ngô Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - Cầu Chương Dương - Trần Quang Khải - Trần Hưng Đạo - Ga HN
37	38	Nam Thăng Long - Mai Động 5h05 - 21h05	BX Nam Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Hoàng Quốc Việt - Nguyễn Văn Huyền - Nguyễn	Mai Động (Bãi đỗ xe Kim Ngưu) - Nguyễn Tam Trinh - Minh Khai - Bạch Mai - Phố Huế - Trần

STT	SỐ HIỆU TUYỂN	TÊN TUYỂN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
		15-20 phút/chuyến	Khánh Toàn - Bưởi - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - Giang Văn Minh - Cát Linh - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Thái Học - Lê Duẩn - Trần Nhân Tông - Bà Triệu - Lê Đại Hành - Cao Đạt - Bạch Mai - Minh Khai - Nguyễn Tam Trình - Mai Động (Bãi đỗ xe Kim Ngưu)	Nhân Tông - Quang Trung - Hai Bà Trưng - Nguyễn Khuyến - Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Cát Linh - Giang Văn Minh - Kim Mã - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Bưởi - Nguyễn Khánh Toàn - Nguyễn Văn Huyền - Hoàng Quốc Việt - Phạm Văn Đồng - BX Nam Thăng Long
38	25	Nam Thăng Long - Giáp Bát 5h05 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	BX Nam Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Nguyễn Hoàng Tôn - Lạc Long Quân - Bưởi - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - Nguyễn Thái Học - Lê Duẩn - Giải Phóng - BX Giáp Bát	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Lê Duẩn - Trần Nhân Tông - Trần Binh Trọng - Quán Sứ - Tràng Thị - Điện Biên Phủ - Trần Phú - Sơn Tây - Kim Mã - Liễu Giai - Đội Cấn - Bưởi - Lạc Long Quân - Nguyễn Hoàng Tôn - Phạm Văn Đồng - BX Nam Thăng Long
39	56	Nam Thăng Long - Núi Đồi 4h30 - 22h30 15 - 20 phút/chuyến	BX Nam Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Cao tốc Bắc Thăng Long Nội Bài - Quốc Lộ 2 - Ngã 3 Thạch Lỗi - Tỉnh Lộ 131 - KCN Nội Bài - TT Sóc Sơn - Đường Núi Đồi - Núi Đồi	Núi Đồi - Đường Núi Đồi - TT Sóc Sơn - KCN Nội Bài - Tỉnh Lộ 131 - Ngã 3 Thạch Lỗi - Quốc Lộ 2 - Cao tốc Bắc Thăng Long Nội Bài - Phạm Văn Đồng - BX Nam Thăng Long
40	27	Nam Thăng Long - Hà Đông 5h08 - 21h08 5-10-15 phút/chuyến	BX Nam Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Hoàng Quốc Việt - Bưởi - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - Nguyễn Chí Thanh - Đường Láng - Ngã Tư Sở - Nguyễn Trãi - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông	BX Hà Đông - Trần Phú (Hà Đông) - Nguyễn Trãi - Ngã Tư Sở - Đường Láng - Nguyễn Chí Thanh - Liễu Giai - Đội Cấn - Bưởi - Hoàng Quốc Việt - Phạm Văn Đồng - BX Nam Thăng Long
41	24	Lương Yên - Ngã Tư Sở - Cầu Giấy 5h05 - 22h30 10-15-20 phút/chuyến	BX Lương Yên - Nguyễn Khoái - Minh Khai - Đại La - Trường Chinh - Ngã Tư Sở - Đường Láng - Điểm Trung Chuyển Cầu Giấy - Cầu Giấy	Cầu Giấy - Điểm Trung Chuyển Cầu Giấy - Đường Láng - Ngã Tư Sở - Trường Chinh - Đại La - Minh Khai - Nguyễn Khoái - BX Lương Yên
42	55	Lương Yên - Long Biên - Cầu Giấy 5h00 - 22h30 15 - 20 phút/chuyến	BX Lương Yên - Nguyễn Khoái - Trần Khánh Dư - Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật - Long Biên - Yên Phụ - Nghị Tầm - Âu Cơ - Lạc Long Quân - Bưởi - Cầu Giấy	Cầu Giấy - Bưởi - Lạc Long Quân - Âu Cơ - Nghi Tầm - Yên Phụ - Long Biên - Trần Nhật Duật - Trần Quang Khải - Trần Khánh Dư - Nguyễn Khoái - BX Lương Yên

STT	SỐ HIỆU TUYỂN	TÊN TUYỂN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
43	205	Lương Yên - Hưng Yên 5h00 - 20h00 20 phút/chuyến	BX Lương Yên - Nguyễn Khoái (Đốc Minh Khai) - Trần Khánh Dư - Trần Quang Khải (Đề trên) - Cầu Chương Dương - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Linh - Quốc Lộ 5 - Như Quỳnh - Phố Nối - Đường 39 - Liêu Xá - Tân Lập - Yên Mỹ - Trung Hưng - Minh Châu - Bô Thời - Trương Xá - Lương Bằng - Nguyễn Văn Linh (Hưng Yên) - BX Hưng Yên - Điện Biên - Bãi Sậy - Bờ hồ Bán Nguyệt (TX Hưng Yên)	Bờ hồ Bán Nguyệt (TX Hưng Yên) - Bãi Sậy - Điện Biên (Hưng Yên) - BX Hưng Yên - Nguyễn Văn Linh - Lương Bằng - Trương Xá - Bô Thời - Minh Châu - Trung Hưng - Yên Mỹ - Tân Lập - Liêu Xá - Đường 39 - Phố Nối - Như Quỳnh - Quốc Lộ 5 - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Văn Cừ - Cầu Chương Dương - Trần Quang Khải - Trần Khánh Dư - Nguyễn Khoái - BX Lương Yên
44	34	Mỹ Đình - Gia Lâm 5h07 - 21h07 10-15-20 phút/chuyến	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Xuân Thủy - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - Nguyễn Thái Học - Phan Bội Châu - Hai Bà Trưng - Phan Chu Trinh - Tráng Tiến - Tôn Đản - Hàng Vôi - Hàng Tre - Hàng Muối - Trần Nhật Duật - Long Biên - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Sơn - Ngọc Lâm - Ngõ Gia Khảm - BX Gia Lâm	BX Gia Lâm - Ngõ Gia Khảm - Ngọc Lâm - Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Trần Nhật Duật - Hàng Muối - Hàng Tre - Hàng Vôi - Tôn Đản - Hai Bà Trưng - Phan Chu Trinh - Tráng Tiến - Ngõ Quyền - Hai Bà Trưng - Thọ Nhuộm - Điện Biên Phủ - Trần Phú - Sơn Tây - Kim Mã - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Xuân Thủy - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình
45	33	Mỹ Đình - Công Viên nước Hồ Tây 5h00 - 21h00 15 - 20 phút/chuyến	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Yên Hoà - Trung Kính - Trần Duy Hưng - Nguyễn Chí Thanh - Huỳnh Thúc Kháng - Nguyễn Hồng - Thành Công - Láng Hạ - Giảng Võ - Giang Văn Minh - Kim Mã - Nguyễn Thái Học - Hoàng Diệu - Nguyễn Biếu - Trần Vũ - Thanh Niên - Nghi Tam - Âu Cơ - Công viên nước Hồ Tây .	CV Nước Hồ Tây - Lạc Long Quân - Âu Cơ - Xuân Diệu - Nghi Tam - Thanh Niên - Thụy Khuê - Mai Xuân Thưởng - Hoàng Hoa Thám - Phan Đình Phùng - Hoàng Diệu - Lê Hồng Phong - Ông Ích Khiêm - Sơn Tây - Kim Mã - Giảng Võ - Láng Hạ - Thành Công - Nguyễn Hồng - Huỳnh Thúc Kháng - Nguyễn Chí Thanh - Trần Duy Hưng - Trung Kính - Yên Hòa - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình
46	46	Mỹ Đình - Cổ Loa 5h00 - 21h00 10 phút / chuyến	Bến xe Mỹ Đình - Phạm Hùng - Phạm Văn Đồng - Cầu Thăng Long - Vĩnh Ngọc - Quốc Lộ 3 - Cổ Loa	Cổ Loa - Quốc Lộ 3 - Vĩnh Ngọc - Cầu Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Phạm Hùng - Bến xe Mỹ Đình

STT	SỐ HIỆU TUYỂN	TÊN TUYỂN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
47	53	Hoàng Quốc Việt - Đông Anh 5h00-20h00 10 - 15phút/chuyến	Hoàng Quốc Việt - Phạm Văn Đồng - Cao tốc Bắc Thăng Long - Quốc Lộ 23B - Nam Hồng - Cao Lỗ - Chợ Tó - Đông Anh	Đông Anh - Chợ Tó - Cao Lỗ - Nam Hồng - Quốc lộ 23B - Cao tốc Bắc Thăng Long - Phạm Văn Đồng - Hoàng Quốc Việt
48	39	Hoàng Quốc Việt - Pháp Vân 5h00 - 21h00 15 - 20phút/chuyến	Hoàng Quốc Việt (Triển Lãm NN) - Phạm Văn Đồng - Phạm Hùng (BX Mỹ Đình) - Trần Duy Hưng - Hoàng Minh Giám - Lê Văn Lương - Nguyễn Trãi - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông - Phùng Hưng (Hà Đông) - Cầu Bươu - Phan Trọng Tuệ - Quốc Lộ 1 - Văn Điển (UBH Thanh Trì) - BX Nước Ngầm	BX Nước Ngầm - Văn Điển (UBH Thanh Trì) - Quốc Lộ 1 - Phan Trọng Tuệ - Cầu Bươu - Phùng Hưng (Hà Đông) - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông - Nguyễn Trãi - Nguyễn Tuấn - Hoàng Minh Giám - Trần Duy Hưng - Phạm Hùng (BX Mỹ Đình) - Phạm Văn Đồng - Hoàng Quốc Việt (Triển Lãm NN)
49	30	Mai Động - Hoàng Quốc Việt 5h05 - 21h00 10 - 15phút/chuyến	Mai Động (Bãi đỗ xe Kim Ngưu) - Nguyễn Tam Trinh - Kim Ngưu - Lò Đúc - Trần Xuân Soạn - Trần Nhân Tông - Quang Trung - Nguyễn Du - Lê Duẩn - Khâm Thiên - Đề La Thành - Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Bưởi - Hoàng Quốc Việt (Triển lãm NN)	Hoàng Quốc Việt (Triển lãm NN) - Bưởi - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Kim Mã - Nguyễn Chí Thanh - Đề La Thành - Khâm Thiên - Nguyễn Thượng Hiền - Trần Bình Trọng - Trần Nhân Tông - Trần Xuân Soạn - Ngô Thi Nhậm - Nguyễn Công Trứ - Lò Đúc - Kim Ngưu - Tam Trinh - Cầu Voi - Nguyễn Tam Trinh - Mai Động (Bãi đỗ xe Kim Ngưu)
50	26	Mai Động - SVĐ Quốc Gia 5h05 - 22h35 5-10-15phút/chuyến	Mai Động (Bãi đỗ xe Kim Ngưu) - Nguyễn Tam Trinh - Kim Ngưu - Thanh Nhân - Tạ Quang Bửu - Đại Cồ Việt - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Thái Hà - Huỳnh Thúc Kháng - Nguyễn Chí Thanh - Đề La Thành - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Xuân Thủy - Hồ Tùng Mậu - Lê Đức Thọ - SVĐ Quốc Gia	SVĐ Quốc Gia - Lê Đức Thọ - Hồ Tùng Mậu - Xuân Thủy - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Đề La Thành - Nguyễn Chí Thanh - Huỳnh Thúc Kháng - Thái Hà - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Đào Duy Anh - Đại Cồ Việt - Tạ Quang Bửu - Lê Thanh Nghị - Thanh Nhân - Kim Ngưu - Tam Trinh - Cầu Voi - Nguyễn Tam Trinh - Mai Động (Bãi đỗ xe Kim Ngưu)
51	9	Bờ Hồ - Cầu Giấy - Bờ Hồ 5h00 - 21h00 10-15-20 phút/chuyến	Bờ Hồ - Cầu Gỗ - Nguyễn Hữu Huân - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Hai Bà Trưng - Quán Sứ - Trần Hưng Đạo - Trần Bình Trọng - Nguyễn Du - Lê Duẩn - Khâm Thiên - Nguyễn Lương	Bờ Hồ - Hàng Gai - Hàng Bông - Điện Biên Phủ - Lê Hồng Phong - Đội Cấn - Liễu Giai - Kim Mã - Cầu Giấy (Đường trên) - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Đề La Thành - Nguyễn Chí Thanh -

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
			Bằng - Tây Sơn - Thái Thịnh - Hoàng Ngọc Phách - Huỳnh Thúc Kháng - Nguyễn Chí Thanh - Đề La Thành - Điểm trung chuyển Cầu Giấy - Bưởi - Đào Tấn - Liễu Giai - Hoàng Hoa Thám - Ngọc Hà - Lê Hồng Phong - Điện Biên Phủ - Cửa Nam - Hàng Bông - Hàng Gai - Nguyễn Hữu Huân - Lò Sũ - Đinh Tiên Hoàng - Bờ Hồ	Huỳnh Thúc Kháng - Láng Hạ - Thái Thịnh - Tây Sơn - Nguyễn Lương Bằng - Khâm Thiên - Lê Duẩn - Trần Nhân Tông - Quang Trung - Hai Bà Trưng - Phan Chu Trinh - Lý Thái Tổ - Lê Thạch - Đinh Tiên Hoàng - Bờ Hồ
52	14	Bờ Hồ - Cổ Nhuế 5h00 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	Bờ Hồ - Hàng Gai - Hàng Bông - Đường Thành - Phùng Hưng - Lê Văn Linh - Phùng Hưng (Trong) - Phan Đình Phùng - Quán Thánh - Thụy Khuê - Bưởi - Hoàng Quốc Việt - Phạm Văn Đồng - Cổ Nhuế (Trường KTNVCT Thăng Long)	Cổ Nhuế (Trường KTNVCT Thăng Long) - Phạm Văn Đồng - Hoàng Quốc Việt - Bưởi - Hoàng Hoa Thám - Phan Đình Phùng - Hàng Cột - Hàng Lược - Chả Cá - Hàng Cân - Lương Văn Can - Hàng Gai - Cầu Gỗ - Nguyễn Hữu Huân - Lò Sũ - Đinh Tiên Hoàng - Bờ Hồ
53	5	Linh Đàm - Phú Diễn 5h00 - 21h00 15-20 phút/chuyến	KĐT Linh Đàm - Kim Giang - Khương Đình - Nguyễn Trãi - Nguyễn Tuân - Hoàng Minh Giám - Trần Duy Hưng - Phạm Hùng - Hồ Tùng Mậu - Diễn - Phú Diễn	Phú Diễn - Diễn - Hồ Tùng Mậu - Phạm Hùng - Khuất Duy Tiến - Nguyễn Trãi - Khương Đình - Kim Giang - KĐT Linh Đàm
54	36	Linh Đàm - Bờ Hồ - Yên Phụ 5h05 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	KĐT Linh Đàm - Giải Phóng - Trương Định - Minh Khai - Kim Ngưu - Lò Đức - Yecxanh - Trần Thánh Tông - Lê Thánh Tông - Hai Bà Trưng - Hàng Bài - Đinh Tiên Hoàng - Hàng Dấu - Cầu Gỗ - Hàng Tre - Hàng Muối - Trần Nhật Duật - Yên Phụ - Long Biên	Long Biên (Khoang 3) - Yên Phụ - Hàng Đậu - Hàng Cột - Hàng Lược - Chả Cá - Hàng Cân - Lương Văn Can - Lê Thái Tổ - Bà Triệu - Hai Bà Trưng - Lê Thánh Tông - Tầng Bạt Hồ - Yecxanh - Lò Đức - Kim Ngưu - Minh Khai - Đại La - Giải Phóng - KĐT Linh Đàm
55	2	Bác Cổ - Ba La 5h05 - 22h35 5 - 15 phút/chuyến	Trần Khánh Dư - Trần Hưng Đạo - Lê Thánh Tông - Tráng Tiến - Đinh Tiên Hoàng - Lê Thái Tổ - Tráng Thi - Điện Biên Phủ - Trần Phú - Chu Văn An - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Lương Bằng - Tây Sơn - Nguyễn Trãi - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông - Quang Trung (Hà Đông) - Ba La	Ba La - Quang Trung (Hà Đông) - Trần Phú (Hà Đông) - BX Hà Đông - Nguyễn Trãi - Tây Sơn - Nguyễn Lương Bằng - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Thái Học - Phan Bội Châu - Hai Bà Trưng - Phan Chu Trinh - Tráng Tiến - Trần Khánh Dư

STT	SỐ HIỆU TUYỂN	TÊN TUYỂN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
56	23	Nguyễn Công Trứ - Văn Hó - Long Biên - Nguyễn Công Trứ 5h05 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	Nguyễn Công Trứ - Lò Đúc - Hòa Mã Tuệ Tĩnh - Bà Triệu - Đoàn Trần Nghiệp - Hoa Lư - Tạ Quang Bửu - Lê Thanh Nghị - Giải Phóng - Phương Mai - Lương Đình Của - Hoàng Tích Trí - Đào Duy Anh - Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc - Tây Sơn - Đặng Tiến Đông - Trần Quang Diệu - Hoàng Cầu - Đề La Thành - Giảng Võ - Cát Linh - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Thái Học - Cửa Nam - Hàng Bông - Phùng Hưng - Lê Văn Linh - Phùng Hưng (Đường trong) - Phan Đình Phùng - Hàng Đầu - Long Biên - Trần Nhật Duật - Nguyễn Hữu Huân - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Hai Bà Trưng - Lê Thánh Tông - Trần Hưng Đạo - Phan Huy Chú - Hàn Thuyên - Lê Văn Hưu - Ngô Thi Nhậm - Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Công Trứ - Lò Đúc - Hàn Thuyên - Phan Huy Chú - Trần Hưng Đạo - Lê Thánh Tông - Lý Thái Tổ - Ngô Quyền - Hàng Vôi - Hàng Tre - Hàng Muối - Trần Nhật Duật - Long Biên - Hàng Đậu - Quán Thánh - Hoè Nhai - Phan Đình Phùng - Lý Nam Đế - Trần Phú - Phùng Hưng - Hàng Bông - Cửa Nam - Nguyễn Khuyến - Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Cát Linh - Giảng Võ - Đề La Thành - Hoàng Cầu - Trần Quang Diệu - Đặng Tiến Đông - Tây Sơn - Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch - Lương Đình Của - Phương Mai - Giải Phóng - Lê Thanh Nghị - Tạ Quang Bửu - Hoa Lư - Đoàn Trần Nghiệp - Phố Huế - Nguyễn Công Trứ
57	31	Bách Khoa (SVĐ Bách Khoa) - ĐH Mỏ (Chèm) 5h05 - 21h05 15 - 20 phút/chuyến	Bách Khoa - Tạ Quang Bửu - Đại Cồ Việt - Phố Huế - Hàng Bài - Đinh Tiên Hoàng - Hàng Dấu - Cầu Gỗ - Hoàng Tre - Hoàng Muối - Trần Nhật Duật - Long Biên - Hàng Đậu - Quán Thánh - Cửa Bắc - Yên Phụ - Nghi Tam - Âu Cơ Nhật Tân - Phú Thượng - ĐH Mỏ	ĐH Mỏ - Phú Thượng - Nhật Tân - Âu Cơ - Nghi Tam - Yên Phụ - Cửa Bắc - Phan Đình Phùng - Hàng Cót - Hàng Lược - Chả Cá - Hàng Cần - Lương Văn Can - Lê Thái Tổ - Bà Triệu - Đại Cồ Việt - Tạ Quang Bửu - Bách Khoa
58	22	Gia Lâm - Hà Đông - Viện quân y 103 5h00 - 22h30 5 - 10 phút/chuyến	BX Gia Lâm - Ngõ Gia Khâm - Ngọc Lâm - Nguyễn Văn Cừ - Trần Nhật Duật - Long Biên - Hàng Đậu - Quán Thánh - Nguyễn Biếu - Hoàng Diệu - Trần Phú - Sơn Tây - Kim Mã - Giảng Võ - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Khuất Duy Tiến - Nguyễn Trãi - BX Hà Đông - Phùng Hưng (Hà Đông) - Viện quân y 103	Viện quân y 103 - Phùng Hưng (Hà Đông) - BX Hà Đông - Nguyễn Trãi - Nguyễn Tuân - Lê Văn Lương - Láng Hạ - Giảng Võ - Giảng Văn Minh - Kim Mã - Nguyễn Thái Học - Hoàng Diệu - Phan Đình Phùng - Hàng Đậu - Long Biên - Trần Nhật Duật - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Sơn - Ngọc Lâm - Ngõ Gia Khâm - BX Gia Lâm

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
59	42	Kim Ngưu - Đức Giang	Bãi đỗ xe Kim Ngưu - Tam Trinh - Kim Ngưu - Lò Đức - Yecxanh - Tăng Bạt Hổ - Trần Hưng Đạo - Trần Quang Khải - Cầu Chương Dương - Nguyễn Văn Cừ - Ngõ Gia Tự - Đức Giang - Nhà máy Cấp Điện	Nhà máy Cấp Điện - Đức Giang - Ngõ Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - Cầu Chương Dương - Trần Quang Khải - Trần Hưng Đạo - Tăng Bạt Hổ - Yecxanh - Lò Đức - Kim Ngưu - Tam Trinh - Bãi đỗ xe Kim Ngưu
60	202	Hà Nội - Hải Dương 5h00 - 19h00 15 phút/chuyến	BX Lương Yên - Nguyễn Khoái - Trần Khánh Dư - Trần Quang Khải - Cầu Chương Dương - Gia Lâm - Nguyễn Văn Cừ - Cầu Chui - Nguyễn Văn Linh - Như Quỳnh - Bần - Phố Mới - Quán Gỏi - Lai Cách - Nguyễn Lương Bằng - Trần Hưng Đạo - Hồng Quang - BX Hải Dương	BX Hải Dương - Hồng Quang - Trần Hưng Đạo - Nguyễn Lương Bằng - Lai Cách - Quán Gỏi - Phố Mới - Bần - Như Quỳnh - Nguyễn Văn Linh - Cầu Chui - Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm - Cầu Chương Dương - Trần Quang Khải - Trần Khánh Dư - Nguyễn Khoái - BX Lương Yên
61	203	Hà Nội - Bắc Giang 5h00-19h00 15 phút/chuyến	BX Lương Yên - Trần Khánh Dư - Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật - Nguyễn Văn Cừ - Cầu Chui - Ngõ Gia Tự - Cầu Đường - Hà Huy Tập - Yên Viên - Dốc Lã - Từ Sơn - Lim - TX Bắc Ninh - Thị Cầu - Tam Tầng - Chợ Nến - Hồng Thái - TP Bắc Giang - Xương Trạch - BX Bắc Giang	BX Bắc Giang - Xương Trạch - TP Bắc Giang - Hồng Thái - Chợ Nến - Tam Tầng - Thị Cầu - TX Bắc Ninh - Lim - Từ Sơn - Dốc Lã - Yên Viên - Hà Huy Tập - Cầu Đường - Ngõ Gia Tự - Cầu Chui - Nguyễn Văn Cừ - Trần Nhật Duật - Trần Quang Khải - Trần Khánh Dư - BX Lương Yên
62	204	Hà Nội - Thuận Thành (Bắc Ninh) 5h00-20h00 15 phút/chuyến	BX Lương Yên - Nguyễn Khoái (Dốc Minh Khai) - Trần Khánh Dư - Trần Quang Khải - Cầu Chương Dương - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Linh - Quốc Lộ 5 - Ngã tư Phú Thị - Đường 181 - Phố Sủi - Keo - Kim Sơn - Chùa Keo - Phố Toàn Thắng (KCN Hapro) - Đức Hiệp - Xuân Lâm - Hà Mãn - Chùa Dầu - Thanh Hoài (Thanh Khương) - Tầm Á (Gia Đông) - Phố Khâm (Gia Đông) - TT Hố (Thuận Thành)	TT Hố (Thuận Thành) - Phố Khâm (Gia Đông) - Tầm Á (Gia Đông) - Thanh Hoài (Thanh Khương) - Chùa Dầu - Hà Mãn - Xuân Lâm - Đức Hiệp - Phố Toàn Thắng (KCN Hapro) - Chùa Keo - Kim Sơn - Keo - Phố Sủi - Đường 181 - Ngã tư Phú Thị - Quốc Lộ 5 - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Văn Cừ - Cầu Chương Dương - Trần Quang Khải - Trần Khánh Dư - Nguyễn Khoái - BX Lương Yên

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
63	207	Hà Nội - Văn Giang 5h00 - 18h00 6h00 - 19h00 15 phút /chuyến	BX Giáp Bát - Giải Phóng - Pháp Vân - Tam Trinh - Minh Khai - Vĩnh Tuy - Đề Nguyễn Khoái - Trần Khánh Dư - Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Linh - Phú Thị - Kiều Kỵ - Đường 179 - TT Văn Giang	TT Văn Giang - Đường 179 - Kiều Kỵ - Phú Thị - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Văn Cừ - Trần Nhật Duật - Trần Quang Khải - Trần Khánh Dư - Đề Nguyễn Khoái - Vĩnh Tuy - Minh Khai - Tam Trinh - Pháp Vân - Giải Phóng - BX Giáp Bát

Khi nhận được Giấy báo thi ngoài các thông tin liên quan cần thiết thi điều quan tâm lớn nhất của thí sinh là xem thời gian và địa điểm mà thí sinh sẽ đến dự thi. Khi có điểm thi bạn sẽ xác định được: số nhà, đường phố hay trường mà bạn đến dự thi. Để giúp những thí sinh ở các tỉnh, thành phố khác đến khu vực Hà Nội dự thi tránh được những trở ngại, khó khăn trong việc đi lại, giúp bạn nhanh chóng tìm được địa điểm để bạn có thể tiết kiệm được cả thời gian, tiền bạc và công sức thì chúng tôi xin cung cấp cho các bạn một số thông tin cần thiết qua 2 bảng phụ lục trên.

Nhìn vào bản đồ một số trường bạn sẽ xác định được hướng mà bạn phải đi tới.

Ví dụ: các thí sinh ở các tỉnh phía Nam đến Hà Nội có thể đi tàu đến Ga Hà Nội, đi ô tô đến Bến xe Giáp Bát... Từ đó sẽ có các tuyến xe buýt tỏa ra các hướng của hầu khắp các phố, phường của Tp.Hà Nội (xem chi tiết bảng phụ lục II).

Hay nếu bạn là thí sinh ở các tỉnh như: Hưng Yên, Thái Bình, Hà Tây thì điều kiện đi lại của bạn sẽ dễ dàng hơn nhiều vì hiện nay đều có các tuyến xe buýt 2 chiều về các tỉnh này, hơn nữa mật độ các chuyến chạy khá nhiều, chỉ khoảng từ 10 – 15 phút/chuyến.

Nếu bạn ở phía Bắc của khu vực Hà Nội bạn có thể đi tàu đến Ga Gia Lâm hoặc đi ô tô khách, xe buýt đến Bến xe Mỹ Đình, Bến xe Kim Mã. Ở các bến xe này cũng có rất nhiều tuyến khác nhau để bạn có thể lựa chọn tuyến cho phù hợp ứng với nơi mà bạn cần đến.

Việc đi lại bằng xe buýt đang tạo nhiều điều kiện thuận lợi đặc biệt cho học sinh, sinh viên vì giá thành rẻ, an toàn, bạn sẽ không gặp phải những khó khăn như: bị lừa, bị chèo kéo...

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN I: GIỚI THIỆU CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

STT		Trang	STT		Trang
1	Đại học Quốc gia Hà Nội	7	48	Đại học Y tế công cộng	239
	• Đại học Khoa học Tự nhiên	8	49	Đại học Răng - Hàm - Mặt	241
	• Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn	25	50	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	242
	• Đại học Ngoại ngữ	38	51	Đại học Y Hải Phòng	243
	• Đại học Công nghệ	43	52	Đại học Y Thái Bình	244
	• Khoa Luật	48	53	Đại học Điều dưỡng Nam Định	246
	• Khoa Kinh Tế	51	54	Đại học Mỹ thuật công nghiệp	247
	• Khoa Sư phạm	56	55	Đại học Mỹ thuật Hà Nội	249
2	Đại học Bách khoa Hà Nội	60	56	Đại học Sân khấu điện ảnh	252
3	Đại học Kinh tế quốc dân	80	57	Nhạc viện Hà Nội	254
4	Đại học Giao thông vận tải	92	58	Viện Đại học Mở Hà Nội	256
5	Đại học Xây dựng	106	59	Đại học Thái Nguyên	263
6	Đại học Kiến trúc Hà Nội	116		• Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	265
7	Đại học Hàng Hải	121		• ĐH Kinh tế - Quản trị kinh doanh	274
8	HV Công nghệ Bưu chính viễn thông	132		• Đại học Y	275
9	Đại học Sư phạm Hà Nội	136		• Đại học Nông lâm	277
10	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	146		• Đại học Sư phạm	281
11	Đại học Hà Nội	149		• Khoa Công nghệ thông tin	285
12	Học viện Quan hệ quốc tế	153		• Khoa Khoa học tự nhiên	288
13	Đại học Luật Hà Nội	155	60	Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	289
14	Học viện Báo chí tuyên truyền	159	61	Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định	291
15	Học viện Hành chính quốc gia	169	62	Đại học Thể dục thể thao I	292
16	Học viện Tài chính	171	63	ĐHSP Thể dục thể thao Hà Tây	294
17	Học viện Ngân hàng	175	64	Đại học Vinh	295
18	Đại học Ngoại thương HN	178	65	Đại học Tây Bắc	300
19	Đại học Thương mại	183	66	Đại học Hải Phòng	303
20	Đại học Nông nghiệp I	187	67	Đại học Hồng Đức	307
21	Đại học Lâm nghiệp	200	68	Đại học Hưng Vương	311
22	Đại học Thủy lợi	204	69	Đại học Dân lập Phương Đông	313
39	Đại học Mở - Địa chất	211	70	Đại học Dân lập Thăng Long	321
40	Đại học Công nghiệp Hà Nội	219	71	Đại học Dân lập Đông Đô	324
41	Đại học Điện lực	224	72	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	326
42	Đại học Lao động xã hội	225	73	Đại học Dân lập Hải Phòng	328
43	Đại học Văn hóa Hà Nội	227	74	Đại học Dân lập Lương Thế Vinh	332
44	Đại học Công Đoàn	231	75	Đại học Chu Văn An	334
45	Đại học Y Hà Nội	233	76	Đại học FPT	335
46	Đại học Dược Hà Nội	237			

PHẦN II: MỘT SỐ LỜI KHUYÊN

1	• Chọn khối để ĐKDT	337	9	• Để làm bài thi tốt	350
2	• Chọn trường trong khối thi	338	10	• Hướng dẫn làm bài thi trắc nghiệm	352
3	• Chọn ngành trong khối trường	339	11	• Trước ngày thi	358
4	• Chọn ngành trong trường	340	12	• Khi vào phòng thi	358
5	• Chọn cơ sở đào tạo	342	13	• Khi làm bài thi	359
6	• Chọn trường theo khu vực địa lý	343	14	• Khi biết kết quả thi	359
7	• Chọn mô hình đào tạo	347	15	• Khi trúng tuyển	360
8	• Đăng ký nguyện vọng	348			

PHẦN III: BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU TUYỂN SINH

1	• Phụ lục I: Tỷ lệ "chơi" trung bình của các trường Đại học khu vực phía Bắc từ năm 1999 đến 2006	363
2	• Phụ lục II: Tỷ lệ trúng tuyển của các trường Đại học khu vực phía Bắc từ năm 2001 đến 2006	365
3	• Phụ lục III: Tỷ lệ trúng tuyển theo địa phương khu vực phía Bắc từ năm 2003 đến 2006	370

PHẦN IV: KHỐI THI CỦA CÁC NGÀNH

1	• Nhóm ngành Sư phạm	373	7	• Nhóm ngành Khoa học xã hội	377
2	• Nhóm ngành Khoa học tự nhiên	374	8	• Nhóm ngành Công nghệ thông tin	378
3	• Nhóm ngành Khoa học nhân văn	375	9	• Nhóm ngành Kỹ thuật	378
4	• Nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh	375	10	• Nhóm ngành Công nghệ	379
5	• Nhóm ngành Ngoại ngữ	376	11	• Nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy sản	379
6	• Nhóm ngành Y - Dược	377	12	• Nhóm ngành Văn hóa - Nghệ thuật	380

PHẦN V: CÁC TUYẾN XE BUÝT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1	• Phụ lục I: Sơ đồ một số trường Đại học	382
2	• Phụ lục II: Các tuyến xe buýt Thành phố Hà Nội	383

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các văn bản pháp luật hiện hành về Giáo dục - Đào tạo (4 tập) – Bộ Giáo dục và Đào tạo – Nhà Xuất bản Thống kê - H, 2001.
2. Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp (1997 - 2006) - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Nhà Xuất bản Giáo dục.
3. Quy định về điều chỉnh nội dung học tập bậc trung học (cấp trung học phổ thông) - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Nhà Xuất bản Giáo dục - 2000.
4. Các Kỹ yếu hội thảo về công tác tuyển sinh đại học và cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 1997 - 2006).

So sánh chương trình và nội dung sách giáo khoa hiện hành với quy định về điều chỉnh nội dung học tập bậc trung học (cấp trung học phổ thông) và sách giáo khoa trung học chuyên ban. (Tài liệu phục vụ việc ra đề thi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp năm 2001) - Bộ Giáo dục và Đào tạo – Nhà Xuất bản Giáo dục - H, 5/2001.
6. Tư vấn chọn ngành nghề cho thanh niên học sinh thi vào đại học, cao đẳng phía Bắc - PGS.TS Trần Xuân Nhĩ - ThS. Đinh Hữu Liên (chủ biên) - Nhà Xuất bản Giáo dục, 2001.
7. Các dạng đề thi và những thông tin số liệu về tuyển sinh đại học - TS. Lê Anh Vũ - Tăng Kỳ Sơn - Nhà Xuất bản Thanh Hóa 2002.
8. Các sách giới thiệu về các trường đại học nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập.
9. Cẩm nang tuyển sinh Tìm hiểu về các trường đại học & Kỳ thi tuyển sinh

Các Báo in, Báo điện tử, các Website: Nhân dân (<http://www.nhandan.com.vn>), Thanh niên (<http://www.thanhnien.com.vn>), Tuổi trẻ (<http://www.tuoitre.com.vn>), Giáo dục và thời đại (<http://www.gdtd.com.vn>), Báo điện tử Việt Nam (<http://vietnamnet.vn>), website Bộ Giáo dục và Đào tạo (<http://edu.net.vn>), Vụ Đại học và Sau đại học (<http://www.hed.edu.vn>)... từ năm 1997 – 2007.

TÌM HIỂU
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
QUA CÁC SỐ LIỆU TUYỂN SINH

Chịu trách nhiệm xuất bản: CÁT VĂN THÀNH
Chịu trách nhiệm bản thảo: DƯƠNG TẤT THẮNG
Trình bày: NGUYỄN VĂN THÂN, PHẠM THỊ YẾN
Sửa bản in: NGUYỄN QUANG DŨNG

Việc làm thế nào để trúng tuyển vào các trường Đại học là một bài toán không dễ có lời giải.

Với mong muốn đáp ứng những nhu cầu trên, chúng tôi đã có gắng biên soạn cuốn "**Tìm hiểu các trường Đại học qua các số liệu tuyển sinh**" nhằm cung cấp một cách hệ thống các thông tin cần thiết phục vụ

cho kỳ tuyển sinh năm 2007 - 2008 cũng như các thông tin về các trường Đại học, cùng một số lời khuyên rút ra từ thực tiễn giảng dạy, luyện thi trong nhiều năm để các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh tham khảo, cân nhắc lựa chọn trường thi, khối thi, khoa thi, ngành thi sao cho phù hợp với điều kiện bản thân, đạt được nguyện vọng cao nhất là trúng tuyển Đại học trong kỳ tuyển sinh sắp tới.

Nội dung cuốn sách gồm:

- Giới thiệu về các trường đại học.
- Một số lời khuyên khi đăng ký hồ sơ và dự thi đại học.
- Các bảng thống kê số liệu tuyển sinh qua nhiều năm.
- Bảng thống kê khối thi của các ngành.

Đây là số liệu được chúng tôi chọn lọc, tham khảo từ các báo, đài phát thanh, truyền hình, internet, phòng đào tạo của các trường Đại học, các tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

Với những nội dung được thể hiện trong cuốn sách, chúng tôi tin rằng các bạn sẽ tìm được ngành thi, trường thi phù hợp với khả năng của bản thân.

Tìm hiểu CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC **QUA CÁC SỐ LIỆU TUYỂN SINH**



PHẦN GIỚI THIỆU CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC PHÍA BẮC

Giá: 29.000đ